

Phụ lục 01:

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN DỰ KIẾN THỰC HIỆN TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT (2021-2025) TP HÀ NỘI

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục, danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
(1)	(2)	(3)	(4) = (5) + (6)	(5)	(6)	(7)	(8)
I	Công trình, dự án cấp quốc gia trên địa bàn thành phố						
A.1	Đất quốc phòng	CQP					
1	Xây dựng sở chỉ huy quân sự	CQP	1,50		1,50	Huyện Ba Vì	2021
2	Xây dựng trường bắn và thao trường huấn luyện tại thôn Nam Sơn xã Nam Phương Tiến	CQP	0,87		0,87	Huyện Chương Mỹ	2022
3	Mở rộng Sư đoàn 308 - Quân Đoàn I	CQP	2,00		2,00	Huyện Chương Mỹ	2022
4	Nhu cầu sử dụng đất quốc phòng	CQP	1,70		1,70	Huyện Chương Mỹ	2022
5	Điểm 6	CQP	2,16		2,16	Huyện Chương Mỹ	2021
6	Điểm 1 - quân chủng PK-KQ	CQP	2,58		2,58	Huyện Chương Mỹ	2021
7	Điểm 2 - quân chủng PK=KQ	CQP	0,08		0,08	Huyện Chương Mỹ	2021
8	Điểm 1 - Bộ tư lệnh bộ đội biên phòng	CQP	0,80		0,80	Huyện Chương Mỹ	2021
9	Điểm 2 - Bộ tư lệnh bộ đội biên phòng	CQP	1,00		1,00	Huyện Chương Mỹ	2021
10	Điểm 5 - Bộ tư lệnh đặc công	CQP	4,00		4,00	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
11	Điểm 7 - Bộ tư lệnh Công binh	CQP	5,00		5,00	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
12	Điểm 1 - Học viện chính trị	CQP	4,00		4,00	Huyện Chương Mỹ	2022
13	Điểm 6 - Bộ tư lệnh Thủ đô	CQP	1,70		1,70	Huyện Chương Mỹ	2021
14	Điểm 24 - Bộ tư lệnh Thủ đô	CQP	2,50		2,50	Huyện Chương Mỹ	2025
15	Kho J106/Cục xe máy	CQP	44,28		44,28	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
16	Bộ tư lệnh thủ đô Hà Nội điểm 1	CQP	2,05		2,05	Huyện Đông Anh	2025
17	Xây dựng doanh trại và thao trường huấn luyện trung đoàn BB692	CQP	48,00		48,00	Huyện Hoài Đức	2022
18	Xây dựng bến Hạ thủy phục vụ công tác tìm kiếm cứu nạn	CQP	6,00	6,00		Huyện Mê Linh	2022
19	Điểm 25	CQP	2,00		2,00	Huyện Mê Linh	2023
20	Xây dựng thao trường huấn luyện ban chỉ huy quân sự huyện Mỹ	CQP	1,25	1,25		Huyện Mỹ Đức	2022
21	Kho quân sự	CQP	10,00	10,00		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
22	Điểm 11	CQP	1,15	1,15		Huyện Mỹ Đức	2021-2025
23	Ban chỉ huy quân sự huyện Mỹ Đức (trụ sở cũ)	CQP	0,36	0,36		Huyện Mỹ Đức	2021-2025
24	Điểm 1	CQP	69,70	69,70		Huyện Mỹ Đức	2021-2025
25	Khu gia đình	CQP	0,67	0,67		Huyện Mỹ Đức	2021-2025
26	Khu phòng thủ dự phòng	CQP	74,68	74,68		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
27	Mở rộng trung tâm huấn luyện Miếu Môn	CQP	29,23	29,23		Huyện Mỹ Đức	2021
28	Khu phòng thủ dự phòng	CQP	32,00	32,00		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
29	Công trình quốc phòng bộ tư lệnh Thủ đô (Điểm 2)	CQP	3,50	3,50		Huyện Mỹ Đức	2022-2025

30	Xây dựng kho hậu cần BQP (thôn An Đà)	CQP	3,00	3,00		Huyện Mỹ Đức	2022
31	Xây dựng thao trường	CQP	9,00	9,00		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
32	Điểm 3, xây dựng công trình quốc phòng	CQP	3,00		3,00	Huyện Phú Xuyên	2025
33	Xây dựng trụ sở BCH quân sự Huyện	CQP	2,50		2,50	Huyện Phú Xuyên	2022
34	Điểm 1 - BC Tăng - Thiết Giáp	CQP	5,00		5,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
35	Bộ TL TĐ Hà Nội	CQP	5,00		5,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
36	SCHe218b/f361 (DB)	CQP	0,70		0,70	Huyện Quốc Oai	2021-2025
37	Xây dựng vị trí đóng quân của trường bắn Hòa Thạch/BTL Thủ đô Hà Nội (giải quyết chông lán) (điểm 1)	CQP	35,00		35,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
38	Điểm 26 (Xây dựng công trình phòng thủ điểm cao 51,8)	CQP	2,00		2,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
39	Điểm 27 (Xây dựng công trình phòng thủ điểm cao 81,5)	CQP	2,80		2,80	Huyện Quốc Oai	2021-2025
40	Xây dựng công trình phòng thủ thôn Vĩnh Phú xã Liệp Tuyết	CQP	25,20		25,20	Huyện Quốc Oai	2021-2025
41	d76/e257/f361 (DB)	CQP	0,50		0,50	Huyện Quốc Oai	2021-2025
42	Điểm 25 (Mở rộng trường bắn của LLVT huyện) (Điểm 45)	CQP	1,50		1,50	Huyện Quốc Oai	2021-2025
43	Mở rộng khuôn viên Ban chỉ huy quân sự Huyện	CQP	0,53	0,48	0,05	Huyện Quốc Oai	2021-2025
44	Nhà máy Z125	CQP	9,20		9,20	Huyện Sóc Sơn	2022
45	Mở rộng Doanh trại Trung đoàn 141	CQP	6,63		6,63	Huyện Sóc Sơn	2022
46	Dự án đầu tư X ây dựng mở rộng Nhà máy Z117	CQP	7,72	7,72		Huyện Sóc Sơn	2022
47	Dự án đầu tư công trình STN.O1	CQP	2,00	2,00		Huyện Sóc Sơn	2022
48	Dự án GPMB thành lập vành đai an toàn PCCC kho xăng dầu	CQP	7,40	7,40		Huyện Sóc Sơn	2022
49	Di chuyển Trung đoàn 165/Sư đoàn 3 12/Quân đoàn 1 (nơi chuyển đến)	CQP	101,60		101,60	Huyện Sóc Sơn	2022
50	Điểm 2	CQP	49,50	11,50	38,00	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
51	Điểm 6 (mở rộng kho)	CQP	0,10		0,10	Huyện Sóc Sơn	2024
52	Mở rộng Doanh trại	CQP	2,00		2,00	Huyện Sóc Sơn	2022
53	Đảm bảo đủ điều kiện về độ dốc, thông tin và bắn đạn nước mới, xa khu dân cư và thuận tiện giao thông	CQP	5,00		5,00	Huyện Sóc Sơn	2025
54	Đường vào TB Xuân Bảng	CQP	1,40		1,40	Huyện Sóc Sơn	2021
55	Điểm 30 (Trường bắn, Xây dựng CTPT)	CQP	10,00		10,00	Huyện Sóc Sơn	2022
56	Mở rộng vị trí đóng quân	CQP	10,10		10,10	Huyện Sóc Sơn	2021
57	Đầu tư xây dựng công trình phòng thủ số 01 huyện Sóc Sơn	CQP	7,60	7,60		Huyện Sóc Sơn	2022-2025
58	Kho quân trang, kho vật chất trang bị phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn (liền kề ban CHQS	CQP	0,05	0,05		Huyện Thạch Thất	2021-2025

59	Ban chỉ huy quân sự huyện	CQP	0,37	0,37		Huyện Thạch Thất	2021-2025
60	Điểm 14 - Bộ tư lệnh Thủ đô Hà Nội (Xây dựng trụ sở làm việc Ban CHQS huyện) (Điểm 21)	CQP	1,50		1,50	Huyện Thạch Thất	2023
61	Điểm 10 - BC Công Binh (Xây dựng công trình phòng thủ Khu vực núi Hàng Xanh)	CQP	4,00		4,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
62	DD64/f361 (DB)	CQP	1,00		1,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
63	Kho K5- Bộ tư lệnh Pháo binh	CQP	2,29		2,29	Huyện Thạch Thất	2021-2025
64	Xây dựng nhà ở cho lực lượng vũ trang (02 Dự án)	CQP	24,00	11,00	13,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
65	Trung tâm 72	CQP	3,50		3,50	Huyện Thạch Thất	2021-2025
66	Tiểu đoàn 93	CQP	0,08		0,08	Huyện Thạch Thất	2021-2025
67	Điểm 1 (Điểm 3) - Tổng cục CNQP	CQP	2,00		2,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
68	Điểm 2 - Tổng cục CNQP	CQP	12,50		12,50	Huyện Thạch Thất	2021-2025
69	Căn cứ chiến đấu hậu phương 1	CQP	7,00		7,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
70	Xây dựng quy hoạch thể trận quân sự KVPT huyện Thạch Thất (Điểm 3)	CQP	80,00		80,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
71	Xây dựng trường bắn, thao trường huấn luyện (khu vực núi Voi)	CQP	10,00	10,00		Huyện Thạch Thất	2021-2025
72	Trung tâm huấn luyện dã ngoại d26/ĐTM	CQP	0,34		0,34	Huyện Thạch Thất	2021-2025
73	Trung tâm huấn luyện chuyên	CQP	0,86		0,86	Huyện Thạch Thất	2021-2025
74	Trường bắn, thao trường	CQP	10,00	10,00		Huyện Thạch Thất	2021-2025
75	Thao trường huấn luyện diễn tập lực lượng vũ trang huyện Thanh Oai (điểm 43)	CQP	7,00		7,00	Huyện Thanh Oai	2021-2022
76	Quy hoạch Mở rộng sở chỉ huy, cơ quan bộ tư lệnh	CQP	0,80		0,80	Huyện Thanh Trì	2021-2025
77	Điểm 2	CQP	5,00		5,00	Huyện Thanh Trì	2024
78	Nhà làm việc Cơ quan Bộ Tư lệnh đặc công	CQP	0,88		0,88	Huyện Thanh Trì	2022
79	Đất hoán đổi	CQP	0,10		0,10	Huyện Thanh Trì	2022
80	c23/e218/f361 (DB)	CQP	2,00		2,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
81	d78/e257/f361 (DB)	CQP	4,50		4,50	Huyện Thường Tín	2022-2025
82	Tổng cục chính trị (Điểm 1) (Nhà máy in quân đội)	CQP	5,00		5,00	Huyện Thường Tín	2022
83	Thao trường huấn luyện quân sự	CQP	19,20		19,20	Huyện Thường Tín	2022-2025
84	Thao trường huấn luyện	CQP	8,00		8,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
85	Nhà máy In Quân Đội	CQP	5,00	5,00		Huyện Thường Tín	2021
86	d64/e236/f361 (DB)	CQP	5,00		5,00	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
87	Bộ tư lệnh ưu do Hà Nội (Điểm 5)	CQP	2,00		2,00	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
88	Trụ sở BCHQS quận Ba Đình	CQP	0,08	0,08		Quận Ba Đình	2021-2025
89	Trạm 354/CHC (77 Lê Hồng Phong)	CQP	0,35	0,35		Quận Ba Đình	2021-2025
90	Nhà khách BQP (tổ 6) 5IB Phan	CQP	3,10	3,10		Quận Ba Đình	2021-2025
91	Xây dựng vị trí đóng quân phục vụ GPMB đường Phạm Văn Đồng	CQP	0,50		0,50	Quận Bắc Từ Liêm	2021-2025
92	27 Điểm đất quốc phòng	CQP	59,90		59,90	Quận Hà Đông	2021-2025

93	Điểm 15	CQP	0,03		0,03	Quận Long Biên	2023
94	Mở rộng sở chỉ huy Tổng cục II (G. đoạn 2)	CQP	1,18	0,73	0,45	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
95	Xây dựng doanh trại Bộ tư lệnh bảo vệ lăng chủ tịch Hồ Chí Minh (Điểm 1)	CQP	0,74		0,74	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
96	Dự án Xây dựng Bộ tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam	CQP	7,43	7,43		Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
97	Cục Hầm Cẩn	CQP	0,11		0,11	Quận Tây Hồ	2021-2025
98	Điểm 9	CQP	0,01		0,01	Quận Tây Hồ	2021-2025
99	Cụm 2e218b/f361 (DB)	CQP	1,50		1,50	Quận Tây Hồ	2021-2025
100	cụm 2e218b/f361 (CT)	CQP	1,50		1,50	Quận Tây Hồ	2021-2025
101	Hỗ trợ GPMB khu đất xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân sự huyện, khu căn cứ chiến đấu trong khu vực phòng thủ	CQP	2,00		2,00	Huyện Đan Phượng	2024-2025
102	Khu nghiên cứu khoa học, huấn luyện đào tạo của Học viện Kỹ thuật Quân sự tại xã Kim Nỗ và xã Kim Chung	CQP	2,86		2,86	Huyện Đông Anh	2021
103	D64/e236/f361 (DB)	CQP	0,50		0,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
104	SCHd172/f361 (DB)	CQP	0,50		0,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
105	Cụm 1e218b/f361 (CT)	CQP	1,50		1,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
106	Ban chỉ huy quân sự huyện Gia Lâm	CQP	1,01	1,01		Huyện Gia Lâm	2022
107	Di dời trận địa pháo và chốt quân vận để GPMB xây dựng đường Phan Đăng Lưu - Yên Thường	CQP	4,00		4,00	Huyện Gia Lâm	2023-2025
108	Xây mới Ban Chỉ huy quân sự và chỉnh trang khuôn viên UBND xã An Thượng	CQP	0,04		0,04	Huyện Hoài Đức	2022
109	Xây dựng doanh trại và thao trường huấn luyện trung đoàn BB692	CQP	48,00		48,00	Huyện Hoài Đức	2022
110	Danh trại ban chỉ huy quân sự huyện Phúc Thọ	CQP	1,50		1,50	Huyện Phúc Thọ	2023-2024
111	Công trình chiến đấu, phòng thủ huyện Phúc Thọ	CQP	4,50		4,50	Huyện Phúc Thọ	2023-2024
112	Trụ sở làm việc Ban CHQS huyện Thanh Trì	CQP	1,50		1,50	Huyện Thanh Trì	2022
113	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự huyện Ứng Hòa	CQP	2,00	2,00		Huyện Ứng Hòa	2022
114	Thao trường, bãi tập cho LLVT Huyện	CQP	3,00		3,00	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
115	Xây dựng vị trí đóng quân phục vụ GPMB đường Phạm Văn Đồng	CQP	0,50		0,50	Quận Bắc Từ Liêm	2022
116	Trụ sở Viện Khoa học và công nghệ Quân sự - Bộ Quốc Phòng	CQP	0,50		0,50	Quận Cầu Giấy	2021
117	Dự án Xây dựng công, tường rào bảo vệ và hạ tầng của Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga (Bộ quốc phòng)	CQP	0,01		0,01	Quận Cầu Giấy	2021
118	Đất quốc phòng (Điểm 4)	CQP	0,05		0,05	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025

119	Trung tâm thể thao quân đội - khu liên hợp thể thao quốc gia (Điểm 2)	CQP	20,00	10,00	10,00	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
120	Nhà khách A (BQP) và dự án tại 264 Thụy Khuê	CQP	0,54		0,54	Quận Tây Hồ	2021-2025
121	Nhà ở TĐC GPMB Sở chỉ huy CQ BQP	CQP	0,69		0,69	Quận Tây Hồ	2021-2025
A.2	Đất an ninh	CAN					
1	Xây dựng trụ sở làm việc công an thị trấn Tây Đằng	CAN	0,25		0,25	Huyện Ba Vì	2021
2	Đội Cảnh sát PCCC và CNCH công an huyện Ba Vì	CAN	1,00		1,00	Huyện Ba Vì	2026-2030
3	Trạm CSGT Cửa ô QL32	CAN	0,50		0,50	Huyện Ba Vì	2026-2030
4	CSCĐ Ba Vì	CAN	0,28		0,28	Huyện Ba Vì	2026-2030
5	Trụ sở công an các xã huyện Ba Vì	CAN	3,00		3,00	Huyện Ba Vì	2026-2030
6	Xây dựng Kho vật chứng phía	CAN	2,80		2,80	Huyện Chương Mỹ	2022
7	Đồn Công An số 14	CAN	0,35		0,35	Huyện Chương Mỹ	2022
8	Mở rộng Trường Trung cấp Cảnh sát vũ trang tại Khu Núi Rùa, thôn Xuân Thủy, xã Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ	CAN	2,00		2,00	Huyện Chương Mỹ	2022
9	Đồn công an 36, khu Công nghiệp Phú Nghĩa	CAN	0,20		0,20	Huyện Chương Mỹ	2022
10	Nhu cầu sử dụng đất an ninh các xã, thị trấn	CAN	14,47		14,47	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
11	Xây dựng trụ sở làm việc Công an Thủy Xuân Tiên	CAN	0,10		0,10	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
12	Đất xây dựng trụ sở công an	CAN	2,99	2,99		Huyện Mỹ Đức	2021-2022
13	Xây dựng trụ sở công an các xã: Phúc Lâm 0,10 ha; Hợp Tiến 0,20 ha; Hương Sơn 0,10 ha; An Phú 0,10 ha	CAN	0,50	0,50		Huyện Mỹ Đức	2022
14	Kho lưu giữ tang vật CA huyện Mỹ Đức	CAN	0,50	0,50		Huyện Mỹ Đức	2022
15	Xây dựng trụ sở công an các xã: An Mỹ 0,2ha; Xuy Xá 0,18ha; Mỹ Thành 0,1ha; Hồng Sơn 0,1ha;	CAN	0,58	0,58		Huyện Mỹ Đức	2022
16	Xây dựng trụ sở công an các xã Hợp Thanh 0,17 ha; Bột Xuyên 0,10 ha; Lê Thanh 0,11 ha	CAN	0,38	0,38		Huyện Mỹ Đức	2022
17	Xây dựng trụ sở công an các xã, thị trấn: Thị trấn Đại Nghĩa 0,20 ha; Đồng Tâm: 0,20 ha; An Tiến : 0,10 ha ; Vạn Kim: 0,15 ha; Đốc Tín: 0,10 ha	CAN	0,75	0,75		Huyện Mỹ Đức	2022
18	Xây dựng trụ sở công an xã Phù Lưu Tế	CAN	0,11	0,11		Huyện Mỹ Đức	2022
19	Trụ sở công an xã Đông Yên	CAN	0,17		0,17	Huyện Quốc Oai	2021-2025
20	XD trụ sở công an xã Đông Xuân	CAN	0,10		0,10	Huyện Quốc Oai	2021-2025
21	Trụ sở công an xã Hòa Thạch	CAN	0,12		0,12	Huyện Quốc Oai	2021-2025
22	Trụ sở nhà làm việc công an xã Cấn Hữu	CAN	0,15		0,15	Huyện Quốc Oai	2021-2025

23	Trụ sở nhà làm việc công an xã Nghĩa Hương	CAN	0,12		0,12	Huyện Quốc Oai	2021-2025
24	Trụ sở công an xã Tuyết Nghĩa	CAN	0,07		0,07	Huyện Quốc Oai	2021-2025
25	Trụ sở công an xã Cộng Hòa	CAN	0,22		0,22	Huyện Quốc Oai	2021-2025
26	Trụ sở nhà làm việc công an xã Tân Phú	CAN	0,08		0,08	Huyện Quốc Oai	2021-2025
27	Trụ sở làm việc công an xã Tân Hòa	CAN	0,20		0,20	Huyện Quốc Oai	2021-2025
28	Xây dựng trụ sở công an xã Đại Thành	CAN	0,11		0,11	Huyện Quốc Oai	2021-2025
29	Xây dựng trụ sở công an xã Đồng Quang	CAN	0,10		0,10	Huyện Quốc Oai	2021-2025
30	Xây mới trụ sở công an xã Liệp Tuyết	CAN	0,15		0,15	Huyện Quốc Oai	2021-2025
31	Xây mới trụ sở công an xã Ngọc Liệp	CAN	0,13		0,13	Huyện Quốc Oai	2021-2025
32	Xây dựng trụ sở công an xã Ngọc Mỹ	CAN	0,10		0,10	Huyện Quốc Oai	2021-2025
33	Xây mới trụ sở công an xã Thạch Thán	CAN	0,10		0,10	Huyện Quốc Oai	2021-2025
34	Xây mới trụ sở công an xã Yên Sơn	CAN	0,13		0,13	Huyện Quốc Oai	2021-2025
35	Xây mới trụ sở công an xã Phụng Cách	CAN	0,23		0,23	Huyện Quốc Oai	2021-2025
36	Xây mới trụ sở công an xã Sài	CAN	0,10		0,10	Huyện Quốc Oai	2021-2025
37	Trụ sở nhà làm việc công an xã Phú Cát	CAN	0,15		0,15	Huyện Quốc Oai	2021-2025
38	Trụ sở công an xã Phú Mãn	CAN	0,15		0,15	Huyện Quốc Oai	2021-2025
39	Mở rộng khuôn viên công an Huyện	CAN	1,30	0,76	0,54	Huyện Quốc Oai	2021-2025
40	Trụ sở đội cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ	CAN	0,54		0,54	Huyện Quốc Oai	2021-2025
41	Trụ sở làm việc công an Thành phố	CAN	0,34		0,34	Huyện Quốc Oai	2021-2025
42	XD MR và nâng cấp Trường Cao đẳng An ninh nhân dân I	CAN	7,73	7,73		Huyện Sóc Sơn	2022
43	Dự án đầu tư Xây dựng Đồn Công an KCN Nội Bài	CAN	0,40	0,40		Huyện Sóc Sơn	2022
44	Đại đội CSCĐ Thạch Thất	CAN	0,50		0,50	Huyện Thạch Thất	2021-2025
45	Kho tang vật	CAN	0,04		0,04	Huyện Thạch Thất	2021-2025
46	Xây dựng trụ sở công an, quân sự xã Đại Đồng	CAN	0,10		0,10	Huyện Thạch Thất	2022
47	Xây dựng trụ sở công an xã Cẩm Yên	CAN	0,10		0,10	Huyện Thạch Thất	2023-2025
48	Xây dựng trụ sở công an xã Đồng Trúc	CAN	0,20		0,20	Huyện Thạch Thất	2022
49	Xây dựng trụ sở công an xã Lại Thượng	CAN	0,05		0,05	Huyện Thạch Thất	2023-2025
50	Xây dựng trụ sở công an xã Kim Quan	CAN	0,20		0,20	Huyện Thạch Thất	2023-2025
51	Xây dựng trụ sở công an xã Hương Ngải	CAN	0,10		0,10	Huyện Thạch Thất	2022

52	Xây dựng trụ sở công an xã Canh Nậu	CAN	0,10		0,10	Huyện Thạch Thất	2021-2025
53	Trụ sở công an, quân sự xã Dị	CAN	0,10		0,10	Huyện Thạch Thất	2021-2025
54	Đầu tư công trình TB/09 - Bộ Công an	CAN	65,23	20,00	45,23	Huyện Thạch Thất	2021-2022
55	Xây dựng trụ sở công an xã Thạch Xá	CAN	0,05		0,05	Huyện Thạch Thất	2023-2025
56	Xây dựng trụ sở công an xã Chàng Sơn	CAN	0,10		0,10	Huyện Thạch Thất	2023-2025
57	Xây dựng trụ sở công an xã Bình Phú	CAN	0,10		0,10	Huyện Thạch Thất	2023-2025
58	Xây dựng trụ sở công an xã Hữu Bằng	CAN	0,20		0,20	Huyện Thạch Thất	2023-2025
59	Đồn công an Quang Trung	CAN	0,20		0,20	Huyện Thạch Thất	2022
60	Xây dựng Trụ sở công an, quân sự xã Phùng Xá	CAN	0,06		0,06	Huyện Thạch Thất	2022
61	Xây dựng trụ sở công an xã Cần Kiệm	CAN	0,10		0,10	Huyện Thạch Thất	2022
62	Trường CCCA (Bình Yên)	CAN	5,00	5,00		Huyện Thạch Thất	2021-2025
63	Học viện chính trị công an nhân dân	CAN	10,00		10,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
64	Trường Cao đẳng cảnh sát nhân dân TW 1	CAN	15,00		15,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
65	Xây dựng kho trung tâm dự trữ, cấp phát tổng hợp và cơ sở hạ tầng lực lượng vận tải (Cục kho vận)	CAN	3,00	3,00		Huyện Thạch Thất	2021-2025
66	Xây dựng Trụ sở công an xã Bình Yên	CAN	0,05		0,05	Huyện Thạch Thất	2021-2025
67	Xây dựng trụ sở công an xã Tân Xã	CAN	0,10		0,10	Huyện Thạch Thất	2023-2025
68	Xây dựng trụ sở công an xã Hạ Bằng	CAN	0,05		0,05	Huyện Thạch Thất	2022
69	Đồn công an Khu công nghệ cao Hòa Lạc	CAN	0,15	0,15		Huyện Thạch Thất	2022
70	Đội CSGT số 11	CAN	0,30	0,30		Huyện Thạch Thất	2021-2025
71	Xây dựng trụ sở công an xã Thạch Hòa	CAN	0,10		0,10	Huyện Thạch Thất	2021-2025
72	Xây dựng trụ sở công an xã Tiến Xuân	CAN	0,10		0,10	Huyện Thạch Thất	2023-2025
73	Xây dựng trụ sở công an xã Yên Bình	CAN	0,22		0,22	Huyện Thạch Thất	2023-2025
74	Xây dựng trụ sở công an xã Yên Trung	CAN	0,20		0,20	Huyện Thạch Thất	2023-2025
75	Xây dựng trụ sở công an, quân sự xã Phú Kim	CAN	0,10		0,10	Huyện Thạch Thất	2021-2025
76	Nơi đóng quân cho Trung đoàn 312-Bộ Tư lệnh Cảnh vệ	CAN	1,00		1,00	Quận Ba Đình	2021-2025
77	Dự án xây dựng trụ sở Công an phường Đội Cấn	CAN	0,02	0,01	0,01	Quận Ba Đình	2021-2025
78	Mở rộng trụ sở Công an quận Ba Đình	CAN	0,06		0,06	Quận Ba Đình	2021-2025

79	Xây dựng trụ sở Công an phường Vĩnh Phúc	CAN	0,07		0,07	Quận Ba Đình	2021-2025
80	Dự án xây dựng trụ sở Công an phường Điện Biên	CAN	0,05		0,05	Quận Ba Đình	2021-2025
81	Xây dựng cơ sở làm việc công an huyện Đan Phượng	CAN	0,20		0,20	Huyện Đan Phượng	2023-2024
82	Hỗ trợ, xây dựng trụ sở công an các xã, thị trấn	CAN	1,94		1,94	Huyện Đan Phượng	2023-2024
83	Xây dựng trụ sở công an xã Bắc Hồng	CAN	0,13		0,13	Huyện Đông Anh	2021-2025
84	Xây dựng trụ sở công an xã Cổ Loa	CAN	0,13		0,13	Huyện Đông Anh	2021-2025
85	Xây dựng trụ sở công an xã Đại Mạch	CAN	0,13		0,13	Huyện Đông Anh	2021-2025
86	Xây dựng trụ sở công an xã Dục Tú	CAN	0,16		0,16	Huyện Đông Anh	2021-2025
87	Xây dựng trụ sở công an xã Hải Bối	CAN	0,65		0,65	Huyện Đông Anh	2021-2025
88	Xây dựng trụ sở công an xã Nguyên Khê	CAN	0,10		0,10	Huyện Đông Anh	2021-2025
89	Xây dựng trụ sở công an xã Thụy Lâm	CAN	0,13		0,13	Huyện Đông Anh	2021-2025
90	Xây dựng trụ sở công an xã Vân Nội	CAN	0,11		0,11	Huyện Đông Anh	2021-2025
91	Xây dựng trụ sở công an xã Xuân Canh	CAN	0,19		0,19	Huyện Đông Anh	2021-2025
92	Đội CAPTX về ANTT	CAN	0,15		0,15	Huyện Đông Anh	2021-2025
93	Trụ sở các đội cảnh sát PCCC (Đông Anh 3, KCN, Đông Anh 2, Đông Anh)	CAN	2,72		2,72	Huyện Đông Anh	2021-2025
94	Các đồn CA khu vực (Nam Đông Anh, Kim Chung, Bắc Thăng Long, Nam Hồng)	CAN	1,18		1,18	Huyện Đông Anh	2021-2025
95	Trụ sở Đội tuần tra dẫn đoàn - Phòng cảnh sát giao thông	CAN	0,50		0,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
96	Trụ sở Tiểu đoàn 4 - Trung đoàn cảnh sát cơ động	CAN	0,99		0,99	Huyện Đông Anh	2021-2025
97	Trụ sở Đội chữa cháy và cứu nạn cứu hộ số 3- Phòng cảnh sát PCCC&CNCH	CAN	0,20		0,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
98	Trạm CSGT Cửa ô QL3	CAN	0,50		0,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
99	Xây dựng trụ sở công an chính quy xã Cổ Bi	CAN	0,10		0,10	Huyện Gia Lâm	2023-2024
100	Xây dựng trụ sở công an chính quy xã Dương Quang, huyện Gia Lâm	CAN	0,19		0,19	Huyện Gia Lâm	2023-2024
101	Xây dựng trụ sở công an chính quy xã Lệ Chi, huyện Gia Lâm	CAN	0,20		0,20	Huyện Gia Lâm	2023-2024
102	Xây dựng trụ sở công an chính quy xã Đông Dư, huyện Gia Lâm	CAN	0,10		0,10	Huyện Gia Lâm	2023-2024
103	Xây dựng trụ sở công an chính quy xã Bát Tràng, huyện Gia Lâm	CAN	0,10		0,10	Huyện Gia Lâm	2023-2024

104	Xây dựng trụ sở công an chính quy xã Văn Đức, huyện Gia Lâm	CAN	0,10		0,10	Huyện Gia Lâm	2023-2024
105	Xây dựng trụ sở công an chính quy xã Kiều Kỵ, huyện Gia Lâm	CAN	0,30		0,30	Huyện Gia Lâm	2023-2024
106	Xây dựng trụ sở công an chính quy xã Yên Viên, huyện Gia Lâm	CAN	0,12		0,12	Huyện Gia Lâm	2023-2024
107	Xây dựng trụ sở công an chính quy xã Dương Hà, huyện Gia	CAN	0,10		0,10	Huyện Gia Lâm	2023-2024
108	Xây dựng trụ sở công an chính quy xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm	CAN	0,10		0,10	Huyện Gia Lâm	2023-2024
109	Xây dựng trụ sở công an chính quy xã Phù Đồng, huyện Gia Lâm	CAN	0,10		0,10	Huyện Gia Lâm	2023-2024
110	Xây dựng trụ sở công an chính quy xã Yên Thường, huyện Gia Lâm	CAN	0,10		0,10	Huyện Gia Lâm	2023-2024
111	Xây dựng trụ sở công an chính quy xã Trung Mầu, huyện Gia Lâm	CAN	0,10		0,10	Huyện Gia Lâm	2023-2024
112	Xây dựng trụ sở công an chính quy xã Dương Xá, huyện Gia	CAN	0,10		0,10	Huyện Gia Lâm	2023-2024
113	Xây dựng trụ sở công an chính quy xã Đặng Xá, huyện Gia Lâm	CAN	0,10		0,10	Huyện Gia Lâm	2023-2024
114	Xây dựng trụ sở công an chính quy xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm	CAN	0,10		0,10	Huyện Gia Lâm	2023-2024
115	Xây dựng trụ sở công an chính quy xã Kim Lan, huyện Gia Lâm	CAN	0,06		0,06	Huyện Gia Lâm	2023-2024
116	Trụ sở công an xã La Phù	CAN	0,10		0,10	Huyện Hoài Đức	2022
117	Trụ sở công an xã Kim Chung	CAN	0,10		0,10	Huyện Hoài Đức	2022
118	Trụ sở công an xã Minh Khai	CAN	0,10		0,10	Huyện Hoài Đức	2022
119	Trụ sở công an xã Cát Quế	CAN	0,16		0,16	Huyện Hoài Đức	2022
120	Trụ sở công an xã Đức Giang	CAN	0,10		0,10	Huyện Hoài Đức	2022
121	Trụ sở công an xã Đức Thượng	CAN	0,12		0,12	Huyện Hoài Đức	2022
122	Trụ sở công an xã Đắc Sở	CAN	0,16		0,16	Huyện Hoài Đức	2022
123	Trụ sở công an xã An Thượng	CAN	0,10		0,10	Huyện Hoài Đức	2022
124	Trụ sở công an xã Song Phương	CAN	0,08		0,08	Huyện Hoài Đức	2022
125	Công an xã Vân Côn	CAN	0,06		0,06	Huyện Hoài Đức	2022
126	Trụ sở công an xã Thạch Đà	CAN	0,12	0,12		Huyện Mê Linh	2022
127	Đồn Công an thị trấn Chi Đông	CAN	0,20	0,20		Huyện Mê Linh	2022
128	Trụ sở Công an thành phố Hà Nội (KCN Quang Minh)	CAN	0,20	0,20		Huyện Mê Linh	2022
129	Đồn Công an thị trấn Quang Minh	CAN	0,20	0,20		Huyện Mê Linh	2022
130	Trụ sở công an xã Văn Khê	CAN	0,15		0,15	Huyện Mê Linh	2022
131	Trụ sở công an xã Tam Đồng	CAN	0,10		0,10	Huyện Mê Linh	2022
132	Trụ sở công an xã Tráng Việt	CAN	0,10	0,10		Huyện Mê Linh	2022
133	Trụ sở công an xã Tiên Thắng	CAN	0,10	0,10		Huyện Mê Linh	2022
134	Trụ sở công an xã Tiên Thịnh	CAN	0,10	0,10		Huyện Mê Linh	2022
135	Xây dựng trụ sở làm việc CAX Mê Linh	CAN	0,20		0,20	Huyện Mê Linh	2021-2025
136	Xây dựng trụ sở làm việc CAX Chu Phan	CAN	0,20		0,20	Huyện Mê Linh	2021-2025
137	Xây dựng trụ sở làm việc CAX Thanh Lâm	CAN	0,20		0,20	Huyện Mê Linh	2021-2025

138	Xây dựng trụ sở làm việc CAX Đại Thịnh	CAN	0,20		0,20	Huyện Mê Linh	2021-2025
139	Xây dựng trụ sở làm việc CAX Hoàng Kim	CAN	0,13		0,13	Huyện Mê Linh	2021-2025
140	Xây dựng trụ sở làm việc CAX Vạn Yên	CAN	0,20		0,20	Huyện Mê Linh	2021-2025
141	Xây dựng trụ sở làm việc CAX Tự Lập	CAN	0,20		0,20	Huyện Mê Linh	2021-2025
142	Xây dựng trụ sở làm việc CAX Liên Mạc	CAN	0,20		0,20	Huyện Mê Linh	2021-2025
143	Xây dựng trụ sở làm việc CAX Kim Hoa	CAN	0,20		0,20	Huyện Mê Linh	2021-2025
144	Xây dựng trụ sở làm việc công an huyện Phú Xuyên	CAN	0,80	0,80		Huyện Phú Xuyên	2021-2025
145	Xây dựng trụ sở làm việc CAX Pượng Dục	CAN	0,20	0,20		Huyện Phú Xuyên	2021-2025
146	Xây dựng trụ sở làm việc CAX Đại Xuyên	CAN	0,20	0,20		Huyện Phú Xuyên	2021-2025
147	QH trụ sở công an xã Bạch Hạ	CAN	0,25		0,25	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
148	QH trụ sở công an xã Châu Can	CAN	0,50		0,50	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
149	QH trụ sở công an xã Chuyên Mỹ	CAN	0,19		0,19	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
150	QH trụ sở công an xã Đại Thắng	CAN	0,25		0,25	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
151	QH trụ sở công an xã Hoàng Long	CAN	0,25		0,25	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
152	QH trụ sở công an xã Hồng Minh	CAN	0,25		0,25	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
153	QH trụ sở công an xã Hồng Thái	CAN	0,25		0,25	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
154	QH trụ sở công an xã Khai Thái	CAN	0,25		0,25	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
155	QH trụ sở công an xã Minh Tân	CAN	0,25		0,25	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
156	QH trụ sở công an xã Nam Phong	CAN	0,25		0,25	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
157	QH trụ sở công an xã Nam Triều	CAN	0,25		0,25	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
158	QH trụ sở công an xã Phú Túc	CAN	0,30		0,30	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
159	QH trụ sở công an xã Phú Yên	CAN	0,25		0,25	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
160	QH trụ sở công an xã Phúc Tiến	CAN	0,25		0,25	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
161	QH trụ sở công an xã Quang Lãng	CAN	0,25		0,25	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
162	QH trụ sở công an xã Quang Trung	CAN	0,25		0,25	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
163	QH trụ sở công an xã Sơn Hà	CAN	0,25		0,25	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
164	QH trụ sở công an xã Tân Dân	CAN	0,25		0,25	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
165	QH trụ sở công an xã Tri Thủy	CAN	0,25		0,25	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
166	QH trụ sở công an xã Tri Trung	CAN	0,25		0,25	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
167	QH trụ sở công an thị trấn Phú Minh	CAN	0,10		0,10	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
168	QH trụ sở công an thị trấn Phú Xuyên	CAN	0,10		0,10	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
169	QH trụ sở công an xã Vân Từ	CAN	0,25		0,25	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
170	QH trụ sở công an xã Văn Hoàng	CAN	0,25		0,25	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
171	Đội PCCC công an huyện Phúc Thọ	CAN	0,80		0,80	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
172	Xây dựng cơ sở làm việc Công an thị trấn Phúc Thọ	CAN	0,25		0,25	Huyện Phúc Thọ	2023-2024
173	Trụ sở công an xã Vân Hà	CAN	0,10		0,10	Huyện Phúc Thọ	2023-2024
174	Xây dựng cơ sở làm việc Công an xã Hát Môn	CAN	0,10		0,10	Huyện Phúc Thọ	2023-2024

175	Xây dựng trụ sở công an thị trấn Phúc Thọ	CAN	0,50		0,50	Huyện Phúc Thọ	2023-2024
176	Xây dựng cơ sở làm việc Công an xã Hiệp Thuận	CAN	0,10		0,10	Huyện Phúc Thọ	2023-2024
177	Xây dựng cơ sở làm việc Công an xã Liên Hiệp	CAN	0,10		0,10	Huyện Phúc Thọ	2023-2024
178	Xây dựng cơ sở làm việc Công an xã Phụng Thượng	CAN	0,15		0,15	Huyện Phúc Thọ	2023-2024
179	Xây dựng cơ sở làm việc Công an xã Tam Thuận	CAN	0,10		0,10	Huyện Phúc Thọ	2023-2024
180	Xây dựng cơ sở làm việc Công an xã Trạch Mỹ Lộc	CAN	0,10		0,10	Huyện Phúc Thọ	2023-2024
181	Xây dựng cơ sở làm việc Công an xã Vân Phúc	CAN	0,10		0,10	Huyện Phúc Thọ	2023-2024
182	Xây dựng cơ sở làm việc Công an xã Vồng Xuyên	CAN	0,15		0,15	Huyện Phúc Thọ	2023-2024
183	Xây dựng cơ sở làm việc Công an xã Long Xuyên	CAN	0,15		0,15	Huyện Phúc Thọ	2023-2024
184	Xây dựng cơ sở làm việc Công an xã Ngọc Tảo	CAN	0,15		0,15	Huyện Phúc Thọ	2023-2024
185	Xây dựng cơ sở làm việc Công an xã Phúc Hòa	CAN	0,10		0,10	Huyện Phúc Thọ	2023-2024
186	Xây dựng cơ sở làm việc Công an xã Sen Phương	CAN	0,10		0,10	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
187	Xây dựng cơ sở làm việc Công an xã Tam Hiệp	CAN	0,10		0,10	Huyện Phúc Thọ	2023-2024
188	Xây dựng cơ sở làm việc Công an xã Thanh Đa	CAN	0,10		0,10	Huyện Phúc Thọ	2023-2024
189	Xây dựng cơ sở làm việc Công an xã Thọ Lộc	CAN	0,14		0,14	Huyện Phúc Thọ	2023-2024
190	Xây dựng cơ sở làm việc Công an xã Thượng Cốc	CAN	0,10		0,10	Huyện Phúc Thọ	2023-2024
191	Xây dựng cơ sở làm việc Công an xã Tích Giang	CAN	0,10		0,10	Huyện Phúc Thọ	2023-2024
192	Xây dựng cơ sở làm việc Công an xã Vân Nam	CAN	0,10		0,10	Huyện Phúc Thọ	2023-2024
193	Xây dựng cơ sở làm việc Công an xã Xuân Đình	CAN	0,35		0,35	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
194	Xây dựng trụ sở công an xã Bắc Sơn	CAN	0,17	0,17		Huyện Sóc Sơn	2022
195	Xây dựng trụ sở công an xã Hiền Ninh	CAN	0,15	0,15		Huyện Sóc Sơn	2022
196	Xây dựng trụ sở công an xã Mai Đình	CAN	0,20	0,20		Huyện Sóc Sơn	2022
197	Xây dựng trụ sở công an xã Phù Linh	CAN	0,20	0,20		Huyện Sóc Sơn	2022
198	Xây dựng trụ sở công an xã Quang Tiến	CAN	0,12	0,12		Huyện Sóc Sơn	2022
199	Xây dựng trụ sở công an xã Tân Hưng	CAN	0,18	0,18		Huyện Sóc Sơn	2022
200	Xây dựng trụ sở công an xã Minh Phú	CAN	0,20	0,20		Huyện Sóc Sơn	2022

201	Xây dựng trụ sở công an xã Minh Trí	CAN	0,20	0,20		Huyện Sóc Sơn	2022
202	Xây dựng trụ sở công an xã Bắc Phú	CAN	0,20	0,20		Huyện Sóc Sơn	2021-2025
203	Xây dựng trụ sở công an xã Nam Sơn	CAN	0,20	0,20		Huyện Sóc Sơn	2021-2025
204	Xây dựng trụ sở công an xã Phú Minh	CAN	0,20	0,20		Huyện Sóc Sơn	2021-2025
205	Xây dựng trụ sở công an xã Tiên Dược	CAN	0,20	0,20		Huyện Sóc Sơn	2021-2025
206	Trụ sở Cảnh sát phòng cháy chữa cháy huyện Thanh Oai	CAN	0,47		0,47	Huyện Thanh Oai	2024
207	Mở rộng trụ sở làm việc công an huyện	CAN	1,99		1,99	Huyện Thanh Oai	2022
208	Trụ sở Tiểu đoàn 3 - Trung đoàn cảnh sát cơ động	CAN	0,20		0,20	Huyện Thanh Oai	2024
209	Xây dựng trụ sở làm việc công an các xã, thị trấn	CAN	3,42	0,13	3,29	Huyện Thanh Oai	2024
210	Trụ sở công an xã Yên Mỹ	CAN	0,15		0,15	Huyện Thanh Trì	2021-2025
211	Trụ sở công an xã Vĩnh Quỳnh	CAN	0,15		0,15	Huyện Thanh Trì	2021-2025
212	Trụ sở công an xã Tân Triều	CAN	0,10		0,10	Huyện Thanh Trì	2021-2025
213	Trụ sở công an xã Tứ Hiệp	CAN	0,10		0,10	Huyện Thanh Trì	2021-2025
214	Trụ sở công an xã Hữu Hoà	CAN	0,15		0,15	Huyện Thanh Trì	2021-2025
215	Trụ sở công an xã Tam Hiệp	CAN	0,15		0,15	Huyện Thanh Trì	2021-2025
216	Trụ sở công an xã Duyên Hà	CAN	0,10		0,10	Huyện Thanh Trì	2021-2025
217	Trụ sở công an xã Ngũ Hiệp	CAN	0,15		0,15	Huyện Thanh Trì	2021-2025
218	Trụ sở công an xã Vạn Phúc	CAN	0,15		0,15	Huyện Thanh Trì	2021-2025
219	Trụ sở công an xã Đại Áng	CAN	0,15		0,15	Huyện Thanh Trì	2021-2025
220	Trụ sở công an xã Thanh Liệt	CAN	0,10		0,10	Huyện Thanh Trì	2021-2025
221	Trụ sở công an xã Ngọc Hồi	CAN	0,15		0,15	Huyện Thanh Trì	2021-2025
222	Mở rộng trung tâm huấn luyện nghiệp vụ bộ công an	CAN	7,21	2,21	5,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
223	Nhà để xe, tang vật vi phạm của công an huyện	CAN	0,50		0,50	Huyện Thường Tín	2022-2025
224	Phòng cảnh sát PCCC số 12 (Phòng Thường Tín)	CAN	0,53	0,53		Huyện Thường Tín	2022-2025
225	Trụ sở công an các xã	CAN	4,05		4,05	Huyện Thường Tín	2022-2025
226	Trụ sở công an Thị trấn Thường Tín	CAN	0,20		0,20	Huyện Thường Tín	2022-2025
227	Trụ sở công an TT Thường Tín	CAN	0,20	0,20		Huyện Thường Tín	2021
228	Kho vật chứng, bãi để xe vi phạm của công an huyện tại khu đất CQ.04 tại khu K2	CAN	0,44		0,44	Huyện Thường Tín	2021
229	Trung tâm huấn luyện V26 Bộ Công An	CAN	5,00		5,00	Huyện Thường Tín	2021
230	Xây dựng mở rộng Trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ thuộc cục C10	CAN	5,00	5,00		Huyện Thường Tín	2022
231	Trung tâm A (cục A06- Cục kỹ thuật nghiệp vụ)	CAN	10,00		10,00	Huyện Thường Tín	2021-2025
232	Đồn công an Viên An	CAN	0,06	0,06		Huyện Ứng Hòa	2022
233	Mở rộng công an Huyện	CAN	0,12		0,12	Huyện Ứng Hòa	2022-2025

234	Phòng cảnh sát PCCC số 15 (mở rộng)	CAN	0,25		0,25	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
235	Đội cảnh sát cơ động huyện Ứng Hòa (mở rộng)	CAN	0,60	0,40	0,20	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
236	Trụ sở công an các xã, thị trấn	CAN	4,30		4,30	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
237	Xây dựng bãi lưu giữ phương tiện giao thông vi phạm hành chính, phương tiện vi phạm trật tự đô thị cho công an quận Bắc Từ Liêm	CAN	0,31		0,31	Quận Bắc Từ Liêm	2022
238	Xây dựng cơ sở làm việc Công an quận Bắc Từ Liêm	CAN	1,06		1,06	Quận Bắc Từ Liêm	2021
239	GPMB và xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ dự án xây dựng trụ sở công an phường Thụy Phương	CAN	0,22		0,22	Quận Bắc Từ Liêm	2022
240	GPMB và xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ dự án xây dựng trụ sở công an phường Thượng Cát	CAN	0,16		0,16	Quận Bắc Từ Liêm	2022
241	GPMB và xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ dự án xây dựng trụ sở công an phường Đông Ngạc	CAN	0,16		0,16	Quận Bắc Từ Liêm	2022
242	GPMB và xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ dự án xây dựng trụ sở công an phường Đức Thắng	CAN	0,17		0,17	Quận Bắc Từ Liêm	2022
243	GPMB và xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ dự án xây dựng trụ sở công an phường Minh Khai	CAN	0,11		0,11	Quận Bắc Từ Liêm	2022
244	GPMB và xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ dự án xây dựng trụ sở công an phường Tây Tựu	CAN	0,19		0,19	Quận Bắc Từ Liêm	2022
245	Xây dựng Trụ sở Cục an ninh điều tra - Bộ công an	CAN	0,39		0,39	Quận Cầu Giấy	2023-2025
246	Quy hoạch trụ sở công an phường Cát Linh	CAN	0,04		0,04	Quận Đống Đa	2021
247	Quy hoạch trụ sở công an phường Láng Hạ	CAN	0,05		0,05	Quận Đống Đa	2023-2025
248	Trụ sở công an phường Yên	CAN	0,30		0,30	Quận Hà Đông	2021-2022
249	Trụ sở công an phường Văn Quán	CAN	0,03		0,03	Quận Hà Đông	2021-2022
250	Trụ sở công an Phú Lãm	CAN	0,11		0,11	Quận Hà Đông	2021
251	Xây dựng cơ sở làm Công an quận Hà Đông	CAN	8,60		8,60	Quận Hà Đông	2021-2025
252	Xây dựng trụ sở Công an phường Lý Thái Tổ	CAN	0,02	0,02		Quận Hoàn Kiếm	2021-2025
253	Trụ sở làm việc công an phường Đại Kim, quận Hoàng Mai thuộc Công an thành phố Hà Nội	CAN	0,33		0,33	Quận Hoàng Mai	2021
254	Trụ sở làm việc công an phường Vĩnh Hưng, quận Hoàng Mai thuộc Công an thành phố Hà Nội	CAN	0,47		0,47	Quận Hoàng Mai	2021
255	Trụ sở làm việc công an phường Yên Sở, quận Hoàng Mai thuộc Công an thành phố Hà Nội	CAN	0,28		0,28	Quận Hoàng Mai	2021

256	Trụ sở làm việc công an phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai thuộc Công an thành phố Hà Nội	CAN	0,07		0,07	Quận Hoàng Mai	2021
257	Trụ sở làm việc công an phường Mai Động, quận Hoàng Mai thuộc Công an thành phố Hà Nội	CAN	0,05		0,05	Quận Hoàng Mai	2021
258	Xây dựng trụ sở làm việc công an phường Sài Đồng	CAN	0,20		0,20	Quận Long Biên	2021-2025
259	Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc cho Cục cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường	CAN	2,98	2,98		Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
260	Trung tâm chỉ huy huấn luyện các công trình nghiệp vụ phụ trợ kết hợp trụ sở làm việc của cục B61-Tổng cục V	CAN	2,64		2,64	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
261	Viện khoa học và công nghệ	CAN	0,80		0,80	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
262	Trụ sở đồn công an phường Mễ Trì	CAN	0,05		0,05	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
263	Trụ sở đồn công an phường Tây Mỗ	CAN	0,10	0,10		Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
264	Trụ sở Công an phường Phương Canh	CAN	0,10		0,10	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
265	Trụ sở Công an phường Đại Mỗ	CAN	0,11		0,11	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
266	Trụ sở Công an phường Mỹ Đình 2	CAN	0,10		0,10	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
267	Trụ sở Đội Cảnh sát PCCC quận Nam Từ Liêm	CAN	0,31		0,31	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
268	E600-K10	CAN	0,04		0,04	Quận Tây Hồ	2021-2025
269	Xây dựng trụ sở phòng CSPC&CC Tây Hồ	CAN	0,15		0,15	Quận Tây Hồ	2021-2025
270	Sân điều lệnh, trung tâm TDTT-QSVT	CAN	1,00		1,00	Quận Tây Hồ	2021-2025
271	Đội CSGT số 2	CAN	0,06		0,06	Quận Tây Hồ	2021-2025
272	Đồn công an Đồng Mô khu Mỏ Dọc, T.Thiên Mã, X.Cổ Đông	CAN	0,16	0,16		Thị xã Sơn Tây	2023-2025
273	Trụ sở làm việc của Đồn Công an Đường Lâm khu đồng Dộc Kiêng, T.Cam Thịnh, X.Đường Lâm	CAN	0,15	0,15		Thị xã Sơn Tây	2023-2025
274	Mở rộng Trụ sở công an phường Phú Thịnh tại Phố Hàng	CAN	0,12	0,05	0,07	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
275	Xây dựng trụ sở công an xã Đường Lâm	CAN	0,15		0,15	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
276	Xây dựng trụ sở công an xã Xuân Sơn	CAN	0,10		0,10	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
277	Xây dựng trụ sở công an xã Thanh Mỹ tại thôn Thủ Trung	CAN	0,13		0,13	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
278	Trụ sở công an xã Kim Sơn	CAN	0,24		0,24	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
279	Xây dựng trụ sở công an xã Sơn Đông	CAN	0,12		0,12	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
A.3	Đất khu công nghiệp	SKK					
1	Khu công nghiệp Phú Nghĩa	SKK	389,00		389,00	Huyện Chương Mỹ	2024-2025
2	Khu công nghiệp Đông Anh	SKK	300,00		300,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
3	Khu công nghiệp Phù Đổng	SKK	410,00		410,00	Huyện Gia Lâm	2024-2025

4	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Quang Minh mở rộng.	SKK	42,33	42,33		Huyện Mê Linh	2022
5	Khu công nghiệp Quang Minh II	SKK	160,00		160,00	Huyện Mê Linh	2024-2025
6	Khu công nghiệp Tiến Thắng	SKK	450,00		450,00	Huyện Mê Linh	2024-2025
7	Khu công nghiệp Hỗ trợ Nam Hà Nội - Giai đoạn II	SKK	368,00		368,00	Huyện Phú Xuyên	2024-2025
8	Khu Công nghiệp Bắc Phú Xuyên	SKK	215,00		215,00	Huyện Phú Xuyên	2024-2025
9	Khu công nghiệp sạch Sóc Sơn	SKK	302,80		302,80	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
10	Dự án khu công nghệ cao Hòa Lạc (phần Mở rộng)	SKK	38,60		38,60	Huyện Thạch Thất	2021-2022
11	Khu công nghiệp Xuân Dương	SKK	150,00		150,00	Huyện Thanh Oai	2024-2025
12	Khu công nghiệp Thanh Văn - Tân Ước	SKK	350,00		350,00	Huyện Thanh Oai	2024-2025
13	Khu công nghiệp Phụng Hiệp	SKK	174,88		174,88	Huyện Thường Tín	2022-2025
14	Khu công nghiệp Bắc Thường Tín	SKK	112,00		112,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
15	Khu công nghiệp HaBeCo	SKK	127,00		127,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
16	Khu công nghiệp Sóc Sơn	SKK	460,00		460,00	Huyện Sóc Sơn	2023-2025
A.4	Đất giao thông	DGT					
1	Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội	DGT	778,43		778,43	Hoài Đức; Đan Phượng; Mê Linh; Sóc Sơn; Thoanh Oai; Hà Đông; Thường Tín	2022
2	Xây dựng tuyến đường nối đô thị vệ tinh với đường Võ Nguyên Giáp huyện Sóc Sơn	DGT	32,24	10,00	22,24	Huyện Sóc Sơn	2022
3	Tuyến đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội	DGT	55,50		55,50	Huyện Sóc Sơn	2022
4	Xây dựng tuyến đường sắt đô thị Hà Nội (tuyến số 1) giai đoạn 1 (Khu tổ hợp ga Ngọc Hồi)	DGT	171,00	1,30	169,70	Huyện Thanh Trì	2022
5	Xây dựng HTKT khu tái định cư tại xã Ngọc Hồi phục vụ GPMB dự án Xây dựng đường sắt đô thị Hà Nội (tuyến số 1), giai đoạn 1	DGT	4,60		4,60	Huyện Thanh Trì	2022
6	Dự án đường sắt đô thị Hà Nội, tuyến số 1, giai đoạn 1 trên địa bàn huyện Thường Tín	DGT	1,30		1,30	Huyện Thường Tín	2022-2025
7	Dự án đường sắt đô thị Hà Nội, tuyến số 1, giai đoạn 1, trên địa bàn huyện Thường Tín	DGT	1,30		1,30	Huyện Thường Tín	2021
8	Xây dựng nhà Ga ngầm S9 thuộc tuyến đường sắt đô thị thí điểm Hà Nội	DGT	1,50	0,50	1,00	Quận Ba Đình	2021-2025
9	Tuyến đường sắt đô thị thành phố Hà Nội (hạng mục ga ngầm C5. C7. C8)	DGT	2,00		2,00	Quận Ba Đình	2021-2025
10	Tuyến đường sắt đô thị thí điểm thành phố Hà Nội đoạn Nhôn-Ga Hà Nội-tuyến số 3 (đoạn Thủ Lệ quận Ba Đình từ ngã 3 Voi Phục - phố Nguyễn Văn Ngọc)	DGT	2,10		2,10	Quận Ba Đình	2021-2025

11	GPMB và xây dựng hàng rào tạm khu đêô và đường dẫn vào đêô thuộc dự án xây dựng tuyến đường sắt đô thị Hà Nội số 2, đoạn Nam Thăng Long-Trần Hưng Đạo	DGT	17,57		17,57	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
12	Hầm đào mở sau ga C10 (tuyến đường sắt đô thị TPHN số 2, đoạn Nam Thăng Long - Trần Hưng Đạo)	DGT	0,00		0,00	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
13	Hầm đào mở sau ga C10 (tuyến đường sắt đô thị TPHN số 2, đoạn Nam Thăng Long - Trần Hưng Đạo)	DGT	0,00		0,00	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
14	Xây dựng ga C10, tuyến đường sắt đô thị thành phố Hà Nội, đoạn Nam Thăng Long - Trần Hưng Đạo (Tuyến số 2)	DGT	0,03		0,03	Quận Hoàn Kiếm	2021
15	Xây dựng ga S12 (Tuyến đường sắt đô thị thí điểm thành phố Hà Nội, đoạn Nhôn - Ga Hà Nội) - Tuyến số 3	DGT	0,60		0,60	Quận Hoàn Kiếm	2021
16	Xây dựng nhà ga ngầm C6, C7 - Thụy Khuê (Dự án tuyến đường sắt đô thị Hà Nội số 2 đoạn Nam Thăng Long - Trần Hưng Đạo)	DGT	1,47		1,47	Quận Tây Hồ	2021
17	Xây dựng đường vành đai V	DGT	158,40		158,40	Thị xã Sơn Tây; Ba Vì; Quốc Oai; Chương Mỹ; Mỹ Đức; Ứng Hòa	2021-2025
II	Các công trình cấp thành phố						
1	Công trình, dự án đã xác định						
B.1	Đất cụm công nghiệp	SKN					
1	Cụm công nghiệp Đông Phú Yên	SKN	41,20		41,20	Huyện Chương Mỹ	2022-2025
2	Cụm CN Thụy Hương	SKN	15,00		15,00	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
3	Cụm CN Hòa Chính	SKN	20,00		20,00	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
4	Cụm Công nghiệp Đan Phượng - giai đoạn 2	SKN	6,80		6,80	Huyện Đan Phượng	2022
5	Cụm công nghiệp Hồng Hà	SKN	6,00		6,00	Huyện Đan Phượng	2025
6	Cụm công nghiệp Song Phượng	SKN	6,69		6,69	Huyện Đan Phượng	2022
7	Dự án xây dựng hạ tầng khu đầu giá quyền sử dụng đất phát triển làng nghề Thượng Thôn, xã Liên Hà, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội	SKN	9,60		9,60	Huyện Đan Phượng	2022
8	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khu đầu giá quyền sử dụng đất phát triển làng nghề thôn Hạ, xã Liên Trung, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội	SKN	9,10		9,10	Huyện Đan Phượng	2022
9	Cụm công nghiệp xã Dục Tú	SKN	15,00		15,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
10	Cụm công nghiệp Liên Hà 2, huyện Đông Anh	SKN	21,99		21,99	Huyện Đông Anh	2021

11	Xây dựng cụm sản xuất tiểu thủ công nghiệp tập trung xã Liên Hà, huyện Đông Anh (Cụm công nghiệp Liên Hà)	SKN	3,02		3,02	Huyện Đông Anh	2021-2025
12	Cụm công nghiệp Thụy Lâm	SKN	17,00		17,00	Huyện Đông Anh	2021
13	Cụm Công Nghiệp Thiết Bình xã Vân Hà, huyện Đông Anh	SKN	20,98		20,98	Huyện Đông Anh	2021
14	Xây dựng hạ tầng Cụm sản xuất làng nghề tập trung xã Vân Hà huyện Đông Anh	SKN	10,12		10,12	Huyện Đông Anh	2021-2025
15	Đầu tư xây dựng HTKT và quản lý cụm công nghiệp vừa và nhỏ tại xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội	SKN	77,57		77,57	Huyện Đông Anh	2021-2025
16	Giải phóng mặt bằng để xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp vừa và nhỏ Lâm Giang, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm	SKN	26,65	23,67	2,98	Huyện Gia Lâm	2022
17	Cụm công nghiệp Đình Xuyên	SKN	7,81		7,81	Huyện Gia Lâm	2022
18	Cụm công nghiệp Phú Thị - Giai đoạn 2	SKN	32,57		32,57	Huyện Gia Lâm	2025
19	Cụm công nghiệp Lê Chi	SKN	19,10		19,10	Huyện Gia Lâm	2024-2025
20	Cụm công nghiệp Cát Quế	SKN	9,39		9,39	Huyện Hoài Đức	2023-2025
21	Cụm công nghiệp làng nghề xã Minh Khai	SKN	15,60		15,60	Huyện Hoài Đức	2023-2025
22	Cụm công nghiệp Dương Liễu - GD2	SKN	18,20		18,20	Huyện Hoài Đức	2025
23	Cụm công nghiệp Đông La	SKN	10,00		10,00	Huyện Hoài Đức	2022
24	Mở rộng cụm công nghiệp Dương Liễu	SKN	0,21		0,21	Huyện Hoài Đức	2024-2025
25	Cụm công nghiệp xã Phúc Lâm	SKN	55,00	55,00		Huyện Mỹ Đức	2021-2025
26	Cụm công nghiệp Phù Lưu Tế - Xuy Xá	SKN	70,00	65,00	5,00	Huyện Mỹ Đức	2021-2025
27	Cụm công nghiệp làng nghề xã Phùng Xá	SKN	50,00		50,00	Huyện Mỹ Đức	2021-2025
28	Cụm công nghiệp Đại Nghĩa	SKN	60,00		60,00	Huyện Mỹ Đức	2021-2025
29	Cụm công nghiệp Vạn Kim-Đốc Tín	SKN	50,00		50,00	Huyện Mỹ Đức	2021-2025
30	Cụm công nghiệp Phú Xuyên	SKN	74,60		74,60	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
31	Cụm công nghiệp làng nghề Văn Hoàng	SKN	17,00		17,00	Huyện Phú Xuyên	2023
32	Cụm công nghiệp làng nghề Phú Yên	SKN	10,50		10,50	Huyện Phú Xuyên	2022
33	Cụm công nghiệp Vân Từ	SKN	7,00		7,00	Huyện Phú Xuyên	2024-2025
34	Cụm công nghiệp làng nghề Sơn Hà	SKN	20,00		20,00	Huyện Phú Xuyên	2025
35	Cụm công nghiệp làng nghề Phú Túc	SKN	5,94		5,94	Huyện Phú Xuyên	2022
36	Cụm công nghiệp làng nghề Đại Thắng	SKN	7,37		7,37	Huyện Phú Xuyên	2022
37	Cụm công nghiệp làng nghề Hồng Minh	SKN	54,00		54,00	Huyện Phú Xuyên	2021-2025

38	Cụm công nghiệp làng nghề Phú Yên	SKN	10,50		10,50	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
39	Cụm công nghiệp làng nghề Phương Dục	SKN	74,00		74,00	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
40	Cụm công nghiệp làng nghề Tri Trung	SKN	60,00		60,00	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
41	Cụm công nghiệp Nam Phúc Thọ - Giai đoạn 1	SKN	41,70		41,70	Huyện Phúc Thọ	2022-2024
42	Cụm công nghiệp Liên Hiệp - Giai đoạn 2	SKN	12,22		12,22	Huyện Phúc Thọ	2022-2024
43	Cụm công nghiệp Long Xuyên	SKN	5,97		5,97	Huyện Phúc Thọ	2022-2024
44	Cụm công nghiệp Tam Hiệp	SKN	20,99		20,99	Huyện Phúc Thọ	2022-2024
45	Cụm công nghiệp Thanh Đa	SKN	8,30		8,30	Huyện Phúc Thọ	2022-2024
46	Mở rộng cụm công nghiệp Long Xuyên	SKN	12,00		12,00	Huyện Phúc Thọ	2022-2024
47	Cụm công nghiệp Vồng Xuyên	SKN	5,92		5,92	Huyện Phúc Thọ	2021-2022
48	Cụm công nghiệp Tích Giang	SKN	18,41		18,41	Huyện Phúc Thọ	2025
49	Cụm Công nghiệp Sen Chiêu	SKN	15,00		15,00	Huyện Phúc Thọ	2025
50	Cụm công nghiệp Vồng Xuyên 2	SKN	34,00		34,00	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
51	Cụm công nghiệp Hát Môn	SKN	24,00		24,00	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
52	Cụm công nghiệp Liên Hiệp 2	SKN	36,00		36,00	Huyện Phúc Thọ	2025
53	Cụm công nghiệp Tam Hiệp 2	SKN	47,00		47,00	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
54	Cụm công nghiệp Đông Yên	SKN	35,00		35,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
55	Cụm công nghiệp Nghĩa Hương	SKN	12,00		12,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
56	Cụm công nghiệp Tuyết Nghĩa	SKN	20,00		20,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
57	Cụm công nghiệp làng nghề Tân Hòa	SKN	28,00		28,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
58	Cụm công nghiệp Liệp Tuyết	SKN	35,00		35,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
59	Cụm công nghiệp làng nghề Ngọc Mỹ - Thạch Thán	SKN	21,00		21,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
60	Cụm công nghiệp Ngọc Liệp (mở rộng)	SKN	37,78	28,28	9,50	Huyện Quốc Oai	2021-2025
61	Cụm công nghiệp CN2	SKN	50,44		50,44	Huyện Sóc Sơn	2022
62	Cụm công nghiệp Xuân Thu	SKN	20,00		20,00	Huyện Sóc Sơn	2025
63	Cụm công nghiệp CN3 thuộc cụm công nghiệp tập trung	SKN	100,90	99,24	1,66	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
64	Cụm công nghiệp Hiền Ninh	SKN	58,00		58,00	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
65	Cụm công nghiệp Minh Trí 3	SKN	69,00		69,00	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
66	Cụm công nghiệp làng nghề Hương Ngải	SKN	10,00		10,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
67	Mở rộng cụm công nghiệp làng nghề Canh Nậu	SKN	28,00	10,00	18,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
68	Cụm công nghiệp làng nghề Dị Nậu	SKN	10,69		10,69	Huyện Thạch Thất	2021-2022
69	Cụm công nghiệp làng nghề Thạch Xá	SKN	10,00		10,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
70	Cụm công nghiệp làng nghề Chàng Sơn (giai đoạn 2)	SKN	16,36		16,36	Huyện Thạch Thất	2025
71	Cụm công nghiệp Bình Phú I - Giai đoạn 2	SKN	15,73		15,73	Huyện Thạch Thất	2025
72	Cụm công nghiệp làng nghề Hữu Bằng	SKN	30,27		30,27	Huyện Thạch Thất	2025
73	Cụm công nghiệp Phùng Xá	SKN	63,07		63,07	Huyện Thạch Thất	2021-2025

74	Cụm công nghiệp Cần Kiệm	SKN	45,00		45,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
75	Cụm công nghiệp làng nghề xã Lại Thượng	SKN	25,00		25,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
76	Mở rộng cụm công nghiệp Thanh Thủy	SKN	38,00		38,00	Huyện Thanh Oai	2023
77	Cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thủy (giai đoạn 2)	SKN	6,50		6,50	Huyện Thanh Oai	2021-2022
78	Cụm công nghiệp Thanh Văn - Tân Ước	SKN	74,78		74,78	Huyện Thanh Oai	2021-2025
79	Cụm công nghiệp Phương Trung	SKN	9,56		9,56	Huyện Thanh Oai	2021-2022
80	Cụm công nghiệp Hồng Dương	SKN	11,22		11,22	Huyện Thanh Oai	2021-2022
81	Cụm công nghiệp Dân Hòa	SKN	39,00		39,00	Huyện Thanh Oai	2025
82	Cụm công nghiệp Bình Minh-Cao Viên	SKN	48,86		48,86	Huyện Thanh Oai	2021-2022
83	Cụm công nghiệp Kim Bài	SKN	46,10		46,10	Huyện Thanh Oai	2021-2022
84	Cụm công nghiệp Văn Tự	SKN	15,00	7,75	7,25	Huyện Thường Tín	2022-2025
85	Cụm công nghiệp Ninh Sở	SKN	12,86	5,00	7,86	Huyện Thường Tín	2022-2025
86	Cụm công nghiệp Hòa Bình	SKN	7,04		7,04	Huyện Thường Tín	2022-2025
87	Cụm công nghiệp Hiền Giang	SKN	10,00		10,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
88	Cụm công nghiệp Tiên Phong	SKN	15,64	7,54	8,10	Huyện Thường Tín	2022-2025
89	Cụm công nghiệp Thăng Lợi	SKN	72,00	8,80	63,20	Huyện Thường Tín	2022-2025
90	Cụm công nghiệp Nghiêm Xuyên	SKN	36,00		36,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
91	Cụm công nghiệp Quất Động 2 (phần mở rộng)	SKN	47,51	43,46	4,05	Huyện Thường Tín	2022-2025
92	Cụm công nghiệp Lê Lợi	SKN	17,00		17,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
93	Cụm công nghiệp Chương Dương	SKN	20,00		20,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
94	Cụm công nghiệp Nguyễn Trãi	SKN	24,00		24,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
95	Cụm công nghiệp Dũng Tiến	SKN	31,00		31,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
96	Cụm Công nghiệp Văn Bình	SKN	19,00		19,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
97	Cụm công nghiệp Hiền Giang 2	SKN	25,00		25,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
98	Cụm công nghiệp Tín An	SKN	74,00		74,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
99	Cụm công nghiệp Thống Nhất	SKN	65,00		65,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
100	Cụm công nghiệp Nhất Hiệu	SKN	34,00		34,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
101	Cụm công nghiệp Vân Ninh	SKN	45,00		45,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
102	Cụm công nghiệp Thăng Lợi	SKN	8,89		8,89	Huyện Thường Tín	2021-2025
103	Cụm công nghiệp Tiên Phong - Giai đoạn 2, huyện Thường Tín	SKN	8,10		8,10	Huyện Thường Tín	2021
104	Cụm công nghiệp Ninh Sở - GD2	SKN	7,70		7,70	Huyện Thường Tín	2021
105	Cụm công nghiệp Nghiêm Xuyên (giai đoạn 1)	SKN	5,16		5,16	Huyện Thường Tín	2022
106	Cụm công nghiệp Xà Cầu - Giai đoạn 2	SKN	7,92		7,92	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
107	Cụm công nghiệp Bắc Vân Đình	SKN	67,00		67,00	Huyện Ứng Hòa	2025
108	Cụm công nghiệp Hoa Sơn	SKN	25,00		25,00	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
109	Cụm công nghiệp Minh Đức	SKN	75,00		75,00	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
110	Mở rộng cụm công nghiệp Cầu Bàu	SKN	20,00	14,71	5,29	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
111	Dự án GPMB tạo quỹ đất sạch để xây dựng dự án Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội	SKN	203,67		203,67	Quận Bắc Từ Liêm	2022
112	Cụm công nghiệp Sơn Đông	SKN	75,00	12,73	62,27	Thị xã Sơn Tây	2025
113	Cụm công nghiệp Cổ Đông	SKN	75,00		75,00	Thị xã Sơn Tây	2021-2025
114	Cụm công nghiệp Đông Lao	SKN	25,50		25,50	Huyện Hoài Đức	2025

115	CCN Liên Hiệp - gđ3	SKN	45,00		45,00	Huyện Phúc Thọ	2025
116	CCN Liên Hiệp - gđ2	SKN	49,00		49,00	Huyện Phúc Thọ	2025
117	CCN Hát Môn	SKN	34,00		34,00	Huyện Phúc Thọ	2025
118	CCN Sen Chiểu	SKN	15,00		15,00	Huyện Phúc Thọ	2025
119	CCN Đồng Giai	SKN	20,00		20,00	Huyện Ba Vì	2025
120	CCN Quang Trung	SKN	56,00		56,00	Huyện Phú Xuyên	2025
121	CCN Phụng Dực 2	SKN	71,00		71,00	Huyện Phú Xuyên	2025
122	CCN Nam Tiến	SKN	26,00		26,00	Huyện Phú Xuyên	2025
123	CCN Liễu Hà	SKN	30,00		30,00	Huyện Thường Tín	2025
124	CCN Phú Vân	SKN	73,00		73,00	Huyện Thường Tín	2025
125	CCN Lê Chương	SKN	73,00		73,00	Huyện Thường Tín	2025
B.2	Đất thương mại, dịch vụ	TMD					
1	Khu thương mại và dịch vụ tổng hợp	TMD	5,00		5,00	Huyện Ba Vì	2021
2	Dự án sinh thái hồ Hạnh Tiên	TMD	169,80		169,80	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
3	Dự án khu sinh thái Hồ Miếu	TMD	112,90		112,90	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
4	Nhu cầu đất sử dụng đất thương mại dịch vụ	TMD	17,76		17,76	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
5	Xây dựng hệ thống cấp nước sạch huyện Chương Mỹ và các vùng lân cận sử dụng nguồn nước sạch Sông Đà	TMD	2,48		2,48	Huyện Chương Mỹ	2022
6	Nhu cầu đất sử dụng đất thương mại dịch vụ	TMD	11,30		11,30	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
7	Trạm trung chuyển nước sạch của các xã, thị trấn	TMD	1,95		1,95	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
8	Nhu cầu sử dụng đất thương mại dịch vụ	TMD	1,10		1,10	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
9	Xây dựng hệ thống cấp nước Xuân Mai - Hợp phần tuyến ống truyền tải nước sạch và trạm bơm tăng áp	TMD	4,27		4,27	Huyện Chương Mỹ	2022
10	Khu sinh thái thẳng long đông đô	TMD	16,16		16,16	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
11	Nhu cầu sử dụng đất thương mại dịch vụ	TMD	60,00		60,00	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
12	Đất kinh doanh dịch vụ CT TNHH Văn Sơn	TMD	1,00		1,00	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
13	Trung tâm bán buôn cấp vùng	TMD	20,00		20,00	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
14	Dự án đất dịch vụ khu Đầm Tiếu, thôn Đồng Trữ, xã Phú Nghĩa	TMD	6,53		6,53	Huyện Chương Mỹ	2022
15	Nhu cầu sử dụng đất thương mại dịch vụ	TMD	1,20		1,20	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
16	Văn phòng làm việc, khu lắp ráp và kho chứa hàng	TMD	0,34		0,34	Huyện Chương Mỹ	2022
17	Dự án khu du lịch, nhà sinh thái, tham quan trò mạo hiểm (hồ Văn Sơn)	TMD	120,00		120,00	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
18	TT thương mại Miếu Môn	TMD	5,00		5,00	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
19	Đấu giá đất chưa sử dụng cho thuê làm bãi chứa, trung chuyển VLXD	TMD	1,20		1,20	Huyện Đan Phượng	2022
20	Dự án cửa hàng xăng dầu Đan Phượng	TMD	0,16		0,16	Huyện Đan Phượng	2022

21	Dự án xây dựng cửa hàng xăng dầu tại xã Tân Lập, huyện Đan Phượng	TMD	0,25		0,25	Huyện Đan Phượng	2022
22	Dự án xây dựng cửa hàng xăng dầu tại xã Thọ An, huyện Đan Phượng	TMD	0,24		0,24	Huyện Đan Phượng	2022
23	Đầu tư xây dựng trung tâm tiếp cận Đảo Lành	TMD	10,00		10,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
24	Cửa hàng xăng dầu Đại Mạch	TMD	0,40		0,40	Huyện Đông Anh	2021
25	Cửa hàng kinh doanh xăng dầu Đông Hội	TMD	0,31		0,31	Huyện Đông Anh	2021-2025
26	Cửa hàng xăng dầu Hồng Anh	TMD	0,77		0,77	Huyện Đông Anh	2021-2025
27	Điểm giết mổ gia súc xã Hải Bối	TMD	1,00		1,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
28	Xây dựng cửa hàng Xăng dầu, bãi đỗ xe và các dịch vụ phụ trợ tại xã Kim Chung, huyện Đông Anh	TMD	0,60		0,60	Huyện Đông Anh	2021-2025
29	Cửa hàng kinh doanh xăng dầu Kim Chung	TMD	0,25		0,25	Huyện Đông Anh	2021-2025
30	Khu dịch vụ công cộng Kim Chung tại xã Kim Chung	TMD	1,14		1,14	Huyện Đông Anh	2021-2025
31	Khu dịch vụ thương mại và văn phòng tại xã Kim Chung	TMD	3,81		3,81	Huyện Đông Anh	2021
32	Đầu tư Trung tâm thương mại tại xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh	TMD	5,00		5,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
33	Khu dịch vụ thương mại tổng hợp tại xã Kim Nỗ	TMD	2,08		2,08	Huyện Đông Anh	2021-2025
34	Xây dựng công trình công cộng phục vụ chung cho khu vực ký hiệu A-CC	TMD	0,32		0,32	Huyện Đông Anh	2021
35	Mở rộng khách sạn, văn phòng, thương mại, tổ chức sự kiện và vui chơi thể thao tại thôn Địa, xã Nam Hồng, huyện Đông Anh	TMD	0,74		0,74	Huyện Đông Anh	2021-2025
36	Xây dựng khu Dịch vụ công cộng ký hiệu III-C.1	TMD	0,41		0,41	Huyện Đông Anh	2021
37	Xây dựng siêu thị ký hiệu VI-G.1	TMD	0,95		0,95	Huyện Đông Anh	2021
38	Đầu tư xây dựng điểm dịch vụ thôn Biểu Khê, xã Thụy Lâm	TMD	0,86		0,86	Huyện Đông Anh	2021-2025
39	Xây dựng khu dịch vụ thương mại, cây xanh và đỗ xe phía Tây thôn Tiên Kha	TMD	0,70		0,70	Huyện Đông Anh	2021-2025
40	Khu kinh doanh ô tô, xe máy và dịch vụ kỹ thuật	TMD	0,62		0,62	Huyện Đông Anh	2021-2025
41	Trung tâm thương mại dịch vụ văn phòng cho thuê	TMD	1,69		1,69	Huyện Đông Anh	2021
42	Khu hỗn hợp thương mại và dịch vụ công cộng	TMD	4,08		4,08	Huyện Đông Anh	2021-2025
43	Nhà hàng sinh thái kết hợp công viên cây xanh	TMD	1,03		1,03	Huyện Đông Anh	2021-2025
44	Văn phòng, siêu thị, khách sạn, căn hộ và khu nghỉ dưỡng sinh	TMD	15,00		15,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
45	Xây dựng khu dịch vụ thương mại kết hợp văn phòng tại xã Uy Nỗ	TMD	2,00		2,00	Huyện Đông Anh	2021-2025

46	Xây dựng khu thương mại dịch vụ tổng hợp Uy Nỗ	TMD	2,16		2,16	Huyện Đông Anh	2021-2025
47	Xây dựng công viên thể dục thể thao	TMD	170,70		170,70	Huyện Đông Anh	2021-2025
48	Dự án Cửa hàng xăng dầu Vân Hà, tại xã Vân Hà, huyện Đông Anh	TMD	0,10		0,10	Huyện Đông Anh	2021-2025
49	Xây dựng siêu thị tại thôn Ngọc Chi, xã Vĩnh Ngọc	TMD	0,85		0,85	Huyện Đông Anh	2021-2025
50	Khu kinh doanh thương mại dịch vụ hỗn hợp tại xã Vĩnh Ngọc, huyện Đông Anh	TMD	1,65		1,65	Huyện Đông Anh	2021-2025
51	Khu thương mại dịch vụ Vĩnh Ngọc	TMD	1,98		1,98	Huyện Đông Anh	2021-2025
52	Quy hoạch bãi chứa, trung chuyển Vật liệu xây dựng trên địa bàn xã Đại Mạch	TMD	3,40		3,40	Huyện Đông Anh	2021-2025
53	Các dự án đấu giá cho thuê quyền sử dụng đất phi nông nghiệp để làm "Bãi tập kết, trung chuyển vật liệu xây dựng tại ven sông Hồng, xã Hải Bối, huyện Đông Anh (điểm CHB-1, CHB -6)	TMD	3,40		3,40	Huyện Đông Anh	2021
54	Các dự án đấu giá cho thuê quyền sử dụng đất phi nông nghiệp để làm "Bãi tập kết, trung chuyển vật liệu xây dựng tại ven sông Hồng, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh	TMD	2,00		2,00	Huyện Đông Anh	2021
55	Xây dựng bãi tập kết nguyên vật liệu thôn Thiết Bình, xã Vân Hà	TMD	0,06		0,06	Huyện Đông Anh	2021-2025
56	Xây dựng bãi tập kết nguyên vật liệu thôn Vân Diêm, xã Vân Hà	TMD	2,95		2,95	Huyện Đông Anh	2021-2025
57	Các dự án đấu giá cho thuê quyền sử dụng đất phi nông nghiệp để làm "Bãi tập kết, trung chuyển vật liệu xây dựng tại ven sông Hồng, xã Vĩnh Ngọc, huyện Đông Anh (điểm CPT1-1, CNG-2)	TMD	3,19		3,19	Huyện Đông Anh	2021
58	Các dự án đấu giá cho thuê quyền sử dụng đất phi nông nghiệp để làm "Bãi tập kết, trung chuyển vật liệu xây dựng tại ven sông Hồng, thôn Đại Độ, xã Võng La, huyện Đông Anh (điểm VL1, VL2,VL3,VL4)	TMD	4,80		4,80	Huyện Đông Anh	2021
59	Bãi tập kết, trung chuyển vật liệu xây dựng tại ven sông Hồng 1, thôn Đại Độ, xã Võng La, huyện Đông Anh	TMD	1,70		1,70	Huyện Đông Anh	2021
60	Cửa hàng dịch vụ, siêu thị, câu lạc bộ thể dục thể thao	TMD	9,80		9,80	Huyện Đông Anh	2021-2025

61	Dự án theo quy hoạch tại xã Nguyên Khê và xã Tiên Dương, huyện Đông Anh	TMD	9,90		9,90	Huyện Đông Anh	2021-2025
62	Trung tâm hội chợ triển lãm Quốc gia mới tại huyện Đông Anh	TMD	92,35		92,35	Huyện Đông Anh	2021-2025
63	Giải phóng mặt bằng phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất để xây dựng công trình phục vụ cộng đồng dân cư và chỉnh trang đô thị tại khu đất C1, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm	TMD	0,84	0,84		Huyện Gia Lâm	2022
64	Giải phóng mặt bằng phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất để xây dựng công trình phục vụ cộng đồng dân cư và chỉnh trang đô thị tại khu đất C2, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm	TMD	0,46	0,46		Huyện Gia Lâm	2022
65	Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất theo quy hoạch khu chức năng CCKO3+CX8 và CC10 thuộc quy hoạch chi tiết hai bên tuyến đường 179	TMD	2,11	2,11		Huyện Gia Lâm	2022
66	Giải phóng mặt bằng phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất để xây dựng công trình phục vụ cộng đồng dân cư và chỉnh trang đô thị tại khu đất CCCX, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm	TMD	4,72	4,72		Huyện Gia Lâm	2022
67	Dự án đầu tư xây dựng sân Golf Vinpearl Hà Nội	TMD	182,30	#####		Huyện Gia Lâm	2022
68	Giải phóng mặt bằng phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất khu đất CCKO1-8 thuộc quy hoạch chi tiết hai bên tuyến đường Dốc Hội - Đại học nông nghiệp I và chỉnh trang đô thị tại xã Cổ Bi. huyện Gia Lâm	TMD	1,68	1,68		Huyện Gia Lâm	2022
69	Giải phóng mặt bằng phục vụ đấu giá quyền sử dụng các khu đất thuộc quy hoạch chi tiết hai bên tuyến đường Dốc Hội - Đại học nông nghiệp I và quy hoạch chi tiết hai bên tuyến đường 179 và chỉnh trang đô thị tại xã Kiêu Kỵ. Cổ Bi và thị trấn Trâu Quỳ. huyện Gia Lâm	TMD	1,84	1,84		Huyện Gia Lâm	2022
70	Giải phóng mặt bằng phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất khu đất CCKO2. BDX4 theo quy hoạch chi tiết hai bên tuyến đường 179 và chỉnh trang đô thị tại xã Kiêu Kỵ. huyện Gia Lâm	TMD	2,76	2,76		Huyện Gia Lâm	2022

71	Giải phóng mặt bằng phục vụ đầu tư xây dựng công trình phục vụ cộng đồng dân cư và chỉnh trang đô thị tại khu đất C8-C9. xã Yên Viên. huyện Gia Lâm	TMD	0,90	0,90		Huyện Gia Lâm	2022
72	Giải phóng mặt bằng phục vụ đầu tư xây dựng công trình công cộng. phục vụ cộng đồng dân cư và chỉnh trang đô thị tại khu đất C14. thị trấn Trâu Quỳ. huyện Gia Lâm	TMD	4,20	4,20		Huyện Gia Lâm	2022
73	Giải phóng mặt bằng phục vụ đầu tư xây dựng công trình phục vụ cộng đồng dân cư và chỉnh trang đô thị tại khu đất C16. thị trấn Trâu Quỳ. huyện Gia Lâm	TMD	3,43	3,43		Huyện Gia Lâm	2022
74	Giải phóng mặt bằng phục vụ đầu tư xây dựng công trình phục vụ cộng đồng dân cư và chỉnh trang đô thị tại khu đất C19. xã Đa Tốn. huyện Gia Lâm	TMD	0,76	0,76		Huyện Gia Lâm	2022
75	Giải phóng mặt bằng phục vụ đầu tư xây dựng công trình phục vụ cộng đồng dân cư và chỉnh trang đô thị tại khu đất C15, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm	TMD	3,82	3,82		Huyện Gia Lâm	2022
76	Giải phóng mặt bằng phục vụ đầu tư xây dựng công trình phục vụ cộng đồng dân cư và chỉnh trang đô thị tại khu đất C18, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm	TMD	3,66	3,66		Huyện Gia Lâm	2022
77	Trung tâm thương mại tại xã Đa Tốn	TMD	9,34	9,34		Huyện Gia Lâm	2022
78	Dự án khu thương mại và dịch vụ Phú Thị	TMD	0,80	0,80		Huyện Gia Lâm	2022
79	Dự án khu thương mại và dịch vụ phụ trợ Phú Thị	TMD	0,85	0,85		Huyện Gia Lâm	2022
80	Khu dịch vụ thương mại công cộng Hòa Bình	TMD	0,16	0,16		Huyện Gia Lâm	2022
81	Dự án Khu thương mại, dịch vụ công cộng kết hợp bãi đỗ xe	TMD	1,33	1,33		Huyện Gia Lâm	2022
82	Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất theo quy hoạch khu đất C6, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm	TMD	2,14	2,14		Huyện Gia Lâm	2022

83	Giải phóng mặt bằng phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất để xây dựng công trình phục vụ cộng đồng dân cư và chỉnh trang đô thị tại ô đất ký hiệu C3, C4, C5, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm	TMD	10,15	10,15		Huyện Gia Lâm	2022
84	Giải phóng mặt bằng phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất để xây dựng công trình phục vụ cộng đồng dân cư và chỉnh trang đô thị khu đất C6, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm	TMD	2,00	2,00		Huyện Gia Lâm	2022
85	Giải phóng mặt bằng phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất để xây dựng công trình phục vụ cộng đồng dân cư và chỉnh trang đô thị tại khu đất A1, xã Dương Xá, huyện Gia Lâm	TMD	1,49	1,49		Huyện Gia Lâm	2022
86	Dự án khu sinh thái, dịch vụ, văn hóa, thể thao và nhà ở tại xã Đình Xuyên và xã Yên Viên, huyện Gia Lâm	TMD	46,78	46,78		Huyện Gia Lâm	2022
87	Dự án: Xây dựng trụ sở Văn phòng làm việc và cửa hàng giới thiệu sản phẩm tại khu Cửa Vườn, xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm	TMD	1,70	1,70		Huyện Gia Lâm	2022
88	Xây dựng trụ sở Công ty cổ phần GL Group kết hợp cho thuê văn phòng	TMD	0,23	0,23		Huyện Gia Lâm	2022
89	Dự án: Đấu giá quyền sử dụng đất để cho thuê đất sử dụng làm cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (bãi chứa trung chuyển vật liệu xây dựng ven sông)	TMD	1,37		1,37	Huyện Gia Lâm	2023-2025
90	Dự án: Đấu giá quyền sử dụng đất để cho thuê đất sử dụng làm cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (bãi chứa trung chuyển vật liệu xây dựng ven sông)	TMD	1,00		1,00	Huyện Gia Lâm	2023-2025
91	Dự án: Đấu giá quyền sử dụng đất để cho thuê đất sử dụng làm cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (bãi chứa trung chuyển vật liệu xây dựng ven sông)	TMD	2,46		2,46	Huyện Gia Lâm	2023-2025
92	Dự án: Đấu giá quyền sử dụng đất để cho thuê đất sử dụng làm cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (bãi chứa trung chuyển vật liệu xây dựng ven sông)	TMD	0,40		0,40	Huyện Gia Lâm	2023-2025

93	Dự án: Đấu giá quyền sử dụng đất để cho thuê đất sử dụng làm cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (bãi chứa trung chuyển vật liệu xây dựng ven sông)	TMD	1,84		1,84	Huyện Gia Lâm	2023-2025
94	Dự án: Đấu giá quyền sử dụng đất để cho thuê đất sử dụng làm cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (bãi chứa trung chuyển vật liệu xây dựng ven sông)	TMD	3,73		3,73	Huyện Gia Lâm	2023-2025
95	Dự án: Đấu giá quyền sử dụng đất để cho thuê đất sử dụng làm cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (bãi chứa trung chuyển vật liệu xây dựng ven sông)	TMD	1,00		1,00	Huyện Gia Lâm	2023-2025
96	Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất theo quy hoạch để xây dựng công trình phục vụ cộng đồng dân cư và chỉnh trang khu dân cư đô thị tại Ô đất C.2.1, xã Đông Dư, huyện Gia Lâm	TMD	13,20		13,20	Huyện Gia Lâm	2023-2025
97	Xây dựng HTKT, tạo mặt bằng theo quy hoạch để xây dựng công trình công cộng phục vụ cộng đồng dân cư và chỉnh trang đô thị tại khu đất DT6, xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm	TMD	3,24		3,24	Huyện Gia Lâm	2023-2025
98	Tạo mặt bằng theo quy hoạch để xây dựng công trình công cộng phục vụ cộng đồng dân cư và chỉnh trang đô thị tại khu đất C22, xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm	TMD	2,41		2,41	Huyện Gia Lâm	2023-2025
99	San nền sơ bộ, tạo mặt bằng theo quy hoạch để xây dựng công trình công cộng phục vụ cộng đồng dân cư và chỉnh trang đô thị tại khu đất C24, xã Phú Thị, TT Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm	TMD	2,02		2,02	Huyện Gia Lâm	2023-2025
100	Tạo mặt bằng phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất để xây dựng công trình phục vụ cộng đồng dân cư và chỉnh trang đô thị tại các khu đất hai bên đường 24,5m từ đê sông Đuống đến Dốc Lã - Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm	TMD	1,75		1,75	Huyện Gia Lâm	2023-2025
101	Xây dựng khu đất dịch vụ X9 xã An Khánh	TMD	6,06		6,06	Huyện Hoài Đức	2022
102	Xây dựng khu đất dịch vụ X11 xã An Khánh	TMD	12,13		12,13	Huyện Hoài Đức	2022
103	Xây dựng HTKT khu đất dịch vụ xã Di Trạch - vị trí X5	TMD	1,96		1,96	Huyện Hoài Đức	2022

104	Xây dựng HTKT khu đất dịch vụ xã Di Trạch - vị trí X6	TMD	3,17		3,17	Huyện Hoài Đức	2022
105	Xây dựng HTKT khu đất dịch vụ xã Lại Yên	TMD	1,62		1,62	Huyện Hoài Đức	2022
106	Hạ tầng kỹ thuật khu đất dịch vụ xã An Thượng (vị trí X1)	TMD	3,20		3,20	Huyện Hoài Đức	2022
107	Xây dựng HTKT khu đất dịch vụ xã Vân Canh (vị trí X3 khu đồng Nhĩ, cầu Nối thôn Kim Hoàng)	TMD	4,60		4,60	Huyện Hoài Đức	2022
108	Xây dựng khu đất dịch vụ X1-X7 xã An Khánh	TMD	8,39		8,39	Huyện Hoài Đức	2022
109	Xây dựng HTKT khu đất dịch vụ xã Lại Yên	TMD	3,02		3,02	Huyện Hoài Đức	2022
110	Hạ tầng kỹ thuật khu đất dịch vụ bổ sung xã An Thượng	TMD	1,40		1,40	Huyện Hoài Đức	2022
111	Hạ tầng kỹ thuật khu đất dịch vụ xã An Thượng (vị trí XI)	TMD	7,76		7,76	Huyện Hoài Đức	2022
112	Xây dựng HTKT khu đất dịch vụ bổ sung trên địa bàn xã Vân Canh - Vị trí XI	TMD	1,78		1,78	Huyện Hoài Đức	2022
113	Khu đất dịch vụ X1 Song Phương	TMD	1,30		1,30	Huyện Hoài Đức	2022
114	Khu đất dịch vụ X2 Song Phương	TMD	12,04		12,04	Huyện Hoài Đức	2022
115	Xây dựng HTKT đất dịch vụ xã La Phù - Khu Đồng Giường	TMD	3,80		3,80	Huyện Hoài Đức	2022
116	Xây dựng HTKT đất dịch vụ và đất đấu giá khu Chéo Đường Tàu, xã La Phù	TMD	4,70		4,70	Huyện Hoài Đức	2022
117	Đất dịch vụ Vân Canh (Đô thị Đại học Vân Canh và Đô thị Bắc An Khánh)	TMD	25,20		25,20	Huyện Hoài Đức	2022
118	Đất dịch vụ Vân Canh thuộc dự án Vườn Cam	TMD	4,59		4,59	Huyện Hoài Đức	2022
119	Đất dịch vụ Vân Canh thuộc dự án Đô thị mới Vân Canh HUD	TMD	6,90		6,90	Huyện Hoài Đức	2022
120	Đất dịch vụ xã Lại Yên	TMD	17,06		17,06	Huyện Hoài Đức	2022
121	Đất dịch vụ xã Kim Chung (Dịch vụ thuộc đô thị mới Kim Chung-Di Trạch)	TMD	14,50		14,50	Huyện Hoài Đức	2022
122	Đất dịch vụ xã Kim Chung (Đất dịch vụ Cụm công nghiệp Lai Xá-xã Kim Chung)	TMD	3,25		3,25	Huyện Hoài Đức	2022
123	Đất dịch vụ xã Kim Chung (Khu lô 6 cụm CN)	TMD	2,16		2,16	Huyện Hoài Đức	2022
124	Đất dịch vụ xã Di Trạch (Dịch vụ thuộc khu đô thị mới Vân Canh)	TMD	3,76		3,76	Huyện Hoài Đức	2022
125	Đất dịch vụ xã Di Trạch (Dịch vụ thuộc Đô thị mới Kim Chung Di Trạch)	TMD	16,10		16,10	Huyện Hoài Đức	2022
126	Xây dựng HTKT khu đất dịch vụ xã Vân Canh (vị trí XI Khu Tầm Bể, Trũng Bàu)	TMD	1,10		1,10	Huyện Hoài Đức	2022

127	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất dịch vụ thị trấn Trạm Trôi vị trí X1	TMD	2,23		2,23	Huyện Hoài Đức	2022
128	Tổ hợp Trung tâm thương mại, Showroom trưng bày và Trung tâm bảo hành xe ô tô tại Thị trấn Trạm Trôi	TMD	5,60		5,60	Huyện Hoài Đức	2022
129	Khu dịch vụ thương mại Hoài	TMD	3,31		3,31	Huyện Hoài Đức	2022
130	Đất dịch vụ Thị trấn Trạm Trôi	TMD	5,50		5,50	Huyện Hoài Đức	2022
131	Đất dịch vụ	TMD	6,80	6,80		Huyện Mê Linh	2022
132	Xây dựng Cửa hàng xăng dầu tại vị trí X2, trên đường 35, huyện Mê Linh	TMD	0,30	0,30		Huyện Mê Linh	2022
133	Xây dựng kho tàng công nghiệp tại thôn Bạch Đa, xã Kim Hoa	TMD	9,60	9,60		Huyện Mê Linh	2022
134	Xây dựng cửa hàng xăng dầu tại Km5+100, phía bên phải tuyến trục chính đô thị Mê Linh (theo hướng từ sông Cà Lồ đi đường Võ Văn Kệt), thôn Văn Lôi, xã Tam Đồng	TMD	0,18	0,18		Huyện Mê Linh	2022
135	Khu thương mại dịch vụ Thạch Đà - DA LAND	TMD	2,21		2,21	Huyện Mê Linh	2022
136	Trung tâm khai thác vận chuyển khu vực phía Bắc (công trình bưu chính chuyển phát)	TMD	3,60		3,60	Huyện Mê Linh	2021-2025
137	Xây dựng khu công viên mặt nước và dịch vụ	TMD	1,23	1,23		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
138	Khu trung tâm thương mại, dịch	TMD	3,28	3,28		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
139	Khu thương mại dịch vụ	TMD	6,26	6,26		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
140	Khu giết mổ tập trung	TMD	2,00	2,00		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
141	Khu thương mại dịch vụ (12 khu)	TMD	31,51	31,51		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
142	Khu giết mổ tập trung	TMD	0,20	0,20		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
143	Điểm kinh doanh dịch vụ	TMD	2,00	2,00		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
144	Khu Giết mổ tập trung	TMD	0,50	0,50		Huyện Mỹ Đức	2021-2025
145	Đất du lịch sinh thái	TMD	1,10	1,10		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
146	Đấu giá cho thuê QSD đất để thực hiện dự án "Sản xuất nông nghiệp kết hợp giáo dục trải nghiệm và du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Tuy Lai"	TMD	26,50	26,50		Huyện Mỹ Đức	2021
147	Điểm giết mổ tập trung khu Đồng Sung + Đồng Mo	TMD	4,00	4,00		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
148	Bể bơi thôn Khảm Lâm	TMD	0,18	0,18		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
149	Bể bơi thôn Phúc Lâm	TMD	0,35	0,35		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
150	Cửa hàng xăng dầu Mỹ Thành	TMD	0,20	0,20		Huyện Mỹ Đức	2021
151	Trung tâm thương mại	TMD	0,50	0,50		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
152	Công trình DV quảng bá sản phẩm và văn hóa DL	TMD	1,39	1,39		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
153	Khu kinh doanh dịch vụ thôn Trung	TMD	0,47	0,47		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
154	Khu đất kinh doanh dịch vụ HTX NN	TMD	0,46	0,46		Huyện Mỹ Đức	2022-2025

155	Đấu giá cho thuê QSD đất tại xã Xuy Xá (thực hiện dự án xây dựng cửa hàng xăng dầu, xứ đồng Giải Thượng 0,15ha).	TMD	0,15	0,15		Huyện Mỹ Đức	2021
156	Khu bể bơi	TMD	0,73	0,73		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
157	Cây xăng	TMD	0,10	0,10		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
158	Đấu giá cho thuê QSD đất tại xã Phù Lưu Tế (thực hiện dự án xây dựng xưởng dệt may, hoàn thiện sản phẩm và KDDV, xứ đồng Cửa Chéo 0,5ha).	TMD	2,50	2,50		Huyện Mỹ Đức	2021
159	Đấu giá cho thuê QSD đất tại xã Phù Lưu Tế (thực hiện dự án đào tạo nghề và thương mại dịch vụ khu Bờ Le 2,5ha).	TMD	0,50	0,50		Huyện Mỹ Đức	2021
160	Bãi tập kết vật liệu xây dựng	TMD	0,66	0,66		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
161	Khu thương mại dịch vụ	TMD	2,00	2,00		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
162	Khu dịch vụ thương mại thôn Yên Vỹ	TMD	9,80	9,80		Huyện Mỹ Đức	2021
163	Bến xe Bãi Lương và dịch vụ	TMD	1,50	1,50		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
164	Khu dịch vụ du lịch Tiên Mai	TMD	4,87	4,87		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
165	Cây Xăng Tiên Mai	TMD	0,50	0,50		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
166	Cây Xăng Hang Vò	TMD	0,20	0,20		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
167	Đấu giá cho thuê QSD đất tại xã Hợp Tiến (thực hiện cửa hàng xăng dầu, thôn Phú Liễn 0,12ha).	TMD	0,12	0,12		Huyện Mỹ Đức	2021
168	Cây xăng dầu	TMD	0,30	0,30		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
169	Bê bơi khu trung tâm	TMD	0,64	0,64		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
170	Cửa hàng kinh doanh xăng dầu và dịch vụ Vạn Kim (trong khu TMDV)	TMD	0,85	0,85		Huyện Mỹ Đức	2022
171	Đấu giá cho thuê QSD đất để thực hiện dự án: "Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, thể thao và vui chơi giải trí Hồng Sơn Wonderland"	TMD	28,00	28,00		Huyện Mỹ Đức	2022
172	Nhà truyền thông và khu trưng bày giới thiệu sản phẩm	TMD	0,80	0,80		Huyện Mỹ Đức	2023
173	Dự án xây dựng trạm bơm cấp nước, bể chứa hệ thống cấp nước sạch trên địa bàn huyện Phú Xuyên	TMD	5,00		5,00	Huyện Phú Xuyên	2022
174	Trung tâm bán buôn cấp vùng	TMD	20,00		20,00	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
175	Trung tâm mua sắm cấp vùng	TMD	20,00		20,00	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
176	Bãi trung chuyển VLXD (Hồng Thái)	TMD	1,06		1,06	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
177	Bãi trung chuyển VLXD (Hồng Thái)	TMD	1,15		1,15	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
178	Bãi trung chuyển VLXD xã Khai Thái	TMD	0,60		0,60	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
179	Bãi trung chuyển VLXD xã Khai Thái	TMD	1,44		1,44	Huyện Phú Xuyên	2021-2025

180	Bãi trung chuyển VLXD (xã Quang Lăng)	TMD	0,30		0,30	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
181	Cửa hàng xăng dầu xã Hiệp	TMD	0,38		0,38	Huyện Phúc Thọ	2022-2023
182	Xây dựng cửa hàng xăng dầu Phúc Hòa	TMD	0,25		0,25	Huyện Phúc Thọ	2023-2024
183	Cửa hàng xăng dầu đường Phụng Thượng - Hương Ngải	TMD	0,50		0,50	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
184	Đại lý Honda ô tô, xe máy tại cụm CN Tích Giang	TMD	2,50		2,50	Huyện Phúc Thọ	2021-2025
185	Mở rộng trụ sở làm việc Công ty Điện lực Phúc Thọ	TMD	0,40		0,40	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
186	Đất thương mại dịch vụ xã Tam Hiệp	TMD	17,29		17,29	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
187	Bãi trung chuyển VLXD Sen Chiếu, Phương Độ (Khu 1), Phương độ (Khu 2)	TMD	4,34		4,34	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
188	Bãi trung chuyển VLXD Vân Phúc	TMD	1,00		1,00	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
189	Bãi trung chuyển VLXD Cẩm Đình (khu 1)	TMD	3,30		3,30	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
190	Bãi trung chuyển VLXD Cẩm Đình (khu 2)	TMD	3,00		3,00	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
191	Đất thương mại dịch vụ TT Phúc Thọ	TMD	3,78		3,78	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
192	Đất thương mại dịch vụ xã Phúc Hòa	TMD	2,28		2,28	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
193	Khu thương mại dịch vụ Ngọc Tảo - Tam Hiệp	TMD	5,40		5,40	Huyện Phúc Thọ	2021-2025
194	Đất thương mại dịch vụ xã Tích Giang	TMD	2,46		2,46	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
195	Đất thương mại dịch vụ xã Vân Phúc	TMD	6,40		6,40	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
196	Đất thương mại dịch vụ xã Phụng Thượng	TMD	10,00		10,00	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
197	Đất thương mại dịch vụ xã Hiệp Thuận	TMD	9,85		9,85	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
198	Đất thương mại dịch vụ xã Võng Xuyên	TMD	23,43		23,43	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
199	Đất thương mại dịch vụ xã Liên Hiệp	TMD	5,00		5,00	Huyện Phúc Thọ	2021-2025
200	Đất thương mại dịch vụ xã Long Xuyên	TMD	8,30		8,30	Huyện Phúc Thọ	2021-2025
201	Đất thương mại dịch vụ xã Ngọc Tảo	TMD	0,47		0,47	Huyện Phúc Thọ	2021-2025
202	Đất thương mại dịch vụ xã Sen Phương	TMD	4,30		4,30	Huyện Phúc Thọ	2021-2025
203	Đất thương mại dịch vụ xã Tam Thuận	TMD	11,75		11,75	Huyện Phúc Thọ	2021-2025
204	Đất thương mại dịch vụ xã Thanh Đa	TMD	4,63		4,63	Huyện Phúc Thọ	2021-2025
205	Đất thương mại dịch vụ xã Trạch Mỹ Lộc	TMD	3,76		3,76	Huyện Phúc Thọ	2021-2025

206	Đất thương mại dịch vụ xã Vân Nam	TMD	1,50		1,50	Huyện Phúc Thọ	2021-2025
207	Đất thương mại dịch vụ xã Xuân Đình	TMD	5,45		5,45	Huyện Phúc Thọ	2021-2025
208	Đất thương mại dịch vụ xã Thọ Lộc	TMD	0,85		0,85	Huyện Phúc Thọ	2021-2025
209	Đất thương mại dịch vụ xã Hát Môn	TMD	0,50		0,50	Huyện Phúc Thọ	2021-2025
210	Xây dựng quỹ tín dụng các xã	TMD	0,71		0,71	Huyện Phúc Thọ	2021-2025
211	XD mới và mở rộng trụ sở HTX nông nghiệp	TMD	0,94		0,94	Huyện Phúc Thọ	2021-2025
212	Xây dựng cây xăng	TMD	0,20		0,20	Huyện Quốc Oai	2021-2025
213	Cây Xăng Tân Hoà	TMD	0,30		0,30	Huyện Quốc Oai	2021-2025
214	Cây xăng Yên Sơn (cây xăng Quảng Yên)	TMD	0,70		0,70	Huyện Quốc Oai	2021-2025
215	Cây xăng xã Sài Sơn	TMD	0,50		0,50	Huyện Quốc Oai	2021-2025
216	Xây dựng cửa hàng xăng dầu	TMD	0,20		0,20	Huyện Quốc Oai	2021-2025
217	Cửa hàng xăng dầu	TMD	0,12		0,12	Huyện Quốc Oai	2021-2025
218	TTTM Long Phú	TMD	1,00		1,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
219	Xây dựng trung tâm thương mại thị trấn Quốc Oai	TMD	0,75		0,75	Huyện Quốc Oai	2021-2025
220	TTTM đô thị Tây Quốc Oai (Westgate)	TMD	1,00		1,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
221	Khu du lịch sinh thái và vui chơi giải trí Tuần Châu	TMD	198,64	42,10	156,54	Huyện Quốc Oai	2021-2025
222	Giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng TỔ hợp vui chơi giải trí đa năng trường đua ngựa tại huyện Sóc Sơn	TMD	124,10		124,10	Huyện Sóc Sơn	2022
223	Dự án Khu III - Khu công cộng và làng du lịch tại huyện Sóc Sơn	TMD	31,50	24,00	7,50	Huyện Sóc Sơn	2022
224	Cửa hàng kinh doanh xăng dầu Thanh Xuân	TMD	0,89		0,89	Huyện Sóc Sơn	2022
225	Đầu tư xây dựng cửa hàng kinh doanh xăng dầu Thanh Tùng	TMD	0,13	0,13		Huyện Sóc Sơn	2022
226	Chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất thương mại dịch vụ (hộ bà Đặng Thị Bích Hòa)	TMD	2,00	2,00		Huyện Sóc Sơn	2022
227	Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án xây dựng Trung tâm thương mại tổng hợp Nội Bài	TMD	12,30		12,30	Huyện Sóc Sơn	2022
228	Nhận chuyển nhượng quyền Sử dụng đất để thực hiện dự án I rung tâm thương mại và dịch vụ văn phòng	TMD	0,46		0,46	Huyện Sóc Sơn	2022
229	Trung tâm bán buôn cấp vùng	TMD	20,00		20,00	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
230	Trung tâm Logistics hạng 1	TMD	50,00		50,00	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
231	Dự án tổ hợp nhà ở, văn phòng cho thuê và dịch vụ thương mại Tân Phú Đồng	TMD	0,80	0,80		Huyện Sóc Sơn	2021-2025

232	Xây dựng HTKT khu dịch vụ thương mại thôn Dược Hạ, xã Tiên Dược	TMD	0,50	0,50		Huyện Sóc Sơn	2021-2025
233	Trung tâm mua sắm cấp vùng	TMD	50,00		50,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
234	ĐT XD Cửa hàng xăng dầu xã Đại Đồng	TMD	0,28		0,28	Huyện Thạch Thất	2021-2022
235	Cửa hàng xăng dầu và dịch vụ Hương Ngải	TMD	0,30		0,30	Huyện Thạch Thất	2021-2022
236	Bãi tập kết vật liệu, bãi đỗ xe tập trung Hương Ngải	TMD	2,00		2,00	Huyện Thạch Thất	2024-2025
237	Xây dựng điểm tập kết vật liệu 4 thôn 1+2+3+4 xã Canh Nậu	TMD	0,20		0,20	Huyện Thạch Thất	2025
238	Xây dựng trung tâm thương mại xã Dị Nậu	TMD	2,69		2,69	Huyện Thạch Thất	2025
239	Bãi tập kết vật liệu XD tại Vở Đàm và đồng Sóc xã Chàng Sơn	TMD	0,20		0,20	Huyện Thạch Thất	2024
240	Bãi vật liệu xây dựng khu TT xã	TMD	1,69		1,69	Huyện Thạch Thất	2024
241	Bãi tập kết vật liệu tập trung Bình Phú	TMD	0,50		0,50	Huyện Thạch Thất	2024-2025
242	Bãi tập kết vật liệu xã Phùng Xá	TMD	1,10		1,10	Huyện Thạch Thất	2024-2025
243	dự án trồng cây dược liệu lâu năm kết hợp du lịch (Đồi cao thiên)	TMD	24,00		24,00	Huyện Thạch Thất	2021-2022
244	Xây dựng trung tâm thương mại xã Thạch Hòa	TMD	0,32		0,32	Huyện Thạch Thất	2023-2024
245	Khu du lịch sinh thái Thác Bạc - suối Sao xã Yên Trung, huyện Thạch Thất, TP Hà Nội	TMD	233,00	60,00	173,00	Huyện Thạch Thất	2021-2022
246	Cửa hàng xăng dầu và dịch vụ Yên Trung	TMD	0,64		0,64	Huyện Thạch Thất	2021-2022
247	Chợ Bích Hoà dịch vụ thương mại	TMD	5,50	5,50		Huyện Thanh Oai	2021-2022
248	Khu dịch vụ tổng hợp xã Thanh Văn	TMD	20,50		20,50	Huyện Thanh Oai	2023
249	Kho bãi Logistic	TMD	19,63		19,63	Huyện Thanh Oai	2023
250	Đất thương mại dịch vụ xã Thanh Thủy	TMD	5,00		5,00	Huyện Thanh Oai	2023
251	Đất thương mại dịch vụ xã Dân Hòa	TMD	5,00		5,00	Huyện Thanh Oai	2023
252	Trung tâm thương mại TT. Kim Bài (bao gồm siêu thị)	TMD	2,80		2,80	Huyện Thanh Oai	2023
253	Đất thương mại dịch vụ thôn Cát Động	TMD	4,00		4,00	Huyện Thanh Oai	2023
254	Trung tâm thương mại dịch vụ xã Bình Minh	TMD	2,50		2,50	Huyện Thanh Oai	2023
255	Cửa hàng xăng dầu Pimex	TMD	0,50		0,50	Huyện Thanh Oai	2021-2022
256	Cửa hàng xăng dầu Tân Ước	TMD	0,54		0,54	Huyện Thanh Oai	2021-2022
257	Cửa hàng xăng dầu Cự Khê	TMD	0,50		0,50	Huyện Thanh Oai	2021-2022
258	Xây dựng cửa hàng Xăng tại Km3+500 Quốc lộ 21B	TMD	0,40		0,40	Huyện Thanh Oai	2021-2022

259	GPMB để đầu giá quyền sử dụng đất dự án xây dựng Khu văn phòng, phòng trưng bày sản phẩm tại ô đất A4 thuộc quy hoạch phân khu S5, thôn Huỳnh Cung xã Tam Hiệp	TMD	0,50		0,50	Huyện Thanh Trì	2022
260	GPMB để đầu giá quyền sử dụng đất dự án xây dựng Văn phòng, phòng trưng bày sản phẩm tại ô đất A4 thuộc quy hoạch phân khu S5, thôn Huỳnh Cung xã Tam Hiệp	TMD	0,50		0,50	Huyện Thanh Trì	2022
261	Trung tâm bán ô tô, máy móc chuyên dụng và phụ tùng ô tô (dự án trúng đấu thầu)	TMD	0,50		0,50	Huyện Thanh Trì	2022
262	Văn phòng giao dịch và trung tâm giới thiệu bán SP điều hòa ô tô Danko, thiết bị lạnh, máy móc cơ khí và trạm bảo hành sản phẩm	TMD	0,47		0,47	Huyện Thanh Trì	2022
263	Trung tâm thương mại dịch vụ tổng hợp và Showroom trưng bày sản phẩm kết hợp bảo hành, bảo trì xe ô tô	TMD	2,20	2,20		Huyện Thanh Trì	2022
264	Trung tâm tiếp vận và dịch vụ logistic	TMD	6,47	6,47		Huyện Thanh Trì	2022
265	Xây dựng trụ sở công ty, trung tâm trưng bày, giới thiệu sản	TMD	1,02	1,02		Huyện Thanh Trì	2022
266	Trung tâm mua bán, giới thiệu sản phẩm và văn phòng làm việc	TMD	0,55	0,55		Huyện Thanh Trì	2022
267	Xây dựng Siêu thị - cửa hàng nông sản và đồ gỗ mỹ nghệ cao cấp	TMD	0,40	0,40		Huyện Thanh Trì	2022
268	Trụ sở Văn phòng làm việc và viện nghiên cứu khoa học Công ty cổ phần Thuốc thú ý Trung Ương 5	TMD	1,00	1,00		Huyện Thanh Trì	2022
269	Trung tâm Thương mại	TMD	4,97	4,97		Huyện Thanh Trì	2022
270	Cửa hàng xăng dầu Ngọc Hồi	TMD	0,27	0,27		Huyện Thanh Trì	2022
271	Công trình hỗn hợp và văn phòng giới thiệu sản phẩm	TMD	0,30	0,30		Huyện Thanh Trì	2022
272	Văn phòng, trạm dịch vụ, trung tâm trưng bày giới thiệu và bán sản phẩm tại xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì	TMD	2,20	2,20		Huyện Thanh Trì	2022
273	Trung tâm dịch vụ thương mại, tài chính, ngân hàng	TMD	30,00		30,00	Huyện Thanh Trì	2021-2025
274	Kho vận hàng hóa, dịch vụ phụ trợ cho cụm công nghiệp Duyên Thái và khu vực phía Nam Hà Nội	TMD	6,60		6,60	Huyện Thường Tín	2022-2025
275	Đất thương mại dịch vụ thị trấn Thường Tín	TMD	2,00		2,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
276	Khu dịch vụ thương mại kết hợp bãi đỗ xe tỉnh	TMD	0,86		0,86	Huyện Thường Tín	2022-2025

277	Khu thương mại dịch vụ Bắc Vân Tảo	TMD	0,16		0,16	Huyện Thường Tín	2022-2025
278	Khu thương mại dịch vụ giáp đường 427	TMD	0,15		0,15	Huyện Thường Tín	2022-2025
279	Khu thương mại dịch vụ Thống Nhất	TMD	0,82		0,82	Huyện Thường Tín	2022-2025
280	Bãi tập kết, trung chuyển kinh doanh VLXD	TMD	25,43		25,43	Huyện Thường Tín	2022-2025
281	GPMB tạo quỹ đất sạch để Đấu giá QSD đất khu thương mại Sơn	TMD	0,55		0,55	Huyện Thường Tín	2021
282	Đấu giá quyền sử dụng đất khu thương mại tại ô đất HH.01 tại khu K2	TMD	0,53		0,53	Huyện Thường Tín	2021
283	Đấu giá QSD đất khu thương mại - dịch vụ Bách Nghệ Vinh ô đất CCĐT.01 tại khu K2, thị trấn Thường Tín	TMD	0,45		0,45	Huyện Thường Tín	2021
284	Cửa hàng xăng dầu xã Văn Phú	TMD	0,02	0,02		Huyện Thường Tín	2022
285	Trụ sở văn phòng làm việc kết hợp trưng bày giới thiệu sản phẩm	TMD	0,52	0,52		Huyện Thường Tín	2022
286	Khu du lịch thương mại, dịch vụ Hồng Vân	TMD	30,00		30,00	Huyện Thường Tín	2021-2025
287	Xây dựng cửa hàng xăng dầu kết hợp Dịch vụ hỗ trợ đường bộ tại Đồng Vối, thôn Kim Bông, xã Kim Đường, huyện Ứng Hòa	TMD	0,50	0,50		Huyện Ứng Hòa	2022-2025
288	Khu vui chơi, giải trí và dịch vụ thương mại	TMD	2,14		2,14	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
289	Trung tâm thương mại và đất ở khu 1	TMD	3,52		3,52	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
290	Trung tâm thương mại và đất ở khu 2	TMD	1,02		1,02	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
291	Trung tâm thương mại và đất ở khu 3	TMD	1,05		1,05	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
292	Nhà điều hành sản xuất. văn phòng cho thuê. chung cư và Trung tâm thương mại tại khu đất số 31 Láng Hạ. phường Thành Công	TMD	1,00	0,99	0,01	Quận Ba Đình	2021-2025
293	Xây dựng tổ hợp trung tâm dịch vụ, văn hóa, nhà ở	TMD	6,83	6,83		Quận Ba Đình	2021-2025
294	Tiền Bò plaza	TMD	3,16	3,16		Quận Ba Đình	2021-2025
295	Dự án Khu phức hợp Giảng Võ tại 15-17 Ngọc Khánh	TMD	1,26	1,26		Quận Ba Đình	2021-2025
296	Dự án khách sạn Amiana Hotel Thành Công tại số 15 phố Thành Công	TMD	0,15	0,15		Quận Ba Đình	2021-2025
297	Tòa nhà văn phòng cho thuê và trung tâm thương mại	TMD	0,07	0,07		Quận Ba Đình	2021-2025
298	Dự án nhà điều hành sản xuất, văn phòng cho thuê, chung cư và trung tâm thương mại	TMD	1,00	1,00		Quận Ba Đình	2021-2025
299	Khu dịch vụ thương mại	TMD	3,16		3,16	Quận Bắc Từ Liêm	2022

300	Đất sử dụng hỗn hợp	TMD	0,54		0,54	Quận Cầu Giấy	2021
301	Tòa nhà thương mại dịch vụ kết hợp văn phòng làm việc và cho thuê	TMD	0,06		0,06	Quận Cầu Giấy	2021
302	Tòa nhà văn phòng và dịch vụ thương mại tại Lô đất 17 - E5 khu đô thị mới Cầu Giấy	TMD	0,42		0,42	Quận Cầu Giấy	2021
303	Trụ sở văn phòng tại Lô đất 19 - E5 khu đô thị mới Cầu Giấy	TMD	0,45		0,45	Quận Cầu Giấy	2021
304	Trụ sở làm việc và văn phòng cho thuê	TMD	0,12		0,12	Quận Cầu Giấy	2021
305	Toà nhà hỗn hợp văn phòng, dịch vụ thương mại và nhà ở	TMD	0,55		0,55	Quận Cầu Giấy	2021
306	Chợ dân sinh Hợp Nhất	TMD	0,01		0,01	Quận Cầu Giấy	2023-2025
307	Trung tâm dịch vụ thể thao và võ thuật, khách sạn và văn phòng	TMD	0,65		0,65	Quận Cầu Giấy	2023-2025
308	Tòa nhà thương mại , dịch vụ và văn phòng	TMD	0,19		0,19	Quận Cầu Giấy	2023-2025
309	Công trình toà nhà hỗn hợp siêu thị, dịch vụ thương mại và căn hộ để bán (ô đất C3/HH)	TMD	0,57		0,57	Quận Cầu Giấy	2023-2025
310	Công trình Tổ hợp thương mại, dịch vụ công cộng hàng ngày, phòng khám đa khoa và bãi đỗ xe (ô đất B9/CC1 và B9/CC3)	TMD	0,91		0,91	Quận Cầu Giấy	2023-2025
311	Dự án: Xây dựng trụ sở văn phòng làm việc.	TMD	0,38		0,38	Quận Cầu Giấy	2023-2025
312	Tổng công ty điện tử và tin học Việt Nam	TMD	0,43		0,43	Quận Cầu Giấy	2023-2025
313	Công ty cổ phần sữa Việt Nam (Vinamilk)	TMD	0,38		0,38	Quận Cầu Giấy	2023-2025
314	Tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam	TMD	0,42		0,42	Quận Cầu Giấy	2023-2025
315	Dự án: Trụ sở văn phòng CĐT: Tổng công ty máy và thiết bị công nghiệp	TMD	0,45		0,45	Quận Cầu Giấy	2023-2025
316	Công ty đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam	TMD	0,42		0,42	Quận Cầu Giấy	2023-2025
317	Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam	TMD	1,02		1,02	Quận Cầu Giấy	2023-2025
318	Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp – kinh doanh tổng hợp Hợp Nhất	TMD	0,32		0,32	Quận Cầu Giấy	2023-2025
319	Dự án: Xây dựng tòa nhà văn phòng làm việc Tranconsin.	TMD	0,21		0,21	Quận Cầu Giấy	2023-2025
320	Dự án: Xây dựng trụ sở làm việc và văn phòng cho thuê	TMD	0,19		0,19	Quận Cầu Giấy	2023-2025
321	Dự án: Xây dựng trụ sở, văn phòng giao dịch, trung tâm dịch vụ khách hàng.	TMD	0,19		0,19	Quận Cầu Giấy	2023-2025
322	Dự án: Xây dựng trung tâm bán giới thiệu xe ô tô Honda và các loại xe khác.	TMD	0,53		0,53	Quận Cầu Giấy	2023-2025

323	Dự án: Xây dựng khu văn phòng, dịch vụ và dạy nghề.	TMD	0,76		0,76	Quận Cầu Giấy	2023-2025
324	GPMB 59,5 m2 (còn lại) của dự án: Xây dựng TTTM, VP và nhà CCCT để bán và cho thuê tại 302 CG	TMD	0,01		0,01	Quận Cầu Giấy	2023-2025
325	Đất thương mại dịch vụ	TMD	0,49		0,49	Quận Cầu Giấy	2023-2025
326	Đất thương mại dịch vụ	TMD	0,63		0,63	Quận Cầu Giấy	2023-2025
327	Đất thương mại dịch vụ	TMD	0,02		0,02	Quận Cầu Giấy	2023-2025
328	Đất sử dụng hỗn hợp	TMD	1,46		1,46	Quận Cầu Giấy	2023-2025
329	Văn phòng làm việc, cho thuê và cửa hàng giới thiệu sản phẩm	TMD	0,25	0,25		Quận Đống Đa	2021-2025
330	Dự án tòa nhà văn phòng Tổng công ty V1WASEEN	TMD	0,13	0,13		Quận Đống Đa	2021-2025
331	Tòa nhà TMDV Hỗn Hợp	TMD	0,52	0,52		Quận Đống Đa	2021-2025
332	Quỹ đất phát triển Dịch Vụ	TMD	5,00	5,00		Quận Đống Đa	2021-2025
333	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất dịch vụ Đồng Bo, Đồng Chúc, Cửa Cầu, Đồng Men (Khu A) thôn Trinh Lương, Phú Lương	TMD	6,95	0,45	6,50	Quận Hà Đông	2021-2022
334	Điểm kinh doanh xăng dầu QL 21B Phường Phú Lãm	TMD	0,30		0,30	Quận Hà Đông	2021-2022
335	Tổ hợp TTTM và dịch vụ hỗn hợp Dương Nội, Hà Đông	TMD	1,40		1,40	Quận Hà Đông	2021-2023
336	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất dịch vụ thôn Mậu Lương (xứ đồng Ma Tre, Bò Đa, Hàng Bè). Phần thu hồi bổ sung	TMD	0,23		0,23	Quận Hà Đông	2021-2022
337	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất dịch vụ thôn Văn Nội thuộc các xứ đồng Gũng, Ma Lẽ, Ma Chằm phường Phú Lương	TMD	3,69	3,24	0,45	Quận Hà Đông	2021
338	Cây xăng X2 đường Lê Trọng	TMD	0,20		0,20	Quận Hà Đông	2021-2022
339	Đất Kinh doanh dịch vụ	TMD	0,36		0,36	Quận Hà Đông	2021-2025
340	Dự án tại khu đất Công ty cổ phần thương mại Xi Măng	TMD	1,51		1,51	Quận Hai Bà Trưng	2021-2025
341	Dự án tại điểm đất Công ty Dệt Minh Khai	TMD	1,82		1,82	Quận Hai Bà Trưng	2021-2025
342	Dự án tại khu đất công ty Vải sợi Miền Bắc	TMD	0,82		0,82	Quận Hai Bà Trưng	2021-2025
343	Dự án tại khu đất Công ty cổ phần đầu tư và xây lắp Nhật Anh	TMD	0,56		0,56	Quận Hai Bà Trưng	2021-2025
344	Dự án tại khu đất Công ty cổ phần dệt 10/10	TMD	0,33		0,33	Quận Hai Bà Trưng	2021-2025
345	Dự án tại khu đất Công ty cổ phần thương mại Xi Măng	TMD	1,51		1,51	Quận Hai Bà Trưng	2021-2025
346	Dự án tại điểm đất Công ty Dệt Minh Khai	TMD	1,82		1,82	Quận Hai Bà Trưng	2021-2025
347	Dự án tại khu đất công ty Vải sợi Miền Bắc	TMD	0,82		0,82	Quận Hai Bà Trưng	2021-2025
348	Dự án tại khu đất Công ty cổ phần đầu tư và xây lắp Nhật Anh	TMD	0,56		0,56	Quận Hai Bà Trưng	2021-2025

349	Dự án tại khu đất Công ty cổ phần dệt 10/10	TMD	0,33		0,33	Quận Hai Bà Trưng	2021-2025
350	Chợ và các dịch vụ thương mại Đại Từ	TMD	0,25		0,25	Quận Hoàng Mai	2022
351	Chợ và các dịch vụ thương mại Vĩnh Hưng	TMD	0,70		0,70	Quận Hoàng Mai	2022
352	Chợ và các dịch vụ thương mại Vĩnh Tuy	TMD	0,12		0,12	Quận Hoàng Mai	2022
353	Kho bãi Xứ Đồng (Dự án bãi đỗ xe, trung tâm thương mại Aeonmall Hoàng Mai - Giáp Bát)	TMD	6,10	6,10		Quận Hoàng Mai	2021
354	Tòa nhà văn phòng và giới thiệu sản phẩm Cầu Tiên	TMD	0,10	0,10		Quận Hoàng Mai	2021
355	Dự án đầu tư xây dựng văn phòng cửa hàng kinh doanh giới thiệu sản phẩm	TMD	0,05	0,05		Quận Hoàng Mai	2022
356	Dự án siêu thị METRO Hà Nội II	TMD	1,69	1,69		Quận Hoàng Mai	2022
357	Chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật ô quy hoạch B.2/HH5 và số 374, 376, 378 ô đất thuộc ô quy hoạch C.2/HH4, C.2/LX4, ô đất thuộc ô quy hoạch B.1/CQ3, phường Đức Giang	TMD	0,80		0,80	Quận Long Biên	2022
358	Chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật ô đất thuộc ô quy hoạch D.5/CC3, phụ cận tuyến đường quy hoạch 30m, phường Sài Đồng	TMD	0,53		0,53	Quận Long Biên	2022
359	Xây dựng cửa hàng xăng dầu tại đường Cổ Linh tại ô G2.P4	TMD	0,43		0,43	Quận Long Biên	2022
360	Ô đất C2-1/CCDVO3 (E.3/CC4) phường Bồ Đề (Đấu giá đất công cộng, thương mại, dịch vụ)	TMD	0,28		0,28	Quận Long Biên	2022
361	Ô đất A.2/CC2 phường Thượng Thanh (Đấu giá đất công cộng, thương mại, dịch vụ)	TMD	0,26		0,26	Quận Long Biên	2022
362	Ô đất B.4/CC phường Thượng Thanh (Đấu giá đất công cộng, thương mại, dịch vụ)	TMD	0,20		0,20	Quận Long Biên	2022
363	Xây dựng xưởng in, sản xuất bao bì các mặt hàng về giấy tại phường Việt Hưng	TMD	0,38		0,38	Quận Long Biên	2022
364	Công trình hỗn hợp văn phòng, thương mại dịch vụ và khách sạn	TMD	1,67		1,67	Quận Long Biên	2022
365	Ô đất C2-1/CCDVO2 (E.3/CC3) phường Bồ Đề (đấu giá đất công cộng, thương mại, dịch vụ)	TMD	0,13		0,13	Quận Long Biên	2022
366	Xây dựng công trình siêu thị, dịch vụ thương mại tại phường Bồ Đề, quận Long Biên, Hà Nội	TMD	0,96		0,96	Quận Long Biên	2022
367	Khu Dịch vụ tổng hợp	TMD	7,35		7,35	Quận Long Biên	2022
368	Văn phòng, trung tâm giao dịch giới thiệu sản phẩm và công trình thương mại dịch vụ	TMD	1,93		1,93	Quận Long Biên	2022

369	Dự án đầu tư xây dựng khách sạn, văn phòng tại ô đất G4/CCKO, phường Thạch Bàn, quận Long Biên	TMD	4,30		4,30	Quận Long Biên	2022
370	Trung tâm bán buôn cấp vùng tại KĐT Long Biên	TMD	20,00		20,00	Quận Long Biên	2021-2025
371	Trung tâm thương mại quốc tế tại KĐT Long Biên	TMD	30,00		30,00	Quận Long Biên	2021-2025
372	Trung tâm mua sắm cấp vùng tại KĐT Long Biên	TMD	20,00		20,00	Quận Long Biên	2021-2025
373	Dự án tổ hợp trung tâm thương mại, văn phòng và căn hộ ở cầu Vĩnh Tuy	TMD	0,91		0,91	Quận Long Biên	2021-2025
374	Tòa nhà hỗn hợp Văn Phú Complex	TMD	2,27		2,27	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
375	Dự án Thành phố công nghệ Xanh Hà Nội	TMD	55,04		55,04	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
376	Trung tâm thương mại Aeonmall Hà Đông	TMD	0,22		0,22	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
377	Dự án đầu tư xây dựng khu dịch vụ, thương mại và chăm sóc sức khỏe cộng đồng EMICO tại	TMD	1,18		1,18	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
378	Trụ sở làm việc, thương mại dịch vụ và văn phòng cho thuê	TMD	0,23		0,23	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
379	Tòa nhà hỗn hợp - trụ sở công ty tại ô đất ký hiệu D14, khu đô thị Cầu Giấy	TMD	0,53		0,53	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
380	Công trình hỗn hợp thương mại, dịch vụ, nhà ở tại ô đất K4-1/CCĐT1	TMD	3,50		3,50	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
381	Tòa nhà cơ quan, Văn phòng kết hợp trung tâm giới thiệu và bảo hành sản phẩm	TMD	0,44		0,44	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
382	Khu nhà ở sinh thái, bãi đỗ xe tập trung, công viên vui chơi, giải trí, dịch vụ TDTT	TMD	5,13		5,13	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
383	Dự án xây dựng trung tâm văn hóa bồi dưỡng giáo viên và đổi mới phương pháp dạy học Mason	TMD	2,23		2,23	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
384	Khu thương mại dịch vụ kết hợp cây xanh và thể thao	TMD	2,35		2,35	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
385	Xây dựng trụ sở văn phòng cho thuê tại đường Dương Khuê, phường Mỹ Đình 2	TMD	0,12		0,12	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
386	Xây dựng tòa nhà thương mại, dịch vụ và khách sạn Âu Lạc B tại phường Mỹ Đình 2	TMD	1,20		1,20	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
387	Trung tâm giới thiệu sản phẩm công nghệ xanh (Công ty CP AHCOM Việt Nam)	TMD	0,43		0,43	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
388	Khu văn phòng, khách sạn và dịch vụ Song Phúc	TMD	0,33		0,33	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
389	Nhà ở thương mại Minh Anh	TMD	0,61		0,61	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025

390	Khách sạn hoa sen Hà Nội tại Mễ Trì	TMD	4,60		4,60	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
391	Khu thương mại dịch vụ Âu Lạc A tại phường Đại Mỗ	TMD	3,27		3,27	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
392	GPMB và xây dựng hàng rào chống lấn chiếm tại Ao Thủy Dương, phường Quảng An	TMD	0,44		0,44	Quận Tây Hồ	2021
393	Dự án xây dựng khu cây xanh, kết hợp sân thể thao và công trình dịch vụ công cộng có tính chất kinh doanh	TMD	0,38	0,37	0,01	Quận Tây Hồ	2021
394	Tổ hợp văn phòng, khách sạn, thương mại dịch vụ và nhà ở tại ô đất ký hiệu D3 - HH12 phường Xuân La, quận Tây Hồ và phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy.	TMD	0,82		0,82	Quận Tây Hồ	2021
395	Dự án đầu tư xây dựng quây cung cấp thông tin quảng bá du lịch xung quanh Hồ Tây	TMD	0,00		0,00	Quận Tây Hồ	2021
396	Công trình đỗ xe, showroom ô tô và phụ trợ	TMD	0,60		0,60	Quận Tây Hồ	2021
397	Dự án đầu tư xây dựng Trường THCS tư thục Chìa khóa vàng	TMD	0,42		0,42	Quận Tây Hồ	2021
398	Dự án xây dựng gara ô tô tại khu vực hồ Bụng Cá	TMD	1,04		1,04	Quận Tây Hồ	2021
399	Đấu giá cho thuê đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp thuộc quỹ đất nông nghiệp công ích do UBND phường quản lý	TMD	55,71		55,71	Quận Tây Hồ	2021
400	Dự án tòa nhà Nam Đại Việt tại lô đất B1-CQ3 đường Phú Thượng phường Phú Thượng, quận Tây Hồ theo hình thức thỏa thuận nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất.	TMD	0,82		0,82	Quận Tây Hồ	2021
401	Đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án xây dựng công trình tổ hợp công viên vui chơi giải trí và phụ trợ	TMD	0,27		0,27	Quận Tây Hồ	2022
402	Dự án xây dựng Trường THCS tư thục Chìa khóa vàng	TMD	0,42		0,42	Quận Tây Hồ	2022
403	Dự án xây dựng khu cây xanh, kết hợp sân thể thao và công trình dịch vụ công cộng có tính chất kinh doanh, phường Yên Phụ	TMD	0,38		0,38	Quận Tây Hồ	2021-2025
404	Dự án đầu tư Công viên sinh thái (Tập đoàn Hanaka)	TMD	1,30		1,30	Quận Tây Hồ	2024
405	Dự án đấu giá quyền thuê đất đối với các điểm thu hoa lợi công sản (27 điểm trên địa bàn Phường)	TMD	22,15		22,15	Quận Tây Hồ	2021-2025

406	Dự án đầu giá quyền thuê đất đối với các điểm thu hoa lợi công sản (31 điểm trên địa bàn Phường Tứ Liên)	TMD	11,38		11,38	Quận Tây Hồ	2021-2025
407	Khu đất đặc 10 Phường Tứ Liên (hộ ông Phạm Ngọc Châu - đầu giá thuê đất)	TMD	0,26		0,26	Quận Tây Hồ	2021-2025
408	Đầu giá cho thuê đất thuộc quỹ đất công ích UBND phường Nhật Tân quản lý tại khu Đàm Bảy	TMD	4,26		4,26	Quận Tây Hồ	2021-2025
409	Đầu giá cho thuê đất thuộc quỹ đất công ích UBND phường Nhật Tân quản lý tại khu vực sân bóng và nhà hàng Hải Yến	TMD	4,07		4,07	Quận Tây Hồ	2021-2025
410	Đầu giá quyền thuê đất 29 Quãng B, TMD 1,30 ha	TMD	1,30		1,30	Quận Tây Hồ	2021-2025
411	Trung tâm Thương mại dịch vụ Hạ Đình	TMD	0,98		0,98	Quận Thanh Xuân	2022
412	Tòa nhà hỗn hợp thương mại dịch vụ và văn phòng	TMD	0,45	0,45		Quận Thanh Xuân	2022
413	Khách sạn TSG Cửu Long (Amachi Hotel)	TMD	0,20	0,20		Quận Thanh Xuân	2022
414	Xây dựng cây xăng tại khu Đồng Đạo, thôn Nhà Thờ, xã Kim Sơn	TMD	0,20		0,20	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
415	Xây dựng cây xăng dầu tại xã Đường Lâm	TMD	0,28		0,28	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
416	Xây dựng cây xăng dầu tại khu Đồi Bương, xã Đường Lâm	TMD	0,50		0,50	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
417	Xây dựng cây xăng dầu tại QL 21 xã Sơn Đông	TMD	0,17	0,07	0,10	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
418	Trại trại nông lâm sinh thái bền vững - Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí và dưỡng lão.	TMD	30,00		30,00	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
419	Đất thương mại, dịch vụ hỗn hợp tại khu đất Kỹ nghệ thực phẩm 19/5	TMD	5,24		5,24	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
420	Xây dựng cây xăng dầu tại khu Gò Giang - Nương Củ, thôn Lạc Trung, xã Cổ Đông	TMD	1,00		1,00	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
421	Xây dựng điểm kinh doanh vật liệu xây dựng tại khu Hồng Hậu, Yên Thịnh	TMD	1,49	1,49		Thị xã Sơn Tây	2023-2025
422	Dự án Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng thôn Lòng Hồ, xã Kim Sơn	TMD	76,93		76,93	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
423	Chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang đất thương mại, dịch vụ, phường Trung Sơn Trầm	TMD	1,50	1,50		Thị xã Sơn Tây	2023-2025
424	Xây dựng Khu thương mại dịch vụ và siêu thị Lan chi tại thị xã Sơn Tây	TMD	2,20		2,20	Thị xã Sơn Tây	2022
425	Khu du lịch sinh thái khu vực Đàm Hương, xã Kim Sơn	TMD	8,00	8,00		Thị xã Sơn Tây	2023-2025

426	Mở rộng và chuyển mục đích sang thương mại dịch vụ tại xã Cổ Đông	TMD	12,00	7,00	5,00	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
427	Khu du lịch sinh thái, xã Cổ Đông	TMD	7,34		7,34	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
428	Khu thương mại Sông Hang, xã Thanh Mỹ	TMD	7,00		7,00	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
429	Khu nhà vườn sinh thái tại xã Cổ Đông	TMD	146,50		146,5	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
430	Xây dựng khách sạn tại phường Trung Hưng, Quang Trung, Sơn Lộc	TMD	0,40		0,40	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
431	Khu công viên dịch vụ du lịch giải trí Đồng Mô, xã Sơn Đông	TMD	263,50	#####	150,0	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
432	Điểm giết mổ gia súc gia cầm tập trung tại khu Đồng Chèo, xã Thanh Mỹ	TMD	1,20	0,20	1,00	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
433	Trung tâm thương mại cấp vùng thị xã Sơn Tây	TMD	20,00		20,00	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
434	Xây dựng khu nghỉ dưỡng tại Xuân Sơn	TMD	7,35	3,60	3,75	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
B.3	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC					
1	Khu sơ chế thủy sản	SKC	6,40		6,40	Huyện Ba Vì	2021
2	Khu giết mổ gia súc gia cầm	SKC	2,50		2,50	Huyện Ba Vì	2021
3	Khu điều dưỡng nước khoáng nóng	SKC	16,98		16,98	Huyện Ba Vì	2021
4	Làng nghề miền đông Minh Hồng	SKC	1,50		1,50	Huyện Ba Vì	2021
5	Xây dựng nhà máy, hệ thống cấp nước sạch nông thôn huyện Ba Vì, Hà Nội	SKC	5,50		5,50	Huyện Ba Vì	2021
6	Xây dựng lò mổ gia súc gia cầm tập trung tại Khu Bình Sơn, thị trấn Chúc Sơn	SKC	0,60		0,60	Huyện Chương Mỹ	2022
7	Xây dựng cơ sở giết mổ gia súc tập trung tại xã Tốt Động	SKC	0,80		0,80	Huyện Chương Mỹ	2022
8	Dự án xây dựng cơ sở giết mổ Vũ Văn Khương	SKC	0,23		0,23	Huyện Chương Mỹ	2022
9	Nhu cầu sử dụng đất cơ sở sản xuất kinh doanh	SKC	7,60		7,60	Huyện Chương Mỹ	2022
10	Xây dựng xưởng sản xuất dây và cáp điện	SKC	0,48		0,48	Huyện Chương Mỹ	2022
11	Dự án xây dựng cơ sở giết mổ	SKC	0,13		0,13	Huyện Chương Mỹ	2022
12	Trung tâm nguyên phụ liệu dệt may da giày	SKC	1,97		1,97	Huyện Đông Anh	2021-2025
13	Xây dựng mở rộng mặt bằng sản xuất (Tên cũ: Mở rộng mặt bằng sản xuất của công ty cổ phần in sách giáo khoa)	SKC	0,76		0,76	Huyện Đông Anh	2021-2025
14	Xưởng chế biến nông sản	SKC	0,50		0,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
15	Xây dựng nhà xưởng sản xuất, văn phòng giao dịch, cửa hàng giới thiệu sản phẩm	SKC	2,62		2,62	Huyện Đông Anh	2021-2025

16	Khu công nghệ thông tin tập trung Đông Anh (Tên cũ: Khu công viên phần mềm và nội dung số trọng điểm)	SKC	71,76		71,76	Huyện Đông Anh	2024-2025
17	Giải phóng mặt bằng phục vụ đấu giá quyền thuê đất tại khu Ga Phú Thụy, xã Dương Xá, huyện Gia Lâm	SKC	11,20	11,20		Huyện Gia Lâm	2022
18	Mở rộng quy mô dự án Nhà máy sản xuất	SKC	3,71	3,71		Huyện Gia Lâm	2022
19	Xây dựng nhà máy thiết bị giáo dục	SKC	1,52	1,52		Huyện Gia Lâm	2022
20	Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất theo quy hoạch khu chức năng CCKO1 thuộc quy hoạch chi tiết hai bên tuyến đường 179	SKC	1,53	1,53		Huyện Gia Lâm	2022
21	Xây dựng văn phòng và nhà xưởng sản xuất	SKC	2,27	2,27		Huyện Gia Lâm	2022
22	Mở rộng Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam	SKC	2,24	2,24		Huyện Gia Lâm	2022
23	Khu tiểu thủ công nghiệp	SKC	6,00	6,00		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
24	Dự án chuyển mục đích sử dụng đất sang đất sản xuất kinh doanh của hộ bà Nguyễn Thị Lương tại xã Phú Túc	SKC	0,40		0,40	Huyện Phú Xuyên	2022
25	Khu liên hợp giết mổ gia súc tập trung và chế biến thực phẩm kỹ thuật cao xã Quang Lãng	SKC	4,30		4,30	Huyện Phú Xuyên	2022
26	Thực hiện dự án mở rộng Trung tâm nghiên cứu vẹt Đại Xuyên	SKC	7,12		7,12	Huyện Phú Xuyên	2022
27	Xây dựng nhà máy xử lý nước sạch	SKC	4,00		4,00	Huyện Phúc Thọ	2021-2022
28	Xây dựng nhà máy nước sạch Long Xuyên - Thượng Cốc	SKC	0,52		0,52	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
29	Xây dựng công trình cấp nước sạch liên xã Vân Phúc, Xuân Phú, Vân Nam	SKC	0,32		0,32	Huyện Phúc Thọ	2021-2022
30	Dự án: Tiếp nhận, đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống cấp nước sạch xã Vĩng Xuyên, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội	SKC	0,10		0,10	Huyện Phúc Thọ	2021-2022
31	Trạm nước sạch Bảo Lộc	SKC	0,05		0,05	Huyện Phúc Thọ	2021-2022
32	Khu giết mổ tập trung Sen Chiểu	SKC	1,00		1,00	Huyện Phúc Thọ	2021-2025
33	Dự án thủ tục thuê đất của công ty TNHH Cường Lập tại khu vực Ả Hè, Đồng Tròn	SKC	2,02	2,02		Huyện Sóc Sơn	2022
34	Dự án thủ tục thuê đất của công ty TNHH Thương mại Toàn Năng	SKC	0,74	0,74		Huyện Sóc Sơn	2022
35	Dự án thủ tục thuê đất của công ty TNHH trà Hoàng Long	SKC	0,81	0,81		Huyện Sóc Sơn	2022
36	Dự án thủ tục thuê đất của công ty TNHH Thương mại và đầu tư Đại Thành	SKC	0,96	0,96		Huyện Sóc Sơn	2022

37	Dự án thủ tục thuê đất của công ty TNHH chè Thành Vinh	SKC	0,35	0,35		Huyện Sóc Sơn	2022
38	Dự án thủ tục thuê đất của công ty TNHH chè Thái Hòa	SKC	0,54	0,54		Huyện Sóc Sơn	2022
39	Dự án thủ tục thuê đất của công ty TNHH sản xuất Thương mại trà Thăng Long 1	SKC	1,80	1,80		Huyện Sóc Sơn	2022
40	Dự án thủ tục thuê đất của công ty TNHH Cường Lập tại khối 13	SKC	1,06	1,06		Huyện Sóc Sơn	2022
41	Dự án thủ tục thuê đất của công ty TNHH Thép An Khánh	SKC	1,19	1,19		Huyện Sóc Sơn	2022
42	Dự án thủ tục thuê đất của công ty cổ phần công nghệ Tin Tin	SKC	1,78	1,78		Huyện Sóc Sơn	2022
43	Dự án thủ tục thuê đất của công ty TNHH chè Long Dương	SKC	0,54	0,54		Huyện Sóc Sơn	2022
44	Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để thực hiện Dự án xây dựng nhà máy sản xuất Gạch Tuynel công nghệ hiện đại	SKC	2,42	2,42		Huyện Sóc Sơn	2022
45	Đấu giá cho thuê QSD đất xây dựng HTKT cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung tại xã Bình Minh, huyện Thanh Oai	SKC	4,30	4,30		Huyện Thanh Oai	2021-2022
46	Đấu giá cho thuê quyền sử dụng đất tại cụm công nghiệp làng nghề Thanh Thùy giai đoạn 3 (Lô C) xã Thanh Thùy, huyện Thanh Oai	SKC	1,48	1,48		Huyện Thanh Oai	2021-2022
47	Xây dựng nhà máy may xã Vân Tảo, huyện Thường Tín	SKC	3,00	3,00		Huyện Thường Tín	2021
48	Xây dựng văn phòng công ty	SKC	0,03		0,03	Quận Ba Đình	2021-2025
49	Dự án: Đầu tư xây dựng xưởng lắp ráp thiết bị điện tử.	SKC	0,50		0,50	Quận Cầu Giấy	2023-2025
50	Đấu giá cho thuê đất Khu HTX-02 điểm tiêu thụ công nghiệp làng nghề dệt lụa Vạn Phúc	SKC	0,30	0,30		Quận Hà Đông	2021
51	Xây dựng nhà điều hành quản lý điện chiếu sáng Công ty TNHH MTV chiếu sáng và thiết bị đô thị	SKC	0,25		0,25	Quận Long Biên	2022
52	Xây dựng nhà máy sản xuất hóa chất Silica	SKC	5,00		5,00	Quận Long Biên	2022
53	Xây dựng văn phòng và nhà trưng bày sản phẩm của Công ty cổ phần may Sơn Hà	SKC	0,56	0,56		Thị xã Sơn Tây	2023-2025
54	Khu làng nghề, tiêu thụ công nghiệp xã Sơn Đông	SKC	10,00		10,00	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
B.4	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS					
1	Mỏ Kiều Mộc	SKS	13,23		13,23	Huyện Ba Vì	2021
2	Mỏ Phú Châu	SKS	103,58		103,58	Huyện Ba Vì	2021
3	Mỏ đất Phú Sơn	SKS	70,00		70,00	Huyện Ba Vì	2021
4	Mỏ đất Khánh Thượng	SKS	50,00		50,00	Huyện Ba Vì	2021
5	Mỏ cát Châu Sơn	SKS	16,98		16,98	Huyện Ba Vì	2021
6	Mỏ Cam Thượng	SKS	8,95		8,95	Huyện Ba Vì	2021

7	Mỏ Cổ đô- Phú Cường	SKS	156,62		156,62	Huyện Ba Vì	2021
8	Mỏ Vĩnh Khang	SKS	36,20		36,20	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
9	Mỏ Kim Thanh	SKS	41,00		41,00	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
10	Mỏ cát Hồng Vân	SKS	4,00		4,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
B.5	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX					
1	Đầu tư thăm dò, khai thác cát tại xã Đại Mạch	SKX	7,80	6,20	1,60	Huyện Đông Anh	2021
2	Khu sản xuất vật liệu xây dựng xã Hồng Sơn	SKX	4,80	4,80		Huyện Mỹ Đức	2022
3	Điểm sản xuất vật liệu xây dựng	SKX	0,10		0,10	Huyện Hoài Đức	2023
4	Điểm sản xuất vật liệu xây dựng	SKX	0,10		0,10	Huyện Hoài Đức	2023
5	Điểm sản xuất vật liệu xây dựng	SKX	0,10		0,10	Huyện Hoài Đức	2023
6	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất để cho thực hiện dự án sản xuất vật liệu xây dựng tại khu Núi Vua và khu Núi Dài tại thôn Hòa Lạc xã An Tiến	SKX	9,60	9,60		Huyện Mỹ Đức	2022
7	Sản xuất vật liệu xây dựng bãi nổi Sông Hồng (xã Xuân Phú cũ)	SKX	5,50		5,50	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
8	Sản xuất vật liệu xây dựng bãi nổi Sông Hồng (xã Cẩm Đình cũ)	SKX	10,00		10,00	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
9	Sản xuất gạch đá mặt, Bãi vật liệu xây dựng	SKX	0,37		0,37	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
B.6	Đất giao thông	DGT					
1	Đường giao thông liên xã Tây Đằng- Vật Lại	DGT	8,00		8,00	Huyện Ba Vì	2021
2	Đường nối từ cầu Văn Lang đến TL411B đến xã Đồng Thái	DGT	4,00		4,00	Huyện Ba Vì	2021
3	Đường trục thôn Tri Lai, xã Đồng Thái	DGT	1,50		1,50	Huyện Ba Vì	2021
4	Đường trục thôn Đồng Bảng (từ TL411 đến trường Mầm non Đồng Bảng	DGT	0,80		0,80	Huyện Ba Vì	2021
5	Đường nối QL 32 - Nghĩa trang Yên Kỳ - Hồ Suối Hai	DGT	19,20		19,20	Huyện Ba Vì	2021
6	Xây dựng tuyến đường kéo đầu đường cầu Văn Lang nối đường QL32-Yên Kỳ- Suối Hai	DGT	7,60		7,60	Huyện Ba Vì	2021
7	Mở mới, nâng cấp các tuyến đường toàn xã	DGT	4,35		4,35	Huyện Ba Vì	2021
8	Đường tây yên kỳ đoạn tòng bát-phú nhiên- QL32	DGT	0,20		0,20	Huyện Ba Vì	2021
9	Đường liên thôn Vật lại 1,2,3	DGT	2,30		2,30	Huyện Ba Vì	2021
10	Gia cố chống sạt lở bờ sông tại xã Chu Minh - Đông Quang	DGT	2,15		2,15	Huyện Ba Vì	2021
11	Đường Cẩm Lĩnh - Ba Trại	DGT	1,35		1,35	Huyện Ba Vì	2021
12	Đường Sơn Đà - Thuần Mỹ	DGT	0,94		0,94	Huyện Ba Vì	2021
13	Đường giao thông liên xã thị trấn Tây Đằng- Tiên Phong	DGT	0,60		0,60	Huyện Ba Vì	2021
14	Đường gom đầu nối QL32 (Thôn Thịnh Thôn - xã Cam Thượng đến Ngã ba Vật Phụ - xã Vật Lại)	DGT	6,00		6,00	Huyện Ba Vì	2021

15	Đường Sơn Đà - Thuận Mỹ	DGT	1,00		1,00	Huyện Ba Vì	2021
16	Cải tạo, nâng cấp đường TL414C đi xã Thuận Mỹ (nối khu du lịch Suối Hai với khu du lịch nước khoáng nóng Thuận Mỹ)	DGT	15,00		15,00	Huyện Ba Vì	2022
17	Đường nối TL414(87A cũ) đi Vân hòa	DGT	1,00		1,00	Huyện Ba Vì	2021
18	Đường trục xã Vân Hòa đi Tân Lĩnh	DGT	1,00		1,00	Huyện Ba Vì	2021
19	Đường trục xã Vân Hòa đi Tân Lĩnh	DGT	1,00		1,00	Huyện Ba Vì	2021
20	Đường vành đai 5	DGT	15,00		15,00	Huyện Ba Vì	2021
21	Xây dựng tuyến đường nối từ đường TL Tân Lĩnh-Yên Bài-Khoang xanh đi các khu du lịch sườn đồi núi Ba vì	DGT	7,56		7,56	Huyện Ba Vì	2021
22	Dự án Xây dựng đường hành lang chân đê tuyến đê hữu Đà và hữu Hồng huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội	DGT	40,04		40,04	Huyện Ba Vì	2021
23	Đường từ trung tâm hành chính II đi cụm công nghiệp Đồng Giai	DGT	7,00		7,00	Huyện Ba Vì	2021
24	Dự án đường tránh Quốc lộ 32	DGT	50,64		50,64	Huyện Ba Vì	2021
25	Đường tỉnh lộ 411	DGT	10,00		10,00	Huyện Ba Vì	2021
26	Cải tạo, nâng cấp tuyến Quốc lộ 32, đoạn Sơn Tây đến cầu Trung Hà (từ Km 55+200 - Km 62+500), huyện Ba Vì	DGT	30,02		30,02	Huyện Ba Vì	2022
27	Đường nối QL 32 - Nghĩa trang Yên Kỳ - Hồ Suối Hai	DGT	37,40		37,40	Huyện Ba Vì	2021
28	Đường giao thông liên xã Tiên Phong - Thụy An nối QL32 và TL 413 (giai đoạn 2)	DGT	1,87		1,87	Huyện Ba Vì	2021
29	Xây dựng tuyến đường Tây nghĩa trang Yên kỳ mở rộng	DGT	3,60		3,60	Huyện Ba Vì	2021
30	Đường liên xã Tòng Bạt- Cẩm Lĩnh (đoạn qua xã Tòng Bạt)	DGT	1,71		1,71	Huyện Ba Vì	2021
31	Đường HCM đoạn qua xã Tòng Bạt (đi qua Yên Bài, Tân Lĩnh, Vân Hòa, Ba Trại, Sơn Đà ,Tòng Bạt)	DGT	216,00		216,00	Huyện Ba Vì	2021
32	Cải tạo, nâng cấp đường từ Tỉnh lộ 414 đi vườn quốc gia Ba Vì, huyện Ba Vì	DGT	12,00		12,00	Huyện Ba Vì	2022
33	Đường giao thông liên xã Tây Đằng- Vật Lại	DGT	3,70		3,70	Huyện Ba Vì	2021
34	Dự án ĐTXD công trình cầu Bến Cốc	DGT	0,20		0,20	Huyện Chương Mỹ	2022
35	Dự án ĐTXD đường vào đất dịch vụ đồng Trà	DGT	4,54		4,54	Huyện Chương Mỹ	2022
36	Đường giao thông liên Xã Nam Phương Tiến đi xã Liên Sơn, huyện Lương Sơn (Hòa Bình)	DGT	2,35		2,35	Huyện Chương Mỹ	2022

37	Đường gom khu dân cư xã Tiên Phương - Quốc Lộ 6	DGT	0,04		0,04	Huyện Chương Mỹ	2022
38	Đường liên xã Thanh Bình, Tân Tiến, Nam Phương Tiến đi đường Hồ Chí Minh	DGT	9,50		9,50	Huyện Chương Mỹ	2022
39	Đường liên xã Thanh Bình, Tân Tiến, Nam Phương Tiến đi đường Hồ Chí Minh	DGT	3,10		3,10	Huyện Chương Mỹ	2022
40	Đường liên xã Thanh Bình, Tân Tiến, Nam Phương Tiến đi đường Hồ Chí Minh	DGT	3,20		3,20	Huyện Chương Mỹ	2022
41	Đường liên xã Thanh Bình, Tân Tiến, Nam Phương Tiến đi đường Hồ Chí Minh	DGT	3,20		3,20	Huyện Chương Mỹ	2022
42	Đường nối trục phát triển kinh tế đến khu công nghiệp Phú Nghĩa	DGT	1,80		1,80	Huyện Chương Mỹ	2022
43	Đường Phân luồng giao thông kết hợp cứng hóa mặt đê máng 7 (đoạn từ Thụy Hương - Hoàng Diệu)	DGT	0,04		0,04	Huyện Chương Mỹ	2022
44	Đường Phân luồng giao thông kết hợp cứng hóa mặt đê máng 7 (đoạn từ Chợ Cống - Thụy)	DGT	1,00		1,00	Huyện Chương Mỹ	2022
45	Đường từ xã Phụng Châu đi xã Tân Hòa (Quốc Oai)	DGT	2,60		2,60	Huyện Chương Mỹ	2022
46	Mở rộng nút giao thông đường tránh Chúc Sơn; Hạng mục: Xây dựng, mở rộng nền, mặt đường, rãnh thoát nước, vỉa hè, cây xanh, điện chiếu sáng	DGT	0,08		0,08	Huyện Chương Mỹ	2022
47	Nâng cấp cải tạo đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Thị trấn Chúc Sơn tới đường Hồ Chí Minh	DGT	7,70		7,70	Huyện Chương Mỹ	2022
48	Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh lộ 419	DGT	4,00		4,00	Huyện Chương Mỹ	2022
49	Nút giao thông đường Chúc Sơn - Lam Điền nối quốc lộ 6	DGT	0,03		0,03	Huyện Chương Mỹ	2022
50	Tuyến đường vào khu xử lý rác thải tập trung của Thành phố	DGT	1,90		1,90	Huyện Chương Mỹ	2022
51	Xây dựng tuyến đường gom phía Nam KCN Phú Nghĩa ra Quốc lộ 6, huyện Chương Mỹ (Đoạn qua điểm công nghiệp Tiên Phương và điểm công nghiệp Phú Nghĩa cũ)	DGT	1,04		1,04	Huyện Chương Mỹ	2022
52	Đường Hòa Chính - Thượng Vực	DGT	0,30		0,30	Huyện Chương Mỹ	2022
53	Đường Hòa Chính - Thượng Vực	DGT	0,40		0,40	Huyện Chương Mỹ	2022
54	Đường phân luồng giao thông kết hợp cứng hóa mặt đê máng 7 (đoạn từ xã Hoàng Diệu - xã Thượng Vực)	DGT	5,80		5,80	Huyện Chương Mỹ	2022

55	Đường phân luồng giao thông kết hợp cứng hóa mặt đê máng 7 (đoạn từ xã Hoàng Diệu - xã Thượng Vực)	DGT	2,80		2,80	Huyện Chương Mỹ	2022
56	Đường phân luồng giao thông kết hợp cứng hóa mặt đê máng 7 (đoạn từ xã Hoàng Diệu - xã Thượng Vực)	DGT	3,00		3,00	Huyện Chương Mỹ	2022
57	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường liên xã Quảng Bị đi xã Thượng Vực	DGT	4,40		4,40	Huyện Chương Mỹ	2022
58	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường liên xã Quảng Bị đi xã Thượng Vực	DGT	2,90		2,90	Huyện Chương Mỹ	2022
59	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường liên xã Quảng Bị đi xã Thượng Vực	DGT	3,00		3,00	Huyện Chương Mỹ	2022
60	Đường từ chợ Sề xã Hồng Phong đi xã Đồng Lạc, tỉnh lộ 429	DGT	13,50		13,50	Huyện Chương Mỹ	2022
61	Đường từ tỉnh lộ 419 đi cầu gôm xã Mỹ Lương	DGT	4,30		4,30	Huyện Chương Mỹ	2022
62	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường du lịch Chùa Trầm	DGT	13,00		13,00	Huyện Chương Mỹ	2022
63	Đường từ tỉnh lộ 419 đi trạm bơm tiêu An Vọng, xã Hoàng Diệu	DGT	3,90		3,90	Huyện Chương Mỹ	2022
64	Đường Gom khu dân cư xã Tiên Phương - Quốc Lộ 6	DGT	0,04		0,04	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
65	Dự án đầu tư xây dựng Công trình đường Phân luồng giao thông kết hợp với cứng hóa mặt đê máng 7	DGT	1,31		1,31	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
66	Dự án đầu tư xây dựng Công trình cầu Hạ Dục, xã Đồng Phú và xã Hồng Phong, huyện Chương Mỹ	DGT	0,15		0,15	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
67	Dự án đầu tư xây dựng Công trình cầu Đàm Mơ, xã Hồng Phong và xã Quảng Bị, huyện Chương Mỹ	DGT	1,74		1,74	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
68	Đường nối trục phát triển kinh tế đến khu công nghiệp Phú Nghĩa	DGT	1,80		1,80	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
69	Dự án ĐTXD đường vào đất dịch vụ đồng Trà	DGT	4,54		4,54	Huyện Chương Mỹ	2022
70	Đầu tư xây dựng tuyến đường vào khu xử lý chất thải tập trung	DGT	1,50		1,50	Huyện Chương Mỹ	2022
71	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ đường Hồ Chí Minh vào nhà máy xử lý rác thải Núi	DGT	0,80		0,80	Huyện Chương Mỹ	2022
72	Đường giao thông liên xã Nam Phương Tiến đi xã Liên Sơn, huyện Lương Sơn (Hòa Bình)	DGT	1,60		1,60	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
73	Dự án đường Hòa Chính Thượng Vực	DGT	2,28		2,28	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
74	Đường giao thông liên xã Hòa Chính - Thượng Vực	DGT	2,28		2,28	Huyện Chương Mỹ	2022

75	Dự án đường Hòa Chính Thượng Vực	DGT	2,28		2,28	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
76	Dự án ĐTXD đường Tân Tiến-CK2	DGT	0,14		0,14	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
77	Dự án ĐTXD đường Tân Tiến-Thủy Xuân Tiên	DGT	0,17		0,17	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
78	Dự án ĐTXD đường Trần Phú-Mỹ Lương	DGT	0,15		0,15	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
79	Giao thông đô thị Chúc Sơn	DGT	52,58		52,58	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
80	Đất giao thông đơn vị ở đô thị Chúc Sơn	DGT	39,09		39,09	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
81	Đất giao thông đối ngoại đô thị Chúc Sơn	DGT	21,51		21,51	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
82	Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp mở rộng và chỉnh trang tuyến đường Quốc lộ 6	DGT	15,00		15,00	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
83	Dự án đầu tư xây dựng Công trình cầu Hạ Dục, xã Đồng Phú và xã Hồng Phong, huyện Chương Mỹ	DGT	0,41		0,41	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
84	Dự án đầu tư xây dựng Công trình cầu Đầm Mơ, xã Hồng Phong và xã Quảng Bị, huyện Chương Mỹ	DGT	0,34		0,34	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
85	Dự án ĐTXD đường vào đất dịch vụ đồng Trà	DGT	0,50		0,50	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
86	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ đường Hồ Chí Minh vào nhà máy xử lý rác thải Núi	DGT	0,80		0,80	Huyện Chương Mỹ	2022
87	Đường giao thông liên xã Nam Phương Tiến đi xã Liên Sơn, huyện Lương Sơn (Hòa Bình)	DGT	1,60		1,60	Huyện Chương Mỹ	2022
88	Cải tạo, chỉnh trang tuyến đường từ huyện ủy đi chi cục thống kê huyện Chương Mỹ	DGT	0,15		0,15	Huyện Chương Mỹ	2022
89	Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 6 đoạn Ba La - Xuân Mai	DGT	91,52		91,52	Huyện Chương Mỹ	2022
90	Cải tạo, sửa chữa đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ cầu Zét đến đường vào UBND xã Tốt Động	DGT	0,65		0,65	Huyện Chương Mỹ	2022
91	Mở rộng nút giao ngã ba đường tránh chợ Chúc Sơn	DGT	0,04		0,04	Huyện Chương Mỹ	2022
92	Cải tạo hệ thống thoát nước và đường giao thông từ đường Chúc Sơn - Lam Điền đến Trung tâm y tế huyện Chương Mỹ	DGT	0,05		0,05	Huyện Chương Mỹ	2022
93	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường thị trấn Chúc Sơn (Từ An Phú đi TL 419)	DGT	0,30		0,30	Huyện Chương Mỹ	2022
94	Đường phân luồng giao thông kết hợp cứng hóa mặt đê máng 7	DGT	4,50		4,50	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
95	Dự án ĐTXD công trình cầu Bến Cốc	DGT	0,35		0,35	Huyện Chương Mỹ	2021-2025

96	Xây dựng tuyến đường gom phía Nam KCN Phú Nghĩa ra Quốc lộ 6, huyện Chương Mỹ (Đoạn qua điểm công nghiệp Tiên Phương và điểm công nghiệp Phú Nghĩa cũ)	DGT	1,04		1,04	Huyện Chương Mỹ	2022
97	Dự án chỉnh tranh cải tạo nâng cấp đường tỉnh lộ 419 trên địa bàn huyện Chương Mỹ	DGT	1,02		1,02	Huyện Chương Mỹ	2022
98	Nâng cấp cải tạo đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Thị trấn Chúc Sơn tới đường Hồ Chí Minh	DGT	7,70		7,70	Huyện Chương Mỹ	2022
99	Đường từ xã Phụng Châu đi xã Tân Hòa (Quốc Oai)	DGT	2,60		2,60	Huyện Chương Mỹ	2022
100	Cải tạo, nâng cấp đường từ Tỉnh lộ 419 đi đường Tránh đoạn qua thôn Chúc Lý, xã Ngọc Hòa	DGT	0,24		0,24	Huyện Chương Mỹ	2022
101	Đường Hoàng Diệu - Hợp Đồng	DGT	0,72		0,72	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
102	Đường Chúc Sơn - Hòa Chính (Trục đường liên kết Bắc Nam huyện)	DGT	37,20		37,20	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
103	Đường Đông Phương Yên - Đồng Lạc (Trục đường liên kết Bắc Nam huyện)	DGT	18,84		18,84	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
104	Đường Nguyễn Văn Trỗi - Đe Đáy	DGT	6,60		6,60	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
105	Cầu Mụ	DGT	0,21		0,21	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
106	Đường Tổ Hữu kéo dài	DGT	52,80		52,80	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
107	Cầu Trí Thủy	DGT	0,20		0,20	Huyện Chương Mỹ	2022
108	Đường liên xã Thanh Bình, Tân Tiến, Nam Phương Tiến đi đường Hồ Chí Minh	DGT	9,00		9,00	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
109	Giao thông nông thôn, giao thông nội đồng	DGT	1,50		1,50	Huyện Chương Mỹ	2022
110	Cải tạo nâng cấp đường Trần Phú đi Hồng Phong	DGT	1,50		1,50	Huyện Chương Mỹ	2022
111	Đường từ xã Phụng Châu đi xã Tân Hòa (Quốc Oai)	DGT	2,60		2,60	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
112	Đường trục Xuân Mai - Hoàng Văn Thụ	DGT	30,00		30,00	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
113	Đường từ Quốc lộ 6 đến UBND xã Trung Hòa	DGT	2,32		2,32	Huyện Chương Mỹ	2022
114	Cải tạo, nâng cấp đường Trường Yên - Trung Hòa - Tốt Động	DGT	4,85		4,85	Huyện Chương Mỹ	2022
115	Dự án đầu tư xây dựng cầu Hợp Đồng	DGT	0,04		0,04	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
116	Đường từ Quán Đoài Khê đến đường N12	DGT	0,02		0,02	Huyện Đan Phượng	2022
117	Dự án xây dựng hệ thống tiêu thoát nước kết hợp đường giao thông ao ông Đắc xã Liên Trung	DGT	0,08		0,08	Huyện Đan Phượng	2022

118	Cải tạo, nâng cấp đường Đồng Tháp 2. xã Đồng Tháp, từ trường mầm non Đồng Tháp đi xã Song Phượng	DGT	1,90		1,90	Huyện Đan Phượng	2022
119	Đường giao thông nối đường N4 với N1 từ Phương Đình đến Trung Châu	DGT	2,50		2,50	Huyện Đan Phượng	2022
120	Đường vào đền Văn Hiến	DGT	0,31		0,31	Huyện Đan Phượng	2022
121	Dự án xây dựng đường giao thông tuyến N1 đoạn từ đê Tiên Tân đến đường N4	DGT	10,00		10,00	Huyện Đan Phượng	2022
122	Đường nối đê Hữu Hồng đến đê quai Liên Trì (Đường 11 m, khu Đồng Quán)	DGT	0,30		0,30	Huyện Đan Phượng	2022
123	Đường giao thông từ chân cầu Phùng đến UBND xã Đồng Tháp	DGT	0,30		0,30	Huyện Đan Phượng	2022
124	Cải tạo đường giao thông từ Trường mầm non Đồng Tháp đến đường trục thôn Bãi Thuy, xã Đồng Tháp	DGT	0,40		0,40	Huyện Đan Phượng	2022
125	Đường vào trường THCS xã Tân Hội	DGT	0,35		0,35	Huyện Đan Phượng	2022
126	Cải tạo đường giao thông Đan Phượng - Tân Hội (qua trung tâm xã Tân Hội), huyện Đan Phượng	DGT	0,15		0,15	Huyện Đan Phượng	2022
127	Đường giao thông nối đường 422 vào cụm công nghiệp làng nghề xã Liên Hà	DGT	0,15		0,15	Huyện Đan Phượng	2022
128	Cải tạo, nâng cấp đường từ TL 417 đến điểm Thọ Vực, xã Thọ An	DGT	0,73		0,73	Huyện Đan Phượng	2022
129	Cải tạo, nâng cấp đường từ ông Thọ Sự cụm 7 đến giáp cụm 9 (đường Trung Dương Đông) xã Thọ An	DGT	0,29		0,29	Huyện Đan Phượng	2022
130	Đường giao thông từ đê Tiên Tân đến đường nối đường N4 đi N1	DGT	0,50		0,50	Huyện Đan Phượng	2022
131	Đường giao thông từ đường Tân Thành đi đường Tiên Tân xã Thượng Mỗ	DGT	1,20		1,20	Huyện Đan Phượng	2022
132	Tuyến đường 20,5m từ trường mầm non Tân Hội đến đường liên khu vực xã Tân Hội	DGT	1,30		1,30	Huyện Đan Phượng	2022
133	Đường giao thông N19 đoạn từ đường N12 đi đê Tiên Tân xã Thượng Mỗ	DGT	1,80		1,80	Huyện Đan Phượng	2022
134	Đường giao thông từ đê Tiên Tân đi nhà ông Tám thôn Tiến Bộ, xã Thượng Mỗ	DGT	0,70		0,70	Huyện Đan Phượng	2022
135	Xây dựng đường giao thông tuyến N14 (nối đường chân cầu Phùng với đường N6)	DGT	4,00		4,00	Huyện Đan Phượng	2022

136	Xây dựng đường giao thông tuyến N14 đi đường tỉnh lộ 417	DGT	1,00		1,00	Huyện Đan Phượng	2022
137	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường từ đường 20m đến giáp xã Liên Hà	DGT	2,00		2,00	Huyện Đan Phượng	2022
138	Nâng cấp dốc, đường đê Đại Phùng đi đường 417, xã Đan Phượng	DGT	0,10		0,10	Huyện Đan Phượng	2022
139	Nâng cấp, cải tạo đường từ tỉnh lộ 422 đi trường THCS (đường xóm chùa cụm 11) xã Tân Lập	DGT	0,09		0,09	Huyện Đan Phượng	2022
140	Đường từ 417 đi đường N12, huyện Đan Phượng	DGT	4,84		4,84	Huyện Đan Phượng	2022
141	Dự án Cải tạo, nâng cấp mở rộng đường tỉnh 417 (Tỉnh lộ 83 cũ) đoạn Km0 + 00 đến Km3 +700, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội	DGT	6,20		6,20	Huyện Đan Phượng	2022
142	Dự án Xây dựng tuyến đường N17 từ đường N4 đến đê Trung	DGT	1,70		1,70	Huyện Đan Phượng	2022
143	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ ngã ba Quán La đường Nguyễn Đăng Phi thôn La Thạch đi đường Phạm Bạch Hồ, thôn Phương Mạc, xã Phương Đình	DGT	0,36		0,36	Huyện Đan Phượng	2022
144	Đường giao thông kết hợp mương tiêu T2 đoạn từ khu đất đầu giá Cây Sung Trong xã Song Phượng đến đường N6	DGT	0,25		0,25	Huyện Đan Phượng	2022
145	Đường giao thông kết hợp mương tiêu T2 đoạn từ mương Đan Hoài đến khu đất đầu giá khu Cây Sung Trong xã Song Phượng	DGT	0,20		0,20	Huyện Đan Phượng	2022
146	Đường từ Trường THCS Thượng Mỗ đến đường N12	DGT	0,32		0,32	Huyện Đan Phượng	2022
147	Cải tạo, chỉnh trang đường tỉnh lộ 422 đoạn từ dốc Liên Hà đến Quốc lộ 32, huyện Đan Phượng	DGT	1,20		1,20	Huyện Đan Phượng	2022
148	Dự án Cải tạo, nâng cấp đường từ chợ Thương Binh đến đường Đông Bắc, xã Đan Phượng	DGT	0,20		0,20	Huyện Đan Phượng	2022
149	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường Phạm Bạch Hồ xã Phương Đình	DGT	0,21		0,21	Huyện Đan Phượng	2022
150	Cải tạo, nâng cấp đường Liên Minh thôn Dịch Trung	DGT	0,01		0,01	Huyện Đan Phượng	2022
151	Đường nối đê Tiến Tân với đê Hữu Hồng huyện	DGT	2,50	1,75	0,75	Huyện Đan Phượng	2023
152	Mở rộng đường từ ngã ba chợ Tân Lập đi trường THCS Tân Lập	DGT	0,75		0,75	Huyện Đan Phượng	2024-2025
153	Mở rộng đường từ nhà văn hóa cụm 10 đi khu đô thị Tân Tây Đô, xã Tân Lập	DGT	0,75		0,75	Huyện Đan Phượng	2024-2025

154	Mở thông đường từ trường THCS sang xóm Cối thôn Thu Quế, xã Song Phượng	DGT	0,13		0,13	Huyện Đan Phượng	2024-2025
155	Xây dựng đường giao thông tuyến N6 từ đê Tả đáy đến quốc lộ 32, huyện Đan Phượng	DGT	3,10		3,10	Huyện Đan Phượng	2023-2024
156	Đường từ tỉnh lộ 417 đi Điểm Vực, xã Thọ An	DGT	0,73		0,73	Huyện Đan Phượng	2023-2024
157	Đường trước cửa chùa Hạ đến nhà văn hóa thôn Hạ, xã Liên Trung	DGT	0,43		0,43	Huyện Đan Phượng	2023-2024
158	Đường từ ngã ba cống Đồn đi trụ sở UBND xã mới xã Tân Lập	DGT	0,28		0,28	Huyện Đan Phượng	2023-2024
159	Mở rộng ngõ 182 kết nối đường chợ Phùng đi quốc lộ 32 mới	DGT	0,41		0,41	Huyện Đan Phượng	2025
160	Mở rộng, nâng cấp ngõ 182 và ngõ 117 phố Phùng Hưng thị trấn Phùng	DGT	0,14		0,14	Huyện Đan Phượng	2024-2025
161	Nâng cấp dốc, đường đê Đại Phùng đi đường 417, xã Đan Phượng	DGT	0,10		0,10	Huyện Đan Phượng	2024-2025
162	Cải tạo, nâng cấp đường từ chợ Thương Binh đến đường Đông Bắc, xã Đan Phượng	DGT	0,20		0,20	Huyện Đan Phượng	2023-2024
163	Cải tạo, nâng cấp đường Đồng Tháp 2, xã Đồng Tháp, từ trường mầm non Đồng Tháp đi xã Song Phượng	DGT	1,90		1,90	Huyện Đan Phượng	2023-2024
164	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường Phạm Bạch Hồ xã Phương Đình	DGT	0,21		0,21	Huyện Đan Phượng	2023-2024
165	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường Thành Công xã Phương Đình	DGT	0,47		0,47	Huyện Đan Phượng	2024-2025
166	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ ngã ba Quán La đường Nguyễn Đăng Phi thôn La Thạch đi đường Phạm Bạch Hồ, thôn Phương Mạc, xã Phương Đình	DGT	0,36		0,36	Huyện Đan Phượng	2024-2025
167	Nâng cấp, cải tạo đường ven hồ từ tỉnh lộ 417 đi đường Liên Minh thôn Dịch Trung, xã Phương Đình	DGT	0,64		0,64	Huyện Đan Phượng	2024-2025
168	Cải tạo, nâng cấp đường từ dốc đê Cỏ Hạ đến cống Cái thôn Cỏ Hạ, xã Phương Đình	DGT	0,28		0,28	Huyện Đan Phượng	2024-2025
169	Nâng cấp, cải tạo đường từ dốc đê Cỏ Hạ đến cống Cái thôn Cỏ Hạ, xã Phương Đình	DGT	0,34		0,34	Huyện Đan Phượng	2024-2025
170	Nâng cấp, cải tạo đường từ nhà ông Miến thôn Phương Mạc đi đường Quán La thôn La Thạch, xã Phương Đình	DGT	0,16		0,16	Huyện Đan Phượng	2024-2025
171	Đường giao thông đi nghĩa trang nhân dân Miền B xã Trung Châu	DGT	0,29		0,29	Huyện Đan Phượng	2024-2025

172	Cải tạo nâng cấp đường từ ông Thọ Sự cụm 7 đến giáp cụm 9, xã Thọ An	DGT	0,29		0,29	Huyện Đan Phượng	2024-2025
173	Mở rộng, nâng cấp đường từ đường Hạ Hội đi Cầu Khoát (đoạn từ ngã ba Cổng Đồn đi Cầu	DGT	0,50		0,50	Huyện Đan Phượng	2023-2024
174	Đường giao thông từ đường N1 đi Cầu Cả và UBND xã Hạ Mỗ	DGT	0,69		0,69	Huyện Đan Phượng	2023-2024
175	Cải tạo, nâng cấp đường từ đê Tân Tiên đến nhà ông Tám thôn Tiên Bộ, xã Thượng Mỗ	DGT	0,35		0,35	Huyện Đan Phượng	2024-2025
176	Đường từ Trường THCS Thượng Mỗ đến đường N12	DGT	0,32		0,32	Huyện Đan Phượng	2024-2025
177	Đường giao thông từ đường Tân Thành đi nương Tiên Tân xã Thượng Mỗ	DGT	1,10		1,10	Huyện Đan Phượng	2024-2025
178	Cải tạo, nâng cấp đường từ đường 20m đến đường liên thôn Bá Nội-Tiên tân (đường Đồng Tiến 3) xã Hồng Hà	DGT	0,16		0,16	Huyện Đan Phượng	2023-2024
179	Cải tạo, nâng cấp đường từ đường 20m đến đường liên thôn Bá Nội-Tiên tân (đường Đồng Tiến 2) xã Hồng Hà	DGT	0,05		0,05	Huyện Đan Phượng	2023-2024
180	Đường từ N1 đến đường N4 (điểm đầu cụm 1 Hạ Mỗ, điểm cuối N4, thôn Cổ Ngõa, xã Phương Đình)	DGT	4,00		4,00	Huyện Đan Phượng	2024-2025
181	Đường từ cây xăng xã Thọ Xuân đến đê La Thạch	DGT	1,69		1,69	Huyện Đan Phượng	2024-2025
182	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục trung tâm xã Bắc Hồng, huyện Đông Anh	DGT	3,26		3,26	Huyện Đông Anh	2021-2025
183	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường số 1, thôn Bến Trung, xã Bắc Hồng	DGT	0,81	0,60	0,21	Huyện Đông Anh	2021-2025
184	Mở rộng, nâng cấp các tuyến đường thôn Mỹ Nội, xã Bắc Hồng	DGT	4,15	3,11	1,04	Huyện Đông Anh	2021-2025
185	Mở rộng, nâng cấp các tuyến đường thôn Thượng Phúc xã Bắc Hồng	DGT	0,96	0,72	0,24	Huyện Đông Anh	2021-2025
186	Tuyến đường bao phía Đông Bắc và Đông Nam thôn Cầu Cả, xã Cổ Loa theo quy hoạch	DGT	1,33		1,33	Huyện Đông Anh	2021-2025
187	Trồng cây xanh, bãi đỗ xe tại Lán Bà Đà thôn Đại Đồng, Đại Mạch	DGT	0,33		0,33	Huyện Đông Anh	2021-2025
188	ĐTXD tuyến đường bao phía Nam và Đông Nam thôn Mai Châu, xã Đại Mạch theo quy hoạch	DGT	2,10		2,10	Huyện Đông Anh	2021-2025
189	ĐTXD tuyến đường bao phía Bắc và Tây Bắc thôn Mai Châu, xã Đại Mạch theo quy hoạch	DGT	1,35		1,35	Huyện Đông Anh	2021-2025

190	ĐTXD tuyến đường bao phía Tây Bắc thôn Đại Đồng, xã Đại Mạch theo quy hoạch	DGT	1,07		1,07	Huyện Đông Anh	2021-2025
191	Mở rộng, nâng cấp các tuyến đường thôn Đại Đồng	DGT	2,75	2,06	0,69	Huyện Đông Anh	2021-2025
192	Mở rộng, nâng cấp các tuyến đường thôn Mạch Lũng	DGT	7,38	5,54	1,84	Huyện Đông Anh	2021-2025
193	Đầu tư xây dựng các tuyến đường thôn Mai Châu	DGT	2,47	1,85	0,62	Huyện Đông Anh	2021-2025
194	Xây dựng tuyến đường phía Tây thôn Hội Phụ nối với đường chính khu tái định cư Đông Hội đến thôn Lê Xá	DGT	2,07		2,07	Huyện Đông Anh	2021-2025
195	Xây dựng tuyến đường xung quanh thôn Lại Đà theo quy hoạch	DGT	1,65		1,65	Huyện Đông Anh	2021-2025
196	Xây dựng tuyến đường số 4 từ Đình đến xóm Trại Dưới thôn Đông Ngàn; số 3 từ đê đến khu giãn dân thôn Đông Ngàn	DGT	1,80		1,80	Huyện Đông Anh	2021-2025
197	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường: số 3 từ trường mầm non đến khu vui chơi đầu làng; số 4 từ đường trục chính đến đường quy hoạch thôn Lại Đà	DGT	1,29	0,97	0,32	Huyện Đông Anh	2021-2025
198	Xây mới tuyến đường số 2 từ QL3 đến khu sau Nhà văn hóa thôn Tiên Hội	DGT	1,20		1,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
199	Nâng cấp mở rộng tuyến đường số 2 từ đường Đông Hội đến khu Đình Khiến thôn Trung Thôn	DGT	0,77	0,58	0,19	Huyện Đông Anh	2021-2025
200	Nâng cấp mở rộng tuyến đường số 1 từ đường Đông Hội đến khu đầu giá thôn Hội Phụ	DGT	0,88	0,66	0,22	Huyện Đông Anh	2021-2025
201	Xây dựng tuyến đường số 5 từ chợ đến ao xóm 15 thôn Lại Đà	DGT	1,43		1,43	Huyện Đông Anh	2021-2025
202	Xây dựng mở rộng tuyến đường số 2 từ nghĩa trang đến chùa thôn Đông Ngàn	DGT	1,65	1,24	0,41	Huyện Đông Anh	2021-2025
203	Xây mới tuyến đường số 1 từ QL3 khu Sau Nội thôn Tiên Hội nối với trục tâm linh Tây Hồ - Cổ Loa	DGT	2,40		2,40	Huyện Đông Anh	2021-2025
204	Xây mới tuyến đường số 3 từ Hồ Đình thôn Tiên Hội nối với trục tâm linh Tây Hồ - Cổ Loa	DGT	1,80		1,80	Huyện Đông Anh	2021-2025
205	Xây dựng mới tuyến đường số 3 từ đường Đông Hội đến Ao C4 thôn Trung Thôn	DGT	1,05		1,05	Huyện Đông Anh	2021-2025
206	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường số 5 từ chợ đến ao xóm 15 thôn Lại Đà	DGT	1,43	1,07	0,36	Huyện Đông Anh	2021-2025
207	Đầu tư xây dựng công trình Cầu Đông Hội, xã Đông Hội, huyện Đông Anh	DGT	0,37	0,07	0,30	Huyện Đông Anh	2021-2025

208	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường LK53 (ven sông Ngũ Huyện Khê) đến hết thôn Nghĩa Vũ, xã Dục Tú, huyện Đông Anh theo quy hoạch	DGT	2,90		2,90	Huyện Đông Anh	2021-2025
209	ĐTXD tuyến đường bao phía Bắc thôn Dục Tú nối từ đường Gia Lương đến trường mầm non Dục Tú	DGT	1,34		1,34	Huyện Đông Anh	2021-2025
210	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ trạm xử lý nước thải qua thôn Cổ Diền lên đê sông Hồng, xã Hải Bối theo quy hoạch	DGT	1,30		1,30	Huyện Đông Anh	2021-2025
211	Dự án GPMB làm đường vào dự án xây dựng Trung tâm kỹ thuật bảo vệ an ninh Quốc gia	DGT	0,38		0,38	Huyện Đông Anh	2021-2025
212	Xây dựng tuyến đường chân đê tả sông Hồng đoạn từ Cầu Nhật Tân đến cầu Thượng Cát	DGT	6,62		6,62	Huyện Đông Anh	2021-2025
213	Xây dựng tuyến đường kết nối từ đường Hoàng Sa qua thôn Cổ Diền đến đê tả sông Hồng, huyện Đông Anh	DGT	3,92		3,92	Huyện Đông Anh	2021-2025
214	Xây dựng tuyến đường nam, bắc làng Hải Bối	DGT	8,00		8,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
215	Xây dựng tuyến đường từ khu dân cư Bắc Thăng Long xã Hải Bối đến đê tả sông Hồng, huyện Đông Anh	DGT	1,53		1,53	Huyện Đông Anh	2021-2025
216	ĐTXD tuyến đường nối từ đường 6km đến khu tái định cư Hải Bối theo quy hoạch	DGT	0,74		0,74	Huyện Đông Anh	2021-2025
217	Đầu tư xây dựng các tuyến đường thôn Cổ Diền, xã Hải Bối	DGT	5,03	4,55	0,48	Huyện Đông Anh	2021-2025
218	Mở rộng, nâng cấp các tuyến đường khu dân cư Thăng Long, xã Hải Bối	DGT	4,20	3,15	1,05	Huyện Đông Anh	2021-2025
219	Đầu tư xây dựng các tuyến đường thôn Hải Bối	DGT	4,46	2,14	2,32	Huyện Đông Anh	2021-2025
220	Đầu tư xây dựng các tuyến đường thôn Yên Hà	DGT	6,18		6,18	Huyện Đông Anh	2021-2025
221	Mở rộng, nâng cấp các tuyến đường thôn Cổ Diền, xã Hải Bối	DGT	5,39	4,04	1,35	Huyện Đông Anh	2021-2025
222	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường số 16 thôn Hải Bối, xã Hải Bối	DGT	0,56	0,42	0,14	Huyện Đông Anh	2021-2025
223	Đầu tư xây dựng công trình Cầu thôn Cổ Diền, xã Hải Bối, huyện Đông Anh	DGT	0,14	0,11	0,03	Huyện Đông Anh	2021-2025
224	Bãi đỗ xe buýt và trạm trung chuyển đa phương tiện	DGT	3,30		3,30	Huyện Đông Anh	2021
225	Trạm trung chuyển đa phương thức	DGT	14,77		14,77	Huyện Đông Anh	2021-2025

226	Xây dựng cải tạo, nâng cấp, mở rộng các tuyến đường: số 1, 2, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15 phía Đông thôn Bầu, xã Kim Chung	DGT	2,49	1,87	0,62	Huyện Đông Anh	2021-2025
227	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng các tuyến đường: số 01, 05, 06, 07 phía Tây thôn Bầu, xã Kim Chung	DGT	1,09	0,82	0,27	Huyện Đông Anh	2021-2025
228	Đầu tư xây dựng tuyến đường dọc phía Đông kênh Giữa đoạn từ đường trục thôn Hậu Dưỡng đến đường trục chính A	DGT	1,75		1,75	Huyện Đông Anh	2021-2025
229	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường đôi A-B đến đường trục thôn Hậu Dưỡng, xã Kim Chung theo quy hoạch	DGT	0,46		0,46	Huyện Đông Anh	2021-2025
230	Xây dựng tuyến đường ven thôn Bầu vào trường tiểu học Kim Chung 2	DGT	3,17		3,17	Huyện Đông Anh	2021-2025
231	ĐTXD tuyến đường phía Tây Bắc chợ Mun theo quy hoạch	DGT	0,44		0,44	Huyện Đông Anh	2021-2025
232	ĐTXD tuyến đường phía Đông Bắc Bệnh viện Nhiệt đới Trung ương và nhánh kết nối ra đường Võ Văn Kiệt theo quy hoạch	DGT	1,23		1,23	Huyện Đông Anh	2021-2025
233	Đầu tư xây dựng công trình Cầu Nhướ, xã Kim Chung, huyện Đông Anh	DGT	0,18	0,02	0,16	Huyện Đông Anh	2021-2025
234	Đầu tư xây dựng công trình Cầu Hậu Dưỡng, xã Kim Chung, huyện Đông Anh	DGT	0,24	0,04	0,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
235	Xây dựng hạ tầng, trồng cây xanh, bãi đỗ xe phía Nam xóm trại đụn Thôn Thọ Đa; phía Nam Thôn Thọ Đa	DGT	0,74		0,74	Huyện Đông Anh	2021-2025
236	Cải tạo nâng cấp, mở rộng đường, hệ thống thoát nước thôn Thọ Đa	DGT	3,49	2,62	0,87	Huyện Đông Anh	2021-2025
237	Cải tạo, chỉnh trang, nâng cấp, mở rộng đường, hệ thống thoát nước thôn Đoài	DGT	1,98	1,49	0,49	Huyện Đông Anh	2021-2025
238	Cải tạo, chỉnh trang, nâng cấp, mở rộng đường, hệ thống thoát nước thôn Bắc	DGT	1,52	1,14	0,38	Huyện Đông Anh	2021-2025
239	Cải tạo, chỉnh trang, nâng cấp, mở rộng đường, hệ thống thoát nước thôn Đông	DGT	1,06	0,80	0,26	Huyện Đông Anh	2021-2025
240	Cửa hàng xăng dầu, bãi đỗ xe và các dịch vụ phụ trợ tại xã Kim Nỗ	DGT	1,31		1,31	Huyện Đông Anh	2021
241	Xây dựng HTKT khu đất công cộng phía Đông Nam thôn Thọ Đa, xã Kim Nỗ, Huyện Đông Anh	DGT	13,90		13,90	Huyện Đông Anh	2021-2025

242	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường Kim Nỗ - Kim Chung đến đường gom dọc đường sắt Hà Nội - Lào Cai, xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh	DGT	1,52		1,52	Huyện Đông Anh	2021-2025
243	Đầu tư xây dựng các bãi đỗ xe: số 1, thôn Đại Vĩ; số 1, thôn Giao Tác; số 1, thôn Hà Hương; số 1, thôn Hà Phong; số 1, thôn Lỗ Khê; số 1, thôn Thù Lỗ; số 2, thôn Lỗ Khê, xã Liên Hà	DGT	3,61		3,61	Huyện Đông Anh	2021-2025
244	Cải tạo, chỉnh trang, mở rộng đường và hệ thống hạ tầng các tuyến ngõ thôn Châu Phong	DGT	1,21	0,91	0,30	Huyện Đông Anh	2021-2025
245	Cải tạo, chỉnh trang, mở rộng đường và hệ thống hạ tầng các tuyến ngõ thôn Đại Vĩ	DGT	1,89	1,42	0,47	Huyện Đông Anh	2021-2025
246	Cải tạo, chỉnh trang, mở rộng đường và hệ thống hạ tầng các tuyến ngõ thôn Giao Tác	DGT	1,33	1,00	0,33	Huyện Đông Anh	2021-2025
247	Cải tạo, chỉnh trang, mở rộng đường và hệ thống hạ tầng các tuyến ngõ thôn Hà Hương, xã Liên Hà	DGT	0,95	0,71	0,24	Huyện Đông Anh	2021-2025
248	Cải tạo, chỉnh trang, mở rộng đường và hệ thống hạ tầng các tuyến ngõ thôn Hà Lỗ, xã Liên Hà	DGT	1,28	0,96	0,32	Huyện Đông Anh	2021-2025
249	Cải tạo, chỉnh trang, mở rộng đường và hệ thống hạ tầng các tuyến ngõ thôn Hà Phong, xã Liên Hà	DGT	0,81	0,61	0,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
250	Cải tạo, chỉnh trang, mở rộng đường và hệ thống hạ tầng các tuyến ngõ thôn Lỗ Khê	DGT	0,73	0,55	0,18	Huyện Đông Anh	2021-2025
251	Cải tạo, chỉnh trang, mở rộng đường và hệ thống hạ tầng các tuyến ngõ thôn Thù Lỗ, xã Liên Hà	DGT	0,34	0,26	0,08	Huyện Đông Anh	2021-2025
252	Xây dựng tuyến đường kết nối từ đường Nam Hà đến đường trục kinh tế Miền Đông, xã Liên Hà	DGT	3,70		3,70	Huyện Đông Anh	2021-2025
253	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường Liên Hà đến đường gom Quốc lộ 3 (mới)	DGT	4,59		4,59	Huyện Đông Anh	2021-2025
254	Đầu tư xây dựng đường và hệ thống hạ tầng các tuyến thôn Châu Phong	DGT	2,69		2,69	Huyện Đông Anh	2021-2025
255	Nâng cấp, mở rộng đường và hệ thống hạ tầng các tuyến thôn Châu Phong, xã Liên Hà	DGT	1,61	1,21	0,40	Huyện Đông Anh	2021-2025
256	Đầu tư xây dựng đường và hệ thống hạ tầng các tuyến thôn Đại Vĩ	DGT	2,63	1,93	0,70	Huyện Đông Anh	2021-2025

257	Nâng cấp, mở rộng đường và hệ thống hạ tầng các tuyến thôn Đại Vĩ	DGT	1,87	1,40	0,47	Huyện Đông Anh	2021-2025
258	Đầu tư xây dựng đường và hệ thống hạ tầng các tuyến thôn Giao Tác	DGT	2,02	0,93	1,09	Huyện Đông Anh	2021-2025
259	Nâng cấp, mở rộng đường và hệ thống hạ tầng thôn Giao Tác	DGT	0,80	0,60	0,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
260	Đầu tư xây dựng đường và hệ thống hạ tầng các tuyến thôn Hà Hương	DGT	1,49		1,49	Huyện Đông Anh	2021-2025
261	Nâng cấp, mở rộng đường và hệ thống hạ tầng thôn Hà Hương	DGT	3,14	2,36	0,78	Huyện Đông Anh	2021-2025
262	Đầu tư xây dựng đường và hệ thống hạ tầng các tuyến thôn Hà Lỗ	DGT	1,23		1,23	Huyện Đông Anh	2021-2025
263	Nâng cấp, mở rộng đường và hệ thống hạ tầng thôn Hà Lỗ	DGT	1,04	0,78	0,26	Huyện Đông Anh	2021-2025
264	Đầu tư xây dựng đường và hệ thống hạ tầng các tuyến thôn Hà Phong	DGT	1,14	0,60	0,54	Huyện Đông Anh	2021-2025
265	Nâng cấp, mở rộng đường và hệ thống hạ tầng thôn Hà Phong	DGT	1,46	1,10	0,36	Huyện Đông Anh	2021-2025
266	Đầu tư xây dựng đường và hệ thống hạ tầng các tuyến thôn Lỗ Khê	DGT	1,68		1,68	Huyện Đông Anh	2021-2025
267	Nâng cấp, mở rộng đường và hệ thống hạ tầng thôn Lỗ Khê	DGT	1,90	1,43	0,47	Huyện Đông Anh	2021-2025
268	Đầu tư xây dựng đường và hệ thống hạ tầng các tuyến thôn Thù Lỗ	DGT	1,04		1,04	Huyện Đông Anh	2021-2025
269	Nâng cấp, mở rộng đường và hệ thống hạ tầng thôn Liên Hà	DGT	0,75	0,56	0,19	Huyện Đông Anh	2021-2025
270	Làm đường vào nhà máy Z133	DGT	0,57		0,57	Huyện Đông Anh	2021-2025
271	Xây dựng hạ tầng trồng cây xanh: khu đất giáp đường quốc lộ 3 mới thôn Đại Vĩ; khu đất giáp đường quốc lộ 3 mới thôn Giao Tác	DGT	0,75		0,75	Huyện Đông Anh	2021-2025
272	Đầu tư xây dựng Bãi đỗ xe Nam Hồng	DGT	24,50		24,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
273	Đầu tư xây dựng tuyến đường chính khu vực (N3-01) từ Trạm biến áp Vân Trì đến hết thôn Vệ xã Nam Hồng	DGT	5,45		5,45	Huyện Đông Anh	2021-2025
274	Đầu tư xây dựng tuyến đường chính khu vực (N3-02) từ Đường 23 qua trục chính đô thị Mê Linh đến đường VĐ3	DGT	7,48		7,48	Huyện Đông Anh	2021-2025
275	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N3-03) từ chân cầu Vượt Nam Hồng đi đường trục đô thị Mê Linh	DGT	4,21		4,21	Huyện Đông Anh	2021-2025

276	Xây dựng bãi đỗ xe tập trung tại xã Nguyên Khê	DGT	0,37		0,37	Huyện Đông Anh	2021
277	Xây dựng bãi đỗ xe phía đông tây xóm Đường Khê Nữ	DGT	0,24		0,24	Huyện Đông Anh	2021-2025
278	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường Lâm Tiên đến nhà văn hóa thôn Lâm Tiên theo quy hoạch	DGT	1,68		1,68	Huyện Đông Anh	2021-2025
279	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ khu đô thị Nguyên Khê qua phía Đông thôn Cán Khê và xóm Núi đến đường gom sông Đào Nguyên Khê	DGT	2,30		2,30	Huyện Đông Anh	2021-2025
280	ĐTXD tuyến đường nối từ Khu đầu giá quyền sử dụng đất Nguyên Khê đến phía Đông thôn Khê Nữ, xã Nguyên Khê theo quy hoạch	DGT	0,82		0,82	Huyện Đông Anh	2021-2025
281	ĐTXD tuyến đường từ Cụm công nghiệp Nguyên Khê qua khu X2 Nguyên Khê đến đường gom sông Đào, xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh (Tên cũ: Đầu tư xây dựng tuyến đường nối đường từ chợ Lấp Ghép đi Khu đô thị Nguyên Khê đến đường gom sông đào Nguyên Khê)	DGT	0,93		0,93	Huyện Đông Anh	2021-2025
282	ĐTXD tuyến đường gom dọc đường sắt Hà Nội - Thái Nguyên (đoạn từ đường Lâm Tiên đến khu đầu giá Đông Nguyên Khê theo quy hoạch)	DGT	1,71		1,71	Huyện Đông Anh	2021-2025
283	ĐTXD tuyến đường gom dọc đường sắt Hà Nội - Thái Nguyên (đoạn từ đường Nguyên Khê đến đê sông Cà Lồ theo quy hoạch)	DGT	2,48		2,48	Huyện Đông Anh	2021-2025
284	Đầu tư xây dựng tuyến đường số 1 thôn Cán Khê, xã Nguyên Khê	DGT	1,71		1,71	Huyện Đông Anh	2021-2025
285	Nâng cấp mở rộng tuyến đường số 5 thôn Cán Khê, xã Nguyên Khê	DGT	0,46	0,35	0,11	Huyện Đông Anh	2021-2025
286	Nâng cấp mở rộng các tuyến đường thôn Đại Bằng, xã Nguyên Khê	DGT	0,62	0,47	0,15	Huyện Đông Anh	2021-2025
287	Đầu tư xây dựng các tuyến đường thôn Lâm Tiên, xã Nguyên Khê	DGT	2,58		2,58	Huyện Đông Anh	2021-2025
288	Đầu tư xây dựng các tuyến đường thôn Nguyên Khê	DGT	0,40		0,40	Huyện Đông Anh	2021-2025
289	Nâng cấp mở rộng các tuyến đường thôn Nguyên Khê	DGT	0,51	0,38	0,13	Huyện Đông Anh	2021-2025
290	Đầu tư xây dựng các tuyến đường thôn Tiên Hùng	DGT	1,12		1,12	Huyện Đông Anh	2021-2025
291	Nâng cấp mở rộng các tuyến đường thôn Tiên Hùng	DGT	0,85	0,64	0,21	Huyện Đông Anh	2021-2025

292	Nâng cấp mở rộng các tuyến đường thôn Khê Nữ	DGT	1,60	1,20	0,40	Huyện Đông Anh	2021-2025
293	Bãi đỗ xe tĩnh thôn Đoài; thôn Đông, xã Tàm Xá	DGT	0,18		0,18	Huyện Đông Anh	2021-2025
294	Xây dựng hạ tầng hai bên và cải tạo đê cụt xã Tàm Xá huyện Đông Anh kết hợp làm đường giao thông (Ô đất ký hiệu P)	DGT	4,03		4,03	Huyện Đông Anh	2021-2025
295	Mở rộng, nâng cấp các tuyến đường thôn Đông	DGT	2,84	2,13	0,71	Huyện Đông Anh	2021-2025
296	Mở rộng, nâng cấp các tuyến đường thôn Đoài	DGT	1,74	1,31	0,43	Huyện Đông Anh	2021-2025
297	Đầu tư xây dựng khu cây xanh, các điểm đỗ xe: khu Bà Trọng thôn Hà Lâm 1; thôn Cỗ Miếu; khu Chùa thôn Hà Lâm 2; thôn Đào Thục xã Thụy Lâm	DGT	3,28	1,99	1,29	Huyện Đông Anh	2021-2025
298	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng các tuyến đường ngõ, xóm thôn Biều Khê	DGT	1,69	1,27	0,42	Huyện Đông Anh	2021-2025
299	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng các tuyến đường ngõ, xóm thôn Cỗ Miếu	DGT	4,06	3,05	1,01	Huyện Đông Anh	2021-2025
300	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng các tuyến đường ngõ, xóm thôn Đào Thục	DGT	2,92	2,19	0,73	Huyện Đông Anh	2021-2025
301	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng các tuyến đường ngõ, xóm thôn Hà Lâm 1	DGT	2,85	2,14	0,71	Huyện Đông Anh	2021-2025
302	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng các tuyến đường ngõ, xóm thôn Hà Lâm 2	DGT	3,28	2,46	0,82	Huyện Đông Anh	2021-2025
303	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng các tuyến đường ngõ, xóm thôn Hà Lâm 3	DGT	2,12	1,59	0,53	Huyện Đông Anh	2021-2025
304	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng các tuyến đường ngõ, xóm thôn Hương Tràm	DGT	4,67	3,50	1,17	Huyện Đông Anh	2021-2025
305	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng các tuyến đường ngõ, xóm khu 5 thôn Thụy Lợi	DGT	1,79	1,34	0,45	Huyện Đông Anh	2021-2025
306	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng các tuyến đường ngõ, xóm khu 6 thôn Thụy Lợi	DGT	3,57	2,68	0,89	Huyện Đông Anh	2021-2025
307	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng các tuyến đường ngõ, xóm khu 7 thôn Thụy Lợi	DGT	2,60	1,95	0,65	Huyện Đông Anh	2021-2025
308	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng các tuyến đường ngõ, xóm thôn Mạnh Tân	DGT	5,28	3,96	1,32	Huyện Đông Anh	2021-2025
309	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng các tuyến đường ngõ, xóm thôn Thụy Lôi	DGT	1,81	1,36	0,45	Huyện Đông Anh	2021-2025

310	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ Cầu Nhội đến đền Sái, xã Thụy Lâm	DGT	2,70		2,70	Huyện Đông Anh	2021-2025
311	Cải tạo nâng cấp tuyến đường từ đê sông Cà Lồ đến đường gom Quốc lộ 3 (mới) đoạn qua khu di tích Đền Sái	DGT	1,86		1,86	Huyện Đông Anh	2021-2025
312	Đầu tư xây dựng tuyến đường dọc phía Tây Nam kênh dẫn trạm bơm Mạnh Tân đoạn từ đê sông Cà Lồ đến cầu Nhội (Tên cũ: Đầu tư xây dựng tuyến dọc phía Tây Nam kênh dẫn Trạm bơm Mạnh Tân đoạn từ đê sông Cà Lồ đến cầu Nhội)	DGT	0,63		0,63	Huyện Đông Anh	2021-2025
313	Đầu tư xây dựng tuyến đường dọc phía Đông Bắc kênh dẫn Trạm bơm Mạnh Tân đoạn từ đê sông Cà Lồ đến đường gom Quốc lộ 3 (mới)	DGT	2,60		2,60	Huyện Đông Anh	2021-2025
314	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường Thụ Lâm đến chân cầu vượt qua tuyến Quốc lộ 3 (mới) và nhánh kết nối dọc phía Nam thôn Khu 5 ra đường gom Quốc lộ 3 (mới)	DGT	3,23		3,23	Huyện Đông Anh	2021-2025
315	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ thôn Cổ Miếu lên đê sông Cà Lồ xã Thụy Lâm theo quy hoạch Tên cũ: Đầu tư xây dựng tuyến đường từ thôn Cổ Miếu lên đê sông Cà Lồ, xã Thụy Lâm	DGT	2,55		2,55	Huyện Đông Anh	2021-2025
316	Xây dựng tuyến đường từ thôn Đào Thục đến Đền Sái xã Thụy Lâm	DGT	4,90		4,90	Huyện Đông Anh	2021-2025
317	Đầu tư xây dựng công trình Cầu Biều Khê, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh	DGT	0,12	0,02	0,10	Huyện Đông Anh	2021-2025
318	Đầu tư xây dựng công trình Cầu Hà Lâm 1, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh	DGT	0,12	0,02	0,10	Huyện Đông Anh	2021-2025
319	Đầu tư xây dựng công trình Cầu Cổ Miếu, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh	DGT	0,17	0,02	0,15	Huyện Đông Anh	2021-2025
320	Cải tạo, nâng cấp cầu khu 5, xã Thụy Lâm	DGT	0,12	0,02	0,10	Huyện Đông Anh	2021-2025
321	Xây dựng các khu cây xanh, bãi đỗ xe: phía đông thôn Lễ Pháp; phía bắc thôn Lễ Pháp; phía nam thôn Tuân Lễ (giáp khu nhà ở xã hội); phía tây nam thôn Lễ Pháp	DGT	1,09		1,09	Huyện Đông Anh	2021-2025
322	Xây dựng khu cây xanh, bãi đỗ xe đường 23B, huyện Đông Anh	DGT	1,87		1,87	Huyện Đông Anh	2021-2025

323	Xây dựng tuyến đường nối đường 23B đến thôn Trung Oai, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh	DGT	2,95		2,95	Huyện Đông Anh	2021-2025
324	ĐT XD tuyến đường bao phía Bắc và phía Tây thôn Cổ Dương, xã Tiên Dương theo quy hoạch	DGT	1,12		1,12	Huyện Đông Anh	2021-2025
325	Đầu tư xây dựng tuyến đường chính khu vực (N7-01) từ Công viên Kim Quy đến đường 23B	DGT	6,59		6,59	Huyện Đông Anh	2021-2025
326	Mở rộng, nâng cấp các tuyến đường thôn Cổ Dương	DGT	1,62	1,22	0,40	Huyện Đông Anh	2021-2025
327	Đầu tư xây dựng tuyến đường số 2 thôn Cổ Dương	DGT	0,62		0,62	Huyện Đông Anh	2021-2025
328	Mở rộng, nâng cấp các tuyến đường thôn Lương Nỗ	DGT	5,43	4,07	1,36	Huyện Đông Anh	2021-2025
329	Đầu tư xây dựng các tuyến đường thôn Lương Nỗ	DGT	2,77		2,77	Huyện Đông Anh	2021-2025
330	Đầu tư xây dựng các tuyến đường thôn Tiên Kha	DGT	0,91		0,91	Huyện Đông Anh	2021-2025
331	Mở rộng, nâng cấp các tuyến đường thôn Tiên Kha	DGT	1,61	1,21	0,40	Huyện Đông Anh	2021-2025
332	Mở rộng, nâng cấp các tuyến đường thôn Trung Oai	DGT	3,17	2,38	0,79	Huyện Đông Anh	2021-2025
333	Mở rộng, nâng cấp các tuyến đường thôn Tuân Lễ	DGT	0,75	0,56	0,19	Huyện Đông Anh	2021-2025
334	Mở rộng, nâng cấp các tuyến đường thôn Lễ Pháp	DGT	0,95	0,71	0,24	Huyện Đông Anh	2021-2025
335	Xây dựng bãi đỗ xe	DGT	0,60		0,60	Huyện Đông Anh	2021
336	Hoàn thiện tuyến đường phía Đông khu đô thị Uy Nỗ, huyện Đông Anh (đoạn từ Nhà tang lễ Đông Anh đến khu TĐC Bắc sông Thiếp)	DGT	1,08		1,08	Huyện Đông Anh	2021-2025
337	Xây dựng tuyến đường từ chợ trung tâm đến đường Phúc Lộc, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh	DGT	0,85		0,85	Huyện Đông Anh	2021-2025
338	Xây dựng tuyến đường nối đường Vành đai 3 đến đường Cao Lỗ, huyện Đông Anh	DGT	3,50		3,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
339	Xây dựng tuyến đường từ Quốc Lộ 3 (cũ) đến Khu nhà ở (319) tại xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh. Đang thực hiện lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Tên cũ: Xây dựng tuyến đường nối từ Quốc Lộ 3 đến đường Liên khu vực TD8	DGT	7,90		7,90	Huyện Đông Anh	2021-2025
340	Xây dựng bến xe khách Đông	DGT	5,30		5,30	Huyện Đông Anh	2021
341	ĐT XD tuyến đường bao phía Bắc thôn Kính Nỗ, xã Uy Nỗ và nhánh qua phía Tây thôn Lương Quy, xã Xuân Nộn theo quy hoạch	DGT	2,21		2,21	Huyện Đông Anh	2021-2025

342	ĐTXD tuyến đường qua phía Nam thôn Kinh Nỗ kết nối đường Uy Nỗ đến đường bệnh viện Đông Anh - Đền Sái theo quy hoạch	DGT	1,35		1,35	Huyện Đông Anh	2021-2025
343	ĐTXD tuyến đường bao quanh khu vực dân cư thôn Nghĩa Lại, xã Uy Nỗ theo quy hoạch	DGT	1,93		1,93	Huyện Đông Anh	2021-2025
344	Đầu tư xây dựng tuyến đường chính khu vực (N7-04) từ Trung tâm Văn hóa huyện Đông Anh đến đường Vành đai 3	DGT	2,53		2,53	Huyện Đông Anh	2021-2025
345	Kè sông Thiệp theo quy hoạch đoạn từ cầu Đồi đến cầu Đài Bi, huyện Đông Anh	DGT	3,00	0,60	2,40	Huyện Đông Anh	2021-2025
346	Xây dựng bãi đỗ xe kết hợp trồng cây xanh tại thôn Hà Khê; khu ao đầu làng thôn Vân Diêm, xã Vân Hà	DGT	0,10		0,10	Huyện Đông Anh	2021-2025
347	Cải tạo, chỉnh trang, mở rộng các tuyến đường thôn Hà Khê số 6 thôn Hà Khê, xã Vân Hà	DGT	1,65	1,24	0,41	Huyện Đông Anh	2021-2025
348	Cải tạo, chỉnh trang, mở rộng các tuyến đường thôn Thiết Bình	DGT	1,96	1,47	0,49	Huyện Đông Anh	2021-2025
349	Cải tạo, chỉnh trang, mở rộng các tuyến đường thôn Thiết Ứng	DGT	0,65	0,49	0,16	Huyện Đông Anh	2021-2025
350	Cải tạo, chỉnh trang, mở rộng các tuyến đường thôn Vân Diêm	DGT	1,84	1,38	0,46	Huyện Đông Anh	2021-2025
351	Xây dựng tuyến đường từ đường gom Quốc lộ 3 (mới) qua Ủy ban nhân dân xã Vân Hà đến hết địa phận huyện Đông Anh (theo quy hoạch) (tên cũ: Chỉnh trang tuyến đường từ Nghĩa trang liệt sỹ xã Vân Hà đến hết địa phận Đông Anh (theo Quy hoạch)	DGT	7,36		7,36	Huyện Đông Anh	2021-2025
352	Mở rộng, nâng cấp các tuyến đường thôn Cổ Châu	DGT	1,17	0,88	0,29	Huyện Đông Anh	2021-2025
353	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường số 4 thôn Cổ Châu, xã Vân Hà	DGT	0,03		0,03	Huyện Đông Anh	2021-2025
354	Mở rộng, nâng cấp các tuyến đường thôn Hà Khê	DGT	0,96	0,72	0,24	Huyện Đông Anh	2021-2025
355	Đầu tư xây dựng các tuyến đường thôn Hà Khê	DGT	0,20		0,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
356	Mở rộng, nâng cấp các tuyến đường thôn Thiết Bình	DGT	2,10	1,58	0,52	Huyện Đông Anh	2021-2025
357	Đầu tư, xây dựng tuyến đường số 3 thôn Thiết Bình, xã Vân Hà	DGT	1,29		1,29	Huyện Đông Anh	2021-2025
358	Mở rộng, nâng cấp các tuyến đường thôn Thiết Ứng	DGT	0,24	0,18	0,06	Huyện Đông Anh	2021-2025
359	Đầu tư xây dựng các tuyến đường thôn Thiết Ứng	DGT	0,38	0,23	0,15	Huyện Đông Anh	2021-2025
360	Mở rộng, nâng cấp các tuyến đường thôn Vân Diêm	DGT	2,95	2,21	0,74	Huyện Đông Anh	2021-2025

361	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường từ Ngã tư UBND xã đến Ngã ba Thiết Bình đi Vân Diêm	DGT	0,51	0,38	0,13	Huyện Đông Anh	2021-2025
362	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường Vân Trì đến thôn Ba Chử, xã Vân Nội theo quy hoạch	DGT	0,84		0,84	Huyện Đông Anh	2021-2025
363	ĐT XD tuyến đường từ thôn Ba Chử qua phía Nam thôn Nhì đến đường 23B theo quy hoạch	DGT	1,58		1,58	Huyện Đông Anh	2021-2025
364	ĐT XD tuyến đường bao phía Bắc xóm Đầm và phía Tây xóm Tây xã Vân Nội theo quy hoạch	DGT	1,33		1,33	Huyện Đông Anh	2021-2025
365	Cải tạo, chỉnh trang, mở rộng các tuyến đường thôn Phương Trạch	DGT	1,25	0,94	0,31	Huyện Đông Anh	2021-2025
366	Cải tạo, chỉnh trang, mở rộng các tuyến đường thôn Vĩnh Thanh	DGT	0,70	0,53	0,17	Huyện Đông Anh	2021-2025
367	Mở rộng, nâng cấp các tuyến đường thôn Ngọc Chi	DGT	2,13	1,60	0,53	Huyện Đông Anh	2021-2025
368	Đầu tư xây dựng đường và hệ thống hạ tầng tuyến số 2 (đường bao phía Nam) thôn Vĩnh Thanh, xã Vĩnh Ngọc Từ nhà Tuyên Hằng đến nhà Văn Diêm	DGT	0,46		0,46	Huyện Đông Anh	2021-2025
369	Mở rộng, nâng cấp các tuyến đường thôn Vĩnh Thanh	DGT	1,30	0,98	0,32	Huyện Đông Anh	2021-2025
370	Xây dựng bãi đỗ xe, phía Tây Bắc thôn Sáp Mai, xã Võng La, huyện Đông Anh	DGT	0,25		0,25	Huyện Đông Anh	2021-2025
371	Xây dựng tuyến đường ngoài hàng rào kết nối khu công nghiệp Bắc Thăng Long, huyện Đông Anh (tuyến 2)	DGT	14,50		14,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
372	ĐT XD tuyến đường vào trường THCS Võng La theo quy hoạch	DGT	0,70		0,70	Huyện Đông Anh	2021-2025
373	Xây dựng các bãi đỗ xe: 1 tại thôn Văn Thượng; tại thôn Xuân Canh; 1 tại thôn Vạn Lộc; 2 tại thôn Vạn Lộc; tại Quốc lộ 3 tại thôn Văn Thượng; thôn Văn Tinh; thôn Xuân Trạch; 3 tại thôn Vạn Lộc, xã Xuân Canh	DGT	3,79		3,79	Huyện Đông Anh	2021-2025
374	Xây dựng hệ thống chiếu sáng công cộng trên địa bàn xã Xuân Canh	DGT	0,50		0,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
375	Xây dựng bãi đỗ xe, trồng cây xanh: phía Tây thôn Đường Yên; Phía Tây Đình thôn Xuân Nộn; trước nhà văn hóa thôn Xuân Nộn; trước làng thôn Đường Nhạn	DGT	3,55		3,55	Huyện Đông Anh	2021-2025
376	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng các tuyến đường, RTN khu Chợ Kim, tổ 49, 50	DGT	2,16	1,62	0,54	Huyện Đông Anh	2021-2025

377	Cải tạo, chỉnh trang, mở rộng đường ngõ xóm thôn Đình Trung	DGT	7,48	5,61	1,87	Huyện Đông Anh	2021-2025
378	Cải tạo, chỉnh trang, mở rộng đường ngõ xóm thôn Đường Nhạn	DGT	6,21	4,66	1,55	Huyện Đông Anh	2021-2025
379	Cải tạo, chỉnh trang, mở rộng đường ngõ xóm thôn Đường Yên	DGT	4,11	3,08	1,03	Huyện Đông Anh	2021-2025
380	Cải tạo, chỉnh trang, mở rộng đường ngõ xóm thôn Kim Tiên	DGT	3,47	2,60	0,87	Huyện Đông Anh	2021-2025
381	Cải tạo, chỉnh trang, mở rộng đường ngõ xóm thôn Lương Quy	DGT	9,88	7,41	2,47	Huyện Đông Anh	2021-2025
382	Cải tạo, chỉnh trang, mở rộng đường ngõ xóm thôn Xuân Nộn	DGT	7,50	5,63	1,87	Huyện Đông Anh	2021-2025
383	Cải tạo, nâng cấp đường từ ngã 3 chợ Kim lên đê sông Cà Lồ theo quy hoạch	DGT	3,96		3,96	Huyện Đông Anh	2021-2025
384	Cải tạo, nâng cấp mở rộng đường trục làng phía Bắc thôn Đường Nhạn	DGT	0,46	0,35	0,11	Huyện Đông Anh	2021-2025
385	Cải tạo, mở rộng đường bo làng từ xóm 1; sau xóm 2 Kim Tiên lên đê	DGT	1,43	1,07	0,36	Huyện Đông Anh	2021-2025
386	Cải tạo, nâng cấp mở rộng các tuyến đường thôn Lương Quy	DGT	1,45	1,09	0,36	Huyện Đông Anh	2021-2025
387	Cải tạo, nâng cấp mở rộng tuyến đường Phía Bắc thôn Xuân Nộn	DGT	0,38	0,29	0,09	Huyện Đông Anh	2021-2025
388	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ đê sông Cà Lồ qua trục chính thôn Xuân Nộn và qua trục chính thôn Đường Nhạn theo quy hoạch	DGT	2,22		2,22	Huyện Đông Anh	2021-2025
389	Xây dựng tuyến đường từ đê sông Cà Lồ qua thôn Xuân Nộn đến đường LK50 và nhánh kết nối ra đường từ Ngã 3 Lương Quy-Đê sông Cà Lồ	DGT	2,15		2,15	Huyện Đông Anh	2021-2025
390	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ thôn Kim Tiên, xã Xuân Nộn đến đê sông Cà Lồ	DGT	1,27		1,27	Huyện Đông Anh	2021-2025
391	ĐTXD tuyến đường bao phía Tây thôn Lương Quy, xã Xuân Nộn và đoạn nối từ chùa Kim Quy đến TTMN xã Xuân Nộn. Tên cũ: ĐTXD tuyến đường bao phía Tây thôn Lương Quy, xã Xuân Nộn (đoạn nối từ đường Nguyễn Khê đến đường vào chùa Kim) theo quy hoạch.	DGT	2,66		2,66	Huyện Đông Anh	2021-2025
392	Xây dựng mới tuyến đường bo làng nối với đường liên xã Phía Đông thôn Lương Quy	DGT	2,56		2,56	Huyện Đông Anh	2021-2025
393	Cải tạo mở rộng tuyến đường qua cống Đàm Sấn, huyện Đông Anh	DGT	0,72	0,22	0,50	Huyện Đông Anh	2021-2025

394	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Hải Bối đi Kim Nỗ (đọc đường sắt)	DGT	3,32		3,32	Huyện Đông Anh	2021-2025
395	Cải tạo, nâng cấp đường Nam Hà, huyện Đông Anh	DGT	6,68		6,68	Huyện Đông Anh	2021-2025
396	Tên điều chỉnh: Cải tạo, nâng cấp quốc lộ 3, đoạn từ cầu Lộc Hà đến dốc Vân, huyện Đông Anh Tên cũ: Cải tạo, nâng cấp QL3, đoạn từ cây xăng Đông Hội đến dốc Vân, huyện Đông Anh	DGT	9,25		9,25	Huyện Đông Anh	2021-2025
397	Dự án cải tạo, nâng cấp đường 23B (Hà Nội - Nghĩa trang Thanh Tước)	DGT	31,30		31,30	Huyện Đông Anh	2021-2025
398	Chỉnh trang, cải tạo nâng cấp tuyến đường gom, vỉa hè phía đông đường quốc lộ 3, huyện Đông Anh (Đoạn từ ngã tư Nguyên Khê đến cầu Phù Lỗ)	DGT	2,20		2,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
399	Chỉnh trang, cải tạo nâng cấp tuyến đường gom, vỉa hè phía Đông đường Quốc lộ 3, huyện Đông Anh (đoạn từ nút giao thông đường sắt Hà Nội - Lào Cai đến ngã tư Nguyên Khê)	DGT	3,80		3,80	Huyện Đông Anh	2021-2025
400	Chỉnh trang, cải tạo nâng cấp tuyến đường gom, vỉa hè phía Đông đường Quốc lộ 3, huyện Đông Anh (đoạn từ ngã ba đường 6km đến nút giao đường sắt Hà Nội - Lào Cai)	DGT	4,60		4,60	Huyện Đông Anh	2021-2025
401	CTNC đường giao thông từ ngã tư Nguyên Khê nối với đường Bệnh viện Đông Anh đi đền Sái tại ngã ba Kim, huyện Đông Anh	DGT	10,05		10,05	Huyện Đông Anh	2021-2025
402	Xây dựng tuyến đường gom và kè sông Đào Nguyên Khê đoạn từ cầu Đồi đến đường sắt Hà Nội - Lào Cai, huyện Đông Anh	DGT	9,26		9,26	Huyện Đông Anh	2021-2025
403	Hoàn thiện các tuyến đường xung quanh chợ trung tâm huyện Đông Anh theo quy hoạch	DGT	0,28		0,28	Huyện Đông Anh	2021-2025
404	Xây dựng tuyến đường từ Khu tái định cư phục vụ công tác đền bù, giải phóng mặt bằng cầu Nhật Tân, đường 5 kéo dài và các dự án phát triển đô thị đến hết địa phận huyện Đông Anh	DGT	15,28		15,28	Huyện Đông Anh	2021-2025
405	Xây dựng tuyến đường nối từ đường vành đai III (đoạn qua Đông Anh) đến đường Quốc lộ 5 kéo dài (đường Hoàng Sa)	DGT	22,40		22,40	Huyện Đông Anh	2021-2025

406	Xây dựng tuyến đường vành đai 3 đoạn từ Quốc lộ 3 mới đến hết địa phận huyện Đông Anh	DGT	94,50		94,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
407	Xây dựng tuyến đường TD7 đoạn từ cầu Lộc Hà đến đường 23B, huyện Đông Anh Tách thành 02 dự án: 1. Xây dựng tuyến đường từ cầu Lộc Hà đến Khu tái định cư Cổ Loa (22ha) 2. Xây dựng tuyến đường từ Quốc lộ 3 (cũ) đến đường 23B (25.2ha)	DGT	47,20		47,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
408	Xây dựng tuyến đường LK51-đoạn từ Quốc lộ 3 (mới) đến đường Uy Nỗ Tên theo QĐ giao nhiệm vụ: Xây dựng tuyến đường từ Quốc lộ 3 (mới) đến đường Uy Nỗ Tên cũ: Xây dựng tuyến đường LK51 từ quốc lộ 3 mới đến đường Uy Nỗ và đoạn kéo dài quốc lộ 3 (cũ), huyện Đông Anh	DGT	27,60		27,60	Huyện Đông Anh	2021-2025
409	Xây dựng tuyến đường từ thôn Lễ Pháp, xã Tiên Dương đến Cụm công nghiệp vừa và nhỏ Nguyên Khê, huyện Đông Anh Tên cũ: Xây dựng tuyến đường LK48 từ đường TD7 đến cụm công nghiệp vừa và nhỏ Nguyên Khê, huyện Đông Anh	DGT	14,80		14,80	Huyện Đông Anh	2021-2025
410	Xây dựng tuyến đường nối từ đường 23B đến đường Liên khu vực TD7 và kết nối với Quốc lộ 3 cũ	DGT	11,10		11,10	Huyện Đông Anh	2021-2025
411	Xây dựng tuyến đường LK53 đoạn từ đường kinh tế miền Đông (bốt cầu Tây) đến hết địa phận huyện Đông Anh theo quy hoạch	DGT	4,27		4,27	Huyện Đông Anh	2021-2025

412	Xây dựng tuyến đường TD8 đoạn từ đường Hoàng Sa đến Khu Công Nghiệp Đông Anh, huyện Đông Anh Tách thành 02 dự án: 1. Xây dựng tuyến đường từ đường Trường Sa đến đường sắt Hà Nội - Lào Cai (Tên trong QĐ giao nhiệm vụ: Xây dựng tuyến đường từ đường Hoàng Sa đến đường sắt Hà Nội - Lào Cai) (14.88ha) 2. Xây dựng tuyến đường từ đường sắt Hà Nội - Lào Cai đến Khu công nghiệp Đông Anh (14.4ha)	DGT	29,28		29,28	Huyện Đông Anh	2021-2025
413	Xây dựng tuyến đường từ Cụm công nghiệp vừa và nhỏ Nguyên Khê đến thôn Phù Liễn, xã Bắc Hồng	DGT	15,20		15,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
414	Đường vào KCN Đông Anh	DGT	5,00		5,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
415	Xây dựng tuyến đường nối từ đường Cao Lỗ đến nhà tang lễ huyện Đông Anh	DGT	38,95		38,95	Huyện Đông Anh	2021-2025
416	Đường Bắc Làng và TT Văn hóa thể thao	DGT	4,32		4,32	Huyện Đông Anh	2021-2025
417	Mở rộng cơ đường từ đường trục kinh tế Miền đông xã Liên Hà đi đường bệnh viện Đông Anh - Đến Sái (qua thôn Hương Trầm, xã Thụy Lâm)	DGT	25,75	19,31	6,44	Huyện Đông Anh	2021-2025
418	Dự án thu hồi đất bổ sung Quốc lộ 5 kéo dài	DGT	2,07		2,07	Huyện Đông Anh	2021-2025
419	Hoàn trả tuyến đường Dự án đường nối cầu Nhật Tân - sân bay Nội Bài	DGT	0,07		0,07	Huyện Đông Anh	2021-2025
420	Trung tâm vận tải liên hợp sắt - bộ	DGT	10,00		10,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
421	ĐTXD tuyến đường từ đê sông Cà Lồ đến thôn Kim Tiên, xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh	DGT	15,00		15,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
422	Đầu tư xây dựng tuyến đường TD7, đoạn từ Quốc lộ 3 (cũ) đến đê sông Đuống	DGT	13,51		13,51	Huyện Đông Anh	2021-2025
423	Đầu tư xây dựng tuyến đường LK38 đoạn qua địa bàn huyện Đông Anh	DGT	5,52		5,52	Huyện Đông Anh	2021-2025
424	Đầu tư xây dựng tuyến đường LK39, đoạn từ đường Võ Nguyên Giáp đến hết địa bàn huyện Đông Anh	DGT	17,25		17,25	Huyện Đông Anh	2021-2025
425	Đầu tư xây dựng tuyến đường LK45 từ xã Hải Bối đến xã Nam Hồng	DGT	25,81		25,81	Huyện Đông Anh	2021-2025

426	Đầu tư xây dựng tuyến đường LK46 và nhánh kết nối, đoạn từ đường Võ Văn Kiệt đến đường Hoàng Sa	DGT	25,45		25,45	Huyện Đông Anh	2021-2025
427	Đầu tư xây dựng tuyến đường LK48, đoạn từ đường Lê Hữu Tựu đến thôn Cán Khê, xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh	DGT	3,10		3,10	Huyện Đông Anh	2021-2025
428	Đầu tư xây dựng tuyến đường LK50, đoạn từ đường Võ Nguyên Giáp đến hết địa phận huyện Đông Anh	DGT	16,44		16,44	Huyện Đông Anh	2021-2025
429	Đầu tư xây dựng tuyến đường LK50, đoạn từ đường Võ Nguyên Giáp đến Quốc Lộ 3(cũ)	DGT	7,12		7,12	Huyện Đông Anh	2021-2025
430	Đầu tư xây dựng tuyến đường LK50, đoạn từ Quốc Lộ 3 (cũ) đến đường Thụ Lâm	DGT	23,48		23,48	Huyện Đông Anh	2021-2025
431	Đầu tư xây dựng tuyến đường LK50, đoạn từ đường Thụ Lâm đến hết Cụm công nghiệp Liên Hà 2	DGT	16,85		16,85	Huyện Đông Anh	2021-2025
432	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N3-04) từ Nam thôn Đoài đi qua đường trục đô thị Mê Linh	DGT	4,47		4,47	Huyện Đông Anh	2021-2025
433	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N3-05) từ đường Võ Văn Kiệt đến hết địa phận huyện Đông Anh	DGT	1,96		1,96	Huyện Đông Anh	2021-2025
434	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N3-06) từ Bắc thôn Đoài đến hết địa phận huyện Đông Anh	DGT	1,35		1,35	Huyện Đông Anh	2021-2025
435	Đầu tư xây dựng tuyến đường phía Đông thôn Đìa (N3-07) từ đường 23B đến UBND xã Nam Hồng	DGT	2,31		2,31	Huyện Đông Anh	2021-2025
436	Đầu tư xây dựng tuyến đường chính khu vực (N4-01) từ đường Võ Văn Kiệt đến Quốc lộ 5 (kéo dài)	DGT	10,31		10,31	Huyện Đông Anh	2021-2025
437	Đầu tư xây dựng tuyến đường chính khu vực (N4-02) từ Kku đầu giá quyền sử dụng đất X2 Kim Chung đến thôn Mạch Lũng xã Đại Mạch	DGT	7,62		7,62	Huyện Đông Anh	2021-2025
438	Đầu tư xây dựng tuyến đường chính khu vực (N4-03) từ Khu nhà ở xã hội Đại Mạch đến thôn Mai Châu	DGT	3,08		3,08	Huyện Đông Anh	2021-2025

439	Đầu tư xây dựng tuyến đường chính khu vực (N4-04) từ thôn Bàu đến thôn Nhuế	DGT	1,54		1,54	Huyện Đông Anh	2021-2025
440	Đầu tư xây dựng tuyến đường chính khu vực (N4-05) phía Tây Đường sắt Hà Nội -Lào Cai đoạn qua địa bàn xã Kim Chung, Kim Nỗ	DGT	6,25		6,25	Huyện Đông Anh	2021-2025
441	Đầu tư xây dựng tuyến đường chính khu vực (N4-06) từ đường Hoàng Sa đến UBND xã Kim Nỗ	DGT	3,23		3,23	Huyện Đông Anh	2021-2025
442	Đầu tư xây dựng tuyến đường qua thôn Thọ Đa, xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh	DGT	2,51		2,51	Huyện Đông Anh	2021-2025
443	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N4-09) từ đường liên khu vực LK46 đến thôn Thọ Đa	DGT	2,73		2,73	Huyện Đông Anh	2021-2025
444	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N4-10) từ thôn Cầu Thăng Long đi thôn Bắc đến Đàm Vân Trì	DGT	2,53		2,53	Huyện Đông Anh	2021-2025
445	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N4-11) từ phía Nam thôn Đoài, xã Kim Nỗ đến đàm Vân Trì	DGT	1,83		1,83	Huyện Đông Anh	2021-2025
446	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N4-12) từ thôn Nhuế đến thôn Bàu, xã Kim Chung	DGT	1,36		1,36	Huyện Đông Anh	2021-2025
447	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N4-13) từ Khu đất giá quyền sử dụng đất X2 Kim Chung đến thôn Đại Đồng, xã Đại Mạch	DGT	1,82		1,82	Huyện Đông Anh	2021-2025
448	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N4-14) từ Nhà máy nước Bắc Thăng Long đến Khu đất giá quyền sử dụng đất X2, xã Kim Chung	DGT	3,69		3,69	Huyện Đông Anh	2021-2025
449	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N5-12) từ Khu đất dịch vụ X2 Nguyên Khê đến Khu đất giá quyền Nguyên Khê	DGT	0,86		0,86	Huyện Đông Anh	2021-2025
450	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N5-13) từ đường gom Kênh đào đến đường Võ Nguyên Giáp	DGT	4,22		4,22	Huyện Đông Anh	2021-2025
451	Chỉnh trang, mở rộng tuyến đường cấp khu vực (N5-14) phía Đông thôn Khê Nữ	DGT	1,63	1,22	0,41	Huyện Đông Anh	2021-2025
452	Đầu tư xây dựng tuyến đường chính khu vực (N7-07) từ đường 23 đến hết thôn Thố Bảo	DGT	1,68		1,68	Huyện Đông Anh	2021-2025

453	Đầu tư xây dựng tuyến đường chính khu vực (N7-08) từ Công viên Kim Quy đến đường VD3	DGT	7,23		7,23	Huyện Đông Anh	2021-2025
454	Chỉnh trang mở rộng tuyến đường cấp khu vực (N7-10) từ đường 23B đến xóm Còi thôn Trung Oai xã Tiên Dương	DGT	1,51	1,13	0,38	Huyện Đông Anh	2021-2025
455	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N7-11) từ Đường 23B đến đường Võ Nguyên Giáp	DGT	4,70		4,70	Huyện Đông Anh	2021-2025
456	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N7-12) từ thôn Tiên Kha đến thôn Lương Nỗ	DGT	1,96		1,96	Huyện Đông Anh	2021-2025
457	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N7-13) từ khu đầu giá Đông Nam Cổ Dương đến Khu đầu giá A4, xã Tiên Dương	DGT	1,23		1,23	Huyện Đông Anh	2021-2025
458	Chỉnh trang, mở rộng tuyến đường cấp khu vực (N7-16) từ đường Đản Dị đến đường Cổ Loa	DGT	1,87	1,40	0,47	Huyện Đông Anh	2021-2025
459	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N7-18) từ Việt Hùng đến nhà máy gạch Vigracera	DGT	2,86		2,86	Huyện Đông Anh	2021-2025
460	Đầu tư xây dựng tuyến đường chính khu vực (N8-01) dọc sông Thiếp, đoạn từ đường Trường Sa đến Quốc Lộ 3 (cũ)	DGT	10,08		10,08	Huyện Đông Anh	2021-2025
461	Đầu tư xây dựng tuyến đường chính khu vực (N8-02) từ đường Trường Sa đến đường ven sông Thiếp	DGT	1,52		1,52	Huyện Đông Anh	2021-2025
462	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N8-03) từ đường Trường Sa qua thôn Văn Thượng, Vạn Lộc	DGT	5,83		5,83	Huyện Đông Anh	2021-2025
463	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N8-04) qua phía Tây Bắc thôn Vạn Lộc, xã Xuân Canh	DGT	0,99		0,99	Huyện Đông Anh	2021-2025
464	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N8-05) từ đường Hoàng Sa qua phía Đông thôn Phương Trạch, xã Vĩnh Ngọc đến đê sông Hồng	DGT	4,96		4,96	Huyện Đông Anh	2021-2025
465	Đầu tư xây dựng tuyến đường chính khu vực (GN-01) từ Khu đô thị mới Đông Anh đến đường Dục Tú	DGT	4,62		4,62	Huyện Đông Anh	2021-2025
466	Đầu tư xây dựng tuyến đường chính khu vực (GN-02) từ đường Gia Lương đến đường nối cầu Tứ Liên	DGT	3,73		3,73	Huyện Đông Anh	2021-2025

467	Đầu tư xây dựng tuyến đường chính khu vực (GN-03) kết nối từ thôn Phúc Hậu đến đường Vành đai 3	DGT	9,21		9,21	Huyện Đông Anh	2021-2025
468	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (GN-04) phía Đông thôn Đông xã Việt Hùng	DGT	2,19		2,19	Huyện Đông Anh	2021-2025
469	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (GN-07) phía Đông Bắc sông Thiệp đoạn từ Cỏ Loa đến thôn Đài Bi, xã Uy Nỗ	DGT	11,15		11,15	Huyện Đông Anh	2021-2025
470	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (GN-08) phía Tây Bắc thôn Tăng My xã Nam Hồng	DGT	3,50		3,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
471	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (GN-09) từ thôn Mỹ Nội đến khu sinh thái Mefrimex	DGT	2,10		2,10	Huyện Đông Anh	2021-2025
472	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (GN-11) phía Đông thôn Quan Âm đến hết thôn Bến Trung	DGT	3,19		3,19	Huyện Đông Anh	2021-2025
473	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (GN-12) phía Đông Đàm Sơn Du	DGT	1,97		1,97	Huyện Đông Anh	2021-2025
474	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (GN-15) phía Đông Bắc thôn Mạch Lũng	DGT	3,36		3,36	Huyện Đông Anh	2021-2025
475	Đầu tư xây dựng tuyến đường khu vực N(A)-02 từ đê sông Đuống đến Khu đô thị mới Đông Anh	DGT	2,65		2,65	Huyện Đông Anh	2021-2025
476	Đầu tư xây dựng 02 tuyến đường chính khu vực N(A)-03 từ Khu đô thị mới Đông Anh đến đường trục đô thị TD-7	DGT	5,08		5,08	Huyện Đông Anh	2021-2025
477	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N(A)-4) từ thôn Tiên Hội đến xóm mới Trung Thôn	DGT	2,22		2,22	Huyện Đông Anh	2021-2025
478	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N(A)-5) từ Trường THPT Cỏ Loa đến khu đô thị mới Đông Anh	DGT	1,48		1,48	Huyện Đông Anh	2021-2025
479	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N(A)-4) phía Nam thôn Xuân Trạch lên đê sông Đuống	DGT	0,45		0,45	Huyện Đông Anh	2021-2025
480	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (NB-2) từ thôn Lỗ Giao xã Việt Hùng đến đường trục chính đô thị TD8	DGT	2,79		2,79	Huyện Đông Anh	2021-2025
481	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (NB-3) phía Đông thôn Lỗ Giao xã Việt Hùng	DGT	1,27		1,27	Huyện Đông Anh	2021-2025
482	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (NB-4) phía Bắc thôn Lỗ Giao đi Liên Hà	DGT	1,78		1,78	Huyện Đông Anh	2021-2025

483	Đầu tư xây dựng tuyến đường khu vực (NC-1) phía Bắc thôn Cán Khê đi thôn Tiên Hùng đến đường gom đường sắt Hà Nội- Thái Nguyên	DGT	4,21		4,21	Huyện Đông Anh	2021-2025
484	Đầu tư xây dựng tuyến đường khu vực (NC-2) thôn Xuân Nộn đến thôn Đình Trung xã Xuân Nộn	DGT	3,35		3,35	Huyện Đông Anh	2021-2025
485	Đầu tư xây dựng tuyến đường khu vực (NC-3) phía Nam thôn Đào Thục xã Thụy Lâm	DGT	1,01		1,01	Huyện Đông Anh	2021-2025
486	Đầu tư xây dựng tuyến đường khu vực (NC-4) phía Đông thôn Đào Thục, xã Thụy Lâm	DGT	1,72		1,72	Huyện Đông Anh	2021-2025
487	Xây dựng tuyến đường qua địa phận xã Hải Bối (LK45)-đoạn từ đê Sông Hồng đến đường Hoàng Sa, huyện Đông Anh Tên trong QĐ giao nhiệm vụ: Đầu tư xây dựng tuyến đường qua địa phận xã Hải Bối, từ đê sông Hồng đến đường Hoàng Sa, huyện Đông Anh.	DGT	6,40		6,40	Huyện Đông Anh	2021-2025
488	Đầu tư xây dựng tuyến đường gom chân đê tả sông Hồng đoạn từ ngã 3 đường Hải Bối đến hết địa phận huyện Đông Anh đi Mê Linh	DGT	10,70		10,70	Huyện Đông Anh	2021-2025
489	Xây dựng tuyến đường ngoài hàng rào kết nối khu công nghiệp Bắc Thăng Long, huyện Đông Anh (tuyến 1)	DGT	4,87		4,87	Huyện Đông Anh	2021-2025
490	Xây dựng các tuyến đường xung quanh thôn Nhuế, xã Kim Chung, huyện Đông Anh	DGT	4,57		4,57	Huyện Đông Anh	2021-2025
491	Đầu tư xây dựng tuyến đường gom chân đê sông Đuống đoạn từ Quốc lộ 3 (cũ) đến ngã 3 đường Xuân Canh	DGT	11,96		11,96	Huyện Đông Anh	2021-2025
492	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường 23B đến đường trục trung tâm xã Bắc Hồng	DGT	1,86		1,86	Huyện Đông Anh	2021-2025
493	Xây dựng tuyến đường gom và kè sông Đào Nguyên Khê đoạn từ đường sắt Hà Nội - Lào Cai đến Cầu Phù Lỗ, huyện Đông Anh	DGT	14,57		14,57	Huyện Đông Anh	2021-2025
494	Đầu tư xây dựng tuyến đường gom chân đê sông Cà Lồ từ Quốc lộ 3 (cũ) đến thôn Đào Thục, xã Thụy Lâm	DGT	5,71		5,71	Huyện Đông Anh	2021-2025

495	Cầu Tứ Liên và đường từ cầu Tứ Liên đến cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên, Cầu 3,0km, B=29,5m, Đường 9kmx60m (Tổng diện tích 55,76ha)	DGT	28,00		28,00	Huyện Đông Anh	2024-2025
496	Xây dựng tuyến đường từ quốc lộ 3 đến hết Cụm công nghiệp vừa và nhỏ Nguyên Khê, huyện Đông Anh	DGT	3,84		3,84	Huyện Đông Anh	2021-2025
497	Xây dựng các tuyến đường xung quanh hồ cạnh trụ sở Bảo hiểm xã hội huyện Đông Anh	DGT	0,62		0,62	Huyện Đông Anh	2021-2025
498	Xây dựng 02 tuyến đường gom dọc theo Quốc lộ 3 mới (đoạn từ nút giao giữa đường Vành Đai 3 với đường Quốc lộ 3 mới) đến hết địa phận huyện Đông Anh	DGT	24,20		24,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
499	Xây dựng đường QL 3 Mới Hà Nội - Thái Nguyên, huyện Đông Anh	DGT	0,29		0,29	Huyện Đông Anh	2021-2025
500	Đầu tư xây dựng tuyến đường chính khu vực (N7-03) từ Đầm Vân Trì đến trục đường trục UBND xã Tiên Dương	DGT	7,98		7,98	Huyện Đông Anh	2021-2025
501	Đầu tư xây dựng tuyến đường chính khu vực (N7-05) từ Bệnh viện TH đến đường gom kênh đào QL3	DGT	4,40		4,40	Huyện Đông Anh	2021-2025
502	Xây dựng tuyến đường nối trục từ đường Quốc lộ 3 (cũ) đến tuyến đường Võ Nguyên Giáp, huyện Đông Anh	DGT	7,75		7,75	Huyện Đông Anh	2021-2025
503	Chỉnh trang tuyến đường 23B, đoạn từ ngã tư Biên Thế đến hết địa phận huyện Đông Anh	DGT	33,20		33,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
504	Xây dựng tuyến đường từ Ngã tư biến thể đến đường Võ Nguyên Giáp, huyện Đông Anh Tên cũ: Xây dựng tuyến đường LK53 từ quốc lộ 3 (cũ) đến đầm Vân Trì, huyện Đông Anh	DGT	15,20		15,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
505	Xây dựng tuyến đường từ Quốc lộ 3 (mới) đến đường Đản Dị	DGT	19,80		19,80	Huyện Đông Anh	2021-2025
506	Xây dựng tuyến đường từ QL3 cũ qua thôn Phan Xá đến đường Đản Dị, huyện Đông Anh	DGT	2,39		2,39	Huyện Đông Anh	2021-2025
507	Chỉnh trang tuyến đường Cao lộ đoạn từ UBND xã Uy Nỗ đến đường sắt Hà Nội Thái Nguyên, huyện Đông Anh (theo Quy	DGT	3,08		3,08	Huyện Đông Anh	2021-2025
508	Đầu tư xây dựng tuyến đường nối đường Vân Nội - Kim Chung đến đường Hoàng Sa	DGT	2,40		2,40	Huyện Đông Anh	2021-2025

509	Xây dựng tuyến đường Nam Hồng - Tiên Dương-LK47 (đoạn từ đường Võ Nguyên Giáp đến đường Võ Văn Kiệt) Tên trong QĐ giao nhiệm vụ: Xây dựng tuyến đường Nam Hồng - Tiên Dương (đoạn từ đường Võ Nguyên Giáp đến đường Võ Văn Kiệt).	DGT	11,25		11,25	Huyện Đông Anh	2021-2025
510	Xây dựng tuyến đường từ đường Dục Nội, xã Việt Hùng đến tuyến đường Võ Nguyên Giáp, huyện Đông Anh	DGT	18,12		18,12	Huyện Đông Anh	2021-2025
511	Xây dựng tuyến đường ngoài hàng rào kết nối khu công nghiệp Bắc Thăng Long, huyện Đông Anh (tuyến 3)	DGT	4,70		4,70	Huyện Đông Anh	2021-2025
512	GPMB dự án: Xây dựng QL 3 mới đoạn Hà Nội - Thái Nguyên, địa phận huyện Đông Anh (10 hộ thổ cư và thu hồi bổ sung).	DGT	0,29		0,29	Huyện Đông Anh	2021-2025
513	Đầu tư xây dựng tuyến đường gom chân đê tả sông Hồng đoạn từ ngã 3 vào UBND xã Xuân Canh đến ngã 3 vào UBND xã	DGT	18,00		18,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
514	Xây dựng đường đê tả Đuống đoạn từ cầu Đuống đến cầu Phù Đổng, huyện Gia Lâm	DGT	21,11	21,11		Huyện Gia Lâm	2022
515	Xây dựng tuyến đường quy hoạch 24,5m từ đê Đuống đến đường Dốc Lã Ninh Hiệp,	DGT	5,30	5,30		Huyện Gia Lâm	2022
516	Xây dựng tuyến đường từ khu đô thị Trâu Quỳ qua đường Dương Xá - Đông Dư đến ga Phú Thị, huyện Gia Lâm	DGT	5,55	5,55		Huyện Gia Lâm	2022
517	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch đường Yên Viên - Đình Xuyên - Phù Đổng đến hết địa bàn huyện Gia Lâm	DGT	11,27	11,27		Huyện Gia Lâm	2022
518	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường xã Phú Thị, huyện Gia Lâm	DGT	2,25	2,25		Huyện Gia Lâm	2022
519	Xây dựng hoàn chỉnh, khớp nối hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp vừa và nhỏ Phú Thị, khu công nghiệp Dương Xá A, huyện Gia	DGT	10,35	10,35		Huyện Gia Lâm	2022
520	Xây dựng tuyến đường gom từ cầu Thanh Trì đến cầu vượt Phú Thị, huyện Gia Lâm	DGT	9,73	9,73		Huyện Gia Lâm	2022
521	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đường Phan Đăng Lưu đến Yên Thường, huyện Gia Lâm	DGT	7,38	7,38		Huyện Gia Lâm	2022

522	Xây dựng tuyến đường đê hữu Đuống đoạn từ Dốc Lờ - Đặng Xá đến xã Lê Chi, huyện Gia Lâm	DGT	44,50	44,50		Huyện Gia Lâm	2022
523	Xây dựng tuyến đường Yên Viên - Đình Xuyên - Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm	DGT	6,60	6,60		Huyện Gia Lâm	2022
524	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục chính đội 8A thôn Đào Xuyên và xây dựng tuyến đường từ Đình Đào Xuyên đến Nghè Lê Xá, xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm	DGT	0,10	0,10		Huyện Gia Lâm	2022
525	Xây dựng công trình dự án xây dựng tuyến đường gom từ Khu công nghiệp Đài tư - Sài Đồng A ra Quốc lộ 5	DGT	3,30	3,30		Huyện Gia Lâm	2022
526	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch 17,5m nối từ ô đất TQ5 ra đường Đông Dư Dương Xá	DGT	0,42	0,42		Huyện Gia Lâm	2022
527	Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường liên thôn trục chính: Thôn Thuận Tiến (khu vườn hoa), Dương Đình, xã Dương Xá	DGT	0,35	0,35		Huyện Gia Lâm	2022
528	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đường Đình Xuyên qua khu đấu giá X1 đến đường Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm	DGT	1,33	1,33		Huyện Gia Lâm	2022
529	Xây dựng tuyến đường từ đường Đặng Phúc Thông vào khu đấu giá X5 thôn Quy Mông và thôn Trùng Quán, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm	DGT	1,92	1,92		Huyện Gia Lâm	2022
530	Cải tạo, chỉnh trang ao Bầu xã Phú Thị	DGT	1,30	1,30		Huyện Gia Lâm	2022
531	Cải tạo, chỉnh trang một số tuyến đường và ao, hồ trên địa bàn xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm	DGT	1,50	1,50		Huyện Gia Lâm	2022
532	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Trung tâm văn hóa thể thao xã Kim Sơn (Ao Lò Gạch Thôn Kim Sơn)	DGT	3,67	3,67		Huyện Gia Lâm	2022
533	Xây dựng tuyến đường 13m theo quy hoạch từ đường gom cao tốc Hà Nội - Hải Phòng đến đường quy hoạch B=30m. huyện Gia	DGT	0,43	0,43		Huyện Gia Lâm	2022
534	Xây dựng tuyến đường khớp nối từ khu đô thị Đặng Xá đến trường tiểu học Trung Thành. huyện Gia Lâm	DGT	1,50	1,50		Huyện Gia Lâm	2022
535	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đê tả Đuống qua thôn Phù Đồng 3 đến đường liên xã Ninh Hiệp - Phù Đồng - Trung Mầu. huyện Gia Lâm	DGT	1,30	1,30		Huyện Gia Lâm	2022

536	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ khu đầu giá B116 đến đường 179 và tuyến đường cạnh khu đầu giá B116, xã Phù Đồng, huyện Gia Lâm	DGT	1,10	1,10		Huyện Gia Lâm	2022
537	Xây dựng tuyến đường đê Đá theo quy hoạch, xã Phù Đồng, huyện Gia Lâm	DGT	3,30	3,30		Huyện Gia Lâm	2022
538	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch tại các ô quy hoạch: CCK02, BDX4 thuộc quy hoạch chi tiết hai bên đường 179; các ô đất CCK05, CCK07, CCK08 thuộc quy hoạch chi tiết hai bên đường Dốc Hội - Đại học Nông Nghiệp, huyện Gia Lâm	DGT	1,70	1,70		Huyện Gia Lâm	2022
539	Xây dựng tuyến đường từ đường quy hoạch B=30m đến đường trục chính thôn Kiều Ky, xã Kiều Ky, huyện Gia Lâm	DGT	0,52	0,52		Huyện Gia Lâm	2022
540	Cải tạo, chỉnh trang một số tuyến đường và ao, hồ trên địa bàn xã Phú Thị, huyện Gia Lâm	DGT	2,50	2,50		Huyện Gia Lâm	2022
541	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục chính các thôn: Thuận Tiến (khu vườn hoa), Dương Đình, xã Dương Xá, huyện Gia Lâm	DGT	0,34	0,34		Huyện Gia Lâm	2022
542	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường nối từ QL5 vào khu công nghiệp Hapro (giai đoạn 1)	DGT	15,20	15,20		Huyện Gia Lâm	2022
543	Cải tạo, chỉnh trang tuyến đường từ công ty Điện lực Gia Lâm đến đường Nguyễn Đức Thuận, huyện Gia Lâm	DGT	0,69	0,69		Huyện Gia Lâm	2022
544	Cải tạo, chỉnh trang các tuyến đường trục chính thôn Đồng Xuyên, thôn Hoàng Long, xã Đặng Xá, huyện Gia Lâm (giai đoạn 2)	DGT	0,04	0,04		Huyện Gia Lâm	2022
545	Xây dựng tuyến đường và hạ tầng kỹ thuật cụm làng nghề tập trung xã Bát Trảng, huyện Gia Lâm	DGT	0,46	0,46		Huyện Gia Lâm	2022
546	Xây dựng tuyến đường từ đường 179 vào khu đầu giá đất thôn Trung Dương, xã Kiều Ky, huyện Gia Lâm	DGT	0,57	0,57		Huyện Gia Lâm	2022
547	Xây dựng đoạn đường nối từ đường quy hoạch 28m ra đường Yên Thường, huyện Gia Lâm	DGT	1,49	1,49		Huyện Gia Lâm	2022
548	Xây dựng tuyến đường nối QL5 vào khu công nghiệp Hapro (giai đoạn 1)	DGT	0,26	0,26		Huyện Gia Lâm	2022

549	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đường trục chính thôn Hoàng Long, xã Đặng Xá qua đình Tô Khê, xã Phú Thị đến đê hữu Đuống	DGT	1,40	1,40		Huyện Gia Lâm	2024-2025
550	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đường tỉnh lộ 179 đến thôn Lỗ, thôn Đặng, thôn Cự Đà, xã Đặng Xá	DGT	3,00	3,00		Huyện Gia Lâm	2024-2025
551	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đường Ý Lan qua sông Thiên Đức đến hết thôn Đề Trụ 7, xã Dương Xá, Dương Quang	DGT	2,40	2,40		Huyện Gia Lâm	2024-2025
552	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch chạy dọc sông Thiên Đức từ đường 181 đến đường Nguyễn Bình, xã Dương Xá	DGT	3,90	3,90		Huyện Gia Lâm	2024-2025
553	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đường đê hữu Đuống qua khu tái định cư xã Kim Sơn đến đường Kênh dài	DGT	2,60	2,60		Huyện Gia Lâm	2024-2025
554	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ khu đầu giá X1 Yên Thường đến đường Phan Đăng Lưu - Yên Thường	DGT	2,40	2,40		Huyện Gia Lâm	2024-2025
555	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đường Yên Thường đến đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên, xã Yên Thường	DGT	1,50	1,50		Huyện Gia Lâm	2024-2025
556	Cải tạo, chỉnh trang một số tuyến đường và ao, hồ trên địa bàn xã Kiêu Kỵ	DGT	1,50		1,50	Huyện Gia Lâm	2023-2024
557	Cải tạo ao, hồ tạo cảnh quan, môi trường trên địa bàn xã Đặng Xá	DGT	1,28	1,28		Huyện Gia Lâm	2023-2024
558	Cải tạo ao, hồ thôn Thuận Tồn, thôn Khoan Tế; xây dựng bãi đỗ xe thôn Khoan Tế (diện tích 0,40 ha), xã Đa Tồn	DGT	10,88	10,88		Huyện Gia Lâm	2024-2025
559	Nạo vét, chỉnh trang, làm đường dạo, sân chơi Ao Lính, Ao Làng thôn Giao Tất A, Ao Lò Gạch thôn Kim Sơn, xã Kim Sơn	DGT	1,25	1,25		Huyện Gia Lâm	2023-2024
560	Cải tạo ao, hồ tạo cảnh quan, môi trường trên địa bàn xã Dương Xá	DGT	9,50	9,50		Huyện Gia Lâm	2024-2025
561	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ trường THCS Yên Thường qua khu đầu giá X1 Yên Thường đến đường sắt Hà Nội - Lạng Sơn, huyện Gia Lâm	DGT	5,70	5,70		Huyện Gia Lâm	2024-2025
562	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ thôn Cam, xã Cổ Bi đến đường Ý Lan, xã Đặng Xá, huyện Gia Lâm	DGT	4,70	4,70		Huyện Gia Lâm	2024-2025

563	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đê hữu Đuống qua thôn Sen Hồ đến đường Kênh dài, xã Lệ Chi, huyện Gia Lâm	DGT	4,35	4,35		Huyện Gia Lâm	2024-2025
564	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đường Nguyễn Đức Thuận đến khu đô thị Đặng Xá, huyện Gia Lâm	DGT	6,56	6,56		Huyện Gia Lâm	2024-2025
565	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đường đê tả Đuống qua khu công nghiệp Đình Xuyên đến đường Dốc Lã - Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm	DGT	4,40	4,40		Huyện Gia Lâm	2024-2025
566	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đê tả Đuống đến đường 40m Yên Viên - Đình Xuyên - Phù Đồng, huyện Gia Lâm	DGT	1,74	1,74		Huyện Gia Lâm	2024-2025
567	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đường Yên Viên - Đình Xuyên - Ninh Hiệp qua đường Dương Hà đến hết thôn Trung xã Dương Hà, huyện Gia Lâm	DGT	4,28	4,28		Huyện Gia Lâm	2024-2025
568	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đường 40m quy hoạch qua thôn Lại Hoàng đến đường gom quốc lộ 3 mới, huyện Gia Lâm	DGT	8,20		8,20	Huyện Gia Lâm	2024-2025
569	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường tại khu X8 từ khu Lò Gạch đến thôn Kim Âu, xã Đặng Xá, huyện Gia Lâm	DGT	0,60		0,60	Huyện Gia Lâm	2023-2025
570	Đầu tư xây dựng tuyến đường quy hoạch nối từ cụm làng nghề tập trung Bát Tràng kết nối với đường Giáp Hải, xã Bát Tràng, huyện Gia Lâm	DGT	0,53		0,53	Huyện Gia Lâm	2023-2025
571	Xây dựng công viên, cây xanh tại thôn Kim Quan, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm	DGT	0,45		0,45	Huyện Gia Lâm	2023-2025
572	Xây dựng tuyến đường liên xã Ninh Hiệp - Phù Đồng - Trung Mậu theo quy hoạch đoạn từ hầm chui Quốc lộ 1B đến đường đê tả Đuống, huyện Gia Lâm	DGT	15,70		15,70	Huyện Gia Lâm	2023-2025
573	Xây dựng tuyến đường 179 theo quy hoạch từ đê Phù Đồng đến hết địa phận huyện Gia Lâm	DGT	2,60		2,60	Huyện Gia Lâm	2023-2025
574	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ dốc Thờ đê Phù Đồng qua thôn Phù Đồng 3 đến đường liên xã Ninh Hiệp - Phù Đồng - Trung Mậu, xã Phù Đồng, huyện Gia Lâm	DGT	1,75		1,75	Huyện Gia Lâm	2023-2025

575	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ thôn Xuân Dục đến thôn Yên Khê, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm	DGT	2,10		2,10	Huyện Gia Lâm	2023-2025
576	Xây dựng tuyến đường gom hai bên đường quốc lộ 1B theo quy hoạch, huyện Gia Lâm	DGT	4,40		4,40	Huyện Gia Lâm	2023-2025
577	Xây dựng tuyến đường gom theo quy hoạch từ khu công nghiệp Ninh Hiệp đường gom quốc lộ 1 đến đường gom quốc lộ 3 mới, huyện Gia Lâm	DGT	4,75		4,75	Huyện Gia Lâm	2023-2025
578	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đường Đê Đá đến đường liên xã Ninh Hiệp - Phù Đồng - Trung Mậu, xã Phù Đồng, huyện Gia Lâm	DGT	1,85		1,85	Huyện Gia Lâm	2023-2025
579	Xây dựng tuyến đường từ đường 179 đến khu công nghiệp Tân Quang, huyện Gia Lâm	DGT	1,00		1,00	Huyện Gia Lâm	2023-2025
580	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường liên thôn, trục chính các thôn: 1, 2, 3, 4, 5 Giang Cao, xã Bát Tràng, huyện Gia Lâm.	DGT	0,75		0,75	Huyện Gia Lâm	2023-2025
581	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường liên thôn, trục chính thôn Bát Tràng đồng bộ với quy hoạch, xã Bát Tràng, huyện Gia Lâm	DGT	0,62		0,62	Huyện Gia Lâm	2023-2025
582	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường liên thôn, trục chính thôn Giang Cao đồng bộ với quy hoạch, xã Bát Tràng, huyện Gia Lâm	DGT	0,85		0,85	Huyện Gia Lâm	2023-2025
583	Xây dựng tuyến đường gom chạy dọc quốc lộ 3 mới từ địa phận huyện Đông Anh đến giao tuyến đường quy hoạch 20,5m, huyện Gia Lâm	DGT	50,40		50,40	Huyện Gia Lâm	2023-2025
584	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đê hữu Đuống qua đường 181 đến trường mầm non Kim Sơn, huyện Gia Lâm	DGT	1,04		1,04	Huyện Gia Lâm	2023-2025
585	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ thôn Linh Quy Bắc đến đường 181, huyện Gia Lâm	DGT	1,51		1,51	Huyện Gia Lâm	2023-2025
586	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ thôn Linh Quy Bắc đến đường kênh dài, huyện Gia Lâm	DGT	1,93		1,93	Huyện Gia Lâm	2023-2025
587	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đường đê Tả Đuống đến Cụm công nghiệp Đình Xuyên, huyện Gia Lâm	DGT	4,40		4,40	Huyện Gia Lâm	2023-2025

588	Xây dựng tuyến đường 40m theo quy hoạch từ Đình Xuyên đến đường gom quốc lộ 1B, huyện Gia Lâm	DGT	12,72		12,72	Huyện Gia Lâm	2023-2025
589	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đê hữu Đuống qua đường 181 tại vị trí chùa Linh Quy đến Kênh dài, huyện Gia	DGT	6,65		6,65	Huyện Gia Lâm	2023-2025
590	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ sông Cầu Bậy quanh làng Ngọc Động đến hết khu đầu giá DT2, xã Đa Tốn, huyện Gia	DGT	2,04		2,04	Huyện Gia Lâm	2023-2025
591	Xây dựng các tuyến đường theo quy hoạch khớp nối tuyến đường theo quy hoạch trên địa bàn thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm	DGT	2,78		2,78	Huyện Gia Lâm	2023-2025
592	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ trường THCS Trâu Quỳ đến đường Đông Dư - Dương Xá, huyện Gia Lâm	DGT	1,05		1,05	Huyện Gia Lâm	2023-2025
593	Xây dựng tuyến đường từ khu đô thị Đặng Xá đến đường Cổ Bi, huyện Gia Lâm	DGT	3,30		3,30	Huyện Gia Lâm	2023-2025
594	Xây dựng các tuyến đường từ khớp nối trên địa bàn xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm	DGT	1,93		1,93	Huyện Gia Lâm	2023-2025
595	Cải tạo, chỉnh trang ao hồ trên địa bàn xã Dương Xá, huyện Gia Lâm	DGT	9,50		9,50	Huyện Gia Lâm	2023-2025
596	Cải tạo ao, hồ tạo cảnh quan, môi trường trên địa bàn xã Đặng Xá, huyện Gia Lâm	DGT	1,28		1,28	Huyện Gia Lâm	2023-2025
597	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch 13,5m từ thôn Hoàng Long đến thôn Đồng Xuyên, xã Đặng Xá, huyện Gia Lâm	DGT	0,83		0,83	Huyện Gia Lâm	2023-2025
598	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch 20,5m từ đường Đê tả Hồng đến đường Đông Dư - Dương Xá, xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm	DGT	4,74		4,74	Huyện Gia Lâm	2023-2025
599	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh lộ 179 đoạn từ cầu vượt Phú Thụy đến cầu Chùa, huyện Gia Lâm	DGT	13,43		13,43	Huyện Gia Lâm	2023-2025
600	Khớp nối các tuyến đường dọc hai bên sông cầu Bậy trên địa bàn thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm	DGT	7,00		7,00	Huyện Gia Lâm	2023-2025
601	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đường quy hoạch 24,5m Yên Viên đến đường quy hoạch Yên Viên - Đình Xuyên - Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm	DGT	2,50		2,50	Huyện Gia Lâm	2023-2025

602	Xây dựng tuyến đường theo Quy hoạch từ đường Đa Tốn tại UBND xã Đa Tốn qua sông Cầu Bậy và kết nối với đường gom Quốc lộ 5B, huyện Gia Lâm	DGT	0,98		0,98	Huyện Gia Lâm	2023-2025
603	Xây dựng tuyến đường quy hoạch hai bên kênh Dài từ sông Thiên Đức đến đường 181, huyện Gia Lâm	DGT	9,33		9,33	Huyện Gia Lâm	2023-2025
604	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh lộ 179 đoạn từ đường Nguyễn Huy Nhuận đến hết phạm vi cầu vượt Phú Thụy theo quy hoạch, huyện Gia Lâm	DGT	14,07		14,07	Huyện Gia Lâm	2023-2025
605	Xây dựng hạ tầng khớp nối tuyến đường đê tả Đuống đoạn từ cầu Đuống đến cầu Phù Đồng, huyện Gia Lâm	DGT	0,12		0,12	Huyện Gia Lâm	2023-2025
606	Xây dựng hoàn chỉnh, khớp nối hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp vừa và nhỏ Phú Thị, khu công nghiệp Dương Xá A, huyện Gia Lâm (giai đoạn 2)	DGT	3,07		3,07	Huyện Gia Lâm	2023-2025
607	Xây dựng đường đê tả Đuống đoạn từ đê Phù Đồng đến hết địa phận xã Trung Mầu, huyện Gia Lâm	DGT	10,57		10,57	Huyện Gia Lâm	2023-2025
608	Khớp nối hạ tầng kỹ thuật dọc đường 22m từ đường gom cầu Thanh Trì đến cầu vượt Phú Thụy (chỉ trên địa bàn huyện Gia Lâm)	DGT	3,54		3,54	Huyện Gia Lâm	2023-2025
609	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đường Yên Thường qua chùa Vân đến khu đấu giá đất xã Yên Viên và xã Yên Thường, huyện Gia Lâm	DGT	0,73		0,73	Huyện Gia Lâm	2023-2025
610	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đường quy hoạch 40m Đình Xuyên - Ninh Hiệp đến nút giao đê Tả Đuống với đường quốc lộ 1, xã Phù Đồng, huyện Gia	DGT	1,40		1,40	Huyện Gia Lâm	2023-2025
611	Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội	DGT	216,00		216,00	Huyện Hoài Đức	2023-2025
612	Dự án xây dựng một phần tuyến đường 70 (đoạn từ cầu Ngà đến hết ranh giới dự án Làng giáo dục Quốc tế) và đường bao quanh Làng giáo dục Quốc tế	DGT	0,11		0,11	Huyện Hoài Đức	2022
613	Đường giao thông liên xã Cát Quế - Dương Liễu	DGT	1,35		1,35	Huyện Hoài Đức	2022

614	Tuyến đường nối QL32-thôn Lai Xá đến khu đầu giá QSD đất (khớp nối đường Hoàng Quốc Việt kéo dài theo quy hoạch)	DGT	1,50		1,50	Huyện Hoài Đức	2022
615	Đường Vành Đai 3,5 (Giai đoạn II)	DGT	22,60		22,60	Huyện Hoài Đức	2022
616	Đường từ QL32 qua khu đô thị Cienco 5 khớp nối đường HQV kéo dài	DGT	1,00		1,00	Huyện Hoài Đức	2022
617	Đường Vành Đai 3,5 giai đoạn 1	DGT	6,84		6,84	Huyện Hoài Đức	2022
618	Đường trục chính xã Kim Chung	DGT	1,25		1,25	Huyện Hoài Đức	2022
619	Đường DH 04 từ Tiên Yên đến Đại lộ Thăng Long	DGT	2,28		2,28	Huyện Hoài Đức	2022
620	Xây dựng tuyến đường DH 03 huyện Hoài Đức	DGT	6,76		6,76	Huyện Hoài Đức	2022
621	Tuyến đường DH 02 huyện Hoài Đức	DGT	5,00		5,00	Huyện Hoài Đức	2022
622	Tuyến đường liên khu vực 8 (Từ tỉnh lộ 423 đến Đại lộ Thăng Long)	DGT	12,00		12,00	Huyện Hoài Đức	2022
623	Tuyến đường liên khu vực 1 - từ Đức Thượng đến Song Phương	DGT	27,00		27,00	Huyện Hoài Đức	2022
624	Đường liên xã Đức Giang - Đức Thượng	DGT	0,64		0,64	Huyện Hoài Đức	2022
625	Đường vào trường Mầm non La Phù 2 xã La Phù huyện Hoài Đức	DGT	0,50		0,50	Huyện Hoài Đức	2022
626	Đường nối từ QL32 tới khu đầu giá QSD đất xã Đức Thượng	DGT	1,30		1,30	Huyện Hoài Đức	2022
627	Đường bờ trái kênh Đan Hoài giai đoạn 3 (đoạn từ đường liên xã Minh Khai-Đức Thượng đến hết địa phận huyện Hoài Đức)	DGT	0,35		0,35	Huyện Hoài Đức	2022
628	Đường giao thông nông thôn xã Đắc Sở tuyến 1, 2	DGT	0,38		0,38	Huyện Hoài Đức	2022
629	Tuyến đường dọc kênh Đan Hoài phía bờ trái từ Tiên Yên đến Song Phương	DGT	0,60		0,60	Huyện Hoài Đức	2022
630	Xây dựng hệ thống thoát nước thải kết hợp giao thông nông thôn xã Dương Liễu - Cát Quế	DGT	0,30		0,30	Huyện Hoài Đức	2022
631	Tuyến đường Lại Yên - Vân Canh (Từ liên khu vực 2 đến đường vành đai 3,5) huyện Hoài Đức	DGT	13,53		13,53	Huyện Hoài Đức	2022
632	Đường bờ trái kênh Đan Hoài giai đoạn 2 (Đoạn từ cầu qua kênh Đan Hoài vào trường THCS Dương Liễu đến đường liên xã Minh Khai - Đức Thượng)	DGT	2,27		2,27	Huyện Hoài Đức	2022
633	Xây dựng hệ thống thoát nước thải kết hợp cải tạo trục đường giao thông tuyến từ Đê Tả Đáy đi thôn 8, thôn 9, thôn Cát Ngòi đến đường DH04	DGT	0,13		0,13	Huyện Hoài Đức	2022

634	Tuyến đường bao khu dân cư và trường THCS Đắc Sở	DGT	0,60		0,60	Huyện Hoài Đức	2022
635	Đường trục chính khu trung tâm xã Cát Quế	DGT	0,34		0,34	Huyện Hoài Đức	2022
636	Đường liên khu vực 6 (từ đường liên khu vực 1 đến đường vành đai 3,5 huyện Hoài Đức.)	DGT	15,00		15,00	Huyện Hoài Đức	2022
637	Đường Vành đai xã Dương Liễu-Cát Quế (đoạn từ thôn Quê đi đường DH05)	DGT	0,50		0,50	Huyện Hoài Đức	2022
638	Chỉnh trang, nâng cấp kết hợp làm mới đường vào trụ sở công an và Trạm Y tế xã Đức Thượng	DGT	0,20		0,20	Huyện Hoài Đức	2022
639	Vườn hoa, cây xanh, bãi đỗ xe và các HMPT khu di tích Quán Giã xã Yên Sở	DGT	3,10		3,10	Huyện Hoài Đức	2022
640	Khu nhà ở biệt thự Hoa Phượng xã An Khánh (Đầu tư xây dựng tuyến đường khu nhà ở biệt thự Hoa Phượng)	DGT	8,45		8,45	Huyện Hoài Đức	2022
641	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ đường TL 423 đi thôn Cù Sơn	DGT	0,70		0,70	Huyện Hoài Đức	2022
642	Tuyến đường dọc kênh Đan Hoài phía bờ trái từ Minh Khai đến Tiên Yên	DGT	4,54		4,54	Huyện Hoài Đức	2022
643	Đường ĐH 04 từ Đại Lộ Thăng Long đến đường tỉnh 423	DGT	3,83		3,83	Huyện Hoài Đức	2022
644	Cải tạo, chỉnh trang tuyến đường dọc kênh Đan Hoài từ Minh Khai đến cầu Cát Quế	DGT	0,40		0,40	Huyện Hoài Đức	2022
645	Cảng Nội địa (ICD) Mỹ Đình	DGT	17,74		17,74	Huyện Hoài Đức	2022
646	Đường vành đai xã Sơn Đồng	DGT	1,40		1,40	Huyện Hoài Đức	2022
647	Cầu Tân Phú bắc qua sông Đáy	DGT	0,70		0,70	Huyện Hoài Đức	2023-2024
648	Xây dựng nút giao khác mức giữa đường vành đai 3,5 với đại lộ Thăng Long	DGT	1,30		1,30	Huyện Hoài Đức	2023-2024
649	Cầu 72 - II	DGT	1,44		1,44	Huyện Hoài Đức	2023-2024
650	Xây dựng tuyến đường Tiên Phong - Tự Lập, huyện Mê Linh (Giai đoạn 1)	DGT	29,76		29,76	Huyện Mê Linh	2022
651	Xây dựng tuyến đường nối từ đường 23B đi cảng Chu Phan, huyện Mê Linh	DGT	21,60		21,60	Huyện Mê Linh	2022
652	Cải tạo nâng cấp tuyến đường 35 huyện Mê Linh (đoạn từ Đại Thịnh đến thị trấn Quang Minh)	DGT	18,26	18,01	0,25	Huyện Mê Linh	2022
653	Xây dựng tuyến đường nối từ đường 35 đến đường Bắc Thăng Long - Nội Bài, huyện Mê Linh (Giai đoạn 1)	DGT	5,03	4,64	0,39	Huyện Mê Linh	2022

654	Xây dựng tuyến đường từ khu trung tâm hành chính huyện Mê Linh đến Trung tâm văn hóa thể thao huyện Mê Linh (Giai đoạn 1)	DGT	9,04	8,99	0,05	Huyện Mê Linh	2022
655	Xây dựng tuyến đường gom Bắc Thăng Long - Nội Bài, đoạn qua Khu công nghiệp Quang Minh I	DGT	7,44	4,70	2,74	Huyện Mê Linh	2022
656	Cải tạo nâng cấp đường 23B (Hà Nội - Nghĩa Trang Thanh Trú)	DGT	31,30		31,30	Huyện Mê Linh	2022
657	Đầu tư xây dựng công trình cầu Tiên, huyện Mê Linh	DGT	0,00		0,00	Huyện Mê Linh	2022
658	Cải tạo nâng cấp đường giao thông vào cổng chính phục vụ công tác phòng chống cháy nổ của Trung tâm Bảo hiểm tài liệu lưu trữ Quốc Gia	DGT	0,20		0,20	Huyện Mê Linh	2022
659	Xây dựng tuyến đường 48 m đoạn từ Yên Vinh đến đường 36 khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh	DGT	11,45		11,45	Huyện Mê Linh	2022
660	Xây dựng tuyến đường nối đường 100 Trục trung tâm đô thị Mê Linh qua bệnh viện Đa khoa huyện đến đường đê tả sông Hồng, huyện Mê Linh	DGT	5,52		5,52	Huyện Mê Linh	2022
661	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Vạn Yên - Thạch Đà	DGT	7,37		7,37	Huyện Mê Linh	2022
662	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng tuyến đường Tam Đồng - Tiến Thắng	DGT	4,10		4,10	Huyện Mê Linh	2022
663	Xây dựng tuyến đường từ đường Tam Đồng - Tiến Thắng đến đường Tiến Thắng - Tự Lập (đường đê sông Cà Lồ)	DGT	3,40		3,40	Huyện Mê Linh	2022
664	Nâng cấp tuyến đường từ đường TL 308 đi Đê tả Sông Hồng (đường đê Thất Xá), xã Tiến Thịnh, huyện Mê Linh	DGT	11,10		11,10	Huyện Mê Linh	2022
665	Cải tạo nâng cấp đường Chi Đông - Kim Hoa huyện Mê Linh	DGT	7,61	7,61		Huyện Mê Linh	2022
666	Xây dựng tuyến đường nối đường trục phía Nam với đường Bái Đính – Ba Sao đoạn qua địa phận huyện Mỹ Đức (nối tiếp với đoạn qua địa phận huyện Ứng Hòa), thành phố Hà Nội	DGT	15,00	15,00		Huyện Mỹ Đức	2022
667	Mở rộng Đường Hồ Chí Minh	DGT	8,00	8,00		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
668	Đường tỉnh lộ 424 đến đường trục phát triển thị trấn Đại Nghĩa, huyện Mỹ Đức	DGT	2,80	2,80		Huyện Mỹ Đức	2022

669	Cải tạo nâng cấp tuyến đường 419 đoạn km51+55 đến km53+552 (đoạn đi trùng tuyến đường trục phát triển kinh tế Miếu Môn-Hương Sơn)	DGT	8,99	8,99		Huyện Mỹ Đức	2022
670	Mở rộng tỉnh lộ 419	DGT	20,77	20,77		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
671	Mở rộng tỉnh lộ 429	DGT	6,90	6,90		Huyện Mỹ Đức	2021
672	Nâng cấp, mở rộng tỉnh lộ 424	DGT	5,68	5,68		Huyện Mỹ Đức	2021
673	Làm mới tuyến Miếu Môn - Hương Sơn	DGT	59,14	59,14		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
674	Làm mới tuyến Đỗ Xá - Quan Sơn	DGT	9,65	9,65		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
675	Cải tạo, nâng cấp đường trục giao thông liên xã Phúc Lâm – Lê Thanh, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội	DGT	12,20	12,20		Huyện Mỹ Đức	2022
676	Đường trục phát triển phía bắc huyện Mỹ Đức từ TL 419 xã An Mỹ đi Tuy Lai đến TL 429 xã Đồng Tâm (GD2)	DGT	1,02	1,02		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
677	Cải tạo, nâng cấp đường trục giao thông liên xã Phùng Xá - Phù Lưu Tế (điểm đầu từ trục đường xã Phùng Xá, điểm cuối nối với đường trục xã Phù Lưu Tế), huyện Mỹ Đức	DGT	3,50	3,50		Huyện Mỹ Đức	2022
678	Đường tránh tỉnh lộ 419 đi khu du lịch chùa Hương đoạn từ cầu Đông Bình đến bến xe Hội xá huyện Mỹ Đức	DGT	4,75	4,75		Huyện Mỹ Đức	2022
679	Cải tạo, nâng cấp đường trục giao thông liên xã Hợp Tiến – Hợp Thanh (điểm đầu nối với xã Thanh Cao, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, điểm cuối nối với đường trục xã Hợp Thanh), huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội	DGT	3,20	3,20		Huyện Mỹ Đức	2022
680	Mở mới đường ngang đê Đáy - TL419	DGT	5,50	5,50		Huyện Mỹ Đức	2022
681	Mở rộng đường Đê Đáy	DGT	1,22	1,22		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
682	Đường vào bệnh viện đa khoa huyện Mỹ Đức	DGT	0,36	0,36		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
683	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông đê Đáy từ cầu Tế Tiêu đến giáp xã Đại Hưng, thị trấn Đại Nghĩa	DGT	1,82	1,82		Huyện Mỹ Đức	2022
684	Đường vành đai nối đường 424 đến đường trục phát triển Văn Giang (Giáp nghĩa trang cũ TDP Tế Tiêu)	DGT	2,80	2,80		Huyện Mỹ Đức	2022
685	Đường giao thông từ xa Hợp Thanh đi đường Đỗ Xá - Quan Sơn	DGT	3,58	3,58		Huyện Mỹ Đức	2022

686	Đường giao thông kết hợp kênh mương tiêu đoạn từ TL419 đi xứ đồng Điền Thanh thuộc TDP Tế Tiêu	DGT	0,20	0,20		Huyện Mỹ Đức	2022
687	Đường vành đai nối đường Đại Thanh đến đường Chạm Lũ (Giáp công viên và Công an huyện Mỹ Đức đến đường Đại Nghĩa An Tiến)	DGT	1,10	1,10		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
688	Đường vành đai nối đường Đại Thanh đến đường trục phát triển Văn Giang (Giáp chợ Tế Tiêu)	DGT	0,60	0,60		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
689	Đường vành đai nối đường Ma đến đường trục phát triển Thọ Sơn (Giáp khu liên hiệp thể thao huyện)	DGT	1,44	1,44		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
690	Đường quy hoạch (Đường Ngay) giáp đình trung TDP Tế Tiêu đến quảng trường huyện	DGT	0,18	0,18		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
691	Nâng cấp mở rộng đường liên thôn từ Cửa Mương lên đường TL-429	DGT	0,05	0,05		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
692	Nâng cấp mở rộng đường liên thôn từ Cổng làng Hoành qua NVH thôn Hoành lên đường TL-429	DGT	0,08	0,08		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
693	Nâng cấp cải tạo đường giao thông trục huyện từ xã Phúc Lâm đến xã Đồng Tâm và Thượng Lâm (Đoạn nối từ TL 419 đến TL 429) huyện Mỹ Đức	DGT	0,85	0,85		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
694	Bến xe tỉnh	DGT	0,20	0,20		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
695	Giao thông nội đồng	DGT	5,80	5,80		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
696	Làm mới Đường Đồng Tâm đi Tuy Lai (đoạn Đồng Rĩ, Bờ Vả đi Đồng Dư)	DGT	4,00	4,00		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
697	Bến xe tỉnh	DGT	0,78	0,78		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
698	Làm mới tuyến Đồng Dư - Sau chùa	DGT	0,40	0,40		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
699	Làm mới Đường liên thôn	DGT	0,10	0,10		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
700	Xây dựng bến xe	DGT	0,66	0,66		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
701	Mở rộng đường TL 429 (từ cầu Ba Thá đến đường HCM)	DGT	2,87	2,87		Huyện Mỹ Đức	2022
702	Cảng Ba Thá	DGT	2,00	2,00		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
703	Mở rộng đường ven đê chạy qua xã	DGT	0,38	0,38		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
704	Mở rộng đường từ đường 419 (ngã 3 đường 419 và Miếu Môn - Hương Sơn) đến đường Đê Hồ thôn Bình Lạng	DGT	0,27	0,27		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
705	Bến, bãi đỗ xe trung tâm xã	DGT	0,20	0,20		Huyện Mỹ Đức	2022-2025

706	Cầu Lê Thanh vượt sông Đáy qua huyện Mỹ Đức, Ứng Hòa và đường giao thông hai bên cầu, huyện Mỹ Đức	DGT	4,08	4,08		Huyện Mỹ Đức	2021
707	Bến xe tỉnh	DGT	0,05	0,05		Huyện Mỹ Đức	2021-2025
708	Mở rộng đường trước UBND xã	DGT	0,13	0,13		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
709	Mở rộng đường giao thông từ nhà ông Bắc đi Cửa Khâu	DGT	0,90	0,90		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
710	Mở rộng đường giao thông từ cầu Phùng Xá đi đường ven Đáy	DGT	0,64	0,64		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
711	Mở rộng đường giao thông từ đầu đội 1 đi đường cầu Phùng Xá	DGT	0,84	0,84		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
712	Bến xe tỉnh	DGT	1,00	1,00		Huyện Mỹ Đức	2021-2025
713	Mở rộng tuyến 24	DGT	1,65	1,65		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
714	Bãi đỗ xe	DGT	0,15	0,15		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
715	Tuyến Đàng Cái đi Độc Bún	DGT	0,21	0,21		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
716	Bãi đỗ xe Kim Bôi	DGT	0,91	0,91		Huyện Mỹ Đức	2022
717	Tuyến đường từ TL 419 đi nghĩa trang, Đồng Dâu thôn Kim Bôi	DGT	1,80	1,80		Huyện Mỹ Đức	2022
718	Cầu Vạn Kim	DGT	0,65	0,65		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
719	Mở rộng đường từ đình Vạn Phúc ra đường 419	DGT	0,40	0,40		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
720	Mở rộng đường từ ngã 3 Đốc Tín đi Vạn Kim (Ven Đáy)	DGT	0,20	0,20		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
721	Mở rộng đường Phi Lao	DGT	0,30	0,30		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
722	Mở rộng bãi đỗ xe Tuyết Sơn	DGT	0,70	0,70		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
723	Mở rộng bến xe thôn Đục Khê	DGT	1,50	1,50		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
724	Cải tạo mở rộng bến xe đường số 1 Hương Sơn	DGT	1,77	1,77		Huyện Mỹ Đức	2022
725	Mở rộng tuyến từ TL 419 - bên xe Tiên Mai - đền Đức Thánh Cả - Giáp xã Tân Sơn huyện Kim Bôi	DGT	3,48	3,48		Huyện Mỹ Đức	2021
726	Dự án tuyến cáp treo Hương Bình tại xã Hương Sơn huyện Mỹ Đức và xã Phú Lão huyện Lạc Thủy, Tỉnh Hòa Bình	DGT	17,86	17,86		Huyện Mỹ Đức	2021
727	Mở rộng bến đò hang vò + cải tạo suối Long Vân	DGT	10,38	10,38		Huyện Mỹ Đức	2021
728	Đường giao thông kết hợp thoát nước khu du lịch chùa Hương	DGT	1,40	1,40		Huyện Mỹ Đức	2022
729	Mở rộng bến đò tuyến Tuyết Sơn	DGT	10,10	10,10		Huyện Mỹ Đức	2021
730	Đường từ tỉnh lộ 419 đi tỉnh lộ 425 (thuộc quần thể khu du lịch thắng cảnh Hương Sơn với khu di tích Tam Chúc-Khả Phong tỉnh	DGT	20,88	20,88		Huyện Mỹ Đức	2022
731	Tuyến tránh tỉnh lộ 419 đi đền trình và xây dựng cảnh quan tuyến phố đi bộ tại bến yển khu du lịch chùa hương	DGT	4,60	4,60		Huyện Mỹ Đức	2022

732	Xây dựng đường tỉnh lộ 419 từ xã Hương Sơn huyện Mỹ Đức đến tiếp giáp xã Tân Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam	DGT	2,45	2,45		Huyện Mỹ Đức	2022
733	Mở mới bến xe	DGT	0,84	0,84		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
734	Bãi Đỗ xe Nhẫu 3	DGT	2,40	2,40		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
735	Mở rộng bến đò Yên Vĩ	DGT	14,20	14,20		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
736	Đường từ ngã ba UBND đến Đầm ải	DGT	0,14	0,14		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
737	Xây dựng đường từ UBND xã An Tiến đi đường trục phát triển huyện Mỹ Đức	DGT	2,80	2,80		Huyện Mỹ Đức	2022
738	Cầu đập tràn Quan Sơn	DGT	1,44	1,44		Huyện Mỹ Đức	2021
739	Bến xe tỉnh	DGT	0,50	0,50		Huyện Mỹ Đức	2021-2025
740	Cải tạo nâng cấp tỉnh lộ 424 đoạn từ Chợ Bến (hòa Bình) đến khu du lịch Quan sơn (1,8km)	DGT	1,47	1,47		Huyện Mỹ Đức	2022
741	Nâng cấp mở rộng đường giao thông từ xã An Phú đi TT. Đại Nghĩa	DGT	2,12	2,12		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
742	Đường giao thông nông thôn từ trường Tiểu học B đến đường Sắt Nỏ, xã Hợp Thanh	DGT	1,20	1,20		Huyện Mỹ Đức	2022
743	Mở rộng đường từ trạm điện đến hồ ải	DGT	1,20	1,20		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
744	Bến xe, bãi đỗ xe	DGT	0,50	0,50		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
745	Đường Tránh sông Thọ	DGT	7,80	7,80		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
746	Mở đường vào trường Mầm Non	DGT	1,20	1,20		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
747	Mở rộng, làm mới tuyến UBND xã - thôn Thanh Hà	DGT	0,54	0,54		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
748	Đường trục chính đi khu chuyển đổi thôn Nam Hưng	DGT	0,25	0,25		Huyện Mỹ Đức	2022
749	Xây dựng nâng cấp đường giao thông xã An Phú và 3 cầu: Phú Thanh, Thoáng, Đồng Gạch	DGT	0,70	0,70		Huyện Mỹ Đức	2022
750	Cải tạo nâng cấp đường giao thông xã An Phú đoạn Núi Dải xã An Phú	DGT	0,70	0,70		Huyện Mỹ Đức	2022
751	Đường trục chính đi khu chuyển đổi thôn Thanh Hà	DGT	0,15	0,15		Huyện Mỹ Đức	2022
752	Cải tạo, nâng cấp đường Thanh Hà xã An Phú (Giai đoạn 2)	DGT	0,27	0,27		Huyện Mỹ Đức	2022
753	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã An Phú - đoạn từ thôn Đồng Chiêm đến đường liên xã	DGT	0,40	0,40		Huyện Mỹ Đức	2022
754	Cải tạo, nâng cấp tuyến tỉnh lộ 424 đoạn từ Đỗ Xá Quan Sơn (ngã 5 Tề Tiêu) đến đập tràn Cầu Dậm	DGT	9,29	9,29		Huyện Mỹ Đức	2022
755	Nâng cấp, mở rộng bến đò và suối Tuyết Sơn, xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức	DGT	10,10	10,10		Huyện Mỹ Đức	2022

756	Làm mới tuyến Đầu Thung Cẩm - Cầu Đá Giải	DGT	1,00	1,00		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
757	Mở rộng đường giao thông nội đồng phục vụ xây dựng NTM xã Đồng Tâm	DGT	0,35	0,35		Huyện Mỹ Đức	2022
758	Đường liên xã Tuy Lai đi xã Đồng Tâm (tránh Thượng Lâm)	DGT	4,00	4,00		Huyện Mỹ Đức	2022
759	Đường ngang đê Đáy (giai đoạn 2) từ TL419 - Tuy Lai nối tiếp	DGT	3,09	3,09		Huyện Mỹ Đức	2022
760	Làm mới đường ngang đê đáy – tỉnh lộ 419 - đường trục huyện	DGT	3,58	3,58		Huyện Mỹ Đức	2023
761	Đường giao thông từ Cổng đằm đi Hang Ma, xã Hợp Thanh	DGT	0,07	0,07		Huyện Mỹ Đức	2023
762	Đường giao thông Vùng Phú Hiền (Núi Đỏ - Ao Sen), trạm điện trường Thi đi Gò Cáp xã Hợp Thanh	DGT	0,46	0,46		Huyện Mỹ Đức	2023
763	Dự án Đường trục phía Nam tỉnh Hà Tây (cũ)	DGT	41,76		41,76	Huyện Phú Xuyên	2022
764	Đường giao thông trục phát triển phía Đông huyện Phú Xuyên (nối từ tỉnh lộ 428 đến tỉnh lộ 429)	DGT	18,70		18,70	Huyện Phú Xuyên	2022
765	Dự án Nâng cấp đường Tỉnh Lộ 428 (từ Ngã ba Hoàng Nguyên đến Cầu Lương, xã Minh Tân)	DGT	10,30		10,30	Huyện Phú Xuyên	2022
766	Dự án Nâng cấp đường Tỉnh Lộ 429 (đoạn qua các xã: Phú Túc, Hồng Minh, Phương Dục)	DGT	15,10		15,10	Huyện Phú Xuyên	2022
767	Đường Giao thông Phụng Dục-Đại Thắng	DGT	3,00		3,00	Huyện Phú Xuyên	2022
768	Cải tạo, nâng cấp đường Truyền Thống huyện Phú Xuyên (đoạn từ QL1A đến đường gom cao tốc Pháp Vân- Cầu Giẽ)	DGT	2,00		2,00	Huyện Phú Xuyên	2022
769	Đường trục xã Quang Lãng (nối từ Tỉnh lộ 428 đi chùa Viên Minh)	DGT	2,70		2,70	Huyện Phú Xuyên	2022
770	Đường trục xã Tri Thủy (nối từ Tỉnh lộ 428 đi thôn vĩnh Ninh- thôn Nhân Sơn, thôn Tri Thủy)	DGT	1,50		1,50	Huyện Phú Xuyên	2022
771	Đường gom Cầu Giẽ-Phú Yên-Vân Từ	DGT	10,50		10,50	Huyện Phú Xuyên	2022
772	Cầu Nam Hồng	DGT	0,01		0,01	Huyện Phú Xuyên	2022
773	Đường QL1A (từ phòng TCKH) đến đường gom cao tốc Pháp Vân- Cầu Giẽ	DGT	1,70		1,70	Huyện Phú Xuyên	2022
774	Đường từ Trụ sở Công an huyện đi đường gom cao tốc Pháp Vân- Cầu Giẽ	DGT	4,00		4,00	Huyện Phú Xuyên	2022
775	Đường gom phía đông cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ	DGT	10,00		10,00	Huyện Phú Xuyên	2022
776	Nâng cấp Tỉnh lộ 428A, từ Cầu Công Thần đến QL1A, huyện Phú Xuyên	DGT	4,50		4,50	Huyện Phú Xuyên	2022

777	Nâng cấp mặt đê sông Hồng, huyện Phú Xuyên	DGT	14,00		14,00	Huyện Phú Xuyên	2022
778	Đường Phú Túc - Hoàng Long (đoạn nối từ tỉnh lộ 429 đến đê sông Nhuệ)	DGT	7,50		7,50	Huyện Phú Xuyên	2022
779	Cải tạo, nâng cấp đường Truyền Thống huyện Phú Xuyên (đoạn từ cao tốc Pháp Vân- Cầu Giẽ đến đê sông Hồng)	DGT	9,60		9,60	Huyện Phú Xuyên	2022
780	Đường Giao thông liên xã Văn Hoàng - Hoàng Long - Phú Túc (nối từ cầu Nội Cói đến đường trục xã Phú Túc)	DGT	13,50		13,50	Huyện Phú Xuyên	2022
781	Đường Giao thông liên xã Tri Thủy - Khai Thái - Nam Triều	DGT	6,70		6,70	Huyện Phú Xuyên	2022
782	Đường trục phát triển kinh tế Văn Hoàng- Phượng Dực (nối từ TL 429 - đê sông Nhuệ)	DGT	10,00		10,00	Huyện Phú Xuyên	2022
783	Đường giao thông liên xã Hồng Minh - Tri Trung (tuyến 1: L = 1,1km từ thôn Tri Chỉ kết nối với đường trục phát triển phía Nam; tuyến 2: L=500m; từ tuyến số 1 nối với đường trục Tri Trung - Hoàng Long - Ứng Hòa)	DGT	1,20		1,20	Huyện Phú Xuyên	2022
784	Đường trục xã từ 428b(ông Đẩu) đến diền cuối đẩu với đường Quang Lăng-Minh Tân	DGT	2,70		2,70	Huyện Phú Xuyên	2022
785	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào khu xử lý rác thải Châu Can	DGT	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2022
786	Đường giao thông Bạch Hạ-Minh Tân (GDD2)	DGT	1,80		1,80	Huyện Phú Xuyên	2022
787	Nâng cấp mở rộng đường Thao Chính-Tân Dân	DGT	7,00		7,00	Huyện Phú Xuyên	2022
788	Đường trục kết nối từ TL428 đến đường Thao Chính - Nam Triều	DGT	5,20		5,20	Huyện Phú Xuyên	2022
789	Cải tạo, nâng cấp đường Nội Hợp-Thụy Phú	DGT	8,00		8,00	Huyện Phú Xuyên	2022
790	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào Cụm công nghiệp Phú Yên	DGT	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2022
791	Xây dựng mới tuyến đường Đỗ Xá - Quan Sơn theo hướng Đông - Tây, mặt cắt 62m	DGT	10,00		10,00	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
792	Đường trục kết nối đông - tây huyện Phú Xuyên	DGT	4,00		4,00	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
793	Xây dựng mới đường Ngọc Hồi - Phú Xuyên dọc theo phía Tây khu quy hoạch, mặt cắt 40m	DGT	11,00		11,00	Huyện Phú Xuyên	2021-2025

794	Đường giao thông trục phát triển phía Đông huyện Phú Xuyên (nối từ tỉnh lộ 428 đến tỉnh lộ 429) gđ 1	DGT	3,00		3,00	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
795	Đường giao thông trục phát triển phía Đông huyện Phú Xuyên (nối từ tỉnh lộ 428 đến tỉnh lộ 429) gđ 2	DGT	3,00		3,00	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
796	Cầu Lễ Thượng xã Châu Can	DGT	0,10		0,10	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
797	Xây dựng cơ sở HT tại xã Châu Can	DGT	3,90		3,90	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
798	Xây dựng HTKT ngoài hàng rào dự án xử lý rác thải Châu Can	DGT	0,50		0,50	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
799	Cầu Quân sự nối Châu Can -Phú Yên	DGT	0,10		0,10	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
800	Dự án ĐTXD công trình cầu Ngọ	DGT	0,10		0,10	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
801	Dự án XD nâng cấp mở rộng đường nhánh nối quốc lộ 1A với đường cao tốc Pháp Vân-Cầu Giẽ, đoạn qua KCN hỗ trợ Nam Hà Nội	DGT	3,25		3,25	Huyện Phú Xuyên	2022
802	Đầu tư xây dựng vượt nối phạm vi cuối tuyến, dự án đầu tư nâng cấp tuyến đường Pháp Vân - Cầu Giẽ	DGT	0,30		0,30	Huyện Phú Xuyên	2022
803	Dự án cải tạo, nâng cấp các công trình thiết yếu đoạn Hà Nội - Vinh, tuyến đường sắt Hà Nội - thành phố Hồ Chí Minh trên địa bàn thành phố	DGT	0,10		0,10	Huyện Phú Xuyên	2022
804	Đường giao thông liên xã Hồng Minh - Tri Trung - Hoàng Long	DGT	0,60		0,60	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
805	Mở rộng đường Thao Chính -Tân Dân	DGT	0,80		0,80	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
806	Nâng cấp, cải tạo mở rộng Quốc lộ 1A (đoạn Km 210+700 đến Km 213)	DGT	0,80		0,80	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
807	Nâng cấp tuyến đường tỉnh 428 (Từ cầu Giẽ đến cầu Cống Thần) huyện Phú Xuyên	DGT	0,30		0,30	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
808	Mở rộng, cải tạo, nâng cấp mặt đê sông Hồng đoạn từ thị trấn Phú Minh đến xã Quang Lăng dài 16,61km, bm=7m, bo=9m, diện tích 6.64ha	DGT	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
809	Cầu Văn Minh	DGT	0,10		0,10	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
810	Cầu Văn Lăng	DGT	0,10		0,10	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
811	Cầu Gầm	DGT	0,10		0,10	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
812	Cầu Anh Trỗi	DGT	0,08		0,08	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
813	Cầu Tân Dân (Cầu Tre)	DGT	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
814	Cầu Thủy Trú	DGT	0,05		0,05	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
815	Cầu Kiều Đông	DGT	0,05		0,05	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
816	Cầu Phương Nhị	DGT	0,04		0,04	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
817	Cầu Dâu	DGT	0,10		0,10	Huyện Phú Xuyên	2021-2025

818	Cầu An Tri, đường Bạch Hạ đi đường 428	DGT	0,07		0,07	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
819	Cầu Song Bạch	DGT	0,15		0,15	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
820	Đường giao thông kết nối từ TT xã Hoàng Long lên đê sông Nhuệ	DGT	0,80		0,80	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
821	Cầu Hòa Lạc	DGT	0,10		0,10	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
822	Xây dựng Cầu Bạch Sam	DGT	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
823	Cải tạo, nâng cấp đường Truyền Thống huyện Phú Xuyên đoạn từ QL1A đến đường gom cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ	DGT	2,00		2,00	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
824	Xây dựng đường liên xã từ Tri Trung – Hoàng Long - Ứng Hòa mặt cắt ngang 18m dài 4.5km	DGT	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
825	Mở rộng đường Hoàng Long - Phú Túc (đoạn nối từ TL429 đến đê sông Nhuệ)	DGT	2,00		2,00	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
826	Đường trục giao thông kết nối xã Hồng Minh - Văn Hoàng	DGT	0,80		0,80	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
827	Đường Tri Trung-Hồng Minh-Đồng Quan	DGT	0,30		0,30	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
828	Cầu Nam Hồng (máng 7)	DGT	0,01		0,01	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
829	Đường Hồng Thái - Thụy Phú giai đoạn 2	DGT	0,06		0,06	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
830	Đường giao thông liên xã Tri Thủy - Khai Thái - Nam Triều	DGT	0,50		0,50	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
831	Nâng cấp cải tạo đường tỉnh lộ 428B từ Ngã ba Hoàng Nguyên đến cầu Lương xã Minh Tân	DGT	2,00		2,00	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
832	Đường trục từ trạm bơm Thần Quy đi đình Kim Quy	DGT	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
833	Đường liên xã Bạch Hạ - Minh Tân	DGT	0,86		0,86	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
834	Đường liên xã Nam Phong- Nam Triều	DGT	1,20		1,20	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
835	Đường Nội Hợp - Thụy Phú	DGT	0,60		0,60	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
836	Đường trục xã Nam Phong (đoạn từ trường THCS Nam Phong, đoạn cuối giao thông đường Nội Hợp -Thụy Phú)	DGT	0,50		0,50	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
837	Đường Hồng Thái - Thụy Phú giai đoạn 1	DGT	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
838	Tuyến đường huyện Thao Chính - Nam Triều - Hồng Thái dài 2800m, mở rộng tuyến với rộng mặt 18m, rộng nền 24m	DGT	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
839	Nâng cấp tuyến tỉnh lộ 428 (từ Quốc lộ 1A đi Minh Tân, Quang Lãng), huyện Phú Xuyên	DGT	15,75		15,75	Huyện Phú Xuyên	2022
840	Đường giao thông kết hợp kênh mương thủy lợi xã Phụng Dực	DGT	0,50		0,50	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
841	Đường giao thông liên xã Phụng Dực - Đại Thắng	DGT	0,90		0,90	Huyện Phú Xuyên	2021-2025

842	Đường trục xã Quang Lăng nối từ tỉnh lộ 428B đi chùa Viên Minh	DGT	0,10		0,10	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
843	QH tuyến đường từ nhà Văn Hóa thông Thao Ngoại đến đường Thao Chính tân Dân (Dài 135m, rộng 7m)	DGT	0,10		0,10	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
844	Xây dựng đường hành lang sông Hồng (đoạn từ TT Phú Minh đến xã Quang Lăng)	DGT	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
845	Cải tạo, chỉnh trang đoạn đường Quốc lộ 1A (đoạn Km207+250 - Km208) và hạ tầng trung tâm hành chính huyện Phú Xuyên	DGT	2,10		2,10	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
846	Đầu tư xây dựng đường gom Cầu Giẽ - Phú Yên – Vân Từ (phía Tây đường sắt)	DGT	10,50		10,50	Huyện Phú Xuyên	2022
847	Dự án xây dựng cầu Nội Cói	DGT	0,30		0,30	Huyện Phú Xuyên	2022
848	Đường Tân Dân-Đại Thắng-Văn Hoàng (gd2)	DGT	0,80		0,80	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
849	Đường trục xã Vân Từ	DGT	0,50		0,50	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
850	Dự án ĐTXD công trình cầu Vân Từ	DGT	0,18		0,18	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
851	Đường Vân Từ đi Minh Đức - Ứng Hòa	DGT	0,80		0,80	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
852	Đường trục phát triển kinh tế VẮn Hoàng Phượng Dực (nối TL 429 đến đê sông Nhuệ)	DGT	10,00		10,00	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
853	Đường GT liên xã Văn Hoàng, Hoàng Long, Phú Túc (đoạn từ cầu Nội cỏi đến đường trục xã Hoàng Long)	DGT	5,00		5,00	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
854	Khu đô thị dịch vụ cao cấp tại TT Phú Xuyên - đường giao thông	DGT	8,32		8,32	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
855	Đường trục xã Phú Túc	DGT	2,70		2,70	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
856	Xây dựng cơ sở hạ tầng xã Châu Can	DGT	3,90		3,90	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
857	Cải tạo nâng cấp đường liên xã từ TL 428 qua thôn Vĩnh Ninh đến thôn Vĩnh Hạ xã Khai Thái	DGT	10,18	10,00	0,18	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
858	Đường trục từ trạm bơm Thần Quy đi đình Kim Quy	DGT	11,25	10,00	1,25	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
859	Đường trục phát triển kinh tế xã Hoàng Long (từ trung tâm xã đến đường Đỗ Xá Quan Sơn)	DGT	11,35	10,00	1,35	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
860	Đường trục giao thông nối từ đường Ngọc Hồi- Phú Xuyên đến đường Thao Chính- Tân Dân	DGT	13,64	10,00	3,64	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
861	Đường trục kết nối từ trung tâm Văn hoá xã Hoàng Long đi đê Sông Nhuệ	DGT	12,34	10,00	2,34	Huyện Phú Xuyên	2021-2025

862	Cải tạo nâng cấp quốc lộ 32 đoạn qua khu dân cư Km 38+400 đến Km 41+00 qua địa phận thị trấn Phúc Thọ, xã Thọ Lộc, Tích Giang, huyện Phúc Thọ	DGT	7,50		7,50	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
863	Cải tạo nâng cấp quốc lộ 32 đoạn qua khu dân cư Km 30+00 đến Km 33+300 qua địa phận xã Ngọc Tảo và xã Phụng Thượng, huyện Phúc Thọ	DGT	10,50		10,50	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
864	Dự án đầu tư cải tạo nâng cấp tỉnh lộ 417 từ Km8+100 đến Km16+600, huyện Phúc Thọ	DGT	11,50		11,50	Huyện Phúc Thọ	2022-2024
865	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Tỉnh lộ 421, đoạn qua địa phận huyện Phúc Thọ	DGT	1,72		1,72	Huyện Phúc Thọ	2021-2022
866	Đường Tây Thăng Long đi qua địa phận huyện Phúc Thọ	DGT	52,00		52,00	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
867	Đường nối quốc lộ 32 vào các xã Thọ Lộc, Võng Xuyên, Phương Độ lên Đê Hữu Hồng	DGT	3,00		3,00	Huyện Phúc Thọ	2021-2023
868	Đường nối từ Quốc lộ 32 với quốc lộ 21A thuộc địa bàn huyện Phúc Thọ và thị xã Sơn Tây, tỉnh lộ 416	DGT	7,25		7,25	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
869	Mở rộng đường nối Quốc lộ 32 với tỉnh lộ 417 đi qua khu di tích đền Hát Môn	DGT	15,00		15,00	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
870	Xây dựng đường nối Quốc lộ 32 đi trực Tây Thăng Long	DGT	27,10		27,10	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
871	Xây dựng đường nối Quốc lộ 32 đi đường Rặng Nhân tới Tỉnh lộ 421 qua khu Túi Mật sang xã Dương Liễu, huyện Hoài Đức	DGT	6,40		6,40	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
872	Xây dựng cầu Vân Phúc qua sông Hồng và tuyến đường kết nối ra quốc lộ 32 huyện Phúc Thọ	DGT	11,00		11,00	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
873	Đường nối Tỉnh lộ 419 đi Tỉnh lộ 416 (đường vành đai thị trấn)	DGT	8,00		8,00	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
874	Đường Tam Hiệp, Hiệp Thuận, Liên Hiệp đi tỉnh lộ 420	DGT	20,00		20,00	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
875	Đường liên xã Tam Hiệp - Hiệp Thuận	DGT	7,00		7,00	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
876	Xây dựng đường Tỉnh lộ 421 đi trực Tây Thăng Long	DGT	3,50		3,50	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
877	Xây dựng đường nối Tỉnh lộ 417 đi đền Hát Môn	DGT	9,60		9,60	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
878	Đường tỉnh 416 từ quốc lộ 32 đi Võng xuyên	DGT	5,00		5,00	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
879	Đường liên xã Ngọc Tảo đi Thượng Cốc	DGT	4,20		4,20	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
880	Nâng cấp đường Ngọc Tảo - Tam Thuấn - Thanh Đa	DGT	2,80		2,80	Huyện Phúc Thọ	2023-2025

881	Nâng cấp, cải tạo đường Thượng Cốc - Long Xuyên	DGT	1,24		1,24	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
882	Nâng cấp đường Thượng Cốc - Hát Môn	DGT	1,20		1,20	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
883	Xây dựng đường vào các cụm công nghiệp	DGT	5,00		5,00	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
884	Làm mới đường Giao thông từ UBND xã đến chùa Bảo Lâm	DGT	0,50		0,50	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
885	Đường giao thông vào khu di tích Văn Chỉ giai đoạn 2	DGT	0,50		0,50	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
886	Nâng cấp đường liên xã Hát Môn (Phúc Thọ) đi Thọ An (Đan Phượng)	DGT	1,00		1,00	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
887	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ tỉnh lộ 421 qua ao Sen đến trường mầm non khu B, xã Hiệp Thuận	DGT	1,00		1,00	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
888	Nâng cấp, cải tạo ao trung tâm thôn 4 và tuyến đường đi nhà văn hóa thôn 6 xã Liên Hiệp	DGT	0,50		0,50	Huyện Phúc Thọ	2021-2022
889	Mở rộng giao thông xã Liên Hiệp	DGT	0,79		0,79	Huyện Phúc Thọ	2021-2022
890	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ TBA I đến kênh Tây Ninh II xã Liên Hiệp	DGT	0,20		0,20	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
891	Nâng cấp, cải tạo đường nối từ đường Phúc Hòa - Long Xuyên đi thôn Bảo Vệ	DGT	1,20		1,20	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
892	Đường nối từ đường Phúc Hòa - Long Xuyên đi thôn Bảo Lộc	DGT	0,40		0,40	Huyện Phúc Thọ	2021-2023
893	Nâng cấp cải tạo đường từ cầu H8 đến đền Hai Bà Trưng	DGT	0,10		0,10	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
894	Nâng cấp, cải tạo nền mặt đường, hệ thống rãnh thoát nước ngõ xóm thôn 5, 7 và đường Giếng to đi Quốc lộ 32 thôn 1 xã Phúc Hòa	DGT	2,09		2,09	Huyện Phúc Thọ	2021-2022
895	Đường liên xã, trục thôn	DGT	1,01		1,01	Huyện Phúc Thọ	2021-2022
896	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ Hồ thôn Đông đi Man Rộm xã Phụng Thượng	DGT	0,50		0,50	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
897	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ Quốc lộ 32 đi Chùa Nguyễn xã Phụng Thượng	DGT	0,30		0,30	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
898	Nâng cấp đường giao thông liên xã Sen Phương đi vũng Xuyên(từ Tỉnh lộ 417 đi đồng Cặng)	DGT	2,00		2,00	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
899	Mở rộng đường vào làng nghề xã Tam Hiệp	DGT	0,10		0,10	Huyện Phúc Thọ	2021-2022
900	Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường trục thôn 1,2,3,4 xã Tam Hiệp	DGT	0,50		0,50	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
901	Mở rộng đường liên xã Ngọc Tảo - Hát Môn - Thanh Đa (đoạn qua UBND xã Thanh Đa)	DGT	1,10		1,10	Huyện Phúc Thọ	2023-2025

902	Cải tạo, mở rộng đường giao thông từ cổng Bầu thôn Dum đến cầu mới kênh tưới Phù Sa	DGT	0,42		0,42	Huyện Phúc Thọ	2021-2023
903	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường Tích Giang - Trung Sơn Trầm	DGT	1,00		1,00	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
904	Nâng cấp cải tạo tuyến đường từ QL32 đi đình Tường Phiêu xã Tích Giang	DGT	2,90		2,90	Huyện Phúc Thọ	2022-2023
905	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 418 (đoạn từ km 3+00 đến Km 4+500)	DGT	1,80		1,80	Huyện Phúc Thọ	2021-2023
906	Cải tạo, nâng cấp đường liên thôn Vân Lôi - Mỹ Giang	DGT	0,12		0,12	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
907	Đường liên xã Võng Xuyên - Sen Phương - Long Xuyên xã Võng Xuyên	DGT	0,50		0,50	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
908	Nâng cấp đường liên xã Long Xuyên - Xuân Đình	DGT	1,80		1,80	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
909	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông thôn xóm xã Sen Phương	DGT	0,21		0,21	Huyện Phúc Thọ	2021-2022
910	Nâng cấp, cải tạo đường Thượng Cốc - Long Xuyên	DGT	1,00		1,00	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
911	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ Quốc lộ 32 qua khu dân cư thôn 4, 5, 6 xã Tích Giang đi Trạch Mỹ Lộc	DGT	1,00		1,00	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
912	Nâng cấp cải tạo tuyến đường liên xã Võng Xuyên - Long Xuyên (đoạn từ QL 418 qua Bảo Lộc xã Võng Xuyên)	DGT	1,00		1,00	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
913	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông và rãnh nước trong khu dân cư 6 thôn , xã Xuân Đình	DGT	0,10		0,10	Huyện Phúc Thọ	2021-2022
914	Đường vành đai 2 thị trấn	DGT	7,50		7,50	Huyện Phúc Thọ	2021-2025
915	Nâng cấp cải tạo tuyến đường từ Quốc lộ 32 xã Ngọc Tảo đi đường Phụng Thượng - Tam Hiệp	DGT	2,00		2,00	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
916	Đường gom dân sinh xã Tam Hiệp đi tỉnh lộ 421	DGT	0,37		0,37	Huyện Phúc Thọ	2021-2022
917	Cảng thủy nội địa xã Sen Phương	DGT	10,00		10,00	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
918	Xây dựng các bến xe tỉnh tại các xã, thị trấn	DGT	22,13		22,13	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
919	Đất giao thông (18 mục)	DGT	64,50		64,50	Huyện Phúc Thọ	2021-2025
920	Cải tạo, nâng cấp đường từ đường ĐT421B đi thôn Yên Thái và thôn Việt Yên xã Đông Yên, huyện Quốc Oai, TP Hà Nội	DGT	1,65		1,65	Huyện Quốc Oai	2021-2025
921	Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh 421B (đoạn từ Thạch Thán đi Xuân Mai)	DGT	41,54	11,87	29,67	Huyện Quốc Oai	2021-2025
922	Đường Hồ Chí Minh giai đoạn 2	DGT	70,26		70,26	Huyện Quốc Oai	2021-2025
923	Xây dựng đường giao thông phục vụ dân sinh khu vực hồ chứa nước Đồng Bò, xã Đông Xuân	DGT	0,50		0,50	Huyện Quốc Oai	2021-2025

924	Xây dựng đường vành đai khu công nghiệp Bắc Phú Cát (nay là khu công nghệ cao Hòa Lạc)	DGT	21,97	3,00	18,97	Huyện Quốc Oai	2021-2025
925	Đường trục phát triển các xã vùng bán sơn địa huyện Quốc Oai (tuyến ĐH09 Phú Cát-Hòa Thạch-Đông Yên)	DGT	14,58	5,43	9,15	Huyện Quốc Oai	2021-2025
926	Xây dựng mở rộng đường ĐH10	DGT	7,80		7,80	Huyện Quốc Oai	2021-2025
927	Đường trại cá - Tuyết Nghĩa - Phú Cát giai đoạn II	DGT	1,29	1,07	0,22	Huyện Quốc Oai	2021-2025
928	Nâng cấp mở rộng đường ĐH07B (đoạn từ cầu Văn Quang đến đường 421B)	DGT	1,92		1,92	Huyện Quốc Oai	2021-2025
929	Mở rộng đường giao thông nông thôn xã Cấn Hữu	DGT	0,90	0,54	0,36	Huyện Quốc Oai	2021-2025
930	Nâng cấp mở rộng đường đê Tả Tích đoạn qua địa phận Quốc Oai	DGT	15,90		15,90	Huyện Quốc Oai	2021-2025
931	Xây dựng mở rộng đường ĐH07	DGT	3,45		3,45	Huyện Quốc Oai	2021-2025
932	Đường giao thông từ đê Tả Tích (thôn Cấn Hạ, Cấn Hữu) kết nối với đường Bắc Nam	DGT	14,70		14,70	Huyện Quốc Oai	2021-2025
933	Đường liên xã Tuyết Nghĩa - Cấn Hữu từ ĐH02-ĐH07	DGT	4,30	3,49	0,81	Huyện Quốc Oai	2021-2025
934	Đường giao thông liên xã Ngọc Liệp - Cấn Hữu (tuyến giao với đường gom Đại Lộ Thăng Long đến đường Quốc Oai - Hòa Thạch tại trạm bơm Cấn Hữu)	DGT	2,62	2,18	0,44	Huyện Quốc Oai	2021-2025
935	Xây dựng tuyến đường giao thông nối từ đường ĐH01 đi đường ĐH02, xã Nghĩa Hương và xã Liệp Tuyết (ĐH 05)	DGT	4,37		4,37	Huyện Quốc Oai	2021-2025
936	Xây dựng, mở rộng tuyến đường ĐH02 (Đoạn từ đê Tả Tích đến cầu Phú Cát)	DGT	2,04		2,04	Huyện Quốc Oai	2021-2025
937	Xây dựng tuyến đường phát triển phía Tây Nam huyện Quốc Oai từ đường tỉnh 421B đi đường tỉnh 419 nối với đường tỉnh 423 hiện trạng	DGT	15,76		15,76	Huyện Quốc Oai	2021-2025
938	Cầu 72 -II	DGT	3,00		3,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
939	Đường trung tâm xã Tân Phú	DGT	2,80		2,80	Huyện Quốc Oai	2021-2025
940	Đầu tư cầu Tân Phú bắc quan sông Đáy	DGT	1,06		1,06	Huyện Quốc Oai	2021-2025
941	Mở rộng tuyến ĐH03 (đoạn cầu Tân Phú đi Đại Thành)	DGT	3,20	2,50	0,70	Huyện Quốc Oai	2021-2025
942	Nắn đường liên xã Tân Phú	DGT	0,36		0,36	Huyện Quốc Oai	2021-2025
943	Xây dựng tuyến đường tránh đường tỉnh 419 đoạn qua xã Tân Hòa	DGT	1,70		1,70	Huyện Quốc Oai	2021-2025
944	XD tuyến từ ĐT423 - ĐT419 đoạn Tân Hòa	DGT	3,60		3,60	Huyện Quốc Oai	2021-2025

945	Nâng cấp mở rộng tuyến đường tỉnh lộ 421A & 421B qua địa phận huyện Quốc Oai (từ cầu vượt Sài Sơn đi Chùa Thầy đến đường 421A giáp huyện Phúc Thọ)	DGT	19,87		19,87	Huyện Quốc Oai	2021-2025
946	Cải tạo, nâng cấp đường Đồng Quang - Thạch Thán (giai đoạn 2)	DGT	6,12	0,60	5,52	Huyện Quốc Oai	2021-2025
947	Xây dựng đường Bắc Nam Hà Tây từ Quốc Oai đến Chương Mỹ	DGT	37,95		37,95	Huyện Quốc Oai	2021-2025
948	Xây dựng đường ĐH04 (Đường Yên Sơn - Đồng Quang)	DGT	4,16		4,16	Huyện Quốc Oai	2021-2025
949	Nâng cấp cải tạo tuyến đường ĐH07 đến đê Tả Tích xã Liệp Tuyết	DGT	1,40		1,40	Huyện Quốc Oai	2021-2025
950	Xây dựng tuyến đường huyện ĐH 02 (đoạn từ đường ĐT421B đến đê Tả Tích) huyện Quốc Oai,	DGT	7,05	1,05	6,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
951	Đường trục chính Bắc – Nam đô thị Quốc Oai kéo dài đoạn từ Km4+340,24 đến Km7+315	DGT	13,20		13,20	Huyện Quốc Oai	2021-2025
952	Xây dựng dự án đường liên khu vực thị trấn Quốc Oai, đoạn Ngọc Liệp-Ngọc Mỹ- Yên Sơn	DGT	20,80		20,80	Huyện Quốc Oai	2021-2025
953	Xây dựng các tuyến đường giao thông khu vực tiếp cận dự án Bệnh viện Trung ương cơ sở 2, Bệnh viện nhi Trung ương cơ sở 2, huyện Quốc Oai	DGT	11,43		11,43	Huyện Quốc Oai	2021-2025
954	Xây dựng đường tỉnh 421B (ĐT 81 cũ) đoạn Thạch Thán đến Xuân Mai (Km 5+196 - Km 17)	DGT	17,75		17,75	Huyện Quốc Oai	2021-2025
955	Đường 421B nối tiếp từ cầu vượt Sài Sơn qua khu hành chính huyện kết nối với tỉnh lộ 421B đoạn Thạch Thán – Xuân Mai	DGT	15,03		15,03	Huyện Quốc Oai	2021-2025
956	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Đồng Quang - Thạch Thán (Đoạn từ Dương Cốc đi Thạch Thán)	DGT	6,96		6,96	Huyện Quốc Oai	2021-2025
957	Đường Thị trấn Quốc Oai (tuyến từ sau chợ phủ đi Ngõ Sài)	DGT	0,44		0,44	Huyện Quốc Oai	2021-2025
958	Chỉnh trang, mở rộng tuyến đường Thị trấn Quốc Oai (tuyến từ sau chợ phủ đi Ngõ Sài)- giai đoạn 2	DGT	0,50		0,50	Huyện Quốc Oai	2021-2025
959	Cải tạo chỉnh trang đường Tỉnh lộ 419 đoạn Thị trấn Quốc Oai đi đường Quốc lộ 21 (đường Hồ Chí Minh) huyện Quốc Oai	DGT	2,00		2,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
960	Xây dựng đường ĐH04B	DGT	1,92		1,92	Huyện Quốc Oai	2021-2025

961	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường tỉnh lộ 421A & 421B, đoạn đi qua địa phận huyện Quốc Oai (đoạn từ cầu vượt Sài Sơn đi Chùa Thầy đến 421A, giáp ranh huyện Phúc Thọ), huyện Quốc Oai, TP Hà Nội	DGT	3,60		3,60	Huyện Quốc Oai	2021-2025
962	Cải tạo, chỉnh trang tuyến đường từ đường từ đại lộ Thăng Long đi UBND xã Yên Sơn	DGT	0,87	0,26	0,61	Huyện Quốc Oai	2021-2025
963	Xây dựng đường GT Phụng cách (tuyến từ ĐT421B đi ĐT 421A)	DGT	4,34		4,34	Huyện Quốc Oai	2021-2025
964	Xây dựng đường ĐH08 kết nối tỉnh lộ 422 đi thôn Năm Trại xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	DGT	2,07		2,07	Huyện Quốc Oai	2021-2025
965	Xây dựng, mở rộng đường 421C (đoạn từ trạm y tế xã Sài Sơn đến ĐT 421A)	DGT	1,05	0,65	0,40	Huyện Quốc Oai	2021-2025
966	Xây dựng đường trục 42m kết nối từ đường vành đai du lịch Tuần Châu, huyện Quốc Oai đến đường tỉnh 419 (tỉnh lộ 80 cũ), huyện Thạch Thất	DGT	6,96		6,96	Huyện Quốc Oai	2021-2025
967	Xây dựng đường ĐH02 đoạn từ đường ĐH09 đến Đường vành đai khu CNC Hòa Lạc	DGT	2,00		2,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
968	Xây dựng mới tỉnh lộ 446 đoạn từ đường HCM đến đường vành đai CNC Hòa Lạc	DGT	11,44		11,44	Huyện Quốc Oai	2021-2025
969	Cầu Nông Lâm	DGT	0,18		0,18	Huyện Quốc Oai	2021-2025
970	Xây dựng mới tỉnh lộ 446 đoạn qua đô thị vệ tinh Hòa Lạc (từ đường HCM đến ranh giới huyện Thạch Thất)	DGT	21,36		21,36	Huyện Quốc Oai	2021-2025
971	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Cấn Hạ, từ đê Tả Tích kết nối với tuyến đường Bắc-Nam Hà Tây cũ	DGT	3,00		3,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
972	Xây dựng đường hầm trong căn cứ hậu phương theo thể trận phòng thủ huyện Quốc Oai	DGT	0,10		0,10	Huyện Quốc Oai	2021-2025
973	Cầu Ngọc Than	DGT	0,01		0,01	Huyện Quốc Oai	2021-2025
974	Xây dựng hoàn thiện hạ tầng giao thông khu vực các dự án của Bộ Y tế, huyện Quốc Oai	DGT	10,00		10,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
975	Xây dựng tuyến đường từ thôn Đình Tú qua bãi tập kết rác đến đường ĐH07B xã Cấn Hữu, huyện Quốc Oai, TP Hà Nội	DGT	1,45		1,45	Huyện Quốc Oai	2021-2025

976	XD hoàn chỉnh tuyến đường trục phía Tây Nam kết nối với huyện Hoài Đức và khu đô thị vệ tinh hòa Lạc đoạn ĐH02 đi ĐH01 (Quốc Oai-Hòa Thạch) Trục đường chính nối từ đường gom Đại Lộ Thăng Long đi đường Quốc Oai - Hòa Thạch	DGT	7,50		7,50	Huyện Quốc Oai	2023
977	Tuyến đường nối từ Quốc lộ 21A đến đường vành đai Bắc Phú Cát	DGT	12,60		12,60	Huyện Quốc Oai	2023
978	Xây dựng tuyến đường từ thôn Đình Tú qua bãi tập kết rác đến đường ĐH07B xã Cấn Hữu	DGT	0,80		0,80	Huyện Quốc Oai	2023
979	Nâng cấp, mở rộng tuyến đê Tả Tích kết hợp đường giao thông đoạn từ giáp huyện Thạch Thất đi ĐH02, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	DGT	9,15		9,15	Huyện Quốc Oai	2023
980	Nâng cấp, mở rộng tuyến đê Tả Tích kết hợp đường giao thông đoạn từ ĐH 02 đến giáp huyện Chương Mỹ, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	DGT	16,80		16,80	Huyện Quốc Oai	2024
981	Cải tạo nâng cấp một số tuyến đường trục chính xã Xuân Thu	DGT	1,30	0,50	0,80	Huyện Sóc Sơn	2021-2023
982	Cải tạo nâng cấp một số tuyến đường trục chính xã Việt Long	DGT	2,36		2,36	Huyện Sóc Sơn	2022
983	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường trục chính liên thôn xã Minh Trí	DGT	1,10		1,10	Huyện Sóc Sơn	2022
984	Dự án đầu tư xây dựng cầu Ngọc Hà vượt sông Cà Lồ	DGT	0,30		0,30	Huyện Sóc Sơn	2022
985	Dự án đầu tư xây dựng đường vào khu công nghiệp sạch Sóc Sơn	DGT	17,30		17,30	Huyện Sóc Sơn	2022
986	Dầu tư xây dựng công trình đường vành đai IV (Hà Nội) địa phận tỉnh Bắc Giang (Phần diện tích thuộc địa bàn huyện Sóc Sơn)	DGT	1,10	0,20	0,90	Huyện Sóc Sơn	2022
987	Dự án Cải tạo cầu yếu và cầu kết nối trên các quốc lộ (giai đoạn 1) sử dụng vốn vay ODA Hàn Quốc	DGT	0,28		0,28	Huyện Sóc Sơn	2022
988	Cải tạo, nâng cấp đường Quốc lộ 3 - Kim Sơn -đường 35	DGT	3,30	1,30	2,00	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
989	Cải tạo, nâng cấp đường 35 - Vũih Hà - hồ Đồng Quan	DGT	2,50		2,50	Huyện Sóc Sơn	2022
990	Đường vành đai thị trấn Sóc Sơn	DGT	9,00	1,00	8,00	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
991	Xây dựng đường nối Quốc lộ 3- Cụm công nghiệp tập trung	DGT	2,00		2,00	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
992	Xây dựng đường nối khu CN2 - CN3, huyện Sóc Sơn	DGT	2,00		2,00	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
993	Cải tạo, nâng cấp đường 35 - Nam Sơn - Bắc Sơn (Phía tây khu liên hiệp xử lý chất thải Sóc Sơn)	DGT	7,80		7,80	Huyện Sóc Sơn	2022

994	Cải tạo, nâng cấp đường QL3 đi chùa Dược Thượng	DGT	0,59	0,27	0,32	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
995	Xây dựng đường nối từ QL3 đến đường Núi Đồi - Bắc Phú	DGT	2,18		2,18	Huyện Sóc Sơn	2022
996	Xây dựng trục đường quy hoạch khu đấu giá Cửa Kho thôn Bình An, xã Trung Giã, huyện Sóc Sơn	DGT	2,00	0,30	1,70	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
997	Xây dựng đường nối từ đường Quốc lộ 3 - Lương Châu - Khu đấu giá Tô 1 - Đường Núi Đồi	DGT	2,10		2,10	Huyện Sóc Sơn	2022
998	Cải tạo, chỉnh trang nghĩa trang thôn Mai Nội phục vụ giải phóng mặt bằng dự án Xây dựng tuyến đường nối đô thị vệ tinh với đường Võ Nguyên Giáp huyện Sóc Sơn	DGT	1,50		1,50	Huyện Sóc Sơn	2022
999	Xây dựng tuyến đường kết nối cầu vượt sông Cầu (cầu Xuân cốm) đến nút giao Bắc Phú của tuyến Quốc lộ 3 mới Hà Nội - Thái Nguyên	DGT	9,38		9,38	Huyện Sóc Sơn	2022
1000	Đường nối tỉnh lộ 131 - Đồng Giá - Hiền Lương (nhánh đi Nam c ương)	DGT	1,70		1,70	Huyện Sóc Sơn	2022
1001	Cải tạo, nâng cấp đường 35 - Phú Hạ - Thanh Sơn	DGT	3,40		3,40	Huyện Sóc Sơn	2022
1002	Cải tạo, xây dựng đường nối Quốc lộ 3 - 1 lòng Kỳ - Đô Tân	DGT	9,70		9,70	Huyện Sóc Sơn	2022
1003	Cải tạo, nâng cấp trục đường Tân Hưng - Bắc Phú - Việt Long đến đê Lương Phúc	DGT	10,00		10,00	Huyện Sóc Sơn	2022
1004	Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường 35 đoạn giữa tuyến (từ Km4 + 469 đến km 12+733.35)	DGT	26,50	13,00	13,50	Huyện Sóc Sơn	2022
1005	Đường nối tỉnh lộ 131 - Đồng Giá - Hiền Lương (nhánh đi Nam Cương)	DGT	0,40		0,40	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
1006	Xây dựng đoạn 2 đường nối từ đường Võ Nguyên Giáp đến Khu đô thị vệ tinh Sóc Sơn (đoạn từ nút giao tỉnh lộ 131 đến đường nối Quốc lộ 3 với Đền Sóc)	DGT	18,45		18,45	Huyện Sóc Sơn	2022-2025
1007	Đường nối sân bay Nội Bài qua khu đô thị vệ tinh Sóc Sơn đến đường nối khu du lịch Đại Lải (Vĩnh Phúc)	DGT	55,20		55,20	Huyện Sóc Sơn	2022-2025
1008	Mở rộng Quốc lộ 3 theo quy hoạch (Đoạn từ nút giao đường 18 đến Ngã ba đường vào Đền Sóc), huyện Sóc Sơn, Hà Nội	DGT	35,36		35,36	Huyện Sóc Sơn	2022-2025

1009	Xây dựng đường nối Quốc lộ 3 – Trường đua ngựa – Đức Hòa (đường biên phía Đông Khu đô thị vệ tinh Sóc Sơn)	DGT	35,36		35,36	Huyện Sóc Sơn	2022-2025
1010	Xây dựng đường nối Quốc lộ 3 đến đường vành đai phía Đông Khu đô thị vệ tinh Sóc Sơn	DGT	22,56		22,56	Huyện Sóc Sơn	2022-2025
1011	Nâng cấp, mở rộng tỉnh lộ 131 địa phận Sóc Sơn (phục vụ 03 cụm công nghiệp: KCN Nội Bài, CN2, CN3)	DGT	24,00		24,00	Huyện Sóc Sơn	2022-2025
1012	Xây dựng đường nối từ đường Quốc lộ 2 - Minh Trí - Xuân Hòa đi Khu Công nghiệp sạch Sóc Sơn với đường Nội Bài - 35 - Minh	DGT	3,00		3,00	Huyện Sóc Sơn	2022-2025
1013	Xây dựng tuyến đường bên phải suối Ngòi Vĩ (Khu vực thị trấn Nỹ)	DGT	4,20	1,95	2,25	Huyện Sóc Sơn	2022-2025
1014	Xây dựng tuyến đường bên trái suối Ngòi Vĩ, khu vực Thị trấn Nỹ	DGT	4,25		4,25	Huyện Sóc Sơn	2022-2025
1015	Đầu tư xây dựng công trình cầu Lương Phúc	DGT	0,82		0,82	Huyện Sóc Sơn	2022-2025
1016	Đầu tư xây dựng công trình cầu Xuân Thu	DGT	0,68		0,68	Huyện Sóc Sơn	2022-2025
1017	Xây dựng tuyến đường trục chính xã Thanh Xuân	DGT	9,35		9,35	Huyện Sóc Sơn	2022-2025
1018	Xây dựng tuyến đường trục chính xã Xuân Giang	DGT	7,65		7,65	Huyện Sóc Sơn	2022-2025
1019	Xây dựng tuyến đường trục chính xã Tân Hưng	DGT	2,72		2,72	Huyện Sóc Sơn	2022-2025
1020	Xây dựng tuyến đường trục chính xã Phú Minh	DGT	11,05		11,05	Huyện Sóc Sơn	2022-2025
1021	Xây dựng tuyến đường trục chính xã Phù Lỗ	DGT	8,50		8,50	Huyện Sóc Sơn	2022-2025
1022	Xây dựng tuyến đường từ đường Quốc lộ 3 đi Tỉnh lộ 16 (phục vụ giao thông đi lại qua trường Tiểu học và trường THCS trên địa bàn xã Phù Lỗ)	DGT	1,44		1,44	Huyện Sóc Sơn	2022-2025
1023	Xây dựng đường gom phía nam Quốc lộ 18 thuộc địa bàn xã Phú Cường và Phú Minh, huyện Sóc Sơn	DGT	12,00		12,00	Huyện Sóc Sơn	2022-2025
1024	Xây dựng tuyến đường ngoài hàng rào khu công nghiệp sạch Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn	DGT	5,80		5,80	Huyện Sóc Sơn	2022-2025
1025	Xây dựng đường nối từ đường 35 đi Khu Công nghiệp sạch Sóc Sơn	DGT	11,88	1,38	10,50	Huyện Sóc Sơn	2022-2025
1026	Xây dựng đường nối Tỉnh lộ 35 đi đường nối Quốc lộ 3 - Đền Sóc (giai đoạn 1)	DGT	4,32	0,96	3,36	Huyện Sóc Sơn	2022-2025

1027	Xây dựng đường nối từ đường 16 qua cụm Công nghiệp làng nghề Xuân Thu đến đường Quốc lộ 18	DGT	2,64		2,64	Huyện Sóc Sơn	2022-2025
1028	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ QL3 đi thôn Cộng Hòa đi Đền	DGT	0,90	0,20	0,70	Huyện Sóc Sơn	2022-2025
1029	Cải tạo, nâng cấp đường từ ngã 3 thôn Bắc Vọng xã Bắc Phú đi thôn Tăng Long xã Việt Long	DGT	2,66	1,46	1,20	Huyện Sóc Sơn	2022-2025
1030	Hoàn trả hệ thống đường giao thông, mương tưới tiêu trên địa bàn xã Thanh Xuân và xã Tân Dân phục vụ GPMB dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội	DGT	2,00	2,00		Huyện Sóc Sơn	2021-2025
1031	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục chính xã Tân Dân, huyện Sóc Sơn	DGT	1,80	0,72	1,08	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
1032	Cải tạo nâng cấp đường tỉnh 420 đoạn từ Km0+00 đến Km7+428 (Ngã ba Hòa Lạc - Ngã ba thị trấn Liên Quan)	DGT	17,30	13,20	4,10	Huyện Thạch Thất	2021-2022
1033	Xây dựng mới đường giao thông khu hành chính mới thị trấn Liên Quan	DGT	6,00		6,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
1034	Nâng cấp, cải tạo, xây mới đường từ TL419 đi thôn Tây Trong đến thôn Hương Lam xã Đại Đồng	DGT	2,10		2,10	Huyện Thạch Thất	2024-2025
1035	Cải tạo, mở rộng đường ĐH07: TL419 Cẩm Yên - Lại Thượng - TL420 Bình Yên (cây đa còng)	DGT	10,17	2,21	7,96	Huyện Thạch Thất	2022
1036	Cải tạo nâng cấp trục chính khu Tam cảnh xã Đồng Trúc	DGT	1,80	1,71	0,09	Huyện Thạch Thất	2021-2022
1037	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thoát nước khu vực Tam Cảnh xã Đồng Trúc	DGT	1,80		1,80	Huyện Thạch Thất	2023
1038	Xây dựng mới đường ĐH08 (Đại lộ Thăng Long - ĐH.10)	DGT	13,07		13,07	Huyện Thạch Thất	2022
1039	Xây dựng đường từ đường E Khu công nghệ cao Hòa Lạc đi Đại Lộ Thăng Long	DGT	10,30	3,50	6,80	Huyện Thạch Thất	2022
1040	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thoát nước khu vực Trúc Động, Đồng Kho, Đồng Táng xã Đồng Trúc	DGT	1,40		1,40	Huyện Thạch Thất	2022
1041	Nạo vét kè ao Giang, ao Đình Trúc Động, ao đình Đồng Táng	DGT	0,25		0,25	Huyện Thạch Thất	2023
1042	Xây dựng cầu Gấu xã Lại Thượng	DGT	0,60		0,60	Huyện Thạch Thất	2021-2022

1043	Đường GTNT xã Lại Thượng (đường Xóm Chôm Lại Thượng đi Nội Vôi Phú Kim; đoạn Phú Thụ đi Gò huyện; Gò Bông Thanh Cầu đi Đại Đồng; cầu Đồng Mô thôn Phú Thụ; cầu Đồng Mô thôn Lại Khánh; GT rãnh thoát nước thôn Thanh Cầu)	DGT	1,10		1,10	Huyện Thạch Thất	2025
1044	Nâng cấp mở rộng ĐH05 (đoạn từ TL419-ĐH07)	DGT	3,10		3,10	Huyện Thạch Thất	2021-2025
1045	Cải tạo, mở rộng đường ĐH07: Giai đoạn 1 từ TL 419 Đại Đồng - ĐH 05 Lại Thượng	DGT	13,00	6,05	6,95	Huyện Thạch Thất	2022
1046	Cải tạo, nâng cấp đường từ đường liên xã Cẩm Yên Đồng Trúc đến di tích miếu thờ xóm Vuột thôn Ngũ Sơn xã Lại Thượng	DGT	1,32		1,32	Huyện Thạch Thất	2022
1047	Xây dựng đường trục phát triển kinh tế xã hội Bắc Nam đoạn qua huyện Thạch Thất giai đoạn 2 từ Km10+770-km14+200 (Nghĩa trang Thạch Xá đến TL420)	DGT	25,80		25,80	Huyện Thạch Thất	2022
1048	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông từ gốc Đa thôn Nội xã Phú Kim đi TL419	DGT	0,56	0,36	0,20	Huyện Thạch Thất	2022
1049	Đường từ ĐT 419 – Cần Kiệm – Kim Quan – ĐT 420 (Đoạn từ ĐT 419 – Tân Xã đi ĐT 420), huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.	DGT	4,00	3,39	0,61	Huyện Thạch Thất	2021-2022
1050	Đường TL 419-Cần Kiệm-Kim Quan-ĐT 420 (đoạn Km 0+000 đến Km1+35)- ĐH 11	DGT	3,00	0,39	2,61	Huyện Thạch Thất	2021-2022
1051	Nâng cấp mở rộng đường ĐH06 (đoạn Kim Quan - Cần Kiệm)	DGT	3,06	1,80	1,26	Huyện Thạch Thất	2025
1052	Cải tạo, nâng cấp đường dân sinh từ khu đầu giá trung tâm đi trường mầm non trung tâm xã Hương Ngải	DGT	1,00		1,00	Huyện Thạch Thất	2021-2022
1053	Cải tạo nâng cấp đường Cửa Ngải - đồng Mối đi cầu Đồng Ngà xã Hương Ngải	DGT	2,10		2,10	Huyện Thạch Thất	2024-2025
1054	Xây dựng, cải tạo nâng cấp đường ĐH22 (TL420 đi Phụng Thượng, Phúc Thọ)	DGT	5,87	1,00	4,87	Huyện Thạch Thất	2024-2025
1055	Cải tạo ao đầu làng thôn 4 xã Hương Ngải	DGT	0,50		0,50	Huyện Thạch Thất	2022
1056	Tuyến 28: Canh Nậu-Hiệp Thuận	DGT	5,44	2,24	3,20	Huyện Thạch Thất	2021-2022
1057	Đường từ trường trung học cơ sở Dị Nậu đi Hiệp Thuận	DGT	4,34	1,78	2,56	Huyện Thạch Thất	2021-2022
1058	Đường giao thông từ thôn 3 xã Canh Nậu đi xã Dị Nậu	DGT	0,71		0,71	Huyện Thạch Thất	2021-2022

1059	Đường trục TT xã Thạch Xá (từ ĐT 419 - trung tâm xã Thạch Xá)	DGT	6,20	6,16	0,04	Huyện Thạch Thất	2021-2022
1060	Đường từ chùa Bảo Quang đi Khu đầu giá Mả Cốc xã Thạch Xá	DGT	0,44		0,44	Huyện Thạch Thất	2021-2022
1061	Xây dựng đường trục phát triển kinh tế xã hội Bắc Nam đoạn qua huyện Thạch Thất giai đoạn 1 từ Km14 + 200-Km18 + 500 (đường TL419 cầu Liêu đến Đại lộ Thăng Long)	DGT	23,50	8,78	14,72	Huyện Thạch Thất	2022-2023
1062	Cải tạo, nâng cấp ĐH13 đoạn TL419 đi chùa Tây Phương	DGT	0,45		0,45	Huyện Thạch Thất	2024-2025
1063	Đường ĐH04 (TL419 -Chàng sơn - ĐH28)	DGT	6,58	0,22	6,36	Huyện Thạch Thất	2023
1064	Đường từ TL419-Trung tâm xã Chàng Sơn	DGT	2,38	2,10	0,28	Huyện Thạch Thất	2024-2025
1065	Đường H14: Đoạn từ Cụm công nghiệp xã Bình Phú - Cầu Phú Lễ xã Cần Kiệm (Tuyến số 39 cũ)	DGT	8,14		8,14	Huyện Thạch Thất	2021-2022
1066	Xây dựng đường trục 42m kết nối từ đường vành đai du lịch Tuần Châu, huyện Quốc Oai đến đường tỉnh 419 (tỉnh lộ 80 cũ), huyện Thạch Thất	DGT	4,20		4,20	Huyện Thạch Thất	2022
1067	Đường ĐH17: Đoạn từ Hữu Bằng - Phùng Xá - Tuần Châu Quốc	DGT	2,04		2,04	Huyện Thạch Thất	2021-2025
1068	Xây dựng mới tuyến đường ĐH18 (đoạn từ TL419 cống Bùng đầu nối đường ĐH19)	DGT	6,54		6,54	Huyện Thạch Thất	2022
1069	Cải tạo, nâng cấp đường từ tỉnh lộ 419 vào sân vật xã Phùng Xá	DGT	2,90	2,00	0,90	Huyện Thạch Thất	2021-2022
1070	ĐTXD Cầu Cần Kiệm	DGT	0,86		0,86	Huyện Thạch Thất	2021-2022
1071	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH.11 (Đoạn ĐH.06 đi cầu Cao Thiên) xã Cần Kiệm.	DGT	1,50	0,70	0,80	Huyện Thạch Thất	2021-2022
1072	Đầu tư xây dựng cầu Cao Thiên	DGT	1,30		1,30	Huyện Thạch Thất	2021-2022
1073	Xây dựng mới đường ĐH11 (đoạn từ ĐH10 Tân Xã đi 420 Bình Yên)	DGT	4,93		4,93	Huyện Thạch Thất	2021-2022
1074	Cải tạo, nâng cấp đường từ QL21 đi khu tái định cư đại học Quốc Gia (từ ngã ba Hòa Lạc xã Bình Yên đi khu tái định cư ĐHQG xã Thạch Hòa)	DGT	2,53	1,21	1,32	Huyện Thạch Thất	2021-2025
1075	Xây dựng tuyến đường dân sinh vòng chánh Trung đoàn pháo binh 452	DGT	0,41		0,41	Huyện Thạch Thất	2022
1076	Đường GT, thoát nước thôn Hòa Lạc, thôn Linh Sơn, thôn Sen Tri xã Bình Yên	DGT	2,00		2,00	Huyện Thạch Thất	2022
1077	Cải tạo, nâng cấp đường trục chính xã Tân Xã (đoạn từ đường ĐH11 đi thôn Cầu Sông)	DGT	1,40		1,40	Huyện Thạch Thất	2025

1078	Cải tạo, nâng cấp đường trục chính xã Tân Xã (Đoạn từ đường liên xã Cẩm Yên - Đồng Trúc đi thôn 8 Tân Xã)	DGT	1,50		1,50	Huyện Thạch Thất	2022
1079	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH10 từ TL420 đi Tân Xã	DGT	11,22	9,90	1,32	Huyện Thạch Thất	2022
1080	Cải tạo, nâng cấp đường trục chính xã Tân Xã (Đoạn từ đường liên xã Cẩm Yên - Đồng Trúc đi thôn 8 Tân Xã)	DGT	1,06	0,76	0,30	Huyện Thạch Thất	2022
1081	Đường H 14: đoạn Cần Kiệm đi Hạ Bằng (CNC Hòa Lạc)	DGT	5,95	3,15	2,80	Huyện Thạch Thất	2022
1082	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông, thoát nước xã Hạ Bằng đầu nối vành đai CNC (đoạn từ nghĩa trang liệt sỹ huyện đi đầm cầu xa; đoạn thôn 5 đi đường 9	DGT	0,32	0,20	0,12	Huyện Thạch Thất	2022-2023
1083	Cải tạo, nâng cấp đường từ ĐH 24 - UBND xã Hạ Bằng đi thôn 3 xã Hạ Bằng	DGT	1,10		1,10	Huyện Thạch Thất	2022
1084	Đường giao thông của Trung tâm phát triển Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hòa Lạc (Nút giao thông số 5 đầu nối tuyến số 01 với cao tốc Hòa Lạc - Hòa Bình)	DGT	1,87		1,87	Huyện Thạch Thất	2022
1085	Đường giao thông, thoát nước từ 446 đi thôn Chùa 2 xã Tiến Xuân	DGT	2,50		2,50	Huyện Thạch Thất	2022
1086	Cải tạo nâng cấp tuyến đường từ chợ Cò đi cầu Đá Mài xã Yên	DGT	3,06	1,26	1,80	Huyện Thạch Thất	2023-2024
1087	Đường giao thông đoạn từ trường Tiểu học đến đường Hòa Lạc - Hòa Bình xã Yên Trung	DGT	1,14		1,14	Huyện Thạch Thất	2025
1088	Dự án đường Láng Hòa Lạc - Hòa Bình (BOT) (phần bổ sung)	DGT	0,50		0,50	Huyện Thạch Thất	2021-2022
1089	Xử lý sạt trượt mái ta lỵ dương đoạn Km11+480 - Km11+780 đường Hòa Lạc - Hòa Bình	DGT	0,60		0,60	Huyện Thạch Thất	2021-2022
1090	ĐTXD cầu Phú Kim xã Phú Kim	DGT	0,30		0,30	Huyện Thạch Thất	2022
1091	Dự án tuyến đường vào Khu tái định cư Đại học Quốc gia Hà Nội	DGT	1,40		1,40	Huyện Thạch Thất	2022
1092	Xây dựng tuyến đường cao tốc Đại lộ Thăng Long, đoạn nối từ Quốc lộ 21 đến cao tốc Hà Nội - Hòa Bình	DGT	105,80		105,80	Huyện Thạch Thất	2021-2025
1093	Cải tạo, nâng cấp đường từ ĐH24 đi thôn 2 và thôn 5 đi CNC xã Hạ Bằng	DGT	0,10		0,10	Huyện Thạch Thất	2022
1094	Đường giao thông kết nối từ Tỉnh lộ 427 (tại vị trí cuối đường Địa Muối) đến đường trục phát triển phía Nam	DGT	1,87		1,87	Huyện Thanh Oai	2023

1095	Đường liên xã Bình Minh - Mỹ Hưng (đoạn từ đường trục phát triển đến Đình Minh Kha)	DGT	1,97		1,97	Huyện Thanh Oai	2023
1096	Đường Bình Minh-Mỹ Hưng (giai đoạn 2)	DGT	1,60		1,60	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1097	Nâng cấp mở rộng tuyến đường Kim Thư - Đỗ Động - Thanh Văn	DGT	4,05	2,00	2,05	Huyện Thanh Oai	2023
1098	Nâng cấp mở rộng đường Tân Ước - Trục phát triển phía Nam Thanh Thủy	DGT	4,41	3,00	1,41	Huyện Thanh Oai	2023
1099	Nâng cấp, mở rộng đường Tân Ước Liên Châu đi huyện Thường Tín	DGT	3,60	2,00	1,60	Huyện Thanh Oai	2023
1100	Đường Bình Minh - Tam Hưng trên kênh N5A	DGT	0,90		0,90	Huyện Thanh Oai	2023
1101	Tuyến trục phát triển phía Nam đi cầu Văn Phương	DGT	3,00		3,00	Huyện Thanh Oai	2023
1102	Nâng cấp mở rộng tuyến Bích Hòa Cự Khê (2 bên)	DGT	4,00	2,00	2,00	Huyện Thanh Oai	2023
1103	Nâng cấp, cải tạo đường Kim An - Đỗ Động	DGT	5,00	5,00		Huyện Thanh Oai	2023
1104	Đường trục giao thông xã Hồng Dương đi đường tỉnh lộ 429	DGT	2,80		2,80	Huyện Thanh Oai	2023
1105	Cầu Tri Lễ	DGT	0,01	0,01		Huyện Thanh Oai	2024
1106	Cầu Đìa Muối	DGT	0,01	0,01		Huyện Thanh Oai	2024
1107	Cầu Văn Quán	DGT	0,01	0,01		Huyện Thanh Oai	2024
1108	Cầu Châu Mai	DGT	0,00	0,00		Huyện Thanh Oai	2024
1109	Đường Xuân Dương-Cao Dương-Hồng Dương-Liên Châu (Giai đoạn 1)	DGT	1,43		1,43	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1110	Cải tạo chỉnh trang đường tỉnh lộ 427, đoạn từ QL21B-đường trục phía Nam-Quốc lộ 1A trên địa bàn huyện Thanh Oai	DGT	7,80		7,80	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1111	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Tri Lễ	DGT	0,01		0,01	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1112	Đường Kim An - Đỗ Động (Đoạn từ Kim An đi QL 21B)	DGT	3,33	2,25	1,08	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1113	Nâng cấp, mở rộng QL21B đoạn từ đầu đường Tỉnh lộ 427 tới thị trấn Kim Bài	DGT	9,45		9,45	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1114	Dự án nâng cấp, cải tạo Quốc lộ 21B đoạn qua thị trấn Kim Bài (Km10+350-Km13+200) kết hợp xây dựng quảng trường, công viên cây xanh	DGT	2,00		2,00	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1115	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Châu Mai	DGT	0,00		0,00	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1116	Tuyến đường nối từ QL 21B với đường trục phát triển phía Nam (tỉnh Hà Tây cũ) đoạn qua địa phận xã Bích Hòa	DGT	2,21		2,21	Huyện Thanh Oai	2021-2022

1117	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ thị trấn Kim Bài tới nút giao ngã tư Vác	DGT	11,80	5,70	6,10	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1118	Đường trục phát triển kinh tế huyện Thanh Oai	DGT	20,97		20,97	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1119	Nâng cấp, mở rộng đường Tân Ước - Liên Châu đi huyện Thường Tín	DGT	9,60	4,80	4,80	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1120	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Thạch Bích đến nút giao đường tỉnh 427 và đoạn từ nút giao Ngã tư Vác đến hết địa phận huyện Thanh Oai	DGT	14,00	6,50	7,50	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1121	Đường Bích Hòa - Bình Minh đi đường tỉnh lộ 427	DGT	3,72		3,72	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1122	Nâng cấp, mở rộng đường Kim Thư - Đỗ Động - Thanh Văn	DGT	4,10		4,10	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1123	Nâng cấp, mở rộng đường Tân Ước - Trục phát triển phía nam - Thanh Thùy	DGT	6,00		6,00	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1124	Đường giao thông kết nối từ đường tỉnh lộ 427 (tại vị trí cuối đường Địa Muối) đến đường trục phát triển phía Nam	DGT	1,89		1,89	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1125	Đường Xuân Dương - Cao Dương - Hồng Dương - Liên Châu (Giai đoạn II)	DGT	2,35		2,35	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1126	Đường liên xã Yên Mỹ - Duyên Hà - Vạn Phúc	DGT	7,19	1,52	5,67	Huyện Thanh Trì	2022
1127	Xây dựng HTKT Khu tái định cư X4 tại xã Tứ Hiệp phục vụ GPMB các dự án trên địa bàn huyện Thanh Trì và các dự án phát triển giao thông đô thị	DGT	5,72	1,49	4,23	Huyện Thanh Trì	2022
1128	Cải tạo, chỉnh trang tuyến đường Tứ Hiệp (đoạn từ Đài phát thanh đến đê Yên Mỹ)	DGT	2,46	0,53	1,93	Huyện Thanh Trì	2022
1129	Đường giao thông làng nghề Hữu Hòa (đoạn từ ngã 3 cầu Hữu Hòa đến làng nghề xã Hữu Hòa)	DGT	3,43	3,26	0,17	Huyện Thanh Trì	2022
1130	Cải tạo, mở rộng tuyến đường Đồi Huyện ủy đoạn từ Ngọc Hồi đến đường nối Pháp Vân tới khu đấu giá Tứ Hiệp - Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì (giai đoạn 2)	DGT	1,08	0,50	0,58	Huyện Thanh Trì	2022
1131	Cải tạo nâng cấp Quốc lộ 1A đoạn Văn Điển - Ngọc Hồi (Km185 - Km189)	DGT	18,04		18,04	Huyện Thanh Trì	2022
1132	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị Tây Nam Kim Giang 1	DGT	29,94	27,94	2,00	Huyện Thanh Trì	2022

1133	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ cầu Hữu Hòa đến hết địa phận huyện Thanh Trì (giáp địa phận phường Kiến Hưng, quận Hà Đông)	DGT	2,02		2,02	Huyện Thanh Trì	2022
1134	Xây dựng tuyến đường nối cầu Hòa Bình đi Khu đô thị mới Nam Linh Đàm	DGT	2,88	0,48	2,40	Huyện Thanh Trì	2022
1135	Nâng cấp tuyến đường Tựu Liệt xã Tam Hiệp huyện Thanh Trì	DGT	1,62		1,62	Huyện Thanh Trì	2022
1136	Đường liên xã Tả Thanh Oai - Đại Áng - Liên Ninh	DGT	21,50	18,40	3,10	Huyện Thanh Trì	2022
1137	Đường nối đường Đông Mỹ qua trường cấp 3 Đông Mỹ, huyện Thanh Trì	DGT	0,87	0,17	0,70	Huyện Thanh Trì	2022
1138	Đường nối đường Phan Trọng Tuệ với cầu Yên Ngưu, Thị trấn Văn Điển	DGT	2,20	0,29	1,91	Huyện Thanh Trì	2022
1139	Tuyến đường kết nối Cụm sản xuất làng nghề tập trung xã Tân Triều với đường bao quanh khu tưởng niệm danh nhân Chu Văn	DGT	0,30		0,30	Huyện Thanh Trì	2022
1140	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường trục chính thôn Vĩnh Trung, xã Đại Áng	DGT	0,72		0,72	Huyện Thanh Trì	2022
1141	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường Ngũ Hiệp đi Đông Mỹ	DGT	3,50		3,50	Huyện Thanh Trì	2022
1142	Xây dựng đường liên xã: Thanh Liệt - Tam Hiệp - TTVĐ	DGT	7,00		7,00	Huyện Thanh Trì	2022
1143	Xây dựng tuyến đường Thọ Am - Nội Am xã Liên Ninh	DGT	2,98		2,98	Huyện Thanh Trì	2022
1144	Xây dựng đường nối đường liên xã Vĩnh Quỳnh - Đại Áng với đường quy hoạch vành đai 3,5	DGT	6,78		6,78	Huyện Thanh Trì	2022
1145	Cải tạo nâng cấp đường liên xã Liên Ninh	DGT	1,00	0,95	0,05	Huyện Thanh Trì	2022
1146	GPMB tạo quỹ đất sạch tại khu vực chùa Yên Phú, huyện Thanh Trì và bố trí vốn vào dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1A đoạn Văn Điển – Ngọc Hồi (Km185-Km189), huyện Thanh Trì	DGT	0,41		0,41	Huyện Thanh Trì	2022
1147	Đường nối từ đường Vũ Lăng đến đường Ngọc Hồi	DGT	1,32		1,32	Huyện Thanh Trì	2022
1148	Đường nối đường Nguyễn Bặc với khu đô thị Tứ Hiệp (Hồng Hà dầu khí)	DGT	0,96		0,96	Huyện Thanh Trì	2022
1149	Tuyến đường nối từ đường Nguyễn Xiển - Xa La đến đường Kim Giang	DGT	4,08		4,08	Huyện Thanh Trì	2022
1150	Xây dựng đường ven sông (Thanh Liệt-Tam Hiệp- thị trấn Văn Điển)	DGT	5,22		5,22	Huyện Thanh Trì	2022

1151	Xây dựng tuyến đường nối đường Tả Thanh Oai với đường 70 chạy dọc sông Hòa Bình	DGT	1,88		1,88	Huyện Thanh Trì	2022
1152	Đường cuối cụm làng nghề Tân Triều đến đường làng nghề Tân Triều	DGT	0,88		0,88	Huyện Thanh Trì	2022
1153	Xây dựng tuyến đường trục Tả Thanh Oai	DGT	6,75		6,75	Huyện Thanh Trì	2022
1154	Xây dựng đường nối đường Phan Trọng Tuệ đến thôn Tả Thanh Oai, xã Tả Thanh Oai	DGT	5,25		5,25	Huyện Thanh Trì	2022
1155	Đường trục xã Ngọc Hồi	DGT	1,29		1,29	Huyện Thanh Trì	2022
1156	Xây dựng tuyến đường phía tây bắc thôn Vĩnh Ninh xã Vĩnh Quỳnh	DGT	3,64		3,64	Huyện Thanh Trì	2022
1157	Đường liên xã Ngũ Hiệp - Duyên Hà (đoạn qua thôn Việt Yên)	DGT	4,00		4,00	Huyện Thanh Trì	2022
1158	GPMB nút giao tuyến số 1 dự án Đường giao thông bao quanh Khu tưởng niệm danh nhân Chu Văn An và đường 70	DGT	5,70		5,70	Huyện Thanh Trì	2022
1159	Nâng cấp tuyến đường Pháp Vân - Cầu Giẽ	DGT	14,20		14,20	Huyện Thanh Trì	2022
1160	Tuyến đường trục chính vào trường mầm non xã Tân Triều	DGT	0,42	0,42		Huyện Thanh Trì	2022
1161	Xây dựng tuyến đường nối từ Nhà thi đấu - Trung tâm văn hóa, thông tin và Thể thao đến khu đấu giá với đường nối Pháp Vân - Tứ	DGT	0,60	0,60		Huyện Thanh Trì	2022
1162	Xây dựng tuyến đường kết nối đường Pháp Vân - Cầu Giẽ với đường vành đai 3	DGT	16,00		16,00	Huyện Thanh Trì	2022
1163	Xây dựng tuyến đường từ đê Hữu Hồng qua Ủy ban nhân dân xã Duyên Hà	DGT	0,43		0,43	Huyện Thanh Trì	2022
1164	Đường nối Quốc lộ 1A với đường Tả Thanh Oai - Đại Áng - Liên Ninh (giáp chùa Nhị Châu đến Quốc lộ 1A)	DGT	3,00		3,00	Huyện Thanh Trì	2021-2025
1165	Đường nối khu TĐC X4 tới đường rặng thông thôn Cổ Điện A (giao với đường quy hoạch mặt cắt ngang 25m)	DGT	0,72		0,72	Huyện Thanh Trì	2021-2025
1166	Nâng cấp mở rộng tuyến đường từ đường Ngọc Hồi (đầu ngõ 373 đường Ngọc Hồi) đến đình Văn Điển	DGT	0,25		0,25	Huyện Thanh Trì	2021-2025
1167	Đường vành đai 3.5	DGT	85,14		85,14	Huyện Thanh Trì	2021-2025
1168	Đường sắt cao tốc Bắc - Nam và nhà ga (đoạn qua huyện Thường Tín)	DGT	52,97		52,97	Huyện Thường Tín	2022-2025

1169	Dự án cải tạo, nâng cấp các công trình thiết yếu đoạn Hà Nội - Vinh, tuyến đường sắt Hà Nội - thành phố Hồ Chí Minh trên địa bàn Thành phố Hà Nội	DGT	7,55	5,68	1,87	Huyện Thường Tín	2022-2025
1170	Ga Phú Xuyên	DGT	10,00		10,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
1171	Mở rộng quốc lộ 1A	DGT	86,63	60,55	26,08	Huyện Thường Tín	2022-2025
1172	Mở rộng đường Pháp Vân - Cầu Giẽ	DGT	173,00	#####		Huyện Thường Tín	2022-2025
1173	Đường tỉnh 427 đoạn qua huyện Thường Tín (trong đó có cầu vượt Dương Trục Nguyên)	DGT	33,69	25,75	7,94	Huyện Thường Tín	2022-2025
1174	Đường tỉnh 429	DGT	8,91	4,86	4,05	Huyện Thường Tín	2022-2025
1175	Đường Ngọc Hồi - Phú Xuyên	DGT	97,47		97,47	Huyện Thường Tín	2022-2025
1176	Đường Đỗ Xá - Quan Sơn	DGT	12,55	3,12	9,43	Huyện Thường Tín	2022-2025
1177	Đường trục Đông Tây huyện Thường Tín	DGT	45,00		45,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
1178	Cảng Nội địa quốc tế Logistic Hồng Vân và Cảng phụ Vạn Điểm	DGT	40,50		40,50	Huyện Thường Tín	2022-2025
1179	Bến xe Thường Tín	DGT	10,00		10,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
1180	Đường trục khu đô thị vệ tinh Phú Xuyên	DGT	22,75		22,75	Huyện Thường Tín	2022-2025
1181	Đường trục phân khu đô thị S5	DGT	4,00		4,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
1182	Đường kết nối khu vực phía Nam phân khu đô thị GS(A)	DGT	15,90		15,90	Huyện Thường Tín	2022-2025
1183	Cải tạo, mở rộng, mở mới các tuyến đường trên địa bàn TT Thường Tín	DGT	18,16		18,16	Huyện Thường Tín	2022-2025
1184	Xây dựng, mở rộng đường vành đai thị trấn	DGT	1,10		1,10	Huyện Thường Tín	2022-2025
1185	Xây dựng Đường Nguyễn Vĩnh Tích	DGT	0,68		0,68	Huyện Thường Tín	2022-2025
1186	Đường Lê Công Hành	DGT	0,55		0,55	Huyện Thường Tín	2022-2025
1187	Đường Từ Giấy	DGT	0,26		0,26	Huyện Thường Tín	2022-2025
1188	Đường Nguyễn Thị Tuyết	DGT	0,52		0,52	Huyện Thường Tín	2022-2025
1189	Đường Nguyễn Trãi	DGT	8,50		8,50	Huyện Thường Tín	2022-2025
1190	Đường bao phía Nam thị trấn Thường Tín	DGT	0,35		0,35	Huyện Thường Tín	2022-2025
1191	Đường Danh Hương	DGT	2,60		2,60	Huyện Thường Tín	2022-2025
1192	Đường Lê Tông Quang, huyện Thường Tín	DGT	0,60		0,60	Huyện Thường Tín	2022-2025
1193	Cải tạo nâng cấp đường liên xã Nhị Khê - Khánh Hà	DGT	1,76	1,22	0,54	Huyện Thường Tín	2022-2025
1194	Dự án xây dựng Cầu Chiếc và đường dẫn	DGT	2,48		2,48	Huyện Thường Tín	2022-2025
1195	Xây dựng tuyến đường nối khu công nghiệp Bắc Thường Tín với tỉnh lộ 427	DGT	7,20		7,20	Huyện Thường Tín	2022-2025
1196	Đường Nguyễn Vĩnh Tích kéo dài nối sang xã Văn Phú	DGT	0,30		0,30	Huyện Thường Tín	2022-2025
1197	Tuyến đường liên xã Hồng Vân - Tự Nhiên - Chương Dương	DGT	0,20		0,20	Huyện Thường Tín	2022-2025

1198	Đường trục xã Thư Phú (đoạn từ TL.427 đi Thư Dương - Phú Mỹ)	DGT	1,07	0,77	0,30	Huyện Thường Tín	2022-2025
1199	Đường liên xã Nguyễn Trãi - Tân Minh	DGT	1,73		1,73	Huyện Thường Tín	2022-2025
1200	Đường trục xã Quất Động	DGT	0,40		0,40	Huyện Thường Tín	2022-2025
1201	Dự án ĐTXD công trình cầu Là	DGT	0,05		0,05	Huyện Thường Tín	2022-2025
1202	Đường liên xã Thống Nhất - Lê Lợi	DGT	0,34	0,24	0,10	Huyện Thường Tín	2022-2025
1203	Đường trục phía Đông xã Thắng Lợi (GD2)	DGT	0,50		0,50	Huyện Thường Tín	2022-2025
1204	Đường giao thông liên xã Một Thượng - Dũng Tiến - Nghiêm Xuyên	DGT	5,13	3,66	1,47	Huyện Thường Tín	2022-2025
1205	Đường liên xã Lê Lợi - Tô Hiệu	DGT	0,79	0,56	0,23	Huyện Thường Tín	2022-2025
1206	Đường gom phía Đông đường cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ	DGT	43,89		43,89	Huyện Thường Tín	2022-2025
1207	Đường Đỗ Đăng (đoạn từ Cổng chui đường cao tốc đến thôn Đặng xá)	DGT	1,80		1,80	Huyện Thường Tín	2022-2025
1208	Đường Đỗ Vạn (đoạn từ đường gom dân sinh đến đất nông nghiệp thôn Vạn Điểm)	DGT	0,40		0,40	Huyện Thường Tín	2022-2025
1209	Dự án xây dựng Cầu Chiếc	DGT	2,48		2,48	Huyện Thường Tín	2021
1210	Đường liên xã Lê Lợi - Tô Hiệu	DGT	0,79	0,56	0,23	Huyện Thường Tín	2021
1211	Đường liên xã Thống Nhất - Lê Lợi	DGT	0,34	0,24	0,10	Huyện Thường Tín	2021
1212	Đường giao thông liên xã Một Thượng - Dũng Tiến - Nghiêm Xuyên, huyện Thường Tín	DGT	5,13	3,66	1,47	Huyện Thường Tín	2021
1213	Cải tạo nâng cấp đường liên xã Nhị Khê - Khánh Hà (Đoạn Cầu Vân - Cầu Đen)	DGT	1,76	1,26	0,50	Huyện Thường Tín	2021
1214	Đường trục xã Quất Động (đoạn từ thôn Đô Quan đi thôn Nguyên Bì)	DGT	0,32		0,32	Huyện Thường Tín	2021
1215	Mở rộng QL1A đoạn từ Km 189 đến Km 194 (GD1)	DGT	16,79	14,06	2,73	Huyện Thường Tín	2021
1216	Dự án cải tạo chỉnh trang đường Tỉnh lộ 427, đoạn từ QL21B đến nút giao Khê Hồi (Đường cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ) trên địa bàn huyện Thường Tín	DGT	3,70		3,70	Huyện Thường Tín	2021
1217	Đường Nguyễn Du kéo dài (đoạn từ đường Nguyễn Toàn đến đường Nguyễn Phi Khanh)	DGT	0,46		0,46	Huyện Thường Tín	2021
1218	Đường GT nội đồng thôn Thụy Ứng	DGT	0,21		0,21	Huyện Thường Tín	2021
1219	Đường GT nội đồng thôn Quân Hiền	DGT	0,15		0,15	Huyện Thường Tín	2021
1220	Đường GT liên thôn Dương Hiền - Phụng Công	DGT	0,80		0,80	Huyện Thường Tín	2021

1221	Đường Danh Hương (GD2) đoạn từ đường 427 đến đường Dương Chính.	DGT	1,30		1,30	Huyện Thường Tín	2021
1222	Đường Nguyễn Trãi (đoạn từ đường Từ Giấy đến đường tỉnh lộ 427), thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín	DGT	1,98	1,19	0,79	Huyện Thường Tín	2021
1223	Đường Nguyễn Trãi (đoạn từ đường Từ Giấy đến đường Nguyễn Toàn), thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín	DGT	1,70	0,63	1,07	Huyện Thường Tín	2021
1224	Đường Nguyễn Trãi (đoạn từ đường Nguyễn Toàn đến đường Nguyễn Phi Khanh), thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín	DGT	1,52	0,55	0,97	Huyện Thường Tín	2021
1225	Đường Nguyễn Trãi (đoạn từ đường Trung Thành đến đường Dương Chính	DGT	3,30		3,30	Huyện Thường Tín	2021
1226	Xây dựng tuyến đường Danh Hương (GD 3), huyện Thường Tín, TP. Hà Nội.	DGT	1,00		1,00	Huyện Thường Tín	2021
1227	Đường Đỗ Vạn (đoạn từ đường gom dân sinh đến đất nông nghiệp thôn Vạn Diêm), huyện Thường Tín, TP. Hà Nội	DGT	0,35		0,35	Huyện Thường Tín	2021
1228	Đường Đỗ Đăng (đoạn từ cổng chui đường cao tốc đến thôn Đăng Xá), huyện Thường Tín, TP. Hà Nội	DGT	1,80		1,80	Huyện Thường Tín	2021
1229	Đường liên xã Thắng Lợi - Tô Hiệu (từ cụm công nghiệp đi đường 429), huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	DGT	3,00		3,00	Huyện Thường Tín	2021
1230	Đường Nguyễn Trãi (đoạn từ đường tỉnh lộ 427 đến đường ngang trạm điện 500kV) huyện Thường Tín	DGT	5,20	2,37	2,83	Huyện Thường Tín	2022
1231	Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Nguyễn Trãi - Dũng Tiến (Đoạn từ Chùa Đậu đến chợ Ba Láng)	DGT	9,60		9,60	Huyện Thường Tín	2022
1232	Nâng cấp, cải tạo đường trục xã Liên Phương (Đoạn từ thôn Bạch Liên, đi đường gom Cao tốc - Pháp Vân), huyện Thường Tín	DGT	0,38		0,38	Huyện Thường Tín	2022
1233	Đường trục xã Văn Bình (đoạn từ vành đai 4 đến trung tâm văn hóa xã), huyện Thường Tín	DGT	0,80		0,80	Huyện Thường Tín	2022
1234	Đường trục liên xã Nghiêm Xuyên - Dũng Tiến (đoạn từ UBND xã Nghiêm Xuyên đi sân bóng Nghiêm Xá), huyện Thường Tín	DGT	1,60		1,60	Huyện Thường Tín	2022

1235	Cải tạo, nâng cấp đường từ QL1A đến kênh Tây trên địa bàn xã Thắng Lợi, huyện Thường Tín	DGT	0,70		0,70	Huyện Thường Tín	2022
1236	Cải tạo nâng cấp mở rộng QL 1A đoạn từ Km 189 đến Km 191 +700 và Km 193+300 đến Km 194 (1/2 mặt cắt còn lại từ 15-23m)	DGT	7,20	7,20		Huyện Thường Tín	2022
1237	Đầu tư xây dựng QL 1A đoạn từ Km 194 đến Km 206+985,5	DGT	38,94		38,94	Huyện Thường Tín	2022
1238	Nâng cấp tuyến đường tỉnh 427 theo quy hoạch trên địa bàn huyện (đoạn từ Cầu Chiềng Km8+500 đến Cầu vượt Dương Trục Nguyên Km11+566)-Ngã ba ga-Cầu dừa	DGT	4,00		4,00	Huyện Thường Tín	2022
1239	Cầu vượt nút giao đường tỉnh lộ 427 với đường sắt Bắc - Nam và Quốc lộ 1A (Cầu Dương Trục Nguyên), huyện Thường Tín	DGT	1,00		1,00	Huyện Thường Tín	2022
1240	Đường Quốc lộ 1A đoạn K191+700 đến Km193+300 qua địa bàn Thị trấn Thường Tín	DGT	2,10		2,10	Huyện Thường Tín	2022
1241	Đường Ngọc Hồi - Phú Xuyên đoạn qua địa phận huyện Thường Tín	DGT	43,20		43,20	Huyện Thường Tín	2022
1242	Cải tạo, chỉnh trang đường trước khu vực cụm công nghiệp Ninh	DGT	0,13		0,13	Huyện Thường Tín	2022
1243	Đường giao thông nội bộ điểm dân cư xã Tô Hiệu (đoạn đi qua phòng khám đa khoa Tô Hiệu), huyện Thường Tín	DGT	0,40		0,40	Huyện Thường Tín	2022
1244	Đường trục kết nối từ QL1A qua KCN HABECO đến đường gom cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ	DGT	3,50		3,50	Huyện Thường Tín	2022
1245	Đường trục liên xã Nghiêm Xuyên - Dũng Tiến (đoạn từ UBND xã Nghiêm Xuyên đi sân bóng Nghiêm Xá), huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	DGT	2,50		2,50	Huyện Thường Tín	2022
1246	Đường trục xã Khánh Hà (hướng tuyến mới), huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	DGT	2,50		2,50	Huyện Thường Tín	2022
1247	Cầu vượt nút giao đường tỉnh lộ 427 với đường sắt Bắc Nam và quốc lộ 1A (cầu vượt Dương Trục Nguyên)	DGT	0,20		0,20	Huyện Thường Tín	2022
1248	Đường từ công trường cấp 2 xã Chương Dương đến đường liên xã Chương Dương- Lê Lợi, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	DGT	0,18		0,18	Huyện Thường Tín	2022

1249	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường phía Nam CCN Ninh Sở kết nối với đường liên xã Vân Tảo - Ninh Sở, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	DGT	1,10		1,10	Huyện Thường Tín	2022
1250	Đường trục xã Thắng Lợi (đoạn QL1A đi đường liên xã Thắng Lợi - Lê Lợi) huyện Thường Tín, TP Hà Nội	DGT	3,00		3,00	Huyện Thường Tín	2022
1251	Đường liên xã đoạn từ đường xã Dũng Tiến huyện Thường Tín đến xã Liên Châu huyện Thanh Oai, TP. Hà Nội	DGT	2,50		2,50	Huyện Thường Tín	2022
1252	Đường liên xã Tân Minh - Tiền Phong, huyện Thường Tín, TP. Hà Nội	DGT	0,50		0,50	Huyện Thường Tín	2022
1253	Đường trục tỉnh lộ 427 đến đường Đình Tổ đi Chùa Đậu, xã Nguyễn Trãi, huyện Thường Tín, TP Hà Nội	DGT	2,60		2,60	Huyện Thường Tín	2022
1254	Đường giao thông nội bộ điểm dân cư xã Tô Hiệu (đoạn đi qua phòng khám đa khoa Tô Hiệu), huyện Thường Tín	DGT	0,40		0,40	Huyện Thường Tín	2022-2025
1255	Đường trục kết nối từ QL1A qua KCN HABECO đến đường gom cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ	DGT	3,50		3,50	Huyện Thường Tín	2022-2025
1256	Đường trục xã Khánh Hà (hướng tuyến mới), huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	DGT	2,50		2,50	Huyện Thường Tín	2022-2025
1257	Cầu vượt nút giao đường tỉnh lộ 427 với đường sắt Bắc Nam và quốc lộ 1A (cầu vượt Dương Trục Nguyên)	DGT	0,20		0,20	Huyện Thường Tín	2022-2025
1258	Đường từ cổng trường cấp 2 xã Chương Dương đến đường liên xã Chương Dương- Lê Lợi, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	DGT	0,18		0,18	Huyện Thường Tín	2022-2025
1259	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường phía Nam CCN Ninh Sở kết nối với đường liên xã Vân Tảo - Ninh Sở, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	DGT	1,10		1,10	Huyện Thường Tín	2022-2025
1260	Đường trục xã Thắng Lợi (đoạn QL1A đi đường liên xã Thắng Lợi - Lê Lợi) huyện Thường Tín, TP Hà Nội	DGT	3,00		3,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
1261	Đường liên xã đoạn từ đường xã Dũng Tiến huyện Thường Tín đến xã Liên Châu huyện Thanh Oai, TP. Hà Nội	DGT	2,50		2,50	Huyện Thường Tín	2022-2025

1262	Đường liên xã Tân Minh - Tiền Phong, huyện Thường Tín, TP. Hà Nội	DGT	0,50		0,50	Huyện Thường Tín	2022-2025
1263	Đường trục tỉnh lộ 427 đến đường Đình Tổ đi Chùa Đậu, xã Nguyễn Trãi, huyện Thường Tín, TP Hà Nội	DGT	2,60		2,60	Huyện Thường Tín	2022-2025
1264	Cải tạo, nâng cấp đường trục chính từ quốc lộ 1A đi chùa Am, huyện Thường Tín	DGT	1,80		1,80	Huyện Thường Tín	2023- 2025
1265	Đường từ kênh Y1-12b trục chính xã Tiền Phong đi huyện Thanh Oai, huyện Thường Tín	DGT	2,40		2,40	Huyện Thường Tín	2023- 2025
1266	Đường từ UBND xã Tiền Phong đi xã Tân Ước, huyện Thanh Oai	DGT	2,40		2,40	Huyện Thường Tín	2023- 2025
1267	Đường trục xã Hòa Bình (đoạn từ đường liên xã Hòa Bình - Nhị Khê đi TL427), huyện Thường	DGT	1,40		1,40	Huyện Thường Tín	2023- 2025
1268	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Minh	DGT	2,20		2,20	Huyện Thường Tín	2023- 2025
1269	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật và dải cây xanh cách ly giữa khu đô thị số 1 (Khu L27), khu đô thị số 7	DGT	0,30		0,30	Huyện Thường Tín	2021
1270	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ trạm bơm Ngổ Xá đến kênh Tân Phương, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	DGT	0,65		0,65	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1271	Nâng cấp tuyến tỉnh lộ 428 từ Km6+585 - Km14+885(tỉnh lộ 75 cũ) đoạn từ cầu Quảng Tái xã Trung Tú đến Công Thành xã Minh Đức, huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội	DGT	3,37		3,37	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1272	Đường giao thông liên xã từ QL 21B (Liên Bạt) đi cầu Ngổ Xá lên đê tả Đáy thôn Ngổ Xá, thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội (Gia đoạn 2)	DGT	1,50		1,50	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1273	Nâng cấp mở rộng đường trục kinh tế phát triển phía Nam huyện Ứng Hòa (Cần Thơ - Xuân Quang), GD1	DGT	15,20		15,20	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1274	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã từ trạm bơm Xuân Quang xã Đội Bình đi xã Đại Hùng, Trầm Lộng, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	DGT	1,60		1,60	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1275	Nâng cấp cải tạo TL 429C đoạn từ cầu Bàu đến cầu Hậu Xá, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	DGT	8,40		8,40	Huyện Ứng Hòa	2022-2025

1276	Nâng cấp tuyến tỉnh lộ 428 từ Km0 - Km6+585(tỉnh lộ 75 cũ) đoạn từ Quốc lộ 21B thị trấn Vân Đình đến cầu Quảng Tái xã Trung Tú, huyện Ứng Hòa	DGT	3,37		3,37	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1277	Đường nối từ tỉnh lộ 426 với đường trục phát triển phía nam Thủ đô Hà Nội	DGT	4,50		4,50	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1278	Đường giao thông liên xã từ Quốc lộ 21B đi qua các xã Vạn Thái, Hòa Nam, Hòa Phú đi tỉnh lộ 426, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà	DGT	5,10		5,10	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1279	Đường từ trục kinh tế phía nam Thành phố Hà Nội đi Quốc lộ 38 tỉnh Hà Nam, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	DGT	2,00		2,00	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1280	Nâng cấp, mở rộng đường Cần Thơ - Xuân Quang đi Đông Lỗ (giai đoạn 3), huyện Ứng Hòa	DGT	2,00	1,40	0,60	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1281	Đường nối từ tỉnh lộ 426 đến đường Ba Sao Bái Đình, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	DGT	1,25		1,25	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1282	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông liên xã Hòa Lâm - Trung Tú (từ đường Cần Thơ - Xuân Quang đi huyện Phú Xuyên)	DGT	2,31		2,31	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1283	Đường trục kinh tế phía Bắc huyện Ứng Hòa, thành phố Hà	DGT	7,20		7,20	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1284	Đường giao thông kết hợp cứng hóa kênh mương trạm bơm Đại Cừong đi Trục kinh tế phía Nam Huyện Ứng Hòa	DGT	2,20		2,20	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1285	Đường trục xã từ I2-14 đến UBND xã Đại Hùng, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	DGT	1,70		1,70	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1286	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ thị trấn Vân Đình tới đường tỉnh 424 (76 cũ), địa phận huyện Ứng Hòa	DGT	13,49		13,49	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1287	Đường nối từ TL429A đến TL429B huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	DGT	6,60		6,60	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1288	Đường trục nội đồng Bình Thịnh - Thu Hóa đi ra Tỉnh lộ 428, thôn Ngọc Động, xã Phương Tú, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	DGT	1,49		1,49	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1289	Đường giao thông liên xã Kim Đường - Trầm Lộng (từ đường Minh Đức - Ngắm thôn Cung Thué đi Kiện Vũ, Trầm Lộng), huyện Ứng Hoà, TP.Hà Nội	DGT	0,60		0,60	Huyện Ứng Hòa	2022-2025

1290	Nâng cấp, mở rộng đường liên xã Đội Bình đi Đại Hùng (từ Xuân Quang đi Du Đồng), huyện Ứng Hòa, TP.Hà Nội	DGT	1,32		1,32	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1291	Đường trục chính nội đồng thôn Đông Dương, xã Tảo Dương Văn, huyện Ứng Hòa (từ cổng làng Đông Dương đi trạm bơm Phúc Quan, Hòa Lâm), huyện Ứng Hòa, TP.Hà Nội	DGT	0,46		0,46	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1292	Đường GTLX thị trấn Vân Đình đi Liên Bạt đi Tỉnh lộ 429A Quảng Phú Cầu huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	DGT	1,20		1,20	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1293	Đường Đỗ Xá - Quan Sơn (từ quốc lộ 21B đến Đường trục kinh tế phía Nam) thuộc địa bàn huyện Ứng Hòa	DGT	8,58		8,58	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1294	Nâng cấp mở rộng đường tỉnh lộ 429A từ Ba Thá xã Viên An huyện Ứng Hòa đi huyện Thanh	DGT	3,63		3,63	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1295	Đường tránh quốc lộ 21B huyện Ứng Hòa	DGT	17,88		17,88	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1296	Xây dựng đường tỉnh lộ 429B kéo dài về phía Tây (đoạn từ quốc lộ 21B đến đê tả Đáy) huyện Ứng Hòa	DGT	12,24		12,24	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1297	Nâng cấp tuyến tỉnh lộ 429B (đoạn từ quốc lộ 21B đến đường trục phát triển kinh tế phía Nam) huyện Ứng Hòa	DGT	3,34		3,34	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1298	Đường I2-14B liên xã Minh Đức - Trầm Lộng (điểm đầu từ đường 426 đến điểm cuối Minh Đức - Ngăm, huyện Ứng Hòa	DGT	1,10		1,10	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1299	Đường giao thông kết hợp cứng hóa kênh I2-VĐ9 từ cầu bệnh viện Vân Đình đến cầu Xuân Quang, huyện Ứng Hòa	DGT	2,20		2,20	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1300	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông liên xã Tảo Dương Văn, Phương Tú, Trung Tú từ đường Cần Thơ - Xuân Quang ra tỉnh lộ 428, huyện Ứng Hòa	DGT	2,40		2,40	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1301	Đường tỉnh lộ 425 từ Quốc lộ 21B đi vào khu thắng cảnh di tích chùa Hương, huyện Ứng Hòa	DGT	3,50		3,50	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1302	Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh lộ 426 Quán Xá đến Thái Bằng huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	DGT	8,00		8,00	Huyện Ứng Hòa	2022-2025

1303	Đường trục phía Nam tỉnh Hà Tây (cũ) đoạn từ Km19+900-Km41+500 qua địa bàn huyện Ứng Hòa	DGT	73,40		73,40	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1304	Dự án Nâng cấp tuyến tỉnh lộ 428 từ km0 đến km6+585(tỉnh lộ 75 cũ), đoạn từ Quốc lộ 21B thị trấn Vân Đình đến Cầu Quảng Tái, xã Trung Tú, huyện Ứng Hòa (giai đoạn 1)	DGT	15,58	14,36	1,22	Huyện Ứng Hòa	2022
1305	Dự án Nâng cấp tuyến tỉnh lộ 428 từ km6+585 đến km14+780(tỉnh lộ 75 cũ), đoạn từ Cầu Quảng Tái, xã Trung Tú đến cầu Công Thần xã Minh Đức, huyện Ứng Hòa (giai đoạn 2)	DGT	12,23	11,39	0,84	Huyện Ứng Hòa	2022
1306	Dự án Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh lộ 429C đoạn từ cầu Bàu đến cầu Hậu Xá, huyện Ứng Hòa.	DGT	14,19	13,82	0,37	Huyện Ứng Hòa	2022
1307	Dự án Nâng cấp, mở rộng đường trục phát triển kinh tế phía Nam huyện Ứng Hòa (Cần Thơ – Xuân Quang).	DGT	23,60	22,79	0,81	Huyện Ứng Hòa	2022
1308	Dự án Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ trạm bơm Ngộ Xá đến kênh Tân Phương	DGT	1,50	1,45	0,05	Huyện Ứng Hòa	2022
1309	Dự án: Đường giao thông liên xã từ QL21B đi cầu Ngộ Xá lên đê Tả Đáy thôn Ngộ Xá (giai đoạn 2)	DGT	1,11	1,10	0,01	Huyện Ứng Hòa	2022
1310	Dự án Nạo vét, cứng hóa bờ kênh Tân Phương kết hợp giao thông huyện Ứng Hòa	DGT	3,91	3,36	0,55	Huyện Ứng Hòa	2022
1311	Dự án Đường điện 500/220KV Nho quan- Phủ Lý- Thường Tín (giai đoạn 1 + 2)	DGT	1,01	0,92	0,09	Huyện Ứng Hòa	2022
1312	Dự án Xây dựng trạm mới 110KV Mỹ Đức và nhánh rẽ	DGT	0,14	0,11	0,03	Huyện Ứng Hòa	2022
1313	Dự án Nâng cấp, mở rộng QL 21B đoạn từ thị trấn Vân Đình tới đường tỉnh 424 (76 cũ), địa phận huyện Ứng Hòa	DGT	20,91		20,91	Huyện Ứng Hòa	2022
1314	Dự án Nâng cấp, mở rộng đường Cần Thơ - Xuân Quang đi Đông Lỗ (Giai đoạn 3), huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	DGT	5,63	0,50	5,13	Huyện Ứng Hòa	2022
1315	Dự án đường trục kinh tế phía Nam đi Quốc Lộ 38	DGT	2,54		2,54	Huyện Ứng Hòa	2022
1316	Dự án Đường nối từ tỉnh lộ 426 với đường trục phát triển phía Nam thủ đô	DGT	5,67		5,67	Huyện Ứng Hòa	2022

1317	Đường trục giao thông kết hợp cứng hóa kênh mương trạm bơm Đại Cường đi Trục kinh tế phía Nam, huyện Ứng Hòa	DGT	5,12		5,12	Huyện Ứng Hòa	2022
1318	Mở rộng Quốc Lộ 21B	DGT	76,65	32,85	43,80	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1319	Đường Cao tốc Tây Bắc- QL.5B	DGT	77,64		77,64	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1320	Đường kinh tế phía Nam	DGT	29,31		29,31	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1321	Đường Trục PTKT Bắc Nam	DGT	78,30		78,30	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1322	Đường trục PTKT Bắc Nam điều chỉnh	DGT	28,29		28,29	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1323	Đường Đỗ Xá -Quan Sơn	DGT	22,07		22,07	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1324	Nâng cấp, cải tạo, mở rộng các tuyến đường tỉnh 429A, 429B, 429C, 428, 426, 425, 424 thuộc huyện Ứng Hòa	DGT	112,92	70,58	42,35	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1325	Nâng cấp mở rộng đường Cần Thơ - Xuân Quang đi Đông Lỗ	DGT	38,88	16,20	22,68	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1326	Đường nối từ tỉnh lộ 426 với đường Ba Sao- Bái Đính	DGT	7,50		7,50	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1327	Mở rộng, nâng cấp đường GT phía nam nối với trục kinh tế phía nam	DGT	0,80		0,80	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1328	Xây dựng các cầu: Ba Thá, Hòa Viên, Quảng Tái, Bầu, Mỹ Hòa trên địa bàn huyện Ứng Hòa (5 dự án).	DGT	1,82		1,82	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1329	Bến xe huyện Ứng Hòa	DGT	5,00		5,00	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1330	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông liên xã Vạn Thái – Hòa Nam, huyện Ứng Hòa	DGT	1,50		1,50	Huyện Ứng Hòa	2022-2024
1331	Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh lộ 429A từ Ba Thá xã Viên An, huyện Ứng Hòa đi huyện Thanh Oai	DGT	3,30		3,30	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1332	Nâng cấp tuyến đường tỉnh lộ 429B (đoạn từ quốc lộ 21B đến đường trục phát triển phía Nam), huyện Ứng Hòa	DGT	3,80		3,80	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1333	Nâng cấp, mở rộng đường Minh Đức - Ngâm, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	DGT	7,70	7,70		Huyện Ứng Hòa	2022-2024
1334	Đường giao thông liên xã từ Minh Đức đi Kim Đường, Đông Lỗ, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội (Điểm đầu TL 428 tại thôn Thần, xã Minh Đức, Điểm cuối thôn Nhân Trai, xã Đông Lỗ)	DGT	3,33	1,67	1,67	Huyện Ứng Hòa	2022-2024
1335	Kè và đường bao quanh ao Đầm Sen thôn Thanh Ấm, thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	DGT	0,35		0,35	Huyện Ứng Hòa	2023-2025

1336	Cải tạo. nâng cấp tuyến phố Thanh Báo (thu hồi diện tích nhỏ lẻ không đủ điều kiện mặt bằng xây dựng. hợp thửa. hợp khối)	DGT	0,01		0,01	Quận Ba Đình	2021-2025
1337	Xây dựng đường Liễu Giai- Núi Trúc (đoạn Vạn Bảo đến nút Núi Trúc). GD 2	DGT	0,05		0,05	Quận Ba Đình	2022
1338	Cổng hóa và xây dựng tuyến đường từ nút rẽ ra phố Núi Trúc đến phố Sơn Tây	DGT	1,00		1,00	Quận Ba Đình	2022
1339	Giải phóng mặt bằng. mở thông ngõ 12 phố Đào Tấn	DGT	0,05		0,05	Quận Ba Đình	2022
1340	Dự án Mở rộng đường Phan Kế Bính theo quy hoạch	DGT	1,36		1,36	Quận Ba Đình	2022
1341	Hoàn thiện và khớp nối Hạ tầng kỹ thuật khu 7.2ha Vĩnh Phúc	DGT	0,58		0,58	Quận Ba Đình	2022
1342	Xây dựng tuyến đường nối từ đường Hoàng Hoa Thám cắt qua phố Đội Cấn đến phố Vạn Phúc	DGT	1,35		1,35	Quận Ba Đình	2021-2025
1343	Dự xây dựng đường vành đai 1 đoạn từ Hoàng Cầu - Voi Phục.	DGT	10,51		10,51	Quận Ba Đình	2022
1344	Xây dựng đường giao thông nội bộ và khớp nối HTKT tại điểm đất tổ dân phố số 12C và 14 phường Vĩnh Phúc	DGT	0,11		0,11	Quận Ba Đình	2021-2025
1345	Xây dựng Bãi đỗ xe tự động P(H1-3) tại đoạn công hóa mương Nguyên Hồng. phường Thành Công và phường Láng Hạ. quận Đống Đa. kết nối IPARKING của Thành phố	DGT	0,51	0,51		Quận Ba Đình	2021-2025
1346	Xây dựng tuyến đường số 3 vào Trung tâm KĐT Tây Hồ Tây	DGT	3,76		3,76	Quận Bắc Từ Liêm	2022
1347	Dự án GPMB tạo quỹ đất sạch phục vụ xây dựng tuyến đường số 5 vào trung tâm khu đô thị mới Tây Hồ Tây	DGT	5,83		5,83	Quận Bắc Từ Liêm	2022
1348	Xây dựng tuyến đường Ao dài P. Đức Thắng (Đoạn từ Hoàng Tăng Bí đến đường xóm 6)	DGT	1,20		1,20	Quận Bắc Từ Liêm	2022
1349	Xây dựng tuyến đường nối từ đường chung cư 11 tầng - Cục quản trị A - phường Cổ Nhuế 1 đi đường Phạm Văn Đồng	DGT	0,31		0,31	Quận Bắc Từ Liêm	2022
1350	Dự án đầu tư đường vào nghĩa trang Thượng Cát nối đường khu công nghiệp Nam Thăng Long đi đường vành đai 4	DGT	3,51		3,51	Quận Bắc Từ Liêm	2022
1351	Xây dựng tuyến đường số 8 và một số tuyến kết nối khu vực Bắc Cổ Nhuế - Chèm, quận Bắc Từ Liêm	DGT	13,10		13,10	Quận Bắc Từ Liêm	2021-2022

1352	Xây dựng tuyến đường số 5 vào Trung tâm khu đô thị mới Tây Hồ Tây	DGT	2,79		2,79	Quận Bắc Từ Liêm	2021-2022
1353	Xây dựng tuyến đường số 3 vào Trung tâm khu đô thị mới Tây Hồ Tây	DGT	3,78		3,78	Quận Bắc Từ Liêm	2022
1354	Xây dựng tuyến đường số 2 vào Trung tâm khu đô thị mới Tây Hồ Tây	DGT	2,60		2,60	Quận Bắc Từ Liêm	2021
1355	Xây dựng trụ sở Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm	DGT	0,31		0,31	Quận Bắc Từ Liêm	2021-2022
1356	Xây dựng cơ sở làm việc Công an quận Bắc Từ Liêm	DGT	1,06		1,06	Quận Bắc Từ Liêm	2021
1357	Xây dựng HTKT khu tái định cư phục vụ GPMB trục đường 1, 2, 3 xã Tây Tựu	DGT	0,72		0,72	Quận Bắc Từ Liêm	2022
1358	Mở rộng đường Vành đai 3 (đoạn Mai Dịch - Cầu Thăng Long)	DGT	16,69		16,69	Quận Bắc Từ Liêm	2022
1359	Xây dựng tuyến đường nối từ đường Hoàng Tăng Bí đến phố Viên, quận Bắc Từ Liêm	DGT	3,20		3,20	Quận Bắc Từ Liêm	2022
1360	Đường Tây Thăng Long (đoạn từ đường Phạm Văn Đồng đi đường Văn Tiến Dũng)	DGT	21,17		21,17	Quận Bắc Từ Liêm	2022
1361	Xây dựng tuyến đường nối từ đường Cầu Diễn (Quốc lộ 32) vào tuyến đường Cụm Công nghiệp Từ Liêm, thành phố Hà Nội	DGT	0,55		0,55	Quận Bắc Từ Liêm	2022
1362	Xây dựng tuyến đường nối từ đường Hoàng Công Chất đến cổng trường mầm non Phú Diễn	DGT	0,11		0,11	Quận Bắc Từ Liêm	2022
1363	Cải tạo, mở rộng ngõ 193 đường Phú Diễn, phường Phú Diễn	DGT	0,76		0,76	Quận Bắc Từ Liêm	2022
1364	Cải tạo, chỉnh trang, sửa chữa tuyến đường Phú Diễn - Trại gà, phường Phú Diễn	DGT	0,44		0,44	Quận Bắc Từ Liêm	2022
1365	Đầu tư xây dựng tuyến đường số 8 và một số tuyến đường kết nối khu vực Bắc Cổ Nhuế - Chèm, quận Bắc Từ Liêm	DGT	12,04		12,04	Quận Bắc Từ Liêm	2022
1366	Cây xanh kết hợp bãi đỗ xe tại phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm	DGT	7,00		7,00	Quận Bắc Từ Liêm	2022
1367	Dự án xây dựng cầu qua Sông Nhuệ trên tuyến đường Dịch Vọng - Phú Mỹ - Cầu Diễn và đường nối ra Quốc lộ 32	DGT	2,39		2,39	Quận Bắc Từ Liêm	2022
1368	Xây dựng tuyến đường nối từ trường Đại học mỏ địa chất vào KCN Nam Thăng Long	DGT	3,04		3,04	Quận Bắc Từ Liêm	2022

1369	Xây dựng tuyến đường ao Sen (giáp trường tiểu học Thụy Phương đi ngõ 125, qua đài tưởng niệm liệt sỹ ngõ 123)	DGT	0,23		0,23	Quận Bắc Từ Liêm	2022
1370	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu liên cơ quan quận Bắc Từ Liêm	DGT	9,70		9,70	Quận Bắc Từ Liêm	2022
1371	Xây dựng đường vào khu trung tâm hành chính quận Bắc Từ	DGT	2,90		2,90	Quận Bắc Từ Liêm	2022
1372	Đường HVCS đi khu CN Nam Thăng Long (Đường vào KCN Nam Thăng Long nối từ đường HQV kéo dài)	DGT	11,70		11,70	Quận Bắc Từ Liêm	2022
1373	Xây dựng tuyến đường nối từ Khu đô thị Thành phố giao lưu qua ga Phú Diễn đến đường Cầu Diễn	DGT	11,60		11,60	Quận Bắc Từ Liêm	2022
1374	Xây dựng tuyến đường từ khu Liên cơ quan quận Bắc Từ Liêm đến đường Tây Thăng Long, Phúc Lý, Minh Khai	DGT	0,58		0,58	Quận Bắc Từ Liêm	2022
1375	Dự án xây dựng đường tạm để thi công dự án xây dựng công trình tại ô đất ký hiệu D2-BT1 khu vực Bắc Cỗ Nhuế-Chèm, quận Bắc Từ Liêm	DGT	0,07		0,07	Quận Bắc Từ Liêm	2022
1376	Xây dựng tuyến đường nối từ đường mở địa chất đi Phạm Văn Đồng	DGT	6,94		6,94	Quận Bắc Từ Liêm	2022
1377	Mở rộng đường Thượng Cát-Liên Mạc-Thụy Phương	DGT	2,19		2,19	Quận Bắc Từ Liêm	2022
1378	Xây dựng mới tuyến đường từ trường tiểu học Đông Ngạc A đến đường Thụy Phương	DGT	0,20		0,20	Quận Bắc Từ Liêm	2022
1379	Nhà đỗ xe thông minh lồng ghép dịch vụ hỗ trợ tại lô đất O15/P2, tờ bản đồ số 2 của tuyến đường số 2 vào khu trung tâm ĐTM Tây Hồ Tây (phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm).	DGT	0,18		0,18	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
1380	GPMB khu đất khoảng 797,4m2 (bên phải phía trước cổng chính Học viện cảnh sát nhân dân tại phường Cổ Nhuế 2, quận Bắc Từ Liêm).	DGT	0,10		0,10	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
1381	Xây dựng tuyến đường phía Tây dự án Goldmark city nối ra đường Hồ Tùng Mậu, phường Phú Diễn	DGT	0,22		0,22	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
1382	Đường Xuân Thủy cạnh HITC đến cổng Ma Khay (Thu hồi đợt 2, phần mở hạng đường đầu	DGT	0,06		0,06	Quận Cầu Giấy	2021

1383	Dự án xây dựng tuyến đường nối từ đường Cầu Giấy đến khu đô thị mới Dịch Vọng	DGT	2,15		2,15	Quận Cầu Giấy	2021
1384	Cải tạo đoạn đường nối từ đường Trung Yên 6 ra đường Nguyễn Khang	DGT	0,13		0,13	Quận Cầu Giấy	2021
1385	Xây dựng đường nối từ phố Trần Quốc Hoàn đến phố Nghĩa Tân	DGT	0,51		0,51	Quận Cầu Giấy	2021
1386	Dự án cải tạo, mở rộng ngõ 381 Nguyễn Khang (Từ phố Thành Thái đến phố Nguyễn Khang)	DGT	0,73		0,73	Quận Cầu Giấy	2021
1387	Cầu Yên Hòa (cầu 381)	DGT	0,13		0,13	Quận Cầu Giấy	2021
1388	Xây dựng cầu vượt nút giao giữa đường Hoàng Quốc Việt - đường Nguyễn Văn Huyền và hoàn thiện đường Nguyễn Văn Huyền theo quy hoạch	DGT	0,90		0,90	Quận Cầu Giấy	2021
1389	XD và đấu nối HTKT ô đất D27 khu ĐTM Cầu Giấy	DGT	0,21		0,21	Quận Cầu Giấy	2021
1390	Xây dựng đường tiếp giáp xí nghiệp Thương Binh Hà Nội	DGT	0,25		0,25	Quận Cầu Giấy	2021
1391	Tuyến đường số 2 vào khu đô thị Tây Hồ Tây	DGT	1,05		1,05	Quận Cầu Giấy	2023-2025
1392	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phần còn lại khu đô thị mới Cầu Giấy (Bao gồm nhiều tiểu dự án)	DGT	0,82		0,82	Quận Cầu Giấy	2023-2025
1393	Dự án Xây dựng tuyến đường 17,5m (đoạn từ khu nhà ở phòng cảnh sát phòng chống ma túy đến khu tập thể Đại học Tài chính)	DGT	0,24		0,24	Quận Cầu Giấy	2023-2025
1394	Dự án xây dựng tuyến đường 17,5m (Mở rộng Đường Trần Quốc Vượng) và đường nối từ đường Trần Quốc Vượng đến ngõ 86 Duy Tân	DGT	0,38		0,38	Quận Cầu Giấy	2023-2025
1395	Mở rộng phố Nguyễn Phong Sắc đoạn từ phố Nghĩa Tân đến đường Hoàng Quốc Việt (tuyến đường số 65), quận Cầu Giấy	DGT	1,21		1,21	Quận Cầu Giấy	2023-2025
1396	Đường 13,5m đi vào Trường Mầm non Nghĩa Đô	DGT	0,20		0,20	Quận Cầu Giấy	2023-2025
1397	Xây dựng đoạn đường nối từ Trường Cao đẳng cơ điện Hà Nội đến đường Hoàng Quốc Việt kéo dài	DGT	0,16		0,16	Quận Cầu Giấy	2023-2025
1398	Đường giáp QH nhà hát Thăng Long (thuộc phường Nghĩa Đô)	DGT	0,14		0,14	Quận Cầu Giấy	2023-2025
1399	Đường Hoàng Quốc Việt kéo dài	DGT	4,78		4,78	Quận Cầu Giấy	2023-2025
1400	Đầu tư phát triển HTKT Khu ĐTM Yên Hòa (Tuyến đường 1.3 & 4.4)	DGT	0,73		0,73	Quận Cầu Giấy	2023-2025
1401	Đường nối từ phố Dịch Vọng đến đường Trần Đăng Ninh kéo dài	DGT	0,17		0,17	Quận Cầu Giấy	2023-2025

1402	Xây dựng mở rộng tuyến Lương Đình Cửa ra Trường Chinh	DGT	0,24		0,24	Quận Đống Đa	2021
1403	Dự xây dựng đường vành đai 1 đoạn từ Hoàng Cầu - Voi Phục.	DGT	4,80	0,66	4,14	Quận Đống Đa	2021
1404	Đường Phương Mai - Sông Lừ	DGT	0,56		0,56	Quận Đống Đa	2021
1405	Dự án Xây dựng đường Cát Linh - La Thành - Yên Lãng (đoạn La Thành - Thái Hà - Láng)	DGT	0,03		0,03	Quận Đống Đa	2021
1406	Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật xung quanh hồ Linh Quang	DGT	0,02		0,02	Quận Đống Đa	2021
1407	Xây dựng tuyến đường từ nút Bộ lư lệnh Thông tin trên đường Cát Linh - La Thành đến đường Tôn Đức Thắng (thuộc tuyến đường Ga Hà Nội - Tôn Đức Thắng - Hào Nam - Núi Trúc)	DGT	1,32	0,51	0,81	Quận Đống Đa	2021
1408	Dự án xây dựng cải tạo hạ tầng xung quang hồ Kim Liên (Hồ lớn - nhỏ)	DGT	0,14	0,03	0,11	Quận Đống Đa	2021
1409	Xây dựng hoàn thiện nút giao thông Chùa Bộc - Thái Hà theo quy hoạch tại góc 1/4 nút giao thông lư Học Viện Ngân Hàng đến công trường ĐH Công Đoàn	DGT	0,98	0,05	0,93	Quận Đống Đa	2021
1410	Dự án đầu tư XD đường vành đai I (ô Chợ Dừa - Hoàng cầu- Đan Xã Tắc)	DGT	0,03		0,03	Quận Đống Đa	2021
1411	Cầu Sông Lừ	DGT	0,10	0,10		Quận Đống Đa	2021
1412	Cầu Yên Hòa (Cầu 381)	DGT	0,01	0,01		Quận Đống Đa	2021
1413	Thực hiện GPMB các trường hợp siêu mỏng, siêu méo, các trường hợp không đủ điều kiện xây dựng trên địa bàn quận	DGT	0,20		0,20	Quận Đống Đa	2023-2025
1414	Dự án mở rộng đường Đồng Tác	DGT	0,89	0,74	0,15	Quận Đống Đa	2023-2025
1415	Giải phóng mặt bằng, xây dựng công hóa mương, nối thông mương L2A Y Cự Y khoa ra khu Mipex	DGT	0,17	0,01	0,16	Quận Đống Đa	2023-2025
1416	Mở rộng ngách 79 ngõ Thổ Quan (mở rộng lối vào trường Tiểu học La Thành)	DGT	0,02	0,01	0,01	Quận Đống Đa	2023-2025
1417	Mở rộng đường đoạn từ nhà Văn hóa Quận đến phố Trần Quang Diệu	DGT	0,06		0,06	Quận Đống Đa	2023-2025
1418	Mở rộng và nơi ngõ Lương Sứ ra hồ Linh Quang	DGT	0,02		0,02	Quận Đống Đa	2023-2025
1419	Mở rộng ngõ Thổ Quan (đoạn phố Khâm Thiên - Trung Phụng)	DGT	0,51	0,31	0,20	Quận Đống Đa	2023-2025
1420	Mở đường ngũ Xã Đan 2 ra phố Xã Đan (ngách 129 ngõ Xã Đan 2 ra 213 Xã Đan)	DGT	0,01		0,01	Quận Đống Đa	2023-2025
1421	Mở rộng ngõ Thổ Quan (đoạn UBND phường - 460 Xã Đan)	DGT	0,07		0,07	Quận Đống Đa	2023-2025

1422	Mở rộng phố Pháo Đài Láng (Huỳnh Thúc Kháng kéo dài - Đường Láng)	DGT	0,72	0,02	0,70	Quận Đống Đa	2023-2025
1423	Mở rộng ngõ 1194 đường Láng (ngõ 1194 đường Láng ra 120 Chùa Láng)	DGT	0,16	0,11	0,05	Quận Đống Đa	2023-2025
1424	Đường nối Vũ Ngọc Phan ra đường Láng (ngách 25/59 Vũ Ngọc Phan - Chợ Láng Hạ A)	DGT	0,13	0,03	0,10	Quận Đống Đa	2023-2025
1425	Mở rộng ngõ Thịnh Quang (phố Tày Sơn - ngõ 113 Thái Thịnh)	DGT	0,20	0,12	0,08	Quận Đống Đa	2023-2025
1426	Mở rộng phố Kim 1-loa (đi Kim Liên ra Giải Phóng)	DGT	0,35	0,23	0,12	Quận Đống Đa	2023-2025
1427	Mở rộng ngõ Văn Chương (Tôn Đức Thắng ra I/O Vườn Chương)	DGT	0,21	0,14	0,07	Quận Đống Đa	2023-2025
1428	Đường nối phố Cát Linh ra Nguyễn Thái Học (ngõ 12 Cát Linh - ngõ 5 I-làng Cháo)	DGT	0,28	0,16	0,12	Quận Đống Đa	2023-2025
1429	Mở rộng và nối ngõ 105 Láng Hạ ra bệnh viện Nội Tiết	DGT	0,40		0,40	Quận Đống Đa	2023-2025
1430	Xây dựng tuyến đường cống hóa mương L1 A, tiếp nối mương Tráng Chèm ra phố Khâm Thiên	DGT	0,10		0,10	Quận Đống Đa	2023-2025
1431	Dự án xây dựng đường Huỳnh Thúc Kháng kéo dài	DGT	3,90	1,90	2,00	Quận Đống Đa	2023-2025
1432	Cải tạo, nâng cấp tuyến mương thoát nước kết hợp với làm đường giao thông tại vị trí giáp ranh Dự án hồ hợp nhà ở, thương mại văn phòng tại số 83 phố Hào Nam	DGT	0,09		0,09	Quận Đống Đa	2023-2025
1433	GPMB chỉnh trang vỉ hè 01 phần thửa đất nhà số 96 phố An Trạch (nằm trong đoạn cống thoát nước Cát Linh - La Thành-Yên Lãng)	DGT	0,00		0,00	Quận Đống Đa	2023-2025
1434	Quy đất phát triển giao thông	DGT	6,00		6,00	Quận Đống Đa	2023-2025
1435	Dự án Đầu tư xây dựng công trình cầu Ý La	DGT	0,10		0,10	Quận Hà Đông	2021-2025
1436	Cải tạo, nâng cấp đường, hè và rãnh thoát nước đường Lý Thường Kiệt, tổ dân phố số 4, phường Phú La, quận Hà Đông	DGT	0,08		0,08	Quận Hà Đông	2021-2025
1437	Các tuyến đường kết nối khu đất dịch vụ LK21, LK26, HT5 phường La Khê	DGT	1,37	1,20	0,17	Quận Hà Đông	2021-2025
1438	Dự án xây dựng đường kết nối khu đất dịch vụ thôn Nhân Trạch, thôn Bắc Lãm (Nam Ninh, khu Xê), phường Phú Lương, quận Hà Đông	DGT	2,34	2,15	0,19	Quận Hà Đông	2021-2025
1439	Đường kết nối khu đất dịch vụ 3 với khu đất dịch vụ 4 phường Đồng Mai	DGT	1,55		1,55	Quận Hà Đông	2021-2025

1440	Xây dựng đường nối từ đường 18,5m vào khu đất dịch vụ Đào Đất - Hàng Bè	DGT	0,30	0,10	0,20	Quận Hà Đông	2021-2025
1441	Đầu tư xây dựng kết cấu HTKT khu Trung tâm hành chính mới quận Hà Đông (Đường N1, đường K8, phần thu hồi bổ sung)	DGT	0,25		0,25	Quận Hà Đông	2021-2025
1442	Đường đầu nối từ khu đất dịch vụ 4 Văn Phú đến phố Văn Phú, phường Phú La, quận Hà Đông, Hà Nội	DGT	0,24	0,01	0,23	Quận Hà Đông	2021-2025
1443	Hạ tầng kỹ thuật khu đất dịch vụ LK27, C13a, C13b, LK28, HT10, TTCN phường Dương Nội, quận Hà Đông (phần thu hồi bổ sung)	DGT	0,30		0,30	Quận Hà Đông	2021-2025
1444	Đường kết nối khu trung tâm hành chính với ngã tư Hà Trì - Văn Phú, Phúc La	DGT	2,01	1,95	0,06	Quận Hà Đông	2021-2025
1445	Xây dựng tuyến đường tiếp giáp khu đất dịch vụ Đào đất- Hàng Bè nối với đường 18,5m phường Kiến Hưng, quận Hà Đông	DGT	0,48		0,48	Quận Hà Đông	2021-2025
1446	Dự án nút giao thông giữa tuyến đường số 1 thuộc dự án xây dựng đường giao thông bao quanh khu tưởng niệm danh nhân Chu Văn An với tuyến đường 70	DGT	0,57	0,41	0,16	Quận Hà Đông	2021-2025
1447	Đầu nối đường tổ 5 ra đường Phùng Hưng	DGT	0,01	0,01	0,00	Quận Hà Đông	2021-2025
1448	Đầu tư xây dựng công trình đường Ngô Quyền giai đoạn I (đoạn từ cầu Am đến chùa Ngòi) (Đã thu hồi đất xong, bổ sung để cường chế thực hiện dự án)	DGT	2,73	2,61	0,12	Quận Hà Đông	2021-2025
1449	Mở mới ngõ đi Nhánh 1 gác 3 ngõ 13 TDP 15 ra ngõ đi chung	DGT	0,00		0,00	Quận Hà Đông	2021-2025
1450	Đường trục phường Phú Lương	DGT	0,09		0,09	Quận Hà Đông	2021-2025
1451	Đầu nối đường giáp ranh khu dân cư Ngô Thi Nhậm	DGT	0,22	0,07	0,15	Quận Hà Đông	2021-2025
1452	Hoàn thiện khớp nối hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Dương Nội và các dự án lân cận, quận Hà Đông, (Tổng dự án có diện tích là 5,86 ha. Trong đó có 1,64 ha nằm ngoài DA BT)	DGT	1,64		1,64	Quận Hà Đông	2021-2025
1453	Đường trong khu đô thị mới Dương Nội	DGT	0,38		0,38	Quận Hà Đông	2021-2025
1454	Hoàn thiện các tuyến đường xung quanh dự án xây dựng Bệnh viện và Trung tâm thương mại tại phường Dương Nội (đã thu hồi xong 5,25 ha, trình xin QĐ giao 5,56 ha)	DGT	5,56	5,25	0,31	Quận Hà Đông	2021-2025

1455	Khu đô thị mới Văn Phú (04 hộ dân chưa GPMB xung quanh đường đầu nối)	DGT	0,05		0,05	Quận Hà Đông	2021-2025
1456	Đường từ QL21B đi đình Động Lâm Phường Phú Lương (Dự án tồn tại năm 2008)	DGT	1,30	0,20	1,10	Quận Hà Đông	2021-2025
1457	Tuyến đường đầu nối hạ tầng các khu đô thị, dân cư quận Hà Đông (Tuyến 2 BT)	DGT	1,15		1,15	Quận Hà Đông	2021-2025
1458	Đường vành đai 3,5: Đoạn từ đường Phúc La-Văn Phú đến cao tốc Pháp Vân-Cầu Giẽ	DGT	129,90		129,90	Quận Hà Đông	2022-2025
1459	Đường từ mâm non Huyền Kỳ vào trường tiểu học phú Lâm và cải tạo đường giao thông, rãnh thoát nước các tổ dân phố 7 và 8 (phường Phú Lâm 0.20 ha; Phú Lương 0.02 ha).	DGT	0,22		0,22	Quận Hà Đông	2021-2025
1460	Đường giao thông trong khu ĐTM Phú Lương (thu hồi bỏ sử dụng)	DGT	0,30		0,30	Quận Hà Đông	2021-2025
1461	Đường ven sông Nhuệ, (giai đoạn 1) đoạn từ Sở Nông nghiệp và PTNT đến phường Kiến Hưng	DGT	1,15		1,15	Quận Hà Đông	2021-2025
1462	Đường vành đai 3.5	DGT	15,17		15,17	Quận Hà Đông	2021-2025
1463	Đường giao thông - Khu nhà ở xã hội La Tinh - Đông La	DGT	0,10		0,10	Quận Hà Đông	2021-2025
1464	Đường kết nối khu đất dịch vụ Văn Nội (xứ đồng Gùng, Ma Lễ, MA Chằm) và đường kết nối khu đất dịch vụ khu A (xứ đồng Bo, Đồng Chúc, Cửa cầu, Đồng Men) phường Phú Lương, quận Hà Đông	DGT	1,01		1,01	Quận Hà Đông	2021-2025
1465	Đường kết nối khu đất dịch vụ La Dương- La Nội phường Dương Nội, quận Hà Đông	DGT	0,49		0,49	Quận Hà Đông	2021-2025
1466	Đường từ Quốc lộ 6A vào tiểu khu Phú Mỹ, phường Biên Giang, quận Hà Đông, Hà Nội	DGT	4,03		4,03	Quận Hà Đông	2021-2025
1467	Đường kết nối khu đất dịch vụ Hà Trì (Tuyến 1,2,3) phường Hà Cầu, quận Hà Đông, Hà Nội	DGT	1,18		1,18	Quận Hà Đông	2021-2025
1468	Đường vành đai 3,5: Đoạn từ đường Phúc La-Văn Phú đến cao tốc Pháp Vân-Cầu Giẽ	DGT	129,94		129,94	Quận Tây Hồ, Hà Đông	2024-2025
1469	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật tuyến đường 22.5 m từ khu dân cư mới đến đường Vạn Phúc, Vạn Phúc, quận Hà Đông	DGT	0,22		0,22	Quận Hà Đông	2021-2025
1470	Mở rộng đường trục Phú Lương, phường Phú Lương (đoạn từ QL21B đi tổ 9 Nhân Trạch) phường Phú Lương, quận Hà	DGT	0,04		0,04	Quận Hà Đông	2021-2025

1471	Trung tâm tiếp vận phía Tây Nam (Ga Hà Đông)	DGT	6,30		6,30	Quận Hà Đông	2021-2025
1472	Xây dựng cầu Vĩnh Tuy giai đoạn 2	DGT	42,00		42,00	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
1473	Dự án cải tạo, chỉnh trang tuyến đường nối giữa ngõ 55 phố Lê Đại Hành và phố Nguyễn Đình Chiểu	DGT	0,04		0,04	Quận Hai Bà Trưng	2021-2025
1474	Xây dựng đường nối ngõ 61 Lạc Trung và ngõ 423 Minh Khai	DGT	0,07		0,07	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
1475	Khớp nối ngõ 61 Lạc Trung - Mạc Thị Bưởi	DGT	0,32		0,32	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
1476	Kết nối đường qua công ty xe bus với dự án 423 Minh Khai.	DGT	0,57		0,57	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
1477	Đất giao thông tại điểm đất ngõ 349 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy (Đường vào nghĩa trang Hợp Thiện)	DGT	0,01		0,01	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
1478	Tuyến đường nối Phố Ngô Thì Nhậm - Trần Khát Chân	DGT	0,43		0,43	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
1479	Xây dựng Hè Đường	DGT	0,05		0,05	Quận Hai Bà Trưng	2022
1480	Mở rộng ngõ 191 - Minh Khai (giải tỏa nút cổ chai)	DGT	0,03		0,03	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
1481	Xây dựng cầu Vĩnh Tuy giai đoạn 2	DGT	42,00		42,00	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
1482	Dự án cải tạo, chỉnh trang tuyến đường nối giữa ngõ 55 phố Lê Đại Hành và phố Nguyễn Đình Chiểu	DGT	0,04		0,04	Quận Hai Bà Trưng	2021-2025
1483	Xây dựng đường nối ngõ 61 Lạc Trung và ngõ 423 Minh Khai	DGT	0,07		0,07	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
1484	Khớp nối ngõ 61 Lạc Trung - Mạc Thị Bưởi	DGT	0,32		0,32	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
1485	Kết nối đường qua công ty xe bus với dự án 423 Minh Khai.	DGT	0,57		0,57	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
1486	Đất giao thông tại điểm đất ngõ 349 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy (Đường vào nghĩa trang Hợp Thiện)	DGT	0,01		0,01	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
1487	Tuyến đường nối Phố Ngô Thì Nhậm - Trần Khát Chân	DGT	0,43		0,43	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
1488	Xây dựng Hè Đường	DGT	0,05		0,05	Quận Hai Bà Trưng	2022
1489	Mở rộng ngõ 191 - Minh Khai (giải tỏa nút cổ chai)	DGT	0,03		0,03	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
1490	Chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật phố Chương Dương Độ	DGT	0,46		0,46	Quận Hoàn Kiếm	2021
1491	Dự án xây dựng tuyến đường nối từ phố Chương Dương Độ đến phố Cầu Đất (giai đoạn 1)	DGT	0,15		0,15	Quận Hoàn Kiếm	2021
1492	Xây dựng hầm đường bộ có kết hợp cho người đi bộ nối từ phố Trần Nguyên Hãn sang phố Chương Dương Độ, quận Hoàn Kiếm	DGT	0,03		0,03	Quận Hoàn Kiếm	2021-2025

1493	Dự án chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật phố Chương Dương Độ, quận Hoàn Kiếm (đoạn từ nút giao phố Bạch Đằng đến bờ ven sông Hồng)	DGT	0,36		0,36	Quận Hoàn Kiếm	2022
1494	Chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật phố Chương Dương Độ, quận Hoàn Kiếm (đoạn từ nút giao phố Bạch Đằng đến bờ ven sông Hồng).	DGT	0,32	0,32		Quận Hoàn Kiếm	2021
1495	GPMB, cải tạo hạ tầng kỹ thuật khu vực xung quanh Đền Bà Kiệu, quận Hoàn Kiếm)	DGT	0,02	0,02		Quận Hoàn Kiếm	2021-2025
1496	Xây dựng công trình bãi đỗ xe ngầm tại vườn hoa Đường Thành - Phùng Hưng	DGT	0,25		0,25	Quận Hoàn Kiếm	2021-2025
1497	Xây dựng bãi đỗ xe ngầm tại vườn hoa Cửa Nam	DGT	0,05		0,05	Quận Hoàn Kiếm	2021-2025
1498	Xây dựng địa điểm 9 - 11 Lý Thường Kiệt	DGT	0,00	0,00		Quận Hoàn Kiếm	2021-2025
1499	Dự án xây dựng đường Tam Trinh	DGT	11,37		11,37	Quận Hoàng Mai	2022
1500	Dự án MR tuyến QL Pháp Vân - Cầu Giẽ	DGT	1,26		1,26	Quận Hoàng Mai	2022
1501	Dự án Xây dựng hầm chui tại nút giao giữa đường Vành đai 2,5 với đường Giải Phóng (Quốc Lộ 1A)	DGT	3,00		3,00	Quận Hoàng Mai	2022
1502	Giải phóng mặt bằng tuyến đường B=21,5m (dài khoảng 85m) nằm ngoài ranh giới dự án Khu thương mại dịch vụ, công cộng, nhà ở chung cư cao tầng, cây xanh, bãi đỗ xe và nhà trẻ - Panorama Hà Nội	DGT	0,17		0,17	Quận Hoàng Mai	2022
1503	Mở rộng tuyến đường đoạn cạnh chùa Tứ Kỳ, phường Hoàng Liệt	DGT	0,22		0,22	Quận Hoàng Mai	2021
1504	Đường vào trường tiểu học Hoàng Liệt khu Tứ Kỳ	DGT	0,45		0,45	Quận Hoàng Mai	2021
1505	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ nút giao thông đường Tam Trinh đến điểm giao cắt với tuyến đường Minh Khai - Vĩnh Tuy - Yên Duyên	DGT	2,10		2,10	Quận Hoàng Mai	2021
1506	Dự án xây dựng tuyến đường 2,5 (Đoạn từ Đàm Hồng đến Quốc lộ 1A)	DGT	3,65		3,65	Quận Hoàng Mai	2021
1507	Dự án nâng cấp, mở rộng đường Lĩnh Nam	DGT	9,83		9,83	Quận Hoàng Mai	2021
1508	Dự án xây dựng 1/2 cầu Đền Lừ và tuyến đường 2,5 phía bắc khu công nghiệp Vĩnh Tuy	DGT	2,11		2,11	Quận Hoàng Mai	2021
1509	Bãi đỗ xe công cộng tại ô đất C11/P2 phường Yên Sở	DGT	1,16		1,16	Quận Hoàng Mai	2021

1510	Dự án xây dựng tuyến đường từ 2,5 đến UBND phường Hoàng Văn Thụ	DGT	1,57		1,57	Quận Hoàng Mai	2021
1511	Bãi đỗ xe thông minh tại khu Đèn Lừ III (B3/P2)	DGT	0,16		0,16	Quận Hoàng Mai	2021
1512	Dự án xây dựng tuyến đường vào chợ dân sinh Lĩnh Nam	DGT	0,34		0,34	Quận Hoàng Mai	2021
1513	Dự án xây dựng tuyến đường vào trường tiểu học chất lượng cao Yên Sở	DGT	0,35		0,35	Quận Hoàng Mai	2021
1514	Dự án xây dựng tuyến đường từ Sông Gạo đến đê Sông Hồng	DGT	6,50		6,50	Quận Hoàng Mai	2021
1515	Bãi đỗ xe tại ô đất có quy hoạch D3/P1 thuộc QHPK H2-4 phía đông bắc tiếp giáp với nghĩa trang Yên Duyên, phía Tây giáp dự án khu phối hợp thương mại, nhà cao tầng	DGT	0,57		0,57	Quận Hoàng Mai	2021
1516	Dự án xây dựng tuyến đường nối tiếp đường từ phía đông khu hành chính quận Hoàng Mai đến đường Tam Trinh (đoạn từ khu đô thị Đồng Tàu đến đường Tam Trinh)	DGT	5,90		5,90	Quận Hoàng Mai	2021
1517	Dự án xây dựng các tuyến đường vào trường THCS Tiểu Học, Mầm Non Định Công theo quy hoạch	DGT	0,90		0,90	Quận Hoàng Mai	2022
1518	Xây dựng các tuyến đường xung quanh bãi đỗ xe và trung tâm thương mại Aeonmall Hoàng Mai, quận Hoàng Mai.	DGT	5,95		5,95	Quận Hoàng Mai	2021
1519	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối đường Pháp Vân-Cầu Giẽ với đường Vành đai 3	DGT	14,84		14,84	Quận Hoàng Mai	2022
1520	GPMB và xây dựng hạ tầng ô đất đấu giá G1/ODK2, phường Thanh Trì	DGT	1,44		1,44	Quận Hoàng Mai	2021
1521	Xây dựng đường vào cảng Khuyến Lương	DGT	14,67		14,67	Quận Hoàng Mai	2022
1522	Dự án xây dựng tuyến đường Minh khai - Vĩnh Tuy - Yên Duyên nối tiếp đoạn từ đường Vành đai 2,5 đến đường Vành đai 3	DGT	8,40		8,40	Quận Hoàng Mai	2022
1523	Dự án xây dựng tuyến đường giao thông vào trường mầm non Hoàng Liệt ô đất F6/NT1	DGT	0,35		0,35	Quận Hoàng Mai	2022
1524	Dự án xây dựng tuyến đường vào trường tiểu học Lĩnh Nam tại ô quy hoạch G2/TH1	DGT	1,20		1,20	Quận Hoàng Mai	2022

1525	Dự án xây dựng tuyến đường từ ngách 95/15 phố Nam Dư đến cuối ngõ 47 phố Nam Dư theo quy hoạch	DGT	0,75		0,75	Quận Hoàng Mai	2022
1526	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường theo quy hoạch (từ dự án nhà ở cao tầng kết hợp dịch vụ thương mại - ECO LAKE VIEW đến khu đô thị mới Đại Kim)	DGT	0,24		0,24	Quận Hoàng Mai	2021
1527	Bãi đỗ xe tại ô đất D1/P1	DGT	0,26	0,26		Quận Hoàng Mai	2022
1528	Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh tuyến đường quy hoạch mặt cắt 17,5m đi qua phần diện tích 3.236m ² đất do trường ĐH Thăng Long đang quản lý để khớp nối hạ tầng kỹ thuật KĐT mới Đại Kim quận Hoàng Mai	DGT	0,32	0,32		Quận Hoàng Mai	2022
1529	Xây dựng cầu Vĩnh Tuy - Giai đoạn 2	DGT	42,00		42,00	Quận Long Biên	2022
1530	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ phố cầu Bấy đến kho 205 (Tổng cục Hậu Cần), phường Sài Đồng.	DGT	0,40		0,40	Quận Long Biên	2022
1531	Xây dựng tuyến đường 13,5m theo quy hoạch từ đường 21m đến hành lang chân đê Đuống - Phù Đổng (ngõ 279 Phúc Lợi), phường Phúc Lợi.	DGT	0,40		0,40	Quận Long Biên	2022
1532	Xây dựng tuyến đường từ khu TĐC đến trường THCS Cự Khối	DGT	0,40		0,40	Quận Long Biên	2022
1533	Xây dựng tuyến đường quy hoạch 13,5m từ đường Nguyễn Văn Linh đến ngã ba sông Cầu Bấy	DGT	1,00		1,00	Quận Long Biên	2022
1534	Xây dựng: Tuyến đường từ đê sông Hồng đến đường gom cầu Thanh Trì (Đường 25m Vinaconex)	DGT	3,00		3,00	Quận Long Biên	2022
1535	Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật tuyến đường từ ngõ 94 Thượng Thanh đến ngõ 99 Đức Giang	DGT	1,25		1,25	Quận Long Biên	2022
1536	Chỉnh trang HTKT ô đất tại ô quy hoạch E.5/P1 phụ cận tuyến đường Cổ Linh, tuyến đường quy hoạch 17,5m.	DGT	1,68		1,68	Quận Long Biên	2022
1537	Xây dựng tuyến đường 40m nối từ đường Nguyễn Văn Cừ đến hết khu tái định cư phường Ngọc Thụy, quận Long Biên	DGT	6,06		6,06	Quận Long Biên	2022
1538	Cải tạo, xây dựng HTKT khu Đấu và vườn Hồ phường Cự Khối	DGT	0,08		0,08	Quận Long Biên	2022
1539	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch 13,5m qua nhà văn hóa tổ 5, 6 phường Long Biên, quận Long Biên.	DGT	0,08		0,08	Quận Long Biên	2022

1540	Xây dựng tuyến đường nối từ QL1B vào khu đô thị mới Việt Hưng (bao gồm cả HTKT hai bên đường)- Phần bổ sung	DGT	0,30		0,30	Quận Long Biên	2022
1541	Xây dựng tuyến đường 13,5m theo quy hoạch từ đường 25m đến ngõ Hòa Bình phường Cự Khối, quận Long Biên	DGT	0,25		0,25	Quận Long Biên	2022
1542	Cải tạo, nâng cấp ngõ 66 Thanh Am, phường Thượng Thanh, quận Long Biên	DGT	0,50		0,50	Quận Long Biên	2022
1543	Xây dựng tuyến đường 17,5m theo quy hoạch từ đường Lý Sơn đến phố Đức Giang (giáp chợ Đức Hòa), phường Thượng Thanh, quận Long Biên	DGT	1,50		1,50	Quận Long Biên	2022
1544	Xây dựng tuyến đường 13,5m theo quy hoạch đoạn từ ngõ Hòa Bình đến phố Xuân Đỗ, phường Cự Khối, quận Long Biên	DGT	0,17		0,17	Quận Long Biên	2022
1545	Xây dựng tuyến đường quy hoạch 13,5m dọc mương từ đường 40m đến đường hành lang chân đê, phường Thượng Thanh, quận Long Biên	DGT	2,20		2,20	Quận Long Biên	2022
1546	Xây dựng đường hành lang chân đê, chỉnh trang mái đê tuyến đê hữu Đuống, đoạn từ đình Hội Xá đến cầu Phù Đồng phường Phúc Lợi, quận Long Biên.	DGT	3,50		3,50	Quận Long Biên	2022
1547	Xây dựng đường hành lang chân đê, chỉnh trang mái đê tuyến đê hữu Đuống, đoạn từ cầu Đuống đến đình Hội Xá phường Đức Giang và Giang Biên, quận Long Biên.	DGT	4,20		4,20	Quận Long Biên	2022
1548	Cải tạo hệ thống giao thông, thoát nước dọc tuyến mương Gia Quất, phường Ngọc Thụy, quận Long Biên	DGT	0,45		0,45	Quận Long Biên	2022
1549	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ ngõ Hạnh Phúc đến đường gom cầu Thanh Trì, phường Cự Khối, quận Long Biên	DGT	0,60		0,60	Quận Long Biên	2022
1550	Xây dựng tuyến đường 15,5m theo quy hoạch từ đường 21m đến hành lang chân đê Đuống - Phù Đồng (giáp UBND phường Phúc Lợi), phường Phúc Lợi, quận Long Biên.	DGT	0,70		0,70	Quận Long Biên	2022

1551	Xây dựng tuyến đường từ ô quy hoạch G.7/CC5 đến đường 25m phường Cự Khối, quận Long Biên (GD2)	DGT	0,25		0,25	Quận Long Biên	2022
1552	Xây dựng tuyến đường 40m&48m nối từ khu đô thị Việt Hưng ra đường Ngô Gia Tự, quận Long Biên	DGT	3,50		3,50	Quận Long Biên	2022
1553	Đầu tư, cải tạo nâng cấp các tuyến đường xung quanh chợ Gia Lâm	DGT	0,50		0,50	Quận Long Biên	2022
1554	Mở rộng tuyến đường ngõ 94 phố Thượng Thanh (đoạn từ trường Lý Thường Kiệt đến cuối nhà văn hóa tổ 8,9,15 phường Thượng	DGT	0,25		0,25	Quận Long Biên	2022
1555	Xây dựng tuyến đường 25m từ khu TTTM Gia Thụy đến đường 40m khu đô thị mới Việt Hưng	DGT	1,40		1,40	Quận Long Biên	2022
1556	Xây dựng tuyến đường quy hoạch 13,5m dọc đường tàu từ đường Lý Sơn đến đường 40m quy hoạch, phường Thượng Thanh, Đức	DGT	2,00		2,00	Quận Long Biên	2022
1557	Xây dựng tuyến đường gom từ cầu Thanh Trì đến cầu vượt Phú Thị. huyện Gia Lâm	DGT	12,37		12,37	Quận Long Biên	2022
1558	Xây dựng tuyến đường theo QH dọc đường Gia Thụy - Cầu Bấy từ khu đấu giá thạch bản đến hầm chui đường vành đai 3	DGT	1,80		1,80	Quận Long Biên	2022
1559	Xây dựng 3 tuyến đường theo quy hoạch (01 tuyến đường 13.0m nối từ đường dê tả Hồng hữu Đuống đến đường 40m Ngọc Thụy. 01 tuyến từ ngõ 66 Ngọc Thụy đến đường 40m Ngọc Thụy và 01 tuyến 13.5m từ ngõ 140 Ngọc Thụy đến hết ô A.8/NT2)	DGT	1,80		1,80	Quận Long Biên	2022
1560	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ công ty may X20 đến khu công viên công nghệ thông tin. phường Phúc Đồng	DGT	1,00		1,00	Quận Long Biên	2022
1561	Đầu tư xây dựng 03 tuyến đường B=17.5m (L=1050m); B=22m (L=356m). B=40m (L=830m) từ Ngô Gia tự đến khu đô thị Thượng Thanh. quận Long Biên	DGT	7,00		7,00	Quận Long Biên	2022
1562	Xây dựng tuyến đường 13.5m theo quy hoạch từ ngõ 640 Nguyễn Văn Cừ qua trường Mầm non Gia Thụy đến ngõ 720 Nguyễn Văn Cừ. phường Gia Thụy. quận Long Biên.	DGT	0,85		0,85	Quận Long Biên	2022

1563	Đầu tư điều chỉnh nút giao giữa dự án cầu Thanh Trì với Quốc lộ	DGT	0,20		0,20	Quận Long Biên	2022
1564	Xây dựng tuyến đường 13,0m theo quy hoạch dọc mương thoát nước (giáp khu công nghiệp Đài Tư), phường Phúc Lợi	DGT	1,70		1,70	Quận Long Biên	2022
1565	Xây dựng tuyến đường 13,5m theo quy hoạch từ ngõ 99 Đức Giang đến bảo tàng vũ khí, phường Thượng Thanh	DGT	0,20		0,20	Quận Long Biên	2022
1566	Xây dựng tuyến đường 13,5m từ ao ngõ 53 Vũ Xuân Thiều đến ngõ 42 Sài Đồng, phường Sài Đồng	DGT	0,30		0,30	Quận Long Biên	2022
1567	Xây dựng 02 tuyến đường 13,5m theo quy hoạch từ đường Nguyễn Sơn đến đường 22m phường Bồ Đề	DGT	0,80		0,80	Quận Long Biên	2022
1568	Hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật 02 tuyến đường 25m, 30m phụ cận ô đất B.2/CCKO theo quy hoạch, phường Thượng Thanh, quận Long Biên	DGT	1,20		1,20	Quận Long Biên	2022
1569	Xây dựng tuyến đường 16,25m theo quy hoạch từ đường 21m đến hành lang chân đê Đuống - Phù Đổng, phường Phúc Lợi, quận Long Biên	DGT	0,90		0,90	Quận Long Biên	2022
1570	Xây dựng tuyến đường 13,5m theo quy hoạch từ ngõ 564 Nguyễn Văn Cừ đến ngõ 640 Nguyễn Văn Cừ, phường Gia Thụy, quận Long Biên.	DGT	0,15		0,15	Quận Long Biên	2022
1571	Hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật ô đất G.4/P3 phường Thạch Bàn, quận Long Biên	DGT	0,72		0,72	Quận Long Biên	2022
1572	Xây dựng tuyến đường 22m, 17,5m theo QH từ đường QH 40m đến khu tái định cư Thượng Thanh, quận Long Biên.	DGT	0,80		0,80	Quận Long Biên	2022
1573	Xây dựng tuyến đường 22m theo quy hoạch từ ô B.2/LX1 đến phố Đức Giang, phường Đức Giang, Thượng Thanh, quận Long Biên.	DGT	2,00		2,00	Quận Long Biên	2022
1574	Nâng cấp, cải tạo tuyến phố Đức Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên.	DGT	2,10		2,10	Quận Long Biên	2022
1575	Xây dựng tuyến đường 17,5m theo quy hoạch từ phố Đức Giang đến đường QH 40m và 02 tuyến đường 17.0m từ đường 17,5m đến hành lang chân đê Nam Đuống, phường Thượng Thanh, quận Long Biên.	DGT	1,50		1,50	Quận Long Biên	2022

1576	Xây dựng tuyến đường 17,5m theo QH từ ô QH A4/NO2 đến Trường THCS Ngọc Thụy, quận Long Biên.	DGT	0,60		0,60	Quận Long Biên	2022
1577	Xây dựng tuyến đường 22m theo quy hoạch từ phố Hoàng Như Tiếp đến phố Lâm Hạ và tuyến đường 17,5m theo quy hoạch từ phố Hoàng Như Tiếp đến phố Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên.	DGT	2,00		2,00	Quận Long Biên	2022
1578	Hoàn chỉnh HTKT các ô đất A.4/CCKO1, A.4/P2 và tuyến đường 17,5m phụ cận tuyến đường 40m phường Ngọc Thụy, quận Long Biên.	DGT	1,40		1,40	Quận Long Biên	2022
1579	Mở rộng tuyến đường Vũ Xuân Thiều, phường Sài Đồng, Phúc Lợi, quận Long Biên;	DGT	2,50		2,50	Quận Long Biên	2022
1580	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đường Huỳnh Tấn Phát đến đường Thạch Bàn, quận Long Biên	DGT	1,10		1,10	Quận Long Biên	2022
1581	Xây dựng tuyến đường 17,5m theo quy hoạch từ ô quy hoạch A.2/HH1 đến ô quy hoạch A.2/HH2 và từ đường 40m đến ô quy hoạch A.2/CX1 phường Ngọc Thụy, phường Thượng Thanh, quận Long Biên	DGT	1,70		1,70	Quận Long Biên	2022
1582	Xây dựng các tuyến đường 17,5m, 22m khớp nối với khu đô thị Thạch Bàn và khu đấu giá Thạch Bàn, phường Thạch Bàn	DGT	5,20		5,20	Quận Long Biên	2022
1583	Xây dựng các tuyến đường theo quy hoạch có mặt cắt: 20,5m tiếp giáp ô đất A.4/HH4, A.4/CCKO, A.5/LX7 và 17,5m giáp ô đất A.4/THPT, phường Thượng Thanh, Ngọc Thụy, quận Long Biên	DGT	1,80		1,80	Quận Long Biên	2022
1584	Xây dựng đường 5 kéo dài và các ô quy hoạch hai bên đường	DGT	0,60		0,60	Quận Long Biên	2022
1585	Dự án xây dựng tuyến đường từ đê Ngọc Thụy đến khu đô thị mới Thượng Thanh, quận Long Biên theo hình thức hợp đồng BT (dự án BT)	DGT	3,97		3,97	Quận Long Biên	2022
1586	Ô đất C.9/P3-2 phường Việt Hưng (đấu giá xây dựng bãi đỗ xe)	DGT	0,75		0,75	Quận Long Biên	2022

1587	Các ô đất DX04; DX-04A và DX-04B trong khu đô thị mới Việt Hưng (đầu giá xây dựng bãi đỗ xe).	DGT	4,50		4,50	Quận Long Biên	2022
1588	Ô đất DX04 dọc đường tàu (đầu giá xây dựng bãi đỗ xe).	DGT	0,25		0,25	Quận Long Biên	2022
1589	Chỉnh trang HTKT ô đất thuộc ô quy hoạch A.4/LX1, A.4/P1 phường Ngọc Thụy	DGT	0,51		0,51	Quận Long Biên	2022
1590	Chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật các ô quy hoạch C.6/CC1, C.6/CC2, C.6/CC3, C.6/P1, C.6/P2 phường Giang Biên và D.2/LX1 phường Phúc Lợi, quận Long Biên, Hà Nội	DGT	1,96		1,96	Quận Long Biên	2022
1591	Xây dựng tuyến đường 13,5m theo quy hoạch từ đường Nguyễn Văn Cừ đến giao với ngách 564/32 (ngõ 564 Nguyễn Văn Cừ), phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.	DGT	1,04		1,04	Quận Long Biên	2022
1592	Xây dựng tuyến đường 13,5m theo quy hoạch từ đường Cổ Linh đến ô quy hoạch G.4/THPT và G.4/P2 phường Thạch Bàn, quận Long Biên	DGT	1,15		1,15	Quận Long Biên	2022
1593	Dự án nâng cấp tuyến vận tải thủy sông Đuống (cầu đường sắt Đuống)	DGT	1,70		1,70	Quận Long Biên	2022
1594	Xây dựng tuyến đường 17,5m theo quy hoạch từ ô QH A4/NO2 đến Trường THCS Ngọc Thụy	DGT	0,60		0,60	Quận Long Biên	2021-2025
1595	Xây dựng tuyến đường 17,5m theo quy hoạch từ phố Đức Giang đến đường QH 40m và 02 tuyến đường 17,0m từ đường 17,5m đến hành lang chân đê Nam Đuống.	DGT	1,40		1,40	Quận Long Biên	2021-2025
1596	Xây dựng tuyến đường 22m theo quy hoạch từ phố Hoàng Như Tiếp đến phố Lâm Hạ và tuyến đường 17,5m theo quy hoạch từ phố Hoàng Như Tiếp đến phố Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề	DGT	2,00		2,00	Quận Long Biên	2021-2025
1597	Nâng cấp, cải tạo tuyến phố Đức Giang, phường Đức Giang.	DGT	2,30		2,30	Quận Long Biên	2021-2025
1598	Xây dựng tuyến đường 22m theo quy hoạch từ ô B.2/LX1 đến phố Đức Giang, phường Đức Giang, Thượng Thanh, quận Long Biên	DGT	2,00		2,00	Quận Long Biên	2021-2025
1599	Mở rộng tuyến đường Vũ Xuân Thiều, phường Sài Đồng, Phúc Lợi, quận Long Biên	DGT	2,30		2,30	Quận Long Biên	2021-2025

1600	Xây dựng tuyến đường 17,5m theo quy hoạch từ đường Đặng Vũ Hỷ đến ô quy hoạch B.5/THCS, phường Thượng Thanh, quận Long Biên	DGT	0,53		0,53	Quận Long Biên	2023-2025
1601	Xây dựng tuyến đường 13,5m theo quy hoạch từ đường quy hoạch 30m đến phố Đức Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên	DGT	0,73		0,73	Quận Long Biên	2023-2025
1602	Xây dựng tuyến đường 13,5m theo quy hoạch từ ngõ 564 Nguyễn Văn Cừ đến ngõ 640 Nguyễn Văn Cừ, phường Gia Thụy, quận Long Biên	DGT	0,70		0,70	Quận Long Biên	2021-2025
1603	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch 13,5m từ trường THCS Phúc Đồng đến phố Mai Phúc phường Phúc Đồng	DGT	1,00		1,00	Quận Long Biên	2021-2025
1604	Mở rộng các cửa khẩu đê trên địa bàn quận Long Biên	DGT	0,50		0,50	Quận Long Biên	2021-2025
1605	Xây dựng tuyến đường 13,5m theo QH từ đường 40m Khai Sơn đến đường 25m phường Đức Giang	DGT	0,80		0,80	Quận Long Biên	2021-2025
1606	Lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 cảng Giang Biên	DGT	93,00		93,00	Quận Long Biên	2021-2025
1607	Xây dựng tuyến đường 30m theo quy hoạch từ phố Đào Văn Tập đến đường Phúc Lợi và tuyến đường 25m theo quy hoạch từ phố Đình Đức Thiện đến đường Phúc Lợi, quận Long Biên.	DGT	1,70		1,70	Quận Long Biên	2021-2025
1608	Xây dựng tuyến đường 25m theo Quy hoạch từ trường phổ thông song ngữ liên cấp Wellspring đến hành lang chân đê Bồ Đề, phường Bồ Đề, quận Long Biên	DGT	0,90		0,90	Quận Long Biên	2021-2025
1609	Xây dựng tuyến đường 30m theo quy hoạch từ đê Ngọc Thụy đến đường quy hoạch 40m Ngọc	DGT	1,40		1,40	Quận Long Biên	2021-2025
1610	Xây dựng tuyến đường 30m theo quy hoạch từ ô QH B.2/P2 đến đường hành lang chân đê Thượng Thanh, phường Đức Giang - Thượng Thanh, Quận Long Biên.	DGT	3,60		3,60	Quận Long Biên	2021-2025
1611	Xây dựng tuyến đường 25m, 30m theo quy hoạch từ Đê sông Hồng đến khu đô thị Thạch Bàn, phường Thạch Bàn	DGT	3,00		3,00	Quận Long Biên	2021-2025
1612	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch 25m từ đường Ngô Gia Tự đến Đình Lê Mật, phường Đức Giang	DGT	2,50		2,50	Quận Long Biên	2021-2025

1613	Xây dựng tuyến đường 25m theo quy hoạch từ đường Cổ Linh đến đường 25m Cự Khối, phường Thạch Bàn, quận Long Biên.	DGT	2,50		2,50	Quận Long Biên	2021-2025
1614	Xây dựng tuyến đường Vạn Hạnh kéo dài, và GPMB san nền sơ bộ, lập quy hoạch ô C6/CXTP phường Đức Giang, Giang Biên	DGT	44,00		44,00	Quận Long Biên	2021-2025
1615	Xây dựng tuyến đường 30m nối từ phố Ngô Gia Khảm đến ô đất A.3/CCTP1 và tuyến đường 30m từ ô đất A.4/CCKO2 đến đường 30m, tại các phường Thượng Thanh, Ngọc Thụy, Ngọc Lâm, quận Long Biên.	DGT	4,30		4,30	Quận Long Biên	2021-2025
1616	Chỉnh trang đô thị tuyến đường hành lang chân đê từ cầu Chương Dương tới ngõ 405 Ngọc Thụy	DGT	2,00		2,00	Quận Long Biên	2021-2025
1617	Xây dựng tuyến đường 13,5m theo quy hoạch tại ngõ 544 Nguyễn Văn Cừ, phường Gia	DGT	0,90		0,90	Quận Long Biên	2021-2025
1618	Xây dựng tuyến đường nối từ phố Trường Lâm đến đường 40m theo QH, phường Đức Giang	DGT	0,50		0,50	Quận Long Biên	2021-2025
1619	Xây dựng tuyến đường từ đường số 7 sang đường Vũ Xuân Thiều kéo dài (trục ngang giáp công an phường)	DGT	0,30		0,30	Quận Long Biên	2021-2025
1620	Xây dựng tuyến đường 13,5m sát đường tàu và ngõ 399 Ngọc Lâm (nối từ ngõ 481/1 đến đường Long Biên 1) phường Ngọc Lâm	DGT	2,00		2,00	Quận Long Biên	2021-2025
1621	Cải tạo, mở rộng ngõ 323 Nguyễn Văn Cừ, phường Ngọc Lâm	DGT	0,40		0,40	Quận Long Biên	2021-2025
1622	Xây dựng tuyến đường 40m; 30m theo QH từ Nguyễn Thời Trung đến Đường cổ Linh, quận Long Biên	DGT	4,30		4,30	Quận Long Biên	2021-2025
1623	Xây dựng tuyến đường 13,5m từ Gia Thụy đến khu CNTT phường Phúc Đồng	DGT	2,30		2,30	Quận Long Biên	2021-2025
1624	Chỉnh trang HTKT ô đất thuộc ô quy hoạch A.4/CX1, A.4/CL1, A.5/LX5, A.4/P5 phường Thượng Thanh, quận Long Biên	DGT	2,00		2,00	Quận Long Biên	2022
1625	Xây dựng các tuyến đường theo quy hoạch có mặt cắt 20,5m tiếp giáp ô quy đất A.4/HH4, A.4/CCKO, A.5/LX7 và B=17,5m giáp ô quy đất A.4/THPT phường Thượng Thanh, Ngọc Thụy, quận Long Biên	DGT	2,90		2,90	Quận Long Biên	2021-2025

1626	Giải phóng mặt bằng, chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật ô đất thuộc ô quy hoạch G.2/CCK0. G.2/P1 phụ cận tuyến đường Cổ Linh. đường dẫn cầu Vĩnh Tuy phục vụ đấu giá QSD đất. phường Long Biên	DGT	1,35		1,35	Quận Long Biên	2022
1627	Các ô quy hoạch G4/CCTP1, G4/CCTP2, G4/CCTP3, G4/NO3, G.4/P1, G5/CCTP1, G5/CCTP2, G5/NO3, G5/NO4, G5/NO5, G5/NO15, G5/CC1 để đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án	DGT	15,86		15,86	Quận Long Biên	2022
1628	Giải phóng mặt bằng, chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật ô quy hoạch E.1/CC4, E.1/P2 phường Gia Thụy, quận Long Biên	DGT	0,70		0,70	Quận Long Biên	2022
1629	Ô đất G.2/P5, G.2/CCKO phường Thạch Bàn (đấu giá xây dựng bãi đỗ xe, công trình công cộng, thương mại, dịch vụ)	DGT	0,60		0,60	Quận Long Biên	2022
1630	Xây dựng HTKT các ô đất thuộc khu quy hoạch C14 (gồm C14/NO4, C14/NO5, C14/NO6, C14/CC1, C14/CC2, C14/CX3, C14/TH1, C14/THCS1, C14/NT3) và các tuyến đường phụ cận phục vụ công tác đấu giá QSD đất tại phường Phúc Đồng, quận Long Biên	DGT	3,50		3,50	Quận Long Biên	2022
1631	Xây dựng HTKT các ô quy hoạch G7/NO1, G7/NO2, G7/P1, G7/P2 (bao gồm tuyến đường liên kề) dọc tuyến đường từ đê sông Hồng đến đường gom cầu Thanh Trì-phường Thạch Bàn, Cự Khối, quận Long Biên (đấu giá xây dựng đất ở và bãi đỗ xe)	DGT	0,30		0,30	Quận Long Biên	2022
1632	Xây dựng HTKT các ô đất thuộc khu quy hoạch C12, C13 và các tuyến đường phụ cận phục vụ công tác đấu giá quyền sử dụng đất tại phường Phúc Đồng. Việt	DGT	19,40		19,40	Quận Long Biên	2022
1633	Hoàn chỉnh HTKT, GPMB ô quy hoạch E.3/CCKO1 phụ cận tuyến đường 40m, 22m phường Bồ Đề, quận Long Biên	DGT	1,20		1,20	Quận Long Biên	2022
1634	Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật ô quy hoạch A.5/P phường Thượng Thanh, quận Long Biên	DGT	0,50		0,50	Quận Long Biên	2023-2025
1635	Cải tạo, chỉnh trang HTKT ô quy hoạch D.4/HT, D.4/CL1 phường Việt Hưng, quận Long Biên	DGT	2,10		2,10	Quận Long Biên	2023-2025

1636	Cải tạo, chỉnh trang HTKT ô quy hoạch E.2/CX phường Bồ Đề, quận Long Biên	DGT	2,40		2,40	Quận Long Biên	2023-2025
1637	Dự án đầu tư xây dựng bãi đỗ xe và dịch vụ tại phường Xuân Phương	DGT	0,10		0,10	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1638	Xây dựng Bãi đỗ xe và nhà trẻ tại khu vực Tây Nam Nhân Mỹ	DGT	0,61		0,61	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1639	Xây dựng bãi đỗ xe tại ô đất ký hiệu D24 khu đô thị mới Cầu	DGT	0,79		0,79	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1640	Cải tạo, xây dựng kè kết hợp tuyến đường giao thông hai bên bờ ngòi Tùng Khê, quận Nam Từ Liêm	DGT	10,20		10,20	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1641	Dự án xây dựng bãi đỗ xe tự động kết nối IPARKING của Thành phố tại ô đất có ký hiệu ĐX tiếp giáp lô đất 11-E6 đường Phạm Hùng	DGT	0,12	0,12		Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1642	Xây dựng tuyến đường Mễ Trì Hạ kéo dài đến đường Đỗ Đức Dục	DGT	0,45		0,45	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1643	Xây dựng tuyến đường từ đường Vũ Quỳnh kéo dài đến dự án C46	DGT	0,40		0,40	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1644	Xây dựng tuyến đường vào khu đấu giá ĐG1 phường Mỹ Đình 2	DGT	0,29		0,29	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1645	Xây dựng và đấu nối HTKT ô đất E2 khu đô thị mới Cầu Giấy (tuyến 1 và tuyến 3)	DGT	0,08		0,08	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1646	Xây dựng đường xung quanh Làng Giáo dục Quốc tế ra đường ven sông cầu Ngà (dự án tuyến đường từ Trạm bơm cầu Ngà qua đường 70 đến hết địa phận Nam Từ Liêm)	DGT	0,65		0,65	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1647	Xây dựng tuyến đường từ chợ Canh (đường Phương Canh) đến khu đô thị Xuân Phương (Khu nhà ở sinh thái Xuân Phương)	DGT	0,78		0,78	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1648	Cổng hóa thành mương kín Mương dọc cạnh đường Phương Canh (sát tường rào liên đoàn địa chất Xạ hiểm)	DGT	0,25		0,25	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1649	Xây dựng tuyến đường nối từ trường THCS Nam Từ Liêm đi Quốc Lộ 32 (đoạn hết địa phận quận Nam Từ Liêm)	DGT	4,28		4,28	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1650	Xây dựng tuyến đường nối từ đường Lê Đức Thọ đến khu đô thị mới Xuân Phương (điểm cuối giao với đường 70)	DGT	18,10	17,10	1,00	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1651	Đầu tư, nâng cấp mở rộng đường 70 (đoạn từ Trịnh Văn Bô đến hết địa phận quận Nam Từ Liêm)	DGT	24,20		24,20	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025

1652	Xây dựng đường từ đường Tổ Hữu đến đường 70 kéo dài (đoạn từ làng Vạn Phúc, quận Hà Đông đến TDP Tháp, phường Đại Mỗ)	DGT	6,20		6,20	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1653	Xây dựng tuyến đường để khốp nổi hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tổ dân phố 13 tới đường K2 sang tổ dân phố 15, phường Cầu Diễn	DGT	0,79		0,79	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1654	Dự án xây dựng cầu qua Sông Nhuệ trên tuyến đường Dịch Vọng - Phú Mỹ - Cầu Diễn và đường nối ra Quốc lộ 32	DGT	3,19		3,19	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1655	Cải tạo, mở rộng đường Nguyễn Đồng Chi và đường từ khu Liên Cơ qua đường Nguyễn Đồng Chi đến Khu đô thị Thành phố Xanh, quận Nam Từ Liêm	DGT	0,95		0,95	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1656	Xây dựng tuyến đường từ trung tâm VHTT phường Đại Mỗ đến đường 70 kéo dài	DGT	0,65		0,65	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1657	Dự án xây dựng hạ tầng xã hội và hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật thuộc khu chức năng đô thị Tây Nam đường 70, phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm	DGT	2,70		2,70	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1658	Khốp nổi hạ tầng kỹ thuật khu đô thị Dương Nội	DGT	1,80		1,80	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1659	Đầu tư, XD tuyến đường Lê Quang Đạo kéo dài (đoạn từ Đại Lộ Thăng Long, Q. Nam Từ Liêm đến vị trí ranh giới với KĐT Dương Nội Q. Hà Đông)	DGT	15,10		15,10	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1660	Cải tạo, mở rộng tuyến đường từ Đại lộ Thăng Long đến đường 70 (đoạn qua vị trí cầu Đồi, phường Đại Mỗ)	DGT	2,98	2,93	0,05	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1661	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật đường Lương Thế Vinh kéo dài (Hồ Mễ Trì-Đại lộ Thăng Long)	DGT	0,57		0,57	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1662	Hoàn thiện các tuyến đường xung quanh khu đất dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện và Trung tâm thương mại tại phường Dương Nội, quận Hà Đông và phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm	DGT	0,72		0,72	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1663	Xây dựng tuyến đường từ đường Vũ Quỳnh đến đường Lê Đức Thọ - Phạm Hùng (đoạn sau khu Trung tâm thể thao dưới nước)	DGT	7,30		7,30	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025

1664	Xây dựng tuyến đường kết nối Hoài Đức và quận Nam Từ Liêm từ trục Trung tâm Khu đô thị Vân Canh với đường Trần Hữu Dực quận Nam Từ Liêm và đường Vành đai 3 tại phường Phương Canh	DGT	2,20		2,20	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1665	Xây dựng đường nối từ đường Đỗ Đức Dục đi đường Mễ Trì	DGT	2,90		2,90	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1666	Đầu tư xây dựng đoạn tuyến đường nối từ cầu Mỗ Lao, quận Hà Đông đến đường 70, quận Nam Từ Liêm	DGT	15,20		15,20	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1667	Xây dựng tuyến đường Tổ Hữu đến khu nhà ở Trung Văn đến nút giao đường Lương Thế Vinh - đường Hồ Mễ Trì	DGT	2,11		2,11	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1668	Xây dựng tuyến đường từ trạm bơm Cầu Ngà đến Đại lộ Thăng long	DGT	2,28		2,28	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1669	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ di dân GPMB phía Tây Nam Trường đại học thương mại giai đoạn 2 (mở đường qua khu T2 Tổng cục cảnh sát)	DGT	0,15		0,15	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1670	Phố Nguyễn Văn Giáp đoạn từ Khu đô thị thành phố Xanh ra đường Hồ Tùng Mậu và đoạn từ phố Lưu Hữu Phước kéo dài ra đường Trần Hữu Dực	DGT	1,68		1,68	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1671	Đường K2 từ đường Trần Hữu Dực ra Đại lộ Thăng Long	DGT	5,43		5,43	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1672	Tuyến đường TDP số 4 ra đường Phương Canh	DGT	0,80		0,80	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1673	Mở rộng đường Phúc Diễn (Đoạn từ đường Trịnh Văn Bô đến chùa Linh Ứng và đường từ dự án 49,1 ha đến trạm bơm Cầu Ngà)	DGT	3,50		3,50	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1674	Cải tạo, XD ngõ 390 đường Phương Canh (đoạn từ đường Phương Canh đến Hồ Tam Tỉnh)	DGT	0,08		0,08	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1675	Tuyến đường từ đường Trịnh Văn Bô kéo dài đến khu đầu giá DG1 Phương Canh	DGT	0,50		0,50	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1676	Xây dựng tuyến đường trục TDP Tu Hoàng ra đường 70	DGT	1,50		1,50	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1677	Tuyến đường từ Trần Hữu Dực qua công viên lễ hội , bệnh viện Hạnh Phúc ra đường 32 và tuyến đường từ trung tâm chăm sóc sức khỏe Hoa Sen đến bệnh viện Hạnh Phúc	DGT	5,59		5,59	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025

1678	XD tuyến đường từ TTTT quân đội Bộ quốc phòng đến khu bảo tàng quân sự (bao gồm cả cầu qua sông Nhuệ)	DGT	1,50		1,50	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1679	Cải tạo, mở rộng đường từ khu tái định cư X1 ra dự án H56	DGT	0,53		0,53	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1680	Tuyến đường từ Đại lộ Thăng Long theo sông Nhuệ đến đường Sa Đới đầu nối với khu chức năng đô thị nam Đại lộ Thăng Long	DGT	4,37		4,37	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1681	XD tuyến đường từ đường Phạm Hùng đến đường Lê Đức Thọ	DGT	22,60		22,60	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1682	Cải tạo, mở rộng đường Nguyễn Cơ Thạch (ngõ 25) đến ngõ 2 đường Lê Đức Thọ	DGT	0,50		0,50	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1683	Cải tạo, XD ngõ 66 phố Nguyễn Hoàng (đoạn từ phố Nguyễn Hoàng đến hết TTVHTT phường Mỹ Đình 2)	DGT	0,14		0,14	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1684	Xây dựng tuyến đường Lương Thế Vinh đoạn từ nút giao hồ Mễ Trì đến đường Tố Hữu	DGT	2,10		2,10	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1685	Xây dựng tuyến đường sau trụ sở Bộ Ngoại giao khớp nối tuyến đường dự án công viên giải trí, trường học và tổ hợp nhà ở thương mại-dịch vụ golden Palace	DGT	1,03		1,03	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1686	Tuyến đường từ đường Cương Kiên đến khu nhà ở Trung Văn và đầu ra dự án bãi đỗ xe Mai Linh Đông Đô	DGT	2,94		2,94	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1687	XD tuyến đường từ trạm bơm cầu Ngà đến hết địa phận quận Nam Từ Liêm (tuyến đường ven sông cầu Ngà)	DGT	7,75		7,75	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1688	XD tuyến đường vào trường ĐH Ngoại ngữ	DGT	1,21		1,21	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1689	XD tuyến đường khớp nối HTKT từ đường Tố Hữu ra đường Nguyễn Trãi (đoạn qua dự án khu Cổ Ngựa khu DT Mỗ Lao, quận Nam Từ Liêm)	DGT	3,20		3,20	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1690	Khớp nối khu nhà ở Phùng Khoang đến phố Phùng Khoang	DGT	0,57		0,57	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1691	XD tuyến đường từ đường Tố Hữu đến khu nhà ở Trung Văn	DGT	2,05		2,05	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1692	Tuyến đường Lê Quang Đạo kéo dài ra đường Cương Kiên	DGT	2,90		2,90	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1693	Dự án xây dựng công trình Cầu Cương Kiên	DGT	0,45		0,45	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1694	Cải tạo, mở rộng đường Hữu	DGT	5,20		5,20	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025

1695	XD tuyến đường từ đường 70 qua dự án TTTM phường Đại Mỹ đến đường 70 mới và tuyến đường từ TTTM phường Đại Mỹ đến đường Tổ Hữu	DGT	3,01		3,01	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1696	XD tuyến đường từ đường 70 qua khu nhà ở XH thuộc khu chức năng đô thị Tây Nam đường 70	DGT	4,20		4,20	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1697	Tuyến đường cạnh UBND phường Đại Mỹ	DGT	0,01		0,01	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1698	Tuyến đường từ đường 70 đến khu chức năng đô thị Tây Nam đường 70 và tuyến đường từ khu chức năng đô thị Đại Mỹ đến đường Lê Quang Đạo kéo dài	DGT	4,30		4,30	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1699	Dự án XD bãi đỗ xe tại khu nghĩa trang Mả Hà, phường Đại Mỹ	DGT	0,55		0,55	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1700	Tuyến đường từ khu giãn dân Ngọc Trục đến đường Lê Quang Đạo kéo dài	DGT	1,85		1,85	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1701	Bãi đỗ xe, cây xanh kết hợp dịch vụ thương mại phụ trợ	DGT	0,59		0,59	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1702	Xây dựng tuyến đường Xuân Diệu đến đường Âu cơ tiếp giáp ô 16/P1-15HT1 (theo quy hoạch)	DGT	0,25		0,25	Quận Tây Hồ	2021
1703	Xây dựng tuyến đường đoạn từ ngõ 409 An Dương Vương đến ngõ 343 An Dương Vương	DGT	0,90		0,90	Quận Tây Hồ	2021
1704	Xây dựng tuyến đường 17,5m Phú Thượng	DGT	5,25		5,25	Quận Tây Hồ	2021
1705	Cải tạo, sửa chữa mặt đường tuyến phố Vọng Thị, phường	DGT	0,40		0,40	Quận Tây Hồ	2021
1706	Mở rộng tuyến đường Tô Ngọc Vân theo QH	DGT	0,56		0,56	Quận Tây Hồ	2021
1707	Xây dựng mở rộng tuyến đường giáp ao Sen Công Đoàn	DGT	0,70		0,70	Quận Tây Hồ	2021
1708	Cải tạo, nâng cấp đường Xuân Diệu	DGT	2,76	0,30	2,46	Quận Tây Hồ	2021
1709	Xây dựng tuyến đường ngõ 254 Thụy Khuê	DGT	0,12		0,12	Quận Tây Hồ	2021
1710	Xây dựng tuyến ngõ 343 An Dương Vương	DGT	0,51		0,51	Quận Tây Hồ	2021
1711	Xây dựng tuyến đường ngõ 52 Tô Ngọc Vân, phường Quảng An	DGT	0,35	0,14	0,21	Quận Tây Hồ	2021
1712	Xây dựng tuyến đường Đặng Thai Mai - Giai đoạn 1	DGT	6,50		6,50	Quận Tây Hồ	2021
1713	Mở rộng tuyến đường từ phố Tây Hồ đến phố Quảng Bá	DGT	0,30		0,30	Quận Tây Hồ	2021
1714	Xây dựng vườn hoa, cây xanh xung quanh khu vực Hồ Thủy Sứ dưới	DGT	0,80		0,80	Quận Tây Hồ	2021

1715	Xây dựng tuyến đường từ số nhà 552 Lạc Long Quân đến Công viên nước Hồ Tây (Theo quy hoạch 13,5).	DGT	0,22		0,22	Quận Tây Hồ	2021
1716	Mở rộng tuyến đường đoạn từ đường rừng nhân đến đầm Bầy, quận Tây Hồ	DGT	0,58	0,24	0,34	Quận Tây Hồ	2021
1717	Đầu tư xây dựng đường Văn Cao - Hồ Tây	DGT	4,73	0,72	4,01	Quận Tây Hồ	2021
1718	Xây dựng tuyến đường từ ngõ 38 Xuân La đến Võ Chí Công	DGT	0,40		0,40	Quận Tây Hồ	2021
1719	Xây dựng tuyến đường từ ngõ 38 Xuân La đến đường Nguyễn Hoàng Tôn và Võ Chí Công (02 nhánh)	DGT	0,62		0,62	Quận Tây Hồ	2021
1720	Xây dựng tuyến đường đoạn từ ngõ 343 An Dương Vương đến phố Phú Gia	DGT	1,10		1,10	Quận Tây Hồ	2021
1721	Giải phóng mặt bằng và xây dựng hạ tầng khớp nối tuyến ngõ 175 Lạc Long Quân	DGT	0,10		0,10	Quận Tây Hồ	2021
1722	Xây dựng tuyến đường A4, khu A5 (Khu trung tâm đô thị THT)	DGT	7,78	1,80	5,98	Quận Tây Hồ	2021
1723	XD đường giao thông và sân Nhà thờ An Thái	DGT	0,22		0,22	Quận Tây Hồ	2021
1724	Dự án ĐTXD tuyến ĐSĐT TP Hà Nội. Đoạn chuyển tiếp sau ga C3; Ga ngầm C5	DGT	2,29		2,29	Quận Tây Hồ	2021
1725	Xây dựng 03 tuyến đường khung và quảng trường trung tâm Khu đô thị mới Tây Hồ Tây	DGT	8,10		8,10	Quận Tây Hồ	2021
1726	Xây dựng tuyến đường ngõ 124 Âu Cơ	DGT	1,07		1,07	Quận Tây Hồ	2021
1727	Xây dựng tuyến đường ngõ 612 Lạc Long Quân	DGT	0,64		0,64	Quận Tây Hồ	2021
1728	Xây dựng tuyến đường ngõ 45 Vọng Thị	DGT	0,34		0,34	Quận Tây Hồ	2021
1729	Xây dựng tuyến đường ngõ 52 Tô Ngọc Vân phường Quảng An	DGT	0,35		0,35	Quận Tây Hồ	2021-2025
1730	Xây dựng tuyến đường Đặng Thai Mai	DGT	9,00		9,00	Quận Tây Hồ	2021-2025
1731	Mở rộng tuyến đường đoạn từ phố Tây Hồ đến phố Quảng Bá	DGT	0,30		0,30	Quận Tây Hồ	2021-2025
1732	GPMB và xây dựng tường rào chống lấn chiếm tại điểm đất đường Nguyễn Văn Huyền kéo dài trên địa bàn phường Xuân La.	DGT	1,00		1,00	Quận Tây Hồ	2023
1733	Xây dựng tuyến đường từ cuối ngõ 431 Âu Cơ đến Đầm Bầy, phường Nhật Tân.	DGT	1,20		1,20	Tây Hồ	2023
1734	Xây dựng tuyến đường từ ngõ 431 đến Đầm Bầy (theo quy hoạch)	DGT	0,20		0,20	Quận Tây Hồ	2021-2025

1735	Ngõ 67 Tô Ngọc Vân	DGT	0,50		0,50	Quận Tây Hồ	2021-2025
1736	Đường Tô Ngọc Vân (15,5-17,5m)	DGT	0,35		0,35	Quận Tây Hồ	2021-2025
1737	HTKT quanh Hồ Tây 18 km	DGT	3,10		3,10	Quận Tây Hồ	2021-2025
1738	Ngõ 248 Thụy Khuê	DGT	0,10		0,10	Quận Tây Hồ	2021-2025
1739	Xây dựng vườn hoa, cây xanh xung quanh khu vực Hồ Thủy Sứ dưới	DGT	0,80		0,80	Quận Tây Hồ	2021-2025
1740	Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư các dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật bãi đỗ xe (10 bãi đỗ xe)	DGT	3,25		3,25	Quận Tây Hồ	2021-2025
1741	Tuyến đường ngõ 28 Xuân La	DGT	0,40		0,40	Quận Tây Hồ	2021-2025
1742	Dự án XD 03 tuyến đường khung và quảng trường trung tâm Khu đô thị mới Tây Hồ Tây	DGT	8,10		8,10	Quận Tây Hồ	2021-2025
1743	Đường ngõ 38 Xuân La (gđ 2) (đoạn từ chùa Khai Nguyên đến vành đai 2)	DGT	0,30		0,30	Quận Tây Hồ	2021-2025
1744	Xây dựng tuyến đường ngõ 31 Xuân Diệu (Từ UBND phường ra đầu ngõ Xuân Diệu)	DGT	0,15		0,15	Quận Tây Hồ	2021-2025
1745	Xây dựng đường Lạc Long Quân - Cổng Đồn	DGT	2,50		2,50	Quận Tây Hồ	2021-2025
1746	Cải tạo, nâng cấp đầu nối HTKT khu đất D1, P.Phú Thượng	DGT	1,00		1,00	Quận Tây Hồ	2021-2025
1747	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp tuyến phố An Dương.	DGT	2,40		2,40	Quận Tây Hồ	2021-2025
1748	Xây dựng tuyến đường cạnh công viên nước (Đoạn từ ngõ 612 đến phố Nhật Chiêu)	DGT	0,50		0,50	Quận Tây Hồ	2021-2025
1749	Xây dựng tuyến đường ngõ 123A Thụy Khuê	DGT	0,17		0,17	Quận Tây Hồ	2021-2025
1750	Mở rộng tuyến đường Tô Ngọc Vân theo quy hoạch	DGT	2,00		2,00	Quận Tây Hồ	2021-2025
1751	GPMB và xây dựng hạ tầng khớp nối tuyến ngõ 175 Lạc Long Quân	DGT	0,20		0,20	Quận Tây Hồ	2021-2025
1752	Xây dựng tuyến đường ngõ 41 An Dương Vương	DGT	0,20	0,20		Quận Tây Hồ	2021-2025
1753	Xây dựng tuyến đường ngõ 72 Thụy Khuê	DGT	0,20	0,20		Quận Tây Hồ	2021-2025
1754	Xây dựng tuyến đường ngõ 579 Lạc Long Quân	DGT	0,20	0,20		Quận Tây Hồ	2021-2025
1755	xây dựng 02 tuyến đường kéo dài kết nối từ đường Xuân Diệu đến đường Âu Cơ	DGT	0,40		0,40	Quận Tây Hồ	2021-2025
1756	Mở rộng tuyến Đặng Thai mai vào phủ Tây Hồ	DGT	0,10		0,10	Quận Tây Hồ	2021-2025
1757	Xây dựng đường Văn Cao - Hồ Tây	DGT	4,73		4,73	Quận Tây Hồ	2021-2025

1758	Quy hoạch chi tiết đường trục ngoài đê Hữu Hồng từ đoạn cầu Thăng Long đến cầu Thanh Trì (thực hiện trước phân đoạn từ cầu Nhật Tân đến An Dương và tuyến nối Ba Đình trong giai đoạn 2016 - 2020)	DGT	30,00		30,00	Quận Tây Hồ	2021-2025
1759	Tuyến ĐSĐT số 2, đoạn Nam Thăng Long - Trần Hưng Đạo:	DGT	5,61		5,61	Quận Tây Hồ	2021-2025
1760	Đường đê bồi bãi sông Hồng	DGT	10,95		10,95	Quận Tây Hồ	2021-2025
1761	Trục 6-6 THT (1.050mx30m) song song đường Nguyễn Văn Huyền và Vành đai 2	DGT	3,15		3,15	Quận Tây Hồ	2021-2025
1762	Trục 7A-7A THT (500mx25m)	DGT	1,25		1,25	Quận Tây Hồ	2021-2025
1763	Đường nối Nguyễn Văn Huyền nối dài với Vành đai 2 1-1 (275mx64m)	DGT	1,76		1,76	Quận Tây Hồ	2021-2025
1764	Đường Tô 5A, 5B	DGT	0,27		0,27	Quận Tây Hồ	2021-2025
1765	Đầu tư xây dựng hạ tầng KT xung quanh Hồ Rẻ Quạt	DGT	1,68	0,19	1,49	Quận Thanh Xuân	2022
1766	ĐT XD ngách 168/21 và hẻm 168/21/2 Nguyễn Xiển	DGT	0,21	0,14	0,07	Quận Thanh Xuân	2022
1767	Cải tạo mở rộng theo quy hoạch phố Nguyễn Trãi	DGT	1,51	0,14	1,37	Quận Thanh Xuân	2022
1768	Xây dựng tuyến đường vào cụm 3 Trường Thanh Xuân Nam	DGT	0,63	0,16	0,47	Quận Thanh Xuân	2022
1769	XD sân chơi và bố trí trạm tuần tra tại các thửa đất sau GPMB trên địa bàn p. Hạ Đình	DGT	0,06	0,01	0,06	Quận Thanh Xuân	2022
1770	Đầu tư xây dựng ngõ 140 Khuất Duy Tiến ra đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, quận Thanh Xuân	DGT	0,05		0,05	Quận Thanh Xuân	2022
1771	XD đoạn tuyến đường từ KĐT Royal City đến đường ven sông Tô Lịch và cầu nối sang đường Láng	DGT	0,23	0,17	0,06	Quận Thanh Xuân	2022
1772	Bãi đỗ xe công cộng Hồ Đầm Chuối	DGT	0,26	0,26		Quận Thanh Xuân	2022
1773	Đầu tư xây dựng theo quy hoạch tuyến phố Lê Văn Thiêm	DGT	1,05	1,05		Quận Thanh Xuân	2021
1774	04 Bãi đỗ xe ngầm dưới công viên cây xanh tại các KĐT quận Cầu Giấy và Thanh Xuân	DGT	0,26	0,26		Quận Thanh Xuân	2022
1775	Mở rộng quốc lộ 21 (đoạn từ cầu Quan đến cầu Hòa Lạc)	DGT	26,54		26,54	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
1776	Mở rộng đường tránh QL 32 thị xã Sơn Tây - Hà Nội (Km 0 + 00 đến Km 4 + 633,53)	DGT	20,00		20,00	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
1777	Nâng cấp tuyến đê Hữu Hồng kết hợp làm đường giao thông trên địa bàn thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.	DGT	2,77		2,77	Thị xã Sơn Tây	2022

1778	Cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 414 (đoạn từ ngã ba Vị Thủy đi Xuân Khanh), thị xã Sơn Tây, Hà Nội.	DGT	13,50	5,81	7,69	Thị xã Sơn Tây	2022
1779	Dự án cải tạo, nâng cấp đường tỉnh Tản Lĩnh – Yên Bài đoạn từ Km2+400 đến Km10+500 (nối từ đại lộ Thăng Long kéo dài đến tỉnh lộ 414), huyện Ba Vì, thị xã Sơn Tây.	DGT	2,00		2,00	Thị xã Sơn Tây	2022
1780	Cải tạo nâng cấp tuyến phố Quang Trung	DGT	0,01		0,01	Thị xã Sơn Tây	2023
1781	Đường từ phố Quang Trung đi Đền và phường Trung Hưng	DGT	0,38		0,38	Thị xã Sơn Tây	2023
1782	Cải tạo, nâng cấp tuyến phố Thanh Vỹ (tỉnh lộ 414 đoạn qua nội thị dài 3 km) thị xã Sơn Tây	DGT	10,50	8,67	1,83	Thị xã Sơn Tây	2022
1783	Xây dựng tuyến đường QL 21 đi tỉnh lộ 416	DGT	4,80		4,80	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
1784	Nâng cấp cải tạo tuyến tỉnh lộ 414 đoạn KM 0 + KM 3 thị xã Sơn Tây.	DGT	1,12		1,12	Thị xã Sơn Tây	2022
1785	Mở rộng tuyến đường: QL 32 - Đền Và - Đường tránh QL 32 (L=2,5 km, Bn=20 m)	DGT	1,20		1,20	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
1786	Mở rộng tỉnh lộ 416 (từ QL 21 đến Cầu Kim Sơn) L = 1,5 km, Bnền = 20 m	DGT	1,95		1,95	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
1787	Cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 413 đoạn từ Km0 đến Km5+900, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.	DGT	17,70		17,70	Thị xã Sơn Tây	2022
1788	Nâng cấp cải tạo đường, hệ thống chiếu sáng tuyến đường vào khu xử lý chất thải Xuân Sơn, thị xã Sơn Tây	DGT	1,45		1,45	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
1789	Nâng cấp, mở rộng tỉnh lộ 416 L = 6,1 km, B nền = 20 m	DGT	7,93		7,93	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
1790	Cải tạo đường từ QL21 đi vào trung đoàn 916 - Quân chủng phòng không không quân, xã Cổ Đông (L = 1,9 km, Bnền = 18 m; Bmặt = 8 m)	DGT	1,90		1,90	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
1791	XD bến xe mới Thị xã Sơn Tây	DGT	4,14		4,14	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
1792	Dự án đầu tư xây dựng cầu Ái Mộ Km1+690 Quốc lộ 21 thị xã Sơn Tây	DGT	0,89	0,89		Thị xã Sơn Tây	2022
1793	Đầu tư xây dựng công trình đường trục phát triển thị xã Sơn Tây, lý trình KM13+740,6 đến KM14+704	DGT	1,18	1,18	0,00	Thị xã Sơn Tây	2022
1794	Mở rộng tuyến từ Cổng Ô đến UBND phường. L = 0,7 km, B nền = 10 m	DGT	0,35		0,35	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
1795	Xây dựng cụm cảng Sơn Tây	DGT	15,00	15,00		Thị xã Sơn Tây	2023-2025

1796	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Cộng bắc qua sông Tích, thị xã Sơn Tây	DGT	0,20		0,20	Thị xã Sơn Tây	2022
1797	Công trình cầu Trắng	DGT	0,15		0,15	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
1798	Cải tạo nâng cấp đường từ ngã 5 công Ô đi Phù Sa, Viên Sơn	DGT	0,44		0,44	Thị xã Sơn Tây	2022
1799	Xây dựng tuyến đường từ QL21 (tuyến đường tránh QL32) đi xã Cam Thượng, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.	DGT	12,60		12,60	Thị xã Sơn Tây	2022
1800	Cải tạo, nâng cấp đường, rãnh thoát nước tuyến đường từ tỉnh lộ 418 thôn Đại Quang qua cống Chương đi xã Cổ Đông và đường trục thôn Vạn An xã Sơn Đông	DGT	0,84		0,84	Thị xã Sơn Tây	2022
1801	Đường từ đường tránh QL 32 qua UBND xã Thanh Mỹ đi TL 414	DGT	4,80		4,80	Thị xã Sơn Tây	2023
1802	Đường từ Tích Giang đi Phúc Thọ đi Cầu Còi, phường Trung Sơn Trầm	DGT	3,08	0,15	2,93	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
1803	Bến thuyền Kim Sơn	DGT	1,08		1,08	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
1804	Cải tạo, nâng cấp đường nối từ đường tránh QL32 đến tỉnh lộ 413 thuộc địa bàn thị xã Sơn Tây	DGT	8,90		8,90	Thị xã Sơn Tây	2023
1805	Đường nối từ tỉnh lộ 414 (điểm ngã ba Vị Thủy) đi tỉnh lộ 416	DGT	15,30		15,30	Thị xã Sơn Tây	2023
1806	Xây dựng trường THCS Viên Sơn	DGT	0,97		0,97	Thị xã Sơn Tây	2022
1807	Xây dựng trường tiểu học Trung Sơn Trầm	DGT	1,19		1,19	Thị xã Sơn Tây	2022
1808	Xây dựng đường từ cầu Cộng đi đường tránh QL 32	DGT	12,45	6,25	6,20	Thị xã Sơn Tây	2025
1809	Xây dựng đường giao thông từ TL 413 tại vị trí thôn Xuân Khanh nối với đường từ QL 21 đi Cam Thượng	DGT	3,60		3,60	Thị xã Sơn Tây	2023
1810	Xây dựng tuyến đường từ dốc Cái Cao thôn Cổ Liễn đi TL 418 xã Cổ Đông	DGT	2,52		2,52	Thị xã Sơn Tây	2023
1811	Cải tạo nâng cấp đường từ QL 21 đi trường mầm non Sơn Đông khu Tân Phú	DGT	1,10		1,10	Thị xã Sơn Tây	2023
1812	Xây dựng cầu Cam Lâm, xã Đường Lâm	DGT	1,00		1,00	Thị xã Sơn Tây	2023
1813	Xây dựng bến xe tỉnh xã Đường Lâm	DGT	0,60		0,60	Thị xã Sơn Tây	2023
1814	Đầu tư xây dựng cầu Trì bắc qua sông Tích	DGT	0,50		0,50	Thị xã Sơn Tây	2023
1815	Xây dựng đường giao thông kết hợp thoát nước phục vụ làng nghề Phú Nhi và khu dân cư phường Phú Thịnh	DGT	0,55		0,55	Thị xã Sơn Tây	2023

1816	Cải tạo, nâng cấp đường nối từ chợ Xuân Khanh đi tỉnh lộ 413, xã Xuân Sơn	DGT	2,07		2,07	Thị xã Sơn Tây	2023
1817	Nâng cấp đường, hệ thống thoát nước xã Đường Lâm (Hạng mục : Khu vực thôn Đông Sàng), thị xã Sơn Tây	DGT	1,02		1,02	Thị xã Sơn Tây	2023
1818	Vành Đai 2	DGT	18,20		18,20	Hai Bà Trưng, Đống Đa, Thanh Xuân, Hoàng Mai	2021-2022
1819	Cải tạo, nâng cấp đường 70, đoạn từ Nhổn đến Đại Lộ Thăng Long - Hà Đông	DGT	19,08		19,08	Quận Nam Từ Liêm	2022-2025
1820	Tuyến đường sắt đô thị số 5 (đoạn Văn Cao - Ngọc Khánh - Láng - Hòa Lạc)	DGT	1,50		1,50	Ba Đình, Đống Đa, Cầu Giấy, Nam Từ Liêm, Hoài Đức, Quốc Oai, Thạch Thất	2022-2025
1821	Cải tạo, nâng cấp đường 70: đoạn Hà Đông - Văn Điển	DGT	26,25		26,25	Quận Hà Đông	2022-2025
1822	Xây dựng tuyến đường Tây Thăng Long (đoạn Phạm Văn đồng đến đường Văn Tiến Dũng) thuộc quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	DGT	11,50		11,50	Quận Bắc Từ Liêm	2021
B.7	Đất thủy lợi	DTL					
1	Dự án Xử lý cấp bách sạt lở bờ sông hữu Đà đoạn từ trạm bơm đồng cống đến phía cầu Trung Hà, xã Thái Hòa, huyện Ba Vì	DTL	0,95		0,95	Huyện Ba Vì	2021
2	Gia cố chống sạt lở bờ sông tại xã Chu Minh - Đông Quang	DTL	2,15		2,15	Huyện Ba Vì	2021
3	Cải tạo sửa chữa hồ chứa nước Suối Hai	DTL	0,82		0,82	Huyện Ba Vì	2022
4	Cải tạo sửa chữa hồ chứa nước Mèo Gù	DTL	1,93		1,93	Huyện Ba Vì	2022
5	Dự án gia cố kè sạt lở bờ hữu Sông Đà	DTL	0,26		0,26	Huyện Ba Vì	2021
6	Dự án kè Suối Víp đi cống Mộc	DTL	1,50		1,50	Huyện Ba Vì	2021
7	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Đà khu vực xã Minh Quang, huyện Ba Vì	DTL	0,46		0,46	Huyện Ba Vì	2021
8	Cải tạo nâng cấp hệ thống tưới trạm bơm Đông Sơn, huyện Chương Mỹ	DTL	16,10		16,10	Huyện Chương Mỹ	2022
9	Cải tạo kênh tưới đồng Ké và cứng hóa hệ thống thủy lợi nội đồng	DTL	1,00		1,00	Huyện Chương Mỹ	2022
10	Cải tạo hồ thủy lợi trung Tiến	DTL	0,50		0,50	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
11	Xử lý cấp bách sự cố bờ tả sông Bùi đoạn từ cầu sắt đến trạm bơm Đồng Cò thuộc khu vực Đồng Vai, thị trấn Xuân Mai	DTL	0,04		0,04	Huyện Chương Mỹ	2022

12	Nâng cấp và xây dựng mô hình hiện đại hóa hệ thống tưới Hạ Dục, huyện Chương Mỹ	DTL	0,40		0,40	Huyện Chương Mỹ	2022
13	Kiên cố hóa kênh tiêu chính Thập Cừ, trạm bơm Hạ Dục, huyện Chương Mỹ	DTL	0,31		0,31	Huyện Chương Mỹ	2022
14	Nâng cấp và xây dựng mô hình hiện đại hóa hệ thống tưới Hạ Dục, huyện Chương Mỹ	DTL	0,50		0,50	Huyện Chương Mỹ	2022
15	Cải tạo nâng cấp hệ thống tưới trạm bơm Đông Sơn, huyện Chương Mỹ	DTL	4,00		4,00	Huyện Chương Mỹ	2022
16	Cải tạo nâng cấp hệ thống tưới trạm bơm Đông Sơn, huyện Chương Mỹ	DTL	3,81		3,81	Huyện Chương Mỹ	2022
17	Xử lý sạt lở đê sông Đáy qua địa bàn xã Hòa Chính, huyện Chương Mỹ	DTL	0,50		0,50	Huyện Chương Mỹ	2022
18	Kiên cố hóa kênh tiêu chính Thập Cừ, trạm bơm Hạ Dục, huyện Chương Mỹ	DTL	0,31		0,31	Huyện Chương Mỹ	2022
19	Xử lý sạt lở đê sông Đáy qua địa bàn xã Lam Điền, huyện Chương Mỹ	DTL	0,20		0,20	Huyện Chương Mỹ	2022
20	Cải tạo, sửa chữa hồ chứa nước Văn Sơn, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	DTL	0,83		0,83	Huyện Chương Mỹ	2022
21	Cứng hóa kênh tưới kết hợp giao thông từ trạm bơm Nhân Lý đến gò Đồng Rậm, xã Nam Phương Tiến	DTL	0,10		0,10	Huyện Chương Mỹ	2022
22	Xử lý sạt lở bờ sông Đáy thuộc xã Văn Võ và Phú Nam An	DTL	0,10		0,10	Huyện Chương Mỹ	2022
23	Dự án cải tạo, nâng cấp trạm bơm Phụ Chính	DTL	2,00		2,00	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
24	Xử lý sạt lở bờ sông Bùi đoạn qua thôn 5, xã Quảng Bị, huyện Chương Mỹ	DTL	0,52		0,52	Huyện Chương Mỹ	2022
25	Xử lý sạt lở khu dân cư xóm 8, xóm 9 đê sông Đáy	DTL	0,50		0,50	Huyện Chương Mỹ	2022
26	Xử lý sạt lở khu dân cư đê sông Đáy	DTL	0,50		0,50	Huyện Chương Mỹ	2022
27	Dự án đầu tư xây dựng Công trình: Tu bổ, nâng cấp đê bao hữu Bùi, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	DTL	5,00		5,00	Huyện Chương Mỹ	2022
28	Cải tạo nâng cấp hệ thống tưới trạm bơm Đông Sơn, huyện Chương Mỹ	DTL	4,72		4,72	Huyện Chương Mỹ	2022
29	Xử lý sạt lở bờ sông Đáy thuộc xã Văn Võ và Phú Nam An	DTL	0,20		0,20	Huyện Chương Mỹ	2022

30	Dự án đầu tư nâng cấp và xây dựng mô hình hiện đại hóa hệ thống tưới Hạ Dục, huyện Chương Mỹ	DTL	0,29		0,29	Huyện Chương Mỹ	2022
31	Dự án đầu tư nâng cấp và xây dựng mô hình hiện đại hóa hệ thống tưới Hạ Dục, huyện Chương Mỹ	DTL	0,40		0,40	Huyện Chương Mỹ	2022
32	Dự án đầu tư nâng cấp và xây dựng mô hình hiện đại hóa hệ thống tưới Hạ Dục, huyện Chương Mỹ	DTL	0,35		0,35	Huyện Chương Mỹ	2022
33	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu T1B và hệ thống kênh tiêu Hát Môn (gồm kênh tiêu Hát Môn. B1. B2. B3) huyện Phúc Thọ. thành phố Hà Nội	DTL	0,50		0,50	Huyện Đan Phượng	2022
34	Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh tiêu T0-5-2 (từ thôn 9 Nại Sa, xã Trung Châu qua thôn Dịch Trong, xã Phương Đình ra kênh tiêu T0)	DTL	0,40		0,40	Huyện Đan Phượng	2022
35	Các tuyến ống dẫn nước phục vụ Nhà máy nước mặt sông Hồng	DTL	20,50		20,50	Huyện Đan Phượng	2022
36	Trạm xử lý nước thải Cổ Loa, xã Cổ Loa (công suất 75.000 m ³ /ngày)	DTL	7,80		7,80	Huyện Đông Anh	2021-2025
37	Cải tạo, nâng cấp kè ao khu vực hồ đền thôn Mạch Lũng, xã Đại Mạch	DTL	0,09		0,09	Huyện Đông Anh	2021-2025
38	Trạm xử lý nước thải Dục Tú, xã Dục Tú (công suất 55.000 m ³ /ngày)	DTL	6,50		6,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
39	Nạo vét, kè ao Hồ Lò ông Thực, phía Tây thôn Nghĩa Vũ, xã Dục Tú	DTL	0,20		0,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
40	Nạo vét, kè ao khu X1 cửa làng thôn Nghĩa Vũ, xã Dục Tú	DTL	0,85		0,85	Huyện Đông Anh	2021-2025
41	Xây dựng kè bờ sông tả sông Đuống đoạn thượng lưu và hạ lưu cầu Đuống, huyện Đông Anh và huyện Gia Lâm	DTL	0,48		0,48	Huyện Đông Anh	2021-2025
42	Xây dựng khu cây xanh, bãi đỗ xe và trạm xử lý nước thải cục bộ thôn Tiên Kha	DTL	0,23		0,23	Huyện Đông Anh	2021-2025
43	Nhà máy xử lý nước thải Sơn Du, xã Tiên Dương (công suất 100.000 m ³ /ngày)	DTL	12,80		12,80	Huyện Đông Anh	2021-2025
44	Trạm bơm Vĩnh Thanh (dự án Hệ thống thoát nước, hồ điều hòa, trạm bơm tiêu Vĩnh Thanh)	DTL	30,60		30,60	Huyện Đông Anh	2021-2025

45	Xây dựng trạm bơm Phương Trạch 1 (dự án Xây dựng, nâng cấp trạm bơm Phương Trạch, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội)	DTL	21,00		21,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
46	Trạm xử lý nước thải Xuân Nộn, xã Xuân Nộn (công suất 2.500 m3/ngđ)	DTL	3,00		3,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
47	Cải tạo hành lang chân đê Tả Hồng	DTL	0,07		0,07	Huyện Đông Anh	2021-2025
48	Xây dựng hạ tầng hai bên và cải tạo đê cụt (nâng cấp)	DTL	3,85		3,85	Huyện Đông Anh	2021-2025
49	Cải tạo, nâng cấp sông Cầu Bậy, huyện Gia Lâm	DTL	24,87	24,87		Huyện Gia Lâm	2022
50	Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh Thiên Đức, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội	DTL	10,57		10,57	Huyện Gia Lâm	2023-2025
51	Xây dựng hệ thống cấp nước sạch cho 14 xã và 01 thị trấn (Trạm bơm tăng áp số 2)	DTL	0,20		0,20	Huyện Hoài Đức	2022
52	Xây dựng hệ thống cấp nước sạch cho 14 xã và 01 thị trấn (Trạm bơm tăng áp số 1)	DTL	0,25		0,25	Huyện Hoài Đức	2022
53	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Thanh Diêm, kiên cố hóa bờ kênh trục chính Thanh Diêm kết hợp làm đường giao thông	DTL	10,00	1,68	8,32	Huyện Mê Linh	2022
54	Xây dựng trạm bơm Văn Khê và hệ thống kênh tiêu ra sông Hồng trên địa bàn huyện Mê Linh	DTL	9,83	3,50	6,33	Huyện Mê Linh	2022
55	Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh Thạnh Phú	DTL	6,70		6,70	Huyện Mê Linh	2022
56	Cải tạo, nâng cấp đê tả sông Mỹ Hà	DTL	4,00	4,00		Huyện Mỹ Đức	2022
57	Cải tạo, nâng cấp đê Hữu sông Mỹ Hà	DTL	2,00	2,00		Huyện Mỹ Đức	2022
58	Trạm cấp nước sạch	DTL	1,13	1,13		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
59	Trạm tăng áp Khu Quán Thá	DTL	0,10	0,10		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
60	Thủy lợi nội đồng (do dồn điền)	DTL	1,40	1,40		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
61	Trạm tăng áp cấp nước sạch (14 trạm)	DTL	0,05	0,05		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
62	Cải tạo nâng cấp đê Hồ Quan Sơn đi Công Hồ 2	DTL	0,77	0,77		Huyện Mỹ Đức	2022
63	Cải tạo, nâng cấp Trạm Bơm tưới tiêu An Mỹ I	DTL	0,70	0,70		Huyện Mỹ Đức	2021
64	Xây dựng kè sông Đáy đoạn đầu cầu Phùng Xã	DTL	0,05	0,05		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
65		DTL	0,05	0,05		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
66	Trạm tăng Áp nước sạch khu Trạm Xá cũ	DTL	0,30	0,30		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
67	Xây dựng kè chống sạt lở bờ hữu sông Đáy đoạn thôn Kim Bôi	DTL	0,60	0,60		Huyện Mỹ Đức	2022-2025

68	Mương từ trạm bơm đến trạm Y tế (đổ ra sông Đáy)	DTL	0,15	0,15		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
69	Công trình thay thế nhiệm vụ tưới hồ Quan Sơn	DTL	15,42	15,42		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
70	Nhà máy nước sạch xã Hợp Tiến	DTL	1,43	1,43		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
71	Nhà máy nước sạch 583 đôi dùng	DTL	1,20	1,20		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
72	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tiêu La Làng, huyện Mỹ Đức	DTL	0,16	0,16		Huyện Mỹ Đức	2022
73	Dự án cải tạo trạm bơm tưới Đức Môn, huyện Mỹ Đức	DTL	0,03	0,03		Huyện Mỹ Đức	2022
74	Di chuyển, xây mới trạm bơm An Bình	DTL	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
75	Di chuyển, xây mới trạm bơm Duyên Yên, Duyên Trang	DTL	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
76	Xây mới trạm bơm Chí Minh, xã Phú Túc	DTL	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
77	Xây mới trạm bơm khu Áo Nái xã Phú Túc	DTL	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
78	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tưới, tiêu Nội Cói, huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội	DTL	10,60	10,00	0,60	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
79	Kiên cố mái, mặt bờ tả sông Lương kết hợp giao thông từ trạm bơm Đồng Lạc đến cầu Hòa Thượng, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội	DTL	0,25	0,25		Huyện Phú Xuyên	2023-2025
80	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh tiêu trạm bơm Phú Thụ tại các huyện Phúc Thọ, Thạch Thất và Thị xã Sơn Tây	DTL	4,96		4,96	Huyện Phúc Thọ	2021-2022
81	Xây dựng trạm bơm Cẩm Đình, Phương Độ, Thuần Trung và Đồng Tụ	DTL	2,50		2,50	Huyện Phúc Thọ	2021-2025
82	Cải tạo, nâng cấp đê Tả Tích đoạn qua địa phận huyện Phúc Thọ	DTL	3,00		3,00	Huyện Phúc Thọ	2021-2025
83	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu T1B và hệ thống kênh tiêu Hát Môn (gồm kênh tiêu Hát Môn. B1. B2. B3)	DTL	4,10		4,10	Huyện Phúc Thọ	2022-2023
84	Cải tạo nâng cấp đê Hữu Hồng, đê Ngọc Tảo kết hợp giao thông	DTL	15,00		15,00	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
85	Mương thoát nước khu dân cư các thôn xã Vân Nam	DTL	0,10		0,10	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
86	Cải tạo, nâng cấp bờ tả kênh dẫn Cẩm Đình - Hiệp Thuận kết hợp làm đường giao thông nông thôn huyện Phúc Thọ	DTL	3,50		3,50	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
87	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh tiêu Hiệp Thuận kết hợp đường giao thông trên địa bàn huyện Phúc thọ	DTL	8,00		8,00	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
88	Nâng cấp bến phà Vân Phúc	DTL	0,50		0,50	Huyện Phúc Thọ	2023-2025

89	Kênh tiêu Đông Yên kết hợp giao thông	DTL	2,30		2,30	Huyện Quốc Oai	2021-2025
90	Nâng cấp cải tạo bờ hữu sông Tích Đông Yên	DTL	0,50		0,50	Huyện Quốc Oai	2021-2025
91	Hồ chứa nước Đồng Bò. xã Đông Xuân. Quốc Oai	DTL	7,60		7,60	Huyện Quốc Oai	2021-2025
92	Nâng cấp, mở rộng đường đê Tả Tích đoạn từ ĐH 02 đến giáp huyện Chương Mỹ	DTL	2,37		2,37	Huyện Quốc Oai	2021-2025
93	Cải tạo hệ thống thoát nước và cảnh quan môi trường Rê Ngòi xã Nghĩa Hương	DTL	4,00		4,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
94	Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh tiêu Ngọc Mỹ - Nghĩa Hương - Ngọc Liệp - Liệp Tuyết huyện Quốc	DTL	0,30		0,30	Huyện Quốc Oai	2021-2025
95	Củng cố tuyến đê bồi hiện có kết hợp giao thông từ thôn Cổ Hiền đến trường PTTH Minh Khai	DTL	2,00		2,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
96	Trạm bơm tiêu Tân Phú- Đại Thành và hệ thống kênh	DTL	4,40		4,40	Huyện Quốc Oai	2021-2025
97	Xây dựng mới trạm bơm và hoàn thiện hệ thống tiêu Yên Sơn, huyện Quốc Oai	DTL	7,32	2,04	5,28	Huyện Quốc Oai	2021-2025
98	Trạm Bơm tiêu Đông Yên	DTL	2,50		2,50	Huyện Quốc Oai	2021-2025
99	Cải tạo nạo vét lòng ngòi Thạch Thán, kè bờ kết hợp đường giao thông và cảnh quan đoạn từ kênh Đồng Mô đến thôn Ngọc Than (xã Ngọc Mỹ), xã Thạch Thán, huyện Quốc Oai.	DTL	0,40		0,40	Huyện Quốc Oai	2021-2025
100	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tiêu Cộng Hoà 1 và hệ thống kênh tiêu (kênh tiêu S8, kênh tiêu Đàm Bung 2), huyện Quốc Oai	DTL	0,80		0,80	Huyện Quốc Oai	2023
101	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước trực chính trên địa bàn một số xã vùng trũng	DTL	0,13		0,13	Huyện Sóc Sơn	2022
102	Xây dựng hệ thống thoát nước dân sinh Thá -Lai Cách - Tiên Tảo xã Xuân Giang và xã Việt Long	DTL	1,45		1,45	Huyện Sóc Sơn	2022
103	Cải tạo. nâng cấp công trình đầu mối và kênh tưới hồ Hoa Sơn. xã Nam Sơn	DTL	0,35		0,35	Huyện Sóc Sơn	2022
104	Dự án hoàn ưà hệ thống tưới tiêu nước tại thôn 6, thôn 8, xã Hồng Kỳ phục vụ GPMB sân Gofl quốc tế và KDL Sóc Sơn	DTL	0,60		0,60	Huyện Sóc Sơn	2022
105	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến tiêu thoát nước trực chính xã Nam Sơn	DTL	1,50		1,50	Huyện Sóc Sơn	2022
106	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến tiêu thoát nước trực chính xã Bắc Sơn	DTL	1,50		1,50	Huyện Sóc Sơn	2022

107	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến tiêu thoát nước true chính xã Hồng Kỳ	DTL	1,50		1,50	Huyện Sóc Sơn	2022
108	Nâng cấp, mở rộng hệ thống công trình và trạm bơm Đình Thông, huyện Sóc Sơn	DTL	0,50		0,50	Huyện Sóc Sơn	2022
109	Đầu tư xây dựng Trạm bơm, tuyến đường ống cấp nước thô từ sông Công về Nhà máy điện rác Sóc Sơn	DTL	0,06		0,06	Huyện Sóc Sơn	2022
110	Xây dựng hệ thống cấp nước sạch cho các xã Nam Sơn, Bắc Sơn, Hồng Kỳ trong vùng ảnh hưởng môi trường của khu LHXLCCT Sóc Sơn (vùng bán kính 500- 1000m từ hàng rào khu I.HXLCT Sóc Sơn)	DTL	0,23	0,19	0,04	Huyện Sóc Sơn	2022
111	Cải tạo, nâng cấp đê Hữu Cầu đoạn từ K17+00 đến K28+828 và kè bờ sông Hữu Cầu đoạn từ K25+350 đến K26+00 xã Bắc Phú, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.	DTL	7,00		7,00	Huyện Sóc Sơn	2022-2024
112	Cải tạo, nâng cấp đê tả Cà Lồ đoạn từ K0+00 đến K20+252, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà	DTL	8,00		8,00	Huyện Sóc Sơn	2022-2024
113	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tiêu Săn (Phần Kênh và các công trình trên kênh) (QLDA)	DTL	14,50	14,26	0,24	Huyện Thạch Thất	2021-2022
114	Tiếp nước, cải tạo khôi phục sông Tích từ Lương Phú, xã Thuận Mỹ, huyện Ba Vì	DTL	1,20		1,20	Huyện Thạch Thất	2021-2022
115	Xây dựng mới trạm bơm tiêu Lại Thượng thay thế Nhiệm vụ trạm bơm tiêu Lại Thượng 1 và 2, huyện Thạch Thất	DTL	5,35	0,95	4,40	Huyện Thạch Thất	2021-2022
116	Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh tiêu Tây Ninh - Ngòi Núc huyện Thạch Thất	DTL	12,80	8,96	3,84	Huyện Thạch Thất	2025
117	Dự án nâng cấp hệ thống tiêu Bình Phú	DTL	8,82	3,82	5,00	Huyện Thạch Thất	2021-2022
118	Nạo vét, cải tạo bờ ao Ủy ban, ao Cửa Chùa, ao Đình Yên, ao Muống, ao Đồng Sống, ao Cá xã Thạch Xá	DTL	0,06		0,06	Huyện Thạch Thất	2022
119	Nạo vét, kè ao cá Bấc Hồ thôn Yên Lỗ xã Cẩm Yên	DTL	3,15		3,15	Huyện Thạch Thất	2022
120	Cải tạo, nâng cấp hệ thống tưới tiêu trạm bơm Phương Nhị	DTL	1,60	1,60		Huyện Thanh Oai	2021-2022
121	Nâng cấp cải tạo trạm bơm tiêu Đại Áng	DTL	3,00		3,00	Huyện Thanh Trì	2022

122	Dự án cải tạo nâng cấp và xây dựng mới cụm công trình đầu mối trạm bơm Bộ Đầu, huyện Thường Tín	DTL	27,07	17,87	9,20	Huyện Thường Tín	2022-2025
123	Trạm xử lý nước thải tại các xã Liên Phương, Lê Lợi, Tô Hiệu, Văn Tự, Vạn Điểm, Nhị Khê, Hòa Bình, Duyên Thái	DTL	3,74	0,05	3,69	Huyện Thường Tín	2022-2025
124	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đê sông Hồng, sông Nhuệ, và các sông, kênh mương trên địa bàn huyện Thường Tín	DTL	3,00		3,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
125	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước thải xã Văn Phú, huyện Thường Tín	DTL	0,40		0,40	Huyện Thường Tín	2021
126	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới cụm công trình đầu mối trạm bơm Bộ Đầu, huyện Thường Tín	DTL	6,56		6,56	Huyện Thường Tín	2022
127	Cải tạo, nâng cấp đê Sông Nhuệ trên địa bàn các xã: Khánh Hà, Hòa Bình, Hiền Giang, Tân Minh và Nghiêm Xuyên	DTL	1,04		1,04	Huyện Thường Tín	2022
128	Khôi thông dòng chảy, kè, nâng cấp mặt đê tọa cảnh quan, bộ hành 2 bờ sông Tô Lịch dài 7km trên địa bàn huyện	DTL	1,40		1,40	Huyện Thường Tín	2022
129	Xây dựng hệ thống nước thải làng nghề giết mổ gia cầm Hà Vỹ, xã Lê Lợi	DTL	0,25		0,25	Huyện Thường Tín	2023- 2025
130	Xây dựng hệ thống nước thải làng nghề xã Hòa Bình, huyện Thường Tín, TP. Hà Nội	DTL	0,12		0,12	Huyện Thường Tín	2023- 2025
131	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật và hệ thống thoát nước phía Bắc đường Nguyễn Toàn, đường Nguyễn Vĩnh Tích	DTL	0,31		0,31	Huyện Thường Tín	2021
132	Trạm xử lý nước thải Vân Đình	DTL	1,20		1,20	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
133	Đường kết hợp rãnh thoát nước khu dân cư thôn Văn Cao-Giai đoạn 2, xã Tảo Dương Văn, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	DTL	0,20		0,20	Huyện Ứng Hòa	2023-2025
134	Cải tạo thoát nước sông Pheo, quận Bắc Từ Liêm	DTL	6,94		6,94	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
135	Xây dựng nhà máy nước mặt sông Hồng và các tuyến ống	DTL	24,10		24,10	Quận Bắc Từ Liêm	2022
136	Xây dựng điểm vui chơi ngoài trời, kết hợp vườn hoa cây xanh ao ông Hối, ao bà Đồ Tổ, ao ông Phụng, Ao làng TDP Thượng Cát, P. Thượng Cát	DTL	0,50		0,50	Quận Bắc Từ Liêm	2022

137	Cải tạo nâng cấp tuyến mương thoát nước đô thị kết hợp làm đường giao thông theo quy hoạch phường Đức Thắng	DTL	2,07		2,07	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
138	Xây dựng kè, hệ thống thoát nước, cải tạo môi trường kết hợp điểm vui chơi ao Chùa, ao Mỏ quạ, ao ông Giũa tổ dân phố Thượng Cát, phường Thượng Cát	DTL	1,11		1,11	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
139	Xây dựng kè ao Đình và hệ thống thoát nước kết hợp điểm vui chơi TDP Phú Diễn	DTL	0,45		0,45	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
140	Xây dựng Kè, hệ thống thoát nước dân sinh sau trường Tiểu học Thượng Cát kết hợp điểm vui chơi ao Bà Đồ Phi, ao công điểm tổ dân Phố Thượng Cát	DTL	0,33		0,33	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
141	Dự án Cải thiện hệ thống tiêu nước khu vực phía Tây thành phố Hà Nội (Trạm bơm tiêu Yên Nghĩa)	DTL	33,28	16,58	16,70	Quận Hà Đông	2021-2022
142	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung tại cụm công nghiệp Biên Giang, quận Hà Đông	DTL	0,03		0,03	Quận Hà Đông	2021-2022
143	Xây dựng Trạm xử lý nước thải và đường giao thông Khu đô thị mới Văn Phú	DTL	0,40		0,40	Quận Hà Đông	2021-2025
144	Hệ thống thu gom nước thải (lưu vực S1) về Nhà máy xử lý nước thải Yên Sở	DTL	2,23		2,23	Quận Hoàng Mai	2021-2025
145	Cổng hóa tuyến mương tại ô quy hoạch C.9/CL, C.13/CL1, C.13/CL2, C.13/CL3, C.13/CL4 phường Việt Hưng, quận Long Biên	DTL	5,00		5,00	Quận Long Biên	2022-2025
146	Xây dựng tuyến cống thoát nước Long Biên – Cự Khối phường Long Biên, quận Long Biên	DTL	0,70		0,70	Quận Long Biên	2021-2025
147	Cổng hóa mương ngõ 130 phố Xuân Đỗ, phường Cự Khối	DTL	0,20		0,20	Quận Long Biên	2021-2025
148	Chỉnh trang HTKT cổng hóa mương và hoàn chỉnh mặt đường theo quy hoạch từ khu 5 Thổ Khối đến nút giao đường cầu Thanh Trì (từ G7/GT4 đến nút giao đường gom Cầu Thanh Trì)	DTL	0,50		0,50	Quận Long Biên	2021-2025
149	Đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp sông Cầu Bấy, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội	DTL	0,97		0,97	Quận Long Biên	2022

150	Xây dựng tuyến mương Việt Hưng - Cầu Bấy và hồ điều hòa cự khối, phường Thạch Bàn - Cự Khối, quận Long Biên	DTL	47,00		47,00	Quận Long Biên	2022
151	Xây dựng trạm bơm Cự Khối và tuyến mương xả ngoài đê tả sông Hồng, phường Thạch Bàn - Cự Khối, quận Long Biên	DTL	15,00		15,00	Quận Long Biên	2022
152	Phục hồi, cải tạo Trạm cấp nước Sài Đồng công suất 5.000 m ³ /ngđ	DTL	0,14		0,14	Quận Long Biên	2022
153	Công hòa mương thoát nước sau trường tiểu học Xuân La (đoạn từ Võ Chí Công đến ngõ 34 Xuân La)	DTL	0,20		0,20	Quận Tây Hồ	2021
154	Xây dựng HTKT xung quanh hồ Đàm Bấy	DTL	1,74	1,20	0,54	Quận Tây Hồ	2021
155	Cải tạo Môi trường hồ Tứ Liên	DTL	2,74		2,74	Quận Tây Hồ	2021
156	Cổng hóa mương thoát nước liên phường trên địa bàn phường Tứ Liên (đoạn ngõ 238 Âu Cơ đến ngõ 124 Âu Cơ)	DTL	1,00		1,00	Quận Tây Hồ	2021
157	Mặt bằng chiếm đất tuyến công xa và công dẫn trạm bơm Phú Thước	DTL	1,03		1,03	Quận Tây Hồ	2021
158	Cải tạo môi trường vệ sinh khu dân cư xung quanh mương thoát nước Thụy Khuê đoạn dốc La Pho đến Cổng Đỗ	DTL	1,77		1,77	Quận Tây Hồ	2021
159	XD HTKT xung quanh hồ Quảng Bá, Hồ Đàm Bấy (phần còn lại của gói thầu 23 thuộc dự án HTKT xung quanh Hồ Tây	DTL	1,74	1,20	0,54	Quận Tây Hồ	2022
160	Gia cố bờ mương thoát nước liên phường trên địa bàn phường Tứ Liên (đoạn từ ngõ 238 Âu Cơ đến 124 Âu Cơ) kết hợp trồng cây xanh chống tái lấn chiếm đất công	DTL	1,42		1,42	Tây Hồ	2023
161	Cổng hóa mương thoát nước sau trường tiểu học Xuân La (đoạn từ đường Võ Chí Công đến ngõ 34 Xuân La)	DTL	0,10	0,10		Quận Tây Hồ	2021-2025
162	Dự án kè các hồ nhỏ ven Hồ Tây và đường giáp ao đình	DTL	3,00		3,00	Quận Tây Hồ	2021-2025
163	Khu Kỹ thuật XLNT Ciputra	DTL	4,00		4,00	Quận Tây Hồ	2021-2025
164	Xây dựng, cải tạo hồ đình làng Phú Gia	DTL	0,60		0,60	Quận Tây Hồ	2021-2025
165	Cổng hóa mương đoạn từ cửa Xả Hồ Tây đến đường Xuân La	DTL	0,17		0,17	Quận Tây Hồ	2021-2025
166	Gia cố kè đê hữu sông Hồng từ K26 + 580 - K32 + 000 thành phố Hà Nội	DTL	5,40	3,75	1,65	Thị xã Sơn Tây	2022
167	Xây dựng kênh thoát lũ hồ Đồng Mô : L = 0,73 km, B lòng = 18 m	DTL	14,50	13,19	1,31	Thị xã Sơn Tây	2023-2025

168	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải đô thị khu vực quận Hà Đông và thị xã Sơn Tây (20000 m3/ngđ; 9000 m3/ngđ)	DTL	3,30		3,30	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
169	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu T1 đoạn qua địa bàn thị xã Sơn Tây.	DTL	0,51		0,51	Thị xã Sơn Tây	2022
170	Xây dựng kênh tiêu thoát lũ hồ Xuân Khanh	DTL	1,00		1,00	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
171	Cải tạo nạo vét hồ Lớn và làm đường dạo ven hồ, phường Phú Thịnh	DTL	1,00		1,00	Thị xã Sơn Tây	2022
172	Dự án: Cải tạo, nâng cấp và phát huy giá trị đầm Đượng (khu vực thôn Lễ Khê – Kỳ Sơn) xã Xuân Sơn	DTL	2,00		2,00	Thị xã Sơn Tây	2022
173	Nâng cấp, cải tạo tuyến kênh từ Vai Đá đi sông Hang, xã Kim Sơn	DTL	0,35		0,35	Thị xã Sơn Tây	2022
174	Cải tạo ao Cống làng Đông Sàng, xã Đường Lâm, thị xã Sơn Tây	DTL	0,04		0,04	Thị xã Sơn Tây	2023
175	Nâng cấp, cải tạo các tuyến kênh mương xã Đường Lâm	DTL	3,50		3,50	Thị xã Sơn Tây	2023
176	Nâng cấp, cải tạo tuyến kênh từ Nghĩa Sơn đi Vai Đá xã Kim Sơn	DTL	3,50		3,50	Thị xã Sơn Tây	2023
177	Dự án xây dựng thoát nước quận Hà Đông thuộc lưu vực Hữu Nhuệ	DTL	91,96		91,96	Quận Hà Đông	2021-2025
178	Xây dựng cụm công trình đầu mối Liên Mạc	DTL	25,56		25,56	Huyện Thanh Trì	2021-2025
B.8	Đất cơ sở văn hóa	DVH					
1	Nhà Văn hóa thôn Yên Thành, Việt Long	DVH	0,39		0,39	Huyện Ba Vì	2021
2	Nhà văn hóa trung tâm - thể thao huyện Chương Mỹ	DVH	0,80		0,80	Huyện Chương Mỹ	2022
3	Cơ sở văn hóa các xã	DVH	45,00		45,00	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
4	Nhà văn hóa Tiên Sơn	DVH	0,03		0,03	Huyện Chương Mỹ	2022
5	Nhà văn hóa thôn Phú Chính, xã Hòa Chính	DVH	0,37		0,37	Huyện Chương Mỹ	2022
6	Nhà văn hóa Hưng Thịnh xã trần Phú	DVH	0,36		0,36	Huyện Chương Mỹ	2022
7	Nhà văn hóa trung tâm xã Trần	DVH	0,30		0,30	Huyện Chương Mỹ	2022
8	Nhà văn hóa trung tâm xã	DVH	0,08		0,08	Huyện Chương Mỹ	2022
9	Nhà văn hóa trung tâm xã Trần	DVH	0,41		0,41	Huyện Chương Mỹ	2022
10	Nhà văn hóa khu Tân Mai, TT Xuân Mai	DVH	0,23		0,23	Huyện Chương Mỹ	2022
11	Nhà văn hóa thôn 3, xã Đại Yên	DVH	0,20		0,20	Huyện Chương Mỹ	2022
12	Nhà văn hóa thôn 4, xã Đại Yên	DVH	0,27		0,27	Huyện Chương Mỹ	2022
13	Nhà văn hóa thôn An Hiền, xã Hoàng Diệu	DVH	0,14		0,14	Huyện Chương Mỹ	2022
14	Nhà văn hóa Thôn An Sơn, xã Đông Sơn	DVH	0,10		0,10	Huyện Chương Mỹ	2022
15	Nhà văn hóa thôn Đồi Ngai xã Nam Phương Tiến	DVH	0,27		0,27	Huyện Chương Mỹ	2022
16	Nhà Văn hóa Thôn Hồng Thái xã Trần Phú	DVH	0,32		0,32	Huyện Chương Mỹ	2022

17	Nhà văn hóa thôn Khê Than, xã Phú Nghĩa	DVH	0,18		0,18	Huyện Chương Mỹ	2022
18	Nhà văn hóa Thôn Lũng Vĩ, xã Đông phương Yên	DVH	0,15		0,15	Huyện Chương Mỹ	2022
19	Nhà văn hóa thôn Lương Sơn, xã Đông Sơn	DVH	0,30		0,30	Huyện Chương Mỹ	2022
20	Nhà văn hóa thôn Mỗ Xá, xã Phú Nam An	DVH	0,30		0,30	Huyện Chương Mỹ	2022
21	Nhà văn hóa Thôn Mới xã Hồng Phong	DVH	0,08		0,08	Huyện Chương Mỹ	2022
22	Nhà văn hóa thôn Nghĩa Hào, xã Phú Nghĩa	DVH	0,15		0,15	Huyện Chương Mỹ	2022
23	Nhà văn hóa thôn Nhân Lý xã Nam Phương Tiến	DVH	0,20		0,20	Huyện Chương Mỹ	2022
24	Nhà văn hóa thôn Non Nông, xã Ngọc Hòa	DVH	0,22		0,22	Huyện Chương Mỹ	2022
25	Nhà văn hóa thôn Phú Bến, xã Thụy Hương	DVH	0,10		0,10	Huyện Chương Mỹ	2022
26	Nhà văn hóa thôn Phượng Luật, xã Đồng Lạc	DVH	0,15		0,15	Huyện Chương Mỹ	2022
27	Nhà văn hóa thôn Quyết Hạ, xã Đông Sơn	DVH	0,12		0,12	Huyện Chương Mỹ	2022
28	Nhà văn hóa thôn Quyết Thượng, xã Đông Sơn	DVH	0,19		0,19	Huyện Chương Mỹ	2022
29	Nhà văn hóa thôn Tân An, xã Thụy Hương	DVH	0,10		0,10	Huyện Chương Mỹ	2022
30	Nhà Văn hóa Thôn Tân Hội xã Trần Phú	DVH	0,11		0,11	Huyện Chương Mỹ	2022
31	Nhà văn hóa thôn Tân Hợp, xã Văn Võ	DVH	0,28		0,28	Huyện Chương Mỹ	2022
32	Nhà văn hóa Thôn Thượng xã Hồng Phong	DVH	0,08		0,08	Huyện Chương Mỹ	2022
33	Nhà văn hóa thôn thướp, xã Trần Phú	DVH	0,31		0,31	Huyện Chương Mỹ	2022
34	Nhà văn hóa Thôn Tiến Ân, xã Thủy Xuân Tiên	DVH	0,16		0,16	Huyện Chương Mỹ	2022
35	Nhà văn hóa Thôn Tiên Trượng, xã Thủy Xuân Tiên	DVH	0,23		0,23	Huyện Chương Mỹ	2022
36	Nhà văn hóa thôn Tiến Văn, xã Hoàng Văn Thụ	DVH	0,20		0,20	Huyện Chương Mỹ	2022
37	Nhà văn hóa thôn Tinh Mỹ, xã Trung Hòa	DVH	0,19		0,19	Huyện Chương Mỹ	2022
38	Nhà văn hóa thôn Trung Cao, xã Trung Hòa	DVH	0,14		0,14	Huyện Chương Mỹ	2022
39	Nhà Văn hóa Thôn trung tiến xã Trần Phú	DVH	0,32		0,32	Huyện Chương Mỹ	2022
40	Nhà văn hóa Thôn Xuân Linh, xã Thủy Xuân Tiên	DVH	0,18		0,18	Huyện Chương Mỹ	2022
41	Nhà văn hóa Thôn Yên Kiện, xã Đông phương Yên	DVH	0,13		0,13	Huyện Chương Mỹ	2022
42	Nhà văn hóa thôn Yên Lạc, xã Đồng Lạc	DVH	0,11		0,11	Huyện Chương Mỹ	2022

43	Nhà văn hóa thôn Yên Trường 2, xã Trường Yên	DVH	0,12		0,12	Huyện Chương Mỹ	2022
44	Nhà văn hóa Xóm 4, xã Thủy Xuân Tiên	DVH	0,10		0,10	Huyện Chương Mỹ	2022
45	Nhà văn Thôn 5, xã Quảng Bị	DVH	0,19		0,19	Huyện Chương Mỹ	2022
46	Nhà văn Thôn Liên Hợp, xã Quảng Bị	DVH	0,14		0,14	Huyện Chương Mỹ	2022
47	Xây dựng khu nhà lưu niệm Bác Hồ tại cụm di tích chùa Trầm, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	DVH	3,00		3,00	Huyện Chương Mỹ	2022
48	Nhà văn hoá thôn Tiến Bộ	DVH	0,07		0,07	Huyện Đan Phượng	2022
49	Nhà văn hoá phố Nguyễn Thái Học	DVH	0,07		0,07	Huyện Đan Phượng	2022
50	Dự án tu bổ, tôn tạo Đài tưởng niệm 09 dũng sỹ - liệt sỹ bảo vệ đập phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội	DVH	0,10		0,10	Huyện Đan Phượng	2022
51	Trung tâm văn hóa thể thao xã Thượng Mỗ; hạng mục: Sân nền, kè đá, cổng tường rào	DVH	1,45		1,45	Huyện Đan Phượng	2022
52	Dự án Nhà văn hoá thôn Tổ	DVH	0,08	0,08		Huyện Đan Phượng	2021
53	Xây mới NVH tổ 24 thị trấn Đông Anh (Khu vực Công ty ô tô 01/5)	DVH	0,72		0,72	Huyện Đông Anh	2021-2025
54	Xây dựng đền thờ Ngô Quyền tại khu di tích thành Cổ Loa, huyện Đông Anh	DVH	4,34		4,34	Huyện Đông Anh	2021-2025
55	Cải tạo, mở rộng nhà văn hóa thôn Mạch Lũng	DVH	0,36		0,36	Huyện Đông Anh	2021-2025
56	Xây dựng nhà văn hóa thôn Đại Đồng, xã Đại Mạch	DVH	1,44		1,44	Huyện Đông Anh	2021-2025
57	Trồng cây xanh kết hợp điểm sinh hoạt cộng đồng tại các điểm: trường cấp 1,2 cũ thôn Mạch Lũng; khu Ao Đình thôn Mạch Lũng; khu Đàm Sen thôn Đại Đồng, xã Đại Mạch (giai đoạn 1); khu Đàm Sen thôn Đại Đồng, xã Đại Mạch (giai đoạn 2); khu phía Bắc miếu Lũng Đông, thôn Mạch Lũng; khu Đàm Am thôn Mạch Lũng, xã Đại Mạch	DVH	13,93		13,93	Huyện Đông Anh	2021-2025
58	Xây dựng khu sinh hoạt văn hóa cộng đồng thôn Lại Đà	DVH	10,20		10,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
59	Xây dựng nhà văn hóa thôn Lại Đà tại khu giáp trường Mầm non thôn Lại Đà, xã Đông Hội	DVH	1,00		1,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
60	Xây dựng điểm sinh hoạt cộng đồng phía Đông thôn Đồng Dầu; thôn Đồng Dầu; khu E7 thôn Dục Tú 2; phía Nam thôn Ngọc Lôi	DVH	2,51		2,51	Huyện Đông Anh	2021-2025

61	Xây dựng trung tâm văn hóa khu dân cư Thăng Long	DVH	2,00		2,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
62	Xây dựng trung tâm văn hóa thôn Hải Bối	DVH	3,00		3,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
63	Mở rộng khuôn viên phía Nam nhà Văn Hóa thôn Yên Hà, xã Hải Bối	DVH	0,11		0,11	Huyện Đông Anh	2021-2025
64	Kè ao, điểm sinh hoạt cộng đồng, bãi rác, bãi VLXD khu Đồng Bướm thôn Hải Bối, xã Hải Bối	DVH	0,70		0,70	Huyện Đông Anh	2021-2025
65	XD điểm sinh hoạt cộng đồng kết hợp cây xanh, bãi đỗ xe: phía Đông xóm Đồng một; phía Nam điểm Đâu giá X2 Thôn Bắc; phía Đông xóm 1 Bắc, 2 Bắc	DVH	2,68		2,68	Huyện Đông Anh	2021-2025
66	Xây dựng nhà văn hóa thôn Cầu Thăng Long	DVH	0,60		0,60	Huyện Đông Anh	2021
67	XD các điểm sinh hoạt cộng đồng kết hợp cây xanh: phía Nam khu hồ Địa Vệt Thôn Thọ Đa; Ao trường học thôn Bắc; khu gò Bãi Đình Thôn Thọ Đa; phía Tây hộ ông Chuyên Thôn Thọ Đa; phía Nam xóm Bàng (trước cửa nhà ông bà Hòa Tuyết); giáp điểm X4 Khu Cột cờ thôn Đoài	DVH	2,40		2,40	Huyện Đông Anh	2021-2025
68	Cải tạo, mở rộng nhà văn hóa xóm Mới thôn Du Ngoại, xã Mai Lâm	DVH	0,27		0,27	Huyện Đông Anh	2021-2025
69	Xây dựng nhà văn hóa thôn Lê Xá, xã Mai Lâm	DVH	0,33		0,33	Huyện Đông Anh	2021-2025
70	Xây dựng nhà văn hóa thôn Lộc Hà	DVH	0,33		0,33	Huyện Đông Anh	2021-2025
71	Trồng cây xanh kết hợp bãi đỗ xe và điểm sinh hoạt cộng đồng khu nhà văn hóa cũ thôn Đồng; các điểm đất công trên địa bàn xã;	DVH	1,28		1,28	Huyện Đông Anh	2021-2025
72	Xây dựng các nhà văn hóa, khu sinh hoạt cộng đồng, cây xanh: khu đô thị Nguyên Khê ;trước và sau khu nhà thờ thôn Đại Bần; theo quy hoạch tại Xóm Ngõ; kè ao theo quy hoạch sau làng thôn Sơn Du; phía nam cầu xóm 6 Nguyên Khê; phía Bắc cầu xóm 6 Nguyên Khê; xóm đường	DVH	5,71		5,71	Huyện Đông Anh	2021-2025
73	Xây dựng vườn hoa trung tâm và đài tưởng niệm liệt sỹ Tầm Xá	DVH	0,36		0,36	Huyện Đông Anh	2021-2025
74	Xây dựng điểm vui chơi, sinh hoạt cộng đồng tại khu hồ trạm y tế cũ; thôn Đoài, xã Tầm Xá	DVH	0,09		0,09	Huyện Đông Anh	2021-2025
75	Xây dựng trung tâm văn hóa xã kết hợp nhà thi đấu đa năng xã Tầm Xá	DVH	0,64		0,64	Huyện Đông Anh	2021-2025

76	Đầu tư xây dựng điểm đỗ xe, điểm sinh hoạt cộng đồng khu đầu cầu thôn Cổ Miếu, xã Thụy Lâm	DVH	0,15		0,15	Huyện Đông Anh	2021-2025
77	Đầu tư xây dựng Nhà văn hóa khu 5 xã Thụy Lâm (khu phân nông)	DVH	0,60		0,60	Huyện Đông Anh	2021-2025
78	Đầu tư xây dựng Nhà Văn hóa khu 7, xã Thụy Lâm	DVH	0,99		0,99	Huyện Đông Anh	2021-2025
79	Mở rộng khuôn viên nhà VH thôn Trung Oai	DVH	0,35		0,35	Huyện Đông Anh	2021-2025
80	Xây dựng nhà VH, điểm SH CD phía nam thôn Tuấn Lễ (giáp khu nhà ở xã hội)	DVH	0,55		0,55	Huyện Đông Anh	2021-2025
81	Xây dựng các điểm sinh hoạt cộng đồng: khu vực sân bóng xóm Cời thôn Trung Oai; trước cổng đình thôn Lễ Pháp; thôn Lương Nỗ; Tây Nam thôn Tiên Kha xã Tiên Dương	DVH	1,67	0,85	0,82	Huyện Đông Anh	2021-2025
82	Xây dựng Nhà văn hóa huyện Đông Anh	DVH	7,01	2,49	4,52	Huyện Đông Anh	2021-2025
83	Xây dựng khu vui chơi sinh hoạt cộng đồng kết hợp cây xanh và bãi đỗ xe thôn Hà Khê 1; thôn Hà Khê 2, xã Vân Hà	DVH	1,52		1,52	Huyện Đông Anh	2021-2025
84	Mở rộng mới trung tâm văn hóa xã Vân Hà	DVH	0,90		0,90	Huyện Đông Anh	2021-2025
85	Xây dựng nhà văn hóa thôn Cổ Châu, xã Vân Hà	DVH	0,27		0,27	Huyện Đông Anh	2021-2025
86	Xây dựng nhà văn hóa thôn Thiết Bình, xã Vân Hà	DVH	0,30		0,30	Huyện Đông Anh	2021-2025
87	Xây dựng điểm sinh hoạt cộng đồng tại các thôn: Hà Khê; thôn Thiết Bình, xã Vân Hà	DVH	0,79		0,79	Huyện Đông Anh	2021-2025
88	Trồng cây xanh kết hợp bãi đỗ xe điểm sinh hoạt cộng đồng tại khu cổng Hàu (Ma lê) thôn Trung	DVH	0,60		0,60	Huyện Đông Anh	2021-2025
89	Xây dựng điểm vui chơi Ao dài kết hợp khu nhà văn hóa thôn Đoài, xã Việt Hùng	DVH	0,40		0,40	Huyện Đông Anh	2021-2025
90	Xây dựng khu sinh hoạt cộng đồng khu Đông, xã Việt Hùng	DVH	1,50		1,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
91	Xây dựng nhà văn hóa cụm dân cư số 3, cụm dân cư số 4 thôn Phương Trạch, xã Vĩnh Ngọc	DVH	0,30		0,30	Huyện Đông Anh	2021-2025
92	Trồng cây xanh, bãi đỗ xe điểm sinh hoạt cộng đồng xóm mới thôn Vồng La.	DVH	0,50		0,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
93	Xây dựng Khu cây xanh sinh hoạt cộng đồng xóm Ấp, thôn Sáp Mai, xã Vồng La, huyện Đông Anh	DVH	0,34		0,34	Huyện Đông Anh	2021-2025

94	Xây dựng khuôn viên nhà văn hóa, sân vận động kết hợp bãi đỗ xe và điểm sinh hoạt cộng đồng thôn Xuân Trạch	DVH	0,15		0,15	Huyện Đông Anh	2021-2025
95	Dự án xây dựng khuôn viên Nhà văn hoá thôn Xuân Trạch	DVH	0,35		0,35	Huyện Đông Anh	2021-2025
96	Trồng cây xanh, kê ao, điểm sinh hoạt cộng đồng tại khu vực ao Dộc trong thôn Văn Thượng; thôn Vạn Lộc, xã Xuân Canh	DVH	0,60		0,60	Huyện Đông Anh	2021-2025
97	Trồng cây xanh, bãi đỗ xe kết hợp điểm sinh hoạt cộng đồng ao Phía Nam xóm 1 thôn Kim Tiên	DVH	3,27		3,27	Huyện Đông Anh	2021-2025
98	Trồng cây xanh, điểm sinh hoạt cộng đồng Phía tây Bắc thôn Đường Nhạn	DVH	0,35		0,35	Huyện Đông Anh	2021-2025
99	Xây dựng trung tâm văn hóa, thể dục thể thao xã Đông Hội, huyện Đông Anh	DVH	2,31		2,31	Huyện Đông Anh	2021-2025
100	Xây dựng nhà văn hóa các tổ dân phố thị trấn Đông Anh	DVH	0,47		0,47	Huyện Đông Anh	2021-2025
101	Xây dựng vườn hoa, cây xanh tổ dân phố Kiên Thành, thị trấn Trâu Quỳ huyện Gia Lâm	DVH	1,70	1,70		Huyện Gia Lâm	2022
102	Xây dựng trung tâm văn hóa thể thao xã Đa Tốn, giai đoạn II	DVH	2,30	2,30		Huyện Gia Lâm	2022
103	Xây dựng trung tâm văn hóa thể thao xã Dương Hà	DVH	1,10	1,10		Huyện Gia Lâm	2022
104	Xây dựng trung tâm văn hóa thông tin và thể thao huyện Gia	DVH	5,00	5,00		Huyện Gia Lâm	2022
105	Xây dựng trung tâm văn hóa - thể thao xã Dương Xá	DVH	2,00		2,00	Huyện Gia Lâm	2024-2025
106	Mở rộng nhà văn hóa Huyện Gia Lâm	DVH	1,20		1,20	Huyện Gia Lâm	2024-2025
107	Xây dựng trung tâm văn hóa thể thao xã Đình Xuyên	DVH	1,50		1,50	Huyện Gia Lâm	2024-2025
108	Xây dựng trung tâm văn hóa thể thao xã Đình Xuyên - GĐ 2	DVH	0,50		0,50	Huyện Gia Lâm	2024-2025
109	Xây dựng trung tâm văn hóa thể thao xã Kiều Kỵ	DVH	1,10		1,10	Huyện Gia Lâm	2024-2025
110	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Trung tâm văn hóa thể thao xã Kim Sơn (Ao Lò Gạch Thôn Kim Sơn)	DVH	1,30		1,30	Huyện Gia Lâm	2024-2025
111	Xây dựng Trung tâm văn hoá thể thao xã Đặng Xá	DVH	1,50		1,50	Huyện Gia Lâm	2024-2025
112	Xây dựng nhà văn hóa thôn Trùng Quán, xã Yên Thường	DVH	0,07		0,07	Huyện Gia Lâm	2023-2024
113	Xây dựng nhà văn hóa thôn Phù Đồng 2, xã Phù Đồng	DVH	0,05		0,05	Huyện Gia Lâm	2023-2024
114	Xây dựng nhà văn hóa thôn 5+6 xã Đình xuyên	DVH	0,10		0,10	Huyện Gia Lâm	2023-2024
115	Xây dựng nhà văn hóa thôn 8, xã Đình Xuyên	DVH	0,05		0,05	Huyện Gia Lâm	2023-2024

116	Xây dựng nhà văn hoá thôn 1 Giang Cao, xã Bát Tràng	DVH	0,21	0,21		Huyện Gia Lâm	2023-2024
117	Xây dựng nhà văn hoá thôn 3 Giang Cao, xã Bát Tràng	DVH	0,22	0,22		Huyện Gia Lâm	2023-2024
118	Xây dựng nhà văn hoá các thôn: Nhân Lễ, An Đà; xã Đặng Xá	DVH	0,16		0,16	Huyện Gia Lâm	2023-2024
119	Xây dựng HTKT và nhà văn hóa trung tâm xã Kim Chung	DVH	1,70		1,70	Huyện Hoài Đức	2021
120	Xây dựng nhà văn hóa trung tâm kết hợp khu cây xanh công cộng xã Minh Khai	DVH	1,30		1,30	Huyện Hoài Đức	2022
121	Trung tâm văn hóa thể thao xã Cát Quế	DVH	3,00		3,00	Huyện Hoài Đức	2023-2024
122	Nhà văn hóa trung tâm xã La Phù	DVH	0,65		0,65	Huyện Hoài Đức	2023-2024
123	Xây dựng khu trung tâm văn hóa thể thao - khu cây xanh xã Đông La	DVH	3,12		3,12	Huyện Hoài Đức	2023-2024
124	Xây dựng khu trung tâm văn hóa thể thao xã Đức Giang	DVH	0,55		0,55	Huyện Hoài Đức	2023-2024
125	Trung tâm văn hóa thể dục thể thao xã Di Trạch	DVH	0,63		0,63	Huyện Hoài Đức	2023-2024
126	Xây dựng nhà văn hóa tổ 4 thị trấn Quang Minh	DVH	0,50		0,50	Huyện Mê Linh	2022
127	Nhà văn hóa thôn Đại Bái, xã Đại Thịnh	DVH	0,21		0,21	Huyện Mê Linh	2022
128	Nhà văn hóa thôn Nội Đồng, xã Đại Thịnh	DVH	0,17		0,17	Huyện Mê Linh	2022
129	Nhà văn hoá thôn Thượng, xã Đại Thịnh, huyện Mê Linh	DVH	0,15		0,15	Huyện Mê Linh	2022
130	Nhà văn hóa thôn Thọ Lão	DVH	0,21		0,21	Huyện Mê Linh	2022
131	Nhà văn hóa thôn Trung Hà	DVH	0,15		0,15	Huyện Mê Linh	2022
132	Nhà văn hóa thôn Văn Quán 2, xã Văn Khê	DVH	0,18		0,18	Huyện Mê Linh	2022
133	Nhà văn hóa thôn Khê Ngoại 3, xã Văn Khê	DVH	0,18		0,18	Huyện Mê Linh	2022
134	Nhà văn hóa thôn Khê Ngoại 5, xã Văn Khê	DVH	0,21		0,21	Huyện Mê Linh	2022
135	Nhà văn hóa thôn 1 Hạ Lôi, xã Mê Linh	DVH	0,15		0,15	Huyện Mê Linh	2022
136	Nhà văn hóa thôn 2 Hạ Lôi, xã Mê Linh	DVH	0,15		0,15	Huyện Mê Linh	2022
137	Nhà văn hóa thôn 4 Hạ Lôi, xã Mê Linh	DVH	0,20		0,20	Huyện Mê Linh	2022
138	Nhà văn hóa thôn Thanh Vân, xã Thanh Lâm	DVH	0,25		0,25	Huyện Mê Linh	2022
139	Nhà sinh hoạt cộng đồng Văn hóa - Thể dục thể thao tổ dân phố số 1, thị trấn Quang Minh	DVH	0,24		0,24	Huyện Mê Linh	2022
140	Nhà văn hóa thôn Đông Cao, xã Tráng Việt, huyện Mê Linh	DVH	0,13		0,13	Huyện Mê Linh	2022
141	Nhà văn hóa tổ dân phố số 2 thị trấn Chi Đông, huyện Mê Linh	DVH	0,21		0,21	Huyện Mê Linh	2022

142	Nhà sinh hoạt cộng đồng Văn hóa - Thể dục thể thao tổ dân phố số 2, thị trấn Quang Minh	DVH	0,24		0,24	Huyện Mê Linh	2022
143	Xây dựng nhà văn hóa thôn Thanh Diêm; Yên Thị; Kỳ Đồng; Chu Trần; Yên Giáp.	DVH	0,50	0,50		Huyện Mê Linh	2022
144	Nhà văn hóa thôn Yên Vinh, xã Thanh Lâm	DVH	0,33	0,33		Huyện Mê Linh	2022
145	Nhà văn hóa TDP số 8, thị trấn Chi Đông, huyện Mê Linh	DVH	0,30	0,30		Huyện Mê Linh	2022
146	Nhà văn hóa thôn Bạch Đa	DVH	0,19	0,19		Huyện Mê Linh	2022
147	Nhà văn hóa thôn Kim Tiền	DVH	0,11	0,11		Huyện Mê Linh	2022
148	Nhà văn hóa thôn Yên Phú	DVH	0,15	0,15		Huyện Mê Linh	2022
149	Nhà văn hóa thôn Bến Già	DVH	0,10	0,10		Huyện Mê Linh	2022
150	Nhà văn hóa thôn Ngọc Trì	DVH	0,19	0,19		Huyện Mê Linh	2022
151	Nhà văn hóa thôn Phù Trì	DVH	0,20	0,20		Huyện Mê Linh	2022
152	Xây dựng nhà văn hóa tổ 7 thị trấn Quang Minh	DVH	0,50	0,50		Huyện Mê Linh	2022
153	Nhà văn hóa Tân Châu, Chu Phan, Nại Châu, Mạch Tử,	DVH	1,10	1,10		Huyện Mê Linh	2022
154	Xây dựng công, tường rào, sân vườn và hệ thống chiếu sáng nhà văn hóa thôn Yên Thị, thôn Yên Giáp, xã Tiến Thịnh, huyện Mê Linh	DVH	0,07		0,07	Huyện Mê Linh	2022
155	Xây dựng nhà văn hóa thôn Khê Ngoại 2, xã Văn Khê, huyện Mê Linh	DVH	0,49		0,49	Huyện Mê Linh	2021-2025
156	Nhà văn hóa thôn Khê Ngoại I, xã Văn Khê	DVH	0,20		0,20	Huyện Mê Linh	2021-2025
157	Nhà văn hóa tổ 2 tại khu đồng Sau	DVH	0,25		0,25	Huyện Mê Linh	2021-2025
158	QH Nhà văn hóa thôn Trung Hà	DVH	0,15		0,15	Huyện Mê Linh	2021-2025
159	QH Nhà văn hóa thôn Tráng Việt (đồng Vịt Thượng)	DVH	0,21		0,21	Huyện Mê Linh	2021-2025
160	Trung tâm văn hóa - Thể thao xã Tự Lập, huyện Mê Linh	DVH	1,45		1,45	Huyện Mê Linh	2022-2025
161	Trung tâm văn hóa - Thể thao xã Thạch Đà, huyện Mê Linh	DVH	3,23		3,23	Huyện Mê Linh	2022-2025
162	Trung tâm văn hóa - Thể thao xã Liên Mạc, huyện Mê Linh	DVH	2,49		2,49	Huyện Mê Linh	2022-2025
163	Trung tâm văn hóa - Thể thao xã Tiến Thịnh, huyện Mê Linh	DVH	2,49		2,49	Huyện Mê Linh	2022-2025
164	Trung tâm văn hóa - Thể thao xã Kim Hoa, huyện Mê Linh	DVH	3,00		3,00	Huyện Mê Linh	2022-2025
165	Trung tâm văn hóa - Thể thao xã Tam Đồng, huyện Mê Linh	DVH	2,05		2,05	Huyện Mê Linh	2022-2025
166	Công viên Thủy Đình (cả điểm rồi nước)	DVH	1,58	1,58		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
167	Tượng đài mỹ thuật	DVH	0,05	0,05		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
168	Xây mới NVH Tổ dân phố Tế	DVH	0,30	0,30		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
169	Xây nhà văn hóa xã	DVH	1,45	1,45		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
170	Nhà văn hóa thôn Trung	DVH	0,32	0,32		Huyện Mỹ Đức	2021
171	Xây mới Nhà văn hóa trung tâm	DVH	0,11	0,11		Huyện Mỹ Đức	2022-2025

172	Nhà văn hóa thôn Trê	DVH	0,05	0,05		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
173	Nhà văn hóa thôn Giữa Quýt 1	DVH	0,05	0,05		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
174	Nhà văn hóa thôn Giữa Quýt 2	DVH	0,05	0,05		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
175	Nhà văn hóa xã	DVH	0,35	0,35		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
176	Nhà văn hóa thôn Khảm Lâm	DVH	0,16	0,16		Huyện Mỹ Đức	2021
177	Nhà văn hóa thôn Chân Chim	DVH	0,10	0,10		Huyện Mỹ Đức	2021
178	Nhà văn hóa thôn Phúc Lâm Thượng	DVH	0,20	0,20		Huyện Mỹ Đức	2021
179	Nhà VH thôn Phúc Lâm Hạ	DVH	0,30	0,30		Huyện Mỹ Đức	2021
180	Nhà Văn hóa thôn Phúc Lâm Trung	DVH	0,20	0,20		Huyện Mỹ Đức	2021
181	Nhà Văn Hóa thôn Phù Yên	DVH	0,07	0,07		Huyện Mỹ Đức	2021
182	Nhà Văn hóa xã	DVH	0,25	0,25		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
183	Xây mới nhà văn hóa thôn Vĩnh Lạc	DVH	0,31	0,31		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
184	Xây mới nhà văn hóa thôn Vĩnh xương Trung	DVH	0,21	0,21		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
185	Xây mới nhà văn hóa thôn Vĩnh xương Thượng	DVH	0,34	0,34		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
186	Xây mới nhà văn hóa trung tâm xã	DVH	0,30	0,30		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
187	Xây mới nhà văn hóa xã	DVH	0,36	0,36		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
188	Xây dựng NVH thôn Phúc Khê	DVH	0,10	0,10		Huyện Mỹ Đức	2021-2022
189	Nhà Văn Hóa xã	DVH	0,25	0,25		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
190	Nhà văn hóa thôn Đoan Nữ	DVH	0,37	0,37		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
191	Nhà văn hóa thôn Thượng	DVH	0,10	0,10		Huyện Mỹ Đức	2021
192	Nhà văn hóa thôn Vĩnh An	DVH	0,19	0,19		Huyện Mỹ Đức	2021
193	Nhà văn hóa xã	DVH	0,25	0,25		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
194	Nhà văn hóa thôn Trung	DVH	0,26	0,26		Huyện Mỹ Đức	2021
195	Nhà văn hóa thôn Bình Lạng	DVH	0,30	0,30		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
196	Nhà văn hóa thôn Đặng xã Hồng Sơn	DVH	0,80	0,80		Huyện Mỹ Đức	2023
197	Trung Tâm văn hóa xã	DVH	0,74	0,74		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
198	Nhà Văn hóa thôn Áng Hạ	DVH	0,10	0,10		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
199	Nhà Văn hóa thôn Lê Xá	DVH	0,25	0,25		Huyện Mỹ Đức	2022
200	Nhà Văn hóa thôn Áng Thượng	DVH	0,10	0,10		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
201	Nhà văn hóa trung tâm xã	DVH	0,28	0,28		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
202	Nhà Văn hóa thôn Tân Độ	DVH	0,20	0,20		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
203	Nhà văn hóa xã Phùng Xá	DVH	0,60	0,60		Huyện Mỹ Đức	2023
204	Nhà văn hóa thôn Thượng 1	DVH	0,30	0,30		Huyện Mỹ Đức	2022
205	Nhà văn hoá xóm Mới	DVH	0,15	0,15		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
206	Xây mới nhà văn hóa thôn 4	DVH	0,15	0,15		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
207	Quy hoạch NVH thôn 10	DVH	0,20	0,20		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
208	Nhà văn hoá xã	DVH	0,37	0,37		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
209	Nhà văn hóa xã	DVH	0,35	0,35		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
210	Nhà văn hóa thôn Kim Bôi	DVH	0,30	0,30		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
211	Nhà văn hóa xã	DVH	0,25	0,25		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
212	Mở rộng nhà văn hóa và khu thể thao Vạn Phúc	DVH	0,46	0,46		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
213	Nhà văn hóa xóm 6	DVH	0,05	0,05		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
214	Nhà văn hóa xóm 4	DVH	0,05	0,05		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
215	Nhà văn hóa xóm 3	DVH	0,07	0,07		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
216	Nhà văn hóa xóm 7	DVH	0,10	0,10		Huyện Mỹ Đức	2022-2025

217	Nhà văn hóa xã	DVH	0,18	0,18		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
218	Nhà văn hóa xã	DVH	2,30	2,30		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
219	Nhà văn hóa thôn Nông Khê	DVH	0,26	0,26		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
220	Nhà Văn Hóa thôn Vạn Thắng	DVH	0,21	0,21		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
221	Nhà Văn Hóa thôn Hiền Lương	DVH	0,15	0,15		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
222	Nhà văn hóa xã An Tiến	DVH	0,17	0,17		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
223	Trung tâm sinh hoạt cộng đồng	DVH	0,13	0,13		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
224	Khu sinh hoạt cộng đồng Cửa Quan	DVH	0,20	0,20		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
225	Khu sinh hoạt cộng đồng Cửa	DVH	0,20	0,20		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
226	Nhà văn hoá xã	DVH	0,56	0,56		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
227	Nhà văn hóa thôn Ải	DVH	0,20	0,20		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
228	Nhà văn hóa thôn Vài	DVH	0,05	0,05		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
229	Nhà văn hóa thôn Phú Hiền	DVH	0,20	0,20		Huyện Mỹ Đức	2021
230	Nhà văn hóa thôn Đồng Chiêm	DVH	0,30	0,30		Huyện Mỹ Đức	2022
231	Nhà văn hóa thôn Ái Nàng	DVH	0,20	0,20		Huyện Mỹ Đức	2022
232	Nhà Văn hóa thôn Đức Dương	DVH	0,20	0,20		Huyện Mỹ Đức	2022
233	Nhà văn hóa thôn Đồng Văn	DVH	0,20	0,20		Huyện Mỹ Đức	2022
234	Nhà văn hóa thôn Phú Thanh	DVH	0,20	0,20		Huyện Mỹ Đức	2022
235	Nhà văn hóa thôn Đồi Dừng	DVH	0,20	0,20		Huyện Mỹ Đức	2022
236	Nhà văn hóa thôn Nam Hưng	DVH	0,20	0,20		Huyện Mỹ Đức	2022
237	Nhà văn hóa trung tâm	DVH	0,64	0,64		Huyện Mỹ Đức	2022
238	Nhà văn hóa thôn Phú Liễn	DVH	0,20	0,20		Huyện Mỹ Đức	2022
239	Xây dựng khu trung tâm văn hóa - thể thao huyện Mỹ Đức	DVH	4,44	4,44		Huyện Mỹ Đức	2023
240	Dự án Trung tâm văn hóa thể thao xã Đại Thắng	DVH	0,40		0,40	Huyện Phú Xuyên	2022
241	Trung tâm Văn hoá - Thể thao huyện	DVH	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2022
242	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Tri Trung	DVH	0,50		0,50	Huyện Phú Xuyên	2022
243	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Hồng Minh	DVH	0,50		0,50	Huyện Phú Xuyên	2022
244	Nhà Văn hóa thôn An Bình, xã Bạch Hạ	DVH	0,10		0,10	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
245	Trung tâm văn hóa - thể thao xã Châu Can	DVH	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
246	Nhà Văn hóa thôn Trung, xã Châu Can	DVH	0,10		0,10	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
247	Trung tâm văn hóa-thể thao xã Chuyên Mỹ	DVH	0,50		0,50	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
248	Trung tâm văn hóa thể thao xã Đại Thắng	DVH	0,40		0,40	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
249	Nhà văn hóa thôn Kiều Đông	DVH	0,12		0,12	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
250	Tượng đài chiến thắng Cầu Giẽ	DVH	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
251	Nhà văn hóa thôn Kim Long Thượng, xã Hoàng Long	DVH	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
252	Nhà văn hóa thôn Hoàng Đông	DVH	0,07		0,07	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
253	Nhà Văn hóa thôn Thanh Xuyên	DVH	0,09		0,09	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
254	Trung tâm văn hóa-thể thao xã Hồng Minh	DVH	0,50		0,50	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
255	Nhà Văn hóa thôn An Cốc xã Hồng Minh	DVH	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2021-2025

256	Nhà văn hóa thôn Phù Bật xã Hồng Minh	DVH	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
257	Nhà văn hóa thôn Giữa, xã Hồng Minh	DVH	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
258	Nhà Văn hóa thôn Lạt Dương, xã Hồng Thái	DVH	0,26		0,26	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
259	Trung tâm văn hóa-thể thao xã Hồng Thái	DVH	0,95		0,95	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
260	Nhà Văn hóa thôn Thành Lập 1, xã Minh Tân	DVH	0,10		0,10	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
261	Trung tâm văn hóa-thể thao xã Nam Phong	DVH	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
262	Nhà văn hóa thôn Chanh Thôn, xã Nam Tiến	DVH	0,15		0,15	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
263	QH nhà văn hóa thôn Văn Minh	DVH	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
264	Trung tâm văn hóa thể thao xã Nam Tiến	DVH	0,25		0,25	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
265	Nhà văn hóa xã Nam Triều	DVH	0,40		0,40	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
266	Trung tâm văn hóa- thể thao xã Nam Triều	DVH	1,50		1,50	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
267	Trung tâm văn hóa - thể thao xã Phú Túc	DVH	3,20		3,20	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
268	Nhà văn hóa thôn Phú Túc xã Phú Túc	DVH	0,09		0,09	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
269	Nhà văn hóa thôn Đường La	DVH	0,15		0,15	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
270	QH Nhà văn hóa thôn Lưu Xá khu vực Ô 1 Ao Đen	DVH	0,19		0,19	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
271	Nhà văn hóa thôn Tư Sản	DVH	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
272	Nhà Văn hóa thôn Thủy Phú, xã Phú Yên	DVH	0,40		0,40	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
273	Trung tâm văn hóa-thể thao xã Phú Yên	DVH	3,30		3,30	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
274	Nhà Văn hóa thôn Khả Liễu, xã Phúc Tiến	DVH	0,40		0,40	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
275	Trung tâm Văn Hoá- Thể Thao xã Phúc Tiến	DVH	2,00		2,00	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
276	QH nhà văn hóa Thôn Phụng Vũ	DVH	0,11		0,11	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
277	Trung tâm Văn Hoá- Thể Thao xã Quang Lăng	DVH	2,00		2,00	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
278	Nhà Văn hóa thôn Sơn Thanh, xã Sơn Hà	DVH	0,23		0,23	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
279	Trung tâm văn hóa-thể thao xã Tân Dân	DVH	1,40		1,40	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
280	Nhà Văn hóa thôn Lễ Nhuế, xã Tân Dân	DVH	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
281	Nhà Văn hóa thôn Hoàng Nguyên xã Tri Thủy	DVH	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
282	Nhà văn hóa thôn Tri Thủy, xã Tri Thủy	DVH	0,30		0,30	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
283	Nhà Văn hóa thôn Vĩnh Ninh, xã Tri Thủy	DVH	0,15		0,15	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
284	Nhà Văn hóa thôn Tri Chỉ xã Tri Trung	DVH	0,89		0,89	Huyện Phú Xuyên	2021-2025

285	Nhà Văn hóa tiểu khu Đường, thị trấn Phú Minh	DVH	0,08		0,08	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
286	Nhà văn hóa tiểu khu Phú Thịnh	DVH	0,19		0,19	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
287	Trung tâm VH thể thao huyện Phú Xuyên	DVH	7,00		7,00	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
288	Xây danh bia liệt sỹ	DVH	0,10		0,10	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
289	Trung tâm văn hóa-thể thao xã Văn Hoàng	DVH	0,50		0,50	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
290	Nhà văn hóa thôn Hội, xã Văn Hoàng	DVH	0,21		0,21	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
291	Nhà Văn hóa thôn Nội xã Văn Hoàng	DVH	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
292	Nhà Văn Hóa thôn Từ Thuận, xã Văn Từ	DVH	0,12		0,12	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
293	Nhà Văn hóa thôn Chung, xã Văn Từ	DVH	0,50		0,50	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
294	Nhà văn hóa thôn Chung Chấn	DVH	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
295	Nhà văn hóa thôn Ứng Cử	DVH	0,36		0,36	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
296	Trung tâm Văn hoá thể thao xã Sơn Hà	DVH	0,70		0,70	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
297	Trung tâm Văn hoá thể thao xã Minh Tân	DVH	0,80		0,80	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
298	Trung tâm Văn hoá thể thao thị trấn Phú Minh	DVH	0,71		0,71	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
299	Trung tâm Văn hoá thể thao xã Bạch Hạ	DVH	0,52		0,52	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
300	Trung tâm Văn hoá thể thao xã Phụng Dục	DVH	0,72		0,72	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
301	Nhà văn hóa - khu thể thao TDP số 2	DVH	0,30		0,30	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
302	Nhà văn hóa tổ dân phố số 3	DVH	0,36		0,36	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
303	Nâng cấp Trung tâm văn hóa - thông tin và thể thao huyện Phúc Thọ	DVH	4,10		4,10	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
304	Nhà văn hóa - khu thể thao thôn 1 xã Hát Môn	DVH	0,20		0,20	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
305	Nhà văn hóa - khu thể thao thôn 2 xã Hát Môn	DVH	0,20		0,20	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
306	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn 3	DVH	0,20		0,20	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
307	Nhà văn hóa - khu thể thao thôn 4 xã Hát Môn	DVH	0,20		0,20	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
308	Nhà văn hóa - khu thể thao thôn 5 xã Hát Môn	DVH	0,22		0,22	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
309	Nhà văn hóa - khu thể thao thôn 6 xã Hát Môn	DVH	0,25		0,25	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
310	Nhà văn hóa - khu thể thao thôn 7 xã Hát Môn	DVH	0,20		0,20	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
311	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn 8	DVH	0,20		0,20	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
312	Trung tâm văn hóa - thể thao xã Hát Môn	DVH	2,10		2,10	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
313	Trung tâm văn hóa xã Hiệp Thuận	DVH	2,10		2,10	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
314	Nhà văn hóa - khu thể thao thôn Hiệp Lộc 1 xã Hiệp Thuận	DVH	0,25		0,25	Huyện Phúc Thọ	2023-2024

315	Nhà văn hóa - khu thể thao thôn Hiệp Lộc 3 xã Hiệp Thuận	DVH	0,05		0,05	Huyện Phúc Thọ	2023-2024
316	Xây dựng vườn hoa, cây xanh, gắn biển tại địa điểm lưu niệm sự kiện Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm và làm việc tại công trường đắp đê Ngọc Tảo xã Hiệp Thuận và Tam Hiệp, huyện Phúc Thọ,	DVH	1,00		1,00	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
317	Xây dựng Nhà văn hóa thôn Yên Dục, xã Hiệp Thuận	DVH	0,05		0,05	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
318	Nhà văn hóa thôn 4 xã Liên Hiệp	DVH	0,14		0,14	Huyện Phúc Thọ	2021-2023
319	Nhà văn hóa - khu thể thao thôn 8 xã Liên Hiệp	DVH	0,10		0,10	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
320	Nhà văn hóa thôn 6 xã Liên Hiệp	DVH	0,10		0,10	Huyện Phúc Thọ	2022-2023
321	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn Phù Long 3, xã Long Xuyên	DVH	0,30		0,30	Huyện Phúc Thọ	2021-2023
322	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn Triệu Xuyên 2, xã Long Xuyên	DVH	0,30		0,30	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
323	Nhà văn hóa khu thể thao thôn Bảo Vệ 1	DVH	0,52		0,52	Huyện Phúc Thọ	2023-2024
324	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn Bảo Vệ 2, xã Long Xuyên	DVH	0,52		0,52	Huyện Phúc Thọ	2021-2023
325	Xây dựng nhà văn hóa thôn 6	DVH	0,21		0,21	Huyện Phúc Thọ	2021-2023
326	Xây dựng nhà văn hóa thôn 10	DVH	0,10		0,10	Huyện Phúc Thọ	2021-2023
327	Xây dựng nhà văn hóa thôn 7	DVH	0,08		0,08	Huyện Phúc Thọ	2022-2023
328	Nhà văn hóa - khu thể thao thôn 1, xã Phúc Hòa	DVH	0,25		0,25	Huyện Phúc Thọ	2023-2024
329	Xây mới nhà văn hóa thôn 7 xã Phúc Hòa	DVH	0,05		0,05	Huyện Phúc Thọ	2022-2023
330	Nhà văn hóa thôn 3 xã Phụng Thương	DVH	0,20		0,20	Huyện Phúc Thọ	2021-2023
331	Nhà văn hóa thôn 8 xã Phụng Thương	DVH	0,09		0,09	Huyện Phúc Thọ	2022-2023
332	Nhà văn hóa - khu thể thao thôn 5 và thôn 9, xã Phụng Thượng	DVH	0,50		0,50	Huyện Phúc Thọ	2021-2023
333	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn 6	DVH	0,20		0,20	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
334	Nhà văn hóa thôn 3 xã Sen	DVH	0,25		0,25	Huyện Phúc Thọ	2021-2023
335	Nhà văn hóa thôn 4 xã Sen	DVH	0,25		0,25	Huyện Phúc Thọ	2021-2023
336	Nhà văn hóa thôn 8 xã Sen	DVH	0,27		0,27	Huyện Phúc Thọ	2022-2023
337	Nhà văn hóa thôn 9 xã Sen	DVH	0,11		0,11	Huyện Phúc Thọ	2022-2023
338	Nhà văn hóa- khu thể thao thôn Mỹ Giang xã Tam Hiệp	DVH	0,25		0,25	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
339	Mở rộng nhà văn hóa thôn 3	DVH	0,25		0,25	Huyện Phúc Thọ	2023-2024
340	Trung tâm văn hóa xã Tam Hiệp	DVH	0,76		0,76	Huyện Phúc Thọ	2021-2022
341	Nhà văn hóa thôn Táo 1, xã Tam Thuận	DVH	0,25		0,25	Huyện Phúc Thọ	2023-2024
342	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn Bướm	DVH	0,50		0,50	Huyện Phúc Thọ	2023-2024
343	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn Dum	DVH	0,05		0,05	Huyện Phúc Thọ	2022-2023
344	Trung tâm văn hóa TDTT xã Thọ Lộc	DVH	2,45		2,45	Huyện Phúc Thọ	2023-2025

345	Nhà văn hóa - khu thể thao thôn Thượng Cốc xã Thượng Cốc	DVH	0,26		0,26	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
346	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn Kim Lũ	DVH	0,13		0,13	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
347	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn Thu Vi	DVH	0,08		0,08	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
348	Trung tâm văn hóa - thể thao xã Tích Giang	DVH	2,00		2,00	Huyện Phúc Thọ	2023-2024
349	Nhà văn hóa thôn 6 xã Tích Giang	DVH	0,25		0,25	Huyện Phúc Thọ	2022-2023
350	Nhà văn hóa - khu thể thao thôn Trạch Lôi	DVH	0,70		0,70	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
351	Trung tâm văn hóa thể thao xã Trạch Mỹ Lộc	DVH	1,50		1,50	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
352	Nhà văn hóa - khu thể thao thôn Bãi Đồn	DVH	0,32		0,32	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
353	Nhà văn hóa - khu thể thao thôn Bãi Cháy	DVH	0,30		0,30	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
354	Trung tâm văn hóa - thể thao xã Vân Hà	DVH	0,84		0,84	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
355	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn 1	DVH	0,13		0,13	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
356	Mở rộng nhà văn hóa thôn 5	DVH	0,29		0,29	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
357	Nhà văn hóa thôn 6 xã Vân Nam	DVH	0,20		0,20	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
358	Xây mới nhà văn hóa - khu thể thao thôn 2 Vĩnh Khang	DVH	0,25		0,25	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
359	Nhà văn hóa thôn 5 xã Vân Phúc	DVH	0,09		0,09	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
360	Trung tâm văn hóa - TT xã Vân Phúc	DVH	1,52		1,52	Huyện Phúc Thọ	2023-2024
361	Nhà văn hóa - khu thể thao thôn Bảo Lộc 3	DVH	0,25		0,25	Huyện Phúc Thọ	2022-2024
362	Nhà văn hóa - khu thể thao thôn Bảo Lộc 4	DVH	0,25		0,25	Huyện Phúc Thọ	2022-2024
363	Nhà văn hóa - khu thể thao thôn Bảo Lộc 5	DVH	0,28		0,28	Huyện Phúc Thọ	2022-2024
364	Nhà văn hóa - khu thể thao thôn Bắc Vông Ngoại	DVH	0,39		0,39	Huyện Phúc Thọ	2022-2024
365	Nhà văn hóa - khu thể thao thôn Nam Vông Ngoại	DVH	0,44		0,44	Huyện Phúc Thọ	2022-2024
366	Nhà văn hóa - khu thể thao thôn Phúc Xuyên	DVH	0,13		0,13	Huyện Phúc Thọ	2022-2024
367	Nhà văn hóa thôn Vông Nội	DVH	0,25		0,25	Huyện Phúc Thọ	2022-2023
368	Nhà văn hóa thôn Bảo Lộc 1	DVH	0,30		0,30	Huyện Phúc Thọ	2022-2023
369	Nhà văn hóa thôn Bảo Lộc 2	DVH	0,25		0,25	Huyện Phúc Thọ	2022-2023
370	Nhà văn hóa thôn Lục Xuân	DVH	0,25		0,25	Huyện Phúc Thọ	2022-2023
371	Nhà văn hóa thôn Phúc Trạch	DVH	0,25		0,25	Huyện Phúc Thọ	2022-2024
372	Trung tâm văn hóa thể thao xã Vông Xuyên	DVH	1,77		1,77	Huyện Phúc Thọ	2023-2024
373	Xây dựng NVH, khu thể thao Cẩm Đình	DVH	0,16		0,16	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
374	Nhà văn hóa thôn Yên Đình xã Xuân Đình	DVH	0,08		0,08	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
375	Nhà văn hóa - khu thể thao thôn Vân Đình xã Xuân Đình	DVH	0,11		0,11	Huyện Phúc Thọ	2023-2025

376	Nhà văn hóa - khu thể thao thôn Cự Đình xã Xuân Đình	DVH	0,10		0,10	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
377	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn 9	DVH	0,10		0,10	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
378	Xây mới nhà văn hóa - khu thể thao thôn Tăng Non Đường Hồng	DVH	0,30		0,30	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
379	Đất xây dựng cơ sở văn hóa (16 cơ sở)	DVH	26,01		26,01	Huyện Phúc Thọ	2021-2025
380	Nhà văn hóa thôn Đông Hạ, Trại Vàng	DVH	0,10		0,10	Huyện Quốc Oai	2021-2025
381	Nhà văn hóa thôn Yên Thái	DVH	0,20		0,20	Huyện Quốc Oai	2021-2025
382	Nhà văn hóa trung tâm xã Đông Yên	DVH	0,25		0,25	Huyện Quốc Oai	2021-2025
383	Nhà văn hóa thôn Đồng Âm	DVH	0,19		0,19	Huyện Quốc Oai	2021-2025
384	Nhà văn hóa thôn Đồng Chằm	DVH	0,50		0,50	Huyện Quốc Oai	2021-2025
385	Nhà văn hóa trung tâm xã Hòa Thạch	DVH	0,34		0,34	Huyện Quốc Oai	2021-2025
386	Nhà văn hóa thôn Thắng Đầu (giai đoạn I)	DVH	0,23	0,23		Huyện Quốc Oai	2021-2025
387	Nhà văn hóa thôn Đình Tú	DVH	0,24		0,24	Huyện Quốc Oai	2021-2025
388	Nhà văn hóa thôn Thái Khê	DVH	0,14		0,14	Huyện Quốc Oai	2021-2025
389	Nhà văn hóa Bến Vôi	DVH	0,33		0,33	Huyện Quốc Oai	2021-2025
390	Xây dựng khu trung tâm văn hóa xã Cấn Hữu	DVH	0,70		0,70	Huyện Quốc Oai	2021-2025
391	Xây dựng Trung tâm Văn hóa xã Nghĩa Hương, Quốc Oai, thành phố Hà Nội	DVH	0,74		0,74	Huyện Quốc Oai	2021-2025
392	Nhà văn hóa thôn Đồng Sơn	DVH	0,19		0,19	Huyện Quốc Oai	2021-2025
393	Nhà văn hóa thôn Liên Trì	DVH	0,10		0,10	Huyện Quốc Oai	2021-2025
394	Mở rộng nhà văn hóa thôn Muôn	DVH	0,14	0,10	0,04	Huyện Quốc Oai	2021-2025
395	Mở rộng nhà văn hóa Cổ Hiền	DVH	0,24	0,10	0,14	Huyện Quốc Oai	2021-2025
396	Đài tưởng niệm, Nhà văn hóa TT xã Tuyết Nghĩa	DVH	0,58		0,58	Huyện Quốc Oai	2021-2025
397	QH mới nhà văn hóa và sân thể thao cụm dân cư số 1-Cộng Hòa	DVH	0,20		0,20	Huyện Quốc Oai	2021-2025
398	QH mới nhà văn hóa và sân thể thao cụm dân cư số 2-Cộng Hòa	DVH	0,20		0,20	Huyện Quốc Oai	2021-2025
399	QH mới nhà văn hóa và sân thể thao cụm dân cư số 6-Cộng Hòa	DVH	0,20		0,20	Huyện Quốc Oai	2021-2025
400	Nhà văn hóa trung tâm xã Cộng Hòa	DVH	0,84		0,84	Huyện Quốc Oai	2021-2025
401	Nhà văn hóa trung tâm xã Tân	DVH	0,20		0,20	Huyện Quốc Oai	2021-2025
402	Xây dựng nhà văn hóa thôn 4	DVH	0,20		0,20	Huyện Quốc Oai	2021-2025
403	Nhà văn hóa thôn 5	DVH	0,10		0,10	Huyện Quốc Oai	2021-2025
404	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn 1	DVH	0,42		0,42	Huyện Quốc Oai	2021-2025
405	Xây dựng trung tâm văn hóa xã Tân Hòa, Quốc Oai, thành phố Hà Nội	DVH	1,04		1,04	Huyện Quốc Oai	2021-2025
406	Nhà văn hóa trung tâm xã Đại Thành	DVH	0,37		0,37	Huyện Quốc Oai	2021-2025
407	Nhà văn hóa thôn Tình Lam	DVH	0,19		0,19	Huyện Quốc Oai	2021-2025
408	Đất sinh hoạt cộng đồng Khu Nhà trẻ cũ thôn Tình Lam	DVH	0,17		0,17	Huyện Quốc Oai	2021-2025

409	Xây dựng bảo tàng thiên nhiên Việt Nam	DVH	38,30		38,30	Huyện Quốc Oai	2021-2025
410	Nhà văn hóa trung tâm xã Liệp Tuyết	DVH	0,25		0,25	Huyện Quốc Oai	2021-2025
411	XD mới NVH thôn Đồng Bụt	DVH	0,09		0,09	Huyện Quốc Oai	2021-2025
412	Xây dựng trung tâm văn hóa xã Ngọc Liệp, Quốc Oai, thành phố Hà Nội	DVH	0,35		0,35	Huyện Quốc Oai	2021-2025
413	Mở rộng nhà văn hóa thôn Ngọc Than	DVH	0,40	0,25	0,15	Huyện Quốc Oai	2021-2025
414	Xây dựng Trung tâm Văn hóa xã Ngọc Mỹ, Quốc Oai, thành phố Hà Nội	DVH	0,80		0,80	Huyện Quốc Oai	2021-2025
415	XD nhà văn hóa thôn 1	DVH	0,15		0,15	Huyện Quốc Oai	2021-2025
416	Xây dựng trung tâm văn hóa, thể thao xã Thạch Thán, Quốc Oai, thành phố Hà Nội	DVH	1,50		1,50	Huyện Quốc Oai	2021-2025
417	Nâng cấp cải tạo nhà văn hoá thôn 3, thôn 4 xã Thạch Thán	DVH	0,90		0,90	Huyện Quốc Oai	2021-2025
418	Nhà văn hóa trung tâm xã Yên Sơn	DVH	0,65		0,65	Huyện Quốc Oai	2021-2025
419	Nhà văn hóa thôn Quảng Yên	DVH	0,03		0,03	Huyện Quốc Oai	2021-2025
420	Nhà văn hoá thôn 1	DVH	0,20		0,20	Huyện Quốc Oai	2021-2025
421	Nhà văn hoá thôn 3	DVH	0,16		0,16	Huyện Quốc Oai	2021-2025
422	Nhà văn hoá, kết hợp sân thể thao thôn 4	DVH	0,14		0,14	Huyện Quốc Oai	2021-2025
423	Trung tâm văn hóa xã Phượng Cách	DVH	1,08		1,08	Huyện Quốc Oai	2021-2025
424	Xây dựng trung tâm văn hóa xã Sài Sơn, Quốc Oai, thành phố Hà Nội	DVH	0,77		0,77	Huyện Quốc Oai	2021-2025
425	Nhà văn hóa thôn 3	DVH	0,60		0,60	Huyện Quốc Oai	2021-2025
426	Xây dựng công trình hoàn trả Nhà văn hoá thôn 6 xã Phú Cát	DVH	0,60		0,60	Huyện Quốc Oai	2021-2025
427	Xây dựng trung tâm văn hóa xã Phú Cát, Quốc Oai, thành phố Hà Nội	DVH	2,90	2,90		Huyện Quốc Oai	2021-2025
428	Nhà văn hóa các dân tộc thiểu số xã Phú Mãn	DVH	0,50		0,50	Huyện Quốc Oai	2021-2025
429	Xây mới nhà văn hóa thôn Cổ Rùa, xã Phú Mãn	DVH	0,14	0,14		Huyện Quốc Oai	2021-2025
430	Nhà văn hóa trung tâm xã Phú Mãn	DVH	1,24	0,19	1,05	Huyện Quốc Oai	2021-2025
431	Xây dựng nhà văn hóa thôn Hoa Vôi	DVH	0,20		0,20	Huyện Quốc Oai	2021-2025
432	Dự án đầu tư xây dựng Trường quay ngoài trời	DVH	66,00		66,00	Huyện Sóc Sơn	2022
433	Dự án bảo tồn khu IV - Khu du lịch văn hóa nghỉ ngơi cuối tuần thuộc khu du lịch văn hóa huyện Sóc Sơn	DVH	65,10		65,10	Huyện Sóc Sơn	2022
434	Xây dựng nhà văn hóa thôn 2, xã Hồng Kỳ	DVH	0,50		0,50	Huyện Sóc Sơn	2022

435	Nâng cấp nhà văn hóa thôn Tiên Tao, xã Việt Long	DVH	0,21		0,21	Huyện Sóc Sơn	2022
436	Xây dựng nhà văn hóa thôn 2, xã Hồng Kỳ	DVH	0,50		0,50	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
437	Nhà văn hoá xã Hiền Ninh	DVH	0,66	0,06	0,60	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
438	Nhà văn hoá khu dân cư đường 3	DVH	0,10	0,10		Huyện Sóc Sơn	2021-2025
439	Nhà văn hoá thôn Tây Đoài	DVH	0,09	0,01	0,08	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
440	Nhà văn hoá khu dân cư Ba Hàng	DVH	0,51	0,01	0,50	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
441	Nhà văn hoá thôn Điền Quy	DVH	0,37	0,01	0,36	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
442	Nhà văn hoá thôn Ninh Kiều	DVH	0,25		0,25	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
443	Xây mới nhà văn hóa tổ 2, thị trấn Sóc Sơn	DVH	0,30		0,30	Huyện Sóc Sơn	2023-2025
444	Cải tạo nhà văn hóa thôn Liên Lý xã Phù Lỗ	DVH	0,20		0,20	Huyện Sóc Sơn	2023-2025
445	Xây mới nhà văn hóa thôn Hương Gia, xã Phú Cường	DVH	0,42	0,42		Huyện Sóc Sơn	2021-2022
446	Xây dựng nhà văn hóa TDP thị trấn Liên Quan (xây dựng NVH TDP Chi Quan 1)	DVH	0,05		0,05	Huyện Thạch Thất	2021-2025
447	Xây dựng cổng, tường bao, cải tạo khuôn viên đền thờ Liệt sỹ huyện	DVH	0,36	0,19	0,17	Huyện Thạch Thất	2021-2022
448	Xây dựng nhà văn hóa khu phố (Đồng Cao, Phố Sắn)	DVH	0,10		0,10	Huyện Thạch Thất	2022
449	Xây dựng nhà văn hóa trung tâm thị trấn Liên Quan	DVH	0,30		0,30	Huyện Thạch Thất	2024-2025
450	Xây dựng nhà văn hóa trung tâm xã Đại Đồng	DVH	0,50		0,50	Huyện Thạch Thất	2021-2025
451	Xây dựng nhà văn hóa thôn 1, thôn 2, thôn 4, thôn 5 (Ngọc lâu), thôn 6	DVH	0,75		0,75	Huyện Thạch Thất	2021-2025
452	Đại tượng niệm mo chôn giặc Phán	DVH	0,10		0,10	Huyện Thạch Thất	2021-2025
453	Cải tạo 3 nhà văn hóa thôn xã Cẩm Yên	DVH	0,30		0,30	Huyện Thạch Thất	2021-2025
454	Xây dựng nhà văn hóa trung tâm, sân thể thao xã Cẩm Yên	DVH	1,30		1,30	Huyện Thạch Thất	2021-2025
455	Xây dựng nhà văn hóa thôn Cẩm Bào	DVH	0,10		0,10	Huyện Thạch Thất	2021-2025
456	Xây dựng nhà văn hóa, sân thể thao thôn Yên Lỗ	DVH	0,25		0,25	Huyện Thạch Thất	2021-2025
457	Xây dựng nhà văn hóa, mở rộng sân thể thao thôn Minh Nghĩa	DVH	0,70	0,15	0,55	Huyện Thạch Thất	2021-2025
458	Xây dựng nhà văn hóa trung tâm xã Đồng Trúc	DVH	0,50		0,50	Huyện Thạch Thất	2022
459	Xây dựng tường bao, sân chơi và hạ tầng nhà văn hóa thôn Đồng Táng và khu Ba, thôn Tam Cảnh và cải tạo trường Mầm non Trúc Động thành nhà văn hóa thôn Trúc Động; khu Đồng Kho, Hòa Bình, Chằm Muộn, Trúc voi và Chiến Thắng.	DVH	0,40	0,30	0,10	Huyện Thạch Thất	2022

460	Xây dựng, nâng cấp đường ĐH07 (đoạn từ đường ĐH 05 đi TL420)	DVH	0,16		0,16	Huyện Thạch Thất	2021-2022
461	Cải tạo nhà văn hóa thôn xã Hương Ngải; Xây dựng NVH thôn Thanh Câu xã Lại Thượng	DVH	0,15		0,15	Huyện Thạch Thất	2022
462	Xây dựng nhà văn hóa trung tâm xã Lại Thượng	DVH	0,75		0,75	Huyện Thạch Thất	2021-2025
463	Xây dựng nhà văn hóa thôn Bách Kim, Nội thôn xã Phú Kim	DVH	0,10		0,10	Huyện Thạch Thất	2021-2022
464	Xây dựng nhà văn hóa trung tâm xã Phú Kim	DVH	0,40		0,40	Huyện Thạch Thất	2021-2025
465	XD nhà văn hóa thôn 2 xã Kim Quan	DVH	0,10		0,10	Huyện Thạch Thất	2021-2025
466	XD nhà văn hóa thôn 84 xã Kim Quan	DVH	0,10		0,10	Huyện Thạch Thất	2021-2025
467	XD nhà văn hóa thôn 4 xã Kim Quan	DVH	0,10		0,10	Huyện Thạch Thất	2021-2025
468	Xây dựng nhà văn hóa trung tâm xã Kim Quan	DVH	0,39		0,39	Huyện Thạch Thất	2024-2025
469	Xây dựng mới nhà văn hóa trung tâm và cải tạo sân thể thao xã Hương Ngải	DVH	0,40		0,40	Huyện Thạch Thất	2022
470	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng xóm Đồng Trúc	DVH	0,07		0,07	Huyện Thạch Thất	2022-2025
471	Xây dựng nhà văn hóa trung tâm xã Canh Nậu	DVH	0,40		0,40	Huyện Thạch Thất	2021-2025
472	Xây dựng trụ sở văn hóa thôn 2B xã Canh Nậu	DVH	0,08		0,08	Huyện Thạch Thất	2021-2022
473	Xây dựng trung tâm văn hóa xã Dị Nậu	DVH	0,39		0,39	Huyện Thạch Thất	2022
474	Nhà văn hóa thôn 7 xã Thạch Xá (thôn Cầu Liêu)	DVH	0,27		0,27	Huyện Thạch Thất	2021-2022
475	Xây dựng nhà văn hóa trung tâm xã Thạch Xá	DVH	1,00		1,00	Huyện Thạch Thất	2024-2025
476	Xây dựng nhà văn hóa trung tâm xã Chàng Sơn	DVH	0,35		0,35	Huyện Thạch Thất	2021-2025
477	Nhà văn hóa thôn Đầu làng	DVH	0,06	0,04	0,02	Huyện Thạch Thất	2021-2022
478	Xây dựng nhà văn hóa thôn Bình Xá, thôn Cuối Chùa xã Bình Phú	DVH	0,13		0,13	Huyện Thạch Thất	2021-2022
479	Xây dựng nhà văn hóa trung tâm, sân thể thao xã Bình Phú	DVH	1,47		1,47	Huyện Thạch Thất	2021-2025
480	Xây dựng nhà văn hóa các thôn xã Hữu Bằng (Ba mát, Giếng, Sen)	DVH	0,30		0,30	Huyện Thạch Thất	2022
481	Xd nhà văn hóa thôn Bò	DVH	0,07		0,07	Huyện Thạch Thất	2021-2025
482	Xây dựng nhà văn hóa trung tâm xã Phùng Xá	DVH	0,30		0,30	Huyện Thạch Thất	2022
483	Quảng trường Bác Hồ	DVH	2,10		2,10	Huyện Thạch Thất	2021-2025
484	Xây dựng nhà văn hóa trung tâm xã Cần Kiệm	DVH	0,50		0,50	Huyện Thạch Thất	2024-2025
485	Các nhà văn hóa thôn Đồi Sen, Vân Lôi, Thái Bình, Linh Sơn, Hòa Lạc, Yên Mỹ, Thái Bình xã Bình Yên.	DVH	1,50		1,50	Huyện Thạch Thất	2021-2025

486	Xây dựng nhà văn hóa trung tâm, sân thể thao xã Bình Yên	DVH	2,70		2,70	Huyện Thạch Thất	2023-2024
487	Xây dựng trụ sở văn hóa thôn Yên Mỹ, thôn Sen Trì xã Bình Yên	DVH	0,10		0,10	Huyện Thạch Thất	2022
488	Xây dựng nhà văn hóa thôn xã Tân Xã (xây mới thôn 4, cải tạo	DVH	0,30		0,30	Huyện Thạch Thất	2021-2025
489	Xây dựng nhà văn hóa trung tâm xã Tân Xã	DVH	1,00		1,00	Huyện Thạch Thất	2022
490	Xây dựng nhà văn hóa thôn Kim Bông	DVH	0,40		0,40	Huyện Thạch Thất	2021-2025
491	Mở rộng nhà văn hóa thôn 6	DVH	0,17	0,07	0,10	Huyện Thạch Thất	2021-2025
492	Nhà bia tưởng niệm xã Thạch Hòa	DVH	0,18		0,18	Huyện Thạch Thất	2021-2025
493	Xây dựng nhà văn hóa thôn 3 xã Hạ Bằng	DVH	0,21		0,21	Huyện Thạch Thất	2021-2025
494	Nhà văn hóa thôn 2	DVH	0,10		0,10	Huyện Thạch Thất	2021-2025
495	Xây dựng nhà văn hóa thôn 1	DVH	0,19		0,19	Huyện Thạch Thất	2021-2025
496	Xây dựng nhà văn hóa trung tâm xã Tiến Xuân	DVH	1,00		1,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
497	XD nhà văn hóa thôn 6, Tiến Xuân	DVH	0,10		0,10	Huyện Thạch Thất	2021-2025
498	Xây dựng nhà văn hóa trung tâm xã Yên Trung	DVH	0,30		0,30	Huyện Thạch Thất	2022
499	Xây dựng nhà văn hóa thôn Đầm Bối	DVH	0,18		0,18	Huyện Thạch Thất	2021-2025
500	Nhà văn hóa trung tâm xã Yên Bình	DVH	1,00		1,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
501	Xây dựng nhà văn hóa thôn 3	DVH	0,10		0,10	Huyện Thạch Thất	2021-2025
502	Xây dựng nhà văn hóa thôn 2	DVH	0,10		0,10	Huyện Thạch Thất	2021-2025
503	Dự án làng văn hoá - du lịch các dân tộc Việt Nam	DVH	0,86		0,86	Huyện Thạch Thất	2021-2025
504	Xây dựng trung tâm văn hóa huyện Thanh Oai	DVH	0,88		0,88	Huyện Thanh Oai	2021-2022
505	Trung tâm văn hóa xã Xuân Dương	DVH	2,00		2,00	Huyện Thanh Oai	2023
506	Trung tâm văn hóa - thể thao trung tâm xã Thanh Cao; nhà văn hoá các thôn xóm	DVH	1,52		1,52	Huyện Thanh Oai	2023
507	Nhà văn hóa trung tâm xã Tân Liễu	DVH	1,15		1,15	Huyện Thanh Oai	2023
508	Nhà văn hóa xã Kim Thư; nhà văn hoá các thôn xóm	DVH	0,57		0,57	Huyện Thanh Oai	2023
509	Nhà văn hóa xã Kim An; nhà văn hoá các thôn xóm	DVH	0,68		0,68	Huyện Thanh Oai	2023
510	Trung tâm văn hóa thể thao xã Cao Viên; nhà văn hoá các thôn xóm	DVH	4,31		4,31	Huyện Thanh Oai	2023
511	Nhà văn hóa xã Bích Hòa	DVH	0,71		0,71	Huyện Thanh Oai	2023
512	Nhà văn hóa thôn Dụ Tiên, xã Thanh Thùy	DVH	0,15		0,15	Huyện Thanh Oai	2021-2022
513	Nhà văn hóa thôn Thượng Thanh 2, xã Thanh Cao	DVH	0,40		0,40	Huyện Thanh Oai	2021-2022
514	Nhà văn hóa thôn Tân Tiến, xã Phương Trung	DVH	0,13		0,13	Huyện Thanh Oai	2021-2022

515	Nhà văn hóa thôn Bãi 2, xã Cao Viên	DVH	0,25		0,25	Huyện Thanh Oai	2021-2022
516	Nhà văn hóa thôn Đống, xã Cao Viên	DVH	0,13		0,13	Huyện Thanh Oai	2021-2022
517	Nhà văn hóa thôn My Thượng xã Thanh Mai	DVH	0,16		0,16	Huyện Thanh Oai	2021-2022
518	Xây dựng hạ tầng khu tưởng niệm danh nhân Chu Văn An	DVH	42,00	29,00	13,00	Huyện Thanh Trì	2022
519	Xây mới nhà văn hóa tổ dân phố số 2 xã Ngọc Hồi	DVH	0,18		0,18	Huyện Thanh Trì	2022
520	Xây dựng trung tâm văn hóa thể thao xã Thanh Liệt	DVH	2,00		2,00	Huyện Thanh Trì	2022
521	Xây dựng trung tâm văn hóa, thể thao và khu cây xanh xã Vĩnh Quỳnh	DVH	1,50		1,50	Huyện Thanh Trì	2022
522	Xây dựng trung tâm văn hóa, thể thao và khu cây xanh xã Ngũ Hiệp	DVH	2,50		2,50	Huyện Thanh Trì	2022
523	Xây dựng trung tâm văn hóa, thể thao và khu cây xanh xã Hữu Hòa	DVH	1,60		1,60	Huyện Thanh Trì	2022
524	Xây dựng trung tâm văn hóa, thể thao xã Tân Triều	DVH	2,50		2,50	Huyện Thanh Trì	2022
525	Xây dựng trung tâm văn hóa, thể thao và khu cây xanh xã Tả Thanh Oai	DVH	2,70		2,70	Huyện Thanh Trì	2022
526	Cải tạo môi trường hồ ao C, xã Tả Thanh Oai và xã Hữu Hòa	DVH	1,10		1,10	Huyện Thanh Trì	2022
527	Xây dựng khu cây xanh, thể thao kết hợp nhà văn hóa thôn Việt Yên, xã Ngũ Hiệp	DVH	0,30		0,30	Huyện Thanh Trì	2022
528	Xây dựng Nhà văn hóa, khu thể thao thôn Siêu Quần xã Tả Thanh Oai	DVH	0,50		0,50	Huyện Thanh Trì	2022
529	Xây dựng trung tâm VHTT và khu cây xanh xã Yên Mỹ	DVH	3,00		3,00	Huyện Thanh Trì	2022
530	Xây dựng trung tâm VHTT và khu cây xanh Đại Áng	DVH	3,00		3,00	Huyện Thanh Trì	2022
531	Xây dựng trung tâm VHTT và khu cây xanh Liên Ninh	DVH	3,00		3,00	Huyện Thanh Trì	2022
532	Nhà văn hóa tổ dân phố Lưu Phái xã Ngũ Hiệp	DVH	0,07	0,07		Huyện Thanh Trì	2022
533	Xây dựng khu cây xanh, thể thao và văn hóa xã Vạn Phúc	DVH	3,00		3,00	Huyện Thanh Trì	2022
534	Xây dựng khu cây xanh và văn hóa xã Duyên Hà	DVH	1,00		1,00	Huyện Thanh Trì	2022
535	Xây dựng khu cây xanh, thể thao và văn hóa xã Ngọc Hồi	DVH	2,80		2,80	Huyện Thanh Trì	2022
536	Xây dựng khu cây xanh kết hợp thể dục thể thao và văn hóa xã Tam Hiệp	DVH	1,42		1,42	Huyện Thanh Trì	2022
537	Nhà văn hóa thôn 4 xã Đông Mỹ	DVH	0,18		0,18	Huyện Thanh Trì	2021-2025
538	Xây mới nhà văn hóa thôn Văn, xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì	DVH	0,15		0,15	Huyện Thanh Trì	2021-2025

539	Xây dựng nhà văn hóa thôn Tả Thanh Oai, xã Tả Thanh Oai	DVH	0,30		0,30	Huyện Thanh Trì	2021-2025
540	Xây dựng nhà văn hóa thôn Tương Chúc, xã Ngũ Hiệp	DVH	0,10		0,10	Huyện Thanh Trì	2021-2025
541	Xây mới nhà văn hóa A thôn 1, xã Yên Mỹ, huyện Thanh Trì	DVH	0,14		0,14	Huyện Thanh Trì	2021-2025
542	Nhà văn hóa thôn thôn Ích Vịnh xã Vĩnh Quỳnh	DVH	0,50		0,50	Huyện Thanh Trì	2021-2025
543	Xây dựng nhà văn hóa thôn 3 xã Yên Mỹ	DVH	0,50		0,50	Huyện Thanh Trì	2021-2025
544	Nhà văn hóa thôn Yên Phú, xã Liên Ninh	DVH	0,50		0,50	Huyện Thanh Trì	2021-2025
545	Khu lưu niệm anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa Nguyễn Trãi tại xã Nhị Khê	DVH	2,75		2,75	Huyện Thường Tín	2022-2025
546	Quy hoạch nhà văn hóa Thụy Ứng	DVH	0,20		0,20	Huyện Thường Tín	2022-2025
547	Quy hoạch nhà văn hóa Mai Sao	DVH	0,05		0,05	Huyện Thường Tín	2022-2025
548	Quy hoạch nhà văn hóa Lộc Dư	DVH	0,06		0,06	Huyện Thường Tín	2022-2025
549	Quy hoạch nhà văn hóa thôn Gia Khánh	DVH	0,10		0,10	Huyện Thường Tín	2022-2025
550	Quy hoạch nhà văn hóa Kỳ	DVH	0,26		0,26	Huyện Thường Tín	2022-2025
551	Trung tâm văn hóa thị trấn	DVH	0,45		0,45	Huyện Thường Tín	2022-2025
552	Trung tâm văn hóa thể thao huyện Thường Tín	DVH	8,66	7,86	0,80	Huyện Thường Tín	2021
553	Xây dựng trung tâm văn hóa thị trấn	DVH	0,45		0,45	Huyện Thường Tín	2021
554	Xây dựng trung tâm văn hóa, thể thao thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín	DVH	0,44		0,44	Huyện Thường Tín	2022
555	Nhà văn hóa thôn Mộ Vĩnh	DVH	0,09		0,09	Huyện Thường Tín	2022
556	Xây dựng HTKT khu nhà văn hóa phố Hoàng Văn Thụ	DVH	0,12		0,12	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
557	Dự án nhà văn hóa thôn Trạch Xá, xã Hòa Lâm	DVH	0,53		0,53	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
558	Nhà văn hóa thôn Vĩnh Thượng	DVH	0,15		0,15	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
559	Nhà văn hóa thôn Văn Ông	DVH	0,12		0,12	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
560	Nhà văn hóa thôn Quan Châm, xã Minh Đức	DVH	0,10		0,10	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
561	Nhà văn hóa thôn Đặng Giang	DVH	0,35		0,35	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
562	Nhà văn hóa thôn Chấn Kỳ	DVH	0,20		0,20	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
563	Nhà văn hóa thôn Quảng Tái	DVH	0,25		0,25	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
564	Làm hạ tầng (san nền, đường) xây dựng nhà văn hóa Nguyễn Thượng Hiền, thị trấn Vân Đình	DVH	0,25		0,25	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
565	Nhà văn hóa thôn Phú Điền, xã Trầm Lộng	DVH	0,15		0,15	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
566	Nhà Văn hóa thôn An Hòa, xã Hòa Xá	DVH	0,11		0,11	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
567	Trung tâm văn hóa huyện	DVH	0,37		0,37	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
568	Nhà văn hóa các tổ dân phố TT Vân Đình	DVH	0,70		0,70	Huyện Ứng Hòa	2022-2025

569	Nhà văn hoá thôn Cáp Hoàng, xã Lưu Hoàng, huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội	DVH	0,20		0,20	Huyện Ứng Hoà	2023-2025
570	Xây dựng hạng mục phụ trợ và mở rộng nhà văn hóa phố Trần Đăng Ninh thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hoà, thành phố Hà	DVH	0,16		0,16	Huyện Ứng Hoà	2023-2025
571	Xây dựng nhà văn hóa thôn Tảo Khê, xã Tảo Dương Văn, huyện Ứng Hoà, thành phố Hà nội	DVH	0,11		0,11	Huyện Ứng Hoà	2023-2025
572	Xây dựng nhà văn hóa Miêng Thượng	DVH	0,34	0,17	0,17	Huyện Ứng Hoà	2023-2025
573	Nhà văn hóa thôn Lưu Khê	DVH	0,22		0,22	Huyện Ứng Hoà	2023-2025
574	Nhà văn hóa phường Vĩnh Phúc	DVH	0,06		0,06	Quận Ba Đình	2022
575	Xây dựng nhà văn hoá phường Phúc Xá	DVH	0,13		0,13	Quận Ba Đình	2022
576	GPMB đối với diện tích nhà, đất của Cung thể thao tổng hợp Quần Ngựa theo QĐ số 4808/QĐ-UBND ngày 24/9/2015 của UBND TP Hà Nội	DVH	5,18	4,72	0,46	Quận Ba Đình	2021-2025
577	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Đồng 3 và Đồng 4	DVH	0,03		0,03	Quận Bắc Từ Liêm	2022
578	Xây dựng Nhà văn hóa TDP số 2 và số 4, phường Cổ Nhuế 2	DVH	0,03		0,03	Quận Bắc Từ Liêm	2022
579	Xây dựng Nhà văn hóa TDP Trù 3 và Trù 4, phường Cổ Nhuế 2	DVH	0,09		0,09	Quận Bắc Từ Liêm	2022
580	Xây dựng Nhà văn hóa TDP Đông Ngạc 8 và Liên Ngạc phường Đông Ngạc, quận Bắc Từ	DVH	0,26		0,26	Quận Bắc Từ Liêm	2022
581	Xây dựng trung tâm văn hóa thể thao phường Liên Mạc	DVH	1,50		1,50	Quận Bắc Từ Liêm	2022
582	Xây dựng Trung tâm văn hóa thể thao phường Xuân Tảo	DVH	0,37		0,37	Quận Bắc Từ Liêm	2022
583	Bảo tàng lịch sử Quốc gia và Công viên Hữu Nghị	DVH	28,60		28,60	Quận Bắc Từ Liêm	2022
584	Xây dựng Nhà văn hóa TDP Thượng Cát 4	DVH	0,07		0,07	Quận Bắc Từ Liêm	2022
585	Xây dựng nhà lưu niệm Đại tướng Văn Tiến Dũng	DVH	0,03		0,03	Quận Bắc Từ Liêm	2022
586	Xây dựng Nhà văn hóa Yên Nội 2, phường Liên Mạc	DVH	0,05		0,05	Quận Bắc Từ Liêm	2022
587	Xây dựng Nhà văn hóa tổ dân phố Ngọa Long 1 phường Minh Khai	DVH	0,08		0,08	Quận Bắc Từ Liêm	2022
588	Trung tâm VHTDTT Thượng Cát	DVH	1,98		1,98	Quận Bắc Từ Liêm	2022
589	Xây dựng, mở rộng trung tâm VH-TT phường Minh Khai	DVH	0,59		0,59	Quận Bắc Từ Liêm	2022
590	Trung tâm văn hóa TDTT Đức Thắng	DVH	0,74		0,74	Quận Bắc Từ Liêm	2022
591	Trung tâm văn hóa TDTT Phúc Diễn	DVH	0,44		0,44	Quận Bắc Từ Liêm	2022

592	Xây dựng NVH TDP Trung 5 trên địa bàn phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm	DVH	0,03		0,03	Quận Bắc Từ Liêm	2022
593	Xây dựng Nhà văn hóa tổ dân phố số 7, phường Xuân Tảo	DVH	0,03		0,03	Quận Bắc Từ Liêm	2022
594	Xây dựng Nhà văn hóa kết hợp điểm vui chơi TDP Phú Minh, phường Cổ Nhuế 2	DVH	0,05		0,05	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
595	Nhà Văn hóa Tổ dân phố Hoàng 3	DVH	0,01		0,01	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
596	Xây dựng mới nhà văn hóa TDP số 9, phường Phúc Diễn	DVH	0,53		0,53	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
597	Xây dựng nhà văn hóa TDP Trung 6, phường Tây Tựu	DVH	0,06		0,06	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
598	Xây dựng nhà văn hóa TDP Thượng 2, phường Tây Tựu	DVH	0,05		0,05	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
599	Cải tạo, mở rộng Nhà văn hoá phường Dịch Vọng Hậu (số 4, phố Trần Quốc Hoàn)	DVH	0,08		0,08	Quận Cầu Giấy	2021
600	Xây dựng nhà bia tường niệm liệt sỹ phường Quan Hoa (giai đoạn	DVH	0,03		0,03	Quận Cầu Giấy	2023-2025
601	Nhà hát Thăng Long (thuộc phường Nghĩa Đô)	DVH	1,90		1,90	Quận Cầu Giấy	2023-2025
602	Mở rộng nhà văn hoá Dịch Vọng	DVH	0,19		0,19	Quận Cầu Giấy	2023-2025
603	Xây dựng Nhà văn hóa phường Láng Thượng	DVH	0,04		0,04	Quận Đống Đa	2023-2025
604	Giải phóng MB khu đất tại ngõ 25 Vũ Ngọc Phan và xây dựng nhà văn hóa phường Láng Hạ	DVH	0,14		0,14	Quận Đống Đa	2023-2025
605	Xây dựng Quảng trường, cây xanh phường Vạn Phúc. (CMĐ từ đất PNN khác)	DVH	0,20		0,20	Quận Hà Đông	2021
606	Nhà văn hóa Động Lâm	DVH	0,37		0,37	Quận Hà Đông	2021
607	Nhà Truyền thông làng nghe Đa Sĩ	DVH	0,08		0,08	Quận Hà Đông	2021
608	Cải tạo trung tâm văn hóa ,tường rào bao quanh Trung tâm văn hóa Thành Phố số 7 Phùng Hưng,Hà Đông	DVH	1,24		1,24	Quận Hà Đông	2021-2025
609	Xây dựng nha sinh hoạt cộng đồng tổ dân phố số 3 phường Kiến Hưng	DVH	0,10		0,10	Quận Hà Đông	2022-2025
610	Xây dựng Quảng trường, cây xanh phường Vạn Phúc.(CMĐ từ đất PNN khác)	DVH	0,20		0,20	Quận Hà Đông	2022-2025
611	Nhà sinh hoạt cộng đồng khu đất dịch vụ III Văn La (CMĐ từ đất ở)	DVH	0,02		0,02	Quận Hà Đông	2022-2025
612	Xây dựng nhà văn hóa phường Trương Định	DVH	0,09		0,09	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
613	Cụm công trình văn hóa, thể thao và sinh hoạt cộng đồng phường Vĩnh Tuy	DVH	0,21		0,21	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
614	Xây dựng nhà văn hóa phường Trương Định	DVH	0,09		0,09	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022

615	Cụm công trình văn hóa, thể thao và sinh hoạt cộng đồng phường Vĩnh Tuy	DVH	0,21		0,21	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
616	Dự án xây dựng Trung tâm văn hóa đa năng quận Hoàn Kiếm tại địa điểm 46 Hàng Cót, phường Hàng Mã	DVH	0,08	0,08		Quận Hoàn Kiếm	2022
617	Xây dựng trung tâm văn hoá đa năng quận Hoàn Kiếm	DVH	0,08		0,08	Quận Hoàn Kiếm	2021
618	Xây dựng trung tâm văn hóa phố cũ	DVH	0,09		0,09	Quận Hoàn Kiếm	2021-2025
619	GPMB 01 hộ dân tại Hội Quán Quảng Đông	DVH	0,01		0,01	Quận Hoàn Kiếm	2021-2025
620	Xây dựng nhà văn hóa phường Ngọc Thụy tại ô QH A.4/CCKO1 (một phần diện tích)	DVH	0,16		0,16	Quận Long Biên	2021-2025
621	Xây dựng cung thiếu nhi Hà Nội	DVH	3,96	3,96		Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
622	Xây dựng trung tâm văn hóa Nam Giang	DVH	2,28		2,28	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
623	Trung tâm văn hóa Matxcova	DVH	4,64		4,64	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
624	Đầu tư xây dựng Nhà sinh hoạt số 11 phường Xuân La, quận Tây Hồ	DVH	0,03		0,03	Quận Tây Hồ	2022
625	Xây dựng trung tâm văn hóa Sơn Tây	DVH	2,00		2,00	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
626	Nhà văn hóa thôn Hà Tân, xã Đường Lâm	DVH	0,10		0,10	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
627	Xây dựng nhà văn hóa xã Xuân Sơn, xã Xuân Sơn	DVH	0,15		0,15	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
628	Xây dựng trung tâm văn hóa xã Kim Sơn, thị xã Sơn Tây	DVH	0,30	0,30		Thị xã Sơn Tây	2022
629	Xây dựng Trung tâm văn hóa xã Cổ Đông	DVH	0,25		0,25	Thị xã Sơn Tây	2022
630	Mở rộng nhà văn hoá khu phố 6, phường Trung Sơn Trầm	DVH	0,06	0,04	0,02	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
631	Xây dựng nhà văn hóa tổ 5, phường Quang Trung (CC-01)	DVH	0,02	0,02		Thị xã Sơn Tây	2023-2025
632	Xây dựng nhà văn hóa tổ 8, phường Trung Hưng	DVH	0,20		0,20	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
633	Xây dựng nhà văn hóa tổ 8, phường Quang Trung (CC-02)	DVH	0,04	0,04		Thị xã Sơn Tây	2023-2025
634	Nhà hát Opera và Khu văn hóa đa năng Quảng An	DVH	18,60		18,60	Quận Tây Hồ	2022-2025
B.9	Đất cơ sở y tế	DYT					
1	Xây mới phòng khám TT Tây Đằng và trạm y tế	DYT	1,90		1,90	Huyện Ba Vì	2021
2	Xây dựng trạm y tế xã Phú Phương	DYT	0,20		0,20	Huyện Ba Vì	2021
3	Xây mới bệnh viện đa khoa Miền Núi Ba Vì thôn 7	DYT	5,00		5,00	Huyện Ba Vì	2021
4	Trạm y tế Đồng Phú	DYT	0,19		0,19	Huyện Chương Mỹ	2022
5	Xây mới Trạm Y tế xã Hoà Chính	DYT	0,25		0,25	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
6	Xây mới Trạm Y tế xã Hoàng Văn Thụ	DYT	0,10		0,10	Huyện Chương Mỹ	2021-2025

7	Xây dựng, cải tạo trạm y tế thị trấn Chúc Sơn	DYT	0,13		0,13	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
8	Xây mới Trạm Y tế xã Phú Nghĩa	DYT	0,08		0,08	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
9	Xây mới Trạm Y tế xã Đại Yên	DYT	0,14		0,14	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
10	Dự án Tổ hợp Sơn Hà	DYT	9,21		9,21	Huyện Đan Phượng	2022
11	Bệnh viện Đa khoa huyện Đan Phượng	DYT	4,20		4,20	Huyện Đan Phượng	2023-2024
12	Trạm y tế xã Trung Châu	DYT	0,50		0,50	Huyện Đan Phượng	2023-2025
13	Bệnh viện đa khoa tại xã Kim Chung	DYT	3,30		3,30	Huyện Đông Anh	2021
14	Khu dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi kết hợp cây xanh, hồ điều hòa	DYT	7,24		7,24	Huyện Đông Anh	2021-2025
15	Xây dựng Trạm y tế xã Thụy Lâm	DYT	0,27		0,27	Huyện Đông Anh	2021-2025
16	Bệnh viện đa khoa tại xã Tiên Dương	DYT	2,90		2,90	Huyện Đông Anh	2021
17	Dự án GPMB xây dựng Tổ hợp y tế - Chăm sóc sức khỏe công nghệ cao tại Hà Nội	DYT	40,70		40,70	Huyện Đông Anh	2021
18	Khu liên hợp Bệnh viện tại xã Tiên Dương	DYT	10,06		10,06	Huyện Đông Anh	2021
19	Xây dựng Trạm y tế xã Tiên Dương	DYT	0,23		0,23	Huyện Đông Anh	2021-2025
20	Xây dựng trạm y tế xã Uy Nỗ	DYT	0,60		0,60	Huyện Đông Anh	2021-2025
21	Xây dựng Trạm y tế xã Vân Hà	DYT	0,52		0,52	Huyện Đông Anh	2021-2025
22	Xây dựng Trung tâm y tế huyện Gia Lâm	DYT	0,60	0,60		Huyện Gia Lâm	2022
23	Xây dựng Trạm y tế xã Cổ Bi kết hợp phòng khám đa khoa khu vực Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm	DYT	0,22		0,22	Huyện Gia Lâm	2024-2025
24	Cải tạo, mở rộng bệnh viện đa khoa huyện Gia Lâm	DYT	4,00	2,50	1,50	Huyện Gia Lâm	2024-2025
25	Trạm y tế xã Song Phương	DYT	0,30		0,30	Huyện Hoài Đức	2022
26	Trạm y tế xã Đắc Sở	DYT	0,11		0,11	Huyện Hoài Đức	2022
27	Xây dựng Trạm y tế xã Cát Quế	DYT	0,50		0,50	Huyện Hoài Đức	2024-2025
28	Xây dựng Trạm y tế xã Sơn Đồng	DYT	0,30		0,30	Huyện Hoài Đức	2024-2025
29	Trạm y tế xã Đức Thượng	DYT	0,19		0,19	Huyện Hoài Đức	2024-2025
30	Mở rộng bệnh viện đa khoa huyện Hoài Đức	DYT	1,60		1,60	Huyện Hoài Đức	2023-2025
31	Xây dựng trạm y tế xã Mê Linh	DYT	0,20		0,20	Huyện Mê Linh	2022
32	Xây dựng trạm y tế xã (6 trạm)	DYT	0,82	0,82		Huyện Mỹ Đức	2021-2025
33	Xây dựng Trạm y tế xã Xuy Xá	DYT	0,12	0,12		Huyện Mỹ Đức	2023
34	Mở rộng trạm y tế xã (6 trạm)	DYT	1,23	1,23		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
35	Xây mới Trạm Y tế xã Vân Từ	DYT	0,30		0,30	Huyện Phú Xuyên	2022
36	Xây mới Trạm Y tế thị trấn Phú Minh	DYT	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2022
37	Trạm y tế xã Chuyên Mỹ	DYT	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
38	Trạm y tế xã Đại Thắng	DYT	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
39	Trạm y tế xã Đại Xuyên	DYT	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
40	Trạm y tế xã Hoàng Long	DYT	0,15		0,15	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
41	Trạm y tế xã Nam Phong	DYT	0,16		0,16	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
42	Trạm y tế xã Phú Yên	DYT	0,15		0,15	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
43	Trạm y tế xã Phúc Tiến	DYT	0,36		0,36	Huyện Phú Xuyên	2021-2025

44	Trạm y tế xã Trí Trung	DYT	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
45	Trạm y tế xã Văn Từ	DYT	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
46	Xây dựng mới Trạm y tế xã Thượng Cốc	DYT	0,13		0,13	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
47	Xây dựng trạm y tế xã Tích Giang	DYT	0,13		0,13	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
48	Trạm y tế xã Xuân Đình (điểm trạm y tế xã Xuân Phú cũ)	DYT	0,17		0,17	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
49	Mở rộng bệnh viện đa khoa Phúc Thọ	DYT	2,00		2,00	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
50	Xây mới Trạm y tế xã Đông Yên	DYT	0,25		0,25	Huyện Quốc Oai	2021-2025
51	Cải tạo, nâng cấp trạm y tế xã Đông Xuân	DYT	0,15		0,15	Huyện Quốc Oai	2021-2025
52	Xây mới Trạm y tế xã Tân Phú	DYT	0,18		0,18	Huyện Quốc Oai	2021-2025
53	Xây mới Trạm y tế xã Đại Thành	DYT	0,10		0,10	Huyện Quốc Oai	2021-2025
54	Cải tạo, sửa chữa Trạm y tế xã Đồng Quang	DYT	0,11		0,11	Huyện Quốc Oai	2021-2025
55	Xây mới Trạm y tế xã Liệp Tuyết	DYT	0,20		0,20	Huyện Quốc Oai	2021-2025
56	Trạm y tế xã Ngọc Liệp, Quốc Oai, thành phố Hà Nội	DYT	0,15		0,15	Huyện Quốc Oai	2021-2025
57	Bệnh viện Nhi Trung ương cơ sở	DYT	6,50	6,20	0,30	Huyện Quốc Oai	2021-2025
58	Bệnh viện phụ sản Trung ương cơ sở 2	DYT	6,67	6,27	0,40	Huyện Quốc Oai	2021-2025
59	Xây mới Trạm y tế xã Ngọc Mỹ	DYT	1,00		1,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
60	Xây mới trạm Y tế xã	DYT	0,30		0,30	Huyện Quốc Oai	2021-2025
61	Cải tạo, sửa chữa trạm y tế xã Thạch Thán, Quốc Oai, thành phố Hà Nội	DYT	0,23		0,23	Huyện Quốc Oai	2021-2025
62	Xây mới Trung tâm Y tế Huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	DYT	0,56		0,56	Huyện Quốc Oai	2021-2025
63	Cải tạo, sửa chữa Trạm y tế xã Yên Sơn	DYT	0,18		0,18	Huyện Quốc Oai	2021-2025
64	Cải tạo, sửa chữa Trạm y tế xã Phụng Cách	DYT	0,06		0,06	Huyện Quốc Oai	2021-2025
65	Cải tạo, sửa chữa Trạm y tế xã Sài Sơn	DYT	0,08		0,08	Huyện Quốc Oai	2021-2025
66	Trạm Y tế xã Phú Mãn, Quốc Oai, thành phố Hà Nội	DYT	0,20		0,20	Huyện Quốc Oai	2021-2025
67	Mở rộng Trạm y tế Tân Hòa	DYT	0,12		0,12	Huyện Quốc Oai	2021-2025
68	Xây mới trạm y tế xã Phú Minh	DYT	0,50		0,50	Huyện Sóc Sơn	2022
69	XD mới Trạm y tế xã Bắc Phú	DYT	0,22		0,22	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
70	Xây dựng mới trạm y tế thị trấn Liên Quan	DYT	0,35		0,35	Huyện Thạch Thất	2024
71	Xây dựng, mở rộng trạm y tế xã Cẩm Yên	DYT	0,10		0,10	Huyện Thạch Thất	2021-2022
72	Xây dựng mới trạm y tế xã Phú Kim	DYT	0,80		0,80	Huyện Thạch Thất	2024
73	Bệnh viện đa khoa huyện Thạch Thất	DYT	3,96	1,13	2,83	Huyện Thạch Thất	2022
74	Xây dựng, mở rộng trạm y tế xã Canh Nậu	DYT	0,25	0,10	0,15	Huyện Thạch Thất	2023
75	Mở rộng, xây dựng trạm y tế xã Thạch Xá	DYT	0,20	0,10	0,10	Huyện Thạch Thất	2023
76	Bệnh viện Xanh Pôn (cơ sở 2)	DYT	5,00		5,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025

77	Bệnh viện tim Hà Nội (cơ sở 2)	DYT	3,00		3,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
78	Xây dựng mới khu nhà 3 tầng trung tâm y tế huyện	DYT	0,40		0,40	Huyện Thạch Thất	2022
79	Xây dựng mới trạm y tế xã Hữu Bằng	DYT	0,15		0,15	Huyện Thạch Thất	2023
80	Xây dựng trạm y tế xã Cần Kiệm (điểm mới)	DYT	0,40		0,40	Huyện Thạch Thất	2024
81	XD mới trạm y tế xã Bình Yên	DYT	1,25	0,83	0,42	Huyện Thạch Thất	2024
82	Xây dựng mới trạm y tế Tân Xã	DYT	0,42		0,42	Huyện Thạch Thất	2023
83	Xây dựng trường Đại học chuyên về y khoa của Thủ đô	DYT	5,00	5,00		Huyện Thạch Thất	2021-2025
84	Xây dựng, mở rộng trạm y tế xã Tiến Xuân	DYT	0,20	0,03	0,17	Huyện Thạch Thất	2022
85	Xây dựng mới phòng khám đa khoa Yên Bình	DYT	0,23		0,23	Huyện Thạch Thất	2021-2025
86	Xây dựng trạm y tế xã Chàng Sơn	DYT	0,40		0,40	Huyện Thạch Thất	2021-2025
87	Xây dựng trạm y tế xã Yên Trung	DYT	1,00		1,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
88	Bệnh viện Bắc Việt	DYT	0,63	0,63		Huyện Thanh Trì	2022
89	Nâng cấp, mở rộng trạm y tế xã Tứ Hiệp	DYT	0,10		0,10	Huyện Thanh Trì	2021-2025
90	Cụm bệnh viện phía Nam	DYT	20,00		20,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
91	Bệnh viện đa khoa huyện Thường Tín	DYT	2,28		2,28	Huyện Thường Tín	2023
92	Xây dựng trạm Y tế Thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, TP. Hà Nội	DYT	0,13		0,13	Huyện Thường Tín	2021
93	Trạm y tế xã Tô Hiệu, huyện Thường Tín	DYT	0,07		0,07	Huyện Thường Tín	2022
94	Trạm y tế xã Đại Cường	DYT	0,10		0,10	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
95	Xây dựng mới Bệnh viện đa khoa khu vực phía Nam	DYT	10,00		10,00	Hà Nội	2022-2025
96	Trạm y tế xã Sơn Công	DYT	0,04	0,04		Huyện Ứng Hòa	2022
97	Nâng cấp, cải tạo sửa chữa trạm y tế Cao Thành	DYT	0,20	0,20		Huyện Ứng Hòa	2025
98	Xây dựng mới Trạm y tế xã Cao Thành, huyện Ứng Hòa, Tp. Hà Nội	DYT	0,20		0,20	Huyện Ứng Hòa	2022-2024
99	Trạm y tế xã Sơn Công , huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội	DYT	0,13	0,09	0,04	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
100	Xây dựng mới trạm y tế xã Cao Thành	DYT	0,15		0,15	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
101	Xây dựng mới trạm y tế xã Đại Hùng, huyện Ứng Hòa	DYT	0,20		0,20	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
102	Mở rộng Bệnh viện Đa Khoa Vân Đình	DYT	1,67		1,67	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
103	Bệnh viện đa khoa Hòe Nhai	DYT	0,11		0,11	Quận Ba Đình	2021-2025
104	Xây dựng trạm y tế phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm	DYT	0,06		0,06	Quận Bắc Từ Liêm	2022
105	Dự án Bệnh viện đa khoa Phương Đông	DYT	0,34		0,34	Quận Bắc Từ Liêm	2022
106	Xây dựng trạm y tế phường Cổ Nhuế 1	DYT	0,03		0,03	Quận Bắc Từ Liêm	2022

107	Xây dựng trạm y tế phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm	DYT	0,17		0,17	Quận Bắc Từ Liêm	2022
108	Trạm y tế phường Dịch Vọng Hậu	DYT	0,17		0,17	Quận Cầu Giấy	2021
109	Xây dựng trạm y tế phường	DYT	0,10		0,10	Quận Cầu Giấy	2023-2025
110	Trạm y tế phường (Văn Quán)	DYT	0,06		0,06	Quận Hà Đông	2021
111	Xây dựng Bệnh Viện Nhi Hà Nội	DYT	1,94		1,94	Quận Hà Đông	2021-2025
112	Cải tạo bệnh viện Đa Khoa Hà Đông	DYT	3,11		3,11	Quận Hà Đông	2021-2025
113	Xây dựng Bệnh Viện Nhi thần Hà Nội	DYT	7,20		7,20	Quận Hà Đông	2021-2025
114	Xây mới bệnh viện mắt Hà Nội	DYT	5,40		5,40	Quận Hà Đông	2021-2025
115	Xây dựng mới Viện Pháp y Quốc gia	DYT	3,00		3,00	Quận Hoàng Mai	2022
116	Phòng khám đa khoa Lĩnh Nam (G2/CCKV2)	DYT	0,41		0,41	Quận Hoàng Mai	2021
117	Dự án xây dựng trạm y tế phường Hoàng Văn Thụ	DYT	0,13		0,13	Quận Hoàng Mai	2022
118	Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn cơ sở 2 (F3/CC1)	DYT	3,52	3,52		Quận Hoàng Mai	2021
119	Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện tư nhân chuyên khoa mắt Hà Nội	DYT	0,01	0,01		Quận Hoàng Mai	2022
120	Cải tạo, sửa chữa trạm Y tế phường Thạch Bàn, Bồ Đề, Phúc Đồng, Đức Giang, Phúc Lợi, Việt Hưng, quận Long Biên	DYT	0,50		0,50	Quận Long Biên	2021-2025
121	Phòng khám đa khoa và khu chăm sóc sức khỏe cộng đồng Deteach	DYT	1,19		1,19	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
122	Xây dựng Trung tâm khám chữa bệnh công nghệ cao	DYT	0,61		0,61	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
123	Trung tâm Doping và Y học thể thao	DYT	0,83		0,83	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
124	Đầu tư xây dựng Trung tâm khám chữa bệnh từ thiện (tấm lòng vàng)	DYT	0,31		0,31	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
125	Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm chăm sóc sức khỏe y tế cộng đồng	DYT	1,00		1,00	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
126	Làng nghỉ ngơi an dưỡng và trung tâm dịch vụ y tế chăm sóc sức khỏe cộng đồng	DYT	7,78		7,78	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
127	Xây dựng Bệnh viện Tim Hà Nội cơ sở 2	DYT	0,75		0,75	Quận Tây Hồ	2022-2025
128	Xây dựng trạm y tế xã Cổ Đông	DYT	0,31		0,31	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
129	Mở rộng trạm y tế Phường Viên Sơn	DYT	0,30		0,30	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
130	Xây dựng trạm y tế Phường Trung Sơn Trầm	DYT	0,15		0,15	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
B.10	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD					
1	Trường THCS Tây Đằng (giai đoạn 2)	DGD	0,90		0,90	Huyện Ba Vì	2022
2	Trường mầm non Phú Cường	DGD	0,30		0,30	Huyện Ba Vì	2022
3	Xây dựng, mở rộng Trường THPT Ngô Quyền	DGD	0,70		0,70	Huyện Ba Vì	2021
4	Trường mầm non Thái Hòa	DGD	1,00		1,00	Huyện Ba Vì	2022

5	Xây dựng trung tâm dạy nghề huyện Ba Vì	DGD	3,60		3,60	Huyện Ba Vì	2021
6	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Phú Sơn	DGD	1,75		1,75	Huyện Ba Vì	2022
7	Trường tiểu học Đông Quang	DGD	0,50		0,50	Huyện Ba Vì	2022
8	Mầm non Thụy An	DGD	1,23		1,23	Huyện Ba Vì	2021
9	Trường Mầm non xã Phú Nghĩa khu B	DGD	0,61		0,61	Huyện Chương Mỹ	2022
10	Trường Mầm non Hoàng Diệu - khu Cốc Thượng	DGD	0,42		0,42	Huyện Chương Mỹ	2022
11	Mở rộng, nâng cấp trường Mầm non trung tâm Ngọc Hòa	DGD	0,61		0,61	Huyện Chương Mỹ	2022
12	Trường MN trung tâm xã Tốt Động	DGD	0,83		0,83	Huyện Chương Mỹ	2022
13	Nhu cầu sử dụng đất cơ sở giáo dục và ĐT	DGD	5,85		5,85	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
14	Xây dựng trường Tiểu học Chúc Sơn B	DGD	1,05		1,05	Huyện Chương Mỹ	2022
15	Nhu cầu sử dụng đất cơ sở giáo dục và ĐT	DGD	37,30		37,30	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
16	Nhu cầu sử dụng đất cơ sở giáo dục và ĐT	DGD	6,60		6,60	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
17	Nhu cầu sử dụng đất cơ sở giáo dục và ĐT	DGD	3,67		3,67	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
18	Xây dựng trường Tiểu học Xuân Mai A	DGD	0,99		0,99	Huyện Chương Mỹ	2022
19	Nhu cầu sử dụng đất cơ sở giáo dục và ĐT	DGD	27,39		27,39	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
20	Nhu cầu sử dụng đất cơ sở giáo dục và ĐT	DGD	25,13		25,13	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
21	Nhu cầu sử dụng đất cơ sở giáo dục và ĐT	DGD	0,22		0,22	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
22	Trường THCS Đại Yên	DGD	0,19		0,19	Huyện Chương Mỹ	2022
23	Nhu cầu sử dụng đất cơ sở giáo dục và ĐT	DGD	0,20		0,20	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
24	Nhu cầu sử dụng đất cơ sở giáo dục và ĐT	DGD	0,20		0,20	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
25	Nhu cầu sử dụng đất cơ sở giáo dục và ĐT	DGD	1,20		1,20	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
26	Nhu cầu sử dụng đất cơ sở giáo dục và ĐT	DGD	1,80		1,80	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
27	Nhu cầu sử dụng đất cơ sở giáo dục và ĐT	DGD	1,00		1,00	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
28	Nhu cầu sử dụng đất cơ sở giáo dục và ĐT	DGD	0,40		0,40	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
29	Trường Tiểu Học Hòa Chính	DGD	0,20		0,20	Huyện Chương Mỹ	2022
30	Trường Tiểu học Hoàng Diệu	DGD	0,18		0,18	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
31	Nhu cầu sử dụng đất cơ sở giáo dục và ĐT	DGD	0,60		0,60	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
32	Nhu cầu sử dụng đất cơ sở giáo dục và ĐT	DGD	1,60		1,60	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
33	Nhu cầu sử dụng đất cơ sở giáo dục và ĐT	DGD	0,35		0,35	Huyện Chương Mỹ	2021-2025

34	Trường Mầm non khu B xã Hợp Đồng	DGD	0,30		0,30	Huyện Chương Mỹ	2022
35	Nhu cầu sử dụng đất cơ sở giáo dục và ĐT	DGD	1,80		1,80	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
36	Nhu cầu sử dụng đất cơ sở giáo dục và ĐT	DGD	0,20		0,20	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
37	Xây dựng mới Trường THPT Nguyễn Văn Trỗi	DGD	5,00		5,00	Huyện Chương Mỹ	2022
38	Nhu cầu sử dụng đất cơ sở giáo dục và ĐT	DGD	0,70		0,70	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
39	Nhu cầu sử dụng đất cơ sở giáo dục và ĐT	DGD	0,35		0,35	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
40	Trường Mầm non Nam Phương Tiến B	DGD	0,03		0,03	Huyện Chương Mỹ	2022
41	Nhu cầu sử dụng đất cơ sở giáo dục và ĐT (Trường THCS)	DGD	0,90		0,90	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
42	Trường mầm non Phú Nam An	DGD	0,37		0,37	Huyện Chương Mỹ	2022
43	Trường tiểu học Phú Nam An	DGD	0,24		0,24	Huyện Chương Mỹ	2022
44	Nhu cầu sử dụng đất cơ sở giáo dục và ĐT (Trường mầm non, trường tiểu học)	DGD	1,00		1,00	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
45	Trường mầm non Phụng Châu	DGD	0,80		0,80	Huyện Chương Mỹ	2022
46	Trường tiểu học Phụng Châu	DGD	0,60		0,60	Huyện Chương Mỹ	2022
47	Nhu cầu sử dụng đất cơ sở giáo dục và ĐT	DGD	2,00		2,00	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
48	Trường mầm non Tân Tiến	DGD	0,90		0,90	Huyện Chương Mỹ	2022
49	Nhu cầu sử dụng đất cơ sở giáo dục và ĐT (Trường mầm non, trường tiểu học)	DGD	1,50		1,50	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
50	Trường mầm non trung tâm xã Thượng Vực	DGD	0,46		0,46	Huyện Chương Mỹ	2022
51	Nhu cầu sử dụng đất cơ sở giáo dục và ĐT (Trường tiểu học)	DGD	1,46		1,46	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
52	Trường THCS Thủy Xuân Tiên	DGD	0,98		0,98	Huyện Chương Mỹ	2022
53	Nhu cầu sử dụng đất cơ sở giáo dục và ĐT	DGD	0,55		0,55	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
54	Cải tạo nâng cấp trường THPT Chúc Động, huyện Chương Mỹ	DGD	1,90		1,90	Huyện Chương Mỹ	2022
55	Trường trung học cơ sở Trưng Hòa	DGD	1,75		1,75	Huyện Chương Mỹ	2022
56	Trường MN trung tâm xã Tốt Động	DGD	0,34		0,34	Huyện Chương Mỹ	2022
57	Nhu cầu sử dụng đất cơ sở giáo dục và ĐT (Trường tiểu học Tốt Động)	DGD	0,80		0,80	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
58	Nhu cầu sử dụng đất cơ sở giáo dục và ĐT	DGD	5,20		5,20	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
59	Trường Mầm non khu B xã Trần Phú	DGD	0,40		0,40	Huyện Chương Mỹ	2022
60	Trường THCS Trường Yên	DGD	0,80		0,80	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
61	Nhu cầu sử dụng đất cơ sở giáo dục và ĐT	DGD	1,42		1,42	Huyện Chương Mỹ	2021-2025

62	Nhu cầu sử dụng đất cơ sở giáo dục và ĐT	DGD	1,00		1,00	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
63	Trường THCS Thọ Xuân, hạng mục: San nền, kè đá, cổng, tường rào	DGD	0,40		0,40	Huyện Đan Phượng	2022
64	Trường Mầm non Phương Đình (khu B) thôn La Thạch	DGD	0,70		0,70	Huyện Đan Phượng	2022
65	Trường Tiểu học Phương Đình A	DGD	0,60		0,60	Huyện Đan Phượng	2022
66	Mở rộng Trường THCS Lương Thế Vinh	DGD	1,50	1,04	0,46	Huyện Đan Phượng	2022
67	Trường Tiểu học Thọ Xuân hạng mục: Nhà giáo dục thể chất và các hạng mục phụ trợ	DGD	0,20		0,20	Huyện Đan Phượng	2022
68	Trường Mầm non Thọ Xuân (khu Trung tâm)	DGD	0,20		0,20	Huyện Đan Phượng	2022
69	Trường Tiểu học Liên Hồng	DGD	1,60		1,60	Huyện Đan Phượng	2022
70	Trường Mầm non Thượng Mỗ (miền đồng)	DGD	1,20		1,20	Huyện Đan Phượng	2022
71	Trường THCS Phương Đình	DGD	0,20		0,20	Huyện Đan Phượng	2022
72	Trường THCS Đan Phượng	DGD	0,60		0,60	Huyện Đan Phượng	2022
73	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Đan Phượng	DGD	0,60		0,60	Huyện Đan Phượng	2022
74	Trường THCS Tân Lập	DGD	0,22		0,22	Huyện Đan Phượng	2022
75	Trường Tiểu học Tô Hiến Thành (HM: Nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ)	DGD	0,31		0,31	Huyện Đan Phượng	2022
76	Dự án Trường THCS Thượng Mỗ, hạng mục Nhà thể chất	DGD	0,12		0,12	Huyện Đan Phượng	2022
77	Trường mầm non Phương Đình khu B thôn La Thạch, hạng mục: Nhà hiệu bộ 3 tầng, nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ	DGD	0,25		0,25	Huyện Đan Phượng	2022
78	Trường tiểu học Trung Châu B, hạng mục: Nhà giáo dục thể chất	DGD	0,05		0,05	Huyện Đan Phượng	2022
79	Trường mầm non Tân Lập	DGD	1,20		1,20	Huyện Đan Phượng	2022
80	Trường THCS Tân Hội	DGD	0,18		0,18	Huyện Đan Phượng	2022
81	Trường mầm non Hồng Hà (Khu Bông Lai)	DGD	0,10		0,10	Huyện Đan Phượng	2023
82	Trường Tiểu học Đông Thập, hạng mục: Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng học và các hạng mục phụ trợ	DGD	0,05		0,05	Huyện Đan Phượng	2023
83	Trường mầm non Thọ An	DGD	0,11		0,11	Huyện Đan Phượng	2023
84	Trường Tiểu học Tô Hiến Thành (giai đoạn 2)	DGD	0,07		0,07	Huyện Đan Phượng	2023
85	Trường mầm non thị trấn Phùng khu B	DGD	1,10		1,10	Huyện Đan Phượng	2024-2025
86	Trường mầm non Phương Đình (Khu Dịch Đình)	DGD	1,00		1,00	Huyện Đan Phượng	2024-2025
87	Trường tiểu học Đan Phượng B	DGD	1,43		1,43	Huyện Đan Phượng	2024-2025
88	Mở rộng trường mầm non Thọ Xuân (khu Chiến Thắng)	DGD	1,10	0,40	0,70	Huyện Đan Phượng	2024-2025

89	Mở rộng trường Mầm non Liên Trung	DGD	0,70	0,40	0,30	Huyện Đan Phượng	2024-2025
90	Mở rộng trường THCS Liên Trung	DGD	0,53	0,46	0,07	Huyện Đan Phượng	2024-2025
91	Trường mầm non Liên Hà	DGD	1,50		1,50	Huyện Đan Phượng	2024-2025
92	Trường mầm non Song Phượng	DGD	0,92		0,92	Huyện Đan Phượng	2024-2025
93	Đầu tư xây dựng hoàn thiện trường Tiểu học Bắc Hồng theo quy hoạch	DGD	0,50		0,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
94	THPT Bắc Hồng thôn Thụy Hà (PK GN)	DGD	2,50		2,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
95	Xây dựng trường mầm non thôn Cầu Cả Tên cũ: Xây dựng điểm trường mầm non Thành Loa	DGD	0,45		0,45	Huyện Đông Anh	2021-2025
96	Tiểu học Cổ Loa 2 TĐC Cổ Loa (PK N7)	DGD	2,00		2,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
97	Xây dựng trường tiểu học Đại Mạch 2	DGD	1,53		1,53	Huyện Đông Anh	2021-2025
98	Xây dựng Trường Cao đẳng nghề Trần Hưng Đạo	DGD	4,52		4,52	Huyện Đông Anh	2021-2025
99	Xây dựng trường mầm non Đại Mạch 2	DGD	1,00		1,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
100	Mầm non Toàn Cầu thôn Mai	DGD	0,10		0,10	Huyện Đông Anh	2021-2025
101	Xây dựng trường mầm non Đông Hội	DGD	1,22		1,22	Huyện Đông Anh	2021-2025
102	Xây dựng trường mầm non Đông Hội tại ô đất 5.E-NT khu Tái định cư Đông Hội	DGD	0,73		0,73	Huyện Đông Anh	2021
103	Xây dựng trường tiểu học Đông Hội 2	DGD	1,50		1,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
104	Mầm non Đông Hội thôn Tiên Hội (PK GN-A)	DGD	1,00		1,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
105	Mầm non Đông Hội A thôn Đông Trù - khu TĐC, PK N9	DGD	0,40		0,40	Huyện Đông Anh	2021-2025
106	Trung tâm mầm non Đông Hội 2 thôn Lại Đà (PK N9)	DGD	1,00		1,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
107	trường THCS Đông Hội thôn Đông Trù - khu TĐC	DGD	2,00	2,00		Huyện Đông Anh	2021-2025
108	Xây dựng trường mầm non Dục Tú (GD 2)	DGD	1,59	0,34	1,24	Huyện Đông Anh	2021-2025
109	Xây dựng trường tiểu học Dục Tú 2	DGD	2,05		2,05	Huyện Đông Anh	2021-2025
110	Mầm non Dục Tú thôn Dục Tú (PK GN)	DGD	1,00		1,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
111	Trường THPT Dục Tú (xa Dục Tú)	DGD	2,46		2,46	Huyện Đông Anh	2021-2025
112	Xây dựng trường mầm non thôn Cổ Diễn Tên cũ: Xây dựng trường mầm non thôn Hải Bối	DGD	1,20		1,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
113	Xây dựng Trường tiểu học Hải Bối 2	DGD	3,23		3,23	Huyện Đông Anh	2021-2025
114	Trường THCS Hải Bối 2	DGD	1,25		1,25	Huyện Đông Anh	2021-2025

115	Xây dựng trung tâm mầm non Hải Bối 2	DGD	0,90		0,90	Huyện Đông Anh	2021-2025
116	Mầm non Hải Bối thôn Hải Bối (Khu trung tâm văn hóa thôn Hải Bối)	DGD	0,80		0,80	Huyện Đông Anh	2021-2025
117	Mầm non Hồng Ngọc thôn Cổ Điện	DGD	0,30		0,30	Huyện Đông Anh	2021-2025
118	Mầm non Hướng Dương thôn Cổ Điện	DGD	0,22		0,22	Huyện Đông Anh	2021-2025
119	Xây dựng trung tâm mầm non thôn Nhuế, xã Kim Chung	DGD	1,11		1,11	Huyện Đông Anh	2021-2025
120	Xây dựng Trường THCS Kim Chung 2	DGD	1,69		1,69	Huyện Đông Anh	2021-2025
121	Xây dựng trường tiểu học thôn Hậu Dường	DGD	1,86		1,86	Huyện Đông Anh	2021-2025
122	Xây dựng trường THCS tại thôn Hậu Dường, xã Kim Chung	DGD	1,22		1,22	Huyện Đông Anh	2021-2025
123	Xây dựng trường Mầm non thôn Hậu Dường	DGD	0,90		0,90	Huyện Đông Anh	2021-2025
124	Mầm non Kim Chung B ĐTM Kim Chung (PK N4)	DGD	1,00		1,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
125	Mầm non Kim Chung thôn Bàu	DGD	1,50		1,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
126	Tiểu học Kim Chung 2 ĐTM Kim Chung (PK N4)	DGD	1,50		1,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
127	Xây dựng trường THCS Kim Nỗ	DGD	1,76		1,76	Huyện Đông Anh	2021-2025
128	Xây dựng trường tiểu học Kim Nỗ 2	DGD	1,25		1,25	Huyện Đông Anh	2021-2025
129	Xây dựng trường Mầm non Ban Mai	DGD	0,60		0,60	Huyện Đông Anh	2021-2025
130	Xây dựng trung tâm mầm non xã Kim Nỗ	DGD	1,10		1,10	Huyện Đông Anh	2021-2025
131	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Ngô Tất Tố	DGD	0,76		0,76	Huyện Đông Anh	2021-2025
132	Cải tạo, mở rộng trường THCS Mai Lâm	DGD	2,40		2,40	Huyện Đông Anh	2021-2025
133	Đầu tư các hạng mục hoàn thiện trường mầm non Hoa Lâm, xã Mai Lâm	DGD	1,15		1,15	Huyện Đông Anh	2021-2025
134	Cải tạo, mở rộng trường tiểu học Nam Hồng	DGD	1,60		1,60	Huyện Đông Anh	2021-2025
135	Xây dựng trường tiểu học Nam Hồng 2	DGD	1,46		1,46	Huyện Đông Anh	2021-2025
136	Xây dựng trường tiểu học Nam Hồng B	DGD	1,66		1,66	Huyện Đông Anh	2021-2025
137	Xây dựng trường THCS Nam Hồng 2	DGD	1,65		1,65	Huyện Đông Anh	2021-2025
138	Xây dựng trung tâm mầm non thôn Nguyên Khê	DGD	1,02	0,12	0,90	Huyện Đông Anh	2021-2025
139	Xây dựng trường mầm non Sơn Du, xã Nguyên Khê	DGD	0,74		0,74	Huyện Đông Anh	2021-2025

140	Trường mầm non khu X2 thôn Nguyên Khê, xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh để trả nợ đất dịch vụ cho các hộ dân theo chính sách GPMB	DGD	0,53		0,53	Huyện Đông Anh	2021
141	Xây dựng nhà trẻ, mẫu giáo ký hiệu V-E-MG2	DGD	0,45		0,45	Huyện Đông Anh	2021
142	Xây dựng trường THPT Nguyên Khê	DGD	2,64		2,64	Huyện Đông Anh	2021-2025
143	Xây dựng Trường THCS Nguyên Khê	DGD	1,71		1,71	Huyện Đông Anh	2021-2025
144	Mở rộng trường tiểu học Tầm Xá	DGD	0,30		0,30	Huyện Đông Anh	2021-2025
145	Xây dựng trường THCS Tầm Xá	DGD	0,30		0,30	Huyện Đông Anh	2021-2025
146	THCS Tầm Xá TĐC Xuân Canh - Tầm Xá (N8)	DGD	1,50	1,50		Huyện Đông Anh	2021-2025
147	Mở rộng, cải tạo nâng cấp trường tiểu học Thụy Lâm A	DGD	1,23		1,23	Huyện Đông Anh	2021-2025
148	Cải tạo, sửa chữa trường tiểu học Thụy Lâm	DGD	0,17		0,17	Huyện Đông Anh	2021-2025
149	Xây dựng trường mầm non Thụ Lâm	DGD	0,97		0,97	Huyện Đông Anh	2021-2025
150	Xây dựng trường mầm non Thụ Lâm 2	DGD	0,83		0,83	Huyện Đông Anh	2021-2025
151	Mầm non Hoà My thôn Hà Lâm 3	DGD	0,22		0,22	Huyện Đông Anh	2021-2025
152	Xây dựng trường mầm non Ánh Dương	DGD	1,32		1,32	Huyện Đông Anh	2021-2025
153	Xây dựng trường THCS Tiên Dương	DGD	1,68		1,68	Huyện Đông Anh	2021-2025
154	Xây dựng Trung tâm mầm non, mẫu giáo ký hiệu I-C1	DGD	0,72		0,72	Huyện Đông Anh	2021-2025
155	Xây dựng trường tiểu học Tiên Dương 2	DGD	1,77		1,77	Huyện Đông Anh	2021-2025
156	Tiểu học Tiên Dương 2 Khu đấu giá I-F2	DGD	1,28		1,28	Huyện Đông Anh	2021-2025
157	THCS Tiên Dương 2 Khu đấu giá I-F1	DGD	1,28		1,28	Huyện Đông Anh	2021-2025
158	Mầm non Thị Trấn tổ 11 thị trấn Đông Anh	DGD	1,20		1,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
159	Mầm non Hoà My tổ 48 thị trấn Đông Anh	DGD	0,35		0,35	Huyện Đông Anh	2021-2025
160	Mầm non Bông Hồng tổ 47 thị trấn Đông Anh	DGD	0,35		0,35	Huyện Đông Anh	2021-2025
161	Mầm non Xây lắp điện IV tổ 27 thị trấn Đông Anh	DGD	0,25		0,25	Huyện Đông Anh	2021-2025
162	Xây dựng trường tiểu học Uy Nỗ 2 (chất lượng cao)	DGD	1,70		1,70	Huyện Đông Anh	2021-2025
163	Xây dựng trường THPT Uy Nỗ, huyện Đông Anh	DGD	2,36		2,36	Huyện Đông Anh	2021-2025
164	Xây dựng trường tiểu học Cổ Loa 2	DGD	2,60		2,60	Huyện Đông Anh	2021-2025
165	Xây dựng trường chuyên biệt Bình Minh, huyện Đông Anh	DGD	0,50		0,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
166	Xây dựng trường THCS Cổ Loa 2	DGD	1,33		1,33	Huyện Đông Anh	2021-2025

167	Xây dựng trường tiểu học chất lượng cao huyện Đông Anh	DGD	1,85		1,85	Huyện Đông Anh	2021-2025
168	Xây dựng trường THCS chất lượng cao huyện Đông Anh	DGD	2,10		2,10	Huyện Đông Anh	2021-2025
169	Xây mới điểm trường mầm non thôn Kính Nỗ	DGD	0,60		0,60	Huyện Đông Anh	2021-2025
170	Xây dựng trường phổ thông liên cấp chất lượng cao Đông Anh	DGD	11,40		11,40	Huyện Đông Anh	2021-2025
171	Mầm non A plus xóm Hậu	DGD	0,25		0,25	Huyện Đông Anh	2021-2025
172	Tiểu học Uy Nỗ 3 xóm Trong (PK N7)	DGD	1,00		1,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
173	Trường THPT Uy Nỗ (Tại ô đất quy hoạch chức năng trường THPT thuộc Quy hoạch phân khu đô thị N7	DGD	2,40		2,40	Huyện Đông Anh	2021-2025
174	Cải tạo, mở rộng trường Tiểu học Vân Hà	DGD	1,00		1,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
175	Cải tạo, mở rộng trường THCS Vân Hà	DGD	1,20		1,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
176	Xây dựng trường tiểu học Vân Hà 2	DGD	1,24		1,24	Huyện Đông Anh	2021-2025
177	Xây dựng trường THCS Vân Nội	DGD	1,87		1,87	Huyện Đông Anh	2021-2025
178	Xây dựng trường THPT Việt Hùng, huyện Đông Anh	DGD	2,95		2,95	Huyện Đông Anh	2021-2025
179	Xây dựng trường tiểu học Việt Hùng 2	DGD	1,67		1,67	Huyện Đông Anh	2021-2025
180	Xây dựng trường THCS Việt Hùng 2	DGD	1,60		1,60	Huyện Đông Anh	2021-2025
181	Mầm non Hoa Sen khu Trung (PK GN)	DGD	1,00		1,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
182	Xây dựng trường tiểu học Vĩnh Ngọc	DGD	2,39		2,39	Huyện Đông Anh	2021-2025
183	Xây dựng trường mầm non Hòa Mỹ	DGD	1,07		1,07	Huyện Đông Anh	2021-2025
184	Xây dựng trường mầm non xã Vĩnh Ngọc	DGD	0,50		0,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
185	Xây dựng trường tiểu học Vĩnh Ngọc 2	DGD	1,64		1,64	Huyện Đông Anh	2021-2025
186	Mầm non Vĩnh Ngọc 1 thôn Ngọc Chi (PK N8; Nhật Tân - Nội Bài)	DGD	1,00		1,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
187	THCS Vĩnh Ngọc 2 thôn Ngọc Chi (PK N8; Nhật Tân - Nội Bài)	DGD	2,20		2,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
188	Xây dựng trường mầm non thôn Vông La, xã Vông La	DGD	1,42		1,42	Huyện Đông Anh	2021-2025
189	Xây dựng trường tiểu học thôn Đại Độ, xã Vông La	DGD	1,22		1,22	Huyện Đông Anh	2021-2025
190	Xây dựng nhà học trường THCS Vông La, xã Vông La	DGD	1,00		1,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
191	Xây dựng trung tâm mầm non xã Vông La	DGD	0,89		0,89	Huyện Đông Anh	2021-2025
192	Xây dựng trường mầm non Xuân Canh khu vực Vạn Lộc và Văn Thượng	DGD	0,66		0,66	Huyện Đông Anh	2021-2025

193	Xây dựng mới trường mầm non Xuân Canh tại thôn Lục Canh, xã Xuân Canh,	DGD	0,15		0,15	Huyện Đông Anh	2021-2025
194	Mầm non Xuân Canh thôn Văn Tinh (PK GN-A)	DGD	1,00		1,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
195	THCS Xuân Canh thôn Văn Tinh (PK GN-A)	DGD	1,50		1,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
196	Mầm non Sen Việt thôn Đại Độ	DGD	0,15		0,15	Huyện Đông Anh	2021-2025
197	Dự án GPMB xây dựng Trung tâm mầm non xã Vân Hà	DGD	0,98		0,98	Huyện Đông Anh	2021-2025
198	Xây dựng trường mầm non Thị trấn 1	DGD	0,97		0,97	Huyện Đông Anh	2021-2025
199	Xây dựng trường mầm non thị trấn 2	DGD	0,97		0,97	Huyện Đông Anh	2021-2025
200	Xây dựng trường THCS Thị trấn	DGD	1,59		1,59	Huyện Đông Anh	2021-2025
201	Xây dựng trường tiểu học Thị trấn B	DGD	1,10		1,10	Huyện Đông Anh	2021-2025
202	Mở rộng cơ sở vật chất Học viện Tòa án tại xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm	DGD	5,00	5,00		Huyện Gia Lâm	2022
203	Xây dựng trường THCS Cổ Bi	DGD	1,63	1,63		Huyện Gia Lâm	2022
204	Xây dựng trường PTTH Cao Bá Quát	DGD	1,80	1,80		Huyện Gia Lâm	2022
205	Cải tạo mở rộng trường mầm non cổ bi, huyện Gia Lâm	DGD	0,38	0,38		Huyện Gia Lâm	2022
206	Xây dựng Trường mầm non mới, xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm	DGD	0,37	0,37		Huyện Gia Lâm	2022
207	Xây dựng Trường mầm non Trung Mậu, huyện Gia Lâm	DGD	0,70	0,70		Huyện Gia Lâm	2022
208	Xây dựng trường mầm non Hoa Sữa, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm	DGD	0,50	0,50		Huyện Gia Lâm	2022
209	Xây dựng trường tiểu học Kim Sơn, huyện Gia Lâm	DGD	0,23	0,23		Huyện Gia Lâm	2022
210	Xây dựng trường THCS Kim Sơn	DGD	0,04	0,04		Huyện Gia Lâm	2022
211	Xây dựng trường THCS Vietschool Đặng Xá	DGD	0,83	0,83		Huyện Gia Lâm	2022
212	Xây dựng trường tiểu học Vietschool Đặng Xá	DGD	0,70	0,70		Huyện Gia Lâm	2022
213	Xây dựng Trường Tiểu học chất lượng cao tại khu TQ5, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia lâm	DGD	1,60	1,60		Huyện Gia Lâm	2022
214	Xây dựng trường tiểu học Kim Sơn, huyện Gia Lâm	DGD	0,80	0,80		Huyện Gia Lâm	2022
215	Mở rộng cơ sở đào tạo Học viện Phụ nữ Việt Nam	DGD	3,57	3,57		Huyện Gia Lâm	2022
216	Xây dựng trường THCS Bát Tràng	DGD	0,66	0,66		Huyện Gia Lâm	2023-2024
217	Xây dựng trường tiểu học Kiều	DGD	2,78	2,78		Huyện Gia Lâm	2023-2024
218	Xây dựng trường tiểu học Kim Lan	DGD	1,03	1,03		Huyện Gia Lâm	2023-2024
219	Xây dựng trường THCS xã Yên Viên	DGD	0,44	0,44		Huyện Gia Lâm	2023-2024

220	Mở rộng trường THCS Văn Đức (làm sân thể thao)	DGD	0,31	0,31		Huyện Gia Lâm	2023-2024
221	Xây dựng trường THCS TT Trâu Quỳ	DGD	1,27	1,27		Huyện Gia Lâm	2023-2024
222	Xây dựng trường THCS thị trấn Yên Viên	DGD	2,96	2,96		Huyện Gia Lâm	2023-2024
223	Xây dựng trường mầm non Phù Đồng, điểm trường thôn Đồng Viên	DGD	0,50	0,50		Huyện Gia Lâm	2023-2024
224	Xây dựng trường tiểu học Dương Xá	DGD	1,13	1,13		Huyện Gia Lâm	2023-2024
225	Xây dựng trường Tiểu học xã Đa Tốn	DGD	0,73	0,73		Huyện Gia Lâm	2023-2024
226	Cải tạo, mở rộng trường mầm non Cổ Bi	DGD	0,38	0,38		Huyện Gia Lâm	2023-2024
227	Xây dựng trường mầm non Kim Lan	DGD	0,92	0,92		Huyện Gia Lâm	2023-2024
228	Xây dựng Trường Mầm non Hoa Hồng, thôn Trùng Quán, xã Yên Thường	DGD	0,30	0,30		Huyện Gia Lâm	2023-2024
229	Xây dựng trường THCS Đặng Xá	DGD	0,10	0,10		Huyện Gia Lâm	2023-2024
230	Xây dựng trường THCS Kiều Kỵ	DGD	0,70	0,70		Huyện Gia Lâm	2023-2024
231	Xây dựng trường tiểu học Đặng Xá	DGD	0,83	0,83		Huyện Gia Lâm	2023-2024
232	Xây dựng trường tiểu học Đa Tốn 2	DGD	1,80	1,80		Huyện Gia Lâm	2023-2024
233	Xây dựng trường THCS Phú Thị	DGD	1,00	1,00		Huyện Gia Lâm	2023-2024
234	Xây dựng trường THCS Ninh Hiệp - Giai đoạn 1: Xây dựng 31 phòng học, phòng chức năng, khu hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ	DGD	0,50	0,50		Huyện Gia Lâm	2023-2024
235	Xây dựng Trường Tiểu học chất lượng cao tại khu TQ5, thị trấn Trâu Quỳ	DGD	2,00	2,00		Huyện Gia Lâm	2023-2024
236	Xây dựng trường Mầm non Kim Sơn	DGD	2,00	2,00		Huyện Gia Lâm	2023-2024
237	Xây dựng trung tâm giáo dục nghề nghiệp, GDTX tại xã Đa	DGD	0,80	0,80		Huyện Gia Lâm	2023-2024
238	Xây dựng trường mầm non Đa Tốn tại thôn Ngọc Động	DGD	1,00	1,00		Huyện Gia Lâm	2023-2024
239	Xây dựng Trường tiểu học Dương Xá tại vị trí mới	DGD	1,20	1,20		Huyện Gia Lâm	2023-2024
240	Xây dựng trường tiểu học Đông Dư	DGD	1,20	1,20		Huyện Gia Lâm	2023-2024
241	Xây dựng trường THCS Chất lượng cao TQ5, thị trấn Trâu Quỳ	DGD	1,40	1,40		Huyện Gia Lâm	2023-2024
242	Xây dựng trường mầm non Đình Xuyên - Giai đoạn 2	DGD	0,49	0,49		Huyện Gia Lâm	2023-2024
243	Xây dựng Trường Mầm non Nam Phương	DGD	0,51		0,51	Huyện Gia Lâm	2024-2025
244	Xây dựng trường Tiểu học Trần Thánh Tông	DGD	1,23		1,23	Huyện Gia Lâm	2024-2025

245	Xây dựng Trường THPT hướng nghiệp công nghệ thông minh Hà Nội	DGD	1,52		1,52	Huyện Gia Lâm	2024-2025
246	Mở rộng Trường THPT Lý Thánh Tông	DGD	0,63		0,63	Huyện Gia Lâm	2024-2025
247	Trường THPT Tô Hiệu	DGD	1,10		1,10	Huyện Gia Lâm	2024-2025
248	Trường mầm non Cát Quế C	DGD	1,00		1,00	Huyện Hoài Đức	2022
249	Trường mầm non Di Trạch 2	DGD	0,79		0,79	Huyện Hoài Đức	2022
250	Mở rộng Trường tiểu học An Thượng A	DGD	0,70	0,70		Huyện Hoài Đức	2022
251	Trường tiểu học Đức Giang	DGD	1,50		1,50	Huyện Hoài Đức	2022
252	Nâng cấp, mở rộng trường THCS An Thượng	DGD	1,06	1,06		Huyện Hoài Đức	2022
253	Xây dựng, mở rộng trường tiểu học An Thượng B	DGD	0,70	0,70		Huyện Hoài Đức	2022
254	Cải tạo, mở rộng Trường THCS Cát Quế A	DGD	0,50	0,50		Huyện Hoài Đức	2022
255	Mở rộng, xây mới nhà lớp học và các HMPT Trường Mầm non Đắc Sở	DGD	0,30	0,30		Huyện Hoài Đức	2022
256	Xây dựng nhà lớp học 3 tầng, nhà giáo dục thể chất và các hạng mục phụ trợ trường THCS Minh Khai	DGD	0,40		0,40	Huyện Hoài Đức	2022
257	Nâng cấp, mở rộng trường Tiểu học Song Phương	DGD	0,86	0,86		Huyện Hoài Đức	2022
258	Trường Tiểu học thị trấn Tràm Trôi B	DGD	0,85		0,85	Huyện Hoài Đức	2022
259	Trường Mầm non Đông La I xã Đông La, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội	DGD	1,39		1,39	Huyện Hoài Đức	2022
260	Xây mới Trường Tiểu học Đức Thượng	DGD	1,52		1,52	Huyện Hoài Đức	2022
261	Trường mầm non Kim Chung (điểm trường Lai Xá)	DGD	0,39		0,39	Huyện Hoài Đức	2022
262	Trường Mầm non La Phù 2	DGD	1,00		1,00	Huyện Hoài Đức	2022
263	Mở rộng trường THCS Dương Liễu	DGD	1,00		1,00	Huyện Hoài Đức	2022
264	Trường mầm non An Thượng A (mở rộng)	DGD	0,82		0,82	Huyện Hoài Đức	2022
265	Trường Tiểu học Kim Chung B	DGD	0,93		0,93	Huyện Hoài Đức	2022
266	Xây dựng trường Tiểu học Đắc Sở	DGD	0,90		0,90	Huyện Hoài Đức	2022
267	Xây dựng Trường Mầm non xã Tiên Yên (khu Yên Thái)	DGD	0,70		0,70	Huyện Hoài Đức	2022
268	Xây dựng trường THPT Hoài Đức C	DGD	1,92		1,92	Huyện Hoài Đức	2022
269	Xây dựng Trường Mầm non xã Sơn Đồng	DGD	1,36		1,36	Huyện Hoài Đức	2023-2024
270	Mở rộng trường THCS Tiên Yên, xã Tiên Yên	DGD	0,30		0,30	Huyện Hoài Đức	2023-2024
271	Trường mầm non xã Lại Yên	DGD	1,00		1,00	Huyện Hoài Đức	2023-2024

272	Trường Tiểu học xã Vân Côn, Hạng mục: Nhà lớp học, nhà giáo dục thể chất và các hạng mục phụ trợ	DGD	1,50		1,50	Huyện Hoài Đức	2023-2024
273	Trường mầm non Vân Côn A (khu Quyết Tiến)	DGD	1,20		1,20	Huyện Hoài Đức	2023-2024
274	Xây dựng trường THCS Vân Côn, Hạng mục: Nhà lớp học 3 tầng 6 phòng và các hạng mục phụ trợ	DGD	1,50		1,50	Huyện Hoài Đức	2024-2025
275	Xây dựng trường THCS Di Trạch	DGD	2,60		2,60	Huyện Hoài Đức	2024-2025
276	Xây dựng trường tiểu học La Phù	DGD	1,01		1,01	Huyện Hoài Đức	2024-2025
277	Xây dựng trường THCS An Khánh B xã An Khánh	DGD	1,50		1,50	Huyện Hoài Đức	2024-2025
278	Trường Mầm non Đức Giang B	DGD	1,00		1,00	Huyện Hoài Đức	2024-2025
279	Xây dựng trường mầm non Vân Canh B	DGD	1,00		1,00	Huyện Hoài Đức	2024-2025
280	Mở rộng trường THCS Đức Thượng - Hạng mục: Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng, nhà giáo dục thể chất và các hạng mục phụ trợ	DGD	1,11		1,11	Huyện Hoài Đức	2024-2025
281	Xây dựng trường THCS Sơn Đàn	DGD	1,10		1,10	Huyện Hoài Đức	2023-2024
282	Xây dựng thay thế trường THCS Vân Côn	DGD	1,50		1,50	Huyện Hoài Đức	2024-2025
283	Xây dựng thay thế trường tiểu học Vân Côn	DGD	1,50		1,50	Huyện Hoài Đức	2024-2025
284	Xây dựng thay thế trường mầm non Vân Côn B	DGD	1,46		1,46	Huyện Hoài Đức	2024-2025
285	Xây dựng thay thế trường mầm non Vân Côn C	DGD	1,17		1,17	Huyện Hoài Đức	2024-2025
286	Xây dựng thay thế trường mầm non vùng bãi xã Dương Liễu	DGD	1,20		1,20	Huyện Hoài Đức	2024-2025
287	Xây dựng thay thế trường mầm non Cát Quế B	DGD	1,30		1,30	Huyện Hoài Đức	2024-2025
288	Xây dựng mới trường Tiểu học Dương Liễu A, xã Dương Liễu	DGD	1,25		1,25	Huyện Hoài Đức	2023-2024
289	Trường mầm non Song Phương A	DGD	0,59		0,59	Huyện Hoài Đức	2023-2024
290	Nâng cấp, mở rộng trường tiểu học Dương Liễu B	DGD	1,10		1,10	Huyện Hoài Đức	2023-2024
291	Cải tạo, mở rộng trường mầm non xã Đắc Sở thôn Sơn Hà	DGD	0,40		0,40	Huyện Hoài Đức	2023-2024
292	Trường mầm non An Khánh 3	DGD	1,50		1,50	Huyện Hoài Đức	2023-2025
293	Trường mầm non An Khánh 4	DGD	1,50		1,50	Huyện Hoài Đức	2023-2025
294	Trường THCS An Khánh 2	DGD	2,00		2,00	Huyện Hoài Đức	2023-2025
295	Trường Tiểu học Vân Canh 2	DGD	1,50		1,50	Huyện Hoài Đức	2023-2025
296	Nâng cấp, mở rộng và xây dựng bổ sung cơ sở vật chất trường tiểu học Quang Minh B, thị trấn Quang Minh	DGD	0,23	0,12	0,11	Huyện Mê Linh	2022
297	Trường THCS Tiến Thịnh, xã Tiến Thịnh, huyện Mê Linh	DGD	0,40	0,25	0,15	Huyện Mê Linh	2022

298	Xây dựng trường Tiểu học Đại Thịnh A. xã Đại Thịnh. huyện Mê Linh	DGD	1,66		1,66	Huyện Mê Linh	2022
299	Cải tạo. mở rộng trường Tiểu học Tráng Việt B. xã Tráng Việt. huyện Mê Linh	DGD	0,97		0,97	Huyện Mê Linh	2022
300	Xây dựng trường Mầm non xã Tiên Thắng. huyện Mê Linh (khu Bạch Trữ).	DGD	1,00		1,00	Huyện Mê Linh	2022
301	Mở rộng, nâng cấp và xây dựng bổ sung cơ sở vật chất trường THCS Thanh Lâm A, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh	DGD	0,40		0,40	Huyện Mê Linh	2022
302	Xây dựng trường mầm non Đại Thịnh (khu vực Thường Lệ) xã Đại Thịnh, huyện Mê Linh	DGD	0,98		0,98	Huyện Mê Linh	2022
303	Xây dựng trường mầm non Tam Đồng , xã Tam Đồng, huyện Mê Linh (Khu Nam Cường)	DGD	0,70		0,70	Huyện Mê Linh	2022
304	Nâng cấp, cải tạo và xây dựng bổ sung cơ sở vật chất trường mầm non Thạch Đà A	DGD	0,50		0,50	Huyện Mê Linh	2022
305	Mở rộng, nâng cấp và xây dựng bổ sung cơ sở vật chất trường tiểu học Đại Thịnh B, xã Đại Thịnh, huyện Mê Linh	DGD	1,05		1,05	Huyện Mê Linh	2022
306	Xây dựng trường tiểu học Thạch Đà B, xã Thạch Đà, huyện Mê Linh	DGD	1,26		1,26	Huyện Mê Linh	2022
307	Xây dựng trường mầm non Mê Linh, xã Mê Linh (khu trung tâm)	DGD	0,60	0,60		Huyện Mê Linh	2022
308	Trường tiểu học Thanh Lâm B, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh	DGD	0,10	0,10		Huyện Mê Linh	2022
309	Trường Đại học Tài chính - Ngân hàng Hà Nội tại xã Tiên Phong, huyện Mê Linh	DGD	11,10	11,10		Huyện Mê Linh	2022
310	Xây dựng trường mầm non Tiên Thịnh (Khu trung tâm)	DGD	0,35	0,35		Huyện Mê Linh	2022
311	Trường mầm non Quang Minh B, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh (khu trung tâm)	DGD	0,45	0,45		Huyện Mê Linh	2022
312	Trường THCS Tam Đồng, xã Tam Đồng, huyện Mê Linh	DGD	1,36	1,36		Huyện Mê Linh	2022
313	Xây dựng điểm trường mầm non Tiên Thắng (thôn Bạch Trữ), xã Tiên Thắng	DGD	0,70	0,70		Huyện Mê Linh	2022
314	Trường Tiểu học Chu Phan A, xã Chu Phan, huyện Mê Linh	DGD	0,25	0,25		Huyện Mê Linh	2022
315	Cải tạo, nâng cấp trường THPT Tự Lập, huyện Mê Linh	DGD	0,11		0,11	Huyện Mê Linh	2022

316	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng bổ sung cơ sở vật chất trường THCS Phạm Hồng Thái, xã Thạch Đà, huyện Mê Linh	DGD	0,04		0,04	Huyện Mê Linh	2022
317	Xây dựng trường Tiểu học Đại Thịnh A. xã Đại Thịnh. huyện Mê Linh	DGD	1,66		1,66	Huyện Mê Linh	2021-2025
318	Xây dựng trường mầm non Đại Thịnh (khu vực Thường Lệ), xã Đại Thịnh, huyện Mê Linh	DGD	0,83		0,83	Huyện Mê Linh	2021-2025
319	Xây dựng trường mầm non chu Phan, xã Chu Phan	DGD	1,00		1,00	Huyện Mê Linh	2021-2025
320	Xây dựng mầm non Liên Mạc, xã Liên Mạc	DGD	1,00		1,00	Huyện Mê Linh	2021-2025
321	Trường THCS Thanh Lâm A, huyện Mê Linh (giai đoạn 2)	DGD	0,95	0,55	0,40	Huyện Mê Linh	2021-2025
322	Xây dựng trường mầm non Tráng Việt (khu TT)	DGD	1,50	0,58	0,92	Huyện Mê Linh	2021-2025
323	Xây dựng trường mầm non Văn Khê A, xã Văn Khê, huyện Mê Linh	DGD	1,00		1,00	Huyện Mê Linh	2022-2025
324	Xây dựng trường mầm non Liên Mạc, xã Liên Mạc, huyện Mê	DGD	1,00		1,00	Huyện Mê Linh	2022-2025
325	Xây dựng trường THCS Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh	DGD	3,00		3,00	Huyện Mê Linh	2022-2025
326	Xây dựng trường mầm non Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh	DGD	1,00		1,00	Huyện Mê Linh	2022-2025
327	Xây dựng trường Tiểu học Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh	DGD	2,00		2,00	Huyện Mê Linh	2022-2025
328	Xây dựng trường THCS Vạn Yên, xã Vạn Yên, huyện Mê Linh	DGD	1,20		1,20	Huyện Mê Linh	2022-2025
329	Xây dựng trường Tiểu học Tiền Phong, xã Tiền Phong, huyện Mê Linh	DGD	2,50		2,50	Huyện Mê Linh	2022-2025
330	Xây dựng trường Tiểu học Mê Linh, xã Mê Linh, huyện Mê Linh	DGD	2,50		2,50	Huyện Mê Linh	2022-2025
331	Xây dựng trường Tiểu học Kim Hoa A, xã Kim Hoa, huyện Mê Linh	DGD	2,50		2,50	Huyện Mê Linh	2022-2025
332	Xây dựng trường THCS Kim Hoa, xã Kim Hoa, huyện Mê Linh	DGD	3,00		3,00	Huyện Mê Linh	2022-2025
333	Xây dựng trường Mầm non Tam Đồng, tại khu Nam Cường, xã Tam Đồng,	DGD	0,70		0,70	Huyện Mê Linh	2021-2025
334	Xây dựng, cải tạo trường THPT Yên Lãng, huyện Mê Linh	DGD	1,84	1,84		Huyện Mê Linh	2021-2025
335	Xây dựng trường Tiểu học Kim Hoa A và THCS Kim Hoa xã Kim Hoa, huyện Mê Linh	DGD	4,65		4,65	Huyện Mê Linh	2022

336	Mở rộng trường tiểu học Văn Khê A	DGD	0,70		0,70	Huyện Mê Linh	2022
337	Mở rộng trường cấp 1 Tế Tiêu	DGD	0,08	0,08		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
338	Xây dựng mới trường THPT Mỹ Đức A	DGD	5,00	5,00		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
339	Xây mới trường mầm non Đại Nghĩa	DGD	2,00	2,00		Huyện Mỹ Đức	2022
340	Mở rộng, nâng cấp trường mầm non	DGD	0,50	0,50		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
341	Cải tạo, sửa chữa trường mầm non xã Đồng Tâm	DGD	0,06	0,06		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
342	Nâng cấp, cải tạo phòng học, phòng bộ môn khu hiệu bộ - chức năng, thiết bị trường THCS Đồng Tâm	DGD	0,60	0,60		Huyện Mỹ Đức	2021
343	Mở rộng trường Tiểu học Đồng Tâm	DGD	0,80	0,80		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
344	Mở rộng trường tiểu học xã Thượng Lâm	DGD	0,43	0,43		Huyện Mỹ Đức	2021
345	Trường THCS Thượng Lâm	DGD	0,55	0,55		Huyện Mỹ Đức	2023
346	Xây mới trường Mầm non xã Thượng Lâm	DGD	1,50	1,50		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
347	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Tuy Lai A	DGD	0,75	0,75		Huyện Mỹ Đức	2021
348	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Tuy Lai B, huyện Mỹ Đức	DGD	0,57	0,57		Huyện Mỹ Đức	2021
349	Mở rộng trường Mầm non Phúc Lâm	DGD	0,27	0,27		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
350	Mở rộng trường Tiểu học Phúc Lâm	DGD	0,38	0,38		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
351	Mở rộng Trường mầm non	DGD	0,15	0,15		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
352	Xây mới Mầm non trung tâm xã Bột Xuyên	DGD	0,60	0,60		Huyện Mỹ Đức	2022
353	Trường THPT Mỹ Đức B	DGD	5,00	5,00		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
354	Trường THCS xã Hồng sơn (Giai đoạn 2)	DGD	0,15	0,15		Huyện Mỹ Đức	2021
355	Mở rộng trường Mầm non Hồng Sơn	DGD	0,50	0,50		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
356	Trường Mầm non Lê Thanh B	DGD	0,55	0,55		Huyện Mỹ Đức	2022
357	Trường Tiểu học Lê Thanh A	DGD	1,50	1,50		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
358	Mở rộng trường Mầm non thôn Tân Độ	DGD	0,07	0,07		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
359	Trung tâm giáo dục cộng đồng	DGD	0,67	0,67		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
360	Mở rộng trường mầm non	DGD	0,04	0,04		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
361	Trường mầm non khu A	DGD	0,04	0,04		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
362	Mở rộng trường Mầm non Đại Hưng	DGD	0,66	0,66		Huyện Mỹ Đức	2022
363	Xây dựng trường Tiểu học Đại Hưng	DGD	1,00	1,00		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
364	Xây dựng trường Mầm non Vạn Kim	DGD	0,61	0,61		Huyện Mỹ Đức	2021
365	Xây dựng trường Tiểu học Vạn Kim	DGD	0,74	0,74		Huyện Mỹ Đức	2021

366	Mở rộng trường Mầm non Độc Tín	DGD	0,15	0,15		Huyện Mỹ Đức	2021
367	Xây mới trường tiểu học Hương Sơn A	DGD	0,57	0,57		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
368	Mở rộng trường THCS Hương Sơn	DGD	0,70	0,70		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
369	Xây dựng trường Mầm non Nông Khê	DGD	0,52	0,52		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
370	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 8 phòng và các hạng mục phụ trợ trường Mầm non trung tâm xã Hùng Tiến	DGD	0,68	0,68		Huyện Mỹ Đức	2021
371	Điểm trường mầm non B thôn La Đồng	DGD	0,57	0,57		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
372	Trường Mầm Non xã Hợp Tiến	DGD	1,50	1,50		Huyện Mỹ Đức	2021
373	Xây mới trường tiểu học + THCS	DGD	1,20	1,20		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
374	Trường THCS	DGD	0,18	0,18		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
375	Trường Mầm tư thực	DGD	0,10	0,10		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
376	Mở rộng trường Tiểu học B	DGD	0,12	0,12		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
377	Mở rộng trường Tiểu học A	DGD	0,50	0,50		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
378	Xây dựng mới trường Mầm non trung tâm xã Hợp Thanh	DGD	1,50	1,50		Huyện Mỹ Đức	2022
379	Điểm trường Mầm non	DGD	0,30	0,30		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
380	Trường Mầm non Khu B	DGD	0,20	0,20		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
381	Trường tiểu học Thanh Hà	DGD	0,52	0,52		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
382	Trường mầm non phân khu A	DGD	0,50	0,50		Huyện Mỹ Đức	2022
383	Trường Mầm Non A	DGD	1,07	1,07		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
384	Trường Mầm Non B	DGD	0,18	0,18		Huyện Mỹ Đức	2021
385	Dự án xây dựng trường phổ thông liên cấp tiên tiến, hiện đại theo Chương trình số 06-Ctr/TU của Thành ủy trên địa bàn huyện Mỹ Đức	DGD	3,50	3,50		Huyện Mỹ Đức	2022
386	Xây dựng trường tiểu học và trung học cơ sở chất lượng cao	DGD	2,50	2,50		Huyện Mỹ Đức	2022
387	Trường THCS Trần Phú	DGD	1,50		1,50	Huyện Phú Xuyên	2022
388	Trường Tiểu học Nam Phong	DGD	1,20		1,20	Huyện Phú Xuyên	2022
389	Trường THCS Nam Phong	DGD	0,90		0,90	Huyện Phú Xuyên	2022
390	Trường Mầm non Khai Thái	DGD	1,10		1,10	Huyện Phú Xuyên	2022
391	Trường Tiểu học Đại Xuyên	DGD	1,20		1,20	Huyện Phú Xuyên	2022
392	Trường THCS Phú Yên	DGD	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2022
393	Trường Mầm non Vân Từ	DGD	1,20		1,20	Huyện Phú Xuyên	2022
394	Trường Mầm non thị trấn Phú Xuyên (điểm trường Đại Đồng)	DGD	1,20		1,20	Huyện Phú Xuyên	2022
395	Trường Mầm non trung tâm	DGD	2,00		2,00	Huyện Phú Xuyên	2022
396	Trường Mầm non Tri Thủy	DGD	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2022
397	Trường Tiểu học Minh Tân B	DGD	1,20		1,20	Huyện Phú Xuyên	2022
398	Trường Mầm non Nam Tiến A	DGD	1,20		1,20	Huyện Phú Xuyên	2022
399	Trường Tiểu học Phúc Tiến	DGD	1,20		1,20	Huyện Phú Xuyên	2022
400	Trường Mầm non Sơn Hà	DGD	1,10		1,10	Huyện Phú Xuyên	2022
401	Trường tiểu học Nam Tiến A	DGD	1,10		1,10	Huyện Phú Xuyên	2022
402	Trường tiểu học Đại Thắng	DGD	0,50		0,50	Huyện Phú Xuyên	2022
403	Trường tiểu học Minh Tân A	DGD	0,50		0,50	Huyện Phú Xuyên	2022

404	Trường tiểu học Hồng Minh	DGD	1,40		1,40	Huyện Phú Xuyên	2022
405	Trường Mầm non Quang Lăng	DGD	1,20		1,20	Huyện Phú Xuyên	2022
406	Trường Mầm non Hoàng Long	DGD	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2022
407	Trường Tiểu học Bạch Hạ	DGD	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
408	Trường mầm non Châu Can B	DGD	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
409	Trường Tiểu học Châu Can	DGD	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
410	Quy hoạch trường mầm non Chuyên Mỹ	DGD	1,10		1,10	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
411	Trường tiểu học Chuyên Mỹ	DGD	0,95		0,95	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
412	Trường tiểu học xã Đại Xuyên	DGD	1,17		1,17	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
413	QH trường tiểu học Hồng Thái	DGD	1,50		1,50	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
414	Xây dựng trường mầm non Hồng Thái	DGD	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
415	Trường Mầm Non Khai Thái, điểm trường thôn Lập Phương	DGD	1,30		1,30	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
416	Trường mầm non trung tâm Khai Thái	DGD	0,18		0,18	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
417	Trường tiểu học Minh Tân A (điểm trường thôn Bái Xuyên)	DGD	0,40		0,40	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
418	Xây dựng trường tiểu học Nam Phong	DGD	1,21		1,21	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
419	Trường THCS Nam Phong	DGD	0,40		0,40	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
420	QH trường THCS Thôn Chanh Thôn (Nam Tiến A)	DGD	0,50		0,50	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
421	Trường MN Nam Tiến B	DGD	0,27		0,27	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
422	QH trường mầm non Nam Tiến A	DGD	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
423	Trường mầm non Phú Yên	DGD	0,71		0,71	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
424	Trường mầm non thôn Đồng	DGD	1,50		1,50	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
425	QH trường mầm non Sơn Hà khu trung tâm	DGD	1,40		1,40	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
426	Trường THPT Tân Dân	DGD	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
427	Mở rộng trường cấp 2 thôn Đại Nghiệp	DGD	0,15		0,15	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
428	Trường Mầm non Tri Thủy	DGD	0,94		0,94	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
429	Trường tiểu học Tri Thủy	DGD	0,60		0,60	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
430	Trường Trung học cơ sở xã Tri Thủy	DGD	2,50		2,50	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
431	Xây mới trường tiểu học xã Tri Trung	DGD	0,92		0,92	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
432	Trường THCS Tri Trung	DGD	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
433	Trường tiểu học thị trấn Phú Minh	DGD	0,70		0,70	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
434	Trường Mầm non Sao Mai	DGD	0,30		0,30	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
435	Trường Mầm Non thôn Thao chính	DGD	1,30		1,30	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
436	Trường tiểu học TT. Phú Xuyên	DGD	1,10		1,10	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
437	Trường Mầm non trung tâm thị trấn Phú Xuyên	DGD	1,67		1,67	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
438	Trường trung học cơ sở Văn Hoàng	DGD	1,10		1,10	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
439	Mở rộng trường mầm non	DGD	0,70		0,70	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
440	Trường Tiểu học Phú Yên	DGD	1,39		1,39	Huyện Phú Xuyên	2022
441	Cải tạo, mở rộng trường tiểu học Đại Thắng	DGD	0,50		0,50	Huyện Phú Xuyên	2023

442	Xây dựng, cải tạo trường THPT Tân Dân	DGD	10,69	10,00	0,69	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
443	Trường MN Khai Thái thôn Khai Thái	DGD	10,45	10,00	0,45	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
444	Trường MN thị trấn Phú Minh	DGD	0,70		0,70	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
445	Trường THCS thị trấn Phú Xuyên	DGD	10,50	10,00	0,50	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
446	Trường tiểu học Văn Hoàng	DGD	10,59	10,00	0,59	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
447	Trường Mầm non Văn Hoàng	DGD	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
448	Xây dựng khu chờ đón trẻ Mầm non trung tâm xã Phú Yên	DGD	0,15		0,15	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
449	Xây dựng, cải tạo, mở rộng trường mầm non Phúc Hòa (điểm thôn Thanh Phần)	DGD	0,30		0,30	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
450	Mở rộng trường mầm non thị trấn Phúc Thọ	DGD	0,46		0,46	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
451	Mở rộng điểm trường mầm non xã Vân Nam - thôn Vĩnh Khang	DGD	0,19		0,19	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
452	Mở rộng trường mầm non Phúc Hòa (thôn Thụ Trai)	DGD	1,09		1,09	Huyện Phúc Thọ	2023-2024
453	Mở rộng trường mầm non thôn Nội	DGD	1,00		1,00	Huyện Phúc Thọ	2023-2024
454	Mở rộng trường mầm non thôn Tảo	DGD	0,80		0,80	Huyện Phúc Thọ	2023-2024
455	Mở rộng trường mầm non Vĩng Xuyên A	DGD	0,50		0,50	Huyện Phúc Thọ	2021-2022
456	Mở rộng, nâng cấp trường mầm non Thọ Lộc	DGD	1,25		1,25	Huyện Phúc Thọ	2023-2024
457	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp trường mầm non Vĩng Xuyên B	DGD	1,10		1,10	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
458	Trường mầm non Liên Hiệp	DGD	1,50		1,50	Huyện Phúc Thọ	2023-2024
459	Trường mầm non Long Xuyên (điểm thôn Triệu Xuyên)	DGD	1,50		1,50	Huyện Phúc Thọ	2022-2023
460	Trường mầm non Ngọc Tảo	DGD	1,00		1,00	Huyện Phúc Thọ	2022-2023
461	Trường mầm non Phương Độ	DGD	0,32		0,32	Huyện Phúc Thọ	2021-2022
462	Trường mầm non trung tâm Liên Hiệp	DGD	1,45		1,45	Huyện Phúc Thọ	2021-2022
463	Trường mầm non trung tâm xã Tam Hiệp (khu sân vận động cũ xã Tam hiệp)	DGD	0,72		0,72	Huyện Phúc Thọ	2021-2022
464	Trường mầm non trung tâm xã Vân Hà	DGD	1,00		1,00	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
465	Trường mầm non xã Phụng Thượng	DGD	1,50		1,50	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
466	Trường mầm non xã Xuân Đình (điểm thôn Phú Châu giai đoạn 2)	DGD	0,70		0,70	Huyện Phúc Thọ	2021-2022
467	Trường mầm non Hiệp Thuận	DGD	1,15		1,15	Huyện Phúc Thọ	2021-2022
468	Xây dựng, mở rộng trường mầm non Trạch Mỹ Lộc xã Trạch Mỹ Lộc	DGD	0,50		0,50	Huyện Phúc Thọ	2023-2024
469	Trường mầm non Hát Môn	DGD	1,50		1,50	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
470	Trường mầm non Sen Phương(xã Sen Chiểu cũ)	DGD	1,80		1,80	Huyện Phúc Thọ	2023-2024
471	Trường mầm non Tam Hiệp B	DGD	1,10		1,10	Huyện Phúc Thọ	2021-2022

472	Xây dựng, cải tạo trường mầm non Thanh Đa, xã Thanh Đa	DGD	1,38		1,38	Huyện Phúc Thọ	2023-2024
473	Mở rộng trường mầm non xã Vân Phúc	DGD	1,10		1,10	Huyện Phúc Thọ	2023-2024
474	Mở rộng trường THCS Phúc Hòa	DGD	0,75		0,75	Huyện Phúc Thọ	2023-2024
475	Mở rộng trường Tiểu học Tam Thuần	DGD	0,47		0,47	Huyện Phúc Thọ	2023-2024
476	Xây dựng, cải tạo trường THCS Thanh Đa xã Thanh Đa	DGD	0,50		0,50	Huyện Phúc Thọ	2023-2024
477	Cải tạo trường THCS Vân Hà xã Vân Hà	DGD	0,23		0,23	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
478	Cải tạo, Mở rộng trường tiểu học Thanh Đa xã Thanh Đa	DGD	0,53		0,53	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
479	Tiểu học Liên Hiệp	DGD	1,50		1,50	Huyện Phúc Thọ	2024-2025
480	Trường THCS Liên Hiệp	DGD	1,30		1,30	Huyện Phúc Thọ	2022-2023
481	Trường THCS Thọ Lộc	DGD	1,60		1,60	Huyện Phúc Thọ	2023-2024
482	Trường THCS xã Hiệp Thuận	DGD	1,80		1,80	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
483	Trường tiểu học Tam Hiệp B	DGD	1,12		1,12	Huyện Phúc Thọ	2022-2023
484	Xây dựng, mở rộng Trường tiểu học Vồng Xuyên B, xã Vồng Xuyên	DGD	1,00		1,00	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
485	Trường THCS Tích Giang	DGD	1,00		1,00	Huyện Phúc Thọ	2023-2024
486	Trường THCS Hát Môn	DGD	1,50		1,50	Huyện Phúc Thọ	2023-2024
487	Trường tiểu học Ngọc Tảo	DGD	1,00		1,00	Huyện Phúc Thọ	2021-2022
488	Trường THCS xã Tam Thuần	DGD	1,00		1,00	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
489	Xây dựng, mở rộng trường THCS xã Phụng Thượng	DGD	0,40		0,40	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
490	Xây mới Trường THCS Long Xuyên	DGD	1,50		1,50	Huyện Phúc Thọ	2023-2024
491	Trường THCS Tam Hiệp B	DGD	1,00		1,00	Huyện Phúc Thọ	2023-2024
492	Xây mới Trường THCS xã Vân Phúc	DGD	2,00		2,00	Huyện Phúc Thọ	2022-2023
493	Mở rộng trường Mầm non Hoa Mai xã Phụng Thượng (khu B) xã Phụng Thượng	DGD	0,50		0,50	Huyện Phúc Thọ	2022-2023
494	Xây mới, nâng cấp, cải tạo trường tiểu học Phúc Hòa	DGD	0,50		0,50	Huyện Phúc Thọ	2023-2024
495	Trường THCS Vồng Xuyên B	DGD	2,05		2,05	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
496	Trường mầm non trung tâm xã Thượng Cốc	DGD	0,58		0,58	Huyện Phúc Thọ	2021-2022
497	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	2,62		2,62	Huyện Phúc Thọ	2021-2025
498	Cải tạo nâng cấp trường tiểu học Đông Yên A, điểm trường thôn Đông Thượng	DGD	0,70	0,51	0,19	Huyện Quốc Oai	2021-2025
499	Xây mới trường MN Đông Yên A, điểm trường thôn Đông	DGD	0,80	0,20	0,60	Huyện Quốc Oai	2021-2025
500	Xây dựng THCS Đông Yên B	DGD	1,50		1,50	Huyện Quốc Oai	2021-2025
501	Xây dựng mầm non Đông Yên B	DGD	1,30		1,30	Huyện Quốc Oai	2021-2025
502	Xây dựng tiểu học Đông Yên B	DGD	1,08		1,08	Huyện Quốc Oai	2021-2025
503	Mở rộng trường mầm non thôn Yên Thái	DGD	0,33	0,30	0,03	Huyện Quốc Oai	2021-2025
504	Trường tiểu học Đông Xuân	DGD	0,45		0,45	Huyện Quốc Oai	2021-2025

505	Xây mới trường học trung tâm xã Đông Xuân (03 trường)	DGD	5,70		5,70	Huyện Quốc Oai	2021-2025
506	Cải tạo trường mầm non xã Đông Xuân (điểm trường thôn Đồng Bền)	DGD	0,30		0,30	Huyện Quốc Oai	2021-2025
507	Mở rộng điểm trường mầm non Hòa Phú-Hòa Thạch	DGD	0,23	0,11	0,12	Huyện Quốc Oai	2021-2025
508	Trường Mầm non Hòa Thạch	DGD	0,80		0,80	Huyện Quốc Oai	2021-2025
509	Mở rộng tiểu học Hòa Thạch A	DGD	1,80	1,13	0,67	Huyện Quốc Oai	2021-2025
510	Đất dự trữ giáo dục trường nghề	DGD	3,00		3,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
511	Đầu tư, nâng cấp xây dựng trường tiểu học Cấn Hữu (Giai đoạn 2)	DGD	2,10		2,10	Huyện Quốc Oai	2021-2025
512	Trường Mầm non Cấn Hữu (điểm trường thôn Đình Tú và Thái Thượng Khê), xã Cấn Hữu	DGD	0,52	0,10	0,42	Huyện Quốc Oai	2021-2025
513	Xây dựng trường MN Cấn Hữu, xã Cấn Hữu	DGD	1,80		1,80	Huyện Quốc Oai	2021-2025
514	Nâng cấp, mở rộng trường THCS Cấn Hữu	DGD	1,40	0,90	0,50	Huyện Quốc Oai	2021-2025
515	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Nghĩa Hương, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	DGD	0,84	0,20	0,64	Huyện Quốc Oai	2021-2025
516	Mở rộng trường Mầm non trung tâm xã Nghĩa Hương	DGD	0,77	0,17	0,60	Huyện Quốc Oai	2021-2025
517	Khu trung tâm giáo dục cộng đồng	DGD	0,24		0,24	Huyện Quốc Oai	2021-2025
518	Trường tiểu học Tuyết Nghĩa	DGD	1,40	0,48	0,92	Huyện Quốc Oai	2021-2025
519	Mầm non B xã Tuyết Nghĩa	DGD	1,20		1,20	Huyện Quốc Oai	2021-2025
520	Xây mới trường tiểu học Đồng Trước	DGD	1,00		1,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
521	Mở rộng trường THCS xã Cộng Hòa	DGD	0,50	0,40	0,10	Huyện Quốc Oai	2021-2025
522	Trường THCS Tân Phú, huyện Quốc Oai, TP Hà Nội	DGD	0,91		0,91	Huyện Quốc Oai	2021-2025
523	Nâng cấp trường MN Tân Phú	DGD	0,17		0,17	Huyện Quốc Oai	2021-2025
524	XD mới THCS - Đầm đười	DGD	1,50		1,50	Huyện Quốc Oai	2021-2025
525	Trường THPT Cao Bá Quát-Quốc Oai	DGD	3,00		3,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
526	Mở rộng trường THCS Đại Thành	DGD	1,00	0,80	0,20	Huyện Quốc Oai	2021-2025
527	Xây dựng mở rộng Trường Tiểu học Đại Thành	DGD	1,09	0,46	0,63	Huyện Quốc Oai	2021-2025
528	Nâng cấp, mở rộng trường mầm non Đại Thành, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	DGD	1,22	0,62	0,60	Huyện Quốc Oai	2021-2025
529	XD Trường phổ thông Nguyễn Trực (Đồng Quang)	DGD	1,00		1,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
530	Nâng cấp, mở rộng trường tiểu học Đồng Quang A, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	DGD	1,50		1,50	Huyện Quốc Oai	2021-2025
531	Cải tạo, nâng cấp trường THCS xã Đồng Quang, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	DGD	0,26		0,26	Huyện Quốc Oai	2023

532	Đầu tư, nâng cấp Trường Mầm non Liệp Tuyết (điểm trường trung tâm)	DGD	0,85	0,26	0,59	Huyện Quốc Oai	2021-2025
533	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Liệp Tuyết, Quốc Oai, thành phố Hà Nội	DGD	0,40		0,40	Huyện Quốc Oai	2021-2025
534	Nâng cấp mở rộng trường THCS Liệp Tuyết	DGD	0,50		0,50	Huyện Quốc Oai	2021-2025
535	Xây mới trường tiểu học Ngọc Liệp B	DGD	1,20		1,20	Huyện Quốc Oai	2021-2025
536	Xây mới trường THCS Ngọc Liệp B	DGD	1,40		1,40	Huyện Quốc Oai	2021-2025
537	Mở rộng trường Tiểu học Ngọc Liệp	DGD	0,20		0,20	Huyện Quốc Oai	2021-2025
538	Mở rộng trường tiểu học thôn Ngọc Than - Ngọc Mỹ	DGD	2,50	1,10	1,40	Huyện Quốc Oai	2021-2025
539	Xây mới trường THCS Ngọc Mỹ (khu 03 trường)	DGD	1,40		1,40	Huyện Quốc Oai	2021-2025
540	Xây mới trường tiểu học Ngọc Mỹ (khu 03 trường)	DGD	1,30		1,30	Huyện Quốc Oai	2021-2025
541	Xây mới trường mầm non Ngọc Mỹ (khu 03 trường)	DGD	0,98		0,98	Huyện Quốc Oai	2021-2025
542	QH đất giáo dục khu TT xã	DGD	3,70		3,70	Huyện Quốc Oai	2021-2025
543	Mở rộng trường tiểu học Thạch Thán	DGD	1,50	0,40	1,10	Huyện Quốc Oai	2021-2025
544	Xây dựng trường mầm non xã Thạch Thán, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	DGD	1,50		1,50	Huyện Quốc Oai	2021-2025
545	Trường mầm non huyện (chất lượng cao)	DGD	0,85		0,85	Huyện Quốc Oai	2021-2025
546	Trường tiểu học thị trấn Quốc Oai (trường chất lượng cao)	DGD	1,00		1,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
547	XD trường THPT Quốc Oai	DGD	2,20		2,20	Huyện Quốc Oai	2021-2025
548	Trường mầm non thị trấn Quốc Oai B	DGD	0,40		0,40	Huyện Quốc Oai	2021-2025
549	Cải tạo, nâng cấp Trường THCS thị trấn Quốc Oai (hạng mục Nhà đa năng)	DGD	1,06	0,58	0,48	Huyện Quốc Oai	2021-2025
550	Mở rộng trường tiểu học Yên Sơn (Khu Quảng Yên)	DGD	1,32	0,38	0,94	Huyện Quốc Oai	2021-2025
551	Mở rộng trường THCS Yên Sơn	DGD	1,10	0,70	0,40	Huyện Quốc Oai	2021-2025
552	Xây mới điểm trường mầm non thôn Quảng Yên	DGD	1,00		1,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
553	Trường mầm non Phượng Cách	DGD	1,00		1,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
554	Trường THCS Phượng Cách	DGD	0,92		0,92	Huyện Quốc Oai	2021-2025
555	Xây dựng trường tiểu học Phượng Cách, huyện Quốc Oai	DGD	1,30		1,30	Huyện Quốc Oai	2021-2025
556	XD trường Tiểu học cơ sở Sài Sơn B	DGD	1,60		1,60	Huyện Quốc Oai	2021-2025
557	Xây dựng mới trường Tiểu Học C Sài Sơn	DGD	1,30		1,30	Huyện Quốc Oai	2021-2025
558	Mầm non Sài Sơn B	DGD	0,51		0,51	Huyện Quốc Oai	2021-2025
559	Xây mới trường THCS Sài Sơn B	DGD	1,10		1,10	Huyện Quốc Oai	2021-2025

560	Xây dựng điểm lẻ mầm non A	DGD	0,13		0,13	Huyện Quốc Oai	2021-2025
561	Xây dựng nhà trẻ thôn 2- Phú Cát	DGD	0,08		0,08	Huyện Quốc Oai	2021-2025
562	Xây mới trường tiểu học Phú Cát B	DGD	0,50		0,50	Huyện Quốc Oai	2021-2025
563	Cải tạo trường TH Phú Cát A	DGD	0,27	0,13	0,14	Huyện Quốc Oai	2021-2025
564	Cải tạo, sửa chữa trường mầm non Phú Cát (điểm trường Khu A, Khu C	DGD	0,60		0,60	Huyện Quốc Oai	2021-2025
565	Mở rộng trường THCS xã Phú	DGD	1,98	0,68	1,30	Huyện Quốc Oai	2021-2025
566	Nâng cấp, mở rộng trường mầm non Phú Mãn	DGD	0,30		0,30	Huyện Quốc Oai	2021-2025
567	Mở rộng trường tiểu học Phú Mãn	DGD	1,20	0,70	0,50	Huyện Quốc Oai	2021-2025
568	Mở rộng trường THCS Phú Mãn	DGD	1,31	0,80	0,51	Huyện Quốc Oai	2021-2025
569	Nâng cấp, mở rộng trường mầm non Xuân Giang	DGD	0,60		0,60	Huyện Sóc Sơn	2022
570	Xây dựng trường mầm non Kim Lũ (khu Xuân Dương)	DGD	1,20		1,20	Huyện Sóc Sơn	2022
571	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Trung Giã A	DGD	0,50		0,50	Huyện Sóc Sơn	2022
572	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Tiên Dược	DGD	1,00		1,00	Huyện Sóc Sơn	2022
573	Cải tạo, nâng cấp trường TH Minh Phú	DGD	0,50		0,50	Huyện Sóc Sơn	2022
574	Xây dựng Trường THCS Đông Xuân	DGD	1,80		1,80	Huyện Sóc Sơn	2022
575	Xây dựng, mở rộng trường THPT Kim Anh	DGD	1,00		1,00	Huyện Sóc Sơn	2022
576	Xây dựng trường mầm non Trung Giã B	DGD	1,50		1,50	Huyện Sóc Sơn	2022
577	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Minh Trí (khu trung tâm)	DGD	0,25		0,25	Huyện Sóc Sơn	2022
578	Cụm trường mầm non Đô Lương - Đa Hội xã Bắc Sơn	DGD	0,80		0,80	Huyện Sóc Sơn	2022
579	Xây dựng trường tiểu học Phú Cường khu B	DGD	1,50		1,50	Huyện Sóc Sơn	2022
580	Đầu tư xây dựng Trường THPT Lạc Long Quân	DGD	0,31	0,31		Huyện Sóc Sơn	2022
581	Trường tiểu học Tân Dân C	DGD	1,10		1,10	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
582	Trường tiểu học Tiên Dược C	DGD	1,50		1,50	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
583	Trường mầm non Mai Đình C	DGD	1,20	0,57	0,63	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
584	Trường THCS Mai Đình 2	DGD	2,08		2,08	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
585	Trường THCS Mai Đình 3	DGD	1,07	0,08	0,99	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
586	Trường tiểu học Mai Đình C	DGD	1,10	0,30	0,80	Huyện Sóc Sơn	2024-2025
587	Trường THCS Phù Lỗ	DGD	1,28	0,10	1,18	Huyện Sóc Sơn	2024-2025
588	Mở rộng trường mầm non Quang Tiến	DGD	0,60		0,60	Huyện Sóc Sơn	2024-2025
589	Trường Tiểu học Phù Linh B	DGD	0,71	0,08	0,63	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
590	Trường mầm non Tân Hưng B	DGD	1,20		1,20	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
591	Trường tiểu học xã Nam Sơn B	DGD	1,50	0,13	1,37	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
592	Trường Mầm non Phù Lỗ	DGD	1,28	0,01	1,27	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
593	Trường tiểu học Tân Hưng B	DGD	0,89	0,08	0,81	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
594	Xây dựng phân hiệu II trường THCS Nguyễn Du	DGD	1,70		1,70	Huyện Sóc Sơn	2022-2025

595	Xây dựng phân hiệu II trường mầm non Phù Lỗ	DGD	0,90		0,90	Huyện Sóc Sơn	2022-2025
596	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Bắc sơn	DGD	0,90		0,90	Huyện Sóc Sơn	2022-2025
597	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Xuân Thu	DGD	2,00		2,00	Huyện Sóc Sơn	2022-2025
598	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Bắc sơn B	DGD	0,50		0,50	Huyện Sóc Sơn	2022-2025
599	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Xuân Giang	DGD	0,80		0,80	Huyện Sóc Sơn	2022-2025
600	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Thanh Xuân B	DGD	0,40		0,40	Huyện Sóc Sơn	2022-2025
601	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Trung Giã	DGD	0,26		0,26	Huyện Sóc Sơn	2022-2025
602	Xây mới trường mầm non Hiền Ninh B	DGD	1,00		1,00	Huyện Sóc Sơn	2023-2025
603	Xây mới trường tiểu học Hiền Ninh B	DGD	1,50		1,50	Huyện Sóc Sơn	2023-2025
604	Xây mới trường tiểu học Đông Xuân B	DGD	1,50		1,50	Huyện Sóc Sơn	2023-2025
605	Xây dựng trường mầm non Quang Tiến B	DGD	1,00		1,00	Huyện Sóc Sơn	2023-2025
606	Xây dựng trường liên cấp tiểu học, THCS Phù Linh	DGD	3,10		3,10	Huyện Sóc Sơn	2023-2025
607	Xây dựng trường THPT Trung Giã, huyện Sóc Sơn	DGD	3,00		3,00	Huyện Sóc Sơn	2023-2025
608	Xây dựng trường THPT đô thị vệ tinh, huyện Sóc Sơn	DGD	2,50		2,50	Huyện Sóc Sơn	2023-2025
609	Xây dựng trường liên cấp chất lượng cao, huyện Sóc Sơn	DGD	5,00		5,00	Huyện Sóc Sơn	2023-2025
610	Đầu tư xây dựng Trung tâm đào tạo, sát hạch lái xe Cơ giới đường bộ tại xã Đức Hòa, huyện Sóc Sơn	DGD	2,13	2,13		Huyện Sóc Sơn	2022-2023
611	Dự án xây dựng Trường Cao đẳng thiết kế và thời trang London-HaNoi	DGD	5,00		5,00	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
612	Đại học Thủ Đô Hà Nội	DGD	16,39	0,05	16,34	Huyện Sóc Sơn	2024-2025
613	Mở rộng khuôn viên, xây dựng bổ sung phòng học, phòng bộ môn, phụ trợ trường mầm non 19/5	DGD	1,07	0,39	0,68	Huyện Thạch Thất	2021-2025
614	Xây dựng, mở rộng trường THCS Thạch Thất (Giai đoạn 2)	DGD	2,00	1,00	1,00	Huyện Thạch Thất	2022
615	Xây dựng mới trường mầm non Đại Đồng (Rộc Quýt)	DGD	1,50		1,50	Huyện Thạch Thất	2021-2025
616	Mở rộng khuôn viên, xây dựng khu giáo dục thể chất; cải tạo nhà lớp học trường THCS Đại Đồng	DGD	1,76	0,96	0,80	Huyện Thạch Thất	2022
617	Cải tạo, mở rộng trường THCS Cẩm Yên	DGD	0,79	0,44	0,35	Huyện Thạch Thất	2021-2022
618	Trường mầm non xã Cẩm Yên	DGD	0,51	0,45	0,06	Huyện Thạch Thất	2021-2022

619	Xây dựng mới phòng bộ môn, khu giáo dục thể chất, cải tạo nhà lớp học, phụ trợ trường Tiểu học Cẩm Yên	DGD	0,73	0,58	0,15	Huyện Thạch Thất	2021-2025
620	Xây dựng mới 20 phòng học, 9 phòng bộ môn, hiệu bộ, khu giáo dục thể chất, sân vườn, phụ trợ Trường THCS Đồng Trúc.	DGD	1,54		1,54	Huyện Thạch Thất	2021-2022
621	Mở rộng trường tiểu học xã Đồng Trúc	DGD	1,70	0,40	1,30	Huyện Thạch Thất	2025
622	Xây dựng trường mầm non Lại Thượng	DGD	1,60		1,60	Huyện Thạch Thất	2021-2025
623	Xây mới phòng học, phòng bộ môn. hiệu bộ, bếp, sân vườn, phụ trợ trường Mầm non Phú Kim	DGD	1,37		1,37	Huyện Thạch Thất	2021-2022
624	Xây điểm mới trường tiểu học Phú Kim	DGD	1,50		1,50	Huyện Thạch Thất	2024-2025
625	Xây mới mầm non Phú Kim - sứ đồng Cầu	DGD	0,24	0,15	0,09	Huyện Thạch Thất	2021-2025
626	Xây dựng mới phòng học, bộ môn, hiệu bộ, khu thể chất, bếp, sân vườn, phụ trợ trường Tiểu học Kim Quan	DGD	1,64		1,64	Huyện Thạch Thất	2022
627	Xây dựng mới trường mầm non Kim Quan	DGD	1,60		1,60	Huyện Thạch Thất	2021-2025
628	Xây dựng trường liên cấp thành phố trên địa bàn huyện	DGD	8,00		8,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
629	Mở rộng khuôn viên, khu thể chất, bếp ăn, cải tạo nhà, lớp học, sân, vườn phụ trợ tiểu học Hương Ngải	DGD	1,63	0,90	0,73	Huyện Thạch Thất	2023-2024
630	Xây dựng mới trường mầm non trung tâm Hương Ngải	DGD	1,42		1,42	Huyện Thạch Thất	2021-2025
631	Xây dựng trường THPT Minh Hà	DGD	2,40		2,40	Huyện Thạch Thất	2021-2022
632	Xây dựng trường tiểu học Minh Hà B xã Canh Nậu (xây điểm	DGD	1,20		1,20	Huyện Thạch Thất	2021-2022
633	Xây dựng mới phòng học, phòng bộ môn. hiệu bộ, bếp, sân vườn, phụ trợ trường THCS Minh Hà	DGD	0,80		0,80	Huyện Thạch Thất	2022
634	Xây điểm mới mầm non Minh Hà (khu Ao Sen)	DGD	1,00		1,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
635	Mở rộng trường THCS Canh Nậu	DGD	1,74	1,07	0,67	Huyện Thạch Thất	2021-2025
636	Xây mới trường mầm non Canh Nậu	DGD	1,20		1,20	Huyện Thạch Thất	2021-2025
637	Xây mới mầm non Dị Nậu	DGD	1,00		1,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
638	Mở rộng trường THCS Dị Nậu	DGD	1,92	1,14	0,78	Huyện Thạch Thất	2021-2025
639	Trung tâm dạy nghề tư thực nhân đạo Minh Tâm	DGD	2,00		2,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
640	Mở rộng Tiểu học Thạch Xá	DGD	1,57	0,40	1,17	Huyện Thạch Thất	2021-2025
641	Xây dựng, mở rộng trường Mầm non trung tâm xã Thạch Xá	DGD	1,30	0,26	1,04	Huyện Thạch Thất	2022
642	Mở rộng THCS Thạch Xá thôn Yên	DGD	1,20	0,58	0,62	Huyện Thạch Thất	2021-2025

643	Xây mới phòng học, phòng bộ môn. hiệu bộ, bếp, sân vườn, phụ trợ trường Mầm non Chàng Sơn	DGD	1,90		1,90	Huyện Thạch Thất	2021-2022
644	Mở rộng tiểu học Chàng Sơn	DGD	1,55	0,97	0,58	Huyện Thạch Thất	2021-2025
645	Mở rộng THCS Chàng Sơn	DGD	1,57	0,68	0,89	Huyện Thạch Thất	2021-2025
646	Xây dựng, mở rộng trường THPT Phùng Khắc Khoan	DGD	1,23	0,60	0,63	Huyện Thạch Thất	2021-2022
647	Trường Mầm non trung tâm Bình Phú A	DGD	1,50		1,50	Huyện Thạch Thất	2021-2022
648	Mầm non Bình Phú B (cạnh trường tiểu học Bình Phú)	DGD	1,50		1,50	Huyện Thạch Thất	2021-2025
649	Mở rộng tiểu học Bình Phú A	DGD	1,22	0,49	0,73	Huyện Thạch Thất	2021-2025
650	Trường THCS Hữu Bằng	DGD	1,30		1,30	Huyện Thạch Thất	2021-2022
651	Xây dựng trường Tiểu học Hữu Bằng (xây điểm mới)	DGD	1,86		1,86	Huyện Thạch Thất	2022
652	Mở rộng trường mầm non xã Phùng Xá (Đồng Nương)	DGD	0,98	0,40	0,58	Huyện Thạch Thất	2021-2025
653	Trường THCS Phùng Xá; Tiểu học Phùng Xá (xây điểm mới)	DGD	1,40		1,40	Huyện Thạch Thất	2021-2025
654	Xây dựng Tiểu học Phùng Xá (xây điểm mới)	DGD	1,30		1,30	Huyện Thạch Thất	2021-2025
655	Xây dựng trường Mầm non Cần Kiệm (Xây điểm mới)	DGD	1,50		1,50	Huyện Thạch Thất	2023-2024
656	Xây mới tiểu học Cần Kiệm	DGD	1,10		1,10	Huyện Thạch Thất	2021-2025
657	Mở rộng THCS Cần Kiệm	DGD	1,40	0,80	0,60	Huyện Thạch Thất	2021-2025
658	Xây mới mầm non Bình Yên (thôn Sen Trì)	DGD	1,20		1,20	Huyện Thạch Thất	2021-2025
659	Xây dựng trường tiểu học Bình Yên	DGD	2,00		2,00	Huyện Thạch Thất	2023
660	Di chuyển, xây dựng mới trường THPT Hai Bà Trung huyện Thạch Thất	DGD	4,50		4,50	Huyện Thạch Thất	2022
661	Trường mầm non Tân Xã	DGD	0,35		0,35	Huyện Thạch Thất	2022
662	Trường mầm non trung tâm xã Hạ Bằng	DGD	1,32		1,32	Huyện Thạch Thất	2023
663	Mở rộng DAXD Đại học quốc gia tại Hòa Lạc	DGD	26,62	16,62	10,00	Huyện Thạch Thất	2021-2022
664	Xây mới 12 phòng học, 2 bộ môn, hiệu bộ sân vườn, phụ trợ trường Mầm non Tiến Xuân (điểm thôn Chùa)	DGD	1,41		1,41	Huyện Thạch Thất	2021-2022
665	Xây dựng tiểu học A xã Tiến	DGD	1,40		1,40	Huyện Thạch Thất	2021-2025
666	Xây dựng, mở rộng trường mầm non Yên Bình (điểm thôn)	DGD	1,21	0,36	0,85	Huyện Thạch Thất	2022
667	Mở rộng, Xây dựng mới phòng học, bộ môn, hiệu bộ, bếp, sân, vườn, phụ trợ mầm non Yên Bình (xây điểm mới)	DGD	1,50	0,33	1,17	Huyện Thạch Thất	2023-2024
668	Mở rộng trường tiểu học Yên Trung	DGD	1,48	0,97	0,51	Huyện Thạch Thất	2021-2025
669	Mở rộng trường mầm non xã Yên Trung	DGD	1,58	0,19	1,39	Huyện Thạch Thất	2021-2025

670	Xây dựng trường địa học Hoa Bình	DGD	39,16		39,16	Huyện Thạch Thất	2021-2025
671	Xây dựng trường THCS Liên Quan	DGD	1,40		1,40	Huyện Thạch Thất	2021-2025
672	Trường mầm non Xuân Dương (khu trung tâm)	DGD	1,20		1,20	Huyện Thanh Oai	2023
673	Mở rộng trường THCS Xuân Dương	DGD	1,03	0,40	0,63	Huyện Thanh Oai	2023
674	Nâng cấp, mở rộng Trường Mầm non Thanh Thùy (khu trung tâm)	DGD	0,77	0,26	0,51	Huyện Thanh Oai	2023
675	Mở rộng trường mầm non Thanh Thùy (điểm khu vực Tổ Rồng)	DGD	0,54	0,22	0,32	Huyện Thanh Oai	2023
676	Trường mầm non xã Thanh Mai (điểm thôn My Dương)	DGD	0,53		0,53	Huyện Thanh Oai	2023
677	Trường mầm non xã Thanh Mai (điểm thôn My Hạ)	DGD	0,36		0,36	Huyện Thanh Oai	2023
678	Trường mầm non xã Thanh cao (điểm thôn Thanh Thần)	DGD	0,73		0,73	Huyện Thanh Oai	2023
679	Trường Mầm non xã Tân Ước	DGD	0,96		0,96	Huyện Thanh Oai	2023
680	Mở rộng trường tiểu học xã Tân Ước	DGD	1,56	0,80	0,76	Huyện Thanh Oai	2023
681	Mở rộng trường THCS Tân Ước	DGD	1,19	0,58	0,61	Huyện Thanh Oai	2023
682	Trường THCS Phương Trung	DGD	1,00		1,00	Huyện Thanh Oai	2023
683	Mở rộng trường THCS Liên Châu	DGD	1,50	0,85	0,65	Huyện Thanh Oai	2023
684	Cải tạo mở rộng trường mầm non xã Hồng Dương	DGD	0,75	0,35	0,40	Huyện Thanh Oai	2023
685	Mở rộng trường mầm non xã Dân Hòa (điểm thôn Vũ Lăng)	DGD	0,24	0,12	0,12	Huyện Thanh Oai	2023
686	Mở rộng trường mầm non xã Dân Hòa (điểm thôn Tiên Lữ)	DGD	0,67	0,07	0,60	Huyện Thanh Oai	2023
687	Trường Tiểu học xã Dân Hòa	DGD	0,50		0,50	Huyện Thanh Oai	2023
688	Mở rộng trường THCS Dân Hòa	DGD	1,18	0,80	0,38	Huyện Thanh Oai	2023
689	Trường Mầm non xã Cao Dương (khu trung tâm)	DGD	1,21		1,21	Huyện Thanh Oai	2023
690	Mở rộng trường tiểu học xã Cao Dương	DGD	1,72	0,72	1,00	Huyện Thanh Oai	2023
691	Xây dựng mới trường mầm non Bình Minh I (điểm trung tâm)	DGD	0,88	0,32	0,56	Huyện Thanh Oai	2023
692	Xây mới trường tiểu học Bình Minh A	DGD	1,50		1,50	Huyện Thanh Oai	2021-2022
693	Mở rộng trường tiểu học Bình Minh B (Điểm A)	DGD	0,48	0,38	0,10	Huyện Thanh Oai	2023
694	Trường THCS Bình Minh	DGD	1,73		1,73	Huyện Thanh Oai	2023
695	Trường mầm non xã Bích Hòa (khu trung tâm)	DGD	1,50		1,50	Huyện Thanh Oai	2023
696	Trường mầm non xã Cao Viên (điểm trường thôn Đồng)	DGD	0,70		0,70	Huyện Thanh Oai	2021-2022
697	Trường tiểu học Cao Viên I	DGD	1,50		1,50	Huyện Thanh Oai	2023
698	Trường tiểu học Cao Viên II (Khu B)	DGD	1,25		1,25	Huyện Thanh Oai	2023
699	Trường THCS Cao Viên	DGD	2,00		2,00	Huyện Thanh Oai	2023
700	Trung tâm học tập cộng đồng xã Mỹ Hưng	DGD	0,15		0,15	Huyện Thanh Oai	2023

701	Trung tâm giáo dục cộng đồng xã Kim Thư	DGD	0,25		0,25	Huyện Thanh Oai	2023
702	Nâng cấp, mở rộng trường mầm non Dân Hoà	DGD	0,60		0,60	Huyện Thanh Oai	2021-2022
703	Nâng cấp trường tiểu học B thị trấn Văn Điển	DGD	0,33	0,11	0,22	Huyện Thanh Trì	2022
704	Trường THCS Vĩnh Quỳnh, huyện Thanh Trì	DGD	1,65		1,65	Huyện Thanh Trì	2022
705	Xây dựng trường THCS Ngọc Hồi	DGD	2,10		2,10	Huyện Thanh Trì	2022
706	Xây mới trường Mầm non Tả Thanh Oai A (cơ sở 2), huyện Thanh Trì	DGD	0,84		0,84	Huyện Thanh Trì	2022
707	Xây mới trường tiểu học Tả Thanh Oai (tại thôn Tả Thanh Oai), huyện Thanh Trì	DGD	1,24		1,24	Huyện Thanh Trì	2022
708	Nâng cấp trường THCS Hữu Hòa	DGD	0,79		0,79	Huyện Thanh Trì	2022
709	Nâng cấp, mở rộng Trường THCS Tam Hiệp	DGD	0,20		0,20	Huyện Thanh Trì	2022
710	Xây mới trường Tiểu học Liên Ninh (cơ sở 2), huyện Thanh Trì	DGD	1,53		1,53	Huyện Thanh Trì	2022
711	Trường mầm non xã Vĩnh Quỳnh (thôn Vĩnh Ninh), huyện Thanh Trì	DGD	1,20		1,20	Huyện Thanh Trì	2022
712	Xây mới trường Tiểu học Hữu Hòa (cơ sở 2)	DGD	1,87		1,87	Huyện Thanh Trì	2022
713	Xây mới trường THCS thị trấn Văn Điển (cơ sở 2), huyện Thanh Trì	DGD	0,83		0,83	Huyện Thanh Trì	2022
714	Xây mới trường THCS Vạn Phúc	DGD	1,50		1,50	Huyện Thanh Trì	2022
715	Mở rộng đất giai đoạn I Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung Ương	DGD	1,02		1,02	Huyện Thanh Trì	2022
716	Dự án Mở rộng phát triển trường Đại học Công nghệ GTVT - Phân hiệu Hà Nội	DGD	1,22		1,22	Huyện Thanh Trì	2022
717	Trường Trung học phổ thông	DGD	2,30	2,30		Huyện Thanh Trì	2022
718	Nâng cấp điểm trung tâm Trường mầm non A Thị trấn Văn Điển	DGD	0,15		0,15	Huyện Thanh Trì	2022
719	Trường THPT Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì	DGD	1,83	1,83		Huyện Thanh Trì	2021-2025
720	Trường mầm non xã Hữu Hòa (thôn Phú Diễn)	DGD	1,41		1,41	Huyện Thanh Trì	2021-2025
721	Xây dựng Trường mầm non xã Duyên Hà (thôn Đại Lan)	DGD	0,82		0,82	Huyện Thanh Trì	2021-2025
722	Xây dựng Trường Tiểu học chất lượng cao huyện Thanh Trì	DGD	1,75		1,75	Huyện Thanh Trì	2021-2025
723	Nâng cấp, cải tạo trường Tiểu học Tam Hiệp	DGD	0,40		0,40	Huyện Thanh Trì	2021-2025
724	Xây mới điểm trường trung tâm cho trường mầm non Yên Ngưu, huyện Thanh Trì	DGD	0,68		0,68	Huyện Thanh Trì	2021-2025
725	Nâng cấp, mở rộng Trường Mầm non A Thanh Liệt	DGD	0,50		0,50	Huyện Thanh Trì	2021-2025

726	Nâng cấp trường mầm non A Liên Ninh	DGD	0,25		0,25	Huyện Thanh Trì	2021-2025
727	Trường mầm non xã Đại Áng (thôn Vĩnh Trung)	DGD	0,82		0,82	Huyện Thanh Trì	2021-2025
728	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Thường Tín ở vị trí mới	DGD	1,80		1,80	Huyện Thường Tín	2022-2025
729	Trường MN chất lượng cao TT Thường Tín	DGD	0,58		0,58	Huyện Thường Tín	2022-2025
730	Dự án mở rộng trường THCS Nguyễn Trãi A (đã huy động vốn ngoài ngân sách)	DGD	1,05	0,85	0,20	Huyện Thường Tín	2022-2025
731	Trường mầm non Hoa Sen	DGD	0,50		0,50	Huyện Thường Tín	2022-2025
732	Trường THPT tại xã Văn Phú	DGD	2,10		2,10	Huyện Thường Tín	2022-2025
733	Trường tiểu học Ninh Sở, huyện Thường Tín, TP. Hà Nội	DGD	1,19		1,19	Huyện Thường Tín	2022-2025
734	Mở rộng Trường Mầm non trung tâm xã Ninh Sở	DGD	0,40		0,40	Huyện Thường Tín	2022-2025
735	Trường tiểu học xã Nhị Khê	DGD	0,20		0,20	Huyện Thường Tín	2022-2025
736	Trường THCS Hòa Bình	DGD	1,05	0,37	0,68	Huyện Thường Tín	2022-2025
737	Khu trung tâm trường Mầm non Hòa Bình	DGD	0,81		0,81	Huyện Thường Tín	2022-2025
738	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Văn Bình	DGD	1,26	0,86	0,40	Huyện Thường Tín	2022-2025
739	Mở rộng trường tiểu học Hiền Giang	DGD	0,62	0,36	0,26	Huyện Thường Tín	2022-2025
740	Xây dựng trường tiểu học Văn Phú hạng mục: Nhà lớp học, khu hiệu bộ, phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ khác	DGD	0,53		0,53	Huyện Thường Tín	2022-2025
741	Trường tiểu học Tự Nhiên	DGD	1,20		1,20	Huyện Thường Tín	2022-2025
742	Mở rộng Trường tiểu học xã Tiên Phong	DGD	0,77	0,65	0,12	Huyện Thường Tín	2022-2025
743	Trường mầm non trung tâm xã Tiên Phong	DGD	1,40	0,38	1,02	Huyện Thường Tín	2022-2025
744	Trường MN trung tâm xã	DGD	1,15		1,15	Huyện Thường Tín	2022-2025
745	Mở rộng trường mầm non trung tâm xã Nguyễn Trãi	DGD	1,30	0,29	1,01	Huyện Thường Tín	2022-2025
746	Trường tiểu học Quất Động	DGD	1,00	0,69	0,31	Huyện Thường Tín	2022-2025
747	Cải tạo và mở rộng trường mầm non trung tâm xã Chương Dương	DGD	0,66	0,43	0,23	Huyện Thường Tín	2022-2025
748	Trường tiểu học Thắng Lợi	DGD	1,20		1,20	Huyện Thường Tín	2022-2025
749	Trường Mầm non Dũng Tiến (GD2), hạng mục: Nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ khác	DGD	0,30		0,30	Huyện Thường Tín	2022-2025
750	Cải tạo, nâng cấp trường MN Tô Hiệu, huyện Thường Tín, TP. Hà Nội	DGD	0,64	0,20	0,44	Huyện Thường Tín	2022-2025
751	Trường mầm non TT xã Tiên Phong	DGD	1,40	0,45	0,95	Huyện Thường Tín	2021
752	Trường mầm non trung tâm xã Nguyễn Trãi	DGD	0,57		0,57	Huyện Thường Tín	2021

753	Xây dựng Trường THPT Thường Tín	DGD	2,80		2,80	Huyện Thường Tín	2021
754	Xây dựng Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Thường Tín ở vị trí mới	DGD	1,80		1,80	Huyện Thường Tín	2021
755	Trường mầm non Thư Phú	DGD	0,25		0,25	Huyện Thường Tín	2021
756	Trường tiểu học Hiền Giang, huyện Thường Tín	DGD	0,22		0,22	Huyện Thường Tín	2021
757	Trường tiểu học Tự Nhiên, huyện Thường	DGD	1,00		1,00	Huyện Thường Tín	2021
758	Cải tạo, nâng cấp trường MN Chương Dương, huyện Thường Tín, TP. Hà Nội	DGD	0,23		0,23	Huyện Thường Tín	2021
759	Trường tiểu học Nhị Khê, hạng mục: Nhà đa năng và phụ trợ	DGD	0,20		0,20	Huyện Thường Tín	2021
760	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Quất Động, huyện Thường Tín, TP. Hà Nội	DGD	1,00		1,00	Huyện Thường Tín	2021
761	Trường tiểu học Vạn Điểm, huyện Thường Tín thành phố Hà Nội; Hạng mục: Nhà đa năng và phụ	DGD	0,64	0,54	0,10	Huyện Thường Tín	2021
762	Trường mầm non Thăng Lợi, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	DGD	0,65		0,65	Huyện Thường Tín	2021
763	Cải tạo, nâng cấp Trường THCS Duyên Thái, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	DGD	0,80		0,80	Huyện Thường Tín	2021
764	Trường mầm non Tân Minh, huyện Thường Tín	DGD	0,30		0,30	Huyện Thường Tín	2022
765	Trường tiểu học Vân Tảo, huyện Thường Tín	DGD	0,50		0,50	Huyện Thường Tín	2022
766	Trường tiểu học Chương Dương, huyện Thường Tín	DGD	1,30		1,30	Huyện Thường Tín	2022
767	Trường THCS Vạn Điểm, huyện Thường Tín	DGD	2,00		2,00	Huyện Thường Tín	2022
768	Xây dựng trường THCS Hà Hồi, huyện Thường Tín	DGD	1,20		1,20	Huyện Thường Tín	2022
769	Xây dựng Trường THCS Thư Phú, huyện Thường Tín ở vị trí mới	DGD	1,10		1,10	Huyện Thường Tín	2022
770	Trường Mầm non Thư Phú, huyện Thường Tín	DGD	0,64		0,64	Huyện Thường Tín	2022
771	Trường tiểu học Nguyễn Trãi, huyện Thường Tín	DGD	0,45		0,45	Huyện Thường Tín	2022
772	Trường tiểu học Dũng Tiến, huyện Thường Tín	DGD	0,24		0,24	Huyện Thường Tín	2022
773	Trường THCS Hiền Giang, huyện Thường Tín	DGD	0,30		0,30	Huyện Thường Tín	2022
774	Trường tiểu học Khánh Hà, huyện Thường Tín	DGD	0,52		0,52	Huyện Thường Tín	2022
775	Trường tiểu học Nghiêm Xuyên, huyện Thường Tín	DGD	0,25		0,25	Huyện Thường Tín	2022

776	Trường THPT tại xã Văn Phú, huyện Thường Tín	DGD	3,00		3,00	Huyện Thường Tín	2022
777	Trường mầm non Liên Phương, huyện Thường Tín, TP. Hà Nội	DGD	0,50		0,50	Huyện Thường Tín	2022
778	Trường THCS Hiền Giang, huyện Thường Tín	DGD	0,30		0,30	Huyện Thường Tín	2022-2025
779	Trường tiểu học Vân Tảo, huyện Thường Tín	DGD	1,20		1,20	Huyện Thường Tín	2022-2025
780	Trường tiểu học Khánh Hà, huyện Thường Tín	DGD	0,52		0,52	Huyện Thường Tín	2022-2025
781	Trường tiểu học Nghiêm Xuyên, huyện Thường Tín	DGD	0,25		0,25	Huyện Thường Tín	2022-2025
782	Trường THPT tại xã Văn Phú, huyện Thường Tín	DGD	3,00		3,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
783	Trường mầm non Nguyễn Trãi, huyện Thường Tín; Hạng mục: Nhà lớp học chức năng và các công trình phụ trợ	DGD	0,32		0,32	Huyện Thường Tín	2023- 2025
784	Trường mầm non Nghiêm Xuyên, huyện Thường Tín	DGD	0,30		0,30	Huyện Thường Tín	2023- 2025
785	Trường tiểu học Tân Minh, huyện Thường Tín	DGD	0,20		0,20	Huyện Thường Tín	2023- 2025
786	Trường Tiểu học Tân Minh, huyện Thường Tín	DGD	0,20		0,20	Huyện Thường Tín	2023- 2025
787	Xây dựng Trường mầm non Hoa Sen tại ô đất TH03 - quy hoạch chi tiết khu K1, K3, K4 thị trấn Thường Tín	DGD	0,60		0,60	Huyện Thường Tín	2023- 2025
788	Trường mầm non Tân Minh, huyện Thường Tín	DGD	0,60		0,60	Huyện Thường Tín	2022-2025
789	Trường mầm non Phương Tú	DGD	0,94		0,94	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
790	Trường Mầm non trung tâm xã Hòa Lâm	DGD	0,89		0,89	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
791	Trường mầm non tập trung xã Viên Nội	DGD	0,72		0,72	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
792	Trường Mầm non trung tâm xã Lưu Hoàng	DGD	0,20		0,20	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
793	Trường mầm non trung tâm xã Phù Lưu	DGD	0,09		0,09	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
794	Trường mầm non trung tâm xã Kim Đường	DGD	0,92		0,92	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
795	Trường mầm non tập trung xã Đội Bình	DGD	1,10		1,10	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
796	Cải tạo, sửa chữa Trường Tiểu học Tân Phương, thị trấn Vân	DGD	0,61		0,61	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
797	Trường mầm non tập trung xã Sơn Công	DGD	0,72		0,72	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
798	Trường mầm non trung tâm xã Hồng Quang	DGD	0,80		0,80	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
799	Trường mầm non Quảng Phú Cầu huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	DGD	0,62		0,62	Huyện Ứng Hòa	2022-2025

800	Trường mầm non trung tâm xã Hoa Sơn huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	DGD	0,80		0,80	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
801	Dự án trường tiểu học thị trấn Vân Đình	DGD	0,90		0,90	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
802	Xây mới trường tiểu học Phương Tú	DGD	0,95		0,95	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
803	Trường mầm non trung tâm xã Lưu Hoàng (Giai đoạn 2)	DGD	0,50		0,50	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
804	Xây dựng, cải tạo trường THPT Ứng Hòa A, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	DGD	1,00		1,00	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
805	Trường Mầm non trung tâm xã Viên An	DGD	0,95		0,95	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
806	Trường mầm non Minh Đức, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	DGD	0,95		0,95	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
807	Trường mầm non xã Trung Tú	DGD	1,00		1,00	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
808	Trường tiểu học Tào Dương Văn, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	DGD	0,88		0,88	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
809	Trường mầm non trung tâm xã Đồng Tân, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội	DGD	1,00		1,00	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
810	Xây dựng mới Trường THCS thị trấn Vân Đình đạt chuẩn, huyện Ứng Hòa, Tp. Hà Nội.	DGD	1,35		1,35	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
811	Xây dựng Trường THCS Hoa Sơn chuẩn quốc gia.	DGD	0,20		0,20	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
812	Xây dựng Trường tiểu học Đại Cùông đạt chuẩn quốc gia - Mức độ 2.	DGD	0,25		0,25	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
813	Xây dựng Trường THCS Đại Cùông đạt chuẩn quốc gia - Mức độ 2.	DGD	0,15		0,15	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
814	Trường mầm non trung tâm xã Trường Thịnh, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	DGD	0,30		0,30	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
815	Xây dựng mới Trường mầm non thôn Thái Bình, xã Vạn Thái, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	DGD	0,75		0,75	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
816	Trường mầm non xã Đông Lỗ, huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội	DGD	0,95		0,95	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
817	Xây dựng trường Tiểu học Minh Đức đạt chuẩn mức độ 2, huyện Ứng Hòa, Tp. Hà Nội	DGD	0,41		0,41	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
818	Xây dựng mới trường mầm non trung tâm xã Hòa Nam đạt chuẩn mức độ 2, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội	DGD	0,94		0,94	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
819	Xây dựng mới trường THCS Viên Nội, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội	DGD	1,71		1,71	Huyện Ứng Hòa	2022-2025

820	Trường mầm non trung tâm xã Hoa Sơn, huyện Ứng Hoà	DGD	0,59	0,59		Huyện Ứng Hoà	2022
821	Mầm non xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hoà	DGD	0,61	0,61		Huyện Ứng Hoà	2022
822	Trường mầm non tập trung xã Đội Bình, huyện Ứng Hoà	DGD	0,89	0,89		Huyện Ứng Hoà	2022
823	Trường Tiểu học Phương Tú, huyện Ứng Hoà, Hà Nội	DGD	0,52	0,52		Huyện Ứng Hoà	2022
824	Trường tiểu học Tảo Dương Văn, H. Ứng Hoà, Tp. Hà Nội	DGD	0,88	0,88		Huyện Ứng Hoà	2022
825	Trường mầm non xã Đông Lỗ, huyện Ứng Hoà	DGD	0,99	0,99		Huyện Ứng Hoà	2022
826	Trường mầm non trung tâm xã Trường Thịnh	DGD	0,21	0,21		Huyện Ứng Hoà	2025
827	Cải tạo, nâng cấp Trường THPT Lưu Hoàng, huyện Ứng Hoà, TP Hà Nội	DGD	1,42	1,42		Huyện Ứng Hoà	2025
828	Xây dựng khu trung tâm văn hóa thể thao huyện Ứng Hoà (Giai đoạn 2)	DGD	2,60	2,60		Huyện Ứng Hoà	2025
829	Xây dựng mới trường THCS Viên Nội, huyện Ứng Hoà	DGD	1,70	1,70		Huyện Ứng Hoà	2023
830	Trường Mầm non thôn Thái Bình	DGD	0,81	0,81		Huyện Ứng Hoà	2023
831	Trường mầm non trung tâm xã Đồng Tân, huyện Ứng Hoà, TP. Hà Nội	DGD	1,34	1,34		Huyện Ứng Hoà	2023
832	Xây dựng mới trường THCS thị trấn Vân Đình đạt chuẩn	DGD	1,36	1,36		Huyện Ứng Hoà	2023
833	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học Hòa Nam huyện Ứng Hoà	DGD	0,57	0,57		Huyện Ứng Hoà	2023
834	Trường Mầm non trung tâm xã Trường Thịnh, huyện Ứng Hoà, TP Hà Nội	DGD	0,21	0,21		Huyện Ứng Hoà	2023
835	Xây dựng trường tiểu học Quảng Phú Cầu đạt chuẩn quốc gia- mức độ 2	DGD	0,68	0,68		Huyện Ứng Hoà	2023
836	Trường mầm non trung tâm xã Trường Thịnh, huyện Ứng Hoà, Tp. Hà Nội	DGD	0,79	0,33	0,46	Huyện Ứng Hoà	2021-2024
837	Trường mầm non Minh Đức, huyện Ứng Hoà	DGD	0,85		0,85	Huyện Ứng Hoà	2022-2024
838	Trường tiểu học xã Hòa Nam, huyện Ứng Hoà, TP. Hà Nội	DGD	1,28	0,71	0,57	Ứng Hoà	2022-2024
839	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Hồng Quang, huyện Ứng Hoà, TP. Hà Nội	DGD	0,59	0,43	0,16	Ứng Hoà	2022-2024
840	Xây dựng trường Tiểu học Minh Đức, huyện Ứng Hoà	DGD	0,80	0,37	0,42	Ứng Hoà	2022-2024
841	Xây dựng mới trường THCS xã Viên Nội, H. Ứng Hoà, TP. Hà Nội.	DGD	3,16	1,58	1,58	Ứng Hoà	2022-2025

842	Xây dựng trường tiểu học Quảng Phú Cầu đạt chuẩn quốc gia - mức độ 2	DGD	1,54	0,67	0,87	Huyện Ứng Hòa	2022-2024
843	Xây dựng Trường Mầm non số 8 tại địa điểm trung tâm mái ấm 19/5 phường Phúc Xá	DGD	0,06		0,06	Quận Ba Đình	2021-2025
844	Dự án xây dựng trường mầm non Kim Mã	DGD	0,29		0,29	Quận Ba Đình	2022
845	Trường mầm non phường Cống	DGD	0,15		0,15	Quận Ba Đình	2021-2025
846	Xây dựng trường Mầm non Liễu Giai	DGD	0,18		0,18	Quận Ba Đình	2021-2025
847	Dự án cải tạo nâng cấp xây dựng tổng thể trường THCS Mạc Đĩnh Chi	DGD	0,35	0,35		Quận Ba Đình	2021-2025
848	Dự án cải tạo xây dựng trường Cán bộ Đội Lê Duẩn (giai đoạn 2)	DGD	0,13	0,13		Quận Ba Đình	2021-2025
849	Mở rộng cơ sở 1 thuộc Trường Đại học Công Nghiệp Hà Nội	DGD	1,84		1,84	Quận Bắc Từ Liêm	2022
850	Xây dựng trường mầm non C Xuân Đình	DGD	0,85		0,85	Quận Bắc Từ Liêm	2022
851	Trường THCS Cổ Nhuế 1	DGD	0,63		0,63	Quận Bắc Từ Liêm	2022
852	Xây dựng trường mầm non Cổ Nhuế 1B	DGD	0,26		0,26	Quận Bắc Từ Liêm	2022
853	Xây dựng trường tiểu học chất lượng cao Bắc Từ Liêm	DGD	1,41		1,41	Quận Bắc Từ Liêm	2022
854	Mở rộng, cải tạo trường mầm non Liên Mạc	DGD	0,17		0,17	Quận Bắc Từ Liêm	2022
855	Xây dựng trường mầm non Đông Ngạc C	DGD	0,28		0,28	Quận Bắc Từ Liêm	2022
856	Xây dựng trường mầm non trong khu chức năng Tây Tựu NT01	DGD	0,92		0,92	Quận Bắc Từ Liêm	2022
857	Xây dựng trường Trung học cơ sở chất lượng cao Bắc Từ Liêm	DGD	1,00		1,00	Quận Bắc Từ Liêm	2022
858	Dự án xây dựng trường THCS tại phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm	DGD	0,93		0,93	Quận Bắc Từ Liêm	2022
859	Mở rộng, xây dựng bổ sung phòng học và cải tạo Trường tiểu học Thượng Cát	DGD	0,20		0,20	Quận Bắc Từ Liêm	2022
860	Mở rộng trường THCS Xuân	DGD	1,00		1,00	Quận Bắc Từ Liêm	2022
861	Mở rộng và cải tạo Trường Tiểu học Thụy Phương	DGD	0,24		0,24	Quận Bắc Từ Liêm	2022
862	Xây dựng bổ sung phòng học trường mầm non Cổ Nhuế 2	DGD	0,28		0,28	Quận Bắc Từ Liêm	2022
863	Mở rộng và cải tạo trường tiểu học Liên Mạc	DGD	0,60		0,60	Quận Bắc Từ Liêm	2022
864	Xây dựng, bổ sung phòng học trường tiểu học Tây Tựu B	DGD	0,06		0,06	Quận Bắc Từ Liêm	2022
865	Trường mầm non Đức Thắng	DGD	0,40		0,40	Quận Bắc Từ Liêm	2022
866	Trường THCS Đức Thắng	DGD	0,80		0,80	Quận Bắc Từ Liêm	2022
867	Mở rộng Đại học Mỏ Địa chất	DGD	23,60		23,60	Quận Bắc Từ Liêm	2022
868	Xây dựng trường mầm non Thượng Cát	DGD	0,86	0,86		Quận Bắc Từ Liêm	2022

869	Mở rộng và cải tạo trường THCS Thụy Phương	DGD	0,78		0,78	Quận Bắc Từ Liêm	2022
870	Trường Trung học phổ thông Bắc Từ Liêm	DGD	1,88		1,88	Quận Bắc Từ Liêm	2022
871	Xây dựng trường phổ thông liên cấp FPT	DGD	0,91		0,91	Quận Bắc Từ Liêm	2022
872	Xây dựng Trung tâm bồi dưỡng chính trị quận Bắc Từ Liêm	DGD	0,20		0,20	Quận Bắc Từ Liêm	2022
873	Xây dựng mở rộng trường Tiểu học Phúc Diễn	DGD	1,54	1,23	0,31	Quận Bắc Từ Liêm	2022
874	Trường THCS Thượng Cát	DGD	0,84		0,84	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
875	Xây mới Trường mầm non Tây Tựu B	DGD	0,77		0,77	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
876	Trường Tiểu học Cổ Nhuế 1	DGD	0,52		0,52	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
877	Xây dựng đường vào trường mầm non Phú Diễn A	DGD	0,40		0,40	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
878	Xây dựng trường tiểu học trong khu chức năng đô thị Tây Tựu (TH - 01)	DGD	1,13		1,13	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
879	Xây dựng trường THCS trong khu chức năng đô thị Tây Tựu (THCS-01)	DGD	1,16		1,16	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
880	Xây dựng trường mầm non trong khu chức năng Tây Tựu NT02	DGD	0,73		0,73	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
881	Xây dựng trường mầm non Phú Minh	DGD	1,02		1,02	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
882	Xây dựng trường THCS Phú Diễn A	DGD	1,39		1,39	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
883	Trường trung học cơ sở IQ school	DGD	1,91		1,91	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
884	Xây dựng trường Mầm non Nguyễn Xá, phường Minh Khai	DGD	0,42		0,42	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
885	Cải tạo, mở rộng trường THCS Cổ Nhuế 2, phường Cổ Nhuế 2	DGD	1,19		1,19	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
886	Xây dựng trung tâm giáo dục dạy nghề - giáo dục thường xuyên	DGD	1,50		1,50	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
887	Xây dựng trường THPT (A11; K7-1, PK H2-2)	DGD	0,54		0,54	Quận Cầu Giấy	2021
888	Xây dựng trường THCS (A11; K7-1, PK H2-2)	DGD	0,89		0,89	Quận Cầu Giấy	2021
889	Xây dựng trường MN (A11; K7-1, PK H2-2)	DGD	0,61		0,61	Quận Cầu Giấy	2021
890	Xây dựng trường tiểu học tại ô đất D27 Khu đô thị mới Cầu Giấy	DGD	0,42		0,42	Quận Cầu Giấy	2021
891	Xây dựng trường THCS tại ô đất D27 Khu đô thị mới Cầu Giấy	DGD	0,42		0,42	Quận Cầu Giấy	2021
892	Cải tạo, mở rộng trường tiểu học Mai Dịch	DGD	1,06		1,06	Quận Cầu Giấy	2021
893	Xây dựng trung tâm dạy nghề Hùng Vương	DGD	0,22		0,22	Quận Cầu Giấy	2021
894	Xây dựng trường THCS tại ô đất TH1 thuộc khu đô thị Đông Nam đường Trần Duy Hưng	DGD	1,07		1,07	Quận Cầu Giấy	2023-2025

895	Xây dựng trường mầm non tại ô đất NT khu đô thị Đông Nam đường Trần Duy Hưng	DGD	0,25		0,25	Quận Cầu Giấy	2023-2025
896	Cải tạo, mở rộng Trường THCS Lê Quý Đôn	DGD	0,81		0,81	Quận Cầu Giấy	2023-2025
897	Dự án: Xây dựng Trường mầm non HDC.	DGD	0,08		0,08	Quận Cầu Giấy	2023-2025
898	Dự án Xây dựng phân hiệu 2, Trường Trung học Công nghiệp Quốc phòng	DGD	0,25		0,25	Quận Cầu Giấy	2023-2025
899	Dự án: Xây dựng Trường THCS, Trường mầm non, Khu cây xanh thể dục thể thao	DGD	0,27		0,27	Quận Cầu Giấy	2023-2025
900	Dự án: Xây dựng Trường THCS	DGD	0,38		0,38	Quận Cầu Giấy	2023-2025
901	Dự án: Xây dựng trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở.	DGD	0,40		0,40	Quận Cầu Giấy	2023-2025
902	Dự án xây dựng trường Tiểu học Yên Hoà 2	DGD	0,54		0,54	Quận Cầu Giấy	2023-2025
903	Trả lại diện tích Trụ sở UBND quận Cầu Giấy tại số 36 đường Cầu Giấy	DGD	0,44		0,44	Quận Cầu Giấy	2023-2025
904	Trả lại diện tích Trụ sở Quận ủy Cầu Giấy tại ngõ 68 đường Cầu Giấy	DGD	0,32		0,32	Quận Cầu Giấy	2023-2025
905	Trả lại diện tích Trụ sở UBND quận Cầu Giấy tại ngõ 68 đường Cầu Giấy	DGD	0,24		0,24	Quận Cầu Giấy	2023-2025
906	Xây dựng trường TH tại lô đất cạnh công viên Hồ điều hoà Mai Dịch	DGD	0,81		0,81	Quận Cầu Giấy	2023-2025
907	Xây dựng trường THPT tại lô đất D34	DGD	2,54		2,54	Quận Cầu Giấy	2023-2025
908	Xây dựng trường MN tại ô đất HH, ĐTM Đông Nam Trần Duy Hưng	DGD	0,25		0,25	Quận Cầu Giấy	2023-2025
909	Xây dựng Trường mầm non Phương Liên	DGD	0,19		0,19	Quận Đống Đa	2023-2025
910	Xây dựng Trường Tiểu học Láng Thượng 2	DGD	0,32		0,32	Quận Đống Đa	2023-2025
911	Xây dựng Trường THCS chất lượng cao Kim Liên; XD trường TH Kim Liên A; XD trường TI 1 Kim Liên B	DGD	1,78	1,22	0,56	Quận Đống Đa	2023-2025
912	Cải tạo, nâng cấp trường MN Tây Sơn (thêm cơ sở tại 101 Nguyễn Lương Bằng)	DGD	0,02		0,02	Quận Đống Đa	2021-2025
913	Nghiên cứu xây dựng trường mầm non Tây Sơn tại điểm đất trường Tiểu học Be Văn Đàn (Trường TH Đế Văn Đàn chuyển sang 16 Hồ Đắc Di)	DGD	0,24	0,24		Quận Đống Đa	2021-2025

914	Nghiên cứu xây dựng trường Tiểu học tại khu đất 81-83 Hào Nam (theo Quy hoạch HI-3)	DGD	0,15		0,15	Quận Đống Đa	2021-2025
915	Nghiên cứu xây dựng trường mầm non tại khu đất Công ty Dược phẩm 170 Đê La Thành (theo Quy hoạch HI-3)	DGD	0,20		0,20	Quận Đống Đa	2021-2025
916	Nghiên cứu xây trường TH tại khu đất 100 Thái Thịnh (theo quy hoạch HI-3)	DGD	0,37		0,37	Quận Đống Đa	2021-2025
917	Nghiên cứu xây trường THCS tại khu đất 98 Thái Thịnh (theo quy hoạch HI-3)	DGD	0,34		0,34	Quận Đống Đa	2021-2025
918	Nghiên cứu xây dựng trường mầm non tại khu đất Quân đội giữ lại ngõ 14 Hồ Đắc Di (theo quy hoạch III-3)	DGD	0,07		0,07	Quận Đống Đa	2021-2025
919	Nghiên cứu xây trường Mầm Non tại khu đất Công ty in Công đoàn VN, (theo quy hoạch HI-3)	DGD	0,16		0,16	Quận Đống Đa	2021-2025
920	Nghiên cứu xây trường Mầm non tại khu đất hợp tác xã Láng Thượng (theo quy hoạch 111-3)	DGD	0,37		0,37	Quận Đống Đa	2021-2025
921	Nghiên cứu xây trường Mầm Non tại khu đất hợp tác xã CN Trường Sơn (theo quy hoạch H1 -3)	DGD	0,10		0,10	Quận Đống Đa	2021-2025
922	Nghiên cứu xây dựng trường học tại khu đất hợp tác xã Cờ Đỏ (theo quy hoạch H1 -3)	DGD	0,13		0,13	Quận Đống Đa	2021-2025
923	Trường THCS Biên Giang(giai đoạn 2), phường Biên Giang, quận Hà Đông	DGD	0,38		0,38	Quận Hà Đông	2021-2022
924	Mở rộng trường tiểu học Biên Giang	DGD	0,24		0,24	Quận Hà Đông	2021-2022
925	Trường mầm non kết hợp khu cây xanh thể thao trong khu đất dịch vụ phường Vạn Phúc LK6, LK7, LK10, LK11 (thuộc quy hoạch tỷ lệ 1/2000 trục đô thị phía Bắc), quận Hà Đông, Hà Nội	DGD	0,64	0,64		Quận Hà Đông	2021-2022
926	Xây dựng đơn nguyên 2 trường mầm non Hương Sen, phường Phú Lãm, quận Hà Đông	DGD	0,05	0,05		Quận Hà Đông	2025
927	Cải tạo, mở rộng quy mô trường MN Hoa Sen trên diện tích hiện tại của Trạm y tế phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội	DGD	0,13	0,08	0,05	Quận Hà Đông	2025
928	Mở rộng, xây thêm đơn nguyên nhà lớp học chức năng, nhà đa năng, nhà ăn và các hạng mục phụ trợ trường THCS Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	DGD	0,97	0,63	0,34	Quận Hà Đông	2023

929	Mở rộng, nâng cấp trường tiểu học Đồng Mai I, phường Đồng Mai, quận Hà Đông	DGD	1,26	0,55	0,71	Quận Hà Đông	2024
930	Cải tạo, mở rộng trường THCS Văn Yên, phường Phúc La, quận Hà Đông	DGD	0,86		0,86	Quận Hà Đông	2021-2025
931	Xây dựng nhà lớp học, chức năng 5 tầng và cải tạo, nâng cấp trường THCS Dương Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông.	DGD	0,06		0,06	Quận Hà Đông	2022-2025
932	Xây dựng THCS Hà Cầu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông.	DGD	0,51	0,51		Quận Hà Đông	2022-2025
933	Xây thêm đơn nguyên nhà thư viện-hội trường trường tiểu học Lê Lợi, phường Hà Cầu, quận Hà Đông	DGD	1,09		1,09	Quận Hà Đông	2022-2025
934	Trường Mầm non Khu B, khu đất dịch vụ phường Yên Nghĩa	DGD	0,27		0,27	Quận Hà Đông	2022-2025
935	Trường Tiểu học Hòa Bình	DGD	0,41		0,41	Quận Hà Đông	2022-2025
936	Trường Mầm Non Đồng Tâm	DGD	0,24		0,24	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
937	Mở rộng trung tâm dạy nghề GDTX	DGD	0,02		0,02	Quận Hai Bà Trưng	2021-2025
938	Cải tạo, mở rộng trường mầm non Vân Hồ	DGD	0,06		0,06	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
939	Trường THCS (trong dự án Lương Yên)	DGD	0,32		0,32	Quận Hai Bà Trưng	2021
940	Xây dựng Trường THCS	DGD	0,44		0,44	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
941	Mở rộng trường tiểu học Trung Hiền	DGD	0,20		0,20	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
942	Xây dựng trường mầm non tại khu đất Ao Vét Bùn I, II phường Trương Định	DGD	0,29		0,29	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
943	Xây dựng trường Tiểu học tại điểm đất 349 Minh Khai	DGD	0,33		0,33	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
944	Dự án tại điểm đất Công ty cổ phần Xây dựng và Chế biến lương thực Vĩnh Hà	DGD	0,21		0,21	Quận Hai Bà Trưng	2021-2025
945	Dự án tại khu đất công ty Thực phẩm Miền Bắc (sát nhập với công ty thực phẩm và dịch vụ tổng hợp)	DGD	0,61		0,61	Quận Hai Bà Trưng	2021-2025
946	Dự án tại khu đất Công ty CP Bánh kẹo Hải Châu	DGD	0,31		0,31	Quận Hai Bà Trưng	2021-2025
947	Dự án tại các khu đất sản xuất kinh doanh ngõ 325 Kim Ngưu	DGD	0,23		0,23	Quận Hai Bà Trưng	2021-2025
948	Trường Mầm Non Đồng Tâm	DGD	0,24		0,24	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
949	Mở rộng trung tâm dạy nghề GDTX	DGD	0,02		0,02	Quận Hai Bà Trưng	2021-2025
950	Cải tạo, mở rộng trường mầm non Vân Hồ	DGD	0,06		0,06	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
951	Trường THCS (trong dự án Lương Yên)	DGD	0,32		0,32	Quận Hai Bà Trưng	2021
952	Xây dựng Trường THCS	DGD	0,44		0,44	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022

953	Mở rộng trường tiểu học Trung Hiền	DGD	0,20		0,20	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
954	Xây dựng trường mầm non tại khu đất Ao Vét Bùn I, II phường Trương Định	DGD	0,29		0,29	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
955	Xây dựng trường Tiểu học tại điểm đất 349 Minh Khai	DGD	0,33		0,33	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
956	Dự án tại điểm đất Công ty cổ phần Xây dựng và Chế biến lương thực Vĩnh Hà	DGD	0,21		0,21	Quận Hai Bà Trưng	2021-2025
957	Dự án tại khu đất công ty Thực phẩm Miền Bắc (sát nhập với công ty thực phẩm và dịch vụ tổng hợp)	DGD	0,61		0,61	Quận Hai Bà Trưng	2021-2025
958	Dự án tại khu đất Công ty CP Bánh kẹo Hải Châu	DGD	0,31		0,31	Quận Hai Bà Trưng	2021-2025
959	Dự án tại các khu đất sản xuất kinh doanh ngõ 325 Kim Ngưu	DGD	0,23		0,23	Quận Hai Bà Trưng	2021-2025
960	Dự án xây dựng trường THCS Lê Lợi	DGD	0,16		0,16	Quận Hoàn Kiếm	2021-2025
961	Cải tạo, nâng cấp trường Mầm non B, quận Hoàn Kiếm	DGD	0,10		0,10	Quận Hoàn Kiếm	2021-2022
962	Xây dựng, cải tạo trường Mẫu giáo Quang Trung, quận Hoàn Kiếm	DGD	0,06		0,06	Quận Hoàn Kiếm	2021-2025
963	Xây dựng Trường tiểu học Võ Thị Sáu, quận Hoàn Kiếm	DGD	0,26	0,08	0,17	Quận Hoàn Kiếm	2022
964	Xây dựng trường mầm non Lý Thường Kiệt tại địa điểm 49 Phan Bội Châu, quận Hoàn Kiếm	DGD	0,01	0,01	0,00	Quận Hoàn Kiếm	2022
965	Xây dựng trường mầm non Mặt Trời Bé Thơ, quận Hoàn Kiếm	DGD	0,11	0,11		Quận Hoàn Kiếm	2022
966	GPMB tại 43F-47C Ngô Quyền và 36A Trần Hưng Đạo để xây dựng trường TH Võ Thị Sáu	DGD	0,12		0,12	Quận Hoàn Kiếm	2021-2025
967	Dự án xây dựng trường mầm non Lý Thường Kiệt	DGD	0,01		0,01	Quận Hoàn Kiếm	2021-2025
968	Dự án xây dựng trường học	DGD	0,13		0,13	Quận Hoàn Kiếm	2021-2025
969	Dự án mở rộng trường tiểu học Nguyễn Bá Ngọc	DGD	0,01		0,01	Quận Hoàn Kiếm	2021-2025
970	Dự án xây dựng Trường học	DGD	0,03		0,03	Quận Hoàn Kiếm	2021-2025
971	Xây dựng trung tâm GDNN-GDTX Nguyễn Văn Tố	DGD	0,07		0,07	Quận Hoàn Kiếm	2021-2025
972	Xây dựng trường THCS chất lượng cao số 9 Hai Bà Trưng	DGD	0,14		0,14	Quận Hoàn Kiếm	2021-2025
973	Xây dựng trường Mầm non Mặt trời bé thơ tại nhà gỗ số 7, 8 phường Chương Dương	DGD	0,15		0,15	Quận Hoàn Kiếm	2021-2025
974	Trường mầm non Hoàng Liệt (khu Bằng B)	DGD	0,34		0,34	Quận Hoàng Mai	2022
975	Xây dựng Trường THCS Định Công (ô D1/TH4)	DGD	0,97		0,97	Quận Hoàng Mai	2022

976	Trường mầm non Thanh Mai, phường Hoàng Văn Thụ	DGD	1,20		1,20	Quận Hoàng Mai	2021
977	Trường mầm non Vĩnh Hưng tại ô F2/NT3	DGD	0,28		0,28	Quận Hoàng Mai	2021
978	Trường tiểu học Vĩnh Hưng (ô F3/TH4)	DGD	1,01		1,01	Quận Hoàng Mai	2021
979	Trường mầm non Vĩnh Hưng (ô F3/NT3)	DGD	0,42		0,42	Quận Hoàng Mai	2021
980	Trường mầm non Định Công (ô D1/NT2)	DGD	0,73		0,73	Quận Hoàng Mai	2021
981	Trường tiểu học Định Công (ô D1/TH3)	DGD	0,75		0,75	Quận Hoàng Mai	2021
982	Trường mầm non Hoàng Liệt (ô F6/NT2)	DGD	0,21	0,19	0,02	Quận Hoàng Mai	2021
983	Dự án xây dựng trường THCS Mai Động	DGD	0,59		0,59	Quận Hoàng Mai	2021
984	Dự án xây dựng trường THCS Thịnh Liệt tại ô đất B4/TH3	DGD	0,72		0,72	Quận Hoàng Mai	2022
985	Dự án xây dựng trường Mầm non Thịnh Liệt tại ô đất B4/NT4	DGD	0,48		0,48	Quận Hoàng Mai	2022
986	Dự án xây dựng trường tiểu học Trần Phú tại ô đất H1/TH2	DGD	0,84		0,84	Quận Hoàng Mai	2022
987	Dự án xây dựng trường mầm non Trần Phú tại ô đất H1/NT3	DGD	0,75		0,75	Quận Hoàng Mai	2022
988	Dự án xây dựng trường mầm non Hoàng Liệt tại ô đất F6/NT1	DGD	0,29		0,29	Quận Hoàng Mai	2022
989	Dự án xây dựng trường tiểu học Lĩnh Nam tại ô đất ô đất G2/TH1	DGD	2,08		2,08	Quận Hoàng Mai	2022
990	Dự án xây dựng trường mầm non Lĩnh Nam tại ô đất G2/NT2	DGD	0,84		0,84	Quận Hoàng Mai	2022
991	Trường Tiểu học, THCS và THPT Phú Châu	DGD	0,71	0,71		Quận Hoàng Mai	2021
992	Trường Cao đẳng nghề Phú Châu	DGD	4,52	4,52		Quận Hoàng Mai	2021
993	Dự án đầu tư xây dựng các trường học còn lại (Tiểu học và Trung học phổ thông) tại Khu đô thị mới Hoàng Văn Thụ	DGD	1,58	1,58		Quận Hoàng Mai	2021
994	Dự án trường tiểu học Hoàng Liệt (ô F6/TH2)	DGD	1,31	1,31		Quận Hoàng Mai	2022
995	Dự án trường THCS Hoàng Liệt (ô F6/TH1)	DGD	1,68	1,68		Quận Hoàng Mai	2022
996	Dự án trường tiểu học Yên Sở (ô D3/TH2)	DGD	0,66	0,66		Quận Hoàng Mai	2022
997	Dự án trường THCS Yên Sở (ô D3/TH1)	DGD	0,58	0,58		Quận Hoàng Mai	2022
998	Xây dựng cơ sở giáo dục tại ô quy hoạch A.6/NT Gia Thụy, phường Gia Thụy, quận Long Biên	DGD	0,30		0,30	Quận Long Biên	2022
999	Xây dựng trường THCS tại ô quy hoạch A.4/THCS1, phường Ngọc Thụy	DGD	0,80		0,80	Quận Long Biên	2022
1000	Xây dựng trường mầm non tại ô QH A.7/NT2 phường Ngọc Lâm	DGD	0,20		0,20	Quận Long Biên	2022

1001	Xây dựng trường Tiểu học Ngọc Thụy 2 tại ô quy hoạch A8/TH	DGD	1,10		1,10	Quận Long Biên	2022
1002	Cải tạo trường tiểu học Đức	DGD	0,60		0,60	Quận Long Biên	2022
1003	Hoàn chỉnh HTKT ô đất thuộc ô quy hoạch G.2/THCS, G.2/NT2, G.2/CX, G.2/P2, G.2/P3 phụ cận tuyến đường quy hoạch 40m phường Long Biên	DGD	4,97		4,97	Quận Long Biên	2022
1004	Xây dựng trường mầm non tổ 8 phường Thạch Bàn tại ô QH G.6/NT4	DGD	0,50		0,50	Quận Long Biên	2022
1005	Xây dựng trường mầm non tại ô quy hoạch B.1/NT3, phường Thượng Thanh, quận Long Biên	DGD	0,65		0,65	Quận Long Biên	2022
1006	Xây dựng trường Mầm non tại ô quy hoạch A.8/NT2 phường Ngọc Thụy	DGD	0,50		0,50	Quận Long Biên	2022
1007	Xây dựng trường Mầm non tại ô quy hoạch A.4/NT1 phường Ngọc Thụy	DGD	0,50		0,50	Quận Long Biên	2022
1008	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật các ô đất thuộc khu quy hoạch C14 (gồm C14/NO4. C14/NO5. C14/NO6. C14/CC1. C14/CC2. C14/CX3. C14/TH1. C14/THCS1. C14/NT3) và các tuyến đường phụ cận phục vụ công tác đấu giá quyền sử dụng đất tại phường Phúc Đồng. quận Long Biên	DGD	11,90		11,90	Quận Long Biên	2022
1009	Xây dựng trường mầm non tại ô quy hoạch A.5/NT3, phường Thượng Thanh, quận Long Biên	DGD	0,40		0,40	Quận Long Biên	2022
1010	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Thạch Bàn, phường Thạch Bàn	DGD	1,30		1,30	Quận Long Biên	2022
1011	Xây dựng trường THCS tại ô quy hoạch A.8/THCS phường Ngọc Thụy	DGD	0,70		0,70	Quận Long Biên	2022
1012	Xây dựng trường THCS tại ô quy hoạch C.13/THCS phường Việt Hưng	DGD	1,00		1,00	Quận Long Biên	2022
1013	Cải tạo, nâng cấp trung tâm giáo dục thường xuyên cơ sở 2, Phường Thạch Bàn	DGD	0,13		0,13	Quận Long Biên	2022
1014	Xây dựng trường THCS tại ô quy hoạch C.2/THCS phường Đức Giang	DGD	0,80		0,80	Quận Long Biên	2022
1015	Xây dựng trường THCS tại ô quy hoạch A.5/THCS phường Thượng Thanh, quận Long Biên	DGD	1,00		1,00	Quận Long Biên	2022
1016	Xây dựng trường tiểu học tại ô quy hoạch B.1/TH1 phường Thượng Thanh	DGD	5,00		5,00	Quận Long Biên	2022

1017	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Thạch Bàn A tại ô quy hoạch G.4/TH1, phường Thạch Bàn, quận Long Biên	DGD	0,10		0,10	Quận Long Biên	2022
1018	Xây dựng trường tiểu học tại số 449 Ngọc Lâm, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên	DGD	0,25		0,25	Quận Long Biên	2022
1019	Xây dựng Trường THPT chất lượng cao Mùa Xuân (SPRING SHCOOL)	DGD	3,89		3,89	Quận Long Biên	2022
1020	Trường mầm non Hoa Thủy Tinh	DGD	0,21		0,21	Quận Long Biên	2022
1021	Xây dựng trường mầm non tại ô quy hoạch C.7/NT, phường Phúc Lợi, quận Long Biên	DGD	0,45		0,45	Quận Long Biên	2022
1022	Xây dựng trường tiểu học tại ô quy hoạch C.6/TH1 phường Giang Biên	DGD	1,00		1,00	Quận Long Biên	2022
1023	Xây dựng trường THCS tại ô quy hoạch B.1/THCS phường Thượng Thanh, quận Long Biên	DGD	1,20		1,20	Quận Long Biên	2022
1024	Xây dựng trường THCS Cự Khối tại ô quy hoạch G.7/THCS phường Cự Khối, quận Long Biên	DGD	2,40		2,40	Quận Long Biên	2022
1025	Xây dựng trường Tiểu học tại ô quy hoạch C2/TH, phường Đức Giang, quận Long Biên	DGD	1,45		1,45	Quận Long Biên	2022
1026	Xây dựng trường mầm non tại ô QH A.2/NT1 phường Ngọc Thụy, quận Long Biên	DGD	0,75		0,75	Quận Long Biên	2022
1027	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Long Biên tại ô quy hoạch E.6/THCS, phường Long Biên, quận Long Biên	DGD	1,20		1,20	Quận Long Biên	2021-2025
1028	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Long Biên tại ô quy hoạch E.6/TH, phường Long Biên, quận Long Biên	DGD	1,15		1,15	Quận Long Biên	2021-2025
1029	Xây dựng trường mầm non tại ô quy hoạch C.14/NT1, phường Phúc Đồng	DGD	0,60		0,60	Quận Long Biên	2021-2025
1030	Xây dựng trường THCS tại ô quy hoạch G.7/THCS phường Cự Khối	DGD	2,40		2,40	Quận Long Biên	2021-2025
1031	Cải tạo, nâng cấp THCS Phúc Đồng tại ô quy hoạch C.15/THCS2, phường Phúc Đồng, quận Long Biên	DGD	1,20		1,20	Quận Long Biên	2021-2025
1032	Ô đất A.1/NT1 phường Ngọc Thụy (Đấu thầu lựa chọn chủ đầu tư)	DGD	0,14		0,14	Quận Long Biên	2023-2025
1033	Ô đất E.2/NT2 phường Gia Thụy (Đấu thầu lựa chọn chủ đầu tư)	DGD	0,17		0,17	Quận Long Biên	2023-2025

1034	Trường phổ thông chuyên biệt cho trẻ em khuyết tật thành phố	DGD	2,60		2,60	Quận Long Biên	2021-2025
1035	Xây dựng THCS Đại Mỗ 2	DGD	1,88	1,78	0,10	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1036	Đầu tư xây dựng Trường học quốc tế DETECH tại ô đất ký hiệu GS4-2 phường Đại Mỗ	DGD	0,70		0,70	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1037	Trung học cơ sở Vietschool Đại Mỗ tại ô đất ký hiệu GS 10-4, phường Đại Mỗ	DGD	1,80		1,80	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1038	Dự án đầu tư xây dựng công trình trường tiểu học Quốc tế Emico	DGD	0,88		0,88	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1039	Đầu tư xây dựng công trình Trường mầm non Quốc tế Emico	DGD	0,50		0,50	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1040	Trung tâm giáo dục thường xuyên Đại Phát	DGD	1,15		1,15	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1041	Xây dựng trường THPT Mỹ Đình	DGD	0,97		0,97	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1042	Xây dựng trường mầm non phường Mỹ Đình 2	DGD	0,49	0,49		Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1043	Xây dựng trường mầm non Phú Đô	DGD	0,97		0,97	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1044	Xây dựng trường mầm non Phương Canh 2	DGD	0,36		0,36	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1045	Xây dựng trường Tiểu học, THCS cơ sở tư thục Lê Quý Đôn	DGD	2,73		2,73	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1046	Xây dựng trường mầm non tư thục Việt Pháp	DGD	0,61		0,61	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1047	Dự án trường mầm non và tiểu học tư thục Nam Hải tại phường Phương Canh, quận Nam Từ	DGD	1,98	1,98		Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1048	Xây dựng Trường THCS Tây Mỗ 2	DGD	1,18	1,18		Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1049	Xây dựng trường mầm non tại các ô đất có ký hiệu C3-NT1; F1-NT1; F2-NT1; F3-NT1; F4-NT1; F5-NT1; GS-TH1 (Khu DT Tây Mỗ - Đại Mỗ)	DGD	6,75		6,75	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1050	Xây dựng công trình trường tiểu học tại các ô đất có ký hiệu C3-TH1; F1-TH1; F2-TH1; F3-TH1; F4-TH1; F5-TH1; GS-TH1;(Khu DT Tây Mỗ - Đại Mỗ)	DGD	9,00		9,00	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1051	Xây dựng công trình trường THCS tại các ô đất có ký hiệu C3-THCS1; F1-THCS1; F2-THCS1; F3-THCS1; F4-THCS1; F5-THCS1; GS-THCS1 (Khu DT Tây Mỗ - Đại Mỗ)	DGD	8,29		8,29	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1052	Xây dựng công trình trường PTTH tại các ô đất có ký hiệu F2-THPT1; F3-THPT1; GS-THPT1(Khu DT Tây Mỗ - Đại Mỗ)	DGD	4,66		4,66	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025

1053	Xây dựng trường Tiểu học Đại Mỗ 3 (nằm trong KĐT Vin Tây Mỗ - Đại Mỗ)	DGD	0,78		0,78	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1054	Xây dựng trường Mầm non Tây Mỗ 3 (nằm trong KĐT Vin Tây Mỗ - Đại Mỗ)	DGD	0,77	0,77		Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1055	Xây dựng trường Tiểu học Tây Mỗ 3 (nằm trong KĐT Vin Tây Mỗ - Đại Mỗ)	DGD	1,16	1,16		Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1056	Trường Mầm non Xuân Phương	DGD	1,12	1,09	0,03	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1057	Xây dựng trường mầm non Nam Từ Liêm	DGD	0,40	0,40		Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1058	Xây dựng trường THCS Tây Mỗ	DGD	0,76		0,76	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1059	Công viên tri thức QMS	DGD	2,36		2,36	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1060	Trường THCS Xuân Phương (trong 49,1 ha)	DGD	0,70		0,70	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1061	Trường Tiểu học Xuân Phương (trong 49,1 ha)	DGD	1,08		1,08	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1062	Trung tâm dạy nghề công ty CP phát triển đầu tư Việt	DGD	1,60		1,60	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1063	Dự án XD trường Mầm non Hims	DGD	0,15		0,15	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
1064	Xây dựng Trường Mầm non Nhật Tân 2	DGD	0,73		0,73	Quận Tây Hồ	2021
1065	Xây dựng trường THCS và trường Tiểu học Tứ Liên.	DGD	2,12		2,12	Quận Tây Hồ	2021
1066	Xây dựng trường PTTH theo quy hoạch tại ô 2/THPT1, phường Nhật Tân	DGD	0,60		0,60	Quận Tây Hồ	2021
1067	Xây dựng trường Tiểu học Thượng Thụy	DGD	0,20		0,20	Quận Tây Hồ	2021
1068	Cải tạo, sửa chữa trường tiểu học Chu Văn An (130 Thụy Khuê)	DGD	0,50		0,50	Quận Tây Hồ	2021
1069	Cải tạo, mở rộng trường THCS Xuân La	DGD	0,80		0,80	Quận Tây Hồ	2021
1070	Cải tạo, sửa chữa trường THCS An Dương	DGD	0,51		0,51	Quận Tây Hồ	2021
1071	Xây dựng Trường THCS tư thực Chùa Khóa Vàng	DGD	0,42		0,42	Quận Tây Hồ	2022
1072	Mở rộng và xây dựng trường tiểu học An Dương	DGD	0,50		0,50	Quận Tây Hồ	2021-2025
1073	Cải tạo mở rộng trường THCS Xuân La	DGD	0,80		0,80	Quận Tây Hồ	2021-2025
1074	Xây dựng mới trường THPT	DGD	1,00		1,00	Quận Tây Hồ	2021-2025
1075	Trường THPT KĐT THT (phần thuộc Tây Hồ)	DGD	1,05		1,05	Quận Tây Hồ	2021-2025
1076	Cải tạo mở rộng trường tiểu học Quảng An	DGD	0,40		0,40	Quận Tây Hồ	2021-2025
1077	Xây dựng mới trường mầm non công lập tại phường Phương Liệt	DGD	0,31		0,31	Quận Thanh Xuân	2022
1078	Trường THCS Viên Sơn giai đoạn 1	DGD	0,98	0,98		Thị xã Sơn Tây	2023-2025

1079	Xây dựng tường bao mở rộng diện tích trường THCS Kim Sơn và các hạng mục phụ trợ bổ sung	DGD	0,14	0,14		Thị xã Sơn Tây	2023-2025
1080	Trường THCS Sơn Tây (TH và NT - 01)	DGD	0,88	0,88		Thị xã Sơn Tây	2023-2025
1081	Trường mầm non Trung Hưng khu Nghĩa Phủ (NT-02)	DGD	0,22	0,22		Thị xã Sơn Tây	2023-2025
1082	Xây dựng phòng học và các hạng mục phụ trợ trường mầm non Sơn Đông, xã Sơn Đông	DGD	0,20	0,20		Thị xã Sơn Tây	2023
1083	Xây dựng trường tiểu học xã Sơn Đông	DGD	0,69		0,69	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
1084	Xây dựng Trường THCS Cổ	DGD	2,50		2,50	Thị xã Sơn Tây	2023
1085	Trường tiểu học Kim Sơn	DGD	1,20		1,20	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
1086	Mở rộng trường Mầm non Trung Sơn Trầm	DGD	0,50	0,36	0,14	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
1087	Trường liên cấp TH, THCS và THPT Việt Nhật , tại phường Sơn Lộc, thị xã Sơn Tây	DGD	0,44	0,44		Thị xã Sơn Tây	2023-2025
1088	Xây dựng trường mầm non Sơn Đông khu Tân Phú	DGD	1,20	1,08	0,12	Thị xã Sơn Tây	2024
1089	Xây dựng trường THCS Sơn Đông	DGD	1,50		1,50	Thị xã Sơn Tây	2024
1090	Xây dựng trường mầm non Trung Sơn Trầm	DGD	1,76		1,76	Thị xã Sơn Tây	2024
1091	Xây dựng trường tiểu học Viên Sơn	DGD	1,60		1,60	Thị xã Sơn Tây	2024
1092	Xây dựng trường trung học cơ sở Đường Lâm	DGD	1,50		1,50	Thị xã Sơn Tây	2024
1093	Xây dựng trường mầm non Trung Hưng khu B	DGD	1,80		1,80	Thị xã Sơn Tây	2024
1094	Xây dựng trường mầm non Đường Lâm	DGD	1,00		1,00	Thị xã Sơn Tây	2024
1095	Xây dựng trường mầm non Xuân Khanh	DGD	1,44		1,44	Thị xã Sơn Tây	2025
1096	Mở rộng và xây dựng bổ sung phòng học trường tiểu học Trung Hưng	DGD	0,83		0,83	Thị xã Sơn Tây	2025
1097	Mở rộng và xây dựng lớp học, nhà bộ môn trường THCS Trung Hưng	DGD	0,80		0,80	Thị xã Sơn Tây	2025
1098	Xây dựng trường THCS Thanh Mỹ	DGD	1,46		1,46	Thị xã Sơn Tây	2025
1099	Xây dựng trường mầm non Phú Thịnh khu B	DGD	1,00		1,00	Thị xã Sơn Tây	2025
B.11	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT					
1	Xây dựng trung tâm văn hóa thể thao các dân tộc huyện Ba Vì	DTT	5,00		5,00	Huyện Ba Vì	2021
2	Trung tâm TDTT huyện tại Chúc Sơn	DTT	7,00		7,00	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
3	Sân thể thao (MR+XM)	DTT	2,92		2,92	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
4	Trung tâm văn hóa thể thao	DTT	2,98		2,98	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
5	Đất thể thao các xã	DTT	61,71		61,71	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
6	Xây dựng sân thể thao thôn Phương Bản	DTT	0,60		0,60	Huyện Chương Mỹ	2022

7	Cải tạo, mở rộng sân thể thao trung tâm	DTT	0,70		0,70	Huyện Chương Mỹ	2022
8	Sân thể thao Đồng Ké	DTT	0,80		0,80	Huyện Chương Mỹ	2022
9	Dự án Trung tâm văn hóa thể thao thị trấn Phùng (giai đoạn 1)	DTT	1,80		1,80	Huyện Đan Phượng	2022
10	Trung tâm văn hóa thể thao xã Liên Hà (giai đoạn 1)	DTT	1,04		1,04	Huyện Đan Phượng	2022
11	Trung tâm thể thao xã Phương Đình (giai đoạn 1)	DTT	1,10		1,10	Huyện Đan Phượng	2024-2025
12	Khu cây xanh, thể thao kết hợp điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng thôn Đại Đồng	DTT	1,44		1,44	Huyện Đông Anh	2021
13	Xây dựng khu cây xanh, điểm đỗ xe và sân thể thao thôn Lý Nhân, xã Dục Tú	DTT	0,20		0,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
14	Xây dựng sân thể thao thôn Phúc Hậu 1, xã Dục Tú	DTT	0,20		0,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
15	Xây dựng sân thể thao thôn Phúc Hậu 2, xã Dục Tú	DTT	0,20		0,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
16	Xây dựng sân bóng đá thôn Yên Hà, xã Hải Bối	DTT	0,80		0,80	Huyện Đông Anh	2021-2025
17	Xây dựng trung tâm thể dục thể thao kết hợp bãi đỗ xe xã Kim Chung	DTT	2,00		2,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
18	Xây dựng Trung tâm văn hóa thể thao khu nhà ở công nhân Kim Chung	DTT	0,46		0,46	Huyện Đông Anh	2021-2025
19	Đầu tư xây dựng hạ tầng cây xanh số kết hợp sân thể thao các thôn: số 1 Đại Vĩ; số 1 thôn Hà Phong; số 2 thôn Hà Phong, xã Liên Hà	DTT	5,47		5,47	Huyện Đông Anh	2021-2025
20	Xây dựng khu cây xanh thể dục thể thao thôn Nguyên Khê	DTT	0,63		0,63	Huyện Đông Anh	2021-2025
21	Xây dựng khu cây xanh, thể dục thể thao xã Tàm Xá	DTT	0,21		0,21	Huyện Đông Anh	2021-2025
22	Đầu tư xây dựng khu Cây xanh, sân thể thao, bãi đỗ xe thôn Biều Khê, xã Thụy Lâm	DTT	2,10		2,10	Huyện Đông Anh	2021-2025
23	Đầu tư xây dựng sân thể thao trước nhà văn hóa thôn Hương Trâm, xã Thụy Lâm	DTT	1,00		1,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
24	Đầu tư xây dựng khu Cây xanh, sân thể thao thôn Đào Thục, xã Thụy Lâm	DTT	1,25		1,25	Huyện Đông Anh	2021-2025
25	Xây dựng khu cây xanh thể dục thể thao xã Tiên Dương, huyện Đông Anh	DTT	11,00		11,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
26	Xây dựng trung tâm văn hóa thể thao xã Tiên Dương	DTT	0,01		0,01	Huyện Đông Anh	2021-2025
27	Xây dựng khu cây xanh, thể dục thể thao phía đông thôn Lễ Pháp	DTT	0,65		0,65	Huyện Đông Anh	2021-2025
28	Xây dựng khu cây xanh thể dục thể thao huyện Đông Anh	DTT	33,82		33,82	Huyện Đông Anh	2021-2025

29	Xây dựng khu cây xanh thể dục thể thao và khỏp nổi hạ tầng khu vực xóm Hậu xã Uy Nỗ	DTT	2,07		2,07	Huyện Đông Anh	2021-2025
30	Xây dựng khu thể thao thôn Thiết Bình, xã Vân Hà	DTT	0,70		0,70	Huyện Đông Anh	2021-2025
31	Xây dựng khu thể thao kết hợp cây xanh thôn Vân Diêm, xã Vân Hà	DTT	1,10		1,10	Huyện Đông Anh	2021-2025
32	Mở mới sân vận động thể thao trung tâm xã	DTT	1,67		1,67	Huyện Đông Anh	2021-2025
33	Xây dựng nhà thi đấu thể thao đa năng xã Việt Hùng	DTT	1,50		1,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
34	Xây dựng Khu cây xanh, thể thao kết hợp bãi đỗ xe xóm bãi thôn Võng La; phía Đông Bắc thôn Đại Độ, xã Võng La	DTT	0,90		0,90	Huyện Đông Anh	2021-2025
35	Xây dựng sân bóng đá kết hợp khu vui chơi sinh hoạt cộng đồng thôn Sáp Mai xã Võng La	DTT	0,35		0,35	Huyện Đông Anh	2021-2025
36	Xây dựng Khu cây xanh thể dục thể thao thôn Đại Độ xã Võng La, huyện Đông Anh	DTT	0,90		0,90	Huyện Đông Anh	2021-2025
37	Xây dựng trung tâm thể thao xã Xuân Canh	DTT	2,00		2,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
38	Khu chức năng đô thị sân golf	DTT	20,00		20,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
39	Mở mới sân thể thao thôn Đoài	DTT	0,40		0,40	Huyện Đông Anh	2021-2025
40	GPMB phục vụ đấu giá các khu đất có chức năng TDTT theo quy hoạch trong trung tâm văn hóa - thể thao xã, thị trấn: Phú Thị, Dương Xá, Cổ Bi, Ninh Hiệp và thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm	DTT	2,35	2,35		Huyện Gia Lâm	2022
41	Xây dựng trung tâm thể thao xã Kim Lan	DTT	2,00		2,00	Huyện Gia Lâm	2024-2025
42	Công trình Sân chơi thể thao xã An Thượng	DTT	0,21		0,21	Huyện Hoài Đức	2022
43	Xây dựng Trung tâm thể thao xã Lại Yên	DTT	1,15		1,15	Huyện Hoài Đức	2022
44	Trung tâm Thể thao xã Minh Khai	DTT	1,80		1,80	Huyện Hoài Đức	2022
45	Trung tâm thể thao xã Yên Sở (hạng mục: nhà thi đấu, sân vận động và các HMPT)	DTT	2,20		2,20	Huyện Hoài Đức	2023-2024
46	Sân vận động xã Đắc Sở	DTT	1,50		1,50	Huyện Hoài Đức	2023-2024
47	Xây dựng khu thể thao thôn Sơn Hà xã Đắc Sở	DTT	0,82		0,82	Huyện Hoài Đức	2023-2024
48	Sân thể thao xã Tiền Yên	DTT	0,30		0,30	Huyện Hoài Đức	2023-2024
49	Sân vận động huyện Mỹ Đức	DTT	4,45	4,45		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
50	Sân vận động thị trấn Đại Nghĩa	DTT	1,00	1,00		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
51	Sân thể thao xã (12 mục)	DTT	13,45	13,45		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
52	Sân thể thao, thôn Khảm Lâm	DTT	0,20	0,20		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
53	Mở rộng sân thể thao xã	DTT	0,78	0,78		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
54	Khu thể dục thể thao các thôn	DTT	1,87	1,87		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
55	Sân thể thao thôn Đặng	DTT	0,30	0,30		Huyện Mỹ Đức	2022-2025

56	Sân thể thao thôn Lê Xá	DTT	0,12	0,12		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
57	Sân thể thao thôn Đức Thụ	DTT	0,18	0,18		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
58	Sân thể thao thôn Áng Thượng	DTT	0,20	0,20		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
59	Sân thể thao thôn Áng Hạ	DTT	0,20	0,20		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
60	Mở rộng sân vận động xã	DTT	0,10	0,10		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
61	Sân thể thao trung tâm xã	DTT	1,48	1,48		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
62	Khu thể dục thể thao các thôn	DTT	2,20	2,20		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
63	Sân thể thao thôn Hội Xá	DTT	0,60	0,60		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
64	Sân thể thao các thôn	DTT	1,77	1,77		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
65	Nhà thi đấu thể thao huyện Phú Xuyên	DTT	1,10		1,10	Huyện Phú Xuyên	2022
66	Sân thể thao trung tâm xã Bạch	DTT	2,00		2,00	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
67	Dự án sân thể thao Cổ Trai	DTT	1,20		1,20	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
68	Sân thể thao trung tâm xã Tam Hiệp	DTT	1,51		1,51	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
69	Đất cơ sở thể dục thể thao (7 cơ sở)	DTT	11,32		11,32	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
70	Sân vận động trung tâm xã Đông Yên	DTT	2,30		2,30	Huyện Quốc Oai	2021-2025
71	Sân vận động trung tâm xã Đông Xuân	DTT	1,20		1,20	Huyện Quốc Oai	2021-2025
72	Sân vận động trung tâm xã Hòa Thạch	DTT	1,32		1,32	Huyện Quốc Oai	2021-2025
73	Sân vận động trung tâm xã Cấn Hữu	DTT	0,50		0,50	Huyện Quốc Oai	2021-2025
74	Sân vận động trung tâm xã Nghĩa Hương	DTT	1,30		1,30	Huyện Quốc Oai	2021-2025
75	Sân vận động trung tâm xã Tuyết Nghĩa	DTT	2,00		2,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
76	Sân vận động trung tâm xã Cộng Hòa	DTT	1,50		1,50	Huyện Quốc Oai	2021-2025
77	Sân thể thao cụm dân cư số 5	DTT	0,20		0,20	Huyện Quốc Oai	2021-2025
78	Sân vận động trung tâm xã Tân Hòa -Thôn 2	DTT	1,20		1,20	Huyện Quốc Oai	2021-2025
79	Sân thể thao thôn Yên Mã-Yên Thái-Tân Hòa - Thôn 5	DTT	0,20		0,20	Huyện Quốc Oai	2021-2025
80	Sân thể thao thôn 4	DTT	0,25		0,25	Huyện Quốc Oai	2021-2025
81	Sân vận động xã Đại Thành	DTT	1,00		1,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
82	Xới vật Đồng Quang	DTT	1,20		1,20	Huyện Quốc Oai	2021-2025
83	Sân vận động trung tâm xã Đồng Quang	DTT	1,20		1,20	Huyện Quốc Oai	2021-2025
84	Sân thể thao thôn Đồng Lư-Đồng Quang	DTT	0,58		0,58	Huyện Quốc Oai	2021-2025
85	Sân thể thao thôn Yên Nội-Đồng Quang	DTT	0,79	0,25	0,54	Huyện Quốc Oai	2021-2025
86	Sân thể thao thôn Bái Nội-Liệt Tuyết	DTT	0,30		0,30	Huyện Quốc Oai	2021-2025
87	Sân vận động trung tâm xã Ngọc Liệp	DTT	1,07		1,07	Huyện Quốc Oai	2021-2025
88	Xây dựng sân TT thôn Đồng Bụt- Ngọc Liệp	DTT	0,25		0,25	Huyện Quốc Oai	2021-2025
89	Mở mới sân vận động thôn Ngọc Than-Ngọc Mỹ	DTT	0,85	0,70	0,15	Huyện Quốc Oai	2021-2025

90	Xây dựng sân thể thao thôn Hoàng Xá	DTT	1,00		1,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
91	Sân vận động trung tâm xã Phượng Cách	DTT	0,80		0,80	Huyện Quốc Oai	2021-2025
92	Sân vận động trung tâm xã Sài Sơn	DTT	2,40		2,40	Huyện Quốc Oai	2021-2025
93	Sân thể thao thôn Khánh Tân-Sài Sơn	DTT	0,37		0,37	Huyện Quốc Oai	2021-2025
94	Sân thể thao thôn Phúc Đức-Sài Sơn	DTT	0,23		0,23	Huyện Quốc Oai	2021-2025
95	Sân thể thao thôn Năm Trại-Sài Sơn	DTT	0,20		0,20	Huyện Quốc Oai	2021-2025
96	Sân vận động xã Phú Mãn	DTT	1,20		1,20	Huyện Quốc Oai	2021-2025
97	Sân vận động, khu luyện tập và thi đấu, sân thể thao kết hợp	DTT	2,36		2,36	Huyện Quốc Oai	2021-2025
98	Sân vận động trung tâm xã Yên Sơn	DTT	1,30		1,30	Huyện Quốc Oai	2021-2025
99	Sân vận động huyện Thạch Thất	DTT	4,63	2,62	2,01	Huyện Thạch Thất	2021-2025
100	Xây dựng sân thể thao trung tâm xã Đại Đồng	DTT	1,00		1,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
101	Sân thể thao 3 thôn; nhà văn hóa thôn Kinh Tạ	DTT	2,50	0,40	2,10	Huyện Thạch Thất	2021-2025
102	Sân vận động thể thao xã Đồng Trúc	DTT	1,40		1,40	Huyện Thạch Thất	2022
103	Sân vận động thể thao khu vực Tam Cảnh-xã Đồng Trúc	DTT	1,00		1,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
104	XD trung tâm thể thao xã Lại Thượng	DTT	1,00		1,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
105	Sân thể thao thôn Ngũ Sơn xã Lại Thượng	DTT	0,50		0,50	Huyện Thạch Thất	2021-2025
106	Quy hoạch sân golf	DTT	150,00		150,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
107	XD sân thể thao chung 2 thôn (thôn 9,10,84) xã Kim Quan	DTT	0,90		0,90	Huyện Thạch Thất	2021-2025
108	Xây dựng sân thể thao trung tâm xã Kim Quan	DTT	1,30		1,30	Huyện Thạch Thất	2021-2025
109	Sân thể thao trung tâm xã (khu Thổ Cầu)	DTT	1,19		1,19	Huyện Thạch Thất	2021-2025
110	Xây dựng sân thể thao trung tâm xã Canh Nậu	DTT	4,00		4,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
111	XD sân thể thao trung tâm xã Dị Nậu	DTT	1,60		1,60	Huyện Thạch Thất	2021-2022
112	XD trung tâm thể thao xã Thạch Xá	DTT	1,86		1,86	Huyện Thạch Thất	2021-2025
113	Xay dựng sân thể thao trung tâm xã Chàng Sơn	DTT	2,20		2,20	Huyện Thạch Thất	2021-2025
114	Sân thể thao trung tâm xã Phùng Xá	DTT	1,20	0,25	0,95	Huyện Thạch Thất	2022
115	XD Sân Thể thao 3 thôn (Phú Lễ: 0,5ha; Phú Đa 2: 0,15ha; Yên Lạc 2: 0,3ha)	DTT	0,95		0,95	Huyện Thạch Thất	2021-2025
116	XD sân thể thao trung tâm xã Cấn Kiệm	DTT	1,00		1,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025

117	Xây dựng sân thể thao trung tâm xã Bình Yên	DTT	1,00		1,00	Huyện Thạch Thất	2023-2024
118	Sân thể thao thôn Linh Sơn	DTT	0,26		0,26	Huyện Thạch Thất	2021-2025
119	Xây dựng Sân thể thao trung tâm xã Tân Xã	DTT	1,50		1,50	Huyện Thạch Thất	2022
120	Mở rộng sân thể thao thôn 6	DTT	0,31	0,18	0,13	Huyện Thạch Thất	2021-2025
121	XD Sân thể thao, nhà văn hoá thôn 9	DTT	0,65		0,65	Huyện Thạch Thất	2021-2025
122	Sân thể thao thôn 2 xã Hạ Bằng	DTT	0,10		0,10	Huyện Thạch Thất	2021-2025
123	Mở rộng sân thể thao trung tâm xã Tiến Xuân	DTT	1,00	0,36	0,64	Huyện Thạch Thất	2021-2025
124	Xây dựng sân thể thao xã Yên Trung	DTT	0,99		0,99	Huyện Thạch Thất	2023-2024
125	Khu thể thao thanh thiếu niên xã Phú Kim	DTT	2,00		2,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
126	Xây dựng Sân thể thao trung tâm xã Phú Kim	DTT	1,30		1,30	Huyện Thạch Thất	2021-2025
127	Sân thể thao trung tâm xã Yên Bình	DTT	1,50		1,50	Huyện Thạch Thất	2021-2025
128	Xây dựng sân thể thao xã Thạch Hòa	DTT	1,00		1,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
129	Trung tâm văn hóa thể thao Thường Tín	DTT	9,76	9,14	0,62	Huyện Thường Tín	2022-2025
130	Khu nhà vườn du lịch sinh thái và sân tập golf Vân Tảo	DTT	63,95	2,00	61,95	Huyện Thường Tín	2022-2025
131	Xây dựng khu trung tâm văn hóa - thể thao huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	DTT	3,30	2,63	0,67	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
132	Sân vận động Hòa Nam	DTT	0,56		0,56	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
133	Sân vận động thôn Đình Xuyên	DTT	0,50		0,50	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
134	Xây dựng khu Trung tâm văn hóa - thể thao huyện Ứng Hòa giai đoạn 2	DTT	3,00		3,00	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
135	Xây dựng khu trung tâm văn hóa thể thao huyện Ứng Hòa	DTT	0,67	0,67		Huyện Ứng Hòa	2022
136	Trung tâm TT đa năng	DTT	3,00		3,00	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
137	Xây dựng khu trung tâm văn hóa - thể thao huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	DTT	3,97	0,67	3,30	Huyện Ứng Hòa	2023-2025
138	Xây dựng khu trung tâm văn hóa - thể thao huyện Ứng Hòa giai đoạn 2	DTT	3,00		3,00	Huyện Ứng Hòa	2023-2025
139	Bãi đỗ xe ngầm kết hợp dịch vụ thương mại tại Cung thể thao Quần Ngựa	DTT	1,78	1,78		Quận Ba Đình	2021-2025
140	Xây dựng Trung tâm VH TDTT phường Cổ Nhuế 1	DTT	0,22		0,22	Quận Bắc Từ Liêm	2022
141	Cụm văn hóa - thể thao Thụy Phương	DTT	2,00		2,00	Quận Bắc Từ Liêm	2022
142	Dự án Trung tâm thể dục thể thao và dịch vụ giải trí	DTT	6,50		6,50	Quận Bắc Từ Liêm	2022

143	Xây dựng trung tâm thể dục thể thao và chăm sóc sức khỏe cộng đồng quận Cầu Giấy	DTT	0,43		0,43	Quận Cầu Giấy	2023-2025
144	Xây mới khu thể thao Trinh Lương	DTT	0,78		0,78	Quận Hà Đông	2021
145	Sân thể thao khu Ứng	DTT	0,65		0,65	Quận Hà Đông	2021-2025
146	Trung tâm thể thao (trong dự án mở rộng Công viên tuổi trẻ)	DTT	0,92		0,92	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
147	Trung tâm thể thao (trong dự án mở rộng Công viên tuổi trẻ)	DTT	0,92		0,92	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
148	Cải tạo, nâng cấp công trình Nhà văn hóa phục vụ sea game 31 và para game 11 năm 2021	DTT	0,38		0,38	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
149	Cải tạo, nâng cấp công trình sân điền kinh ngoài trời và HTKT khuôn viên Trung tâm huấn luyện và thi đấu TDTT Hà Nội phục vụ Sea game 31 và Para Game 11 năm 2021	DTT	3,95		3,95	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
150	Cải tạo sân bóng ném bãi biển tại Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao Hà Nội	DTT	0,06		0,06	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
151	Xây dựng Trung tâm thể thao Pháp Việt	DTT	2,30		2,30	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
152	Xây dựng Trung tâm văn hóa thể thao phường Đại Mỗ	DTT	1,90	1,67	0,23	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
153	Dự án giải phóng mặt bằng và xây dựng hàng rào bảo vệ Khu đất 3A1, 3A2 phường Mỹ Đình 1, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm để bàn giao cho Bộ văn hóa thể thao và du lịch	DTT	11,87		11,87	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
154	Xây dựng phân khu 1 - công viên cây xanh kết hợp một số công trình phụ trợ phục vụ giải đua xe công thức 1 tại phường Phú Đô	DTT	6,63	2,75	3,88	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
155	Xây dựng trung tâm Thể dục thể thao Quận Nam Từ Liêm	DTT	6,46		6,46	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
156	Xây dựng HTKT cụm công trình XH phường Mễ Trì (gồm: Trung tâm VHTT, trường mầm non, công an, đất XD các công trình phục vụ sinh hoạt văn hóa, cộng đồng, khu cây xanh, sân TDTT phục vụ cư dân khu vực)	DTT	1,75		1,75	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
157	Trung tâm văn hóa thể thao phường Mễ Trì	DTT	0,31		0,31	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
158	XD sân vận động phường Bưởi (khu ao Nhà thờ An Thái)	DTT	0,18		0,18	Quận Tây Hồ	2021
159	Đất thể dục thể thao xã Xuân Sơn	DTT	1,50		1,50	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
160	Đất thể dục thể thao xã Sơn Đông	DTT	1,00		1,00	Thị xã Sơn Tây	2023-2025

161	Xây dựng sân thể thao khu phố 3	DTT	0,30	0,30		Thị xã Sơn Tây	2023-2025
162	Xây dựng khu thể thao, vui chơi giải trí tại tổ dân phố Ninh Tĩnh	DTT	0,22		0,22	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
B.12	Đất công trình năng lượng	DNL					
1	Xây dựng TBA 100kv làng văn hóa	DNL	0,42		0,42	Huyện Ba Vì	2021
2	Xây dựng TBA 100kv Ba Vì 2	DNL	0,42		0,42	Huyện Ba Vì	2021
3	Đường dây 500KV tây Hà Nội - Thường Tín	DNL	2,20		2,20	Huyện Chương Mỹ	2022
4	Nâng khả năng tải đường dây 220kV Hòa Bình - Hà Đông	DNL	0,99		0,99	Huyện Chương Mỹ	2022
5	Trạm biến áp 110 kv Phú nghĩa và nhánh đường dây 110 kv	DNL	0,23		0,23	Huyện Chương Mỹ	2022
6	Trạm biến áp 110kV Chương Mỹ và Đường dây 110kV Thanh Oai - Chương Mỹ	DNL	1,08		1,08	Huyện Chương Mỹ	2022
7	Trạm biến áp 110KV và đường dây 110KV Thanh Oai - Chương Mỹ	DNL	0,60		0,60	Huyện Chương Mỹ	2022
8	Công ty truyền tải điện 1 (Dự án xử lý khoảng cách pha Đất néo 18-33 đường dây 220KV Hòa Bình - Hà Đông1)	DNL	0,03		0,03	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
9	Ban QL phát triển điện lực Hà Nội	DNL	0,84		0,84	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
10	Công ty truyền tải điện 1 (Dự án xử lý khoảng cách pha Đất néo 18-33 đường dây 220KV Hòa Bình - Hà Đông1)	DNL	1,70		1,70	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
11	Đường dây 500kV Tây Hà Nội – Thường Tín	DNL	1,81		1,81	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
12	Trạm biến áp 110KV, trạm Chúc Sơn	DNL	0,45		0,45	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
13	Trạm biến thế	DNL	0,50		0,50	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
14	Trạm biến áp 110KV, Trạm Miếu Môn xã Hoàng Văn Thụ	DNL	4,00		4,00	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
15	Trạm 220 KW Chương Mỹ	DNL	3,00		3,00	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
16	Xây dựng đường dây 110kV mạch kép và cải tạo trạm 110kV E1.17 Bắc Thăng Long để nâng cao độ tin cậy cung cấp điện	DNL	0,24		0,24	Huyện Đông Anh	2021
17	Xây dựng biến áp điện ở 5 thôn trên địa bàn xã Liên Hà	DNL	0,25		0,25	Huyện Đông Anh	2021-2025
18	Nâng cấp năng lực truyền tải đường dây 110kV Bắc Ninh - Đông Anh và nhánh rẽ Tiên Sơn	DNL	0,48		0,48	Huyện Đông Anh	2021
19	Hoàn thiện sơ đồ nhất thứ trạm biến áp 220kV Vân Trì, Bắc Ninh; Thay thế ngăn lộ 200 trạm biến áp Thái Bình.	DNL	1,00		1,00	Huyện Đông Anh	2021
20	Trạm Đông Anh, xã Thụy Lâm	DNL	14,00		14,00	Huyện Đông Anh	2021-2025

21	Cải tạo đường dây 110kV 176 Đông anh - Võ Cường - Yên Phong	DNL	0,03		0,03	Huyện Đông Anh	2021
22	Cải tạo, nâng cấp khả năng tải đường dây 110kV 181 Đông Anh	DNL	0,56		0,56	Huyện Đông Anh	2021
23	Trạm 500KV Đông Anh và đầu nối	DNL	3,90		3,90	Huyện Đông Anh	2021-2025
24	Xây dựng mới trạm 110Kv sân bay Nội Bài và đường dây 110Kv cấp điện cho trạm biến áp.	DNL	0,36		0,36	Huyện Đông Anh	2021-2025
25	Đường dây 110KV lộ 176 Đông Anh - Đình Trám	DNL	0,01		0,01	Huyện Đông Anh	2021-2025
26	Đường dây 220kV Vân Trì - Sóc Sơn	DNL	0,04		0,04	Huyện Đông Anh	2021-2025
27	Trạm biến áp 110kV Nối cấp Đông Anh	DNL	0,40		0,40	Huyện Đông Anh	2021-2025
28	Xây dựng đường dây 110kV mạch 2 Vân Trì - Quang Minh	DNL	0,60		0,60	Huyện Đông Anh	2021-2025
29	Nhà trực vận hành Đội QLD9	DNL	0,02		0,02	Huyện Đông Anh	2021-2025
30	Trạm 220KV Đông Anh	DNL	5,30		5,30	Huyện Đông Anh	2021-2025
31	Đường 220KV nhánh rẽ Đông Anh 3	DNL	4,00		4,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
32	Xây dựng mạch 2 đường dây 110kV Đông Anh - Vân Trì, đoạn qua khu sinh thái Đông Anh	DNL	0,16		0,16	Huyện Đông Anh	2021-2025
33	Xây dựng mạch 2 đường dây 110kV Đông Anh - Vân Trì và khôi phục ngăn lộ 112 tại TBA 110kV Đông Anh	DNL	0,26		0,26	Huyện Đông Anh	2021-2025
34	Đường dây 110kV cấp điện cho TBA 110kV Mai Lâm	DNL	0,03		0,03	Huyện Đông Anh	2021-2025
35	Xây dựng tuyến đường dây 110kV từ TBA 500/220kV Đông Anh đầu nối vào đường dây 110kV lộ 174 Đông Anh - Sóc Sơn	DNL	0,08		0,08	Huyện Đông Anh	2021-2025
36	Xây dựng mới tuyến lộ và mạch vòng	DNL	2,06		2,06	Huyện Đông Anh	2021-2025
37	Dự án điều chỉnh hướng tuyến đường dây 110 kV	DNL	0,50		0,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
38	Đường 220KV Vân Trì - Chèm (đoạn qua Đông Anh)	DNL	1,90		1,90	Huyện Đông Anh	2021-2025
39	Dự án xây dựng công trình đường dây 550/220Kv Hiệp Hòa Đông Anh - Bắc Ninh 2 (đoạn qua Sóc Sơn)	DNL	2,82		2,82	Huyện Đông Anh	2021-2025
40	Dự án trạm biến áp 220 kV và dự án trạm biến áp 500kV và đầu nối địa phận huyện Đông Anh	DNL	9,30		9,30	Huyện Đông Anh	2021-2025
41	Dự án GPMB xây dựng đường dây 500/200 kV Hiệp Hòa-Đông Anh-Bắc Ninh 2	DNL	1,30		1,30	Huyện Đông Anh	2021

42	Trạm biến áp 110KV Đông Dư (Tây Nam Gia Lâm) và nhánh rẽ	DNL	1,00	1,00		Huyện Gia Lâm	2022
43	Xây dựng trạm biến áp 110kV Trâu Quỳ và nhánh rẽ	DNL	0,50	0,50		Huyện Gia Lâm	2022
44	Di chuyển tuyến đường ống xăng dầu phục vụ GPMB thực hiện các dự án trên địa bàn xã Phú Thị và xã Đặng Xá. huyện Gia Lâm	DNL	1,00	1,00		Huyện Gia Lâm	2022
45	Đường dây 110kV từ TBA 220kV Quốc Oai đấu nối vào đường dây 110kV Bắc An Khánh - Nam An Khánh	DNL	1,60		1,60	Huyện Hoài Đức	2022
46	Cải tạo đường dây 110kv Hà Đông - Sơn Tây	DNL	0,50		0,50	Huyện Hoài Đức	2022
47	Xây dựng mới trạm 110kV Nam An Khánh	DNL	0,40		0,40	Huyện Hoài Đức	2022
48	Cải tạo đường dây 110kv lộ 182 Chèm - Phúc Thọ	DNL	0,55		0,55	Huyện Hoài Đức	2022
49	Xây dựng mới trạm biến áp 110KV Hoài Đức và nhánh rẽ	DNL	0,50		0,50	Huyện Hoài Đức	2022
50	Đường dây và trạm biến áp 110kV Kim Chung	DNL	0,70		0,70	Huyện Hoài Đức	2022
51	Trạm biến áp 220 kV Mê Linh và đấu nối đường dây 220kV Mê Linh - Bá Thiện	DNL	5,90	5,90		Huyện Mê Linh	2022
52	Trạm biến áp và đường dây Mê Linh 16, 17; Đại Thịnh 7; Chi Đông 12; Thạch Đà 15; Tam Đồng 4; Hoàng Kim 4, 5; Tiến Thán 13, 14; Vạn Yên 3; Kim Hoa 3; Liên Mạc 10; Tiền Phong 16, 17; TBA và đường dây Gia Thượng 4, Gia Trung 6; TT Quang Minh; Trạm biến áp và đường dây Chăn Nuôi Tự Lập; Xây dựng mạch vòng nhánh Long Việt Lộ 474E1.23, TT Quang Minh; Xây dựng các mạch vòng liên thông đảm bảo độ tin cậy cung cấp điện năm 2021, xã Mê	DNL	2,50	2,50		Huyện Mê Linh	2022
53	Xây dựng TBA Tiền Phong 20, TBA Mê Linh 20, TBA Chi Đông 13, TBA Chi Đông 14, TBA Chi Đông 15, TBA Quang Minh, TBA Văn Khê 12, TBA Tiến Thắng 16, TBA Đại Thịnh 9, TBA Đại Thịnh 10, TBA Chu Phan 6, TBA Phú Mỹ 9.	DNL	0,01		0,01	Huyện Mê Linh	2023-2025

54	Xây dựng cáp ngầm: từ trạm biến áp Mạnh Trữ 1 đến TBA Chu Phan 6; Từ Trạm biến áp Văn Khê 2 đến TBA Văn Khê 12; từ Cột 03 NR. Tiến Thắng 13 đến TBA Tiến Thắng 16; từ trạm biến áp Đại Thịnh 4 đến TBA Đại Thịnh 9; từ cột 54 lộ 482E1,36 đến TBA Đại Thịnh 10; từ cột 2 nhánh TBA Do Thượng lộ 472E1.23 đến TBA Tiên Phong 20; từ cột 3 Nhánh Chiều sáng Đền Hai Bà Trưng lộ 473E1.23 đến TBA Mê Linh 20; từ TBA Tổ dân phố 3 TT Chi Đông lộ 479E1.36 đến TBA Chi Đông 13; từ cột 9 lộ 479 E1.36 đến TBA Chi Đông 14; từ cột Cột 79 lộ 479E1.36 đến TBA Chi Đông 15; từ cột 2 nhánh Giai Lạc 2 lộ 479E1.36 đến TBA Quang Minh.	DNL	0,43		0,43	Huyện Mê Linh	2023-2025
55	Công trình lưới trung, hạ áp (chân cột điện)	DNL	1,06	1,06		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
56	Trạm biến áp thôn Hoành	DNL	0,01	0,01		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
57	TBA Kênh 7 (chăn nuôi giết mổ)	DNL	0,01	0,01		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
58	TBA TB Thượng Lâm	DNL	0,01	0,01		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
59	TBA CN-TCN Thượng Lâm	DNL	0,01	0,01		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
60	Xây dựng mới 14 trạm biến áp	DNL	0,06	0,06		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
61	Xây dựng mới 06 trạm biến áp	DNL	0,02	0,02		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
62	Xây dựng mới 04 trạm biến áp	DNL	0,01	0,01		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
63	Xây dựng mới 5 trạm biến áp	DNL	0,05	0,05		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
64	Xây dựng mới 05 trạm biến áp	DNL	0,05	0,05		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
65	Xây dựng mới 03 trạm biến áp	DNL	0,04	0,04		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
66	Chân cột điện dẫn vào TBA 110 kv	DNL	0,18	0,18		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
67	Dự án Xây dựng mới trạm 110kV Mỹ Đức và nhánh rẽ	DNL	0,95	0,95		Huyện Mỹ Đức	2021
68	Xây dựng mới 12 trạm biến áp	DNL	0,06	0,06		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
69	Xây dựng mới 14 trạm biến áp	DNL	0,11	0,11		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
70	Xử lý khoảng cách pha đất, pha vách khoảng cột 85-86 và 87-88 đường dây 500KV Nho quan - Thường Tín	DNL	0,03	0,03		Huyện Mỹ Đức	2021
71	Xây dựng trạm biến áp	DNL	0,01	0,01		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
72	Xây dựng mới 02 trạm biến áp	DNL	0,02	0,02		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
73	Xây mới TBA 220 KV	DNL	0,50	0,50		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
74	Xây dựng mới 05 trạm biến áp	DNL	0,05	0,05		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
75	Cải tạo nâng khả năng tải tuyến đường dây 110kV từ trạm biến áp 110kV Vân Đình đi trạm biến áp 110kV Tía	DNL	0,29		0,29	Huyện Phú Xuyên	2022

76	Xây dựng 01 lộ 22kV và 04 lộ 35kV xuất tuyến sau trạm 110kV Phú Xuyên cấp điện cho thị trấn Phú Xuyên, thị trấn Phú Minh, xã Nam Phong, Nam Triều, Văn Nhân, Phúc Tiến, Đại Xuyên, Châu Can, Khai Thái, Văn Từ, Sơn Hà, Quang Trung, Phú Yên và Khu công nghiệp Nam Hà Nội	DNL	0,02		0,02	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
77	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ việc lắp đặt xuất tuyến cáp ngầm 35kV & 22kV sau Trạm biến áp 110kV Phú Xuyên	DNL	0,21		0,21	Huyện Phú Xuyên	2022
78	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV Phú Xuyên, đường dây 110kV cấp điện cho trạm biến áp	DNL	0,00		0,00	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
79	Dự án xây dựng công trình đường dây 500/200kV Nho Quan, Phú Lý, Thường Tín	DNL	0,53		0,53	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
80	Tái định cư các hộ bị thu hồi đất dự án đường điện 500kv, nhánh 2	DNL	0,03		0,03	Huyện Phú Xuyên	2022
81	Đường điện trục chính xã Phụng Thượng	DNL	0,05		0,05	Huyện Phúc Thọ	2021-2022
82	Xây dựng trạm biến áp Đông Yên	DNL	0,05		0,05	Huyện Quốc Oai	2021-2025
83	Xây dựng mới các TBA trên địa bàn huyện Quốc Oai năm 2022 (Thị trấn Quốc Oai, xã Sài Sơn, Ngọc Liệp, Tuyết Nghĩa, Đông Yên, Đại Thành, Phú Cát)	DNL	0,18		0,18	Huyện Quốc Oai	2021-2025
84	Xây dựng 02 xuất tuyến 22kV phục vụ khai thác tải TBA 110kV Phú Cát và hạ áp từ 35kV xuống 22kV lộ 375E10.9	DNL	0,07		0,07	Huyện Quốc Oai	2021-2025
85	Cải tạo ĐDK 22kV nhánh Yên Thái 1, Yên Thái 2 lộ 478 E1.48. Xây dựng mạch liên thông từ TBA Yên Thái 2 lộ 478 E1.48 đến TBA Yên Thái 5 (Sau hạ áp lộ 375 E10.9)	DNL	0,05		0,05	Huyện Quốc Oai	2021-2025
86	Xây dựng mạch liên thông từ TBA Đông Yên 2 lộ 478 E1.48 đến TBA Trại Vàng 1 (Sau hạ áp 374 E10.9)	DNL	0,04		0,04	Huyện Quốc Oai	2021-2025
87	Cải tạo đường dây 22kV lộ 478E1.48	DNL	0,08		0,08	Huyện Quốc Oai	2021-2025
88	Xây dựng mới các TBA trên địa bàn huyện Quốc Oai năm 2021 (TT Quốc Oai, Xã Ngọc Mỹ, Cấn Hữu, Phú Cát, Đông Xuân, Sài Sơn, Tân Phú)	DNL	0,07		0,07	Huyện Quốc Oai	2021-2025

89	Xây dựng mới các TBA trên địa bàn huyện Quốc Oai năm 2022 (Xã Yên Sơn, Hòa Thạch, Phú Mãn, Đông Xuân)	DNL	0,08		0,08	Huyện Quốc Oai	2021-2025
90	Cải tạo lưới điện hạ thế xã Đông Xuân	DNL	0,05		0,05	Huyện Quốc Oai	2021-2025
91	Xây dựng mới các TBA trên địa bàn huyện Quốc Oai năm 2022 (Xã Ngọc Liệp, Liệp Tuyết, Cấn Hữu, Ngọc Mỹ, Đồng Quang, Đông Xuân, Hòa Thạch, Phú Mãn)	DNL	0,09		0,09	Huyện Quốc Oai	2021-2025
92	Xây dựng mới các TBA trên địa bàn huyện Quốc Oai năm 2024	DNL	0,10		0,10	Huyện Quốc Oai	2021-2025
93	Xây dựng mới các mạch liên thông 22kV khu vực xã Hòa Thạch	DNL	0,10		0,10	Huyện Quốc Oai	2021-2025
94	Xây dựng mới các TBA trên địa bàn huyện Quốc Oai năm 2021	DNL	0,12		0,12	Huyện Quốc Oai	2021-2025
95	Cải tạo lưới điện hạ thế huyện Quốc Oai năm 2022 (xã Hòa Thạch: Thôn Hòa Trúc, Long Phú, Hòa Phú)	DNL	0,04		0,04	Huyện Quốc Oai	2021-2025
96	Xây dựng 02 xuất tuyến 22kV phục vụ khai thác tải TBA 110kV Phú Cát, tạo mạch liên thông với lộ 487E1.54 và lộ 472E1.54(C18)	DNL	0,07		0,07	Huyện Quốc Oai	2021-2025
97	Xây dựng 01 xuất tuyến 22kV phục vụ khai thác tải TBA 110kV Quốc Oai cấp điện cụm Công nghiệp Ngọc Mỹ - Thạch Thán và san tải lộ 478E1.48	DNL	0,09		0,09	Huyện Quốc Oai	2021-2025
98	Cải tạo lưới điện hạ thế xã Cấn Hữu	DNL	0,05		0,05	Huyện Quốc Oai	2021-2025
99	Cải tạo ĐDK 22kV nhánh Nghĩa Hương 1, Nghĩa Hương 2 lộ 477 E1.48, nhánh Nghĩa Hương 3, Đồng chảy, Cấn thượng 1 lộ 478 E1.48, nhánh Quảng Yên 1 lộ 474 E1.28.	DNL	0,06		0,06	Huyện Quốc Oai	2021-2025
100	Xây dựng mạch liên thông giữa lộ 480E1.28 với lộ 478E1.48	DNL	0,10		0,10	Huyện Quốc Oai	2021-2025
101	Cải tạo lưới điện hạ thế xã Cộng Hòa	DNL	0,04		0,04	Huyện Quốc Oai	2021-2025
102	Hạ áp từ 35kV xuống 22kV lộ 370E1.48, xây dựng mạch liên thông và san tải cho lộ 479E1.48	DNL	0,05		0,05	Huyện Quốc Oai	2021-2025
103	Xây dựng mới các TBA trên địa bàn huyện Quốc Oai năm 2023	DNL	0,06		0,06	Huyện Quốc Oai	2021-2025
104	Xây Trạm điện (5 trạm)	DNL	0,05		0,05	Huyện Quốc Oai	2021-2025
105	Cải tạo lưới điện hạ thế xã Đại Thành	DNL	0,06		0,06	Huyện Quốc Oai	2021-2025

106	Xây dựng mới các TBA trên địa bàn huyện Quốc Oai năm 2025	DNL	0,10		0,10	Huyện Quốc Oai	2021-2025
107	Cải tạo ĐDK 22kV nhánh Đồng Bụt 1, nhánh Bơm Liệp Mai lộ 480 E1.28. Xây dựng mạch liên thông từ TBA Ngọc Liệp 2 lộ 480 E1.28 và TBA Liệp Tuyết 7 lộ 477 E1.48	DNL	0,08		0,08	Huyện Quốc Oai	2021-2025
108	Mở mới 3 trạm biến áp phục vụ khu tiểu thủ công nghiệp	DNL	0,02		0,02	Huyện Quốc Oai	2021-2025
109	Mở mới 3 trạm biến áp phục vụ khu trang trại	DNL	0,02		0,02	Huyện Quốc Oai	2021-2025
110	Cải tạo ĐDK 22kV nhánh Ngọc Than lộ 477 E1.48, nhánh Ba Nhà lộ 479 E1.48	DNL	0,05		0,05	Huyện Quốc Oai	2021-2025
111	Xây dựng tuyến đường dây 110kV từ TBA 500/220kV Quốc Oai đấu nối vào đường dây 110kV Bắc An Khánh - Nam An Khánh	DNL	0,90		0,90	Huyện Quốc Oai	2021-2025
112	Xây dựng tuyến đường dây 220kV cấp điện cho trạm biến áp 220/110kV Hòa Lạc và các đường dây 110kV xuất tuyến	DNL	3,00		3,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
113	Xây dựng đường dây 22kV cấp điện khu đô thị CEO và khu đô thị Tuần Châu, tạo mạch liên thông giữa lộ 476E1.48 và lộ 475E1.48 phục vụ khai thác tải TBA 110kV Quốc Oai	DNL	0,19		0,19	Huyện Quốc Oai	2021-2025
114	Xây dựng 01 xuất tuyến 22kV phục vụ khai thác tải TBA 110kV Quốc Oai cấp điện các khu đô thị mới của huyện Quốc Oai giáp Đại lộ Thăng Long, tạo mạch liên thông với lộ 475E1.48	DNL	0,15		0,15	Huyện Quốc Oai	2021-2025
115	Cải tạo lưới điện hạ thế khu vực Hoàng Xá - Thị Trấn Quốc Oai	DNL	0,08		0,08	Huyện Quốc Oai	2021-2025
116	Hạ áp từ 35kV xuống 22kV đường trục lộ 372E1.28 và lộ 373E1.48, cải tạo và hạ áp nhánh TT Yên Sơn từ cột điểm đầu đến cột số 30	DNL	0,05		0,05	Huyện Quốc Oai	2021-2025
117	Cải tạo lưới điện hạ thế khu vực tổ dân phố Ngô Sài -- Thị Trấn Quốc Oai	DNL	0,10		0,10	Huyện Quốc Oai	2021-2025
118	Hiện đại hóa lưới điện hạ thế khu vực trung tâm Thị Trấn Quốc Oai	DNL	0,18		0,18	Huyện Quốc Oai	2021-2025
119	Cải tạo đường dây 22kV lộ 474+475E1.28	DNL	0,10		0,10	Huyện Quốc Oai	2021-2025
120	Cải tạo lưới điện hạ thế xã Yên Sơn	DNL	0,04		0,04	Huyện Quốc Oai	2021-2025

121	Hạ áp từ 35kV xuống 22kV nhánh TT Yên Sơn từ cột 30 đến đo đếm gianh giới 32 Quyết Tiến (C23)	DNL	0,06		0,06	Huyện Quốc Oai	2021-2025
122	Xây dựng trạm biến áp Phương Cách	DNL	0,05		0,05	Huyện Quốc Oai	2021-2025
123	Cải tạo lưới điện hạ thế xã Phương Cách	DNL	0,04		0,04	Huyện Quốc Oai	2021-2025
124	Cải tạo lưới điện hạ thế thôn Năm Trại - xã Sài Sơn	DNL	0,03		0,03	Huyện Quốc Oai	2021-2025
125	Trạm biến áp 110kv Phú Cát và nhánh rẽ	DNL	0,60		0,60	Huyện Quốc Oai	2021-2025
126	Xây dựng đo đếm ranh giới nhánh Gạch Đồng Trúc lộ 487E1.54 và Xây dựng mới mạch liên thông 22kV giữa lộ 453E1.28 và lộ 471E1.28(C19-C27)	DNL	0,05		0,05	Huyện Quốc Oai	2021-2025
127	Xây dựng 02 xuất tuyến 22kV phục vụ khai thác tải TBA 110kV CNC 2 san tải lộ 487E1.54	DNL	0,01		0,01	Huyện Quốc Oai	2021-2025
128	Cải tạo lưới điện hạ thế xã Phú Mãn	DNL	0,07		0,07	Huyện Quốc Oai	2021-2025
129	Xây dựng mới trạm 110 kV Sóc Sơn 2 và nhánh rẽ	DNL	0,42		0,42	Huyện Sóc Sơn	2022
130	Dự án mở rộng 02 ngăn lộ đường 11 OkV tại trạm TBA 220KV Sóc Sơn và đường dây 110 Kv đấu nối nhà máy điện rác Sóc Sơn	DNL	0,96	0,31	0,65	Huyện Sóc Sơn	2022
131	Lắp bổ sung MC 171,172,112 và cải tạo nhánh đường dây vào trạm biến áp 1 lOkV Nội Bài	DNL	0,05		0,05	Huyện Sóc Sơn	2022
132	Xây dựng mới trạm 1 lOkV Sóc Sơn 3	DNL	1,35		1,35	Huyện Sóc Sơn	2022
133	Di chuyển hệ thống điện 220kV lộ Sóc Sơn - Vân Trì 1, 2 (địa phận Sóc Sơn) phục vụ GPMB dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội	DNL	0,50	0,50		Huyện Sóc Sơn	2021-2025
134	Di chuyển hệ thống điện trung thế, hạ thế phục vụ GPMB dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội	DNL	0,30	0,30		Huyện Sóc Sơn	2021-2025
135	Cải tạo đường dây 110kV Hà Đông - Sơn Tây	DNL	0,50		0,50	Huyện Thạch Thất	2022
136	Xây dựng tuyến đường dây 220KV cấp điện cho trạm biến áp 220KV/110KV Hòa Lạc và các đường dây 110KV xuất tuyến	DNL	2,00		2,00	Huyện Thạch Thất	2022
137	Xây dựng mới trạm biến áp 110Kv Thạch Thất 2 và nhánh rẽ	DNL	0,58		0,58	Huyện Thạch Thất	2021-2022
138	Xây dựng mới trạm biến áp 220/110kv Hòa Lạc và phần nối cấp 110/220KV	DNL	3,50		3,50	Huyện Thạch Thất	2022

139	Trạm biến áp 110KV Phú Cát và nhánh rẽ (phần nhánh rẽ 110kV cấp điện cho TBA 110kV Phú Cát)	DNL	0,02		0,02	Huyện Thạch Thất	2022
140	Xây dựng tuyến đường dây 110KV đi nổi, đấu nối TBA 110KV Trung tâm phát triển Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hòa Lạc theo đúng Quyết định số 1177/QĐ-BXD ngày 20/11/2013 của Bộ Xây dựng về hạ tầng kỹ thuật chung (QGHN 02)	DNL	0,02		0,02	Huyện Thạch Thất	2021-2022
141	XD trạm biến áp 3 xã Tiến Xuân, Yên Bình, Yên Trung	DNL	0,15		0,15	Huyện Thạch Thất	2021-2025
142	Xây dựng mới TBA 110kV Yên Bình và nhánh rẽ	DNL	2,52		2,52	Huyện Thạch Thất	2023
143	Xây mới TBA 118/79,230kv, cải tạo 21/18,340kv và xây mới đường dây 50km, cải tạo 20km trên địa bàn huyện Thạch Thất	DNL	3,80		3,80	Huyện Thạch Thất	2021-2025
144	Xây dựng tuyến đường dây 220kV cấp điện cho TBA 220kV/110kV Hòa Lạc và các đường dây 110kV xuất tuyến	DNL	2,00		2,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
145	Xây dựng mới TBA Phương Trung	DNL	0,01		0,01	Huyện Thanh Oai	2021-2022
146	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV Hồng Dương và nhánh rẽ	DNL	0,91		0,91	Huyện Thanh Oai	2021-2022
147	Đường dây 500KV Tây Hà Nội - Thường Tín	DNL	1,60		1,60	Huyện Thanh Oai	2021-2022
148	Cải tạo nâng khả năng tải tuyến đường dây 110KV từ trạm biến áp 110KV Hà Đông đi trạm biến áp 110KV Vân Đình	DNL	0,45		0,45	Huyện Thanh Oai	2021-2022
149	Xây dựng mới TBA 110kV Thanh Hà và nhánh rẽ	DNL	0,20		0,20	Huyện Thanh Oai	2021-2022
150	Xây dựng mới trạm 110kV Ngọc Hồi và nhánh rẽ thuộc dự án: Phát triển lưới điện Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh vốn vay ODA của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) và Quỹ cơ sở hạ tầng ASEAN (AIF)	DNL	0,30		0,30	Huyện Thanh Trì	2022
151	Trạm Biến áp 220 kV Văn Điển và đầu nối	DNL	4,80		4,80	Huyện Thanh Trì	2022
152	Cải tạo, nâng khả năng tải và treo dây mạch từ 2 TBA 110kV Thường Tín đi đường dây 110kV Mai Động - Hà Đông	DNL	0,20		0,20	Huyện Thanh Trì	2022
153	Xây dựng mới các xuất tuyến 110kV từ TBA 220/110kV Văn Điển	DNL	0,15		0,15	Huyện Thanh Trì	2022

154	Xây dựng trạm 110KV Đại Kim (Kim Giang) và nhánh rẽ (địa điểm tại xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì)	DNL	0,50		0,50	Huyện Thanh Trì	2022
155	Xây dựng mới các xuất tuyến 110kV từ trạm biến áp 2020/110kV Văn Điển	DNL	0,15		0,15	Huyện Thanh Trì	2022
156	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV Thanh Trì và đường dây	DNL	1,20		1,20	Huyện Thanh Trì	2022
157	Di chuyển đường điện 110kV - Dự án Nhà máy xử lý nước thải Yên Xá	DNL	0,07	0,07		Huyện Thanh Trì	2022
158	Đường dây 500 kV Tây Hà Nội - Thường Tín	DNL	1,10		1,10	Huyện Thường Tín	2022-2025
159	Đường dây 500 KV Nho Quan - Thường Tín mạch 2	DNL	0,30		0,30	Huyện Thường Tín	2022-2025
160	Đường dây 110kV từ TBA 500kV Thường Tín - TBA E1.34 Quất Động - TBA E10.4 Tía	DNL	0,70		0,70	Huyện Thường Tín	2022-2025
161	Trạm biến áp 110KV Tô Hiệu đi Phú Xuyên và đường dây 110KV cấp điện	DNL	1,20	0,40	0,80	Huyện Thường Tín	2022-2025
162	Cải tạo, nâng khả năng tải và treo dây mạch 2 từ TBA 110KV Thường Tín đi đường dây 110KV Mai Động, Hà Đông	DNL	0,22		0,22	Huyện Thường Tín	2022-2025
163	Nhà điều hành sản xuất công ty điện lực Thường Tín	DNL	0,30		0,30	Huyện Thường Tín	2022-2025
164	Đường dây 110 KV từ TBA 500KV Thường Tín - TBA E1.34 Quất Động - TBA E10.4 Tía	DNL	0,70		0,70	Huyện Thường Tín	2021
165	Xây dựng mới trạm 110Kv và nhánh rẽ	DNL	0,20		0,20	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
166	Xây dựng mới ĐDK và TBA trên địa bàn huyện Ứng Hòa	DNL	0,09		0,09	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
167	Nâng cấp cải tạo lưới điện hạ thế huyện Ứng Hòa năm 2021	DNL	0,09		0,09	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
168	Nâng cấp cải tạo các nhánh lộ 375E10.2 379E10.2	DNL	0,09		0,09	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
169	Trạm biến áp 220kV Ứng Hòa và đường dây đấu nối trên địa bàn huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	DNL	7,00		7,00	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
170	Cải tạo, nâng khả năng tải tuyến đường dây 110KV từ trạm biến áp 110KV Hà Đông đi trạm biến áp 110KV Vân Đình	DNL	0,15		0,15	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
171	Cải tạo, nâng khả năng tải tuyến đường dây 110KV từ trạm biến áp 110KV Vân Đình đi trạm biến áp 110KV Tía	DNL	0,27		0,27	Huyện Ứng Hòa	2022-2025

172	Trạm biến áp 110 Kv KCN Khu Cháy, KCN Nhuệ Giang, trạm xã Đồng Tiến, xã An Phú, xã Phù Lưu Tế	DNL	1,66		1,66	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
173	Cải tạo, nâng cấp nhánh đường dây 35KV lộ 377E10.2 và xây dựng mạnh vòng 375-377E10.2	DNL	0,05		0,05	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
174	Xây dựng mới Đ DK và TBA huyện Ứng Hòa đợt 3 năm 2016	DNL	0,05		0,05	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
175	Xây dựng mới 64 ĐDK và TBA các xã, thị trấn	DNL	0,26		0,26	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
176	Đường dây 500KV Nho Quan - Thường Tín(Mạch 2) và mở rộng các ngăn lộ tại trạm biến áp Nho Quan và Thường Tín	DNL	1,14		1,14	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
177	Xây dựng mới trạm biến áp 110KV Khu Cháy và nhánh rẽ	DNL	0,91		0,91	Huyện Ứng Hòa	2023-2025
178	Xây dựng Trạm biến áp 110kV Bắc Thành Công và nhánh rẽ	DNL	0,40		0,40	Quận Ba Đình	2022
179	Trạm biến áp 110kv Công viên Thủ Lệ	DNL	0,15		0,15	Quận Ba Đình	2021-2025
180	Khai thác tải Trung thế TBA 110kV Bắc Thành Công	DNL	2,70	2,70		Quận Ba Đình	2021-2025
181	Trạm biến áp 110kV Tây Hồ Tây	DNL	0,30		0,30	Quận Bắc Từ Liêm	2022
182	Nâng tải khả năng đường dây 220kV Hoà Bình - Hà Đông	DNL	0,05		0,05	Quận Hà Đông	2022
183	Cải tạo Đường dây không 110KV Hà Đông - Sơn Tây (từ VT07 đến VT 15)	DNL	0,15		0,15	Quận Hà Đông	2021
184	Xây dựng trạm biến áp 110 KV Dương Nội & nhánh rẽ (Khu đô thị Nam Cường)	DNL	0,16		0,16	Quận Hà Đông	2021
185	Xây dựng trạm biến áp 110Kv Chương Mỹ và đường dây 110Kv Thanh Oai - Chương Mỹ	DNL	0,38		0,38	Quận Hà Đông	2021
186	Đường dây 220kv Hà Đông - Phú Lý	DNL	0,30		0,30	Quận Hà Đông	2021
187	Trạm biến áp 110kv Phú Lương & nhánh đường dây 110kv cấp điện cho trạm	DNL	0,40		0,40	Quận Hà Đông	2021
188	Xây dựng mới 02 lô cáp ngầm 22KW sau TBA 110KVE1.43 (Mỗ Lao)	DNL	0,37		0,37	Quận Hà Đông	2021
189	Trạm 110kV Công viên Yên Sở và nhánh rẽ	DNL	0,43		0,43	Quận Hoàng Mai	2022
190	Trạm 110kV Lĩnh Nam và đường dây Mai Động - Lĩnh Nam	DNL	0,40		0,40	Quận Hoàng Mai	2022
191	Xây dựng mới trạm 110kV Tổ hợp Công Nghiệp Sài Đồng (Sài Đồng 2)	DNL	0,62		0,62	Quận Long Biên	2022

192	Trạm biến áp 110KV Đông Dư (Tây Nam Gia Lâm) và nhánh rẽ (phần đường dây 110KV nhánh rẽ)	DNL	0,40		0,40	Quận Long Biên	2022
193	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV Ngọc Thụy và nhánh rẽ	DNL	0,30		0,30	Quận Long Biên	2022
194	Xây dựng mới trạm 110kV Phù Đổng (Gia Lâm 3) và nhánh rẽ (Phần đường dây 110kV)	DNL	0,20		0,20	Quận Long Biên	2022
195	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV Mễ Trì và nhánh rẽ	DNL	0,42		0,42	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
196	Xây dựng mới TBA 110kV Cầu Giấy	DNL	0,40		0,40	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
197	Xây dựng mới trạm 220/110 kV Đại Mỗ và nhánh rẽ 220kV	DNL	0,67		0,67	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
198	Công trình điện phục vụ Trạm biến áp 110kV Công viên Thủ Lệ và trạm 220kV Tây Hồ. Trạm 110kV Nhật Tân	DNL	0,03		0,03	Quận Tây Hồ	2021
199	Trạm biến áp 110 Kv Nam Thăng Long, Phường Phú Thượng	DNL	0,34		0,34	Quận Tây Hồ	2021-2025
200	Dự án xây dựng công trình Trạm biến áp 110kV Công viên Thủ lệ (đoạn tuyến cáp ngầm cấp điện cho trạm)	DNL	0,70		0,70	Quận Tây Hồ	2021-2025
201	Hành lang đường dây 110 kV nhánh rẽ TBA Nam Thăng Long	DNL	1,00		1,00	Quận Tây Hồ	2021-2025
202	Hành lang đường dây 110 kV nhánh rẽ TBA Tây Hồ -CV Thủ	DNL	1,00		1,00	Quận Tây Hồ	2021-2025
203	Xây dựng đường dây 220KV Chèm - Tây Hồ	DNL	0,10		0,10	Quận Tây Hồ	2021-2025
204	Xây dựng mới cáp ngầm 110kV Tây Hồ - Yên Phụ	DNL	1,39		1,39	Quận Tây Hồ	2021-2025
205	Xây dựng mới Trạm 110 kV Ba Vi (phần đường dây 110 kV Sơn Tây - Ba Vi)	DNL	0,20		0,20	Thị xã Sơn Tây	2022
206	Xây dựng mới các đường dây lộ 474, 475 trạm 22 KV nối cấp Sơn Tây	DNL	0,03		0,03	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
207	Trạm biến áp 500 kV	DNL	17,00		17,00	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
B.13	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV					
1	Mở rộng điểm Bưu điện xã	DBV	0,06		0,06	Huyện Ba Vì	2021
2	Dự án Xây dựng hạ tầng, nhà trạm cho trạm dự phòng Đài tưởng mạng CP16 tại Hà Nội	DBV	0,15		0,15	Huyện Đan Phượng	2022
3	Bưu điện xã Phúc Lâm	DBV	0,05	0,05		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
4	Bưu điện xã Bột Xuyên	DBV	0,02	0,02		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
5	Mở rộng Bưu điện xã Phù Lưu Tế	DBV	0,05	0,05		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
6	Bưu điện xã An Phú	DBV	0,02	0,02		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
7	QH mới bưu điện văn hóa xã	DBV	0,07		0,07	Huyện Quốc Oai	2021-2025

8	Điểm bưu điện văn hóa xã Cộng Hòa	DBV	0,03		0,03	Huyện Quốc Oai	2021-2025
9	Điểm bưu chính viễn thông Đồng Lư	DBV	0,08		0,08	Huyện Quốc Oai	2021-2025
10	Điểm bưu điện văn hóa xã Ngọc Mỹ	DBV	0,05		0,05	Huyện Quốc Oai	2021-2025
11	Trung tâm giao dịch và điều hành Viễn thông Quốc gia	DBV	1,91		1,91	Quận Cầu Giấy	2021
B.14	Đất cơ sở tôn giáo	TON					
1	Mở rộng chùa Cổ Đô	TON	0,06		0,06	Huyện Ba Vì	2021
2	Mở rộng chùa Tân Phong	TON	0,50		0,50	Huyện Ba Vì	2021
3	Mở rộng Chùa Sùng Chân thôn Phú Xuyên	TON	0,30		0,30	Huyện Ba Vì	2021
4	Mở rộng chùa Mẫu, chùa Bùi	TON	0,30		0,30	Huyện Ba Vì	2021
5	Mở rộng chùa Cổ Đô	TON	0,06		0,06	Huyện Ba Vì	2021
6	Mở rộng chùa Tân Phong	TON	0,50		0,50	Huyện Ba Vì	2021
7	Mở rộng Chùa Sùng Chân thôn Phú Xuyên	TON	0,30		0,30	Huyện Ba Vì	2021
8	Mở rộng chùa Mẫu, chùa Bùi	TON	0,30		0,30	Huyện Ba Vì	2021
9	Xây dựng Nhà nguyện thôn Yên Kien	TON	0,18		0,18	Huyện Chương Mỹ	2022
10	Xây dựng chùa thôn Quyết Hạ	TON	0,56		0,56	Huyện Chương Mỹ	2022
11	Xây dựng chùa Rét, xã Tốt Động	TON	0,13		0,13	Huyện Chương Mỹ	2022
12	Xây dựng Chùa Nội An	TON	0,26		0,26	Huyện Chương Mỹ	2022
13	Nhà Nguyện giáo họ Xuân Mai	TON	0,20		0,20	Huyện Chương Mỹ	2022
14	Tu bổ, tôn tạo chùa Trăm Gian, xã Tiên Phương	TON	0,50		0,50	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
15	Tu bổ, tôn tạo cụm di tích chùa Trầm, xã Phụng Châu	TON	1,36		1,36	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
16	Nâng cấp, mở rộng chùa Bảo	TON	0,10		0,10	Huyện Đan Phượng	2022
17	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Dục Tú (Tiên Cảnh Tự)	TON	0,26		0,26	Huyện Đông Anh	2021-2025
18	HTKT trồng cây xanh Chùa Ngọc Lâm thôn Hà Lâm 3, xã Thụy Lâm	TON	0,52		0,52	Huyện Đông Anh	2021-2025
19	Xây dựng chùa Tâm Linh thôn Dân Dị	TON	0,25	0,25		Huyện Đông Anh	2021-2025
20	Trùng tu tôn tạo Trung tâm văn hóa tôn giáo thôn Hà Khê	TON	0,30		0,30	Huyện Đông Anh	2021-2025
21	Tu bổ, tôn tạo chùa Báo Ân - Đình Quang Trung	TON	0,80	0,80		Huyện Gia Lâm	2022
22	Mở rộng khuôn viên Đình Trung Hậu Đoài	TON	0,03		0,03	Huyện Mê Linh	2022
23	Mở rộng chùa Vạn Phúc, tại tổ dân phố số 2, thị trấn Quang	TON	0,00	0,00		Huyện Mê Linh	2022
24	Mở rộng chùa chùa Đại Bi	TON	0,72	0,72		Huyện Mỹ Đức	2021-2025
25	Mở rộng Chùa thôn Đông Bình	TON	0,09	0,09		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
26	Mở rộng Chùa Quán Âm thôn An Đà	TON	0,81	0,81		Huyện Mỹ Đức	2021
27	Chùa Dè thôn Hiền Lương	TON	0,30	0,30		Huyện Mỹ Đức	2021
28	Mở rộng nhà thờ thôn Vạn Thắng	TON	0,12	0,12		Huyện Mỹ Đức	2021
29	Mở rộng nhà thờ thôn Đông Mỹ	TON	0,09	0,09		Huyện Mỹ Đức	2023-2025
30	Mở rộng chùa Hòa Lạc	TON	0,23	0,23		Huyện Mỹ Đức	2023-2025

31	Mở rộng khuôn viên đình chùa thôn Cát Bi	TON	0,16		0,16	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
32	Mở rộng chùa Chanh Thôn	TON	0,50		0,50	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
33	Mở rộng chùa Viên Minh	TON	2,00		2,00	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
34	Mở rộng chùa Ngải Khê, thôn Ngải Khê	TON	0,12		0,12	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
35	Chùa Nứa Phụng Thượng	TON	0,60		0,60	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
36	Mở rộng nhà thờ họ giáo Ân Phú	TON	0,08		0,08	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
37	Mở rộng chùa Cầm Đình	TON	0,08		0,08	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
38	GPMB di chuyển 02 hộ ra khỏi khu vực khoanh vùng bảo vệ di tích Chùa Tư Khánh, phường Đông Ngạc	TON	0,06		0,06	Quận Bắc Từ Liêm	2022
39	Mở rộng chùa Thiên Phúc	TON	0,04		0,04	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
40	Tu bổ, tôn tạo chùa Duệ Tú	TON	0,28		0,28	Quận Cầu Giấy	2021
41	Tu bổ tôn tạo di tích chùa Láng	TON	1,70	1,65	0,05	Quận Đống Đa	2021-2025
42	Tu bổ tôn tạo di tích chùa Quang Minh	TON	0,07	0,06	0,01	Quận Đống Đa	2021-2025
43	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Liên Phái	TON	0,01		0,01	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
44	Xây dựng cổng chùa Liên Phái	TON	0,00		0,00	Quận Hai Bà Trưng	2022
45	Tu bổ, tôn tạo cụm di tích đền, đình, chùa Hai Bà Trưng	TON	0,01		0,01	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
46	GPMB, tu bổ tôn tạo và phát huy giá trị kiến trúc, nghệ thuật, thắng cảnh hồ Thiền Quang và di tích chùa Quang Hoa, Thiền Quang, Pháp Hoa,	TON	0,22		0,22	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
47	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Liên Phái	TON	0,01		0,01	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
48	Xây dựng cổng chùa Liên Phái	TON	0,00		0,00	Quận Hai Bà Trưng	2022
49	Tu bổ, tôn tạo cụm di tích đền, đình, chùa Hai Bà Trưng	TON	0,01		0,01	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
50	GPMB, tu bổ tôn tạo và phát huy giá trị kiến trúc, nghệ thuật, thắng cảnh hồ Thiền Quang và di tích chùa Quang Hoa, Thiền Quang, Pháp Hoa,	TON	0,22		0,22	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
51	Tu bổ, tôn tạo Chùa Thái Cam	TON	0,10		0,10	Quận Hoàn Kiếm	2021-2025
52	Giải phóng mặt bằng và phục dựng chùa Đồng	TON	0,30	0,27	0,03	Quận Hoàng Mai	2021
53	Giải phóng mặt bằng và tu bổ tôn tạo di tích chùa Sét khu vực I	TON	0,31	0,14	0,17	Quận Hoàng Mai	2021
54	GPMB, tu bổ tôn tạo di tích chùa Nam Dữ Hạ	TON	1,00		1,00	Quận Hoàng Mai	2022
55	Tu bổ, cải tạo xây dựng Thiền Viện Sùng Phúc (chùa Xuân Đỗ Thượng) tại phường Cự Khối	TON	0,57		0,57	Quận Long Biên	2022
56	GPMB di chuyển các hộ dân khỏi khu vực 1 di tích Chùa Tảo Sách	TON	0,05		0,05	Quận Tây Hồ	2021
57	Tu bổ, tôn tạo chùa Mật Dựng	TON	0,50		0,50	Quận Tây Hồ	2021
58	GPMB di chuyển hộ dân ra khỏi khu vực 1 di tích Chùa Tảo Sách	TON	0,05		0,05	Quận Tây Hồ	2021-2025

59	Chùa Tĩnh Lâu	TON	0,80		0,80	Quận Tây Hồ	2021-2025
60	Chùa Thiên Niên	TON	0,50		0,50	Quận Tây Hồ	2021-2025
61	Mở rộng chùa Phú Nhi, phường Phú Thịnh	TON	1,00		1,00	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
62	Mở rộng chùa Khai Nguyên, xã Sơn Đông	TON	9,98	9,98		Thị xã Sơn Tây	2023-2025
B.15	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD					
1	Mở rộng nghĩa trang liệt sỹ	NTD	0,05		0,05	Huyện Ba Vì	2021
2	Mở rộng nghĩa trang Vĩnh Hằng tại xã Vật Lại	NTD	40,00		40,00	Huyện Ba Vì	2021
3	Mở rộng nghĩa trang Yên Kỳ	NTD	203,80		203,8	Huyện Ba Vì	2021
4	Nghĩa trang khu vực phía Nam, huyện Đan Phượng	NTD	4,20		4,20	Huyện Đan Phượng	2022
5	Cải tạo, chỉnh trang đảm bảo vệ sinh môi trường nghĩa trang thôn Đông Lai	NTD	0,56		0,56	Huyện Đan Phượng	2022
6	Dự án Cải tạo nghĩa trang nhân dân phố Phương Trì, thị trấn Phùng	NTD	1,10		1,10	Huyện Đan Phượng	2022
7	Chỉnh trang, cải tạo nghĩa trang nhân dân Con Cá, thị trấn Phùng	NTD	0,79	0,40	0,39	Huyện Đan Phượng	2024-2025
8	Chỉnh trang và xây dựng nhà lưu giữ tro cốt nghĩa trang nhân dân thôn Bá Dương Nội-Bá Thị, xã Hồng Hà	NTD	0,95		0,95	Huyện Đan Phượng	2024-2025
9	Chỉnh trang và xây dựng nhà lưu giữ tro cốt nghĩa trang nhân dân làng Tiên Tân-Vạn Thắng Lợi xã Hồng Hà	NTD	0,55		0,55	Huyện Đan Phượng	2024-2025
10	Cải tạo, chỉnh trang nghĩa trang để phục vụ di chuyển mộ trên địa bàn xã Hạ Mỗ	NTD	3,80	3,05	0,75	Huyện Đan Phượng	2023-2024
11	Cải tạo, chỉnh trang nghĩa trang để phục vụ di chuyển mộ trên địa bàn xã Tân Hội	NTD	2,29	1,34	0,95	Huyện Đan Phượng	2023-2024
12	Cải tạo, chỉnh trang nghĩa trang để phục vụ di chuyển mộ trên địa bàn xã Hồng Hà	NTD	4,06	0,22	3,84	Huyện Đan Phượng	2023-2024
13	Cải tạo, chỉnh trang nghĩa trang để phục vụ di chuyển mộ trên địa bàn xã Liên Hồng	NTD	0,87	0,35	0,52	Huyện Đan Phượng	2023-2024
14	Xây dựng nghĩa trang nhân dân thôn Vân Diêm, xã Vân Hà	NTD	1,30		1,30	Huyện Đông Anh	2021-2025
15	Cải tạo nâng cấp khu công viên cây xanh kết hợp nghĩa trang phục vụ tập kết mộ khi GPMB thực hiện dự án công viên văn hóa, du lịch, vui chơi giải trí Kim Quy	NTD	1,80		1,80	Huyện Đông Anh	2021-2025
16	Xây dựng HTKT khu nghĩa trang tập trung huyện Hoài Đức	NTD	22,00		22,00	Huyện Hoài Đức	2022
17	Mở rộng nghĩa trang nhân dân xã Minh Khai	NTD	2,80	1,30	1,50	Huyện Hoài Đức	2022

18	Chỉnh trang, mở rộng nghĩa trang thôn Ba Lương, Song Phượng	NTD	0,65	0,35	0,30	Huyện Hoài Đức	2022
19	Chỉnh trang, mở rộng nghĩa trang nhân dân Trại Gân, xã Song Phượng	NTD	0,40	0,20	0,20	Huyện Hoài Đức	2022
20	Chỉnh trang, mở rộng nghĩa trang nhân dân xã An Hạ, xã An	NTD	2,00	1,50	0,50	Huyện Hoài Đức	2022
21	Cải tạo, chỉnh trang mở rộng nghĩa trang Tẻ Tẻ, xã Cát Quế	NTD	2,00	1,00	1,00	Huyện Hoài Đức	2022
22	Cải tạo, chỉnh trang mở rộng nghĩa trang Đình Sáu, xã Cát Quế	NTD	1,50	0,50	1,00	Huyện Hoài Đức	2022
23	Chỉnh trang, mở rộng nghĩa trang nhân dân xã Dương Liễu	NTD	1,86	0,86	1,00	Huyện Hoài Đức	2022
24	Mở rộng nghĩa trang nhân dân xã Đông La	NTD	2,50	0,50	2,00	Huyện Hoài Đức	2022
25	Mở rộng nghĩa trang thôn Nội, xã Đức Thượng	NTD	1,70	0,70	1,00	Huyện Hoài Đức	2022
26	Xây dựng công viên tưởng niệm Thiên Đường Thanh Tước	NTD	2,18	2,18		Huyện Mê Linh	2022
27	Cải tạo cảnh quan môi trường, hành lang cây xanh cách ly nghĩa trang nghĩa trang Mạnh Chữ	NTD	0,41		0,41	Huyện Mê Linh	2021-2025
28	Cải tạo cảnh quan môi trường, hành lang cây xanh cách ly nghĩa trang nghĩa trang Chu Phan	NTD	0,31		0,31	Huyện Mê Linh	2021-2025
29	Cải tạo cảnh quan môi trường, hành lang cây xanh cách ly nghĩa trang nghĩa trang tập trung 1 (phía đông thôn Trung Xuân)	NTD	0,58		0,58	Huyện Mê Linh	2021-2025
30	Cải tạo cảnh quan môi trường, hành lang cây xanh cách ly nghĩa trang nghĩa trang tập trung 2 (phía nam xã)	NTD	2,80		2,80	Huyện Mê Linh	2021-2025
31	Cải tạo cảnh quan môi trường, hành lang cây xanh cách ly nghĩa trang nghĩa trang tập trung (khu đồng sau đình)	NTD	4,92		4,92	Huyện Mê Linh	2021-2025
32	Cải tạo, mở rộng nghĩa trang thôn Khê Ngoại 1, 2, 3, 4, xã Văn Khê	NTD	0,80		0,80	Huyện Mê Linh	2022
33	Nhà tang lễ huyện	NTD	1,00	1,00		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
34	Mở rộng nghĩa trang nhân dân Vườn Thánh	NTD	0,20	0,20		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
35	Mở rộng nghĩa trang Đồng Sự	NTD	0,50	0,50		Huyện Mỹ Đức	2021
36	Mở rộng nghĩa trang Đồng Hóa	NTD	0,20	0,20		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
37	Mở rộng nghĩa trang đồi Hoành	NTD	0,20	0,20		Huyện Mỹ Đức	2021
38	Mở rộng nghĩa trang Cầu Bền	NTD	0,11	0,11		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
39	Mở rộng nghĩa trang thôn Quýt	NTD	0,20	0,20		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
40	Xây mới nghĩa trang liệt sĩ	NTD	0,50	0,50		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
41	Xây dựng nghĩa trang liệt sỹ xã Mỹ Thành	NTD	0,11	0,11		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
42	Mở rộng nghĩa trang thôn Vĩnh Xương Thượng	NTD	0,17	0,17		Huyện Mỹ Đức	2022-2025

43	Mở rộng nghĩa trang thôn Vĩnh Lạc	NTD	0,10	0,10		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
44	Mở rộng nghĩa trang thôn Bột Xuyên	NTD	0,20	0,20		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
45	Mở rộng nghĩa trang thôn Phúc Khê	NTD	0,20	0,20		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
46	Mở rộng nghĩa trang thôn Phú Hầm	NTD	0,20	0,20		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
47	Mở rộng nghĩa trang thôn Phú	NTD	0,20	0,20		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
48	Mở rộng nghĩa trang thôn Lê Xá	NTD	0,62	0,62		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
49	Xây dựng nghĩa trang tập trung của xã	NTD	3,00	3,00		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
50	Nghĩa trang liệt sỹ	NTD	0,05	0,05		Huyện Mỹ Đức	2021
51	Mở rộng nghĩa trang nhân dân	NTD	3,16	3,16		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
52	Mở rộng nghĩa trang thôn Hà Xá	NTD	0,20	0,20		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
53	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang nhân dân thôn Trinh Tiết	NTD	0,48	0,48		Huyện Mỹ Đức	2022
54	Nhà để xe tang Vạn Phúc	NTD	0,02	0,02		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
55	Mở rộng nghĩa trang Liệt sỹ	NTD	0,44	0,44		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
56	Mở rộng nghĩa trang Vạn Phúc	NTD	0,10	0,10		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
57	Mở rộng nghĩa trang Bệ Ngọc	NTD	0,70	0,70		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
58	Mở rộng nghĩa trang thôn Hội Xá	NTD	0,10	0,10		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
59	Mở rộng nghĩa trang thôn Yên Vỹ	NTD	1,12	1,12		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
60	Mở rộng nghĩa trang thôn Phú	NTD	0,10	0,10		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
61	Công viên nghĩa trang Hương Sơn huyện Mỹ Đức	NTD	17,84	17,84		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
62	Mở rộng nghĩa trang thôn Hưng Nông	NTD	0,50	0,50		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
63	Mở rộng nghĩa trang thôn Viêm Khê	NTD	0,07	0,07		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
64	Mở rộng nghĩa trang liệt sỹ	NTD	0,09	0,09		Huyện Mỹ Đức	2022
65	Mở rộng nghĩa trang thôn Thọ	NTD	0,20	0,20		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
66	Cải tạo, mở rộng nghĩa trang nhân dân thôn Ải, xã Hợp Thanh	NTD	2,40	2,40		Huyện Mỹ Đức	2023
67	Xây dựng nghĩa trang thôn Đồi Dừng	NTD	3,00	3,00		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
68	Cải tạo, mở rộng nghĩa trang nhân dân thôn Phú Hiền, xã Hợp Thanh	NTD	0,78	0,78		Huyện Mỹ Đức	2023
69	Nghĩa trang nhân dân thôn Kỳ Úc thị trấn Phúc Thọ khu A	NTD	0,20		0,20	Huyện Phúc Thọ	2021-2023
70	Nâng cấp, mở rộng nghĩa trang nhân dân khu B thôn Kỳ Úc thị trấn Phúc Thọ	NTD	1,50		1,50	Huyện Phúc Thọ	2021-2023
71	Cải tạo nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ xã Hiệp Thuận	NTD	0,06		0,06	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
72	Mở rộng nghĩa trang nhân dân Thụ Trai xã Phúc Hòa	NTD	0,65		0,65	Huyện Phúc Thọ	2021-2023
73	Mở rộng nghĩa trang Linh Chiểu tại Đồng Đạt (xã Sen Chiểu cũ)	NTD	0,40		0,40	Huyện Phúc Thọ	2021-2022
74	Mở rộng nghĩa trang nhân dân (xã Phương Độ cũ)	NTD	0,72		0,72	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
75	Mở rộng nghĩa trang thôn Điền Hòa Cát	NTD	0,77		0,77	Huyện Phúc Thọ	2023-2025

76	Mở rộng nghĩa trang Tăng Non	NTD	0,24		0,24	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
77	Nâng cấp, cải tạo nghĩa trang nhân dân thôn Bướm xã Thọ Lộc	NTD	1,05		1,05	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
78	Xây dựng nghĩa trang nhân dân thôn Tường Phiêu xã Tích Giang	NTD	1,35		1,35	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
79	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang Cửa Đình xã Tích Giang	NTD	0,50		0,50	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
80	Mở rộng nghĩa trang các thôn	NTD	0,60		0,60	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
81	Xây dựng nghĩa trang 2 thôn Cự Lục và Cẩm Đình	NTD	1,06		1,06	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
82	Xây dựng nghĩa trang nhân dân 2 thôn Phú Châu và Ân Phú xã Xuân Đình	NTD	1,18		1,18	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
83	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ xã Thọ Lộc	NTD	0,15		0,15	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
84	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ (12 mục)	NTD	33,03		33,03	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
85	Nâng cấp nghĩa trang Yên Thái, gò giữa	NTD	1,91	1,11	0,80	Huyện Quốc Oai	2021-2025
86	Quy hoạch mới nghĩa trang Gò Buồm Việt Yên	NTD	1,00		1,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
87	Nâng cấp mở rộng nghĩa trang Hòa Thạch	NTD	2,00	1,42	0,58	Huyện Quốc Oai	2021-2025
88	Nâng cấp nghĩa trang Cấn Hữu	NTD	4,01	3,75	0,26	Huyện Quốc Oai	2021-2025
89	Mở rộng nghĩa trang nhân dân thị trấn Quốc Oai, huyện Quốc Oai	NTD	11,00		11,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
90	Mở rộng nghĩa trang nhân dân xã Phụng Cách	NTD	0,35		0,35	Huyện Quốc Oai	2021-2025
91	Mở rộng nghĩa trang nhân dân xã Sài Sơn (thôn Thụy Khuê, thôn Phúc Đức, thôn Khánh Tân; thôn Năm Trại; thôn Đa Phúc)	NTD	6,34	2,20	4,14	Huyện Quốc Oai	2021-2025
92	Xây dựng nghĩa trang xã Phù Linh, xã Hồng Kỳ phục vụ GPMB Sân gôn Quốc tế Sóc Sơn và khu dịch vụ bổ trợ	NTD	4,11		4,11	Huyện Sóc Sơn	2022
93	Xây dựng HTKT nghĩa trang Lai Sơn, xã Bắc Sơn	NTD	1,78		1,78	Huyện Sóc Sơn	2022
94	Cải tạo, chỉnh trang nghĩa trang thôn Mai Nội phục vụ giải phóng mặt bằng dự án Xây dựng tuyến đtrờng nối đô thị vệ tinh với đường Võ Nguyên Giáp huyện Sóc Sơn	NTD	1,70		1,70	Huyện Sóc Sơn	2022
95	Xây dựng nghĩa trang xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn	NTD	3,20		3,20	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
96	Xây dựng nghĩa trang xã Tân Dân, huyện Sóc Sơn	NTD	2,20		2,20	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
97	Mở rộng, cải tạo nghĩa trang Chùa Am tại thôn Ninh Kiều, xã Tân Dân, huyện Sóc Sơn	NTD	1,92		1,92	Huyện Sóc Sơn	2021-2025

98	Mở rộng, cải tạo nghĩa trang Thắng Trí tại thôn Thắng Trí, xã Minh Trí, huyện Sóc Sơn	NTD	2,70		2,70	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
99	Xây dựng nghĩa trang nhân dân thị trấn Liên Quan	NTD	3,00		3,00	Huyện Thạch Thất	2022
100	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng nghĩa trang nhân dân xã Đại Đồng	NTD	3,90	1,90	2,00	Huyện Thạch Thất	2021-2022
101	Cải tạo, nâng cấp mở rộng nghĩa trang nhân dân khu Minh Đức xã Đại Đồng	NTD	1,00	0,27	0,73	Huyện Thạch Thất	2021-2025
102	Mở rộng nghĩa trang nhân dân thôn Cẩm Bào xã Cẩm Yên	NTD	2,50		2,50	Huyện Thạch Thất	2025
103	Xây dựng, mở rộng nghĩa trang gò Thiều xóm Đông xã Đồng	NTD	2,50	1,60	0,90	Huyện Thạch Thất	2022-2023
104	Xây dựng nghĩa trang xã Lại Thượng (thôn lại thượng)	NTD	3,80		3,80	Huyện Thạch Thất	2025
105	XD nghĩa trang nhân dân xã Phú Kim	NTD	6,00		6,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
106	Xây dựng chỉnh trang nghĩa trang đồng Dược, đồng Bàu xã Kim Quan	NTD	3,06	0,36	2,70	Huyện Thạch Thất	2023-2024
107	Cải tạo, nâng cấp mở rộng nghĩa trang nhân dân khu Ba Gò xã Hương Ngải	NTD	1,85	1,23	0,62	Huyện Thạch Thất	2021-2025
108	Cải tạo, nâng cấp mở rộng nghĩ trang nhân dân xã Hương Ngải	NTD	2,67	1,13	1,54	Huyện Thạch Thất	2022
109	Xây dựng nghĩa trang nhân dân đồng Chiềng xã Canh Nậu	NTD	4,00		4,00	Huyện Thạch Thất	2024-2025
110	Chỉnh trang, đóng cửa nghĩa trang Đồng Định xã Dị Nậu	NTD	1,24	1,14	0,10	Huyện Thạch Thất	2022
111	Xây dựng, cải tạo nghĩa trang nhân dân xã Thạch Xá khu vực Đồng Vỡ, TB09 xã Thạch Xá	NTD	4,30	3,76	0,54	Huyện Thạch Thất	2023-2024
112	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang xã Chàng Sơn (Chi phí GPMB, nhà hậu phúc, đường trục chính)	NTD	1,75	1,45	0,30	Huyện Thạch Thất	2022
113	Mở rộng nghĩa trang khu Đồng Mép xã Chàng Sơn	NTD	1,30	0,50	0,80	Huyện Thạch Thất	2025
114	Xây dựng, mở rộng nghĩa trang thôn Phú Ổ	NTD	2,90	2,43	0,47	Huyện Thạch Thất	2023
115	Xây dựng, mở rộng nghĩa trang nhân dân xã Hữu Bằng (Giai đoạn 2 theo quy hoạch)	NTD	2,46	0,46	2,00	Huyện Thạch Thất	2024-2025
116	XD nghĩa trang nhân dân xã Phùng Xá	NTD	6,95	1,84	5,11	Huyện Thạch Thất	2023-2024
117	Xây dựng, mở rộng nghĩa trang nhân dân Vai Đỏ xã Hạ Bằng	NTD	2,94	2,54	0,40	Huyện Thạch Thất	2023
118	Nghĩa trang Yên Trung (Dự án NT quốc gia)	NTD	120,00		120,0	Huyện Thạch Thất	2021-2025
119	Dự án đầu tư công viên nghĩa trang huyện Thạch Thất	NTD	35,00	31,00	4,00	Huyện Thạch Thất	2022
120	Xây dựng nghĩa trang nhân dân xã Bình Yên	NTD	0,31		0,31	Huyện Thạch Thất	2022

121	Xây dựng 03 NTL cho đô thị Hòa Lạc	NTD	3,00		3,00	Huyện Thạch Thất	2024-2025
122	Xây dựng, mở rộng nghĩa trang Vai Đò xã Hạ Bằng	NTD	0,40		0,40	Huyện Thạch Thất	2021-2025
123	Cải tạo mở rộng nghĩa trang nhân dân xã Cự Khê phục vụ triển khai dự án Đường vành đai 4 - vùng thủ đô	NTD	0,70		0,70	Huyện Thanh Oai	2022
124	Cải tạo mở rộng nghĩa trang nhân dân xã Mỹ Hưng phục vụ triển khai dự án Đường vành đai 4 - vùng thủ đô	NTD	0,80		0,80	Huyện Thanh Oai	2022
125	Cải tạo, mở rộng và chỉnh trang khuôn viên nghĩa trang nhân dân thôn Huỳnh Cung, xã Tam Hiệp	NTD	0,54		0,54	Huyện Thanh Trì	2022
126	Nghĩa trang nhân dân cấp huyện	NTD	35,00		35,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
127	Dự án mở rộng nghĩa trang nhân dân tại xã Văn Bình (phục vụ GPMB dự án đầu tư xây dựng đường vành đai 4)	NTD	3,70		3,70	Huyện Thường Tín	2022
128	Cải tạo nâng cấp Nghĩa trang liệt sỹ xã Hòa Bình	NTD	0,03		0,03	Huyện Thường Tín	2021
129	Quy hoạch nghĩa trang tập trung huyện Ứng Hòa	NTD	10,00		10,00	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
130	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang nhân dân thôn Hoàng Xá, thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	NTD	0,29		0,29	Huyện Ứng Hòa	2023-2025
131	Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng nghĩa trang xã Tây Tựu	NTD	4,01		4,01	Quận Bắc Từ Liêm	2022
132	Chỉnh trang nghĩa trang Văn Long, phường Minh Khai	NTD	0,07		0,07	Quận Bắc Từ Liêm	2022
133	Cải tạo Nghĩa trang Tổ dân phố 9, Yên Nghĩa	NTD	1,26		1,26	Quận Hà Đông	2021-2025
134	Mở rộng nghĩa trang Trung Văn	NTD	0,87		0,87	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
135	01 Nhà tang lễ khu công viên cây xanh phường Tứ Liên	NTD	0,50		0,50	Quận Tây Hồ	2021-2025
136	Nhà tang lễ quận Thanh Xuân	NTD	2,30		2,30	Quận Thanh Xuân	2022
137	Mở rộng nghĩa trang Sơn Tây giai đoạn 2	NTD	20,19	7,19	13,00	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
138	Xây dựng nghĩa trang thôn 400, xã Thanh Mỹ	NTD	0,20		0,20	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
B.16	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT					
1	Trung tâm lễ hội và khu di tích Cổ Loa	DDT	137,06		137,06	Huyện Đông Anh	2024-2025
2	Tu bổ, tôn tạo, phục hồi Khu di tích địa đạo Nam Hồng, huyện Đông Anh	DDT	5,00		5,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
3	Tôn tạo, phục dựng Đền thờ danh nhân Đốc Ngữ	DDT	0,90		0,90	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
4	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Thanh Chiểu, xã Sen Phương	DDT	0,15		0,15	Huyện Phúc Thọ	2023-2025

5	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Vân Cốc giai đoạn 1 xã Vân Phúc	DDT	2,50		2,50	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
6	Mở rộng đền Hát Môn	DDT	16,33		16,33	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
7	Trùng tu tôn tạo di tích lịch sử Đền thờ trạng Bùng Phùng Khắc Khoan xã Phùng Xá	DDT	0,26	0,12	0,14	Huyện Thạch Thất	2021-2022
8	Mở rộng, cải tạo nhà lưu niệm Bác Hồ	DDT	0,13	0,04	0,09	Huyện Thạch Thất	2021-2025
9	Xây dựng khu lưu niệm anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa Nguyễn Trãi tại xã Nhị Khê	DDT	2,77		2,77	Huyện Thường Tín	2021
10	Thu hồi đất khu nhà ở phía Nam sân cỏ Quảng trường Ba Đình (Khu trung tâm chính trị Ba Đình)	DDT	0,40		0,40	Quận Ba Đình	2022
11	Chỉnh trang mặt bằng do Bộ Quốc Phòng và 02 hộ gia đình Lão thành Cách mạng bàn giao thuộc di tích Hoàng Thành Thăng Long	DDT	0,16		0,16	Quận Ba Đình	2022
12	GPMB di chuyển hộ dân ra khỏi khuôn viên khu vực 1 di tích đền Đồng Cổ	DDT	0,15		0,15	Quận Tây Hồ	2021
13	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử Gò Đống Tây	DDT	1,51		1,51	Quận Thanh Xuân	2022
14	Mở rộng khuôn viên đền thờ Lãng Ngô Quyền, xã đường Lâm	DDT	2,96	1,36	1,60	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
15	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dịch tích lịch sử Đền Và phường Trung Hưng	DDT	22,11	7,73	14,38	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
16	Xây dựng Trung tâm văn hóa di tích lịch sử Phùng Hưng - Ngô Quyền	DDT	1,50		1,50	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
17	Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu di tích lịch sử đền Và (giai đoạn 1), hạng mục: Mở rộng sân đền, xây dựng quảng trường kết hợp bãi đỗ xe và dịch vụ	DDT	3,20		3,20	Thị xã Sơn Tây	2024
B.17	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA					
1	Mở rộng 2 bãi rác thôn la phẩm, thôn Vân Sa	DRA	0,05		0,05	Huyện Ba Vì	2021
2	Dự án khí hóa rác thải sinh hoạt thành điện năng, công suất 500 tấn/ ngày tại Khu xử lý chất thải rắn Xuân Sơn trên địa bàn thị xã Sơn Tây và huyện Ba Vì	DRA	6,50		6,50	Huyện Ba Vì	2021
3	Dự án xử lý rác thải thu hồi điện Xuân Sơn	DRA	2,97		2,97	Huyện Ba Vì	2021
4	Điểm tập kết rác thải của các xã, thị trấn	DRA	6,40		6,40	Huyện Chương Mỹ	2022
5	Nhà máy xử lý chất thải núi Thoong	DRA	10,40		10,40	Huyện Chương Mỹ	2022

6	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống nước thải Cụm Công nghiệp Ngọc Sơn, huyện Chương Mỹ	DRA	0,05		0,05	Huyện Chương Mỹ	2022
7	Xây dựng điểm trung chuyển phế thải xây dựng tại khu rìa đê - khu xóm mới thôn Mai Châu, xã Đại Mạch	DRA	0,30		0,30	Huyện Đông Anh	2021-2025
8	Xây dựng điểm trung chuyển phế thải xây dựng tại khu đất giáp Thanh Lan thôn Mạch Lũng, xã Đại Mạch	DRA	0,30		0,30	Huyện Đông Anh	2021-2025
9	Xây dựng điểm tập kết phế thải xây dựng thôn Đình Tràng, xã Dục Tú	DRA	0,35		0,35	Huyện Đông Anh	2021-2025
10	Xây dựng điểm tập kết phế thải xây dựng thôn Nghĩa Vũ, xã Dục Tú	DRA	0,35		0,35	Huyện Đông Anh	2021-2025
11	Xây dựng bãi rác sinh hoạt, bãi tập kết chất thải rắn XD tại phía Bắc nhà văn hóa đến giáp kênh Phương Trạch thôn Hải Bối, xã Hải Bối	DRA	0,10		0,10	Huyện Đông Anh	2021-2025
12	Xây dựng bãi rác thải sinh hoạt khu cầu E thôn Cổ Diễn, xã Hải Bối	DRA	0,03		0,03	Huyện Đông Anh	2021-2025
13	Xây dựng khu tập kết rác thải sinh hoạt thôn Du Nội, xã Mai Lâm	DRA	0,03		0,03	Huyện Đông Anh	2021-2025
14	Xây dựng điểm tập kết phế thải xây dựng thôn Thái Bình, xã Mai Lâm	DRA	0,10		0,10	Huyện Đông Anh	2021-2025
15	Xây dựng điểm tập kết phế thải xây dựng thôn Mai Hiền, xã Mai Lâm	DRA	0,50		0,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
16	Xây dựng điểm tập kết rác thải sinh hoạt thôn Du Ngoại, xã Mai Lâm	DRA	0,03		0,03	Huyện Đông Anh	2021-2025
17	XD khu tập kết phế thải VLXD tại khu vực phía bắc thôn Cổ Dương	DRA	0,10		0,10	Huyện Đông Anh	2021-2025
18	XD khu tập kết phế thải VLXD khu vực phía bắc thôn Lễ Pháp	DRA	0,20		0,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
19	XD khu tập kết phế thải VLXD tại xứ đồng phía tây xóm Bãi thôn Lương Nỗ	DRA	0,05		0,05	Huyện Đông Anh	2021-2025
20	Xây dựng bãi tập kết rác thải sinh hoạt và bãi vật liệu, phế thải xây dựng tại khu xứ đồng Khản thôn Tiên Kha	DRA	0,37		0,37	Huyện Đông Anh	2021-2025
21	Xây dựng bãi tập kết rác thải sinh hoạt khu vực đội 4 thôn Trung	DRA	0,04		0,04	Huyện Đông Anh	2021-2025
22	Xây dựng bãi tập kết rác thải sinh hoạt vực xóm Cờ thôn Trung Oai	DRA	0,04		0,04	Huyện Đông Anh	2021-2025

23	XD khu tập kết phế thải VLXD tại khu xứ đồng Độc Con Phượng thôn Trung Oai	DRA	0,10		0,10	Huyện Đông Anh	2021-2025
24	Xây dựng bãi tập kết chất thải rắn sinh hoạt và phế thải xây dựng tại khu xứ đồng Hàn Xi thôn Tuân Lễ (phía đông nam trạm BA 160 KV)	DRA	0,18		0,18	Huyện Đông Anh	2021-2025
25	Xây dựng khu tập kết và xử lý rác thải tại thôn Cổ Châu, xã Vân Hà	DRA	0,01		0,01	Huyện Đông Anh	2021-2025
26	Xây dựng khu tập kết và xử lý rác thải tại thôn Hà Khê, xã Vân Hà	DRA	0,01		0,01	Huyện Đông Anh	2021-2025
27	Xây dựng khu tập kết và xử lý rác thải tại thôn Thiết Bình xã Vân Hà	DRA	0,01		0,01	Huyện Đông Anh	2021-2025
28	Xây dựng khu tập kết và xử lý rác thải tại thôn Thiết Úng, xã Vân	DRA	0,01		0,01	Huyện Đông Anh	2021-2025
29	Xây dựng khu tập kết và xử lý rác thải tại thôn Vân Diêm, xã Vân	DRA	0,01		0,01	Huyện Đông Anh	2021-2025
30	Xây dựng bãi tập kết phế thải xây dựng thôn Hà Khê, xã Vân Hà	DRA	0,50		0,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
31	Xây dựng bãi tập kết phế thải xây dựng thôn Thiết Úng, xã Vân Hà	DRA	0,50		0,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
32	Xây dựng bãi tập kết phế thải xây dựng thôn Lương Quán, xã Việt Hùng	DRA	0,07		0,07	Huyện Đông Anh	2021-2025
33	Xây dựng bãi tập kết phế thải xây dựng thôn Gia Lộc, xã Việt Hùng	DRA	0,14		0,14	Huyện Đông Anh	2021-2025
34	Xây dựng bãi tập kết phế thải xây dựng thôn Trung, xã Việt Hùng	DRA	0,07		0,07	Huyện Đông Anh	2021-2025
35	Xây dựng bãi tập kết phế thải xây dựng thôn Đoài, xã Việt Hùng	DRA	0,10		0,10	Huyện Đông Anh	2021-2025
36	Xây dựng bãi tập kết phế thải xây dựng thôn Lỗ Giao, xã Việt Hùng	DRA	0,08		0,08	Huyện Đông Anh	2021-2025
37	Xây dựng điểm tập kết rác thải tại khu đầu cầu thôn Vĩnh Thanh	DRA	0,03		0,03	Huyện Đông Anh	2021-2025
38	XD Bãi tập kết phế thải vật liệu xây dựng; khu thu gom rác thải sinh hoạt xã Võng La, Huyện Đông Anh	DRA	0,40		0,40	Huyện Đông Anh	2021-2025
39	Xây dựng điểm tập kết chất thải rắn thôn Vạn Lộc	DRA	0,40		0,40	Huyện Đông Anh	2021-2025
40	Xây dựng điểm tập kết chất thải rắn thôn Văn Thượng	DRA	1,27		1,27	Huyện Đông Anh	2021-2025
41	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật các điểm tập kết rác trên địa bàn huyện Gia Lâm	DRA	2,50		2,50	Huyện Gia Lâm	2024-2025
42	Trạm trung chuyển rác thải khu Rẻ Sen	DRA	0,11		0,11	Huyện Hoài Đức	2022
43	Điểm trung chuyển rác thải sinh hoạt xã Minh Khai	DRA	0,26		0,26	Huyện Hoài Đức	2022
44	Bãi trung chuyển rác và bãi tập kết vật liệu xây dựng khu lò gạch Thấp Thượng, thôn 7 xã Cát Quế	DRA	0,07		0,07	Huyện Hoài Đức	2023-2024

45	Bãi tập kết rác tổ dân phố: Điểm X1, tổ dân phố số 1; Điểm X2, tổ dân phố số 2; Điểm X3, tổ dân phố số 3; Điểm X4, tổ dân phố số 8; Điểm X5, tổ dân phố số 4.	DRA	0,11		0,11	Huyện Mê Linh	2022
46	Dự án xây dựng bãi phế thải xây dựng tại xã Tiến Thắng, huyện Mê Linh (X11).	DRA	4,25	4,25		Huyện Mê Linh	2022
47	Xây dựng điểm thu gom tập kết rác thải thôn Xa Mạc, thôn Yên Mạc và thôn Bồng Mạc	DRA	0,45	0,45		Huyện Mê Linh	2022
48	Xây dựng 03 điểm thu gom, tập kết rác thải rắn : điểm Đồng Ngự thuộc thôn Thọ Lão và thôn Thanh Diêm; điểm Đồng Dộc Đường thuộc thôn Chu Trần, khu đầu giá và thôn Trung Hà; điểm đất bãi tại thôn Yên Thị, thôn Yên Giáp và thôn Kỳ Đồng, xã Tiến Thịnh, huyện Mê Linh.	DRA	0,12		0,12	Huyện Mê Linh	2022
49	QH điểm tập kết rác (đồng Xóm - thôn 1)	DRA	0,10		0,10	Huyện Mê Linh	2021-2025
50	QH điểm tập kết rác (Bãi trồng dâu - thôn 3+4)	DRA	0,20		0,20	Huyện Mê Linh	2021-2025
51	QH 7 điểm tập kết chung chuyển rác thải	DRA	0,21		0,21	Huyện Mê Linh	2021-2025
52	QH 3 điểm tập kết chung chuyển rác thải (thôn Hoàng Kim, Tây Xá)	DRA	0,11		0,11	Huyện Mê Linh	2021-2025
53	Điểm thu gom rác thải (phía Bắc thôn Đồng)	DRA	0,05		0,05	Huyện Mê Linh	2021-2025
54	Điểm thu gom rác thải tổ 1,2,3 thôn Gia Lạc	DRA	0,05		0,05	Huyện Mê Linh	2021-2025
55	Điểm thu gom rác thải tổ 9, 10 thôn Gia Lạc	DRA	0,05		0,05	Huyện Mê Linh	2021-2025
56	Điểm thu gom rác thải tổ 6,7 (thôn Gia Trung)	DRA	0,05		0,05	Huyện Mê Linh	2021-2025
57	Điểm tập kết rác tổ dân phố: Điểm X1, tổ DP số 1; Điểm X2, tổ DP số 2; Điểm X3, tổ DP số 3; Điểm X4, tổ DP số 8; Điểm X5, tổ DP số 4.	DRA	0,11		0,11	Huyện Mê Linh	2021-2025
58	QH điểm tập kết rác	DRA	0,03		0,03	Huyện Mê Linh	2021-2025
59	QH điểm tập kết rác (khu đồng Chuôm Bắc)	DRA	0,04		0,04	Huyện Mê Linh	2021-2025
60	QH điểm tập kết rác T.Bồng Mạc	DRA	0,03		0,03	Huyện Mê Linh	2021-2025
61	Điểm trung chuyển rác thải thôn Yên Thị	DRA	0,05		0,05	Huyện Mê Linh	2021-2025
62	Điểm tập kết rác (phía đông nam thôn Trung Xuân)	DRA	0,52		0,52	Huyện Mê Linh	2021-2025
63	QH Trạm xử lý nước thải (đồng phía nam thôn Cẩm Vân)	DRA	0,06		0,06	Huyện Mê Linh	2021-2025

64	QH điểm tập trung rác - gần khu đất Dự án công ty Hùng Việt	DRA	0,55		0,55	Huyện Mê Linh	2021-2025
65	QH điểm tập trung rác - Khu đồng Ngang Trũng Dưới thôn Khê Ngoại	DRA	0,25		0,25	Huyện Mê Linh	2021-2025
66	Điểm rác thải tổ 4, 5	DRA	0,05		0,05	Huyện Mê Linh	2021-2025
67	Điểm rác thải tổ 11	DRA	0,05		0,05	Huyện Mê Linh	2021-2025
68	Điểm trung chuyển rác thải thôn Khê Ngoại II	DRA	0,10		0,10	Huyện Mê Linh	2021-2025
69	Điểm trung chuyển rác thải thôn Văn Quán I	DRA	0,05		0,05	Huyện Mê Linh	2021-2025
70	Điểm trung chuyển rác thải sinh hoạt (07 điểm), xã Tiên Phong	DRA	0,21	0,21		Huyện Mê Linh	2021-2025
71	QH điểm tập kết rác (phía Bắc thôn Nam Cường)	DRA	0,08		0,08	Huyện Mê Linh	2021-2025
72	QH điểm tập kết rác (thôn Văn Lôi)	DRA	0,30		0,30	Huyện Mê Linh	2021-2025
73	Bãi chu chuyển rác xứ đồng trũng Phạm	DRA	0,04	0,04		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
74	Điểm tập kết chất thải rắn	DRA	0,03	0,03		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
75	Trạm xử lý nước thải thôn Hoàn	DRA	0,17	0,17		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
76	Trạm xử lý nước thải thôn Đồng Mít	DRA	0,16	0,16		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
77	Điểm trung chuyển rác thải khu vực Đồng Bàu	DRA	0,20	0,20		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
78	Trạm xử lý nước thải	DRA	0,10	0,10		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
79	Bãi rác chung chuyển	DRA	0,25	0,25		Huyện Mỹ Đức	2022
80	Điểm tập kết chất thải rắn	DRA	0,26	0,26		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
81	Bãi trung chuyển chất thải rắn	DRA	0,30	0,30		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
82	Khu xử lý nước thải sinh hoạt	DRA	0,20	0,20		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
83	QH điểm trung chuyển rác thải	DRA	0,20	0,20		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
84	QH khu tập kết bãi chất thải rắn	DRA	0,10	0,10		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
85	Mở rộng bãi Rác	DRA	0,25	0,25		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
86	Bãi chôn lấp chất thải thôn Tảo Khê	DRA	0,18	0,18		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
87	Điểm trung chuyển rác thải thôn Kinh Đào	DRA	0,43	0,43		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
88	Bãi chôn lấp chất thải thôn Đoan Nữ	DRA	0,58	0,58		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
89	Điểm tập kết chất thải rắn thôn Đoan Nữ	DRA	0,30	0,30		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
90	Điểm trung chuyển rác thải	DRA	0,10	0,10		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
91	Điểm tập kết chất thải rắn	DRA	0,30	0,30		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
92	Trạm xử lý nước thải Đức Thụ	DRA	0,20	0,20		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
93	Bãi trung chuyển rác xứ đồng Phú	DRA	0,23	0,23		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
94	Bãi xử lý chất thải rắn	DRA	0,48	0,48		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
95	Dự án xử lý nước thải Làng Nghề xã Phùng Xá	DRA	0,36	0,36		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
96	Bãi đổ chất thải rắn	DRA	0,25	0,25		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
97	Bãi trung chuyển rác thải	DRA	0,45	0,45		Huyện Mỹ Đức	2021
98	Bãi trung chuyển rác thải	DRA	0,30	0,30		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
99	Bãi tập kết rác thải rắn Vạn Phúc	DRA	0,10	0,10		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
100	Bãi tập kết rác thải rắn Kim Bôi	DRA	0,20	0,20		Huyện Mỹ Đức	2022-2025

101	Điểm trung chuyển rác thải Vạn Phúc	DRA	0,05	0,05		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
102	Bãi trung chuyển rác	DRA	0,07	0,07		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
103	Điểm tập kết chất thải vật liệu xây dựng	DRA	0,20	0,20		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
104	Mở rộng bãi rác Mả Mê	DRA	0,18	0,18		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
105	Bãi rác Xó Mả	DRA	0,60	0,60		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
106	Quy hoạch mới điểm xử lý rác	DRA	1,38	1,38		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
107	Quy hoạch điểm tập kết rác	DRA	0,20	0,20		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
108	Quy hoạch mới điểm xử lý nước thải	DRA	0,20	0,20		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
109	Quy hoạch mới điểm xử lý nước thải	DRA	0,20	0,20		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
110	Quy hoạch mới điểm xử lý nước thải	DRA	0,20	0,20		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
111	Điểm trung chuyển rác thôn Đông Bình	DRA	0,07	0,07		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
112	Điểm trung chuyển rác thôn Trung Hòa	DRA	0,05	0,05		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
113	Bãi tập kết chất thải rắn	DRA	0,65	0,65		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
114	Điểm tập kết rác thôn Vạn Thắng	DRA	0,20	0,20		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
115	Bãi xử lý chất thải rắn	DRA	1,10	1,10		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
116	Bãi tập kết rác thải thôn Vài Mới	DRA	0,20	0,20		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
117	Khu xử lý rác thải của huyện	DRA	11,00	11,00		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
118	Bãi rác thải	DRA	0,10	0,10		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
119	Bãi chôn lấp rác thải rắn	DRA	3,00	3,00		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
120	Bãi rác thải cụm Nam Hưng + Thanh Hà	DRA	0,10	0,10		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
121	Dự án dân sinh bức xúc: Bãi tập kết rác thải xã Vạn Kim; điểm tập kết chất thải rắn thôn Kim Bôi; điểm tập kết chất thải rắn thôn Vạn Phúc	DRA	1,40	1,40		Huyện Mỹ Đức	2022
122	Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt công suất 500 tấn/ngày	DRA	20,00		20,00	Huyện Phú Xuyên	2022
123	QH bãi rác thôn Hòa Thượng	DRA	0,03		0,03	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
124	QH bãi rác thôn Tạ Xá và Văn Hội tại khu vực Lò Gạch (thôn Tạ Xá)	DRA	0,04		0,04	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
125	QH bãi rác thôn Thượng	DRA	0,05		0,05	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
126	QH bãi rác thôn Tân Độ	DRA	0,04		0,04	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
127	QH bãi rác tại thôn Mai Trang, Thần Quy	DRA	0,07		0,07	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
128	Điểm tập kết rác thôn Nam Quất	DRA	0,04		0,04	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
129	QH bãi rác tại thôn Khả Liễu	DRA	0,04		0,04	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
130	QH bãi rác thôn Đồng Tiến	DRA	0,08		0,08	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
131	Khu chứa rác thải tập trung xã Đông Xuân, huyện Quốc Oai	DRA	0,30		0,30	Huyện Quốc Oai	2021-2025
132	Bãi tập kết rác Thắng Đầu	DRA	0,10		0,10	Huyện Quốc Oai	2021-2025
133	Bãi tập kết rác Bạch Thạch	DRA	0,10		0,10	Huyện Quốc Oai	2021-2025
134	Khu xử lý nước thải (thị trấn sinh thái)	DRA	0,80		0,80	Huyện Quốc Oai	2021-2025

135	Bãi rác Sài Sơn	DRA	0,20		0,20	Huyện Quốc Oai	2021-2025
136	Di dân vùng ảnh hưởng môi trường (bán kính 500m từ Khu XLCT Sóc Sơn) kết hợp trồng cây xanh tạo hành lang cách ly	DRA	396,41	74,00	322,41	Huyện Sóc Sơn	2022
137	Mở rộng Khu LHXLCST Sóc Sơn giai đoạn II	DRA	73,73	73,00	0,73	Huyện Sóc Sơn	2022
138	Bồi thường hỗ trợ tái định cư theo quy hoạch khu đất xen kẹt, cát xén tại các xã Nam Sơn, Bắc Sơn phục vụ triển khai khu LHXLCST Sóc Sơn	DRA	13,22	13,12	0,10	Huyện Sóc Sơn	2022
139	Dự án thu hồi đất nhỏ lẻ, cắt xén, xen kẹt nằm ngoài chỉ giới GPMB dự án xây dựng KLHXLCST Sóc Sơn giai đoạn II	DRA	1,59	0,50	1,09	Huyện Sóc Sơn	2022
140	Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý tiêu thoát nước thải làng nghề xã Hương Ngải	DRA	2,40		2,40	Huyện Thạch Thất	2023-2025
141	Xây dựng, cải tạo điểm tập kết rác thải các xã Tiến Xuân, Yên Bình, Yên Trung	DRA	0,50	0,04	0,46	Huyện Thạch Thất	2022
142	Xây dựng, cải tạo điểm tập kết rác thải tạm thời các xã Đồng Trúc, Cẩm Yên, Phú Kim, khu Giang Nổi Phùng xá,	DRA	2,95	0,43	2,52	Huyện Thạch Thất	2021-2025
143	Nhà máy xử lý nước thải Yên Xá	DRA	13,00		13,00	Huyện Thanh Trì	2024-2025
144	Điểm trung chuyển, tái chế chất thải rắn xây dựng bằng phương pháp nghiền	DRA	5,90		5,90	Huyện Thường Tín	2022-2025
145	Bãi phế thải thoát nước thải nước X16A	DRA	7,20		7,20	Huyện Thường Tín	2022-2025
146	Bãi phế thải thoát nước tại xã Thống Nhất (X16C)	DRA	5,70		5,70	Huyện Thường Tín	2022-2025
147	Xây dựng điểm tập kết và trung chuyển rác thải sinh hoạt xã Liên Phương, Hà Hồi	DRA	2,10		2,10	Huyện Thường Tín	2022-2025
148	Xây dựng Trạm xử lý nước thải Thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, TP. Hà Nội	DRA	0,14		0,14	Huyện Thường Tín	2021
149	Trạm trung chuyển tạm thời và hệ thống tái chế chất thải rắn xây dựng bằng phương pháp nghiền tại xã Chương Dương, huyện Thường Tín	DRA	4,38		4,38	Huyện Thường Tín	2022
150	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung tại cụm công nghiệp Vạn Diêm, huyện Thường Tín	DRA	0,05		0,05	Huyện Thường Tín	2021
151	Điểm trung chuyển rác thôn Phí Trạch	DRA	0,05		0,05	Huyện Ứng Hòa	2023-2025
152	Điểm trung chuyển rác thôn Ngọc Động	DRA	0,05		0,05	Huyện Ứng Hòa	2023-2025

153	Xây dựng mở rộng hệ thống thu gom nước thải (giai đoạn 2) thuộc dự án Nhà máy xử lý nước thải hồ Tây theo hình thức hợp đồng BT	DRA	0,04		0,04	Quận Cầu Giấy	2023-2025
154	Vùng ảnh hưởng môi trường bán kính 500 m của Khu xử lý chất thải Xuân Sơn	DRA	83,78	77,12	6,66	Thị xã Sơn Tây	2022
155	Xây dựng điểm tập kết trung chuyển rác thải tại các thôn xã Thanh Mỹ	DRA	0,10		0,10	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
156	Xây dựng điểm tập kết trung chuyển rác thải, xã Cổ Đông	DRA	0,10		0,10	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
157	Đất phụ vụ xử lý môi trường trên địa bàn huyện Sóc Sơn	DRA	40,00		40,00	Huyện Sóc Sơn	2023-2025
B.18	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH					
1	Trung tâm nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công số 2	DXH	1,10		1,10	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
2	Trung tâm bảo trợ xã hội số 2 Hà Nội	DXH	1,00		1,00	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
B.19	Đất chợ	DCH					
1	Mở rộng chợ Tiên Phong	DCH	0,15		0,15	Huyện Ba Vì	2021
2	Xây dựng chợ dân sinh nông sản, thực phẩm Hữu Văn	DCH	5,00		5,00	Huyện Chương Mỹ	2022
3	Chợ Phú Nam An	DCH	1,00		1,00	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
4	Chợ xã Đồng Phú	DCH	0,63		0,63	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
5	Chợ đầu mối Đông Phương Yên	DCH	3,79		3,79	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
6	Chợ xã mở rộng và XD mới	DCH	3,00		3,00	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
7	Chợ Liên Hà	DCH	0,16		0,16	Huyện Đan Phượng	2022
8	Chợ Trung Châu	DCH	0,22		0,22	Huyện Đan Phượng	2022
9	Chợ nguyên liệu Gỗ Vân Hà	DCH	4,87		4,87	Huyện Đông Anh	2021
10	Quy hoạch chợ Đại Mạch	DCH	0,50		0,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
11	Dự án Chợ dược liệu, công viên hồ điều hòa và dịch vụ	DCH	19,38	19,38		Huyện Gia Lâm	2022
12	Xây dựng chợ tạm tại khu Lò Gạch, thôn Kim Âu, xã Đặng Xá, huyện Gia Lâm (Giai đoạn 1)	DCH	2,36		2,36	Huyện Gia Lâm	2023-2024
13	Chợ Đầu mối NSTH cấp vùng	DCH	155,00		155,00	Huyện Gia Lâm	2024-2025
14	Đầu tư xây dựng Chợ dân sinh Lê Chi	DCH	1,67		1,67	Huyện Gia Lâm	2024-2025
15	Chợ đầu mối nông sản tổng hợp Mê Linh	DCH	23,37		23,37	Huyện Mê Linh	2022
16	Mở rộng chợ Tế Tiêu	DCH	1,76	1,76		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
17	Xây dựng chợ Ao Dừng	DCH	0,09	0,09		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
18	Xây dựng chợ xã Thượng Lâm	DCH	0,20	0,20		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
19	Xây dựng chợ xã Tuy Lai (Bờ Xi)	DCH	0,50	0,50		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
20	Xây dựng Chợ trung tâm xã Phúc Lâm	DCH	2,16	2,16		Huyện Mỹ Đức	2022
21	Xây dựng chợ xã Mỹ Thành giai đoạn 2	DCH	0,46	0,46		Huyện Mỹ Đức	2022
22	Mở rộng chợ An Mỹ	DCH	0,14	0,14		Huyện Mỹ Đức	2022
23	Xây dựng chợ xã Hồng Sơn	DCH	0,36	0,36		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
24	Xây dựng chợ xã Phù Lưu Tế	DCH	0,67	0,67		Huyện Mỹ Đức	2022
25	Xây dựng chợ Vạn Phúc	DCH	0,21	0,21		Huyện Mỹ Đức	2022-2025

26	Xây dựng chợ Kim Bôi	DCH	0,71	0,71		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
27	Xây dựng chợ xã Đốc Tín	DCH	0,21	0,21		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
28	Mở rộng chợ xã Hương Sơn	DCH	0,58	0,58		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
29	Xây dựng chợ xã An Tiến	DCH	0,63	0,63		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
30	Xây dựng chợ La Đồng	DCH	0,40	0,40		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
31	Xây dựng chợ đầu mối nông sản Hợp Thanh	DCH	0,50	0,50		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
32	Chợ An Phú	DCH	0,50	0,50		Huyện Mỹ Đức	2022
33	Chợ Đầu mối NSTH cấp vùng	DCH	30,00		30,00	Huyện Phú Xuyên	2022
34	Đấu giá QSD đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng chợ Đồng Quan	DCH	1,40		1,40	Huyện Phú Xuyên	2022
35	Xây dựng Chợ nông sản Hồng Thái	DCH	0,80		0,80	Huyện Phú Xuyên	2022
36	Xây dựng Chợ Sơn Hà	DCH	0,25		0,25	Huyện Phú Xuyên	2022
37	Xây dựng Chợ Cổ Trai xã Đại Xuyên	DCH	0,47		0,47	Huyện Phú Xuyên	2022
38	Xây dựng Chợ Xuân La, Phương Dục	DCH	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2022
39	Xây dựng Chợ Đại Thắng	DCH	0,30		0,30	Huyện Phú Xuyên	2022
40	Xây dựng Chợ Tri Lễ, xã Quang Trung	DCH	0,35		0,35	Huyện Phú Xuyên	2022
41	Xây dựng chợ Duyên Yên	DCH	0,13		0,13	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
42	Chợ Tri Trung	DCH	0,50	0,50		Huyện Phú Xuyên	2021-2025
43	Chợ Chằm	DCH	0,72	0,72		Huyện Phú Xuyên	2021-2025
44	Chợ Guột	DCH	0,50	0,50		Huyện Phú Xuyên	2021-2025
45	Chợ Từ Thuận	DCH	0,50	0,50		Huyện Phú Xuyên	2021-2025
46	Chợ Duyên Trang	DCH	0,10	0,10		Huyện Phú Xuyên	2021-2025
47	Chợ Giát	DCH	0,15	0,15		Huyện Phú Xuyên	2021-2025
48	Chợ Phúc Lâm	DCH	0,17	0,17		Huyện Phú Xuyên	2021-2025
49	Chợ Vực	DCH	0,13	0,13		Huyện Phú Xuyên	2021-2025
50	Xây dựng mới chợ tổng hợp	DCH	10,00		10,00	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
51	Xây dựng mới chợ Thanh Đa	DCH	0,50		0,50	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
52	Xây dựng mới chợ Vân Hà	DCH	0,25		0,25	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
53	Xây dựng mới chợ Vân Nam	DCH	0,63		0,63	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
54	Xây dựng mới chợ Xuân Phú	DCH	1,00		1,00	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
55	Xây dựng chợ đầu mối nông sản cấp vùng	DCH	12,00		12,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
56	Chợ đầu mối hàng nông nghiệp nông thôn (OCOP) thị trấn sinh thái	DCH	9,80		9,80	Huyện Quốc Oai	2021-2025
57	Xây dựng chợ Bạch Thạch-Hòa Thạch	DCH	0,30		0,30	Huyện Quốc Oai	2021-2025
58	Mở rộng chợ Long Phú-Hòa Thạch	DCH	0,50		0,50	Huyện Quốc Oai	2021-2025
59	Xây mới chợ Bương xã Cấn Hữu	DCH	1,25		1,25	Huyện Quốc Oai	2021-2025
60	Xây dựng chợ xã Tuyết Nghĩa	DCH	0,46		0,46	Huyện Quốc Oai	2021-2025
61	Xây dựng chợ xã Cộng Hòa	DCH	0,47		0,47	Huyện Quốc Oai	2021-2025
62	Xây dựng chợ xã Đại Thành	DCH	0,30		0,30	Huyện Quốc Oai	2021-2025
63	Xây dựng chợ Liệp Tuyết	DCH	0,30		0,30	Huyện Quốc Oai	2021-2025
64	Xây dựng chợ xã Ngọc Liệp	DCH	0,60		0,60	Huyện Quốc Oai	2021-2025
65	Xây dựng chợ thôn Ngọc Than-Ngọc Mỹ	DCH	0,35		0,35	Huyện Quốc Oai	2021-2025

66	XD chợ xã Thạch Thán	DCH	0,30		0,30	Huyện Quốc Oai	2021-2025
67	Chợ Trung tâm xã Yên Sơn	DCH	0,28		0,28	Huyện Quốc Oai	2021-2025
68	Xây dựng chợ xã Phương Cách	DCH	0,30		0,30	Huyện Quốc Oai	2021-2025
69	Mở rộng chợ Thầy	DCH	1,45	0,45	1,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
70	Chợ Phú Cát	DCH	0,30		0,30	Huyện Quốc Oai	2021-2025
71	Xây dựng Chợ Phủ Quốc Oai	DCH	0,50		0,50	Huyện Quốc Oai	2021-2025
72	Chợ nông thôn xã Kim Lũ	DCH	0,30		0,30	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
73	Chợ nông thôn xã Việt Long	DCH	0,84		0,84	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
74	Chợ nông thôn xã Bắc Sơn	DCH	0,35		0,35	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
75	Chợ nông thôn xã Xuân Thu	DCH	0,30		0,30	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
76	Chợ nông thôn xã Đức Hòa	DCH	1,43		1,43	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
77	Chợ nông thôn xã Tân Hưng	DCH	0,35		0,35	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
78	Chợ nông thôn xã Nam Sơn	DCH	0,50		0,50	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
79	XD chợ nông thôn xã Cẩm Yên	DCH	0,50		0,50	Huyện Thạch Thất	2021-2025
80	Xây dựng, cải tạo, mở rộng chợ nông thôn xã Đồng Trúc	DCH	0,31	0,06	0,25	Huyện Thạch Thất	2022-2023
81	Mở rộng, xây dựng chợ nông thôn xã Lại Thượng	DCH	0,37	0,08	0,29	Huyện Thạch Thất	2022
82	Dịch chuyển, xây dựng điểm chợ nông thôn xã Canh Nậu (theo quy hoạch NTM)	DCH	0,50		0,50	Huyện Thạch Thất	2023-2024
83	Dịch chuyển, xây dựng chợ Nông thôn xã Dị Nậu (theo quy hoạch NTM)	DCH	0,30		0,30	Huyện Thạch Thất	2022
84	Chợ Bình Phú	DCH	0,59		0,59	Huyện Thạch Thất	2023
85	Xây dựng điểm chợ Bùng xã Phùng Xá	DCH	0,68		0,68	Huyện Thạch Thất	2022
86	XD chợ Làng Vĩnh điểm Đồng Vàng	DCH	0,67		0,67	Huyện Thạch Thất	2021-2025
87	Chợ Cầu Chùa	DCH	0,70		0,70	Huyện Thạch Thất	2021-2025
88	Xây dựng chợ nông thôn xã Cần Kiệm	DCH	0,50		0,50	Huyện Thạch Thất	2024-2025
89	Xây dựng chợ Hòa Lạc xã Bình Yên	DCH	0,50		0,50	Huyện Thạch Thất	2024-2025
90	Xây dựng điểm chợ nông thôn xã Tân Xã	DCH	0,41		0,41	Huyện Thạch Thất	2022-2023
91	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng điểm chợ Nông thôn xã Yên Trung	DCH	0,70	0,09	0,61	Huyện Thạch Thất	2024-2025
92	Mở rộng chợ xã Kim Quan	DCH	0,17	0,09	0,08	Huyện Thạch Thất	2021-2025
93	Chợ Hòa Lạc	DCH	0,50		0,50	Huyện Thạch Thất	2021-2025
94	Xây dựng điểm chợ nông thôn xã Hữu Bằng	DCH	0,50		0,50	Huyện Thạch Thất	2021-2025
95	Xây dựng điểm chợ Hòa Lạc	DCH	0,50		0,50	Huyện Thạch Thất	2021-2025
96	Xây dựng chợ , bãi đỗ xe xã Đại đồng	DCH	0,20		0,20	Huyện Thạch Thất	2021-2025
97	Xây dựng điểm chợ nông thôn xã Hạ Bằng (chợ Roi)	DCH	0,50		0,50	Huyện Thạch Thất	2021-2025
98	Chợ Chàng Sơn	DCH	0,40		0,40	Huyện Thạch Thất	2021-2025
99	Xây dựng chợ nông thôn xã Thạch Xá	DCH	0,50		0,50	Huyện Thạch Thất	2021-2025
100	Xây dựng, mở rộng chợ trung tâm xã Thanh Cao	DCH	0,56		0,56	Huyện Thanh Oai	2021-2022
101	Chợ Văn Quán	DCH	0,40		0,40	Hà Nội	2021-2022

102	Chợ xã Thanh Thủy	DCH	0,55		0,55	Huyện Thanh Oai	2021-2025
103	Chợ Triều Khúc (ô đất E5/CC1 theo QH H2-3)	DCH	0,70		0,70	Huyện Thanh Trì	2021-2025
104	Chợ Siêu Quần	DCH	0,30		0,30	Huyện Thanh Trì	2021-2025
105	Chợ tập kết, trung chuyển và bán buôn nông sản xã Tứ Hiệp	DCH	6,60		6,60	Huyện Thanh Trì	2021-2025
106	Chợ Phú Diễn	DCH	0,50		0,50	Huyện Thanh Trì	2021-2025
107	Chợ Thượng Phúc	DCH	0,50		0,50	Huyện Thanh Trì	2021-2025
108	Chợ Huỳnh Cung	DCH	0,50		0,50	Huyện Thanh Trì	2021-2025
109	Chợ Đại Áng	DCH	0,50		0,50	Huyện Thanh Trì	2021-2025
110	Chợ Nội Am	DCH	0,70		0,70	Huyện Thanh Trì	2021-2025
111	Chợ Nhị Châu	DCH	0,50		0,50	Huyện Thanh Trì	2021-2025
112	Chợ Ngũ Hiệp	DCH	1,00		1,00	Huyện Thanh Trì	2021-2025
113	Chợ Việt Yên	DCH	0,40		0,40	Huyện Thanh Trì	2021-2025
114	Chợ thôn 1, Đông Mỹ	DCH	1,00		1,00	Huyện Thanh Trì	2021-2025
115	Chợ Kê xã Ninh Sở	DCH	0,85		0,85	Huyện Thường Tín	2022-2025
116	Chợ Trát Cầu, xã Tiền Phong	DCH	0,80		0,80	Huyện Thường Tín	2022-2025
117	Đầu giá QSD đất để đầu tư xây dựng chợ Kê, xã Ninh Sở	DCH	0,68		0,68	Huyện Thường Tín	2021
118	Đầu giá QSD đất để đầu tư xây dựng chợ Trát Cầu, xã Tiền	DCH	0,77		0,77	Huyện Thường Tín	2021
119	Chợ đầu mối gia cầm Hà Vĩ	DCH	9,20	1,79	7,41	Huyện Thường Tín	2021-2025
120	Chợ Hòa Bình	DCH	0,40		0,40	Huyện Thường Tín	2021-2025
121	Chợ Giường xã Duyên Thái	DCH	0,56		0,56	Huyện Thường Tín	2021-2025
122	Chợ Ngăm	DCH	0,69		0,69	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
123	Chợ Vân	DCH	0,62		0,62	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
124	Chợ Dầu Mới	DCH	0,39		0,39	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
125	Xây dựng mới chợ Hòa Lâm	DCH	1,00		1,00	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
126	Quy hoạch chợ tại xã Vạn Thái	DCH	1,18		1,18	Huyện Ứng Hòa	2021-2025
127	Chợ dân sinh phường Phúc Diễn	DCH	0,50		0,50	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
128	Chợ dân sinh TDP Ngọa Long-Văn Trì	DCH	0,35		0,35	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
129	Chợ dân sinh TDP Hạ Tây Tựu	DCH	0,59		0,59	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
130	Chợ dân sinh Nguyên Xá	DCH	0,34		0,34	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
131	Chợ Dân sinh Liên Mạc	DCH	1,13		1,13	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
132	Chợ dân sinh phường Xuân Tảo	DCH	0,19		0,19	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
133	Chợ dân sinh phường Đức Thắng	DCH	0,08		0,08	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
134	Xây dựng chợ dân sinh Tây Tựu	DCH	1,98		1,98	Quận Bắc Từ Liêm	2022
135	Xây dựng chợ tổ dân phố Trù II phường Cổ Nhuế 2	DCH	0,30		0,30	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
136	Công trình xã hội hoá khu chợ thương mại thấp tầng (ô đất C3/CC1-1)	DCH	0,20		0,20	Quận Cầu Giấy	2023-2025
137	Đất công cộng đô thị	DCH	0,88		0,88	Quận Cầu Giấy	2023-2025
138	Chợ Yên	DCH	0,60	0,60		Quận Hà Đông	2022-2025
139	Chợ Xóm	DCH	0,35		0,35	Quận Hà Đông	2023-2025
140	Chợ La Cả	DCH	0,29		0,29	Quận Hà Đông	2023-2025
141	Chợ dân sinh phường Hoàng Liệt	DCH	0,49		0,49	Quận Hoàng Mai	2022
142	Xây dựng và quản lý khai thác chợ cá Yên Sở	DCH	0,58		0,58	Quận Hoàng Mai	2022
143	Chợ dân sinh phường Thịnh Liệt (B4/CCDV3)	DCH	0,30		0,30	Quận Hoàng Mai	2021
144	Chợ dân sinh Khuyến Lương	DCH	0,31	0,31		Quận Hoàng Mai	2022

145	Chợ Đức Hòa	DCH	0,30		0,30	Quận Long Biên	2022
146	Đầu tư KD khai thác XD chợ Thượng Cát	DCH	0,25		0,25	Quận Long Biên	2021-2025
147	Dự án chợ dân sinh phường Tây Mỗ	DCH	0,40	0,40		Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
148	Chợ trung tâm Tây Mỗ	DCH	0,30		0,30	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
149	Xây dựng chợ dân sinh phường Xuân Phương	DCH	0,62		0,62	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
150	Cải tạo, nâng cấp chợ hoa Quảng An, phường Quảng An	DCH	0,76		0,76	Quận Tây Hồ	2021-2025
151	Chợ Quảng An	DCH	0,48		0,48	Quận Tây Hồ	2021-2025
152	Chợ Yên Phụ	DCH	0,16		0,16	Quận Tây Hồ	2021-2025
153	Chợ Phú Gia	DCH	0,47		0,47	Quận Tây Hồ	2021-2025
154	Cải tạo, mở rộng chợ tạm Tứ Liên	DCH	0,28		0,28	Quận Tây Hồ	2021-2025
155	Chợ Viên Sơn	DCH	3,80		3,80	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
156	Chợ đầu mối tại khu Dộc Châu, xã Đường Lâm	DCH	5,00		5,00	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
157	Mở rộng diện tích chợ, tại tổ dân phố 6, Trung Sơn Trầm	DCH	0,37		0,37	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
B.20	Đất danh lam thắng cảnh	DDL					
1	Đấu giá cho thuê QSD đất để thực hiện dự án: "Trồng rừng, nâng cao tính đa dạng sinh học kết hợp du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, thể thao và vui chơi giải trí Hồng Sơn Wonderland"	DDL	290,00	#####		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
2	Khu an dưỡng đường	DDL	549,90	#####		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
B.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH					
1	Công trình: ĐTXD Nhà văn hóa thôn Lũng Kênh xã Đức Giang	DSH	0,22		0,22	Huyện Hoài Đức	2022
2	Nhà văn hóa thôn Chàng Trùng xã Dương Liễu	DSH	0,05		0,05	Huyện Hoài Đức	2023-2024
3	Nhà văn hóa thôn Thống Nhất xã Dương Liễu	DSH	0,10		0,10	Huyện Hoài Đức	2023-2024
4	Nhà văn hóa thôn An Bình, xã An Khánh.	DSH	0,15		0,15	Huyện Hoài Đức	2023-2024
5	Nhà văn hóa thôn Thượng xã Sơn Đồng	DSH	0,10		0,10	Huyện Hoài Đức	2023-2024
6	Nhà văn hóa thôn Minh Hiệp 2 xã Minh Khai	DSH	0,15		0,15	Huyện Hoài Đức	2023-2024
7	Đầu tư xây dựng Nhà văn hóa thôn Cao Hạ xã Đức Giang	DSH	0,10		0,10	Huyện Hoài Đức	2023-2024
8	Xây dựng nhà văn hóa thôn 4 xã Lại Yên	DSH	0,23		0,23	Huyện Hoài Đức	2023-2024
9	Nhà văn hóa thôn Minh Khai, xã La Phù	DSH	0,25		0,25	Huyện Hoài Đức	2023-2024
10	Nhà văn hóa thôn Thống Nhất xã La Phù	DSH	0,15		0,15	Huyện Hoài Đức	2023-2024
11	Xây dựng nhà văn hóa kết hợp điểm vui chơi thôn Tiền Phong xã La Phù	DSH	0,25		0,25	Huyện Hoài Đức	2023-2024

12	Điểm sinh hoạt cộng đồng kết hợp vườn hoa khu vui chơi xóm 3 thôn Đồng Nhân xã Đông La	DSH	0,03		0,03	Huyện Hoài Đức	2023-2024
13	Xây dựng nhà văn hoá thôn 3 xã Lại Yên	DSH	0,20		0,20	Huyện Hoài Đức	2023-2024
14	Xây dựng nhà hội hợp cho tổ 1 thôn Nam Quất, sau khi chợ Nam Quất chuyển ra Thanh Quan B lấy từ diện tích của chợ Nam Quất cũ	DSH	0,08		0,08	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
15	Nhà văn hóa thôn Lộc Dư	DSH	0,06		0,06	Huyện Thường Tín	2021
16	Nhà văn hóa thôn Mai Sao	DSH	0,05		0,05	Huyện Thường Tín	2021
17	Nhà văn hóa thôn Thụy Ứng	DSH	0,25		0,25	Huyện Thường Tín	2021
18	Nhà văn hóa thôn Gia Khánh	DSH	0,07		0,07	Huyện Thường Tín	2021
19	Xây dựng NVH thôn Kỳ Dương, NVH khu dân cư số 2	DSH	0,60		0,60	Huyện Thường Tín	2021
20	Nhà văn hóa thôn Khê Hồi	DSH	0,15		0,15	Huyện Thường Tín	2021
21	Xây dựng Nhà sinh hoạt cộng đồng số 2 phường Phúc Xá	DSH	0,01		0,01	Quận Ba Đình	2021-2025
22	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng và sân chơi tại khu đất Tổ 35 Cụm 5. xứ đồng Phán Mai. ngõ 343 phố Đội Cấn. phường Liễu Giai	DSH	0,11		0,11	Quận Ba Đình	2022
23	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng số 1 phường Ngọc Hà	DSH	0,03		0,03	Quận Ba Đình	2022
24	Dự án xây dựng mới Nhà SHCĐ K80D phường Vĩnh Phúc (Ngõ 376 đường Bưởi)	DSH	0,02		0,02	Quận Ba Đình	2021-2025
25	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng địa bàn dân cư số 6.7.8.14 phường Vĩnh Phúc	DSH	0,03		0,03	Quận Ba Đình	2021-2025
26	Xây dựng nhà văn hóa tổ 2 phường Dịch Vọng Hậu (tổ 1	DSH	0,02		0,02	Quận Cầu Giấy	2023-2025
27	Nhà họp, sân chơi tổ dân phố số 8 phường Quan Hoa	DSH	0,05		0,05	Quận Cầu Giấy	2023-2025
28	Nhà họp, sân chơi tổ dân phố số 18A Mai Dịch	DSH	0,01		0,01	Quận Cầu Giấy	2023-2025
29	Cài tạo sân chơi và xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng khu dân cư tập thể Đại học Ngoại Thương phường Láng Thượng	DSH	0,08	0,08		Quận Đống Đa	2021-2025
30	Quỹ đất xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,36		0,36	Quận Đống Đa	2021-2025
31	Nhà họp dân tổ dân phố 6, Phường Phú La	DSH	0,04		0,04	Quận Hà Đông	2021
32	Hội trường họp dân khu dịch vụ II Văn Phú	DSH	0,02		0,02	Quận Hà Đông	2021
33	Nhà văn hóa tổ 2, 3, 17	DSH	0,45		0,45	Quận Hà Đông	2021
34	Nhà Văn hóa, sân thể thao Bắc Lãm 9	DSH	1,30		1,30	Quận Hà Đông	2021

35	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố 6, phường Văn Quán	DSH	0,04		0,04	Quận Hà Đông	2021-2025
36	Nhà sinh hoạt khu dân cư số 1, 2	DSH	0,01		0,01	Quận Hai Bà Trưng	2021
37	Xây dựng Nhà sinh hoạt cộng đồng và lát đá làm hè tại điểm đất xen kẹt còn lại sau giải phóng mặt bằng dự án đường Nguyễn Đình Chiểu kéo dài	DSH	0,02		0,02	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
38	Nhà SHCĐ khu dân cư số 3	DSH	0,00		0,00	Quận Hai Bà Trưng	2021
39	Nhà sinh hoạt cộng đồng tổ dân phố số 1	DSH	0,01		0,01	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
40	Nhà sinh hoạt khu dân cư số 1, 2	DSH	0,01		0,01	Quận Hai Bà Trưng	2021
41	Xây dựng Nhà sinh hoạt cộng đồng và lát đá làm hè tại điểm đất xen kẹt còn lại sau giải phóng mặt bằng dự án đường Nguyễn Đình Chiểu kéo dài	DSH	0,02		0,02	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
42	Nhà SHCĐ khu dân cư số 3	DSH	0,00		0,00	Quận Hai Bà Trưng	2021
43	Nhà sinh hoạt cộng đồng tổ dân phố số 1	DSH	0,01		0,01	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
44	Nhà hội họp khu dân cư số 5+7 phường Tương Mai	DSH	0,02		0,02	Quận Hoàng Mai	2021
45	Nhà hội họp khu dân cư số 5 phường Trần Phú	DSH	0,07		0,07	Quận Hoàng Mai	2022
46	Dự án xây dựng nhà hội họp khu dân cư số 5 phường Hoàng Văn Thụ	DSH	0,01	0,00	0,01	Quận Hoàng Mai	2022
47	Xây dựng Nhà văn hóa tổ dân phố số 6, phường Thạch Bàn, quận Long Biên	DSH	0,05		0,05	Quận Long Biên	2022
48	Xây dựng nhà văn hóa TDP số 3, Mễ Trì Hạ, phường Mễ Trì	DSH	0,08		0,08	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
49	Xây dựng nhà văn hóa TDP số 3, phường Phương Canh	DSH	0,33		0,33	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
50	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố số 1 - Phú Mỹ, phường Mỹ Đình	DSH	0,03		0,03	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
51	Xây dựng nhà văn hóa số 2 tổ dân phố Đình, phường Đại Mỗ	DSH	0,03		0,03	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
52	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Giao Quang, phường Đại Mỗ	DSH	0,03		0,03	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
53	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Liên Cơ, phường Đại Mỗ	DSH	0,02		0,02	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
54	Xây dựng nhà văn hóa số 1 phường Xuân Phương	DSH	0,08		0,08	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
55	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố số 1 phường Trung Văn	DSH	0,20		0,20	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
56	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố số 11,12, 13,14 phường Mỹ Đình 2	DSH	0,10		0,10	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
57	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố số 3 Phú Mỹ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	DSH	0,08		0,08	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025

58	Xây dựng NVH TDP số 5,6 phường Phú Đô	DSH	0,20		0,20	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
59	Xây dựng NVH TDP số 8 phường Xuân Phương	DSH	0,09		0,09	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
60	Xây dựng NVH TDP Miêu Nha 4, Phường Tây Mỗ	DSH	0,20		0,20	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
61	Xây dựng nhà văn hóa TDP số 7 phường Trung Văn.	DSH	0,01		0,01	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
62	Xây dựng nhà văn hóa TDP số 5 Phú Mỹ	DSH	0,04		0,04	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
63	Nhà văn hóa tổ 1,6 Mễ Trì	DSH	0,44		0,44	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
64	Nhà văn hóa TDP Lò	DSH	0,02		0,02	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
65	Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng nhà sinh hoạt khu dân cư số 10, địa chỉ ngõ 282 Thụy Khuê, phường Thụy Khuê	DSH	0,01		0,01	Quận Tây Hồ	2021
66	Xây dựng nhà văn hóa phường Tứ Liên	DSH	1,50		1,50	Quận Tây Hồ	2022
67	Xây dựng nhà sinh hoạt khu dân cư số 7, 8 phường Thụy Khuê	DSH	0,01		0,01	Quận Tây Hồ	2022
68	Xây dựng, cải tạo sửa chữa nhà sinh hoạt cộng đồng và một số sân chơi trên địa bàn các phường thuộc quận Tây Hồ	DSH	0,91		0,91	Quận Tây Hồ	2022
69	Xây dựng Nhà sinh hoạt tổ dân phố số 11, phường Xuân La	DSH	0,02		0,02	Quận Tây Hồ	2021-2025
70	Trung tâm văn hóa và thể thao xã Đường Lâm	DSH	2,01		2,01	Thị xã Sơn Tây	2025
71	Trung tâm văn hóa và thể thao xã Xuân Sơn	DSH	2,43		2,43	Thị xã Sơn Tây	2025
B.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV					
1	Khu vui chơi, công viên cây xanh thôn dài hoa	DKV	2,80		2,80	Huyện Ba Vì	2021
2	Khu vui chơi các thôn	DKV	0,08		0,08	Huyện Ba Vì	2021
3	Khu vui chơi các thôn	DKV	0,16		0,16	Huyện Ba Vì	2021
4	Khuôn viên cây xanh tại khu trung tâm xã	DKV	2,30		2,30	Huyện Ba Vì	2021
5	Khuôn viên cây xanh tại khu trung tâm xã	DKV	1,00		1,00	Huyện Ba Vì	2021
6	Khuôn viên cây xanh tại khu trung tâm xã	DKV	0,40		0,40	Huyện Ba Vì	2021
7	Khuôn viên cây xanh tại khu trung tâm xã	DKV	0,60		0,60	Huyện Ba Vì	2021
8	Dự án Vườn hoa cây xanh trước cửa Trường Tiểu học Liên Trung	DKV	0,10		0,10	Huyện Đan Phượng	2022
9	Dự án Vườn hoa, sân chơi cụm 5 xã Tân Hội	DKV	0,07		0,07	Huyện Đan Phượng	2022
10	Dự án Vườn hoa, sân chơi cụm 3, 4 xã Tân Hội	DKV	0,44		0,44	Huyện Đan Phượng	2022
11	Dự án Vườn hoa, sân chơi cụm 7, 8 xã Tân Hội	DKV	0,50		0,50	Huyện Đan Phượng	2022

12	Dự án Vườn hoa, sân chơi cụm 1, 2 xã Tân Hội	DKV	0,50		0,50	Huyện Đan Phượng	2022
13	Vườn hoa ngõ 62 phố Thụy Ứng, thị trấn Phùng	DKV	0,02		0,02	Huyện Đan Phượng	2022
14	Khu vui chơi thể thao kết hợp vườn hoa cây xanh Miền Đông xã Thượng Mỗ	DKV	0,37		0,37	Huyện Đan Phượng	2022
15	Vườn hoa trung tâm khu Cửa Liều, xã Hạ Mỗ	DKV	1,00		1,00	Huyện Đan Phượng	2022
16	Vườn hoa Sân chơi Hùng Đông, xã Đan Phượng	DKV	0,48		0,48	Huyện Đan Phượng	2022
17	Vườn hoa đầu giá khu Cây Sung Trong xã Song Phượng	DKV	0,36		0,36	Huyện Đan Phượng	2022
18	Sân chơi, vườn hoa thôn La Thạch	DKV	0,45		0,45	Huyện Đan Phượng	2022
19	Sân chơi, vườn hoa thôn La Thạch	DKV	3,30		3,30	Huyện Đan Phượng	2023-2024
20	Sân chơi, vườn hoa thôn Dịch Trong	DKV	0,20		0,20	Huyện Đan Phượng	2023-2024
21	Vườn hoa cụm 1 xã Thọ Xuân	DKV	0,04		0,04	Huyện Đan Phượng	2023-2024
22	Vườn hoa cụm 2 xã Thọ Xuân	DKV	0,02		0,02	Huyện Đan Phượng	2023-2024
23	Vườn hoa cụm 3 xã Thọ Xuân	DKV	0,05		0,05	Huyện Đan Phượng	2023-2024
24	Vườn hoa kết hợp khu vui chơi thể thao thôn Chiến Thắng xã Thọ Xuân	DKV	0,56		0,56	Huyện Đan Phượng	2023-2024
25	Sân chơi, vườn hoa khu Chăm Trong xã Hồng Hà	DKV	0,35		0,35	Huyện Đan Phượng	2023-2024
26	Sân chơi, vườn hoa thôn Bồng Lai xã Hồng Hà	DKV	0,25		0,25	Huyện Đan Phượng	2023-2024
27	Sân chơi, vườn hoa khu Chăm Ngoài xã Hồng Hà	DKV	0,53		0,53	Huyện Đan Phượng	2023-2024
28	Sân chơi, vườn hoa khu trạm bơm Tiên Tân xã Hồng Hà	DKV	0,39		0,39	Huyện Đan Phượng	2023-2024
29	Sân chơi, vườn hoa thôn Thượng Thôn xã Liên Hà	DKV	0,10		0,10	Huyện Đan Phượng	2023-2024
30	Công viên cây xanh, sân chơi xã Liên Trung	DKV	0,35		0,35	Huyện Đan Phượng	2023-2024
31	Trung tâm sinh hoạt văn hóa, công viên phía nam xã Liên Trung	DKV	3,00		3,00	Huyện Đan Phượng	2023-2024
32	Sân chơi, vườn hoa thôn Đan Hội xã Tân Lập	DKV	0,01		0,01	Huyện Đan Phượng	2024-2025
33	Vườn hoa, sân chơi, ao môi trường xã Tân Lập	DKV	0,69		0,69	Huyện Đan Phượng	2024-2025
34	Sân chơi, vườn hoa khu tái định cư đường Hoàng Quốc Việt kéo dài xã Tân Lập	DKV	0,15		0,15	Huyện Đan Phượng	2024-2025
35	Khu vui chơi, cây xanh cụm 6 (đạn đường cầu kênh) xã Tân Lập	DKV	0,08		0,08	Huyện Đan Phượng	2024-2025
36	Hoàn thiện hạ tầng vườn hoa, sân chơi 2-3 xã Tân Lập	DKV	0,03		0,03	Huyện Đan Phượng	2024-2025
37	Sân chơi, vườn hoa cụm 1 xã Tân Lập	DKV	0,08		0,08	Huyện Đan Phượng	2024-2025
38	Sân chơi, vườn hoa cụm 13 xã Tân Lập	DKV	0,12		0,12	Huyện Đan Phượng	2024-2025

39	Vườn hoa, sân chơi cụm 4,5,6 xã Tân Lập	DKV	0,24		0,24	Huyện Đan Phượng	2024-2025
40	Vườn hoa, sân chơi cụm 5 xã Hạ Mỗ	DKV	0,33		0,33	Huyện Đan Phượng	2024-2025
41	Khu vui chơi, cây xanh cụm 1, 2 xã Hạ Mỗ	DKV	1,20		1,20	Huyện Đan Phượng	2024-2025
42	Trồng cây xanh, vườn hoa, bãi đỗ xe, tiểu công viên phía Đông làng Mai Châu, xã Đại Mạch	DKV	1,90		1,90	Huyện Đông Anh	2021-2025
43	Xây dựng các khu cây xanh, điểm đỗ xe: phía đông giáp quốc lộ 3 thôn Thạc Quả; phía Đông thôn Đồng Dầu; phía Bắc thôn Ngọc Lôi	DKV	0,48		0,48	Huyện Đông Anh	2021-2025
44	Xây dựng khu cây xanh sinh thái, vui chơi giải trí tại xã Dục Tú, huyện Đông Anh	DKV	175,00		175,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
45	Khu công viên cây xanh, bãi đỗ xe Cảnh trường TH và Mầm non thôn Cổ Điền; khuôn viên trước nhà Văn hóa thôn Cổ Điền, xã Hải	DKV	0,60		0,60	Huyện Đông Anh	2021-2025
46	Trồng cây xanh và kè ao khu Đồng Vườn thôn Yên Hà, xã Hải Bối	DKV	1,10		1,10	Huyện Đông Anh	2021-2025
47	Khu đất cây xanh TDTT thuộc khu nhà ở công nhân khu công nghiệp Bắc Thăng Long tại xã Kim Chung, huyện Đông Anh	DKV	2,50		2,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
48	Xây dựng hạ tầng cải tạo, kè ao Cỏ kết hợp trồng cây xanh số 2 và tiểu công viên thôn Đại Vĩ, xã Liên Hà	DKV	2,54	1,90	0,64	Huyện Đông Anh	2021-2025
49	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật cải tạo kè ao Trại kết hợp trồng cây xanh thôn Giao Tác, xã Liên Hà	DKV	1,14	0,86	0,28	Huyện Đông Anh	2021-2025
50	Đầu tư xây dựng Hạ tầng cây xanh kết hợp tiểu công viên các thôn: số 1 Hà Lỗ, số 1 Hà Hương; số 1 Thù Lỗ; số 2 Châu Phong; số 3 thôn Lỗ Khê; số 2, 3 thôn Giao Tác; phía trước trường mầm non Hoa Mai thôn Giao Tác, xã Liên Hà	DKV	13,35		13,35	Huyện Đông Anh	2021-2025
51	Xây dựng cây xanh sinh thái và hành lang tuyến điện ký hiệu III-C CL1	DKV	1,38		1,38	Huyện Đông Anh	2021
52	Xây dựng cây xanh sinh thái và hành lang tuyến điện ký hiệu VI-G CL2	DKV	1,29		1,29	Huyện Đông Anh	2021
53	Xây dựng công viên cây xanh thôn Đông xã Tàm Xá	DKV	0,18		0,18	Huyện Đông Anh	2021-2025

54	Đầu tư xây dựng khu Cây xanh các: khu giãn dân thôn Mạnh Tân; gần nhà văn hóa thôn Mạnh Tân; Biều Khê; (Phía Tây) thôn Đào Thục; thôn Cổ Miếu; Hà Lâm 1, xã Thụy Lâm	DKV	3,29		3,29	Huyện Đông Anh	2021-2025
55	Xây dựng bãi đỗ xe tĩnh và công viên mini tại xứ Đồng Cao thôn Cổ Dương	DKV	0,02		0,02	Huyện Đông Anh	2021-2025
56	Xây dựng khu cây xanh, TDTT kết hợp công cộng đô thị	DKV	84,74		84,74	Huyện Đông Anh	2021-2025
57	Xây dựng khu công viên cây xanh, hồ điều hòa giáp phía Đông Bắc thôn Lương Nỗ, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh	DKV	27,00		27,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
58	Xây dựng công viên cây xanh phía đông nhà văn hoá thôn Lễ Pháp	DKV	0,32		0,32	Huyện Đông Anh	2021-2025
59	Xây dựng tiểu công viên và điểm vui chơi sinh hoạt cộng đồng tại thôn Đài Bi, xã Uy Nỗ	DKV	0,91		0,91	Huyện Đông Anh	2021
60	Xây dựng khu vui chơi, dải cây xanh khu Cổng Cỗ, thôn Cổ Châu	DKV	0,05		0,05	Huyện Đông Anh	2021-2025
61	Xây dựng điểm vui chơi công cộng kết hợp cây xanh sau làng thôn Thiết Ứng, xã Vân Hà	DKV	0,17		0,17	Huyện Đông Anh	2021-2025
62	Xây dựng khu vui chơi công cộng thôn Vân Diêm, xã Vân Hà	DKV	0,39		0,39	Huyện Đông Anh	2021-2025
63	Xây dựng HTKT khu cây xanh phía Bắc xóm Đàm, xã Vân Nội, huyện Đông Anh	DKV	17,00		17,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
64	Trồng cây xanh Bãi Miếu, thôn Đông	DKV	0,70		0,70	Huyện Đông Anh	2021-2025
65	Trồng cây xanh các khu: Cổng Hàu (ma lẻ), thôn Trung; Cổng Hậu, thôn Gia Lộc; Cổng Thượng, thôn Đoài	DKV	1,68		1,68	Huyện Đông Anh	2021-2025
66	Xây dựng tiểu công viên thôn Lỗ Giao	DKV	2,00		2,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
67	Xây dựng tiểu công viên thôn Lương Quán	DKV	0,35		0,35	Huyện Đông Anh	2021-2025
68	Trồng cây xanh kết hợp xây dựng khu vui chơi cụm 2 tại khu vực Giàng Đông, thôn Phương Trạch; cụm 1 tại khu vực Bờ Giếng, thôn Phương Trạch, xã Vĩnh Ngọc	DKV	0,85		0,85	Huyện Đông Anh	2021-2025
69	Trồng cây xanh, tiểu công viên phía Tây Nhà Văn Hóa thôn Vồng La; trước cửa nhà văn hóa thôn Vồng La, xã Vồng La, huyện Đông Anh	DKV	0,90		0,90	Huyện Đông Anh	2021-2025

70	Xây dựng khu cây xanh, TDTT, hồ điều hòa tại xã Uy Nỗ, Việt Hùng, Xuân Nộn, huyện Đông Anh	DKV	106,20		106,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
71	Xây dựng khu cây xanh, dịch vụ sinh thái, vui chơi giải trí Cầu Đôi, Thị trấn Đông Anh	DKV	15,88		15,88	Huyện Đông Anh	2021-2025
72	Xây dựng khu cây xanh sinh thái, vui chơi giải trí (công viên cảm giác mạnh) tại xã Việt Hùng, Liên Hà, Dục Tú, huyện Đông Anh	DKV	241,90		241,90	Huyện Đông Anh	2021-2025
73	Xây dựng khu cây xanh, TDTT, hồ điều hòa tại xã Nguyên Khê, Xuân Nộn, huyện Đông Anh	DKV	23,80		23,80	Huyện Đông Anh	2021-2025
74	Xây dựng khu cây xanh, TDTT, hồ điều hòa tại xã Uy Nỗ, Việt Hùng, huyện Đông Anh	DKV	29,67		29,67	Huyện Đông Anh	2021-2025
75	Xây dựng công viên làng nghề truyền thống	DKV	4,44		4,44	Huyện Đông Anh	2021-2025
76	Dự án GPMB Công viên văn hóa Kim Quy	DKV	101,09		101,09	Huyện Đông Anh	2021
77	Xây dựng vườn hoa, sân chơi tại ô đất C10-2, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm	DKV	0,99	0,99		Huyện Gia Lâm	2022
78	Nạo vét, chỉnh trang khu vực ao đình làng Vân, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm	DKV	1,35	1,35		Huyện Gia Lâm	2022
79	Dự án công viên chuyên đề - Công viên du lịch văn hóa làng nghề tại xã Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm	DKV	40,00	40,00		Huyện Gia Lâm	2022
80	Dự án đầu tư xây dựng khu công viên vui chơi giải trí chuyên đề, thuộc Quy hoạch phân khu N11	DKV	93,40	93,40		Huyện Gia Lâm	2022
81	Xây dựng vườn hoa, sân chơi thuộc ô quy hoạch 6-1 phân khu đô thị N9, xã Đình Xuyên, xã Dương Hà	DKV	3,78		3,78	Huyện Gia Lâm	2024-2025
82	Xây dựng khu công viên cây xanh Đàm Sen, xã Đình Xuyên	DKV	15,00		15,00	Huyện Gia Lâm	2024-2025
83	Xây dựng vườn hoa sân chơi, bãi đỗ xe tại thôn Kiêu Ky, xã Kiêu Ky	DKV	3,90		3,90	Huyện Gia Lâm	2024-2025
84	Xây dựng vườn hoa, cây xanh tổ dân phố Kiên Thành, TT Trâu	DKV	1,80		1,80	Huyện Gia Lâm	2023-2024
85	Xây dựng hạ tầng khu công viên, vườn hoa, hồ nước phía trước Trụ sở Huyện ủy, HĐND-UBND huyện Gia Lâm (khu 31ha)	DKV	14,00		14,00	Huyện Gia Lâm	2024-2025
86	Xây dựng công viên, vườn hoa cây xanh tại khu vực đầm Nông, xã Đông Dư, đầm Cầu Vùa, xã Đa Tốn	DKV	5,10		5,10	Huyện Gia Lâm	2024-2025

87	Giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng khu Công viên đầm Dộc xã Đa Tốn	DKV	6,31		6,31	Huyện Gia Lâm	2024-2025
88	GPMB, xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật vườn hoa, hồ nước và khu đất đấu giá tại thôn Phù Đồng 3 và thôn Đồng Viên, xã Phù Đồng	DKV	2,82		2,82	Huyện Gia Lâm	2024-2025
89	Tạo mặt bằng, xây dựng HTKT khu công viên cây xanh tại khu đất C21	DKV	9,60		9,60	Huyện Gia Lâm	2024-2025
90	Tạo mặt bằng, xây dựng HTKT các khu đất dọc đường quy hoạch 22m	DKV	33,90		33,90	Huyện Gia Lâm	2024-2025
91	Xây dựng HTKT, tạo mặt bằng theo quy hoạch để xây dựng công trình công cộng phục vụ cộng đồng dân cư và chỉnh trang đô thị tại khu đất DT6, xã Đa Tốn	DKV	3,24		3,24	Huyện Gia Lâm	2023-2024
92	Xây dựng vườn hoa, sân chơi, cải tạo ao hồ tại vị trí N-KS3, N-KS8 thuộc địa bàn xã Kim Sơn	DKV	0,90		0,90	Huyện Gia Lâm	2023-2024
93	Xây dựng vườn hoa, sân chơi tại khu đất chợ Gióng và chợ Cửa Chùa, xã Phù Đồng	DKV	0,21		0,21	Huyện Gia Lâm	2023-2024
94	Nạo vét, chỉnh trang khu vực ao tổ dân phố Yên Hà giáp đường quy hoạch 28m Phan Đăng Lưu - Yên Thường	DKV	1,10	1,10		Huyện Gia Lâm	2023-2024
95	Nạo vét, chỉnh trang khu vực ao đình làng Vân, xã Yên Viên	DKV	1,35	1,35		Huyện Gia Lâm	2023-2024
96	Lập quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 khu vực ao Gò Vàng, xã Lệ Chi	DKV	3,97		3,97	Huyện Gia Lâm	2023-2024
97	Lập QH chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực hồ Thái Ninh, xã Kim Lan	DKV	9,50	9,50		Huyện Gia Lâm	2023-2024
98	San nền sơ bộ, tạo mặt bằng theo quy hoạch để xây dựng công trình công cộng phục vụ cộng đồng dân cư và chỉnh trang đô thị tại khu đất DT5, xã Đa Tốn	DKV	1,47		1,47	Huyện Gia Lâm	2024-2025
99	Xây dựng công viên, cây xanh và trung tâm thể dục thể thao tại thôn Sen Hồ, xã Lệ Chi, huyện Gia	DKV	4,75		4,75	Huyện Gia Lâm	2023-2025
100	Cải tạo, chỉnh trang ao tại các ô đất có ký hiệu A12 thôn Cổ Giang, B83 thôn Chi Đông, xã Lệ Chi, huyện Gia Lâm	DKV	1,84		1,84	Huyện Gia Lâm	2023-2025
101	Lập QH TMB tỷ lệ 1/500 khu vực hồ Tiên Phong, xã Kim Lan, huyện Gia Lâm	DKV	4,99		4,99	Huyện Gia Lâm	2023-2025

102	Lập quy hoạch tổng thể khu vực đầm Sầu thôn Liên Đàm, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm	DKV	3,80		3,80	Huyện Gia Lâm	2023-2025
103	Lập quy hoạch tổng thể khu ao Vực thôn Yên Khê, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm	DKV	5,50		5,50	Huyện Gia Lâm	2023-2025
104	Cải tạo, chỉnh trang ao đầu làng thôn Đình Vỹ và vườn hoa, cây xanh thôn Đình Vỹ, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm	DKV	0,72		0,72	Huyện Gia Lâm	2023-2025
105	Cải tạo, chỉnh trang ao Đình Yên Thường, ao Cổng Đông và sân chơi thôn Đình Vỹ, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm	DKV	6,33		6,33	Huyện Gia Lâm	2023-2025
106	Xây dựng vườn hoa, sân chơi trên địa bàn xã Phú Thị, xã Dương Quang huyện Gia Lâm	DKV	0,92		0,92	Huyện Gia Lâm	2023-2025
107	Xây dựng vườn hoa, cây xanh và cải tạo khu đất N-KK3 thôn Chu Xá, xã Kiều Ky, huyện Gia Lâm	DKV	1,97		1,97	Huyện Gia Lâm	2023-2025
108	Cải tạo, chỉnh trang ao hồ, sân chơi tại khu Trũng Thịnh, thôn Đại Bản, xã Phú Thị, huyện Gia Lâm	DKV	2,33		2,33	Huyện Gia Lâm	2023-2025
109	Cải tạo, chỉnh trang ao ao hồ, sân chơi trên địa bàn xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm	DKV	1,21		1,21	Huyện Gia Lâm	2023-2025
110	Đầu tư xây dựng vườn hoa, sân chơi, khu thể dục thể thao và một số tuyến đường tại thôn Phù Đồng 2, xã Phù Đồng, huyện Gia Lâm	DKV	1,35		1,35	Huyện Gia Lâm	2023-2025
111	Xây dựng công viên cây xanh tại khu Thùng Đấu, thôn Lôi, Đặng Xá	DKV	1,70		1,70	Huyện Gia Lâm	2023-2025
112	Cải tạo các ô đất giữa tuyến đường Lý Thánh Tông với trụ sở Bộ Tư Lệnh Hải Quân để trồng cây xanh.	DKV	0,50		0,50	Huyện Gia Lâm	2023-2025
113	Đầu tư xây dựng vườn hoa, sân chơi, cây xanh tại khu Đầm Bãi, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm	DKV	20,00		20,00	Huyện Gia Lâm	2023-2025
114	Cải tạo, chỉnh trang ao hồ, sân chơi trên địa bàn xã Phù Đồng, huyện Gia Lâm	DKV	1,31		1,31	Huyện Gia Lâm	2023-2025
115	Tạo mặt bằng theo quy hoạch để xây dựng công trình công cộng phục vụ cộng đồng dân cư và chỉnh trang đô thị tại khu đất C20, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm	DKV	2,11		2,11	Huyện Gia Lâm	2023-2025
116	Giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng khu Công viên đầm Dục xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm	DKV	8,67		8,67	Huyện Gia Lâm	2023-2025

117	Khu vườn hoa, sân chơi cổng Đình thôn Lai Xá	DKV	0,47		0,47	Huyện Hoài Đức	2022
118	Khu cây xanh thể dục thể thao xã Đức Giang	DKV	2,00		2,00	Huyện Hoài Đức	2022
119	Khu sân chơi vườn hoa thôn Ngự Câu, thôn An Hạ xã An Thượng	DKV	0,26		0,26	Huyện Hoài Đức	2022
120	Công trình Cây xanh TĐTT xã Tiên Yên	DKV	0,47		0,47	Huyện Hoài Đức	2022
121	Khu cây xanh thể dục thể thao xã La Phù	DKV	2,20		2,20	Huyện Hoài Đức	2022
122	Khu cây xanh thể dục thể thao xã Sơn Đồng	DKV	3,20		3,20	Huyện Hoài Đức	2022
123	Xây dựng vườn hoa, cây xanh và chỉnh trang khuôn viên Đền Rẻ Sen xã Đức Thượng	DKV	3,40		3,40	Huyện Hoài Đức	2022
124	Sân vui chơi thể thao thôn Yên Thái xã Tiên Yên	DKV	0,10		0,10	Huyện Hoài Đức	2023-2024
125	Quảng trường UBND huyện mới	DKV	10,00	10,00		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
126	Xây mới Khu vui chơi CDC số	DKV	0,18	0,18		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
127	Xây mới Khu vui chơi CDC số 3 - CDC số 8	DKV	0,08	0,08		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
128	Xây mới Khu vui chơi CDC số 5	DKV	0,16	0,16		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
129	Khu vui chơi - Khu ao cá Bắc Hồ	DKV	1,40	1,40		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
130	Quy hoạch khu cây xanh	DKV	0,58	0,58		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
131	Khu vui chơi giải trí, giới thiệu sản phẩm làng nghề	DKV	0,80	0,80		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
132	Quy hoạch công viên tại chợ hiện tại làm du lịch sông Đáy	DKV	0,19	0,19		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
133	Công viên trung tâm	DKV	1,00	1,00		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
134	Khu vui chơi thôn Kim Bôi	DKV	0,14	0,14		Huyện Mỹ Đức	2021
135	Vườn hoa đường cổng làng thôn Kim Bôi	DKV	0,30	0,30		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
136	Khu công viên cây xanh xã Phương Cách	DKV	3,76		3,76	Huyện Quốc Oai	2021-2025
137	Khu công viên cây xanh xã Sài Sơn	DKV	1,55		1,55	Huyện Quốc Oai	2021-2025
138	Khu công viên cây xanh xã Phú Mãn	DKV	1,40		1,40	Huyện Quốc Oai	2021-2025
139	Cải tạo khu vui chơi TDP Ngõ Sào	DKV	0,15		0,15	Huyện Quốc Oai	2021-2025
140	GPMB khu đất thuộc ô quy hoạch B3-1 xã Tứ Hiệp, Ngũ Hiệp tạo quỹ đất sạch phục vụ xây dựng vườn hoa, sân bãi TĐTT theo quy hoạch.	DKV	0,50		0,50	Huyện Thanh Trì	2022
141	Xây dựng Khu Cây Xanh – Nhà văn hóa thôn Việt Yên xã Ngũ Hiệp	DKV	0,25		0,25	Huyện Thanh Trì	2021-2025
142	Xây dựng khu cây xanh công cộng kết hợp vui chơi thể dục, thể thao tại thôn Việt Yên xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì	DKV	0,22		0,22	Huyện Thanh Trì	2021-2025

143	Xây dựng khu cây xanh công cộng kết hợp vui chơi thể dục, thể thao xứ đồng ao gố xã Tả Thanh	DKV	0,30		0,30	Huyện Thanh Trì	2021-2025
144	Xây dựng khu cây xanh công cộng kết hợp vui chơi thể dục, thể thao tại thôn Siêu Quần, xã Tả Thanh Oai	DKV	0,55		0,55	Huyện Thanh Trì	2021-2025
145	Xây dựng khu cây xanh công cộng kết hợp vui chơi thể dục, thể thao số 3, xã Yên Mỹ	DKV	0,25		0,25	Huyện Thanh Trì	2021-2025
146	Xây dựng khu cây xanh công cộng kết hợp kê, cải tạo ao tại thôn Vĩnh Ninh, xã Vĩnh Quỳnh	DKV	0,25		0,25	Huyện Thanh Trì	2021-2025
147	Xây dựng khu cây xanh công cộng kết hợp vui chơi thể dục, thể thao tại thôn Hữu Lê, xã Hữu Hòa	DKV	0,25		0,25	Huyện Thanh Trì	2021-2025
148	Khu cây xanh công cộng tại thôn Đại Lan, xã Duyên Hà	DKV	1,00		1,00	Huyện Thanh Trì	2021-2025
149	Khu cây xanh công cộng kết hợp vui chơi, thể dục thể thao tại thôn Vĩnh Thịnh xã Đại Áng	DKV	0,30		0,30	Huyện Thanh Trì	2021-2025
150	Khu cây xanh công cộng đội 7 tại thôn Vĩnh Trung xã Đại Áng	DKV	0,30		0,30	Huyện Thanh Trì	2021-2025
151	Khu cây xanh công cộng tại thôn Hữu Từ xã Hữu Hòa	DKV	0,30		0,30	Huyện Thanh Trì	2021-2025
152	Khu cây xanh công cộng số 2 tại thôn Phú Diễn xã Hữu Hòa	DKV	0,30		0,30	Huyện Thanh Trì	2021-2025
153	Vườn hoa Cao Bá Quát; Cây xanh vườn hoa phố Vôi; Vườn hoa, công viên Tiểu khu Phố Ga, Tiểu khu Nguyễn Du; Vườn hoa Trần Phú; Liên Hoa; Ngọc Lâm; Ngọc Liễu; Ngọc Trúc; Ngọc Xuân; Ngọc Hồng; Thụy Hiền; Quỳnh Hoa; Ngọc Nữ; Quế Hoa; Ngọc Phú, Vân Tiên,...	DKV	3,77		3,77	Huyện Thường Tín	2022-2025
154	Sân chơi ngoài trời tổ dân phố phố Ga	DKV	0,74	0,37	0,37	Huyện Thường Tín	2022-2025
155	Vườn hoa Quý Nương	DKV	1,40	1,40		Huyện Thường Tín	2022-2025
156	Dự án xây dựng công trình: Cây xanh, vườn hoa Phố Vôi	DKV	0,34		0,34	Huyện Thường Tín	2021
157	Vườn hoa, công viên Tiểu khu Phố Ga, Tiểu khu Nguyễn Du	DKV	0,71		0,71	Huyện Thường Tín	2021
158	Vườn hoa Cao Bá Quát	DKV	1,40		1,40	Huyện Thường Tín	2021
159	Xây dựng Vườn hoa Vân Tiên tại ô đất CX.01 tại khu K2 thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	DKV	0,50		0,50	Huyện Thường Tín	2021
160	Vườn hoa Nguyễn Du (giai đoạn 2), thị trấn Thường Tín	DKV	1,08		1,08	Huyện Thường Tín	2022
161	Chỉnh trang vườn hoa Nguyễn Du, thị trấn Thường Tín	DKV	1,10		1,10	Huyện Thường Tín	2022

162	Vườn hoa Trần Phú, thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	DKV	1,08	0,90	0,18	Huyện Thường Tín	2022
163	Khu vui chơi giải trí và cây xanh thể dục thể thao xã Tô Hiệu	DKV	2,70		2,70	Huyện Thường Tín	2022
164	Xây dựng vườn hoa Quý Nương	DKV	1,40		1,40	Huyện Thường Tín	2021
165	Công viên, cây xanh và hồ cảnh quan	DKV	10,00		10,00	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
166	Dự án GPMB. lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao phục vụ nhân dân trong khu vực tại điểm đất ngõ 515 phố Hoàng Hoa Thám	DKV	0,05		0,05	Quận Ba Đình	2021-2025
167	Bãi đỗ xe ngầm kết hợp thương mại dịch vụ Công viên Thủ Lệ	DKV	1,65	1,65		Quận Ba Đình	2021-2025
168	Dự án thu hồi 05 điểm đất không đủ điều kiện tồn tại để phục vụ mục đích công cộng	DKV	0,00	0,00		Quận Ba Đình	2021-2025
169	Xây dựng điểm vui chơi kết hợp vườn hoa cây xanh khu vực ao 4B TDP Đông Ngạc 4, ao Hương TDP Nhật Tảo 2; Ao chùa	DKV	0,20		0,20	Quận Bắc Từ Liêm	2022
170	Xây dựng điểm vui chơi Hoàng 9,15,8,12 phường Cổ Nhuế 1	DKV	0,50		0,50	Quận Bắc Từ Liêm	2022
171	Xây kè đá và cải tạo môi trường hồ Tân Phương, Phường Thụy Phương	DKV	1,20		1,20	Quận Bắc Từ Liêm	2022
172	Xây dựng điểm vui chơi Hoàng 10, Hoàng 11 phường Cổ Nhuế 1	DKV	0,10		0,10	Quận Bắc Từ Liêm	2022
173	Cải tạo, nâng cấp điểm vui chơi liên TDP Trù-Viên, phường Cổ Nhuế 2	DKV	0,21		0,21	Quận Bắc Từ Liêm	2022
174	Xây dựng điểm vui chơi Tổ dân phố Thượng Cát 1	DKV	0,05		0,05	Quận Bắc Từ Liêm	2022
175	Xây dựng điểm vui chơi phường Cổ Nhuế 1 (cuối ngõ 546 Trần Cung, tiếp giáp dự án Bảo tàng lịch sử quốc gia), phường Cổ Nhuế 1	DKV	0,05		0,05	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
176	Xây dựng điểm vui chơi Hoàng 5-19, phường Cổ Nhuế 1	DKV	0,05		0,05	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
177	Xây dựng điểm vui chơi Hoàng 8-9, phường Cổ Nhuế 1	DKV	0,06		0,06	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
178	Xây dựng điểm vui chơi kết hợp vườn hoa cây xanh hồ Cự Bát TDP Đại Cát 3	DKV	1,06		1,06	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
179	Xây dựng điểm vui chơi kết hợp vườn hoa cây xanh ao Bà Đức TDP Hoàng Xá	DKV	0,05		0,05	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
180	Xây kè đá, kết hợp điểm vui chơi hồ cây và TDP Thượng Cát 4, phường Thượng Cát	DKV	0,54		0,54	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025

181	Xây dựng điểm vui chơi đầu Bần TDP Thượng Cát 4, phường Thượng Cát	DKV	0,46		0,46	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
182	Dự án Khu cây xanh kết hợp thể dục thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng Xuân Đình tại khu đất G7-CX1 (A3-CX1)	DKV	1,27		1,27	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
183	Xây dựng Khu thể dục thể thao cây xanh đô thị Đại học tại ô đất ký hiệu A2-CX5	DKV	1,34		1,34	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
184	Công viên CV1 khu đô thị Cầu Giấy (phần diện tích 1.364,1 m2 giao GPMB bổ sung)	DKV	0,04		0,04	Quận Cầu Giấy	2021
185	Sân chơi tổ 8	DKV	0,02		0,02	Quận Cầu Giấy	2021
186	Công viên Khu DT Tây Nam Hà Nội	DKV	10,00	9,03	0,97	Quận Cầu Giấy	2023-2025
187	Công viên Văn hóa - Vui chơi giải trí, Thể thao quận Hà Đông	DKV	96,70		96,70	Quận Hà Đông	2023-2025
188	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật sân, vườn, cây xanh	DKV	0,20		0,20	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
189	Hạ tầng kỹ thuật sân chơi TDTT địa bàn KDC số 2,3	DKV	0,04		0,04	Quận Hai Bà Trưng	2021
190	Vườn hoa, cây xanh	DKV	0,07		0,07	Quận Hai Bà Trưng	2022
191	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật sân, vườn, cây xanh	DKV	0,20		0,20	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
192	Hạ tầng kỹ thuật sân chơi TDTT địa bàn KDC số 2,3	DKV	0,04		0,04	Quận Hai Bà Trưng	2021
193	Vườn hoa, cây xanh	DKV	0,07		0,07	Quận Hai Bà Trưng	2022
194	Dự án Công viên Yên Sở (khu A)	DKV	0,06	0,06		Quận Hoàng Mai	2022
195	Xây dựng công viên, hồ tại ô quy hoạch E.2/CXKO3 phường Bồ Đề, quận Long Biên	DKV	1,30		1,30	Quận Long Biên	2022
196	Xây dựng công viên, hồ tại ô quy hoạch A.4/CXKO phường Thượng Thanh, quận Long Biên	DKV	6,00		6,00	Quận Long Biên	2022
197	Xây dựng công viên, hồ tại ô quy hoạch G.4/CXKO1 phường Thạch Bàn, quận Long Biên	DKV	14,00		14,00	Quận Long Biên	2022
198	Xây dựng công viên, hồ tại ô quy hoạch A.3/CXKO phường Ngọc Thụy, phường Thượng Thanh, quận Long Biên	DKV	7,00		7,00	Quận Long Biên	2022
199	Xây dựng vườn hoa tại ô quy hoạch A.4/CX1 phường Thượng Thanh, quận Long Biên	DKV	1,43		1,43	Quận Long Biên	2022
200	Xây dựng vườn hoa tại ô quy hoạch E.3/CX1 phường Bồ Đề	DKV	0,46		0,46	Quận Long Biên	2022
201	Xây dựng vườn hoa tại ô Quy hoạch A4/CX2 phường Ngọc	DKV	1,50		1,50	Quận Long Biên	2022
202	Đầu tư khu vui chơi giải trí chuyên đề thuộc quy hoạch phân khu N11	DKV	49,04		49,04	Quận Long Biên	2022

203	Đầu tư cải tạo nâng cấp công viên CV-02 Khu đô thị mới Việt Hưng, quận Long Biên (Đầu giá)	DKV	15,75		15,75	Quận Long Biên	2022
204	Xây dựng vườn hoa tại ô quy hoạch C.9/CX2 phường Việt	DKV	0,30		0,30	Quận Long Biên	2021-2025
205	Xây dựng vườn hoa tại ô quy hoạch C.12/CX3 (tương đương ô quy hoạch A.2/CX-DVO1 trong quy hoạch chi tiết xây dựng khu đô thị công viên công nghệ phần mềm Hà Nội, tỷ lệ 1/500), phường Việt Hưng, quận Long Biên	DKV	1,00		1,00	Quận Long Biên	2021-2025
206	Đầu tư xây dựng vườn hoa tại ô quy hoạch A.8/CX2 và hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật tại ô quy hoạch A.8/P2 phường Ngọc Thụy, quận Long Biên	DKV	1,50		1,50	Quận Long Biên	2023-2025
207	Xây dựng điểm vui chơi tại TDP Tháp, chợ phường Đại Mỗ	DKV	0,10		0,10	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
208	Xây dựng điểm vui chơi trên địa bàn phường Mỹ Trì	DKV	0,10	0,10		Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
209	Cải tạo, chỉnh trang điểm vui chơi, vườn hoa, cây xanh sau tòa nhà CT5, ĐN2 và CT5, ĐN3 - Khu đô thị Mỹ Đình II, phường	DKV	0,50		0,50	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
210	Xây dựng vườn hoa cây xanh tổ dân phố số 4 Hòe Thị phường Phương Canh	DKV	0,48		0,48	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
211	Xây dựng điểm vui chơi kết hợp vườn hoa cây xanh trước cửa đình Tu Hoàng, phường Phương Canh	DKV	0,02		0,02	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
212	Xây dựng điểm vui chơi, vườn hoa cây xanh kết hợp kè ao chuôm Đồng Nấm, phường	DKV	0,02		0,02	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
213	Dự án công viên hồ điều hòa Trung Văn	DKV	17,52		17,52	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
214	Xây dựng điểm vui chơi trên địa bàn phường Xuân Phương	DKV	0,02		0,02	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
215	Cải tạo, chỉnh trang xây dựng điểm vui chơi trên địa bàn phường Xuân Phương (điểm vui chơi ngoài trời kết hợp vườn hoa, cây xanh tại Ao Gạch + ao Dài (giáp nhà ông cả Chè....))	DKV	0,02		0,02	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
216	Xây dựng điểm vui chơi tổ dân phố số 3 trước cửa đình Thị Cẩm, phường Xuân Phương	DKV	0,20		0,20	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
217	Giải phóng mặt bằng để chỉnh trang đô thị và thực hiện đầu tư giai đoạn 1 dự án công viên cây xanh tại ô đất ký hiệu CXĐT thuộc ô K2-7 quy hoạch phân khu đô thị H2-2	DKV	3,00		3,00	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025

218	Xây dựng điểm vui chơi TDP số 3 trước cửa đình Thị Cẩm, P. Xuân Phương	DKV	0,50		0,50	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
219	Công viên CV1 khu đô thị Cầu Giấy (phần diện tích 1,364,1m2 giao GPMB bổ sung)	DKV	0,14		0,14	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
220	Công Viên CV1, quận Cầu Giấy và Nam Từ Liêm	DKV	27,80		27,80	Quận Cầu Giấy, Nam Từ Liêm	2021-2025
221	Xây dựng công viên sinh thái tại tổ 29, cụm Quảng Bá, phường Quảng An	DKV	1,30		1,30	Quận Tây Hồ	2022
222	Dự án xây dựng vườn hoa, sân chơi công cộng tại Tổ 36 cụm 5 phường Tứ Liên	DKV	0,55		0,55	Quận Tây Hồ	2021-2025
223	Xây dựng khu vườn hoa, vui chơi giải trí khu Ao Sãi, Giếng Đồi, Ngã Tư Phú Hà - Phú Nhi, P.Phú Thịnh	DKV	0,23		0,23	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
224	Xây dựng sân chơi tại ngõ 19, chùa Thông, phường Sơn Lộc	DKV	0,02	0,02		Thị xã Sơn Tây	2023-2025
225	Khu vui chơi tổ dân phố I tại khu Ao ngõ Phan Chu Chinh, phường Ngô Quyền	DKV	0,05		0,05	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
226	Xây dựng khu vui chơi sinh hoạt cộng đồng tại khu ao Tiền Xuân, phường Viên Sơn	DKV	0,22		0,22	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
227	Xây dựng khu vui chơi sinh hoạt cộng đồng tại khu đầu Cầu Treo	DKV	0,05		0,05	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
228	Khu vui chơi phường Xuân	DKV	0,30		0,30	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
229	Xây dựng HTKT Khu vui chơi giải trí, cây xanh, hồ điều hòa tại ao giữa tổ 8, phường Trung Sơn Trầm	DKV	0,30		0,30	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
230	Khu vui chơi tại đồi Di Lăng, tổ dân phố 2, phường Trung Sơn Trầm	DKV	0,16		0,16	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
231	Công viên văn hóa, du lịch, vui chơi giải trí Kim Quy	DKV	101,00		101,00	Huyện Đông Anh	2022-2025
232	Công viên Chu Văn An, huyện Thanh Trì	DKV	50,93		50,93	Huyện Thanh Trì	2021-2025
B.23	Đất ở tại nông thôn	ONT					
1	Khu Trạm điện, thôn Nhuận Trạch, xã Vạn Thắng	ONT	0,16		0,16	Huyện Ba Vì	2021
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất tại Điểm xen kẹt số 3 – Giáp đê Sông Hồng, thôn Phương Châu, xã Phú Phương	ONT	0,30		0,30	Huyện Ba Vì	2022
3	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất tại điểm xen kẹt số 5 – khu dân cư thôn Phương Châu, xã Phú Phương, huyện Ba Vì	ONT	0,10		0,10	Huyện Ba Vì	2022

4	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất tại điểm xen kẹt số 8, thôn Phương Châu, xã Phú Phương, huyện Ba	ONT	0,10		0,10	Huyện Ba Vì	2022
5	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất tại điểm xen kẹt số 9, thôn Phương Châu, xã Phú Phương	ONT	0,10		0,10	Huyện Ba Vì	2022
6	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất tại điểm xen kẹt số 10, thôn Phương Châu, xã Phú Phương, huyện Ba	ONT	0,10		0,10	Huyện Ba Vì	2022
7	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất tại điểm xen kẹt số 14 thôn Phương Châu, xã Phú Phương, huyện Ba	ONT	0,12		0,12	Huyện Ba Vì	2022
8	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất tại điểm xen kẹt số 15, thôn Phương Châu, xã Phú Phương, huyện Ba	ONT	0,36		0,36	Huyện Ba Vì	2022
9	Khu Tái định cư mở rộng nghĩa trang Yên Kỳ (điểm X5,X6 xã Phú Sơn)	ONT	27,00		27,00	Huyện Ba Vì	2021
10	Khu gia đình quân nhân trường TCHL cho nghiệp vụ thuộc xã Cẩm Lĩnh	ONT	1,65		1,65	Huyện Ba Vì	2021
11	Khu tái định cư (dự án mở rộng nghĩa trang Yên Kỳ)	ONT	5,50		5,50	Huyện Ba Vì	2021
12	Khu giáp đường TL 415, thôn Lặt, Minh Quang	ONT	0,43		0,43	Huyện Ba Vì	2021
13	Chuyển mục đích sử dụng đất trong nhóm đất nông nghiệp sang đất ở	ONT	150,00		150,00	Huyện Ba Vì	2022
14	Đấu giá đất công ích	ONT	200,00		200,00	Huyện Ba Vì	2022
15	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn, liền kề sang đất ở	ONT	160,00		160,00	Huyện Chương Mỹ	2022
16	Đất dịch vụ giao cho các hộ có đất bị thu hồi Khu Công nghiệp Phú Nghĩa	ONT	1,00		1,00	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
17	Đấu giá đất xen kẹt trong khu dân cư tại các xứ đồng Bãi Sông, khu Góc Đề, Trường Cũ, Cổng thôn Trại Cốc, Giáp Cầu Đàm Mơ, giáp Mương Tươi Trần Phú, Sông Mới	ONT	0,25		0,25	Huyện Chương Mỹ	2022
18	Đấu giá Khu ao thôn Hạ, xã Hồng Phong	ONT	0,10		0,10	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
19	Đấu giá Khu Bờ La Dưới, thôn Hạ, xã Hồng Phong	ONT	0,10		0,10	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
20	Đấu giá khu Đồng Triền	ONT	1,23		1,23	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
21	Đấu giá Khu đồng Vực, thôn Mới, xã Hồng Phong	ONT	0,84		0,84	Huyện Chương Mỹ	2022
22	Đấu giá Khu Góc Đề, thôn Trung	ONT	0,40		0,40	Huyện Chương Mỹ	2021-2025

23	Đấu giá khu Khuy Trai Phụ Chính	ONT	0,64		0,64	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
24	Đấu giá Khu Lạch Đồng Giếng thôn Quyết Tiến	ONT	0,98		0,98	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
25	Đấu giá Khu Nhà Trè cũ xã Đông Sơn	ONT	0,54		0,54	Huyện Chương Mỹ	2022
26	Đấu giá khu nhà trè xã Văn Võ	ONT	0,03		0,03	Huyện Chương Mỹ	2022
27	Đấu giá khu Ủy ban cũ, trạm Ca Miếu Môn cũ	ONT	0,22		0,22	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
28	Đấu giá nhà hội đồng, xã Văn Võ	ONT	0,03		0,03	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
29	Đấu giá QSD đất	ONT	3,00		3,00	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
30	Đấu giá QSD đất để xây dựng khu dân cư nông thôn Cao Sơn, xã Tiên Phương, huyện Chương Mỹ	ONT	19,83		19,83	Huyện Chương Mỹ	2022
31	Đấu giá QSD đất để xây dựng khu dân cư nông thôn Đàm Tiểu, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ	ONT	2,30		2,30	Huyện Chương Mỹ	2022
32	Đấu giá QSD đất để xây dựng khu dân cư nông thôn Đồng Trà, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ	ONT	4,95		4,95	Huyện Chương Mỹ	2022
33	Đấu giá QSD đất khu Cửa Đình thôn Đại Từ, xã Lam Điền	ONT	0,29		0,29	Huyện Chương Mỹ	2022
34	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn, liền kề sang đất ở	ONT	6,32		6,32	Huyện Chương Mỹ	2022
35	Đấu giá QSD đất khu Trại Ôi, chùa Cát	ONT	0,29		0,29	Huyện Chương Mỹ	2022
36	Đấu giá QSD đất khu Trũng Hồ	ONT	0,48		0,48	Huyện Chương Mỹ	2022
37	Đấu giá QSDĐ khu Bới mét thôn Đông Cựu	ONT	0,25		0,25	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
38	Đấu giá QSDĐ khu Cung bắc thôn Long Châu Sơn và khu nhà	ONT	0,12		0,12	Huyện Chương Mỹ	2022
39	Đấu giá QSDĐ khu Đồng Chương thôn Tiên Văn	ONT	0,45		0,45	Huyện Chương Mỹ	2022
40	Đấu giá QSDĐ khu Đồng Cối Phụ Chính	ONT	0,60		0,60	Huyện Chương Mỹ	2022
41	Đấu giá QSDĐ khu Đồng Kênh	ONT	0,10		0,10	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
42	Đấu giá QSDĐ khu đồng Moi thôn Trung Cao	ONT	0,47		0,47	Huyện Chương Mỹ	2022
43	Đấu giá QSDĐ khu Nội Đàng thôn An Thượng	ONT	0,47		0,47	Huyện Chương Mỹ	2022
44	Đấu giá QSDĐ khu Rộc Đình thôn Đạo Ngạn	ONT	0,49		0,49	Huyện Chương Mỹ	2022
45	Đấu giá QSDĐ khu sân kho ngoài	ONT	0,10		0,10	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
46	Đấu giá QSDĐ khu sau trạm y tế Nhân Lý	ONT	0,30		0,30	Huyện Chương Mỹ	2022
47	Đấu giá QSDĐ khu Trại tân bới mét thôn Yên Kiện	ONT	1,80		1,80	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
48	Khu đô thị trung tâm thương mại Gót - Đông Sơn	ONT	14,20		14,20	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
49	Dự án nhà liền kề và chung cư Hồ Vực Ninh, Ninh Sơn, Chúc Sơn	ONT	3,60		3,60	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
50	Đấu giá QSDĐ khu trường mầm non thôn núi Sáo	ONT	0,04		0,04	Huyện Chương Mỹ	2021-2025

51	Đấu giá QSDĐ khu Vũng Gióng	ONT	0,25		0,25	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
52	Đấu giá quyền sử dụng đất (7 điểm)	ONT	11,32		11,32	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
53	Đấu giá quyền sử dụng đất khu Đầm Tiều, thôn Đồng Trữ, xã Phú Nghĩa	ONT	6,53		6,53	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
54	Đấu giá quyền sử dụng đất khu dân mới (đất ở khoảng 3ha)	ONT	5,20		5,20	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
55	Đấu giá quyền sử dụng đất khu Đồng Chiền	ONT	1,30		1,30	Huyện Chương Mỹ	2022
56	Đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu tái định cư sân golf hồ Văn Sơn, xã Hoàng Văn Thụ	ONT	1,60		1,60	Huyện Chương Mỹ	2022
57	Dự án đất tái định cư khu Đồng Tàu, xã Đông Phương Yên	ONT	4,92		4,92	Huyện Chương Mỹ	2022
58	Dự án đất tái định cư xã Đông Sơn, Thanh Bình	ONT	3,08		3,08	Huyện Chương Mỹ	2022
59	Dự án Tái định cư cầu Hòa Viên	ONT	0,15		0,15	Huyện Chương Mỹ	2022
60	Dự án xây dựng khu Tái định cư tại Khu Đồng Giải, thôn Sơn Đồng, xã Tiên Phương	ONT	5,45		5,45	Huyện Chương Mỹ	2022
61	Khu Đấu giá QSD đất khu cạnh trạm biến thế thôn Phú Bến 1 thuộc dự án xây dựng cơ sở hạ tầng 15 điểm đấu giá	ONT	0,04		0,04	Huyện Chương Mỹ	2022
62	Khu đấu giá QSD đất ở dọc vườn cao thôn Văn La và khu Ao Vòng Trên, xã Văn Võ	ONT	0,29		0,29	Huyện Chương Mỹ	2022
63	Khu đấu giá QSD đất ở tại khu Bãi Hói, thôn Trung Tiến, xã Trần Phú	ONT	0,25		0,25	Huyện Chương Mỹ	2022
64	Khu đấu giá QSD đất ở tại khu chợ cóc thôn Tiến Ân và khu nhà văn hóa cũ xóm 4, xã Thủy Xuân Tiên	ONT	0,18		0,18	Huyện Chương Mỹ	2022
65	Khu đấu giá QSD đất ở tại khu Đất xen kẹt Đồi 3 và khu Nhà trẻ mẫu giáo cũ Đồi 2, xã Đông Phương Yên	ONT	0,10		0,10	Huyện Chương Mỹ	2022
66	Khu đấu giá QSD đất ở tại khu dọc vườn cao thôn Văn La và khu ao vòng Trên, xã Văn Võ	ONT	0,29		0,29	Huyện Chương Mỹ	2022
67	Khu đấu giá QSD đất ở tại khu Dộc, thôn Đạo Ngan, xã Hợp Đồng	ONT	0,25		0,25	Huyện Chương Mỹ	2022
68	Khu đấu giá QSD đất ở tại khu đồng Búi Trúc và khu Đồng Giải, xã Tiên Phương	ONT	0,73		0,73	Huyện Chương Mỹ	2022
69	Khu đấu giá QSD đất ở tại khu Đồng Đầm, thôn Đồng Luân (vị trí 2) và khu đồng Miếu (vị trí 1), xã Thượng Vực	ONT	0,50		0,50	Huyện Chương Mỹ	2022

70	Khu đầu giá QSD đất ở tại khu Đồng Ngô xóm Tiểu; Khu Đồng Ngô xóm Đường; Khu Lỗ Than 1; Khu nhà trẻ cũ; Khu trạm hạ thế cũ, xã Đại Yên	ONT	0,84		0,84	Huyện Chương Mỹ	2022
71	Khu đầu giá QSD đất ở tại khu Đồng Sản, thôn Thanh Nê xã Thanh Bình	ONT	0,43		0,43	Huyện Chương Mỹ	2022
72	Khu đầu giá QSD đất ở tại khu Gò Găng thôn 2 xã Quảng Bị	ONT	0,22		0,22	Huyện Chương Mỹ	2022
73	Khu đầu giá QSD đất ở tại khu Mả Kem xã Hồng Phong	ONT	0,64		0,64	Huyện Chương Mỹ	2022
74	Khu đầu giá QSD đất ở tại khu Mả Kem xã Hồng Phong	ONT	0,64		0,64	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
75	Khu đầu giá QSD đất ở tại khu Rộc Lác xóm thượng; Khu Rộc Hạ xóm Gò Đậu, xã Phú Nghĩa	ONT	0,29		0,29	Huyện Chương Mỹ	2022
76	Khu đầu giá QSD đất ở tại khu thung Rặng Ngái thôn 2 xã Quảng Bị	ONT	0,32		0,32	Huyện Chương Mỹ	2022
77	Khu đầu giá QSD đất ở tại khu Trại Mía thôn Đông Nam xã Nam Phương Tiến	ONT	0,12		0,12	Huyện Chương Mỹ	2022
78	Khu đầu giá QSD đất ở tại khu trại ôi thôn Ứng Hòa, xã Lam Điền	ONT	0,30		0,30	Huyện Chương Mỹ	2022
79	Xây dựng HTKT khu Đám mạ Cửa Trại, thôn Duyên Ứng, xã Lam Điền	ONT	0,60		0,60	Huyện Chương Mỹ	2022
80	Xây dựng HTKT Khu đầu giá quyền sử dụng đất ở tại khu nhà tắm, thôn Đại Từ, xã Lam Điền	ONT	0,46		0,46	Huyện Chương Mỹ	2022
81	Xây dựng HTKT Khu đầu giá quyền sử dụng đất ở tại khu trại Thượng thôn Phụ Chính, xã Hòa Chính	ONT	0,17		0,17	Huyện Chương Mỹ	2022
82	Xây dựng HTKT Khu đầu giá quyền sử dụng đất ở tại khu đất xen kẹt thôn Phụ Chính (vị trí 1), xã Hòa Chính	ONT	0,20		0,20	Huyện Chương Mỹ	2022
83	Khu đầu giá QSD đất ở tại khu Trê dê Tử La, khu xứ đồng Đăng Lạ, xứ đồng Cầu Si, xã Phú Nam An	ONT	0,68		0,68	Huyện Chương Mỹ	2022
84	Khu đầu giá QSD đất tại khu cạnh ao tưới, thôn Phú Cầu, xã Thụy Hương	ONT	0,07		0,07	Huyện Chương Mỹ	2022
85	Khu đầu giá QSD đất tại khu đất xen kẹt đội 8, xã Quảng Bị	ONT	0,02		0,02	Huyện Chương Mỹ	2022
86	Khu đầu giá QSD đất tại khu đất xen kẹt thôn Hòa Xá, xã Đồng	ONT	0,01		0,01	Huyện Chương Mỹ	2022

87	Khu đầu giá QSD đất tại khu đất xen kẹt thôn Thanh Nê, xã Thanh Bình	ONT	0,09		0,09	Huyện Chương Mỹ	2022
88	Khu đầu giá QSD đất tại khu đất xen kẹt, thôn Chúc Đồng 2 (Vị trí 1.M3), xã Thụy Hương	ONT	0,06		0,06	Huyện Chương Mỹ	2022
89	Khu đầu giá QSD đất tại khu đất xen kẹt, thôn Phú Bến (Vị trí 2.OT), xã Thụy Hương	ONT	0,02		0,02	Huyện Chương Mỹ	2022
90	Khu đầu giá QSD đất tại khu đất xen kẹt, thôn Tân Mỹ (Vị trí 1.GC), xã Thụy Hương	ONT	0,04		0,04	Huyện Chương Mỹ	2022
91	Khu đầu giá QSD đất tại khu đất xen kẹt, thôn Trung Tiến (Vị trí 2.NT), xã Thụy Hương	ONT	0,05		0,05	Huyện Chương Mỹ	2022
92	Khu đầu giá QSD đất tại khu Đầu Vườn thôn Hạ Dục, xã Đồng Phú	ONT	0,02		0,02	Huyện Chương Mỹ	2022
93	Khu đầu giá QSD đất tại khu Sân kho Ngoài, xã Nam Phương Tiến	ONT	0,05		0,05	Huyện Chương Mỹ	2022
94	Khu đầu giá quyền sử dụng đất	ONT	1,51		1,51	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
95	Khu đầu giá quyền sử dụng đất ở tại khu đất Ao Trai, thôn Dương Kê, xã Trần Phú	ONT	0,06		0,06	Huyện Chương Mỹ	2022
96	Khu đầu giá quyền sử dụng đất ở tại khu đất xen kẹt thôn Ứng Hòa, xã Lam Điền	ONT	0,04		0,04	Huyện Chương Mỹ	2022
97	Khu đầu giá quyền sử dụng đất ở tại khu đất xen kẹt, thôn Cao Sơn, xã Tiên Phương	ONT	0,03		0,03	Huyện Chương Mỹ	2022
98	Khu đầu giá quyền sử dụng đất ở tại khu Đồi K6, thôn Xuân Thủy, xã Thủy Xuân Tiên	ONT	0,04		0,04	Huyện Chương Mỹ	2022
99	Khu đầu giá quyền sử dụng đất ở tại khu Suối 1, Suối 2, Chuôm Re, thôn Sơn Đồng, xã Tiên Phương, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	ONT	4,27		4,27	Huyện Chương Mỹ	2022
100	Khu đầu giá quyền sử dụng đất ở tại khu Vi Sinh, thôn Xuân Trung, xã Thủy Xuân Tiên	ONT	0,04		0,04	Huyện Chương Mỹ	2022
101	Xây dựng HTKT khu đầu giá quyền sử dụng đất ở tại khu Cỏ Ruồi, thôn Tiên Ân, xã Thủy Xuân Tiên	ONT	1,36		1,36	Huyện Chương Mỹ	2022
102	Khu đầu giá quyền sử dụng đất ở tại khu xen kẹt Vòng Dưới, thôn Cấp Tiến, xã Văn Võ	ONT	0,02		0,02	Huyện Chương Mỹ	2022
103	Tái định cư trường trung cấp cảnh sát	ONT	0,30		0,30	Huyện Chương Mỹ	2022
104	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đầu giá Ao Vòng Dưới, xã Văn Võ	ONT	0,20		0,20	Huyện Chương Mỹ	2022

105	Xây dựng hạ tầng Kỹ thuật khu đầu giá Quyền sử dụng đất (đất nhỏ lẻ dưới 0.5 ha) của các xã	ONT	1,90		1,90	Huyện Chương Mỹ	2022
106	Xây dựng hạ tầng Kỹ thuật khu đầu giá Quyền sử dụng đất (đất nhỏ lẻ dưới 0.5 ha) của các xã	ONT	1,03		1,03	Huyện Chương Mỹ	2022
107	Xây dựng hạ tầng Kỹ thuật khu đầu giá Quyền sử dụng đất	ONT	4,00		4,00	Huyện Chương Mỹ	2022
108	Xây dựng HTKT khu đầu giá quyền sử dụng đất ở tại khu Rộc Thông, thôn Phú Nghĩa 2, xã Phú Nghĩa	ONT	0,20		0,20	Huyện Chương Mỹ	2022
109	Khu đầu giá quyền sử dụng đất ở tại khu Rộc Hương, thôn Nghĩa Hảo, xã Phú Nghĩa	ONT	0,40		0,40	Huyện Chương Mỹ	2022
110	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất ở tại khu Đàm Tiểu Trên, thôn Đồng Trữ, xã Phú Nghĩa	ONT	1,48		1,48	Huyện Chương Mỹ	2022
111	Xây dựng HTKT khu đầu giá quyền sử dụng đất ở tại khu Đồng Trà, thôn Đồng Trữ, xã Phú Nghĩa	ONT	4,95		4,95	Huyện Chương Mỹ	2022
112	Xây dựng HTKT khu đầu giá quyền sử dụng đất ở tại khu Trũng Kiều, thôn Trại, xã Tốt Động	ONT	0,53		0,53	Huyện Chương Mỹ	2022
113	Xây dựng HTKT khu đầu giá quyền sử dụng đất ở tại khu Đồng Gàn, xóm Bến, xã Tốt Động	ONT	0,27		0,27	Huyện Chương Mỹ	2022
114	Xây dựng HTKT khu đầu giá quyền sử dụng đất ở tại khu Dọc Vườn, thôn 2-5, xã Văn Võ	ONT	0,27		0,27	Huyện Chương Mỹ	2022
115	Xây dựng HTKT khu đầu giá quyền sử dụng đất ở tại khu Ao Vạc, xóm 1, thôn Văn La, xã Văn Võ	ONT	0,27		0,27	Huyện Chương Mỹ	2022
116	Xây dựng HTKT khu đầu giá quyền sử dụng đất ở tại khu Đồng Lưới, thôn Yên Kiện, xã Đông Phương Yên	ONT	0,50		0,50	Huyện Chương Mỹ	2022
117	Xây dựng HTKT đầu giá	ONT	2,00		2,00	Huyện Chương Mỹ	2022
118	Xây dựng HTKT đầu giá (30ha)	ONT	20,00		20,00	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
119	Xây dựng HTKT đầu giá QSD đất khu Rộc Đình thôn Đạo Ngạn	ONT	0,56		0,56	Huyện Chương Mỹ	2022
120	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất ở tại khu Gò Kiền, thôn Bàai Trương, xã Hoàng Diệu	ONT	0,22		0,22	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
121	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất ở tại khu Ao Đông, xã Tiên Phương	ONT	0,16		0,16	Huyện Chương Mỹ	2022
122	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất ở tại khu Lạch Đồng Năm thôn Quyết Tiến xã Hữu	ONT	0,34		0,34	Huyện Chương Mỹ	2022

123	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất ở tại khu Trạm Biên áp thôn 2, xã Quảng Bị	ONT	1,19		1,19	Huyện Chương Mỹ	2022
124	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất ở tại xã Đông Sơn, huyện Chương Mỹ	ONT	0,99		0,99	Huyện Chương Mỹ	2022
125	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất tại khu Địa Vía (vị trí 1), xã Đại Yên	ONT	0,16		0,16	Huyện Chương Mỹ	2022
126	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất tại khu Lèn Vệt, thôn Quyết Hạ, xã Đông Sơn	ONT	0,50		0,50	Huyện Chương Mỹ	2022
127	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất tại khu Mái Sau thôn Quyết Tiến, xã Hữu Văn	ONT	0,92		0,92	Huyện Chương Mỹ	2022
128	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất tại khu Miếu 2, thôn Trung Vực Ngoài, xã Thượng	ONT	0,24		0,24	Huyện Chương Mỹ	2022
129	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất tại khu Miếu 3, Miếu 4 thôn Trung Vực Trong + Trung Vực Ngoài, xã Thượng Vực	ONT	0,25		0,25	Huyện Chương Mỹ	2022
130	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất tại khu Sân Than, xóm Nứa, xã Đại Yên	ONT	0,16		0,16	Huyện Chương Mỹ	2022
131	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất tại khu sau làng Đồi Chè, xã Thanh Bình	ONT	0,83		0,83	Huyện Chương Mỹ	2022
132	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất tại khu Đồi Chính, thôn Trung Hoàng, xã Thanh Bình	ONT	2,59		2,59	Huyện Chương Mỹ	2022
133	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất tại khu Đồng Mối, Tổ Ác, xã Trung Hòa	ONT	2,42		2,42	Huyện Chương Mỹ	2022
134	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất ở tại khu Địa Vía (vị trí 2), xã Đại Yên	ONT	0,18		0,18	Huyện Chương Mỹ	2022
135	Xây dựng HTKT khu đầu giá quyền sử dụng đất ở tại khu Bốt điện, thôn Phương Bản (vị trí 1), xã Phụng Châu	ONT	0,36		0,36	Huyện Chương Mỹ	2022
136	Xây dựng HTKT khu đầu giá quyền sử dụng đất ở tại khu Cửa Vực, thôn Phương Bản, xã Phụng Châu	ONT	0,18		0,18	Huyện Chương Mỹ	2022
137	Xây dựng HTKT Khu đầu giá quyền sử dụng đất ở tại khu Đám mạ, thôn Đồng Du, xã Hợp Đồng	ONT	0,12		0,12	Huyện Chương Mỹ	2022
138	Xây dựng HTKT khu đầu giá quyền sử dụng đất ở tại khu đất xen kẹt thôn Lũng Vĩ, xã Đông Phương Yên	ONT	0,15		0,15	Huyện Chương Mỹ	2022

139	Xây dựng HTKT Khu đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu Đồng Chiền, xã Đồng Phú	ONT	1,28		1,28	Huyện Chương Mỹ	2022
140	Xây dựng HTKT khu đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu Đồng Ré, thôn Trại Hiền, xã Hoàng Diệu	ONT	0,14		0,14	Huyện Chương Mỹ	2022
141	Xây dựng HTKT khu đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu Gò Ngựa, thôn 2, xã Quảng Bị	ONT	0,31		0,31	Huyện Chương Mỹ	2022
142	Xây dựng HTKT Khu đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu Góc Sứa, thôn Nghè, xã Trần Phú	ONT	0,13		0,13	Huyện Chương Mỹ	2022
143	Xây dựng HTKT khu đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu Thùng Quán Bát Trên, xã Quảng	ONT	0,08		0,08	Huyện Chương Mỹ	2022
144	Xây dựng HTKT khu đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu Vòng Trên, xóm Cấp Tiến, xã Văn Võ	ONT	0,13		0,13	Huyện Chương Mỹ	2022
145	Khu đấu giá quyền sử dụng đất khu Thùng Độc Chợ Thôn 1; khu Thùng Nghĩa trang liệt sỹ Thôn 2, xã Quảng Bị	ONT	0,72		0,72	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
146	Khu đấu giá quyền sử dụng đất khu Góc dê, Thôn Trung; khu Sông Mỏi, Thôn Yên Cốc, xã Hồng Phong	ONT	0,21		0,21	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
147	Khu đấu giá quyền sử dụng đất xen kẹt trong khu dân cư nông thôn tại xóm Đông, Thôn Phụ Chính; khu Hồ giữa; khu bên Trại Thượng, Thôn Phụ Chín, xã Hòa Chính	ONT	0,52		0,52	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
148	Khu đấu giá quyền sử dụng đất khu Ao Đèo, Thôn Lũng Vĩ; khu Ao Làng, Thôn Lũng Vĩ; khu Đồng Lưới, Thôn yên Kiện xã Đông Phương Yên	ONT	0,70		0,70	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
149	Khu đấu giá quyền sử dụng đất Thôn Lương Sơn; thôn Quyết Thượng, thôn Thanh Trì; thôn Đông; thôn Quyết Hạ xã Đông	ONT	2,82		2,82	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
150	Khu đấu giá quyền sử dụng đất khu Thủ kỳ, Cầu Si, Đăng Lạp, xã Phú Nam An	ONT	0,70		0,70	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
151	Khu xen kẹt dân cư Trê dê xóm An Thái, thôn Phú Đức	ONT	0,28		0,28	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
152	Khu đấu giá quyền sử dụng đất thôn Cốc Thượng, thôn Làng Hạ, Trại Hạ xã Hoàng Diệu	ONT	0,73		0,73	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
153	Khu đấu giá quyền sử dụng đất xen kẹt liền kề Thôn Đồng Lệ, xã Hợp Đồng	ONT	0,10		0,10	Huyện Chương Mỹ	2021-2025

154	Khu đầu giá quyền sử dụng đất xen kẹt liền kề Thôn Thái Hòa, xã Hợp Đồng	ONT	0,05		0,05	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
155	Khu đầu giá quyền sử dụng đất xen kẹt liền kề khu dân cư giáp đất hộ ông Nguyễn Đình Tước Thôn Đạo Ngạn, xã Hợp Đồng	ONT	0,02		0,02	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
156	Khu đầu giá quyền sử dụng đất khu xú đồng Quán Keo, TDP Tiên Trượng, Tân Bình, Xuân Mai, Tân Xuân, thị trấn Xuân Mai	ONT	3,52		3,52	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
157	Dự án khu nhà ở Tiên Phương tại xã Tiên Phương, huyện Chương Mỹ	ONT	4,39		4,39	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
158	Dự án khu đô thị Làng thời đại huyện Chương Mỹ	ONT	149,83		149,83	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
159	Chuyển mục đích sử dụng đất phi nông nghiệp sang đất ở	ONT	7,70		7,70	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
160	Xây dựng HTKT đầu giá QSD đất ở khu Đồng Phụng cụm 5, cụm 6, xã Hạ Mỗ; khu Bút Chỉ; khu C Cổng Ngói; khu Ven Bốt Điện Bông Lai; khu Đề Nhi giai đoạn 2	ONT	2,14		2,14	Huyện Đan Phượng	2022
161	Xây dựng HTKT đầu giá QSD đất ở khu Đồng Phụng cụm 5, cụm 6 (giai đoạn 2), xã Hạ Mỗ; khu Đồng Sậy - Trầm Sau (giai đoạn 3), xã Đan Phượng; khu Đồng Sậy - Trầm Sau (giai đoạn 2), thị trấn Phùng; khu cụm 4 trục đường Đan Hoài, xã Liên Hà; khu Chăn Nuôi, xã Đồng Tháp	ONT	6,63		6,63	Huyện Đan Phượng	2022
162	Xây dựng HTKT đầu giá QSD đất ở khu Cây Sung Trong 4, xã Song Phượng	ONT	0,85		0,85	Huyện Đan Phượng	2022
163	Xây dựng HTKT đầu giá QSD đất ở khu Cây Sung Trong 5, xã Song Phượng	ONT	0,75		0,75	Huyện Đan Phượng	2022
164	Xây dựng hạ tầng khu đầu giá quyền sử dụng đất X5 xã Liên Hà, huyện Đan Phượng, Xây dựng hạ tầng khu đầu giá quyền sử dụng đất ở khu đất ký hiệu A8 xã Tân Hội, huyện Đan Phượng, Xây dựng hạ tầng khu đầu giá quyền sử dụng đất ở khu trục đường N1, xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, Xây dựng hạ tầng khu đầu giá quyền sử dụng đất ở khu Đồng Súc, thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng	ONT	29,50		29,50	Huyện Đan Phượng	2022
165	Xây dựng HTKT đầu giá quyền sử dụng đất ở khu X29, N19 xã Thượng Mỗ	ONT	2,73		2,73	Huyện Đan Phượng	2022

166	Xây dựng HTKT đấu giá quyền sử dụng đất ở khu X28, cụm 8 xã Thượng Mỗ	ONT	0,58		0,58	Huyện Đan Phượng	2022
167	Xây dựng HTKT đấu giá quyền sử dụng đất ở khu Đồng Sậy giai đoạn 4,5,6 xã Đan Phượng	ONT	2,20		2,20	Huyện Đan Phượng	2022
168	Khu chức năng đô thị tại xã Tân Hội, xã Liên Trung, xã Tân Lập, xã Liên Hà, huyện Đan Phượng - Green City	ONT	122,98		122,98	Huyện Đan Phượng	2022
169	Khu Đô thị Nhip sống mới - NewStyle City thuộc khu Đô thị mới Tây Nam xã Tân Lập	ONT	42,30		42,30	Huyện Đan Phượng	2022
170	Xây dựng HTKT đấu giá QSD đất ở khu cụm 6 Lò Ngói, xã Hồng Hà	ONT	0,45		0,45	Huyện Đan Phượng	2022
171	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất ở khu Bá Nội, xã Hồng Hà	ONT	2,06		2,06	Huyện Đan Phượng	2022
172	Xây dựng HTKT khu tái định cư Vành đai 4 ở khu Vụng, xã Hạ	ONT	0,53		0,53	Huyện Đan Phượng	2022
173	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất ở khu Hồ Góc Vối xã Liên Trung	ONT	0,44		0,44	Huyện Đan Phượng	2022
174	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất sản xuất kinh doanh dịch vụ phi nông nghiệp, đất dịch vụ sang đất ở	ONT	0,03		0,03	Huyện Đan Phượng	2022
175	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn ao liền kề đất ở, đất nông nghiệp xen kẹt trong khu dân cư	ONT	0,60		0,60	Huyện Đan Phượng	2022
176	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất ở khu Đồng Sậy giai đoạn 4,5,6 xã Đan Phượng	ONT	2,20		2,20	Huyện Đan Phượng	2024-2025
177	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất ở điểm dân cư nông thôn xã Song Phượng	ONT	1,08		1,08	Huyện Đan Phượng	2024-2025
178	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất ở khu Quây giai đoạn 2 xã Đồng Tháp	ONT	0,46		0,46	Huyện Đan Phượng	2024-2025
179	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất ở khu A Cổng Ngói, xã Đồng Tháp	ONT	0,40		0,40	Huyện Đan Phượng	2024-2025
180	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất ở khu Cửa Thâm (giai đoạn 2) xã Thọ An	ONT	2,26		2,26	Huyện Đan Phượng	2024-2025
181	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất ở khu Ven làng cụm 3, xã Hoàng Hà	ONT	1,10		1,10	Huyện Đan Phượng	2024-2025
182	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất ở khu đất ký hiệu X13, xã Hạ Mỗ	ONT	3,28		3,28	Huyện Đan Phượng	2023-2024

183	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất ở khu đất ký hiệu X24, cụm 2 xã Hạ Mỗ	ONT	2,89		2,89	Huyện Đan Phượng	2023-2024
184	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất ở điểm dân cư nông thôn xã Thượng Mỗ	ONT	7,50		7,50	Huyện Đan Phượng	2023-2024
185	Dự án xây dựng HTKT tái định cư khu Vụng xã Hạ Mỗ	ONT	0,53		0,53	Huyện Đan Phượng	2023-2024
186	Dự án xây dựng HTKT tái định cư khu Lò Ngói xã Hồng Hà	ONT	3,76		3,76	Huyện Đan Phượng	2023-2024
187	Giải phóng mặt bằng phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất để xây dựng, chỉnh trang khu dân cư đô thị tại khu đất DD1, DD2, Đầm Cọ, xã Đông Dur, huyện Gia Lâm	ONT	0,44	0,44		Huyện Gia Lâm	2022
188	Xây dựng HTKT phục vụ đấu giá đất nhỏ kết thôn Vàng, xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm	ONT	1,07	1,07		Huyện Gia Lâm	2022
189	Giải phóng mặt bằng phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất để xây dựng, chỉnh trang khu dân cư nông thôn tại khu đất Tháp Vàng, thôn Trần Tảo, xã Phú Thị, huyện Gia Lâm	ONT	5,20	5,20		Huyện Gia Lâm	2022
190	Kè hồ, làm đường dạo chống lún chiếm hồ Vực, xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm	ONT	6,67	6,67		Huyện Gia Lâm	2022
191	Dự án đất ở (đối ứng dự án đường Hà Nội - Hưng Yên)	ONT	63,00	63,00		Huyện Gia Lâm	2022
192	Giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất nhỏ, kết tại vị trí A33, xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm	ONT	0,15	0,15		Huyện Gia Lâm	2022
193	Giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất nhỏ, kết tại vị trí A38, xã Dương Quang, huyện Gia Lâm	ONT	0,01	0,01		Huyện Gia Lâm	2022
194	Giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất nhỏ, kết tại vị trí B61, B62, B63, xã Lệ Chi, huyện Gia Lâm	ONT	0,13	0,13		Huyện Gia Lâm	2022
195	Giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất nhỏ, kết tại vị trí C8, C57, C69, xã Phù Đổng, huyện Gia Lâm	ONT	0,26	0,26		Huyện Gia Lâm	2022

196	Giải phóng mặt bằng phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất để xây dựng, chỉnh trang khu dân cư đô thị tại các khu đất thuộc trục đường 179, xã Kiều Ky, huyện Gia Lâm	ONT	2,20	2,20		Huyện Gia Lâm	2022
197	Xây dựng HTKT phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất nhỏ, kết thôn vàng, xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm	ONT	0,21	0,21		Huyện Gia Lâm	2022
198	GPMB, xây dựng HTKT phục vụ đấu giá QSD đất tại xã Trung Mậu, huyện Gia Lâm	ONT	0,13	0,13		Huyện Gia Lâm	2022
199	GPMB, xây dựng HTKT phục vụ đấu giá QSD đất tại xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm	ONT	0,07	0,07		Huyện Gia Lâm	2022
200	Giải phóng mặt bằng khu đấu giá quyền sử dụng đất X3, thôn Trùng Quán, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm	ONT	3,37	3,37		Huyện Gia Lâm	2022
201	Giải phóng mặt bằng khu đấu giá quyền sử dụng đất X4, thôn Trùng Quán, xã Yên Thường,	ONT	1,23	1,23		Huyện Gia Lâm	2022
202	Giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất để xây dựng, chỉnh trang khu dân cư đô thị tại khu đất YVTT, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm	ONT	0,84	0,84		Huyện Gia Lâm	2022
203	GPMB, xây dựng HTKT phục vụ đấu giá QSD đất tại xã Đông Dư, huyện Gia Lâm	ONT	0,04	0,04		Huyện Gia Lâm	2022
204	GPMB tạo quỹ đất sạch phục vụ đấu giá QSD đất trên địa bàn các xã: Dương Quang, Dương Xá, Kim Lan, Yên Thường, huyện Gia Lâm	ONT	0,55	0,55		Huyện Gia Lâm	2022
205	GPMB, xây dựng HTKT phục vụ đấu giá QSD đất tại xã Lệ Chi, huyện Gia Lâm	ONT	0,43	0,43		Huyện Gia Lâm	2022
206	GPMB tạo quỹ đất sạch thực hiện đấu giá QSD đất các ô đất không phải đầu tư hạ tầng trên địa bàn huyện Gia Lâm	ONT	1,37	1,37		Huyện Gia Lâm	2022
207	Xây dựng HTKT phục vụ đấu giá QSD đất nhỏ, kết xã Dương Quang, huyện Gia Lâm	ONT	0,78	0,78		Huyện Gia Lâm	2022
208	Dự án: GPMB phục vụ đấu giá QSD đất tại vị trí PT10 xã Phú Thị, huyện Gia Lâm	ONT	0,03	0,03		Huyện Gia Lâm	2022
209	Xây dựng Khu nhà ở cho Cán bộ chiến sỹ Cục A69 - Bộ Công An	ONT	7,40	7,40		Huyện Gia Lâm	2022

210	Dự án xây dựng khu tái định cư phục vụ GPMB dự án mở rộng Công ty điện Stanley Việt Nam	ONT	1,53	1,53		Huyện Gia Lâm	2022
211	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị Yên Viên	ONT	26,00	26,00		Huyện Gia Lâm	2022
212	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất nhỏ, kệt xã Lê Chi, kế hoạch 2012	ONT	0,37	0,37		Huyện Gia Lâm	2022
213	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất nhỏ, kệt thôn Đồng Viên, xã Phù	ONT	0,73	0,73		Huyện Gia Lâm	2022
214	Phương án đấu giá QSD đất để phục vụ công tác đấu giá QSD đất xen kệt tại khu đất khu TĐC xã Ninh Hiệp	ONT	0,08	0,08		Huyện Gia Lâm	2022
215	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất nhỏ kệt xã Phú Thị, huyện Gia Lâm	ONT	0,05	0,05		Huyện Gia Lâm	2022
216	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất nhỏ, kệt xã Lê Chi, huyện Gia Lâm (vị trí X1 thôn Chi Đông, X8 thôn Kim Hồ)	ONT	0,20	0,20		Huyện Gia Lâm	2022
217	Cải tạo sửa chữa hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư thôn Phù Dực, xã Phù Đồng phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất.	ONT	0,03	0,03		Huyện Gia Lâm	2022
218	Xây dựng HTKT phục vụ đấu giá QSD đất nhỏ kệt xã Phù Đồng	ONT	0,21	0,21		Huyện Gia Lâm	2022
219	Xây dựng HTKT phục vụ đấu giá QSD đất nhỏ kệt xã Đông Dư (07 vị trí) (vị trí X7 thôn 3)	ONT	0,01	0,01		Huyện Gia Lâm	2022
220	Xây dựng HTKT phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất nhỏ, kệt thôn 4, xã Đông Dư	ONT	0,20	0,20		Huyện Gia Lâm	2022
221	06 thửa đất tại thôn Hoàng Long, xã Đặng Xá	ONT	0,07	0,07		Huyện Gia Lâm	2022
222	GPMB, xây dựng hạ tầng khung theo quy hoạch khu đất PT1, PT2, PT3, PT4, PT5, PT6, PT7, xã Phú Thị, huyện Gia Lâm	ONT	3,53	3,53		Huyện Gia Lâm	2022
223	Dự án: GPMB, xây dựng HTKT phục vụ đấu giá QSD đất tại vị trí N-PT4 và PT9 xã Phú Thị, huyện Gia Lâm	ONT	0,90	0,90		Huyện Gia Lâm	2022
224	Dự án: Xây dựng HTKT phục vụ đấu giá QSD đất tại vị trí N-KS4, N-KS5, X1 trên địa bàn xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm	ONT	0,60	0,60		Huyện Gia Lâm	2022

225	Dự án: GPMB phục vụ đầu giá QSD đất để xây dựng, chỉnh trang khu dân cư nông thôn tại các khu đất phù hợp với quy hoạch đất ở hiện trạng tại xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm	ONT	3,10	3,10		Huyện Gia Lâm	2022
226	Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng phục vụ đầu giá QSD đất các điểm trường mầm non không sử dụng đất tại các xã Phù Đồng, Đặng Xá, Lệ Chi, Dương Quang, Văn Đức	ONT	0,62	0,62		Huyện Gia Lâm	2022
227	Dự án: Xây dựng HTKT phục vụ đầu giá QSD đất tại vị trí N-LC9, B23, B44 xã Lệ Chi, huyện Gia Lâm	ONT	0,29	0,29		Huyện Gia Lâm	2022
228	Dự án: GPMB, XD HT khung theo quy hoạch khu đất KS3, xã Kim Sơn	ONT	1,12	1,12		Huyện Gia Lâm	2022
229	Xây dựng HTKT phục vụ đầu giá QSD đất nhỏ, kệt các xã: Kiêu Kỵ, Đông Dư, huyện Gia Lâm	ONT	0,94	0,94		Huyện Gia Lâm	2022
230	Xây dựng HTKT phục vụ đầu giá QSD đất tại các vị trí N-ĐT4, N-ĐT5 xã Đa Tốn; C32 xã Dương Xá, huyện Gia Lâm	ONT	0,31	0,31		Huyện Gia Lâm	2022
231	Xây dựng HTKT phục vụ đầu giá QSD đất tại vị trí C1, xã Kim Lan, huyện Gia Lâm	ONT	0,50	0,50		Huyện Gia Lâm	2022
232	Chuyển mục đích Đất vườn, ao (Đất trồng cây lâu năm; Đất trồng cây hàng năm và Đất nuôi trồng thủy sản) liền kề trong cùng thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Đất nông nghiệp được giao nằm xen kệt trong khu dân cư	ONT	2,50	2,50		Huyện Gia Lâm	2022
233	Đất vườn, ao (Đất trồng cây lâu năm; Đất trồng cây hàng năm và Đất nuôi trồng thủy sản) xen kệt trong khu dân cư đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Đất nông nghiệp được giao nằm xen kệt trong khu dân cư	ONT	4,00	4,00		Huyện Gia Lâm	2022
234	Tạo mặt bằng, xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ đầu giá đất nhỏ, kệt tại các xã: Yên Thường, Phù Đồng, Dương Hà, Yên Viên	ONT	1,60		1,60	Huyện Gia Lâm	2023-2024
235	Xây dựng HTKT phục vụ đầu giá QSD đất các ô đất dọc đường Cổ Bi	ONT	0,46		0,46	Huyện Gia Lâm	2023-2024
236	Xây dựng, hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật các ô đất tại các xã Yên Thường, Yên Viên	ONT	2,05		2,05	Huyện Gia Lâm	2023-2024

237	GPMB, xây dựng đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch tại xã Đình Xuyên	ONT	6,53		6,53	Huyện Gia Lâm	2024-2025
238	GPMB, xây dựng HTKT khung tạo quỹ đất sạch phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất tại khu X1, xã Yên Thường	ONT	22,00		22,00	Huyện Gia Lâm	2024-2025
239	GPMB, xây dựng HTKT khung tạo quỹ đất sạch phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất tại khu X2, xã Yên Thường	ONT	7,60		7,60	Huyện Gia Lâm	2024-2025
240	GPMB, xây dựng HTKT khung tạo quỹ đất sạch phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất tại khu X3, xã Yên Thường	ONT	7,26		7,26	Huyện Gia Lâm	2024-2025
241	Giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng khung theo quy hoạch khu đất LC1 xã Lệ Chi	ONT	7,53		7,53	Huyện Gia Lâm	2024-2025
242	Giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng khung theo quy hoạch khu đất LC2 xã Lệ Chi	ONT	4,98		4,98	Huyện Gia Lâm	2024-2025
243	Giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng khung theo quy hoạch khu đất LC3 xã Lệ Chi	ONT	7,44		7,44	Huyện Gia Lâm	2024-2025
244	Giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng khung theo quy hoạch khu đất LC4, LC5, LC6 xã Lệ Chi	ONT	1,97		1,97	Huyện Gia Lâm	2024-2025
245	Giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng khung ô đất theo quy hoạch khu đất DQ2, DQ3 xã Dương Quang	ONT	3,63		3,63	Huyện Gia Lâm	2024-2025
246	Giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng khung ô đất theo quy hoạch khu đất DQ4 xã Dương Quang	ONT	2,62		2,62	Huyện Gia Lâm	2024-2025
247	Giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng khung theo quy hoạch khu đất PT8 xã Phú Thị	ONT	4,83		4,83	Huyện Gia Lâm	2024-2025
248	Giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng khung theo quy hoạch khu đất KL1 xã Kim Lan	ONT	3,82		3,82	Huyện Gia Lâm	2024-2025
249	Giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng khung theo quy hoạch khu đất KL2 xã Kim Lan	ONT	4,01		4,01	Huyện Gia Lâm	2024-2025
250	Giải phóng mặt bằng khu đấu giá quyền sử dụng đất X3, X4, thôn Trùng Quán, xã Yên Thường	ONT	1,23		1,23	Huyện Gia Lâm	2024-2025
251	Xây dựng HTKT, tạo mặt bằng theo quy hoạch để xây dựng khu dân cư đô thị mới và chỉnh trang đô thị tại khu đất DT4, xã Đông Dư, Đa Tốn	ONT	3,32		3,32	Huyện Gia Lâm	2024-2025

252	Đầu tư, xây dựng vườn hoa, sân chơi trên địa bàn xã Ninh Hiệp	ONT	0,10		0,10	Huyện Gia Lâm	2023-2025
253	Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất theo quy hoạch khu đất DQ1 xã Dương Quang, huyện Gia Lâm	ONT	13,90		13,90	Huyện Gia Lâm	2023-2025
254	Hạ tầng đấu giá QSD đất trên địa bàn xã Di Trạch (vị trí X7)	ONT	5,20		5,20	Huyện Hoài Đức	2022
255	Hạ tầng kỹ thuật để thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn xã Đông La - Khu Mả Trâu, thôn Đồng Nhân	ONT	2,36		2,36	Huyện Hoài Đức	2022
256	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn xã Sơn Đồng - vị trí X1 (Khu Khóm Dâu và Đồng Cốc, xã Sơn Đồng, huyện Hoài Đức)	ONT	5,20		5,20	Huyện Hoài Đức	2022
257	Bồi thường, giải phóng mặt bằng, xây dựng HTKT khu đất đấu giá, dịch vụ tại xã Vân Canh	ONT	7,18		7,18	Huyện Hoài Đức	2022
258	Hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá QSD đất trên địa bàn xã Tiền Yên - Xứ đồng Lòng Khúc	ONT	3,00		3,00	Huyện Hoài Đức	2022
259	Hạ tầng kỹ thuật đấu giá QSD đất trên địa bàn xã Kim Chung - Khu X2 (Đồng Sành)	ONT	0,30		0,30	Huyện Hoài Đức	2024-2025
260	Hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá QSD đất xã La Phù-Khu Trạm bơm	ONT	0,30		0,30	Huyện Hoài Đức	2022
261	Đấu giá QSDĐ ở xã Lại Yên - Vị trí X6 Sườn Trại	ONT	1,91		1,91	Huyện Hoài Đức	2022
262	Xây dựng HTKT đấu giá QSD đất ở trên địa bàn xã An Thượng (vị trí X2)	ONT	5,40		5,40	Huyện Hoài Đức	2022
263	Đấu giá xã Di Trạch - khu Cỗ Bồng	ONT	0,02		0,02	Huyện Hoài Đức	2022
264	Đấu giá và tái định cư xã Lại Yên	ONT	0,04		0,04	Huyện Hoài Đức	2022
265	Tái định cư xã Kim Chung (Dự án: đường trục xã Kim Chung)	ONT	0,16		0,16	Huyện Hoài Đức	2022
266	Tái định cư xã Đức Thượng (Dự án: đường ĐH 02)	ONT	0,06		0,06	Huyện Hoài Đức	2022
267	Khu tái định cư khu 1 (ký hiệu X1); Khu 2 (ký hiệu X2), Đức Thượng	ONT	2,70		2,70	Huyện Hoài Đức	2022
268	Khu tái định cư (X3), xã Đức Giang	ONT	1,00		1,00	Huyện Hoài Đức	2022
269	Khu tái định cư (X4), xã Đông La	ONT	3,50		3,50	Huyện Hoài Đức	2022
270	Khu tái định cư (X5), xã Tiền Yên	ONT	0,02		0,02	Huyện Hoài Đức	2022
271	Khu tái định cư phục vụ GPMB dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô	ONT	17,50		17,50	Huyện Mê Linh	2022
272	Khu đô thị AIC	ONT	93,96	49,85	44,11	Huyện Mê Linh	2022
273	Khu đô thị Mê Linh	ONT	41,09		41,09	Huyện Mê Linh	2022
274	Khu đô thị Đại Thịnh	ONT	34,43		34,43	Huyện Mê Linh	2022

275	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất phục vụ giao đất tái định cư 31 hộ dân và kết hợp đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Mê Linh, huyện Mê Linh	ONT	0,92	0,92		Huyện Mê Linh	2022
276	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá quyền sử dụng đất khu đất nhỏ lẻ, xen kẹt tại (điểm X7), thôn 2, X.Thạch Đà.	ONT	0,25	0,10	0,15	Huyện Mê Linh	2022
277	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá quyền sử dụng đất khu đất nhỏ lẻ, xen kẹt tại (điểm X4) thôn Phú Hữu, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh	ONT	0,20	0,10	0,10	Huyện Mê Linh	2022
278	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá quyền sử dụng đất khu Đồng Trước, xóm 4 thôn Xa Mạc, xã Liên Mạc, huyện Mê Linh	ONT	7,56	4,86	2,70	Huyện Mê Linh	2022
279	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá quyền sử dụng đất khu đất nhỏ lẻ, xen kẹt tại (điểm X5,X14) T.Ngự Tiên - Lâm Hộ, X.Thanh Lâm	ONT	0,41	0,21	0,20	Huyện Mê Linh	2022
280	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất tại điểm X4 thôn Nam Cường, xã Tam Đồng, huyện Mê	ONT	3,30	2,80	0,50	Huyện Mê Linh	2022
281	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn Bạch Đa, xã Kim Hoa, huyện Mê Linh	ONT	3,50	2,50	1,00	Huyện Mê Linh	2022
282	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá quyền sử dụng đất tại điểm X2 thôn Trung Hậu Đoài, xã Tiên Phong, huyện Mê Linh,	ONT	0,71		0,71	Huyện Mê Linh	2022
283	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất tại điểm X5, thôn Trung Hậu Đông, xã Tiên Phong, huyện Mê Linh	ONT	1,40		1,40	Huyện Mê Linh	2022
284	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá quyền sử dụng đất tại điểm X7, thôn Nại Châu, xã Chu Phan, huyện Mê Linh	ONT	2,46		2,46	Huyện Mê Linh	2022
285	Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch để đấu giá QSD đất tại khu Quán chợ, thôn Bồng Mạc, xã Liên Mạc	ONT	0,80		0,80	Huyện Mê Linh	2022
286	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ đấu giá QSD đất tại điểm X3, thôn Yên Nhân, xã Tiên Phong, huyện Mê Linh	ONT	3,40		3,40	Huyện Mê Linh	2022

287	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất tại điểm X3, xứ đồng Làng Gàn, thôn Văn Lôi, xã Tam Đồng, huyện Mê Linh	ONT	3,92		3,92	Huyện Mê Linh	2022
288	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất tại điểm X1 đồng làng Gàn thôn Văn Lôi, xã Tam Đồng, huyện Mê Linh	ONT	3,44		3,44	Huyện Mê Linh	2022
289	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá quyền sử dụng đất tại điểm X1, thôn Đồng Cao, xã Tráng	ONT	1,82		1,82	Huyện Mê Linh	2022
290	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá quyền sử dụng đất tại điểm X3 thôn Yên Thị, xã Tiên Thịnh	ONT	0,33		0,33	Huyện Mê Linh	2022
291	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá quyền sử dụng đất tại điểm HK - 04, thôn Hoàng Xá, xã Hoàng Kim	ONT	3,09		3,09	Huyện Mê Linh	2022
292	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá quyền sử dụng đất tại điểm DT - 01, xã Tiên Thắng	ONT	2,25		2,25	Huyện Mê Linh	2022
293	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá quyền sử dụng đất xen kẹt tại thôn 1 Hạ Lôi, xã Mê Linh	ONT	0,15		0,15	Huyện Mê Linh	2022
294	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất, kết hợp xây dựng nhà văn hóa tại thôn Nội Đồng, xã Đại Thịnh, huyện Mê Linh	ONT	0,91		0,91	Huyện Mê Linh	2022
295	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật đất đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn Nội Đồng, xã Đại Thịnh, huyện Mê Linh	ONT	10,30	10,30		Huyện Mê Linh	2022
296	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá quyền sử dụng đất tại điểm X6, thôn Nại Châu, xã Chu Phan, huyện Mê Linh	ONT	1,94		1,94	Huyện Mê Linh	2022
297	Khu nhà ở Làng Hoa Tiên Phong	ONT	40,40	40,04	0,36	Huyện Mê Linh	2022
298	Khu nhà ở Minh Giang Đàm Và tại xã Tiên Phong	ONT	7,55	7,55		Huyện Mê Linh	2022
299	Khu nhà ở cho người thu nhập thấp tại xã Tiên Phong, huyện Mê Linh, Hà Nội	ONT	16,68	16,68		Huyện Mê Linh	2022
300	Giao đất cho hộ ông Lưu Văn Kỉnh tại xã Tiên Phong do đổi đất để làm đường giao thông năm	ONT	0,01	0,01		Huyện Mê Linh	2022
301	Khu nhà ở và văn phòng cho thuê TDK, tại xã Tiên Phong, huyện Mê Linh	ONT	10,30	10,30		Huyện Mê Linh	2022
302	Khu nhà ở sinh thái VIT - Tiên Phong	ONT	11,23	11,23		Huyện Mê Linh	2022

303	Khu nhà ở cao cấp Ba Đình	ONT	17,23	17,23		Huyện Mê Linh	2022
304	Khu nhà ở Hoàng Vân	ONT	8,20	8,20		Huyện Mê Linh	2022
305	Khu nhà ở Minh Giang - Đầm Và (Giai đoạn 1)	ONT	26,44	26,44		Huyện Mê Linh	2022
306	Khu đất tái định cư phục vụ GPMB dự án mở rộng khuôn viên Đình làng Trung Hậu Đoài	ONT	0,03	0,03		Huyện Mê Linh	2022
307	Giao đất TĐC cho hộ ông Nguyễn Văn Hà khi nhà nước thu hồi đất xây dựng đường giao thông nông thôn tại xóm 18, thôn 4, xã Thạch Đà.	ONT	0,03	0,03		Huyện Mê Linh	2022
308	Xây dựng khu nhà ở cho cán bộ, chiến sỹ Tổng cục Cảnh sát - Bộ Công an tại xã Tiên Phong	ONT	5,75	5,75		Huyện Mê Linh	2022
309	Khu nhà ở Tiên Phong	ONT	2,60	2,60		Huyện Mê Linh	2022
310	Mở rộng Khu nhà ở Minh Giang Đầm Và tại xã Tiên Phong	ONT	16,78	16,78		Huyện Mê Linh	2022
311	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá QSD đất tại thôn Nội Đồng, xã Đại Thịnh	ONT	10,60		10,60	Huyện Mê Linh	2021-2025
312	Xây dựng HTKT để đất đấu giá QSD đất xen kẹt (điểm X7) thôn 2, xã Thạch Đà	ONT	0,24	0,00	0,24	Huyện Mê Linh	2021-2025
313	Xây dựng HTKT để đất đấu giá QSD đất xen kẹt (điểm X4) thôn Phú Hữu, xã Thanh Lâm	ONT	0,19	0,00	0,19	Huyện Mê Linh	2021-2025
314	Xây dựng HTKT để đất đấu giá QSD đất tại (điểm X5,X14) thôn Ngự Tiên - Lâm Hộ, xã Thanh Lâm	ONT	0,33		0,33	Huyện Mê Linh	2021-2025
315	Xây dựng HTKT để đất đấu giá QSD đất tại điểm X2 thôn Trung Hậu Đoài, xã Tiên Phong, huyện Mê Linh,	ONT	0,71		0,71	Huyện Mê Linh	2021-2025
316	Xây dựng HTKT để đất đấu giá QSD đất khu Quán Chợ, thôn Bồng Mạc, xã Liên Mạc	ONT	0,84		0,84	Huyện Mê Linh	2021-2025
317	Xây dựng HTKT để đất đấu giá QSD đất tại điểm X2, thôn Yên Thị, xã Tiên Thịnh, huyện Mê Linh	ONT	0,49		0,49	Huyện Mê Linh	2021-2025
318	Xây dựng HTKT để đất đấu giá QSD đất tại X2 Đồng Bói và Bền, Văn Lôi, xã Tam Đồng.	ONT	1,12		1,12	Huyện Mê Linh	2021-2025
319	Xây dựng HTKT để đất đấu giá QSD đất tại Khu Đồng Trước xóm 4, thôn Xa Mạc, xã Liên Mạc	ONT	7,56		7,56	Huyện Mê Linh	2021-2025
320	Xây dựng HTKT tại điểm X1 thôn Yên Vinh xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh phục vụ đấu giá	ONT	0,72		0,72	Huyện Mê Linh	2021-2025
321	Xây dựng HTKT tại điểm X2 thôn Yên Vinh xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh phục vụ đấu giá	ONT	0,72		0,72	Huyện Mê Linh	2021-2025

322	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất tại điểm X5 thôn Ngự Tiên, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh	ONT	0,37	0,37		Huyện Mê Linh	2021-2025
323	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá quyền sử dụng đất tại điểm X1 thôn Phố Yên, xã Tiên Phong	ONT	0,31		0,31	Huyện Mê Linh	2021-2025
324	Xây dựng HTKT để giao đất cho 11 hộ gia đình thôn Yên Thị và kết hợp đấu giá QSD đất tại điểm TT-02, xã Tiến Thịnh	ONT	0,77		0,77	Huyện Mê Linh	2021-2025
325	Đấu giá QSDĐ thôn Phú Mỹ Gân Trường Mầm non, xóm 7, xã Tự Lập	ONT	1,91		1,91	Huyện Mê Linh	2021-2025
326	Đấu giá QSDĐ thôn Phú Mỹ khu ruộng phía nam thôn, xã Tự Lập	ONT	4,79		4,79	Huyện Mê Linh	2021-2025
327	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá QSD đất tại điểm TL-03 (giai đoạn 1), thôn Yên Bài, xã Tự Lập	ONT	7,56		7,56	Huyện Mê Linh	2021-2025
328	Xây dựng HTKT để đấu giá QSDĐ nhỏ lẻ, xen kẹt tại khu ao Lò Gạch, thôn Phú Mỹ, xã Tự Lập (khu Đồng Khoai, dọc trục đường 308)	ONT	0,50	0,50		Huyện Mê Linh	2021-2025
329	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá QSD đất tại điểm X7, thôn Nại Châu, xã Chu Phan, huyện Mê Linh	ONT	2,46		2,46	Huyện Mê Linh	2021-2025
330	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất tại điểm X1, thôn Đông Cao, xã Tráng Việt	ONT	1,20		1,20	Huyện Mê Linh	2021-2025
331	Xây dựng HTKT khu đất phục vụ đấu giá QSD đất tại điểm X3 thôn Yên Nhân, xã Tiên Phong	ONT	3,40		3,40	Huyện Mê Linh	2021-2025
332	Xây dựng HTKT khu đất phục vụ đấu giá QSD đất tại điểm X5 thôn Trung Hậu Đông, xã Tiên Phong	ONT	1,40		1,40	Huyện Mê Linh	2021-2025
333	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất tại điểm X3 thôn Yên Thị, xã Tiến Thịnh	ONT	0,33		0,33	Huyện Mê Linh	2021-2025
334	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá QSD đất tại điểm HK-04, thôn Hoàng Xá, xã Hoàng Kim	ONT	3,09		3,09	Huyện Mê Linh	2021-2025
335	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá QSD đất tại điểm DT-01, xã Tiến Thắng	ONT	2,25		2,25	Huyện Mê Linh	2021-2025
336	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất tại điểm X1 thôn Vạn Phúc Xuyên, xã Vạn Yên	ONT	0,82		0,82	Huyện Mê Linh	2021-2025
337	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất tại điểm X2 thôn Vạn Phúc Xuyên, xã Vạn Yên	ONT	0,28		0,28	Huyện Mê Linh	2021-2025

338	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá QSD đất tại điểm N-02, thôn 1, xã Thạch Đà	ONT	0,15		0,15	Huyện Mê Linh	2021-2025
339	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất xen kẹt tại thôn 1 Hạ Lôi, xã Mê Linh	ONT	0,15		0,15	Huyện Mê Linh	2021-2025
340	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất tại điểm HL-02 (thôn Hạ Lôi) xã Mê Linh	ONT	0,62		0,62	Huyện Mê Linh	2021-2025
341	Xây dựng HTKT khu đất phục vụ đấu giá QSD đất tại điểm YB2 xã Tự Lập	ONT	7,30		7,30	Huyện Mê Linh	2021-2025
342	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất xen kẹt tại điểm NĐ1 thôn Nội Đồng, xã Đại Thịnh	ONT	0,75		0,75	Huyện Mê Linh	2021-2025
343	Xây dựng HTKT khu đất phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất, kết hợp xây dựng nhà văn hóa tại thôn Nội Đồng, xã Đại Thịnh, huyện Mê Linh	ONT	0,91		0,91	Huyện Mê Linh	2021-2025
344	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá QSD đất tại điểm X6, thôn Nại Châu, xã Chu Phan, huyện Mê Linh	ONT	1,94		1,94	Huyện Mê Linh	2021-2025
345	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất tại điểm TL-02, thôn Phú Mỹ, xã Tự Lập	ONT	4,04		4,04	Huyện Mê Linh	2021-2025
346	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất tại điểm BT-01, thôn Bạch Trữ, xã Tiến Thắng	ONT	0,18		0,18	Huyện Mê Linh	2021-2025
347	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất tại thôn Phú Mỹ, xã Tự Lập	ONT	0,06	0,06		Huyện Mê Linh	2021-2025
348	Đấu giá QSDĐ thôn Phú Mỹ gần Trường Tiểu học khu A	ONT	0,90		0,90	Huyện Mê Linh	2021-2025
349	Chuyển đổi đất vườn ao liền kề trong cùng một thửa đất đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang đất ở.	ONT	8,64	8,64		Huyện Mê Linh	2022
350	Dự án tái định cư tại xã Văn Khê (ký hiệu X1)	ONT	7,40		7,40	Huyện Mê Linh	2023
351	Dự án tái định cư tại xã Kim Hoa (ký hiệu X2)	ONT	6,50		6,50	Huyện Mê Linh	2023
352	Dự án tái định cư tại xã Chu Phan (ký hiệu X3)	ONT	2,67		2,67	Huyện Mê Linh	2023
353	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá QSD đất tại điểm TL-03 (giai đoạn 1), thôn Yên Bài, xã Tự Lập	ONT	7,56		7,56	Huyện Mê Linh	2023
354	Xây dựng HTKT để giao đất 11 hộ thôn Yên Thị và kết hợp đấu giá QSD đất tại điểm TT-02, xã Tiến Thịnh, huyện Mê Linh	ONT	0,34		0,34	Huyện Mê Linh	2023

355	Khu tái định cư để thực hiện công trình Đường giao thông kết hợp thoát nước khu du lịch chùa Hương, huyện Mỹ Đức	ONT	0,50	0,50		Huyện Mỹ Đức	2023
356	Khu Đồng Sét	ONT	0,01	0,01		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
357	Khu Cổng Đền+Nông Trường	ONT	8,50	8,50		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
358	Khu đầu Bút	ONT	0,03	0,03		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
359	Khu dưới đường 429 (cạnh trại lợn)	ONT	0,03	0,03		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
360	Vườn cây ông Ba thôn Thượng	ONT	0,02	0,02		Huyện Mỹ Đức	2021
361	Khu ao cá Bác Hồ	ONT	0,10	0,10		Huyện Mỹ Đức	2021
362	Khu Mái Sau	ONT	0,65	0,65		Huyện Mỹ Đức	2021
363	Khu Đồng Dư	ONT	0,35	0,35		Huyện Mỹ Đức	2021
364	Khu Đồng Gi, Bò Và	ONT	1,25	1,25		Huyện Mỹ Đức	2021
365	Rộc cạn trên, Rộc cạn dưới, Đồng Dền, Chùa mẽ	ONT	2,00	2,00		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
366	Khu bờ Đông Ngoài	ONT	0,40	0,40		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
367	Khu Phân Viện Đa Khoa thôn PL Hạ	ONT	0,58	0,58		Huyện Mỹ Đức	2021
368	Khu Cửa làng Thôn Phù Yên	ONT	0,46	0,46		Huyện Mỹ Đức	2021
369	Khu vực ao Lò Gạch thôn Khảm Lâm	ONT	1,10	1,10		Huyện Mỹ Đức	2021
370	Khu Văn Công thôn Phúc Lâm thượng	ONT	2,00	2,00		Huyện Mỹ Đức	2021
371	Khu xứ đồng Gùng thôn PL	ONT	0,60	0,60		Huyện Mỹ Đức	2021
372	Khu xứ đồng cửa Kho thôn PL Trung	ONT	0,25	0,25		Huyện Mỹ Đức	2021
373	Khu Trạm bơm cũ	ONT	0,06	0,06		Huyện Mỹ Đức	2021
374	Khu Cửa làng thôn Phù Yên	ONT	0,34	0,34		Huyện Mỹ Đức	2021
375	Khu nhà văn hóa cũ thôn PL Hạ	ONT	0,03	0,03		Huyện Mỹ Đức	2021
376	Khu Nhà văn hóa cũ thôn Phù	ONT	0,02	0,02		Huyện Mỹ Đức	2021
377	Khu Ao Bèo thôn Khảm Lâm	ONT	0,60	0,60		Huyện Mỹ Đức	2021
378	Khu Vực Bài Chân Chim	ONT	0,15	0,15		Huyện Mỹ Đức	2021
379	Khu Ao Hăng thôn PL Trung	ONT	0,67	0,67		Huyện Mỹ Đức	2021
380	Khu Đồng Xương thôn Khảm	ONT	0,13	0,13		Huyện Mỹ Đức	2021
381	Khu nhà văn hóa cũ thôn PL thượng	ONT	0,03	0,03		Huyện Mỹ Đức	2021
382	Khu Xứ đồng Cừ thôn PL Trung	ONT	0,68	0,68		Huyện Mỹ Đức	2021
383	Khu Xứ đồng Bán thôn PL Hạ	ONT	0,05	0,05		Huyện Mỹ Đức	2021
384	Khu Cánh Vực thôn Phù Yên	ONT	0,20	0,20		Huyện Mỹ Đức	2021
385	Khu Trại thấp, Trại cao	ONT	0,22	0,22		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
386	Khu Bãi Cát thôn Phúc Lâm thượng	ONT	0,03	0,03		Huyện Mỹ Đức	2022
387	Khu Thùng cống thôn Chân Chim	ONT	0,31	0,31		Huyện Mỹ Đức	2022
388	Khu Đồng vàng	ONT	2,80	2,80		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
389	Khu Đầu đổi, cửa dưới	ONT	3,30	3,30		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
390	Khu Chăn Nuôi	ONT	1,20	1,20		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
391	Khu NVH cũ thôn Chân Chim	ONT	0,01	0,01		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
392	Khu ruộng chiêm (Thôn Vĩnh Xương thượng)	ONT	0,28	0,28		Huyện Mỹ Đức	2021
393	Khu ruộng trại chăn nuôi (Thôn Vĩnh Xương thượng)	ONT	0,50	0,50		Huyện Mỹ Đức	2021

394	Khu Thanh Lan rặng gạo (Thôn Vĩnh Xương thượng)	ONT	0,30	0,30		Huyện Mỹ Đức	2021
395	Khu cửa chùa khoảnh 2 (Thôn Vĩnh Xương thượng)	ONT	0,97	0,97		Huyện Mỹ Đức	2021
396	Khu cửa chùa khoảnh 1	ONT	1,45	1,45		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
397	Khu ruộng dâu thượng	ONT	0,56	0,56		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
398	Khu ao ruộng chiêm	ONT	0,45	0,45		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
399	Khu ao cá đội 3	ONT	0,33	0,33		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
400	Khu ao xen kẹt đội 4	ONT	0,16	0,16		Huyện Mỹ Đức	2021
401	Khu trường mầm non cũ (Thôn Vĩnh Xương thượng)	ONT	0,16	0,16		Huyện Mỹ Đức	2021
402	Khu ao Cá Đồng Ranh (Thôn Vĩnh Lạc)	ONT	0,80	0,80		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
403	Khu ao Xa (Thôn Vĩnh Lạc)	ONT	0,08	0,08		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
404	Khu vườn trũng (Thôn Vĩnh Lạc)	ONT	0,17	0,17		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
405	Khu ao cá Đội 2 (Thôn Vĩnh Xương trung)	ONT	0,20	0,20		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
406	Khu Đa Đôi	ONT	0,70	0,70		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
407	Khu xứ đồng Lò Gạch thôn Phú Văn	ONT	0,73	0,73		Huyện Mỹ Đức	2021
408	Khu xứ đồng Cổng Táo thôn Phúc Khê	ONT	0,34	0,34		Huyện Mỹ Đức	2021
409	Khu xứ đồng Gò Lá thôn Phú	ONT	0,10	0,10		Huyện Mỹ Đức	2021
410	Khu xứ đồng Dung dưới thôn Bột Xuyên	ONT	0,07	0,07		Huyện Mỹ Đức	2021
411	Khu xứ đồng Trai 1 thôn Mỹ Tiên	ONT	0,10	0,10		Huyện Mỹ Đức	2021
412	Khu xứ đồng Cửa Vông thôn Mỹ Tiên	ONT	0,25	0,25		Huyện Mỹ Đức	2021
413	Khu đồng Cửa Đình Hữu (ao ông Tuyên) thôn Phú Hữu	ONT	0,27	0,27		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
414	Khu xứ đồng Đầm Bèo thôn Phúc Khê	ONT	0,28	0,28		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
415	Khu Trạm y tế cũ thôn Phú Hữu	ONT	0,09	0,09		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
416	Khu nhà văn hóa cũ thôn Mỹ Tiên	ONT	0,02	0,02		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
417	Khu đất trường mầm non cũ	ONT	0,16	0,16		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
418	Khu đất nhà văn hóa cũ thôn Phúc Khê	ONT	1,05	1,05		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
419	Khu Đường Dạ Trên thôn Lai Tảo	ONT	1,00	1,00		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
420	Khu Đường Dạ Dưới thôn Lai	ONT	1,00	1,00		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
421	Khu Cửa đình Bột Xuyên	ONT	0,50	0,50		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
422	Khu Đồng Lò Ngói thôn Lai Tảo	ONT	0,40	0,40		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
423	Khu Gò Hàm Tiến thôn Lai Tảo	ONT	1,60	1,60		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
424	Khu Ao cá thôn Lai Tảo	ONT	0,30	0,30		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
425	Khu Trai 2 thôn Phú Hữu	ONT	0,80	0,80		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
426	Khu Hoi Trâu thôn Phúc Khê	ONT	0,30	0,30		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
427	Khu Trạm y tế cũ	ONT	0,04	0,04		Huyện Mỹ Đức	2021
428	Khu Đồng Chùa, Kinh Đào	ONT	2,00	2,00		Huyện Mỹ Đức	2021
429	Khu Đồng Muôn, Đoan Nữ	ONT	0,52	0,52		Huyện Mỹ Đức	2021
430	Khu Cửa Chùa, Đoan Nữ	ONT	1,05	1,05		Huyện Mỹ Đức	2021
431	Khu Đồng Láng Nứa, Cánh bướm	ONT	0,66	0,66		Huyện Mỹ Đức	2021
432	Khu Dộc dưới, Tảo Khê	ONT	1,50	1,50		Huyện Mỹ Đức	2021
433	Khu trường MN hiện tại thôn Đoan Nữ	ONT	0,20	0,20		Huyện Mỹ Đức	2022-2025

434	Khu ở Cửa Hàng (thôn Hạ Sở)	ONT	0,02	0,02		Huyện Mỹ Đức	2021
435	1583/UBND-TNMT tham gia ý kiến góp ý kế hoạch 5 năm thành phố Hà Nội	ONT	3,11	3,11		Huyện Mỹ Đức	2021
436	Khu Vệ Lãng (thôn Thượng)	ONT	1,22	1,22		Huyện Mỹ Đức	2021
437	Khu Đồng Dai (thôn Vĩnh An)	ONT	0,27	0,27		Huyện Mỹ Đức	2021
438	Khu Nê sau làng (thôn Thanh Lợi)	ONT	0,55	0,55		Huyện Mỹ Đức	2021
439	Khu Đồng Ải (thôn Đặng)	ONT	0,46	0,46		Huyện Mỹ Đức	2021
440	Khu đồng Hôi (thôn Đặng)	ONT	0,86	0,86		Huyện Mỹ Đức	2021
441	Khu ao đầu Chùa (thôn Trung)	ONT	0,40	0,40		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
442	Khu sân kho, thôn Lê Xá	ONT	0,09	0,09		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
443	Khu ao ông Tuyền, đội 4	ONT	0,10	0,10		Huyện Mỹ Đức	2021
444	Khu sân kho đội 1	ONT	0,04	0,04		Huyện Mỹ Đức	2021
445	Đầu giá QSD đất ở tại xã Lê Thanh (Hóc Ao Cống, thôn Lê Xá 0,54ha; Ao Cống Lê, thôn Lê Xá 0,30ha; Ao Áng Thượng, thôn Áng Thượng 0,82ha;)	ONT	1,66	1,66		Huyện Mỹ Đức	2022
446	Khu Ao Cống Lê- Lê Xá	ONT	0,33	0,33		Huyện Mỹ Đức	2021
447	Khu Thôn Áng Thượng	ONT	0,82	0,82		Huyện Mỹ Đức	2021
448	Khu Nhà Văn hóa Lê Xá cũ thôn Lê Xá	ONT	0,06	0,06		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
449	Khu Ao Lò Gạch thôn Đức Thụ	ONT	0,30	0,30		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
450	Khu Ao Cổ Ngựa thôn Lê Xá	ONT	0,28	0,28		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
451	Khu Ao Chèo Trên, thôn Lê Xá	ONT	0,10	0,10		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
452	Khu Đồng Ré	ONT	3,70	3,70		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
453	Khu Tam Thai, Rộc Thuê	ONT	7,70	7,70		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
454	Khu Ao Lò Gạch thôn Áng Hạ	ONT	0,05	0,05		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
455	Khu ao ông Nguyễn Văn Khanh (thôn Xuy Xá)	ONT	0,29	0,29		Huyện Mỹ Đức	2021
456	Khu ao ông Thường tới sát ao lò gạch (thôn Thượng)	ONT	0,29	0,29		Huyện Mỹ Đức	2021
457	Khu Trường Mầm non thôn Nghĩa (thôn Nghĩa)	ONT	0,05	0,05		Huyện Mỹ Đức	2021
458	Đất đầu giá khu Kho Hợp tác xã nông nghiệp	ONT	0,12	0,12		Huyện Mỹ Đức	2021
459	Khu đất xen kẹt khu dân cư thôn Nội	ONT	0,07	0,07		Huyện Mỹ Đức	2021
460	Khu đất xen kẹt khu dân cư thôn Thượng	ONT	0,08	0,08		Huyện Mỹ Đức	2021
461	Khu vực Ngõ Đồng, thôn Tân Độ	ONT	0,05	0,05		Huyện Mỹ Đức	2021
462	Khu ao Nghĩa giáp ông Hai Soạn (thôn Nghĩa)	ONT	0,05	0,05		Huyện Mỹ Đức	2021
463	Khu Giáp chùa Độ (Xuy Xá)	ONT	4,48	4,48		Huyện Mỹ Đức	2021
464	Khu ao ông Thương thôn Đoài	ONT	0,23	0,23		Huyện Mỹ Đức	2021
465	Khu 1 thôn Nghĩa	ONT	0,05	0,05		Huyện Mỹ Đức	2022
466	Khu 2 trước nghĩa trang liệt sĩ	ONT	0,29	0,29		Huyện Mỹ Đức	2022
467	Khu 3, thôn Thượng	ONT	0,30	0,30		Huyện Mỹ Đức	2022
468	Khu Rộc Láng, Gò Cả	ONT	5,60	5,60		Huyện Mỹ Đức	2021
469	Khu Ao Cánh Mầu	ONT	0,09	0,09		Huyện Mỹ Đức	2021
470	Khu Ao đội 4	ONT	0,90	0,90		Huyện Mỹ Đức	2021
471	Khu Đầu Rùa	ONT	2,05	2,05		Huyện Mỹ Đức	2021
472	Khu Trại lợn cũ thôn Hạ	ONT	1,33	1,33		Huyện Mỹ Đức	2021

473	Khu Mả Đồng đầu thôn Hạ	ONT	1,10	1,10		Huyện Mỹ Đức	2021
474	Khu Đường Ngang	ONT	0,60	0,60		Huyện Mỹ Đức	2021
475	Khu Ao ông Bảo xóm Soi	ONT	0,09	0,09		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
476	Khu Mả Hủ	ONT	4,00	4,00		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
477	Khu sát nhà văn hóa mới thôn 7	ONT	0,07	0,07		Huyện Mỹ Đức	2021
478	Khu giáp nhà ông Dích	ONT	0,03	0,03		Huyện Mỹ Đức	2021
479	Khu Trạm Y tế cũ (thôn 5)	ONT	1,88	1,88		Huyện Mỹ Đức	2021
480	Khu sau nhà Ông Truân thôn 2 (thôn 5)	ONT	0,02	0,02		Huyện Mỹ Đức	2021
481	Khu mặt đường 424- Thôn 10	ONT	0,05	0,05		Huyện Mỹ Đức	2021
482	Khu mặt đường 424- Thôn 10	ONT	0,01	0,01		Huyện Mỹ Đức	2021
483	Khu mặt đường 424- Thôn 10	ONT	0,01	0,01		Huyện Mỹ Đức	2021
484	Khu gần trạm bơm (Thôn 10)	ONT	0,92	0,92		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
485	Khu cạnh đường Phát Lên Xuy Xá (Thôn 5)	ONT	0,03	0,03		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
486	Khu cạnh nhà ông Độ (Thôn 7)	ONT	0,02	0,02		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
487	Khu sát nhà ông Tham (thôn 4)	ONT	0,03	0,03		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
488	Khu sau nhà ông Thủy (thôn 10)	ONT	0,02	0,02		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
489	Khu sau trường cấp 2 (thôn 5)	ONT	0,02	0,02		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
490	Khu Ao nhà máy Thôn 6	ONT	0,04	0,04		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
491	Khu Thôn 4	ONT	0,03	0,03		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
492	Khu Thôn 4	ONT	0,21	0,21		Huyện Mỹ Đức	2021-2025
493	Dự án đất đầu giá QSD đất tại xã Phù Lưu Tế (khu cạnh đường Phát Lên Xuy Xá (Thôn 5): 0,025 ha; Khu cạnh nhà ông Độ (Thôn 7): 0,024 ha; Khu gần trạm bơm (Thôn 10): 0,92 ha; Khu Đồng Vực: 0,60 ha.	ONT	1,57	1,57		Huyện Mỹ Đức	2022
494	Khu Đồng Gia , Hà Xá	ONT	4,25	4,25		Huyện Mỹ Đức	2021
495	Khu Ao Dục, Thượng Tiết	ONT	1,00	1,00		Huyện Mỹ Đức	2021
496	Khu trường tiểu học điểm Thượng Tiết	ONT	0,20	0,20		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
497	Khu Đàng Cừ, Cổ Mèo Dâu	ONT	1,70	1,70		Huyện Mỹ Đức	2021
498	Khu trạm y tế cũ	ONT	0,08	0,08		Huyện Mỹ Đức	2021
499	Khu Ao Đàng Sông	ONT	1,30	1,30		Huyện Mỹ Đức	2021
500	Khu Bãi Sậy, Bãi Cao, Đường chợ, Cừ Ngoài, Đàng Cái	ONT	2,83	2,83		Huyện Mỹ Đức	2021
501	Khu Mỏ Phụng	ONT	0,56	0,56		Huyện Mỹ Đức	2021
502	Khu Đồng ngọ Hạ	ONT	5,05	5,05		Huyện Mỹ Đức	2021
503	Khu Đồng Láng	ONT	0,31	0,31		Huyện Mỹ Đức	2021
504	Khu Vườn Ghè	ONT	1,80	1,80		Huyện Mỹ Đức	2021
505	Khu Cửa Dỏ	ONT	2,50	2,50		Huyện Mỹ Đức	2021
506	Khu bờ sông đào xóm 8 thôn	ONT	0,28	0,28		Huyện Mỹ Đức	2021
507	Khu Lò Ngói - Đốc Tín	ONT	0,10	0,10		Huyện Mỹ Đức	2021
508	Khu Ba Bụi - Đốc Kính	ONT	0,08	0,08		Huyện Mỹ Đức	2021
509	Khu Văn Mai - Đốc Kính	ONT	0,30	0,30		Huyện Mỹ Đức	2021
510	Khu Sau trường Tiểu học (Xóm 3 - Đốc Tín)	ONT	0,06	0,06		Huyện Mỹ Đức	2021
511	Khu ao Tiên Mai	ONT	0,23	0,23		Huyện Mỹ Đức	2021
512	Khu Chăn nuôi	ONT	0,48	0,48		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
513	Khu đất xen kẹt trong khu dân cư	ONT	1,50	1,50		Huyện Mỹ Đức	2022-2025

514	Khu xứ đồng Cây Nêu (thôn Đồng Bình)	ONT	1,00	1,00		Huyện Mỹ Đức	2021
515	Khu ao cửa làng thôn Nông Khê	ONT	0,21	0,21		Huyện Mỹ Đức	2021
516	Khu ao cá thôn Nông Khê	ONT	0,03	0,03		Huyện Mỹ Đức	2021
517	Khu ao ươm thôn Trung Hòa	ONT	0,23	0,23		Huyện Mỹ Đức	2021
518	Khu Bầu Đàm thôn Trung Hòa	ONT	0,72	0,72		Huyện Mỹ Đức	2021
519	Khu ao ươm thôn An Duyệt	ONT	0,40	0,40		Huyện Mỹ Đức	2021
520	Khu Đồng Nảy thôn Đồng Bình	ONT	0,50	0,50		Huyện Mỹ Đức	2021
521	Khu ao ông Hán thôn Hiền Giáo 1 (ao sau ra)	ONT	0,64	0,64		Huyện Mỹ Đức	2021
522	Khu Đàm Ba Sào thôn Phú Duy	ONT	0,60	0,60		Huyện Mỹ Đức	2021
523	Khu Đầu Chùa Trong thôn Hòa Lạc	ONT	0,27	0,27		Huyện Mỹ Đức	2021
524	Khu Đàm Hồ Khê	ONT	1,28	1,28		Huyện Mỹ Đức	2021
525	Khu Ao Ông Khang thôn Hiền Giáo	ONT	0,59	0,59		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
526	Khu Ao Bãi, Quai Chèo, Quai Vạc thôn An Đà	ONT	1,56	1,56		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
527	Khu Ao Cá Béc Hồ thôn Hiền Lương	ONT	0,60	0,60		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
528	Khu nhà văn hóa thôn Hiền Lương Cũ	ONT	0,08	0,08		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
529	Khu Ao Ông Hán thôn Hiền Giáo 2 (ao sau ra)	ONT	1,45	1,45		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
530	Khu đầu giá điểm trường mầm non cũ khu Viêm Khê	ONT	0,23	0,23		Huyện Mỹ Đức	2021
531	Khu Nghĩa Trang Ngoài	ONT	0,24	0,24		Huyện Mỹ Đức	2021
532	Khu đầu giá khu Dương Hạ (Viêm Khê)	ONT	0,51	0,51		Huyện Mỹ Đức	2021
533	Khu đầu giá xứ đồng Bầu Sào +Gò Bầu (Phú La)	ONT	0,20	0,20		Huyện Mỹ Đức	2021
534	Khu Cối Lim (Hạ Quất)	ONT	0,39	0,39		Huyện Mỹ Đức	2021
535	Khu Chuôm Chính, thôn Phú Liễn	ONT	0,27	0,27		Huyện Mỹ Đức	2021
536	Khu đầu giá điểm trường tiểu học Hợp Tiến A khu Phú La, Phú Liễn	ONT	0,23	0,23		Huyện Mỹ Đức	2021
537	Khu Đồng Quan + Trên Cờ (Thượng Quất)	ONT	1,40	1,40		Huyện Mỹ Đức	2021
538	Khu xứ đồng Khái Trong, Gò Ông Són (La Đồng)	ONT	1,09	1,09		Huyện Mỹ Đức	2021
539	Khu Đồng Trại	ONT	0,03	0,03		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
540	Khu đầu giá xứ đồng Ao Ải thôn Viêm Khê	ONT	1,38	1,38		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
541	Khu xứ đồng Cửa Làng (Phú	ONT	0,60	0,60		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
542	Khu thôn Vải mới	ONT	0,48	0,48		Huyện Mỹ Đức	2021
543	Khu vườn táo thôn Vải	ONT	0,16	0,16		Huyện Mỹ Đức	2021
544	Khu đất đầu giá thôn Vân	ONT	0,46	0,46		Huyện Mỹ Đức	2021
545	Khu Kỵ Điền Ải	ONT	1,64	1,64		Huyện Mỹ Đức	2021
546	Khu Xứ đồng 50 (thôn Phú Hiền)	ONT	2,28	2,28		Huyện Mỹ Đức	2021
547	Khu vực giáp trường cấp I B	ONT	0,15	0,15		Huyện Mỹ Đức	2021
548	Khu Cửa Quán, Lọc Giồng (thôn Thọ)	ONT	0,84	0,84		Huyện Mỹ Đức	2021
549	Khu vực ao Cánh Hàn (thôn Thọ)	ONT	0,18	0,18		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
550	Khu Cửa Làng (thôn Vải Mới)	ONT	0,49	0,49		Huyện Mỹ Đức	2022-2025

551	Phân trạm y tế (thôn Đồng Văn)	ONT	0,06	0,06		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
552	Đất ở mới khu trung tâm (Xứ đồng thôn Góc Báng)	ONT	2,34	2,34		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
553	Nhà văn hóa (thôn Đồi Dừng)	ONT	0,04	0,04		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
554	Nhà văn hóa (thôn Nam Hưng)	ONT	0,04	0,04		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
555	Khu Rặc Trúc (thôn Đồng Mít)	ONT	0,07	0,07		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
556	Khu Tai Cua (thôn Đồng Mít)	ONT	0,50	0,50		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
557	Khu Răng trường	ONT	0,60	0,60		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
558	Khu Đa Phương	ONT	0,49	0,49		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
559	Khu Cánh Vực	ONT	0,50	0,50		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
560	Khu Đồng Chùa, Kinh Đào	ONT	0,76	0,76		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
561	Khu tái định cư đường 419 (thôn Thượng)	ONT	0,50	0,50		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
562	Khu TĐC khu du lịch Quan Sơn (thôn Hạ Sở)	ONT	45,32	45,32		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
563	Khu tái định cư Cỏ Long	ONT	8,65	8,65		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
564	Khu tái định cư Vườn Táo (Thôn Áng Hạ)	ONT	1,40	1,40		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
565	Khu Đường Ngang, thôn Hạ	ONT	0,70	0,70		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
566	Khu Sung San (thôn 8)	ONT	3,20	3,20		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
567	Khu đồng Huyện giáp đường 24m (gần NVH xã)	ONT	0,50	0,50		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
568	Khu Yên Vỹ - Đồng Làn	ONT	0,10	0,10		Huyện Mỹ Đức	2021
569	Khu Đầu mương xóm 9, xóm 10	ONT	0,07	0,07		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
570	Khu đồng Huyện giáp đường 24m (gần NVH xã), đồng Chàng	ONT	13,03	13,03		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
571	Khu đồng Máy và Đồng Cửa thôn Phú Yên	ONT	4,71	4,71		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
572	Khu Đồng Cao - Đồng Cửa thôn Tiên Mai	ONT	1,00	1,00		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
573	Khu Đồng Dón - thôn Yên Vỹ	ONT	0,50	0,50		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
574	Khu Thôn Đông Bình	ONT	0,26	0,26		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
575	Khu Đồng Cao thôn An Đà	ONT	0,63	0,63		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
576	Khu Bàu Sào Đồng Thượng	ONT	0,55	0,55		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
577	Khu TĐC Cầu đập tràn Quan Sơn	ONT	0,19	0,19		Huyện Mỹ Đức	2021
578	Khu vực đồng Giồng thôn Vải	ONT	0,76	0,76		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
579	Đồng Đàm (dự án đề bao Đồng Chiêm)	ONT	0,26	0,26		Huyện Mỹ Đức	2021
580	Ao Ông Lâm (dự án đề bao Đồng Chiêm)	ONT	0,02	0,02		Huyện Mỹ Đức	2021
581	Ao cửa làng Ái Nàng (dự án cải tạo đề vùng 700)	ONT	0,05	0,05		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
582	Cửa Nhà văn hóa Phú Thanh (dự án cải tạo đề vùng 700)	ONT	0,02	0,02		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
583	Khu nhà ở & dịch vụ Thương Mại Yên Vỹ	ONT	27,40	27,40		Huyện Mỹ Đức	2022
584	Khu Cửa làng và Đồng Cao	ONT	15,00	15,00		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
585	Chuyển mục đích đất xen kẹt sang đất ở	ONT	0,30	0,30		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
586	Chuyển mục đích đất xen kẹt sang đất ở	ONT	1,00	1,00		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
587	Chuyển mục đích đất xen kẹt sang đất ở	ONT	0,06	0,06		Huyện Mỹ Đức	2022-2025

588	Chuyển mục đích đất xen kẹt sang đất ở	ONT	0,02	0,02		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
589	Chuyển mục đích đất xen kẹt sang đất ở khu Đồng Bền	ONT	0,20	0,20		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
590	Chuyển mục đích đất xen kẹt sang đất ở khu Bó Thông	ONT	0,10	0,10		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
591	Đấu giá quyền sử dụng đất ở tại Khu bãi trại xóm cầu thôn Hòa	ONT	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2022
592	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất Khu đô thị Mỹ Hà	ONT	2,10		2,10	Huyện Phú Xuyên	2022
593	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất Khu công đầm, Mai Trang	ONT	0,07		0,07	Huyện Phú Xuyên	2022
594	Khu đấu giá QSD đất ở Phúc Xuyên	ONT	9,86		9,86	Huyện Phú Xuyên	2022
595	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất Ao ông Bảy, thôn Giáp Ba	ONT	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2022
596	Khu Bờ Giếng Trên, thôn Kiều Đông	ONT	1,02		1,02	Huyện Phú Xuyên	2022
597	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất ở khu lò cửa đình thôn Xuân La	ONT	0,49		0,49	Huyện Phú Xuyên	2022
598	Giao đất cho ông Nguyễn Thăng Long và bà Đinh Thị Nền	ONT	0,01		0,01	Huyện Phú Xuyên	2022
599	Đấu giá quyền sử dụng đất ở tại Khu dọc dưới thôn Giẽ Hạ	ONT	2,98		2,98	Huyện Phú Xuyên	2022
600	Đấu giá QSD đất ở tại khu Cụ Nguyễn, thôn Phong Triều, xã Nam Triều, huyện Phú Xuyên	ONT	1,02		1,02	Huyện Phú Xuyên	2022
601	Đấu giá QSD đất ở tại khu ruộng Đồng Trâu, thôn An Mỹ, xã Đại Thắng	ONT	1,60		1,60	Huyện Phú Xuyên	2022
602	Khu ao Nhà văn hóa, thôn	ONT	0,50		0,50	Huyện Phú Xuyên	2022
603	Khu ruộng Cửa đình, thôn Phú Đôi, xã Đại Thắng	ONT	1,39		1,39	Huyện Phú Xuyên	2022
604	Khu Cửa Kho giáp sân thể thao, thôn Trãi	ONT	0,21		0,21	Huyện Phú Xuyên	2022
605	Khu Vạn Được 2, thôn Cổ Trai	ONT	0,16		0,16	Huyện Phú Xuyên	2022
606	Khu Sau UBND huyện, tiểu khu Thao Chính- Tiểu khu Phú Mỹ, thị trấn Phú Xuyên	ONT	3,39		3,39	Huyện Phú Xuyên	2022
607	Khu Nam Chính, tiểu khu Thao Chính, thị trấn Phú Xuyên	ONT	10,80		10,80	Huyện Phú Xuyên	2022
608	Khu ao Hội Trường, thôn Kim Long Thượng, xã Hoàng Long	ONT	0,86		0,86	Huyện Phú Xuyên	2022
609	Khu ao Họ, thôn Hoàng Nguyên, xã Tri Thủy	ONT	0,11		0,11	Huyện Phú Xuyên	2022
610	Khu ao ông Hoạt, thôn Cầu Giẽ, xã Châu Can	ONT	0,87		0,87	Huyện Phú Xuyên	2022
611	khu Khoai vực, đường thanh niên, thôn Từ Thuận	ONT	1,60		1,60	Huyện Phú Xuyên	2022

612	Khu Phúc Tiến, thôn An Khoái, thôn Ứng Hòa, thôn Cỗ Ché	ONT	9,31		9,31	Huyện Phú Xuyên	2022
613	Khu Đồng Xép, thôn Thao Nội, xã Sơn Hà	ONT	7,40		7,40	Huyện Phú Xuyên	2022
614	Khu Đồng Thọ, thôn Bái Xuyên, xã Minh Tân	ONT	2,78		2,78	Huyện Phú Xuyên	2022
615	Khu Ách Trong, thôn Sảo Hạ, xã Quang Lăng	ONT	0,97		0,97	Huyện Phú Xuyên	2022
616	Khu Làn Trại, thôn Thủy Trú	ONT	0,83		0,83	Huyện Phú Xuyên	2022
617	Xây dựng HTKT khu tái định cư ven đường Truyền thống, thôn An Khoái	ONT	9,80		9,80	Huyện Phú Xuyên	2022
618	Khu Đấu giá quyền sử dụng đất, Khu tái định cư Khu Đồng Hồ Trong, thôn Phúc Lâm	ONT	1,20		1,20	Huyện Phú Xuyên	2022
619	Xây dựng HTKT tái định cư khu Đồng Bầy Mẫu, xã Tri Thủy phục vụ công tác GPMB dự án trên địa bàn huyện Phú Xuyên	ONT	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2022
620	Xây dựng HTKT tái định cư khu Đồng Bồn, xã Tri Thủy phục vụ công tác GPMB dự án trên địa bàn huyện Phú Xuyên	ONT	2,23		2,23	Huyện Phú Xuyên	2022
621	Chuyển vị trí sử dụng đất của bà Đỗ Thái Hà, xã Minh Tân	ONT	0,02		0,02	Huyện Phú Xuyên	2022
622	Đấu giá QSD đất ở khu ao ông Bầy, thôn Giáp Ba, xã Bạch Hạ	ONT	0,19		0,19	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
623	Đấu giá QSD đất ở khu ao ông Phẩm, thôn Giáp Tư, xã Bạch Hạ	ONT	0,06		0,06	Huyện Phú Xuyên	2022
624	Đấu giá QSD đất ở khu Khu giáp trường mầm non An Bình, thôn An Bình	ONT	1,54		1,54	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
625	Đấu giá QSD đất ở khu Khu Làn Trại, thôn Thủy Trú	ONT	0,83		0,83	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
626	Đấu giá QSD đất ở khu Ngõ Bò, Giáp Tư	ONT	0,08		0,08	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
627	Đấu giá QSD đất ở khu khu Cửa Đình, Giáp Tư	ONT	0,50		0,50	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
628	Đấu giá QSD đất ở khu ao Phía Tây, thôn Giáp Tư	ONT	0,81		0,81	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
629	Đấu giá QSD đất ở khu ao Phía Tây, thôn Giáp Ba	ONT	0,49		0,49	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
630	Đấu giá QSD đất ở khu ao phía Đông, Giáp Ba	ONT	0,23		0,23	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
631	Khu Vòng Thượng, thôn Bài Lễ	ONT	0,42		0,42	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
632	Khu ao ông Hoạt, thôn Cầu Giẽ	ONT	0,90		0,90	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
633	Khu ông Khương, thôn Nghĩa Lập (Vườn Dậm)	ONT	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
634	Khu đồng Bài Lễ, thôn Bài Lễ	ONT	0,90		0,90	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
635	Khu chân Tre + Bờ Giếng, thôn Tư Can	ONT	2,00		2,00	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
636	Khu Đình Đụn, thôn Quán	ONT	0,45		0,45	Huyện Phú Xuyên	2021-2025

637	Đấu giá QSD đất ở khu Sau Làng, thôn Cổ Châu, xã Châu Can	ONT	0,57		0,57	Huyện Phú Xuyên	2022
638	Đấu giá QSD đất ở khu Sau Làng, thôn Nội, xã Châu Can	ONT	0,31		0,31	Huyện Phú Xuyên	2022
639	Khu ông Cao, thôn Lễ Thượng	ONT	0,05		0,05	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
640	Khu dân cư xã Châu Can	ONT	10,00		10,00	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
641	Đấu giá QSD đất ở tại ao Nhà văn hóa, thôn Thượng, xã Chuyên Mỹ, huyện Phú Xuyên	ONT	0,50		0,50	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
642	Giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân tại xã Chuyên Mỹ	ONT	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
643	Đấu giá đất ở Khu Làn Vuông, thôn Trung	ONT	0,72		0,72	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
644	Đấu giá đất ở Khu Chồi Ngoài, thôn Đồng Vinh	ONT	0,50		0,50	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
645	Đấu giá đất ở Khu ao Làng 2, thôn Hạ	ONT	0,26		0,26	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
646	Đấu giá đất ở Khu Rãnh M, thôn Bối Khê	ONT	0,76		0,76	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
647	Đấu giá đất ở Khu Bãi Bông, thôn Trung	ONT	0,08		0,08	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
648	Đấu giá đất ở Khu Cửa Làng, thôn Mỹ Vắn	ONT	1,67		1,67	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
649	Đấu giá QSD đất ở tại khu Đường Tròn, thôn Ngõ, xã Chuyên Mỹ, huyện Phú Xuyên	ONT	0,99		0,99	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
650	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất Khu Rãnh Sen, thôn Bối Khê	ONT	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
651	Đấu giá QSD đất ở Khu ao Tam Bảo+ ao Trũng, thôn Tạ Xá	ONT	0,11		0,11	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
652	Đấu giá QSD đất ở Khu ao Thùng Đẩu, thôn An Mỹ	ONT	0,42		0,42	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
653	Đấu giá QSD đất ở khu Ruộng sau Đồng, thôn Văn Hội	ONT	2,80		2,80	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
654	Đấu giá quyền sử dụng đất tại khu Đồng Trâu thôn An Mỹ	ONT	4,30		4,30	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
655	Đấu giá QSD đất ở khu Ruộng Đồng Trâu, thôn An Mỹ	ONT	1,60		1,60	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
656	Đấu giá QSD đất ở khu Ruộng sau Đồng, thôn Văn Hội	ONT	2,58		2,58	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
657	Điểm dân cư xã Đại Thắng	ONT	10,00		10,00	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
658	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư khu Kênh Kiều Đoài (phục vụ dự án đường nhánh nối Quốc Lộ 1A và Cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ)	ONT	1,50		1,50	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
659	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất Khu ao phía Tây đường sắt, thôn Kiều Đoài	ONT	1,20		1,20	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
660	Đấu giá quyền sử dụng đất khu Bờ Giếng trên, thôn Kiều Đông, xã Đại Xuyên, Huyện Phú Xuyên	ONT	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2021-2025

661	Đấu Giá quyền sử dụng đất khu Vạn Được 2, thôn Cổ Trai, xã Đại Xuyên	ONT	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
662	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất khu ao bà Kênh, thôn Kiều Đoài	ONT	1,53		1,53	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
663	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất khu ao cửa làng - Chiều trên, thôn Thái Lai	ONT	0,50		0,50	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
664	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất khu giáp đường Cao Tốc, thôn Cổ Trai	ONT	1,70		1,70	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
665	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất khu Bà Hiệu, thôn Thường Xuyên	ONT	2,38		2,38	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
666	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất khu ao Lò Gạch thôn Kiều Đông	ONT	0,26		0,26	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
667	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất khu giáp Cao Tốc, thôn Thái Lai	ONT	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
668	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất khu sau Nhà văn hóa, thôn Đa Cát	ONT	0,25		0,25	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
669	Khu ao Hội Trường - ao Họ, thôn Kim Long Thượng (giai đoạn 1)	ONT	0,60		0,60	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
670	Khu ao Công Sơn - Thùng Lò, thôn Hoàng Đông	ONT	1,20		1,20	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
671	Khu Đường Sen, thôn Cổ Hoàng	ONT	1,54		1,54	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
672	Khu Ngưu Ngành - Vườn Xôi, Kim Long Nội - Kim Long Trung (giai đoạn 1)	ONT	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
673	Khu Thợ Dơ - Tư Văn, Kim Long Thượng	ONT	1,33		1,33	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
674	Khu Sau Vữa - Cầu Đất, thôn Nhị Khê	ONT	1,06		1,06	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
675	Đấu giá QSD đất ở tại Khu ao chữ A, Đào Xá	ONT	0,52		0,52	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
676	Khu ao Chuôm To (thôn Thanh Xuyên)	ONT	1,40		1,40	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
677	Đấu giá QSD đất ở tại Khu Chuôm, thôn Nhị Khê, xã Hoàng Long, huyện Phú Xuyên	ONT	0,14		0,14	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
678	Đấu giá QSD đất ở tại Khu Phần Trăm, thôn Phù Bát	ONT	2,25		2,25	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
679	Đấu giá quyền sử dụng đất ở tại Khu giáp Trình Viên, thôn Tân độ	ONT	1,50		1,50	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
680	Khu Tây Đình Thượng, Lát	ONT	0,43		0,43	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
681	Khu giáp trục phía Đông, thôn Duyên Yết	ONT	3,57		3,57	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
682	Khu chân mạ cửa ông Nhiều, thôn Duyên Trang	ONT	0,74		0,74	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
683	Khu Đất Sếp, thôn Vĩnh Hạ	ONT	1,60		1,60	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
684	Điểm dân cư xã Khai Thái	ONT	4,20		4,20	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
685	Điểm dân cư xã Tri Thủy	ONT	10,00		10,00	Huyện Phú Xuyên	2023-2025

686	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất Khu cửa ông Ngợi thôn Vĩnh Trung	ONT	0,10		0,10	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
687	Ao Phía Tây, thôn Lập Phương	ONT	0,31		0,31	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
688	Khu sau ông Chắp, thôn Vĩnh Trung	ONT	0,19		0,19	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
689	Ao ông San, thôn Vĩnh Thượng	ONT	0,06		0,06	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
690	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất khu Ngoài Đê, thôn Đồng Lạc	ONT	2,38		2,38	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
691	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất khu Đồng Dài Dưới 2, thôn Đồng Lạc	ONT	0,58		0,58	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
692	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất khu Cống Đàm, thôn Mai Trang, xã Minh Tân	ONT	0,07		0,07	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
693	Khu Ao Hè Thu, thôn Thành Lập	ONT	0,30		0,30	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
694	Chuyển mục đích sử dụng đất ở tại khu đồng đất sét	ONT	0,03		0,03	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
695	Đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu Đồng Thọ, thôn Bái Xuyên	ONT	2,10		2,10	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
696	Đấu giá đất ở Khu Cửa Đình-Đồng Nữ, thôn Nội Hợp	ONT	2,03		2,03	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
697	Đấu giá đất ở Khu Đô thị Phú Mỹ-Nam Phú (phần đất xã Nam Phong)	ONT	0,90		0,90	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
698	Đấu giá đất ở Khu Tam Quan 2, Nam Phú	ONT	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
699	QH đất ở thôn Cát Bi tại xứ đồng Bà Đức	ONT	3,00		3,00	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
700	Khu ông Tài, thôn Đại Gia	ONT	1,16		1,16	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
701	Khu Dầu Chùa, thôn Chanh Thôn	ONT	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
702	Khu Sau Làng 1, thôn Nhân Vực	ONT	0,50		0,50	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
703	Khu đấu giá màu cửa hàng thôn Thụy Phú	ONT	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
704	Khu Ao Lò, Thôn Nhân Vực	ONT	1,34		1,34	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
705	Mở rộng khu ở Chân Mạ Cửa Làng, Màu Cửa Hàng khu dân cư Thụy Phú	ONT	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
706	Khu ao hộ Sinh, Thôn Phong	ONT	0,70		0,70	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
707	Khu ao Bà Hòa 2, thôn Phong Triều	ONT	0,72		0,72	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
708	Đấu giá đất ở khu đồng vườn thôn Nam Quất	ONT	0,80		0,80	Huyện Phú Xuyên	2023-2025
709	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất Khu đồng soi trên Thôn Tư Sản	ONT	0,57		0,57	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
710	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất Khu ải mạ sau trường TH Thôn Lưu Đông	ONT	0,75		0,75	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
711	Khu Cánh Sông, thôn Trình Viên	ONT	0,16		0,16	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
712	Khu Chăn Nuôi, thôn Đường La - thôn Phú Túc	ONT	1,57		1,57	Huyện Phú Xuyên	2021-2025

713	Khu Sau Gia, thôn Phú Túc	ONT	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
714	Khu Giáp trường Mầm non Hoàng Xá, thôn Hoàng Xá	ONT	1,10		1,10	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
715	Khu Giáp đường trục Kinh Tế tỉnh Hà Tây cũ, thôn Trình Viên	ONT	7,60		7,60	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
716	Khu Sau Làng 2, thôn Giẽ	ONT	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
717	Khu Trục Đường xã, thôn Giẽ Hạ	ONT	0,97		0,97	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
718	Khu Vây Am. Thôn Thượng Yên	ONT	6,00		6,00	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
719	Khu Cánh Máy 2, thôn Thủy Phú	ONT	0,70		0,70	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
720	Đấu giá quyền sử dụng đất ở tại Khu dọc dưới thôn Giẽ Hạ	ONT	2,98		2,98	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
721	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư khu đầm Cửa Ga, thôn An Khoái (phục vụ xây dựng đường gom Cầu Giẽ - Phú Yên - Vân Từ tuyến phía Tây đường sắt)	ONT	0,70		0,70	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
722	Khu đấu giá đất ở khu Phúc Tiến	ONT	7,63		7,63	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
723	Đấu giá QSDĐ Khu ao Nổ To, thôn Khả Liễu	ONT	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
724	Đấu giá QSDĐ Khu giáp Mầm Non, thôn Cổ Chế	ONT	1,30		1,30	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
725	Đấu giá QSDĐ Khu Đầm 3, thôn Ứng Hòa	ONT	1,32		1,32	Huyện Phú Xuyên	2022
726	Đấu giá quyền sử dụng đất tại khu Thùng Nhèm, thôn An Khoái	ONT	0,60		0,60	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
727	Khu đấu giá quyền sử dụng đất Phúc Xuyên	ONT	9,80		9,80	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
728	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất Khu Lò cửa đình thôn Xuân La	ONT	0,50		0,50	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
729	Khu Đồng ao Cả, Gốc Sy, Bờ ố, Đồng Xép, thôn Xuân La	ONT	2,00		2,00	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
730	khu ao bầu Tam Từ Cầu Cao, thôn Phượng Vũ	ONT	2,00		2,00	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
731	Khu ao xóm Đông Hà, thôn Phượng Vũ	ONT	0,39		0,39	Huyện Phú Xuyên	2022
732	Khu ao Lò Gạch, thôn Xuân La	ONT	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
733	Khu ao bầu - Tam Từ Cầu Cao, thôn Phượng Vũ	ONT	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
734	Khu ao Cừ, thôn Phượng Vũ	ONT	0,70		0,70	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
735	Đấu giá quyền sử dụng đất ở khu Xứ đồng Đầm Nội, Tầm Hạ	ONT	0,45		0,45	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
736	Đấu giá quyền sử dụng đất ở tại Ngã tư Mễ đi chợ Chằm	ONT	0,24		0,24	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
737	Đấu giá QSD đất ở khu xứ đồng Ách Trong, Sảo Hạ	ONT	0,97		0,97	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
738	Đấu giá QSD đất ở khu ngã tư Mễ xứ đồng đường ngang thôn Mễ	ONT	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
739	Đấu giá quyền sử dụng đất ở khu Trà Dưới, thôn Tri Lễ	ONT	1,70		1,70	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
740	Đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu Ao Cửa Nổ, thôn Văn Lãng	ONT	0,18		0,18	Huyện Phú Xuyên	2021-2025

741	Đấu giá quyền sử dụng đất khu Đồng Xép, thôn Thao Nội, xã Sơn Hà	ONT	5,90		5,90	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
742	Đấu giá quyền sử dụng đất khu sau trạm Y tế, thôn Sơn Thanh	ONT	0,95		0,95	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
743	Đấu giá quyền sử dụng đất khu Trục Đường Chợ, thôn Sơn Thanh	ONT	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
744	QH đất ở khu đường vào trường cấp 3, thôn Đại Nghiệp	ONT	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
745	QH đất ở khu đồng Láng Đội 3, thôn Đồng Phố	ONT	1,40		1,40	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
746	QH đất ở Khu Trung Hộ xóm 3 giai đoạn 2, thôn Đồng Phố	ONT	0,16		0,16	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
747	QH đất ở Khu đồng Hàng đội 1, thôn Đồng Phố	ONT	0,98		0,98	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
748	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất Khu Thùng Lò Gạch, thôn Bái Đô	ONT	0,96		0,96	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
749	QH đất ở khu cánh Đồng Mây, thôn Tri Thủy	ONT	1,86		1,86	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
750	QH đất ở Khu ao Họ, thôn Hoàng Nguyên	ONT	0,15		0,15	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
751	QH đất ở khu ao Cạnh Chùa, thôn Nhân Sơn	ONT	0,17		0,17	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
752	QH đất ở Khu ao Bằng, thôn Nhân Sơn	ONT	0,58		0,58	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
753	QH đất ở Khu đất nhà văn hóa cũ, thôn Hoàng Nguyên	ONT	0,14		0,14	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
754	QH dân cư thôn Vĩnh Ninh cạnh chùa	ONT	0,25		0,25	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
755	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất khu Đồng Mèo, xã Tri Trung	ONT	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
756	Khu đường Cả, thôn Tri Chỉ	ONT	3,50		3,50	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
757	Khu Đồng Khay, thôn Nội gđ 2	ONT	0,89		0,89	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
758	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất khu Khoai Vực đường Thanh Niên thôn Từ Thuận	ONT	2,00		2,00	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
759	Đấu giá QSD đất ở khu Cửa Kho giáp Sân Vận động, Thôn Trãi, xã Vân Từ	ONT	0,21		0,21	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
760	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất Khu đồng độc, thôn Chính Vân	ONT	0,45		0,45	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
761	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất khu Đồng Mấy, thôn Chính Vân	ONT	2,00		2,00	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
762	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất Khu Sau Đồng và Đồng Go, thôn Chung Chẩn	ONT	2,00		2,00	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
763	Đấu giá quyền sử dụng đất khu Sau UBND huyện, tiểu khu Thao Chính- Tiểu khu Phú Mỹ, thị trấn Phú Xuyên	ONT	3,39		3,39	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
764	Đấu giá quyền sử dụng đất khu Đồng Quan, TK Mỹ Lâm	ONT	8,15		8,15	Huyện Phú Xuyên	2021-2025

765	Đầu giá quyền sử dụng đất khu Đường Cà, Tri Chỉ	ONT	3,46		3,46	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
766	Đầu giá quyền sử dụng đất Khu dân cư Tế Nông - Đồng Gừng	ONT	11,63		11,63	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
767	Dự kiến khu tái định cư ở xã Tri Thủy	ONT	3,90		3,90	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
768	Dự kiến khu tái định cư ở xã Phúc Tiến	ONT	6,50		6,50	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
769	Dự kiến khu tái định cư ở thị trấn Phú Xuyên	ONT	4,50		4,50	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
770	Dự kiến khu tái định cư tại thôn Bái Xuyên xã Minh Tân	ONT	2,50		2,50	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
771	Dự kiến khu tái định cư ở thị trấn Phú Minh	ONT	5,50		5,50	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
772	Dự kiến khu tái định cư ở xã Khai Thái	ONT	4,50		4,50	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
773	Dự án: Xây dựng hạ tầng đầu giá khu Đồng Võ xã Liên Hiệp, huyện Phúc Thọ	ONT	3,00		3,00	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
774	Dự án xây dựng HTKT đầu giá Quyền sử dụng đất xen kẹt tại khu Đồng Sâu xã Liên Hiệp	ONT	1,47		1,47	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
775	Xây dựng HTKT đầu giá Quyền sử dụng đất xen kẹt tại khu đồng Trường Yên, xã Long Xuyên	ONT	0,90		0,90	Huyện Phúc Thọ	2021-2023
776	Xây dựng HTKT khu đầu giá Quyền sử dụng đất xen kẹt tại khu Đồng Séo, xã Phúc Hòa	ONT	0,40		0,40	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
777	Xây dựng HTKT đầu giá quyền sử dụng đất khu Đồng Cá, xã Phúc Hòa	ONT	4,50		4,50	Huyện Phúc Thọ	2023-2024
778	Xây dựng HTKT đầu giá khu X3 Man Rôm, xã Phụng Thượng, huyện Phúc Thọ	ONT	3,26		3,26	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
779	Đầu giá đất ở mới khu dốc Mỹ Giang	ONT	0,28		0,28	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
780	Đầu giá quy hoạch sử dụng đất để xây dựng khu dân cư Công Nội xã Tam Hiệp	ONT	1,00		1,00	Huyện Phúc Thọ	2023-2024
781	Đầu giá quy hoạch sử dụng đất để xây dựng khu dân cư Hậu Đồng xã Tam Hiệp	ONT	2,06		2,06	Huyện Phúc Thọ	2023-2024
782	Xây dựng HTKT đầu giá Đồng Vô xã Tam Hiệp	ONT	0,55		0,55	Huyện Phúc Thọ	2023-2024
783	Dự án xây dựng HTKT đầu giá Quyền sử dụng đất xen kẹt tại Đồng Bầu thôn Nội, xã Tam Thuần	ONT	0,50		0,50	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
784	Dự án xây dựng hạ tầng đầu giá khu Tờ Chỉ xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ	ONT	1,50		1,50	Huyện Phúc Thọ	2023-2025

785	Dự án xây dựng hạ tầng đầu giá khu Công Chợ (giai đoạn 2) xã Tích Giang	ONT	1,00		1,00	Huyện Phúc Thọ	2022-2024
786	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đầu giá quyền sử dụng đất xen kẹt khu Dộc Tranh xã Trạch Mỹ Lộc, huyện Phúc Thọ	ONT	0,48		0,48	Huyện Phúc Thọ	2022-2023
787	Xây dựng HTKT đầu giá khu Dộc Tranh (Giai đoạn 2) xã Trạch Mỹ Lộc, huyện Phúc Thọ	ONT	2,65		2,65	Huyện Phúc Thọ	2022-2024
788	Đầu giá HTKT khu Đồng Dững (Giai đoạn 1)	ONT	10,00		10,00	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
789	Đầu giá HTKT khu Đồng Dững (Giai đoạn 2)	ONT	13,00		13,00	Huyện Phúc Thọ	2021-2025
790	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật đầu giá khu Đồng Gạo, xã Thọ Lộc	ONT	10,00		10,00	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
791	Xây dựng HTKT đầu giá đất ở Cầu Lọc - Giáo Hạ xã Ngọc Tảo	ONT	5,50		5,50	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
792	Xây dựng HTKT đầu giá khu Đồng Gò xã Sen Phương	ONT	2,50		2,50	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
793	Xây dựng HTKT đầu giá khu Sáu Tấn - Đồng Đuôi, xã Sen Phương	ONT	5,00		5,00	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
794	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật đầu giá khu Đồng Mỹ, xã Thượng Cốc	ONT	3,50		3,50	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
795	Xây dựng HTKT đầu giá khu X2 Lục Xuân xã Võng Xuyên	ONT	1,58		1,58	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
796	Xây dựng HTKT đầu giá khu Võng Ngoại xã Võng Xuyên	ONT	1,00		1,00	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
797	Xây dựng HTKT đầu giá khu Ải Bắc xã Võng Xuyên	ONT	1,90		1,90	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
798	Chuyển mục đích đất ở xen kẹt các xã	ONT	5,00		5,00	Huyện Phúc Thọ	2021-2025
799	Xây dựng HTKT đầu giá khu Rộc Môi xã Liên Hiệp	ONT	4,00		4,00	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
800	Dự án xây dựng HTKT đầu giá khu Kim Lũ xã Thượng Cốc	ONT	3,80		3,80	Huyện Phúc Thọ	2021-2025
801	Dự án xây dựng HTKT khu đất dịch vụ xã Long Xuyên, huyện Phúc Thọ	ONT	0,98		0,98	Huyện Phúc Thọ	2021-2022
802	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đầu giá quyền sử dụng đất Đồng Tre, Lỗ Gió, thôn Bảo Lộc	ONT	4,47		4,47	Huyện Phúc Thọ	2022-2023
803	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đầu giá quyền sử dụng đất xen kẹt khu Hương Nam xã Xuân Phú, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội	ONT	0,49		0,49	Huyện Phúc Thọ	2021-2022
804	Khu nhà ở Sinh thái Cẩm Đình-Hiệp Thuận	ONT	18,29		18,29	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
805	Đất ở tại nông thôn mới	ONT	117,42		117,42	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
806	Khu dân cư nông thôn mới khu tái định cư xã Đông Yên	ONT	0,68		0,68	Huyện Quốc Oai	2021-2025

807	Khu dân cư nông thôn mới khu trung tâm xã Đông Xuân	ONT	2,00		2,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
808	Khu dân cư nông thôn mới ĐG18, ĐG09 xã Hòa Thạch	ONT	2,70		2,70	Huyện Quốc Oai	2021-2025
809	Khu dân cư nông thôn mới (Khu Cây Đa – Thôn Bạch Thạch) xã Hoà Thạch	ONT	0,90		0,90	Huyện Quốc Oai	2021-2025
810	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất tái định cư và đầu giá quyền sử dụng đất ở xã Hoà Thạch	ONT	0,90		0,90	Huyện Quốc Oai	2021-2025
811	Khu dân cư nông thôn mới xã Cấn Hữu (Khu xem kệt XK2-CH và khu XK3-CH)	ONT	1,80		1,80	Huyện Quốc Oai	2021-2025
812	Khu dân cư nông thôn mới khu Man Trên, thôn Thế Trụ	ONT	1,87		1,87	Huyện Quốc Oai	2021-2025
813	Khu dân cư nông thôn mới ĐG05/2019 thôn Thế Trụ, xã Nghĩa Hương	ONT	2,47		2,47	Huyện Quốc Oai	2021-2025
814	Giao lại đất giãn cư cho 02 hộ năm 2012	ONT	0,02		0,02	Huyện Quốc Oai	2021-2025
815	Khu dân cư nông thôn mới khu đất dịch vụ xã Nghĩa Hương, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	ONT	3,63		3,63	Huyện Quốc Oai	2021-2025
816	Khu dân cư nông thôn mới ở xen kệt xã Nghĩa Hương (XK1-NH, XK2-NH, XK3-NH, XK4-NH, XK5-NH, XK6-NH, XK7-NH, XK8-NH)	ONT	1,00		1,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
817	Khu dân cư nông thôn mới thôn Đồng Sơn, xã Tuyết Nghĩa (trường mản non cũ),(ĐG09/2017).	ONT	0,08		0,08	Huyện Quốc Oai	2021-2025
818	Khu dân cư nông thôn mới thôn Cổ Hiền, xã Tuyết Nghĩa (ĐG30)	ONT	1,90		1,90	Huyện Quốc Oai	2021-2025
819	Khu dân cư nông thôn mới xã Tuyết Nghĩa (xen kệt XK2-TN, XK3-TN, XK4-TN, XK5-TN, XK7-TN, XK8-TN, XK9-TN)	ONT	0,50		0,50	Huyện Quốc Oai	2021-2025
820	Khu dân cư nông thôn mới xã Cộng Hòa (khu tái định cư)	ONT	4,90		4,90	Huyện Quốc Oai	2021-2025
821	Khu dân cư nông thôn mới thôn Yên Quán, xã Tân Phú (ĐG31)	ONT	1,30		1,30	Huyện Quốc Oai	2021-2025
822	Khu dân cư nông thôn mới xã Tân Phú (xen kệt XK1-TP, XK2-TP)	ONT	0,30		0,30	Huyện Quốc Oai	2021-2025
823	Khu dân cư nông thôn mới ĐG07/2018 xã Tân Hòa (Khu Sông Xưởng 2)	ONT	0,70		0,70	Huyện Quốc Oai	2021-2025
824	Khu dân cư nông thôn mới ĐG24 thôn Yên Nội, xã Đồng Quang	ONT	1,50		1,50	Huyện Quốc Oai	2021-2025
825	Khu dân cư nông thôn mới ĐG25 thôn Yên Nội, xã Đồng Quang	ONT	1,90		1,90	Huyện Quốc Oai	2021-2025

826	Khu dân cư nông thôn mới ĐG26 thôn Đồng Lư, xã Đồng Quang	ONT	3,06		3,06	Huyện Quốc Oai	2021-2025
827	Khu dân cư nông thôn mới (đất xen kẹt xã Liệp Tuyết)	ONT	0,40		0,40	Huyện Quốc Oai	2021-2025
828	Khu dân cư nông thôn mới xã Ngọc Liệp (ĐG12/2019)	ONT	1,20		1,20	Huyện Quốc Oai	2021-2025
829	Khu dân cư nông thôn mới (thôn Liệp Mai)	ONT	5,80		5,80	Huyện Quốc Oai	2021-2025
830	Khu dân cư nông thôn mới (thôn Ngọc Bài)	ONT	3,80		3,80	Huyện Quốc Oai	2021-2025
831	Khu dân cư nông thôn mới (thôn Ngọc Phúc)	ONT	1,70		1,70	Huyện Quốc Oai	2021-2025
832	Khu dân cư nông thôn mới (thôn Đồng Bụt)	ONT	3,60		3,60	Huyện Quốc Oai	2021-2025
833	Khu dân cư nông thôn mới thôn Ngọc Than, xã Ngọc Mỹ (ĐG TT01)	ONT	5,00	1,70	3,30	Huyện Quốc Oai	2021-2025
834	Đấu giá quyền sử dụng đất lựa chọn nhà đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình hỗn hợp nhà ở, văn phòng và dịch vụ thương mại ĐG 03/2019 xã Ngọc Mỹ	ONT	5,30		5,30	Huyện Quốc Oai	2021-2025
835	Khu dân cư nông thôn mới thôn Phú Mỹ, xã Ngọc Mỹ (ĐG06/2019)	ONT	5,00	3,90	1,10	Huyện Quốc Oai	2021-2025
836	Khu dân cư nông thôn mới xã Ngọc Mỹ (ĐG11/2019)	ONT	9,00		9,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
837	Khu dân cư nông thôn mới thôn Phú Mỹ, xã Ngọc Mỹ (ĐG04/2019, Khu Trại Cá - thôn Phú Mỹ)	ONT	0,77		0,77	Huyện Quốc Oai	2021-2025
838	Khu dân cư nông thôn mới ĐG20/2019 thôn Ngọc Than, xã Ngọc Mỹ	ONT	4,40		4,40	Huyện Quốc Oai	2021-2025
839	Khu dân cư nông thôn mới thôn Ngọc Than, xã Ngọc Mỹ (ĐG21.1/2019)	ONT	5,00		5,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
840	Khu dân cư nông thôn mới thôn Ngọc Than, xã Ngọc Mỹ (ĐG21.2/2019)	ONT	4,90		4,90	Huyện Quốc Oai	2021-2025
841	Khu dân cư nông thôn mới thôn Ngọc Than, xã Ngọc Mỹ (ĐG21.3/2019)	ONT	3,30		3,30	Huyện Quốc Oai	2021-2025
842	Khu dân cư nông thôn mới thôn Ngọc Than, xã Ngọc Mỹ (ĐG22/2019)	ONT	3,60		3,60	Huyện Quốc Oai	2021-2025
843	Khu dân cư nông thôn mới thôn Ngọc Than, xã Ngọc Mỹ (ĐG23/2019)	ONT	3,80		3,80	Huyện Quốc Oai	2021-2025
844	Khu dân cư nông thôn mới xen kẹt thôn Phú Mỹ, xã Ngọc Mỹ (giáp khu ĐG06/2019, xã Ngọc	ONT	0,80		0,80	Huyện Quốc Oai	2021-2025

845	Khu dân cư nông thôn mới thôn Ngọc Than, xã Ngọc Mỹ (giáp khu ĐGTT01 xã Ngọc Mỹ)	ONT	1,00		1,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
846	Khu dân cư nông thôn mới xã Thạch Thán, huyện Quốc Oai (vị trí tiếp giáp trục đường Bắc Nam thị trấn Quốc Oai)	ONT	1,80		1,80	Huyện Quốc Oai	2021-2025
847	Khu dân cư nông thôn mới ĐG02/2019 thôn Sơn Trung, xã Yên Sơn	ONT	1,65		1,65	Huyện Quốc Oai	2021-2025
848	Khu dân cư nông thôn mới khu đất dịch vụ xã Yên Sơn	ONT	4,80		4,80	Huyện Quốc Oai	2021-2025
849	Khu dân cư nông thôn mới xã Phương Cách (khu vực giáp Monaco)	ONT	7,00		7,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
850	Khu dân cư nông thôn mới xã Sài Sơn (ĐG08/2019)	ONT	1,30		1,30	Huyện Quốc Oai	2021-2025
851	Khu dân cư nông thôn mới xã Sài Sơn (điểm 01 - thôn Khánh Tân - xã Sài Sơn)	ONT	1,70		1,70	Huyện Quốc Oai	2021-2025
852	Khu dân cư nông thôn mới (điểm 03 - thôn Thụy Khuê - xã Sài Sơn)	ONT	4,90		4,90	Huyện Quốc Oai	2021-2025
853	Khu dân cư nông thôn mới Sài Sơn (phục vụ GPMB dự án khu vui chơi giải trí Tuần Châu)	ONT	9,32		9,32	Huyện Quốc Oai	2021-2025
854	Khu dân cư nông thôn mới (ĐG03, ĐG05, ĐG 06 - Sài Sơn)	ONT	0,49		0,49	Huyện Quốc Oai	2021-2025
855	Khu dân cư nông thôn mới (dự án đất dịch vụ CEO, xã Sài Sơn)	ONT	1,45		1,45	Huyện Quốc Oai	2021-2025
856	Khu dân cư nông thôn mới xã Sài Sơn (xen kẹt XK3-SS, XK4-SS, XK5-SS)	ONT	0,30		0,30	Huyện Quốc Oai	2021-2025
857	Khu dân cư nông thôn mới thôn Khánh Tân, xã Sài Sơn (điểm đầu giá 02)	ONT	3,57	3,57		Huyện Quốc Oai	2021-2025
858	Khu dân cư nông thôn mới thôn Phúc Đức, xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai (ĐG28, ĐG29, ĐG32)	ONT	15,00		15,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
859	Dự án khu đô thị mới tại lô đất N1+N3 thuộc khu đô thị Quốc Oai, huyện Quốc Oai	ONT	24,40	24,40		Huyện Quốc Oai	2021-2025
860	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đất dịch vụ Sài Sơn (phục vụ GPMB dự án đầu tư khu đô thị mới tại Lô N1 + N3)	ONT	3,40	3,40		Huyện Quốc Oai	2021-2025
861	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khung khu trung tâm tái định cư Vai Réo, xã Phú Cát	ONT	1,00		1,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
862	Khu dân cư nông thôn mới Gốc Sừa xã Phú Cát	ONT	0,03		0,03	Huyện Quốc Oai	2021-2025
863	Chuyển đất vườn, ao liền kề cùng thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở	ONT	63,00		63,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025

864	Xây dựng HTKT khu TĐC phục vụ GPMB các dự án trên địa bàn huyện	ONT	20,00		20,00	Huyện Sóc Sơn	2022-2025
865	Xây dựng HTKT khu đất đầu giá quyền sử dụng đất số 1 tại thôn Hương Đình, xã Mai	ONT	1,80	1,46	0,34	Huyện Sóc Sơn	2022
866	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư xã Hồng Kỳ phục vụ di dân vùng ảnh hưởng môi trường của khu LHXLCT Sóc Sơn (vùng bán kính 500m từ hàng rào khu LHXLCT Sóc Sơn)	ONT	7,50	7,20	0,30	Huyện Sóc Sơn	2022
867	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư xã Nam Sơn phục vụ di dân vùng ảnh hưởng môi trường của khu LHXLCT Sóc Sơn (vùng bán kính 500m từ hàng rào khu LHXLCT Sóc Sơn)	ONT	16,50	16,30	0,20	Huyện Sóc Sơn	2022
868	Xây dựng HTKT khu đất để đầu giá QSD đất tại thôn Thanh Nhàn, xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn	ONT	1,30		1,30	Huyện Sóc Sơn	2022
869	Xây dựng HTKT khu đất để đầu giá QSD đất tại thôn Tăng Long, xã Việt Long, huyện Sóc Sơn	ONT	0,75		0,75	Huyện Sóc Sơn	2022
870	Xây dựng HTKT khu đất để đầu giá QSD đất tại khu Đầm Ngái 1, thôn Xuân Lai, xã Xuân Thu	ONT	0,63		0,63	Huyện Sóc Sơn	2022
871	Xây dựng HTKT khu đất đầu giá quyền sử dụng đất số 2 tại thôn Hương Đình, xã Mai Đình	ONT	3,20	1,60	1,60	Huyện Sóc Sơn	2022
872	DA XD HTKT khu TĐC thôn Đa Hội phục vụ GPMB dự án khu LHXLCT Sóc Sơn	ONT	5,00	4,86	0,14	Huyện Sóc Sơn	2022
873	Dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy hoạch dự án: Cải tạo, nâng cấp đường 131 đoạn Núi Đồi đi xã Tân Minh. Bắc Phú và đường khu tập thể 143-418 xã Bắc Phú	ONT	1,50	1,30	0,20	Huyện Sóc Sơn	2022
874	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư xã Bắc Sơn phục vụ di dân vùng ảnh hưởng của khu LHXL chất thải Sóc Sơn (phạm vi bán kính 500m)	ONT	7,80		7,80	Huyện Sóc Sơn	2022
875	Xây dựng HTKT khu đất xen kẹt. nhỏ lẻ để đầu giá QSD đất tại Khu Đồng Sau. thôn Thạch Lỗi	ONT	0,42	0,01	0,41	Huyện Sóc Sơn	2022
876	Xây dựng HTKT chỉnh trang, phát triển khu dân cư tại Cửa Điện, thôn Phong Mỹ. xã Trung	ONT	1,41		1,41	Huyện Sóc Sơn	2022

877	Xây dựng HTKT khu tái định cư phục vụ GPMB dự án khu du lịch sinh thái Sóc Sơn (khu 1. khu 2. khu 3) thôn Vệ Linh. Cộng Hoà. xã Phù Linh	ONT	5,60	1,59	4,01	Huyện Sóc Sơn	2022
878	Xây dựng HTKT khu đất để đầu giá QSD đất phía Tây Bắc thôn Hương Đình, xã Mai Đình	ONT	0,80		0,80	Huyện Sóc Sơn	2022
879	Xây dựng HTKT khu đất để đầu giá QSD đất phía Đông Nam thôn Hương Đình, xã Mai Đình	ONT	0,78		0,78	Huyện Sóc Sơn	2022
880	Xây dựng HTKT chỉnh trang, phát triển khu dân cư tại thôn Tân Thái, xã Hiền Ninh	ONT	0,68		0,68	Huyện Sóc Sơn	2022
881	Xây dựng HTKT chỉnh trang, phát triển khu dân cư tại thôn Hiền Lương, xã Hiền Ninh	ONT	1,69		1,69	Huyện Sóc Sơn	2022
882	Xây dựng HTKT khu dân cư nông thôn tại thôn Xuân Dục, xã Tân Minh, huyện Sóc Sơn	ONT	0,58		0,58	Huyện Sóc Sơn	2022
883	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại xóm Ninh Liệt, thôn 9 xã Hồng Kỳ phục vụ di dân vùng ảnh hưởng môi trường KLHXL chất thải Sóc Sơn trong phạm vi bán kính 500m từ hàng rào khu LHXLCCT Sóc Sơn	ONT	9,50		9,50	Huyện Sóc Sơn	2022
884	Xây dựng HTKT khu đất để đầu giá QSD đất tại xã Phù Linh, huyện Sóc Sơn	ONT	4,30	4,16	0,14	Huyện Sóc Sơn	2022
885	Xây dựng HTKT khu đất xen kẹt phục vụ đầu giá QSD đất tại xứ đồng Sau Làng, thôn Hoàng Dương, xã Mai Đình, huyện Sóc Sơn	ONT	0,50		0,50	Huyện Sóc Sơn	2022
886	Xây dựng HTKT khu đất phục vụ đầu giá QSD đất tại ven đê thôn Kim Hạ, xã Kim Lũ, huyện Sóc Sơn	ONT	1,00		1,00	Huyện Sóc Sơn	2022
887	Xây dựng HTKT chỉnh trang, phát triển khu dân cư tại Cửa Kho, thôn Bình An, xã Trung Giã	ONT	2,55		2,55	Huyện Sóc Sơn	2022
888	Xây dựng HTKT chỉnh trang, phát triển khu dân cư tại khu cầu Đá, thôn Bình An, xã Trung Giã	ONT	3,50		3,50	Huyện Sóc Sơn	2022
889	Xây dựng HTKT khu đất để đầu giá QSD đất tại thôn Ấp Cút, xã Mai Đình, huyện Sóc Sơn	ONT	1,80		1,80	Huyện Sóc Sơn	2022
890	Xây dựng HTKT khu đất để đầu giá QSD đất tại thôn Lạc Nông, xã Mai Đình, huyện Sóc Sơn	ONT	1,90		1,90	Huyện Sóc Sơn	2022

891	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá QSD đất tại thôn Tiên Tào, xã Việt Long, huyện Sóc Sơn	ONT	2,10		2,10	Huyện Sóc Sơn	2022
892	Xây dựng HTKT khu đất để đấu giá QSD đất tại thôn Ngô Đạo, xã Tân Hưng, huyện Sóc Sơn	ONT	1,70		1,70	Huyện Sóc Sơn	2022
893	Xây dựng HTKT khu đất để đấu giá QSD đất tại thôn Xuân Bách, xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn	ONT	17,80		17,80	Huyện Sóc Sơn	2022
894	Xây dựng HTKT chỉnh trang, phát triển khu dân cư nông thôn tại thôn Đông Lai, xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn	ONT	1,58		1,58	Huyện Sóc Sơn	2022
895	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư nông thôn tại thôn Tăng Long, xã Việt Long, huyện Sóc Sơn	ONT	1,14		1,14	Huyện Sóc Sơn	2022
896	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư nông thôn tại khu Cửa Chợ, thôn Ngô Đạo, xã Tân Hưng, huyện Sóc Sơn	ONT	3,80		3,80	Huyện Sóc Sơn	2022
897	Giải quyết tồn tại giao đất giãn dân theo Kết luận 332/KL-TTCT của Thanh tra Chính phủ	ONT	0,17	0,17		Huyện Sóc Sơn	2022
898	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất vườn, ao liền kề (cây lâu năm, nuôi trồng thủy sản) trong cùng thửa đất ở sang đất ở;	ONT	4,46	4,46		Huyện Sóc Sơn	2022
899	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất vườn, ao xen kẹt trong khu dân cư (không phải là đất công, đất nông nghiệp được giao nằm xen kẹt trong khu dân cư theo khoản 3 Điều 17 quy định kèm theo Quyết định 12/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND TP)	ONT	15,38	15,38		Huyện Sóc Sơn	2022
900	Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án Khu nhà ở để bán cho cán bộ chiến sỹ Tổng cục Chính trị Công an nhân dân - Bộ Công an	ONT	4,79		4,79	Huyện Sóc Sơn	2022
901	Dự án xây dựng HTKT khu đất để đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn Dtrợc Thượng, xã Tiên Dược, huyện Sóc Sơn	ONT	3,27		3,27	Huyện Sóc Sơn	2022
902	Xây dựng HTKT chỉnh trang, phát triển khu dân cư tại thôn Tân Trung Chùa, xã Hiền Ninh	ONT	1,94	1,94		Huyện Sóc Sơn	2022
903	Chuyển mục đích sử dụng đất từ vườn, ao liền kề (cây lâu năm, nuôi trong thủy sản) trong cùng thửa đất ở sang đất ở	ONT	26,31	26,31		Huyện Sóc Sơn	2022

904	Chuyên mục đích sử dụng đất lừ vườn, ao xen kẹt trong khu dân cư (không phải là đất công, đất nông nghiệp được giao nam xen kẹt trong khu dân cư theo khoản 3 Điều 17 Quyết định số 12/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND Thành phố)	ONT	19,70	19,70		Huyện Sóc Sơn	2022
905	Xây dựng HTKT chỉnh trang, phát triển khu dân cư nông thôn tại thôn Đông Lai, xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn	ONT	1,58		1,58	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
906	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá quyền sử dụng đất số 1 tại thôn Hương Đình, xã Mai Đình	ONT	1,80		1,80	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
907	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá quyền sử dụng đất số 2 tại thôn Hương Đình, xã Mai Đình	ONT	3,20		3,20	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
908	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư xã Nam Sơn phục vụ di dân vùng ảnh hưởng môi trường của khu LHXLCST Sóc Sơn (vùng bán kính 500m từ hàng rào khu LHXLCST Sóc Sơn)	ONT	16,50		16,50	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
909	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá tại Cống Cả, thôn Dược Thượng, xã Tiên Dược	ONT	0,30		0,30	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
910	Xây dựng HTKT khu đất xen kẹt, nhỏ lẻ để đấu giá QSD đất tại Khu Đồng Sau, thôn Thạch Lỗi	ONT	0,42		0,42	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
911	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá QSD đất xen kẹt tại Khu Cửa Ấp, thôn Xuân Sơn	ONT	0,48		0,48	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
912	Xây dựng HTKT chỉnh trang, phát triển khu dân cư tại thôn Tân Thái, xã Hiền Ninh	ONT	0,70		0,70	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
913	Xây dựng HTKT khu đất để đấu giá QSD đất phía Đông Nam thôn Hương Đình, xã Mai Đình	ONT	0,78		0,78	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
914	Xây dựng HTKT khu đất để đấu giá QSD đất phía Tây Bắc thôn Hương Đình, xã Mai Đình	ONT	0,80		0,80	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
915	Xây dựng HTKT khu đất phục vụ đấu giá QSD đất tại ven đê thôn Kim Hạ, xã Kim Lũ, huyện Sóc Sơn	ONT	1,00		1,00	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
916	Xây dựng HTKT chỉnh trang, phát triển khu dân cư tại khu Dộc Sau Làng, thôn Hoàng Dương, xã Mai Đình	ONT	1,07		1,07	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
917	Xây dựng HTKT chỉnh trang, phát triển khu dân cư tại Cửa Điện, thôn Phong Mỹ, xã Trung	ONT	1,53		1,53	Huyện Sóc Sơn	2021-2025

918	Xây dựng HTKT chỉnh trang, phát triển khu dân cư tại thôn Hiền Lương, xã Hiền Ninh	ONT	1,69		1,69	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
919	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá QSD đất tại thôn Ngô Đạo, xã Tân Hưng, huyện Sóc Sơn	ONT	1,70		1,70	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
920	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn Ấp Cút, xã Mai Đình, huyện Sóc Sơn	ONT	1,80		1,80	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
921	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn Lạc Nông, xã Mai Đình, huyện Sóc Sơn	ONT	1,90		1,90	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
922	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá QSD đất tại thôn Tiên Tảo, xã Việt Long, huyện Sóc Sơn	ONT	2,10		2,10	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
923	Xây dựng HTKT chỉnh trang, phát triển khu dân cư tại thôn Tân Trung Chùa, xã Hiền Ninh	ONT	2,56		2,56	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
924	Xây dựng HTKT khu đất để đấu giá QSD đất tại thôn Dược Thượng, xã Tiên Dược, huyện Sóc Sơn	ONT	3,40		3,40	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
925	Xây dựng HTKT khu đất để đấu giá QSD đất tại xã Phù Linh, huyện Sóc Sơn	ONT	4,30		4,30	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
926	Xây dựng HTKT khu tái định cư phục vụ GPMB dự án khu du lịch sinh thái Sóc Sơn (khu 1, khu 2, khu 3) thôn Vệ Linh, Cộng Hoà, xã Phù Linh	ONT	5,60		5,60	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
927	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại xóm Ninh Liệt, thôn 9 xã Hồng Kỳ phục vụ di dân vùng ảnh hưởng môi trường KLHXL chất thải Sóc Sơn trong phạm vi bán kính 500m từ hàng rào khu LHXLCST Sóc Sơn	ONT	9,50		9,50	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
928	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá QSD đất tại thôn Xuân Bách, xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn	ONT	17,80		17,80	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
929	Xây dựng HTKT phục vụ đấu giá đất xen kẹt tại các xã	ONT	2,34		2,34	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
930	XD HTKT Khu A5 GDII	ONT	32,50	31,40	1,10	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
931	Xây dựng HTKT khu đất xen kẹt, nhỏ lẻ để đấu giá QSD đất tại Xứ đồng Cầu Lò, thôn Đức Hậu, xã Đức Hoà	ONT	0,49		0,49	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
932	Xây dựng HTKT khu đất xen kẹt phục vụ đấu giá QSD đất tại khu Thanh Luông, thôn Yên Tàng	ONT	1,60		1,60	Huyện Sóc Sơn	2021-2025

933	Xây dựng HTKT khu dân cư nông thôn tại khu Chuôm Bò, thôn Yên Tàng, xã Bắc Phú	ONT	2,10	2,00	0,10	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
934	Xây dựng HTKT khu dân cư nông thôn tại khu Góc Mít, thôn Yên Tàng, xã Bắc Phú	ONT	2,10		2,10	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
935	Xây dựng HTKT khu dân cư nông thôn tại khu gò Mái Chó, thôn Phú Tàng, xã Bắc Phú	ONT	1,20		1,20	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
936	Xây dựng HTKT khu đất phục vụ đấu giá QSD đất tại xã ven đê thôn Kim Hạ, xã Kim Lũ	ONT	1,18		1,18	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
937	XD HTKT khu đất đấu giá QSDĐ tại thôn 4, 5 (khu đất X1)	ONT	0,22	0,02	0,20	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
938	XD HTKT khu đất đấu giá QSDĐ tại thôn 4, 5 (khu đất X2)	ONT	0,05		0,05	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
939	Xây dựng HTKT khu đất để đấu giá QSDĐ tại khu Trường tiểu học Xuân Thu	ONT	0,91	0,04	0,87	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
940	Xây dựng HTKT khu đất để đấu giá QSDĐ tại khu Chợ Sỏi, Xuân Lai	ONT	0,35	0,01	0,34	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
941	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư xã Hồng Kỳ	ONT	5,76	0,13	5,63	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
942	Xây dựng HTKT đấu giá QSDĐ (thôn Ninh Kiều)	ONT	2,31		2,31	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
943	Xây dựng HTKT đấu giá QSDĐ (thôn Xuân Ấp)	ONT	2,31	0,05	2,26	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
944	Xây dựng HTKT đấu giá QSDĐ (thôn Xuân Ấp, Xuân Lễ)	ONT	3,83		3,83	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
945	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư nông thôn tại khu Cửa Chợ, thôn Ngõ Đạo, xã Tân Hưng, huyện Sóc Sơn	ONT	3,80		3,80	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
946	Xây dựng nhà ở cho cán bộ, chiến sỹ Tổng cục Chính trị Công an nhân dân	ONT	4,80		4,80	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
947	Dự án xây dựng HTKT khu đất xen kẹt phục vụ đấu giá QSD đất tại xứ đồng Độc Sạm, thôn Lương Châu	ONT	1,30		1,30	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
948	Xây dựng HTKT chỉnh trang, phát triển khu dân cư nông thôn tại khu Giếng Đồng, thôn Xuân Dục, xã Tân Minh, huyện Sóc Sơn	ONT	0,58	0,58		Huyện Sóc Sơn	2021-2025
949	Xây dựng HTKT chỉnh trang, phát triển khu dân cư nông thôn tại khu Ao Kho thôn Bình An, xã Trung Giã, huyện Sóc Sơn	ONT	1,31	1,31		Huyện Sóc Sơn	2021-2025
950	Xây dựng HTKT chỉnh trang, phát triển khu dân cư nông thôn tại thôn Xuân Sơn, xã Trung Giã, huyện Sóc Sơn	ONT	0,55	0,55		Huyện Sóc Sơn	2021-2025

951	Xây dựng HTKT khu dân cư nông thôn tại thôn Đông Đoài xã Phú Minh	ONT	3,00	3,00		Huyện Sóc Sơn	2022-2025
952	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phát triển khu dân cư tại xã Phù Linh, huyện Sóc Sơn	ONT	4,50	4,50		Huyện Sóc Sơn	2022-2025
953	Xây dựng HTKT chỉnh trang, phát triển khu dân cư nông thôn tại thôn Yêm, xã Đông Xuân	ONT	0,66	0,66		Huyện Sóc Sơn	2022-2025
954	Xây dựng HTKT điểm dân cư nông thôn tại thôn Kim Thượng, xã Kim Lũ	ONT	3,00	3,00		Huyện Sóc Sơn	2022-2025
955	Xây dựng HTKT điểm dân cư nông thôn tại thôn Ninh Kiều, xã Tân Dân	ONT	1,74	1,74		Huyện Sóc Sơn	2021-2025
956	Xây dựng HTKT điểm dân cư nông thôn tại thôn Sơn Đoài, xã Tân Minh	ONT	1,50	1,50		Huyện Sóc Sơn	2021-2025
957	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất tại thôn Đồng Chằm, xã Tiên Dược	ONT	2,00	2,00		Huyện Sóc Sơn	2021-2025
958	Xây dựng HTKT khu dân cư nông thôn tại thôn Thanh Sơn, xã Minh Phú, huyện Sóc Sơn	ONT	1,72	1,72		Huyện Sóc Sơn	2021-2025
959	Xây dựng HTKT khu dân cư nông thôn tại thôn Phú Thịnh, xã Minh Phú, huyện Sóc Sơn	ONT	1,96	1,96		Huyện Sóc Sơn	2021-2025
960	Xây dựng HTKT khu dân cư nông thôn tại khu Đồng Kếp, thôn Lương Phúc, xã Việt Long, huyện Sóc Sơn	ONT	2,05	2,05		Huyện Sóc Sơn	2021-2025
961	Xây dựng HTKT khu dân cư nông thôn tại thôn Thạch Lỗi, xã Thanh Xuân	ONT	0,67	0,67		Huyện Sóc Sơn	2021-2025
962	Xây dựng HTKT khu dân cư nông thôn tại khu Đồng Trên, thôn Yên Tàng, xã Bắc Phú	ONT	4,90	4,90		Huyện Sóc Sơn	2022-2025
963	Xây dựng HTKT phát triển khu dân cư nông thôn tại khu Đồng Vuông, thôn Thạch Lỗi, xã Thanh Xuân	ONT	2,97	2,97		Huyện Sóc Sơn	2021-2025
964	Xây dựng HTKT chỉnh trang, phát triển khu dân cư nông thôn tại thôn Thê Trạch, xã Mai Đình	ONT	4,50	4,50		Huyện Sóc Sơn	2023-2025
965	Xây dựng HTKT chỉnh trang, phát triển khu dân cư nông thôn tại thôn Cả, xã Đông Xuân	ONT	4,00	4,00		Huyện Sóc Sơn	2023-2025
966	Xây dựng HTKT khu dân cư nông thôn xứ đồng Vườn Nếp thôn Trung, xã Đức Hòa	ONT	3,80	3,80		Huyện Sóc Sơn	2023-2025
967	Xây dựng HTKT khu dân cư nông thôn tại thôn đường 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn	ONT	2,67	2,67		Huyện Sóc Sơn	2022-2025

968	Xây dựng HTKT khu dân cư nông thôn tại khu giáp đường tỉnh lộ 16 thôn Xuân Lai, xã Xuân Thu	ONT	2,10	2,10		Huyện Sóc Sơn	2024-2025
969	Xây dựng HTKT chỉnh trang, phát triển khu dân cư nông thôn tại thôn Bắc Thượng, xã Quang Tiến (điểm X1)	ONT	0,50	0,50		Huyện Sóc Sơn	2023-2025
970	Xây dựng HTKT chỉnh trang, phát triển khu dân cư nông thôn tại thôn Bắc Thượng, xã Quang Tiến (điểm X2)	ONT	2,20	2,20		Huyện Sóc Sơn	2024-2025
971	Xây dựng HTKT điểm dân cư nông thôn tại X2, thôn Phú Thịnh, xã Minh Phú, Huyện Sóc Sơn	ONT	1,50	1,50		Huyện Sóc Sơn	2024-2025
972	Xây dựng HTKT khu dân cư tại khu Xứ Đồng Ngoài thôn Yên Tàng, xã Bắc Phú, huyện Sóc Sơn	ONT	1,00	1,00		Huyện Sóc Sơn	2024-2025
973	Xây dựng HTKT khu dân cư nông thôn tại thôn Thanh Trí, xã Minh Phú	ONT	4,50	4,50		Huyện Sóc Sơn	2022-2025
974	Xây dựng HTKT khu dân cư nông thôn tại khu Trung tâm thôn Thanh Diễm, xã Tân Minh	ONT	2,50	2,50		Huyện Sóc Sơn	2022-2025
975	Xây dựng HTKT khu dân cư nông thôn tại khu Trung tâm thôn Thanh Nhân, xã Thanh Xuân	ONT	4,00	4,00		Huyện Sóc Sơn	2022-2025
976	Xây dựng HTKT phát triển khu dân cư tại Tổ 1, thị trấn Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn	ONT	6,00	6,00		Huyện Sóc Sơn	2023-2025
977	Xây dựng HTKT chỉnh trang phát triển khu dân cư nông thôn tại khu trung tâm xã Hiền Ninh (Khu X1)	ONT	9,50	9,50		Huyện Sóc Sơn	2023-2025
978	Xây dựng HTKT điểm dân cư giáp khu TĐC TD-MĐ thôn Dược Hạ, xã Tiên Dược	ONT	7,00	7,00		Huyện Sóc Sơn	2023-2025
979	Xây dựng HTKT khu dân cư nông thôn tại thôn Đông, Đoàn xã Phú Minh	ONT	3,00	3,00		Huyện Sóc Sơn	2022-2025
980	Xây dựng HTKT khu dân cư nông thôn tại xã Hồng Kỳ	ONT	3,20	3,20		Huyện Sóc Sơn	2022-2025
981	Xây dựng HTKT điểm dân cư nông thôn tại thôn Tân Do, xã Phù Lỗ	ONT	2,40	2,40		Huyện Sóc Sơn	2023-2025
982	Xây dựng HTKT điểm dân cư nông thôn tại thôn Đông Đoàn, xã Phù Lỗ	ONT	2,62	2,62		Huyện Sóc Sơn	2024-2025
983	Xây dựng HTKT điểm dân cư nông thôn tại thôn Ấp Vương, xã Tân Minh	ONT	10,00	10,00		Huyện Sóc Sơn	2023-2025
984	Xây dựng HTKT chỉnh trang, phát triển khu dân cư nông thôn tại thôn Thắng Hữu, xã Minh Trí	ONT	5,00	5,00		Huyện Sóc Sơn	2023-2025

985	Xây dựng HTKT điểm dân cư nông thôn tại thôn Xuân Dương giáp trục đường 16, xã Kim Lũ	ONT	3,00	3,00		Huyện Sóc Sơn	2024-2025
986	Xây dựng HTKT điểm dân cư tại khu sau tòa án thôn Lương Châu, xã Tiên Dược	ONT	1,20	1,20		Huyện Sóc Sơn	2022-2025
987	Xây dựng HTKT điểm dân cư nông thôn tại thôn Vệ Sơn Đoài, xã Tân Minh	ONT	1,50	1,50		Huyện Sóc Sơn	2021-2025
988	Xây dựng HTKT, chỉnh trang phát triển khu dân cư nông thôn tại thôn Tân Trung Chùa, xã Hiền Ninh (điểm X2)	ONT	5,00	5,00		Huyện Sóc Sơn	2021-2025
989	Xây dựng HTKT chỉnh trang, phát triển khu dân cư nông thôn tại thôn Xuân Tảo, xã Xuân Giang	ONT	2,20	2,20		Huyện Sóc Sơn	2021-2025
990	Xây dựng HTKT khu dân cư nông thôn tại khu Trung tâm thôn Xuân Lai, xã Xuân Thu	ONT	3,20	3,20		Huyện Sóc Sơn	2021-2025
991	Xây dựng HTKT khu dân cư nông thôn tại thôn Xuân Áp, xã Tân Dân, huyện Sóc Sơn	ONT	3,50	3,50		Huyện Sóc Sơn	2021-2025
992	Khu nhà ở công nhân và dịch vụ phụ trợ của khu công nghiệp sạch Sóc Sơn	ONT	19,70		19,70	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
993	Xây dựng HTKT khu đất xen kẹt, nhỏ lẻ để đầu giá QSD đất tại Xứ đồng Gò Trai, thôn Đức Hậu, xã Đức Hoà	ONT	0,49		0,49	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
994	Di chuyển, xây dựng bãi rác xã Canh Nậu	ONT	0,20		0,20	Huyện Thạch Thất	2021-2025
995	Xây dựng HTKT đầu giá khu trung tâm xã Đại Đồng	ONT	3,50		3,50	Huyện Thạch Thất	2021-2025
996	Đầu giá QSD đất khu đầu làng xã Cẩm Yên	ONT	1,30		1,30	Huyện Thạch Thất	2021-2025
997	Đầu giá QSD đất tại khu đất ở mới xã Cẩm Yên	ONT	6,00		6,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
998	Khu đầu giá đất ở mới Đầu Làng	ONT	3,90		3,90	Huyện Thạch Thất	2021-2025
999	Giải phóng mặt bằng khu đất đầu giá QSD đất tại khu đất ở mới xã Đồng Trúc	ONT	4,50		4,50	Huyện Thạch Thất	2021-2025
1000	Giải phóng mặt bằng khu đất đầu giá QSD đất thôn Trúc Động xã Đồng Trúc	ONT	1,60		1,60	Huyện Thạch Thất	2021-2025
1001	Giải phóng mặt bằng khu đất đầu giá QSD đất tại khu Đồi Phe, xã Đồng Trúc	ONT	4,60	4,60		Huyện Thạch Thất	2022
1002	Xây dựng HTKT đầu giá QSD đất thôn Lại Thượng, xã Lại Thượng	ONT	5,94		5,94	Huyện Thạch Thất	2025
1003	Giải phóng mặt bằng khu đất đầu giá QSD đất thôn Lại Khánh	ONT	0,34		0,34	Huyện Thạch Thất	2021-2025
1004	Khu tái định cư xã Lại Thượng	ONT	2,00		2,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025

1005	Đấu giá QSD đất thôn Ngũ Sơn	ONT	0,50		0,50	Huyện Thạch Thất	2021-2025
1006	Xây dựng HTKT đấu giá QSD đất khu trung tâm xã Phú Kim	ONT	1,50		1,50	Huyện Thạch Thất	2025
1007	Đấu giá QSD đất khu dân cư thôn Bách Kim xã Phú Kim	ONT	1,80		1,80	Huyện Thạch Thất	2021-2025
1008	Đấu giá QSD đất khu giáp TL420 thôn Thủy Lai xã Phú Kim	ONT	2,30		2,30	Huyện Thạch Thất	2021-2025
1009	Đấu giá QSD đất khu đất ở mới xã Kim Quan	ONT	1,30		1,30	Huyện Thạch Thất	2022
1010	Giải phóng mặt bằng khu đất đấu giá QSD đất khu đô thị mới cầu Bến Nghệ, xã Kim Quan	ONT	38,90	14,08	24,82	Huyện Thạch Thất	2023
1011	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất tại khu trung tâm xã Kim Quan	ONT	8,00		8,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
1012	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất tại khu trung tâm xã Hương Ngải	ONT	8,30		8,30	Huyện Thạch Thất	2021-2022
1013	Xây dựng HTKT đấu giá QSD đất tại khu Đồng Ngà (GĐ 3) xã Hương Ngải	ONT	1,60		1,60	Huyện Thạch Thất	2021-2022
1014	Khu đô thị xã Hương Ngải	ONT	57,00	47,00	10,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
1015	Xây dựng HTKT khu đất xen kẹt để đấu giá QSD đất khu Đồng Cháy, xã Hương Ngải	ONT	0,49		0,49	Huyện Thạch Thất	2022
1016	Xây dựng HTKT khu đất xen kẹt để đấu giá quyền sử dụng đất tại đồng Quân Kép (ký hiệu X1*)	ONT	0,43		0,43	Huyện Thạch Thất	2021-2022
1017	Giải phóng mặt bằng khu đấu giá QSD đất khu trung tâm xã Canh Nậu	ONT	6,50		6,50	Huyện Thạch Thất	2021-2025
1018	Giải phóng mặt bằng khu đất đấu giá QSD đất khu Ao Sen xã Canh Nậu (X1)	ONT	5,40		5,40	Huyện Thạch Thất	2021-2025
1019	Đấu giá QSD đất khu đồng Định xã Canh Nậu	ONT	5,90		5,90	Huyện Thạch Thất	2021-2025
1020	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất tại khu đất ở mới xã Canh Nậu	ONT	0,90		0,90	Huyện Thạch Thất	2022
1021	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất tại khu Đồng Định xã Dị Nậu	ONT	2,90		2,90	Huyện Thạch Thất	2021-2022
1022	Đấu giá QSD đất khu đất ở mới xã Dị Nậu	ONT	2,18		2,18	Huyện Thạch Thất	2021-2025
1023	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSDĐ tại khu đất ở mới (X2) xã Thạch Xá	ONT	0,22		0,22	Huyện Thạch Thất	2021-2022
1024	Giải phóng mặt bằng khu đất đấu giá QSD đất khu Đồng Bùi xã Thạch Xá	ONT	18,00		18,00	Huyện Thạch Thất	2023-2024
1025	Giải phóng mặt bằng khu đất đấu giá QSD đất khu trung tâm xã Thạch Xá	ONT	3,00		3,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025

1026	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá Đồng Thông - Đồng bán xã Chàng Sơn	ONT	4,96		4,96	Huyện Thạch Thất	2021-2022
1027	Đấu giá QSD đất Khu đất ở mới xã Bình Phú	ONT	0,40		0,40	Huyện Thạch Thất	2021-2025
1028	Xây dựng HTKT khu đất xen kẹt để đấu giá QSD đất tại khu đầu cầu dưới xã Bình Phú (ký hiệu	ONT	2,00		2,00	Huyện Thạch Thất	2021-2022
1029	Xây dựng khu đất đấu giá đất tại Cổng Cầu Tiên, xã Bình Phú	ONT	3,70		3,70	Huyện Thạch Thất	2021-2022
1030	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá QSD đất tại thôn Bình Xá xã Bình Phú (ký hiệu BP 01)	ONT	0,60		0,60	Huyện Thạch Thất	2021-2022
1031	Xây dựng HTKT đấu giá QSD đất tại thôn Phú Hòa xã Bình Phú	ONT	1,30		1,30	Huyện Thạch Thất	2023
1032	Đấu giá QSD đất khu trung tâm	ONT	1,00		1,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
1033	Khu dân cư mới xã Bình Phú	ONT	73,27	73,27		Huyện Thạch Thất	2021-2025
1034	Khu đất đấu giá đồng Mầu xã Hữu Bằng	ONT	4,80		4,80	Huyện Thạch Thất	2021-2025
1035	Đấu giá đất Khu Đồng Búi, xã Hữu Bằng	ONT	5,00		5,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
1036	Đấu giá đất khu đất ở mới, xã Hữu Bằng	ONT	1,00		1,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
1037	Giải phóng mặt bằng khu đất đấu giá QSD đất khu dân cư mới xã Hữu Bằng	ONT	11,00		11,00	Huyện Thạch Thất	2025
1038	Đấu giá quyền sử dụng đất tại khu Ó Trong	ONT	0,90		0,90	Huyện Thạch Thất	2022
1039	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá QSD đất tại khu đất ở mới xã Phùng Xá	ONT	7,60		7,60	Huyện Thạch Thất	2022
1040	Xây dựng HTKT và khu nhà ở tại xã Phùng Xá	ONT	22,28		22,28	Huyện Thạch Thất	2021-2022
1041	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá QSD đất tại khu đất ở mới xã Phùng Xá	ONT	0,50		0,50	Huyện Thạch Thất	2024
1042	Giải phóng mặt bằng khu đất đấu giá QSD đất khu dân cư mới tại xã Phùng Xá	ONT	3,81		3,81	Huyện Thạch Thất	2021-2025
1043	Đấu giá QSD đất xã Phùng Xá	ONT	1,60		1,60	Huyện Thạch Thất	2021-2025
1044	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá QSD đất tại khu Chăn Nuôi, xã Phùng Xá	ONT	0,71		0,71	Huyện Thạch Thất	2023
1045	Xây dựng HTKT đấu giá QSD đất tại thôn Phú Lễ xã Cấn Kiệm	ONT	4,70		4,70	Huyện Thạch Thất	2024
1046	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá QSD đất tại khu trung tâm xã Cấn Kiệm	ONT	1,80		1,80	Huyện Thạch Thất	2025
1047	Giải phóng mặt bằng khu đất đấu giá QSD đất Tích Giang Cấn	ONT	23,00	17,19	5,81	Huyện Thạch Thất	2023
1048	Giải phóng mặt bằng khu đất đấu giá QSD đất hai bên Sông Tích xã Cấn Kiệm	ONT	24,00		24,00	Huyện Thạch Thất	2023

1049	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá QSD đất tại khu đất ở mới xã Tân Xã	ONT	3,42		3,42	Huyện Thạch Thất	2021-2022
1050	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá QSD đất tại khu đất ở mới (2 địa điểm) tại xã Tân Xã	ONT	3,45		3,45	Huyện Thạch Thất	2021-2025
1051	Giải phóng mặt bằng khu đất đấu giá QSD đất khu trung tâm xã Tân Xã	ONT	26,00		26,00	Huyện Thạch Thất	2023
1052	Giải phóng mặt bằng khu đất đấu giá QSD đất khu Đồi Mới xã Tân Xã (Thôn 6)	ONT	3,00		3,00	Huyện Thạch Thất	2021-2022
1053	Xây dựng HTKT khu đất dịch vụ Sau Đình, Đồi Mới xã Tân Xã (phần bổ sung)	ONT	0,68		0,68	Huyện Thạch Thất	2021-2022
1054	Giải phóng mặt bằng khu đất đấu giá QSD đất khu dân cư mới tại xã Hạ Bằng (Rậm Sắn; Khoang Re)	ONT	9,80		9,80	Huyện Thạch Thất	2021-2025
1055	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá QSD đất tại thôn 3 xã Hạ Bằng	ONT	2,35		2,35	Huyện Thạch Thất	2023
1056	Xây dựng HTKT khu đất dịch vụ Đồng Vai - Vai Kê xã Hạ bằng phục vụ GPMB khu CNC Hòa	ONT	12,90		12,90	Huyện Thạch Thất	2021-2025
1057	Xin thu hồi đất bổ sung dự án Khu dân dụng Bắc Phú Cát (phần mở rộng)	ONT	2,10	1,49	0,61	Huyện Thạch Thất	2022
1058	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá QSD đất tại khu Cửa Nâu (X6) xã Bình Yên	ONT	3,41		3,41	Huyện Thạch Thất	2022
1059	Giải phóng mặt bằng khu đất đấu giá QSD đất tại khu trung tâm xã Yên Trung	ONT	11,00		11,00	Huyện Thạch Thất	2023
1060	Khu đô thị sinh thái Lũng Xuân	ONT	199,80	#####		Huyện Thạch Thất	2021-2025
1061	Khu đô thị sinh thái Việt Hà	ONT	98,00	98,00		Huyện Thạch Thất	2021-2025
1062	Giải phóng mặt bằng khu đất đấu giá QSD đất khu dân cư mới xã Dị Nậu	ONT	13,00		13,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
1063	Giải phóng mặt bằng khu đất đấu giá QSD đất khu đồng Kê xã Canh Nậu	ONT	5,00		5,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
1064	Giải phóng mặt bằng phục vụ đấu giá QSD đất để xây dựng khu dân cư mới tại khu Đồng Thông - Đồng Bán, xã Chàng Sơn, huyện Thạch Thất (Giai đoạn 2)	ONT	4,50		4,50	Huyện Thạch Thất	2021-2025
1065	Đất ở khu đồng đang thôn Quan Nhân	ONT	4,70		4,70	Huyện Thanh Oai	2023
1066	Đất ở khu cát trong thôn Bạch Nao, khu Dọc kênh Y1-10A thôn Bạch Nao	ONT	1,68	1,68		Huyện Thanh Oai	2023

1067	Điểm dân cư 1 Ao Sen, Chuôm Lê, Đường Dẫn (thôn Rùa Hạ)	ONT	6,50		6,50	Huyện Thanh Oai	2023
1068	Điểm dân cư 2 đồng Bãi Láng (thôn Dư Dụ)	ONT	4,50		4,50	Huyện Thanh Oai	2023
1069	Đất ở khu Sau Đồng (thôn Rùa Hạ 1)	ONT	3,60		3,60	Huyện Thanh Oai	2023
1070	Đất ở khu Cửa Miếu, Sau Chùa, Đồng Đan, Cửa Ao Trên, Cửa Ao Dưới, Ngõ Cuối, Vườn Ươm, Cửa Làng (Từ Am), Cửa Miếu (Từ Am) (thôn Rùa Thượng)	ONT	1,70		1,70	Huyện Thanh Oai	2023
1071	Đất ở khu Mả Lê, Vũng Soi, Đầu Làng, Móc Rắn, khu Đầm Ba tra, Đầm Vực, Sau Ao, Cửa Đầm, Cửa Bến, Mả Lâu, Mả Bồng (thôn Rùa Hạ)	ONT	0,80		0,80	Huyện Thanh Oai	2023
1072	Đất ở khu bồng, nẻ dòng, đồng thanh thôn My Dương	ONT	6,00		6,00	Huyện Thanh Oai	2023
1073	Đất ở khu nội độc, cổng đình thôn My Thượng	ONT	1,90		1,90	Huyện Thanh Oai	2023
1074	Đất ở khu độc trên thôn My Hạ	ONT	1,53		1,53	Huyện Thanh Oai	2023
1075	Đất ở khu độc giữa thôn My Hạ	ONT	1,00		1,00	Huyện Thanh Oai	2023
1076	Đất ở khu độc dưới thôn My Hạ	ONT	2,17		2,17	Huyện Thanh Oai	2023
1077	Đất ở khu Đường Chợ Dưới thôn My Hạ	ONT	2,80		2,80	Huyện Thanh Oai	2023
1078	Đất ở mới khu cửa chùa, đồng cũ	ONT	1,28		1,28	Huyện Thanh Oai	2023
1079	Đất ở khu phần trăm cây đề thôn Tri Lễ	ONT	1,40		1,40	Huyện Thanh Oai	2023
1080	Đất ở thôn Tri Lễ	ONT	0,29		0,29	Huyện Thanh Oai	2023
1081	Đất ở mới khu Trại Chăn Nuôi, thôn Tân Ước (VT1)	ONT	1,55		1,55	Huyện Thanh Oai	2023
1082	Điểm dân cư mới khu Cưng trong	ONT	4,30		4,30	Huyện Thanh Oai	2023
1083	Điểm dân cư mới khu Cổng Nghè, Cây Vải thôn Lê Dương	ONT	5,00		5,00	Huyện Thanh Oai	2023
1084	Điểm dân cư mới khu Mả Mái	ONT	4,50		4,50	Huyện Thanh Oai	2023
1085	Đất ở khu trường mầm non cũ thôn Văn Khê, Bộ đội thông tin thôn Đại Định, khu Sau Hàng thôn Song Khê, Khu Mả Muối thôn Đại Định	ONT	0,30		0,30	Huyện Thanh Oai	2023
1086	Điểm dân cư Ao Ươm (thôn Tân Dân 1; Tân Tiến)	ONT	1,10		1,10	Huyện Thanh Oai	2023
1087	Điểm dân cư Trầm Sen Dưới	ONT	7,20	2,00	5,20	Huyện Thanh Oai	2023
1088	Điểm dân cư Trầm Sen điểm 2	ONT	2,00		2,00	Huyện Thanh Oai	2023
1089	Đất ở mới khu 5% thôn Đan	ONT	0,50		0,50	Huyện Thanh Oai	2023
1090	Đất ở khu Mộc Vật, Mộc Bê, Mộc Dưới thôn Châu Mai	ONT	11,00		11,00	Huyện Thanh Oai	2023
1091	Đất ở khu Mộc trên, Mộc khuyếch, cửa chùa thôn Châu Mai	ONT	8,30		8,30	Huyện Thanh Oai	2023
1092	Đất ở khu cửa quán, đồng con, cổ ngựa thôn Từ Châu	ONT	9,00		9,00	Huyện Thanh Oai	2023
1093	Đất ở khu Độc thôn Từ Châu	ONT	1,40		1,40	Huyện Thanh Oai	2023
1094	Đất ở khu bờ Giếng thôn Từ Châu	ONT	0,60		0,60	Huyện Thanh Oai	2023

1095	Điểm dân cư khu Gò Cát	ONT	4,60		4,60	Huyện Thanh Oai	2023
1096	Điểm dân cư khu Lang Tướng	ONT	6,50		6,50	Huyện Thanh Oai	2023
1097	Đất ở khu Đường Cái	ONT	1,70		1,70	Huyện Thanh Oai	2023
1098	Đất ở khu Cánh Đồng Huyện	ONT	1,80		1,80	Huyện Thanh Oai	2023
1099	Khu đất giá QSD đất khu Góc Quéo 1+2, thôn Ngọc Đình	ONT	1,00		1,00	Huyện Thanh Oai	2023
1100	Đất giá QSD đất ở tại khu Đường Cái, thôn Hoàng Trung, xã Hồng Dương	ONT	0,02		0,02	Huyện Thanh Oai	2023
1101	Đất ở mới khu Man Cồng 4, cồng 6, cồng 8, cồng 9, Man Cá	ONT	4,94		4,94	Huyện Thanh Oai	2023
1102	Đất ở mới khu Diên Thanh, Lò Ngói giáp nghĩa trang liệt sỹ	ONT	3,39		3,39	Huyện Thanh Oai	2023
1103	Đất ở mới khu Đồng Dầu thôn Thế Hiến	ONT	3,87		3,87	Huyện Thanh Oai	2023
1104	Đất ở mới khu địa trạm xá thôn Hoàng Văn Thụ	ONT	0,46		0,46	Huyện Thanh Oai	2023
1105	Đất ở mới khu phần trăm đồng găng thôn Phú Thọ	ONT	3,00		3,00	Huyện Thanh Oai	2023
1106	Đất tái định cư khu Bách Hộ - Cửa Đồng thôn Thượng	ONT	1,75		1,75	Huyện Thanh Oai	2023
1107	Đất giá đất khu Sau Đồng thôn Thượng	ONT	0,60		0,60	Huyện Thanh Oai	2023
1108	Khu đất dịch vụ X6 tại thôn Hạ, Cầu, Mỹ, Thượng, Khúc Thủy	ONT	2,11		2,11	Huyện Thanh Oai	2023
1109	Đất giá đất Đồng Đế thôn Cầu	ONT	1,56		1,56	Huyện Thanh Oai	2023
1110	Đất ở mới khu Rặng Sắn	ONT	6,40		6,40	Huyện Thanh Oai	2023
1111	Đất ở mới khu Đàm	ONT	2,30		2,30	Huyện Thanh Oai	2023
1112	Đất ở mới Khu Cây Trôi	ONT	3,89		3,89	Huyện Thanh Oai	2023
1113	Đất ở mới khu Sau Cầu thuộc đồng thôn Chua, Cổng Ngõ thôn Đìa	ONT	1,86		1,86	Huyện Thanh Oai	2023
1114	Đất ở mới khu Châm Cạn, Cầu Xi thôn Sinh Liên	ONT	9,39		9,39	Huyện Thanh Oai	2023
1115	Đất ở mới khu Ngõ Lý tại thôn Quyếch, thôn Sinh Liên và Đồng Cốc tại thôn Chua	ONT	3,84		3,84	Huyện Thanh Oai	2023
1116	Đất ở mới Khu Ô 1,2 khu Mả Tre và 5,6 Man Điểm thôn Sinh Quả	ONT	1,30		1,30	Huyện Thanh Oai	2023
1117	Đất ở mới khu Sau Đồng Thanh Lương	ONT	8,50		8,50	Huyện Thanh Oai	2023
1118	Đất ở mới khu Đồng I thôn Mùi	ONT	1,00		1,00	Huyện Thanh Oai	2023
1119	HTKT khu đất dịch vụ trên địa bàn xã Bích Hòa, huyện Thanh Oai	ONT	4,91		4,91	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1120	GPMB đất giá QSD đất khu Cung Trong thôn Đại Định xã Tam Hưng	ONT	4,30		4,30	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1121	Đất giá QSD đất để thực hiện dự án đầu tư nhà ở thấp tầng tại xứ đồng Trầm Sen, xã Phương Trung, huyện Thanh Oai	ONT	1,90		1,90	Huyện Thanh Oai	2021-2022

1122	Xây dựng HTKT đấu giá QSD đất khu Đồng Đế thôn Cầu xã Cự Khê, huyện Thanh Oai	ONT	0,56		0,56	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1123	Đấu giá QSD đất để thực hiện dự án đầu tư nhà ở thấp tầng tại khu Trầm Sen, thôn Mã Kiều và thôn Tân Tiến xã Phương Trung giai đoạn II, huyện Thanh Oai.	ONT	4,70		4,70	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1124	Xây dựng HTKT đấu giá QSD đất khu Địa Trạm Xá, xã Dân Hòa, huyện Thanh Oai.	ONT	0,26		0,26	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1125	Xây dựng HTKT đấu giá QSD đất khu Đồng Dầu, thôn Thế Hiển, xã Dân Hòa	ONT	3,87		3,87	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1126	Xây dựng HTKT đấu giá QSD đất khu vực Đầm, thôn Mục Xá, xã Cao Dương, huyện Thanh Oai	ONT	2,30		2,30	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1127	Xây dựng HTKT đấu giá QSD đất khu Trại Chăn nuôi, thôn Ước Lễ, xã Tân Ước, huyện Thanh Oai	ONT	0,85		0,85	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1128	Xây dựng HTKT đấu giá QSD đất khu Cửa Chùa, thôn Cao Mật Hạ, xã Thanh Cao, huyện Thanh Oai	ONT	0,70		0,70	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1129	Xây dựng HTKT đấu giá QSD đất khu Ngõ Lý thôn Sinh Liên, xã Bình Minh, huyện Thanh Oai	ONT	1,60		1,60	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1130	Xây dựng HTKT đấu giá QSD đất khu Man Cá, Man Công, Mạ Man Trong thôn Văn Quán, xã Đỗ Động, huyện Thanh Oai	ONT	4,90		4,90	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1131	Xây dựng HTKT đấu giá QSD đất khu Điền Thanh, thôn Cự Thần, xã Đỗ Động, huyện Thanh Oai	ONT	1,00		1,00	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1132	Xây dựng HTKT đấu giá QSD đất khu Ao Ươm, thôn Tân Tiến và thôn Tân Dân 1 xã Phương Trung, huyện Thanh Oai	ONT	1,10		1,10	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1133	Đấu giá QSD đất để thực hiện dự án đầu tư nhà ở thấp tầng tại xã Kim Thư, huyện Thanh Oai	ONT	3,90		3,90	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1134	Đấu giá QSD đất để thực hiện dự án đầu tư nhà ở thấp tầng tại khu Bãi Láng và khu Cửa Chùa, thôn Dư Dụ xã Thanh Thùy, huyện Thanh Oai	ONT	4,50		4,50	Huyện Thanh Oai	2021-2022
1135	Đấu giá QSD đất để thực hiện dự án đầu tư nhà ở thấp tầng tại khu Đồng Láng, thôn Gia Vĩnh, xã Thanh Thùy, huyện Thanh Oai	ONT	2,63		2,63	Huyện Thanh Oai	2021-2022

1136	Đầu giá QSD đất để thực hiện dự án đầu tư nhà ở thấp tầng khu Mộc Dưới, thôn Châu Mai, xã Liên Châu, huyện Thanh Oai	ONT	3,30	3,30		Huyện Thanh Oai	2021-2022
1137	Xây dựng HTKT đầu giá QSD đất khu Rặng Sắn giai đoạn 3 thôn Cáo Xá, xã Cao Dương, huyện Thanh oai	ONT	1,50	1,50		Huyện Thanh Oai	2021-2022
1138	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất khu Góc Quéo 1, thôn Ngọc Đình, xã Hồng Dương, huyện Thanh Oai	ONT	0,50	0,50		Huyện Thanh Oai	2021-2022
1139	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất khu Góc Quéo 2, thôn Ngọc Đình, xã Hồng Dương, huyện Thanh Oai	ONT	0,50	0,50		Huyện Thanh Oai	2021-2022
1140	Đầu giá QSD đất ở tại khu Đường Cái, thôn Hoàng Trung, xã Hồng Dương, huyện Thanh Oai	ONT	0,02	0,02		Huyện Thanh Oai	2021-2022
1141	Xây dựng HTKT đầu giá QSD đất khu Đền Hồ, thôn Ngọc Liên, xã Kim An	ONT	0,04	0,04		Huyện Thanh Oai	2021-2022
1142	Dự án tổ hợp văn phòng nhà ở Housinco Tân Triều	ONT	0,80		0,80	Huyện Thanh Trì	2021-2025
1143	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSDĐ các thửa xen kẹt, nhỏ lẻ tại xã Tam Hiệp	ONT	0,14		0,14	Huyện Thanh Trì	2022
1144	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất số 4 xã Tam Hiệp (thôn Huỳnh Cung)	ONT	3,58		3,58	Huyện Thanh Trì	2022
1145	Xây dựng HTKT khu đầu giá quyền sử dụng đất số 1 xã Tam Hiệp (thôn Huỳnh Cung)	ONT	2,90		2,90	Huyện Thanh Trì	2022
1146	Khu đầu giá quyền sử dụng đất số 1 xã Hữu Hòa	ONT	3,96		3,96	Huyện Thanh Trì	2022
1147	Khu đầu giá quyền sử dụng đất số 2 xã Hữu Hòa	ONT	2,80		2,80	Huyện Thanh Trì	2022
1148	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất số 1 xã Tả Thanh Oai (thôn Tả Thanh Oai)	ONT	4,90		4,90	Huyện Thanh Trì	2022
1149	Khu đầu giá QSD đất số 2 xã Tả Thanh Oai (thôn Tả Thanh Oai)	ONT	10,30		10,30	Huyện Thanh Trì	2022
1150	Khu đầu giá quyền sử dụng đất số 1 xã Ngọc Hồi (thôn Yên Kiện)	ONT	0,87	0,40	0,47	Huyện Thanh Trì	2022
1151	Khu đầu giá quyền sử dụng đất số 1 xã Liên Ninh (thôn Yên Phú)	ONT	1,49		1,49	Huyện Thanh Trì	2022
1152	Xây dựng khu di dân phục vụ GPMB khu tưởng niệm danh nhân Chu Văn An và các dự án khác trên địa bàn huyện Thanh Trì	ONT	24,12		24,12	Huyện Thanh Trì	2022

1153	Xây dựng HTKT khu TĐC phục vụ GPMB các dự án trên địa bàn xã Đông Mỹ và các dự án khác trên địa bàn huyện Thanh Trì	ONT	2,70		2,70	Huyện Thanh Trì	2022
1154	GPMB để đấu giá QSD đất dự án xây dựng khu nhà ở tại ô đất CC13 xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì	ONT	0,13		0,13	Huyện Thanh Trì	2022
1155	Khu đấu giá QSD đất số 2 xã Tam Hiệp (thôn Huỳnh Cung) huyện Thanh Trì	ONT	2,41		2,41	Huyện Thanh Trì	2022
1156	XD HTKT khu đấu giá QSD đất xen kẹt nhỏ lẻ tại thôn Vĩnh Ninh, xã Vĩnh Quỳnh (thửa 88)	ONT	0,17		0,17	Huyện Thanh Trì	2022
1157	Khu đấu giá QSD đất xen kẹt, nhỏ lẻ tại thôn Đồng Trì, xã Tứ Hiệp	ONT	0,01		0,01	Huyện Thanh Trì	2022
1158	Khu đấu giá QSD đất xen kẹt, nhỏ lẻ tại thôn Cổ Điển A, xã Tứ Hiệp	ONT	0,15		0,15	Huyện Thanh Trì	2022
1159	Khu đấu giá QSD đất xen kẹt, nhỏ lẻ tại thôn Cương Ngô, xã Tứ Hiệp	ONT	0,01		0,01	Huyện Thanh Trì	2022
1160	Khu đấu giá QSD đất xen kẹt, nhỏ lẻ tại thôn 1, xã Đông Mỹ	ONT	0,10		0,10	Huyện Thanh Trì	2022
1161	Khu đấu giá QSD đất xen kẹt, nhỏ lẻ tại thôn 3, xã Đông Mỹ	ONT	0,03		0,03	Huyện Thanh Trì	2022
1162	Khu đấu giá QSD đất xen kẹt, nhỏ lẻ số tại thôn Tương Chúc, xã Ngũ Hiệp	ONT	0,17		0,17	Huyện Thanh Trì	2022
1163	Khu đấu giá QSD đất xen kẹt, nhỏ lẻ tại thôn Vực, xã Thanh Liệt	ONT	0,01		0,01	Huyện Thanh Trì	2022
1164	Khu đấu giá QSD đất xen kẹt, nhỏ lẻ tại xóm Cầu, xã Thanh Liệt	ONT	0,01		0,01	Huyện Thanh Trì	2022
1165	Khu đấu giá QSD đất xen kẹt, nhỏ lẻ tại xóm Chùa Nhĩ thôn Thượng, xã Thanh Liệt	ONT	0,02		0,02	Huyện Thanh Trì	2022
1166	Khu đấu giá QSD đất xen kẹt, nhỏ lẻ tại thôn Nội Am, xã Liên Ninh	ONT	0,10		0,10	Huyện Thanh Trì	2022
1167	Khu đấu giá QSD đất xen kẹt, nhỏ lẻ tại thôn Phương Nhị, xã Liên Ninh	ONT	0,06		0,06	Huyện Thanh Trì	2022
1168	Khu đấu giá QSD đất xen kẹt, nhỏ lẻ tại thôn Yên Phú, xã Liên Ninh	ONT	0,09		0,09	Huyện Thanh Trì	2022
1169	Khu đấu giá QSD đất xen kẹt, nhỏ lẻ tại thôn Tả Thanh Oai, xã Tả Thanh Oai	ONT	0,01		0,01	Huyện Thanh Trì	2022
1170	Khu đấu giá QSD đất xen kẹt, nhỏ lẻ tại thôn Thượng Phúc, xã Tả Thanh Oai	ONT	0,10		0,10	Huyện Thanh Trì	2022

1171	Khu đấu giá QSD đất xen kẹt, nhỏ lẻ tại thôn Siêu Quần 1, xã Tả Thanh Oai	ONT	0,05		0,05	Huyện Thanh Trì	2022
1172	Khu đấu giá QSD đất xen kẹt, nhỏ lẻ tại thôn Siêu Quần 3, xã Tả Thanh Oai	ONT	0,07		0,07	Huyện Thanh Trì	2022
1173	Khu đấu giá QSD đất xen kẹt, nhỏ lẻ tại thôn Huỳnh Cung, xã Tam Hiệp	ONT	0,04		0,04	Huyện Thanh Trì	2022
1174	Khu đấu giá QSD đất xen kẹt, nhỏ lẻ số 1 tại thôn Tựu Liệt, xã Tam Hiệp	ONT	0,04		0,04	Huyện Thanh Trì	2022
1175	Khu đấu giá QSD đất xen kẹt, nhỏ lẻ tại thôn Tựu Liệt 2, xã Tam Hiệp	ONT	0,34		0,34	Huyện Thanh Trì	2022
1176	Khu đấu giá QSD đất xen kẹt, nhỏ lẻ tại thôn Yên Ngưu 2, xã Tam Hiệp	ONT	0,19		0,19	Huyện Thanh Trì	2022
1177	Khu đấu giá QSD đất xen kẹt, nhỏ lẻ tại khu tập thể G1, xã Tam Hiệp	ONT	0,01		0,01	Huyện Thanh Trì	2022
1178	Khu đấu giá QSD đất xen kẹt, nhỏ lẻ tại thôn Yên Xá, xã Tân Triều	ONT	0,22		0,22	Huyện Thanh Trì	2022
1179	Khu đấu giá QSD đất xen kẹt, nhỏ lẻ tại thôn Triều Khúc, xã Tân Triều	ONT	0,03		0,03	Huyện Thanh Trì	2022
1180	Khu đấu giá QSD đất xen kẹt, nhỏ lẻ tại thôn Hữu Từ, xã Hữu Hòa	ONT	0,03		0,03	Huyện Thanh Trì	2022
1181	Khu đấu giá QSD đất xen kẹt, nhỏ lẻ tại thôn Hữu Lê, xã Hữu Hòa	ONT	0,01		0,01	Huyện Thanh Trì	2022
1182	Khu đấu giá QSD đất xen kẹt, nhỏ lẻ tại thôn Yên Kiện, xã Ngọc Hồi	ONT	0,01		0,01	Huyện Thanh Trì	2022
1183	Khu đấu giá quyền sử dụng đất dọc đường liên xã Tả Thanh Oai - Đại Áng - Liên Ninh tại thôn Siêu Quần, xã Tả Thanh Oai	ONT	3,39		3,39	Huyện Thanh Trì	2022
1184	Khu đấu giá quyền sử dụng đất số 3 xã Hữu Hòa	ONT	6,35		6,35	Huyện Thanh Trì	2022
1185	Xây dựng HTKT khu đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn Đông Trạch, xã Ngũ Hiệp	ONT	3,82		3,82	Huyện Thanh Trì	2022
1186	Xây dựng HTKT khu đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn Việt Yên xã Ngũ Hiệp	ONT	0,90		0,90	Huyện Thanh Trì	2022
1187	Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án Khu đô thị mới tại xã Liên Ninh, huyện Thanh Trì, TP Hà Nội thuộc phân khu đô thị S5	ONT	30,10		30,10	Huyện Thanh Trì	2022
1188	Khu đô thị mới Hữu Hòa 2 tại ô quy hoạch ký hiệu K16 - phân khu đô thị S4	ONT	46,20		46,20	Huyện Thanh Trì	2022

1189	Khu đô thị mới Hữu Hòa 1 tại ô quy hoạch ký hiệu K16 - phân khu đô thị S4	ONT	45,33		45,33	Huyện Thanh Trì	2022
1190	Khu đấu giá quyền sử dụng đất B1-1 xã Tứ Hiệp, huyện Thanh	ONT	0,79	0,79		Huyện Thanh Trì	2022
1191	Khu nhà ở thấp tầng B3-3 thuộc phân khu đô thị S5 trên địa bàn xã Tứ Hiệp	ONT	0,26	0,26		Huyện Thanh Trì	2022
1192	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất vườn, ao liền kề đất ở và đất vườn, ao và đất nông nghiệp xen kẹt trong khu dân cư sang đất ở	ONT	10,84	10,84		Huyện Thanh Trì	2022
1193	Xây dựng HTKT đấu giá QSD đất xen kẹt nhỏ lẻ ao Đình, thôn Yên Ngưu, xã Tam Hiệp	ONT	0,41		0,41	Huyện Thanh Trì	2022
1194	Khu đấu giá QSD đất tại thôn Tựu Liệt, xã Tam Hiệp (giáp Bệnh viện Thăng Long)	ONT	0,80		0,80	Huyện Thanh Trì	2022
1195	Khu đấu giá QSD đất tại thôn Yên Ngưu, xã Tam Hiệp	ONT	4,00		4,00	Huyện Thanh Trì	2022
1196	Khu đấu giá QSD đất thôn 1 xã Đông Mỹ	ONT	1,34		1,34	Huyện Thanh Trì	2022
1197	Khu đấu giá QSD đất tại xã Liên Ninh	ONT	2,70		2,70	Huyện Thanh Trì	2022
1198	Đấu giá quyền sử dụng đất Khu biệt thự, liền kề Hồng Vân I, khu trung tâm xã Hồng Vân, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	ONT	6,58		6,58	Huyện Thường Tín	2022-2025
1199	05 Khu tái định cư kết hợp đấu giá quyền sử dụng đất dọc Quốc 1A đoạn qua địa bàn huyện Thường Tín	ONT	10,04		10,04	Huyện Thường Tín	2022-2025
1200	Các khu tái định để thực hiện GPMB Dự án đường vành đai IV đoạn qua huyện Thường Tín	ONT	5,00		5,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
1201	Các khu tái định để thực hiện GPMB Dự án đường vành đai IV vùng thủ đô	ONT	13,15		13,15	Huyện Thường Tín	2022
1202	Các khu tái định để thực hiện GPMB Dự án mở rộng Quốc lộ	ONT	15,00		15,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
1203	Khu giới thiệu sản phẩm và nhà ở liền kề nông thôn	ONT	2,60		2,60	Huyện Thường Tín	2022-2025
1204	Đất dịch vụ thương mại, tài chính, ngân hàng, văn phòng và nhà ở	ONT	45,00		45,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
1205	Đấu giá quyền sử dụng đất ở tại vị trí xã Vạn Điểm, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	ONT	6,58		6,58	Huyện Thường Tín	2021
1206	Đấu giá quyền sử dụng đất ở tại vị trí X6 khu đồng Mau Dưới thôn Thụy Ứng xã Hòa Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	ONT	0,80		0,80	Huyện Thường Tín	2021
1207	Đấu giá quyền sử dụng đất ở khu Ngân hàng (Văn Bình)	ONT	0,40		0,40	Huyện Thường Tín	2021

1208	Đầu giá quyền sử dụng đất ở tại vị trí Dọc Quan xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	ONT	0,10		0,10	Huyện Thường Tín	2021
1209	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất ở xen kẹt tại vị trí X9, X10, X12+13 khu Thủy lợi và khu tập thể 124 thôn Phúc Am, xã Duyên Thái	ONT	0,09		0,09	Huyện Thường Tín	2021
1210	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất ở thôn Một Thượng, xã Thăng Lợi	ONT	0,68		0,68	Huyện Thường Tín	2021
1211	Khu đầu giá thôn Nỗ Bạ, xã Văn Tảo (Giai đoạn 2)	ONT	0,81		0,81	Huyện Thường Tín	2021
1212	Khu Tái định cư phục vụ GPMB đầu tư xây dựng đường dây 500kv Tây Hà Nội, huyện Thường Tín.	ONT	0,30		0,30	Huyện Thường Tín	2021
1213	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất: Xóm 7 xã Liên Phương, huyện Thường Tín, TP. Hà Nội	ONT	1,06		1,06	Huyện Thường Tín	2021
1214	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất: Ao Vuông, thôn Từ Dương, xã Tô Hiệu	ONT	1,75		1,75	Huyện Thường Tín	2021
1215	Tái định cư phục vụ GPMB đầu tư xây dựng cầu Chiềng (Km8+255 đường tỉnh 427, huyện Thường Tín)	ONT	0,18		0,18	Huyện Thường Tín	2021
1216	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất ở xen kẹt tại vị trí X30, X31 thôn Duyên Trường, xã Duyên Thái, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	ONT	0,04		0,04	Huyện Thường Tín	2021
1217	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đầu giá quyền sử dụng đất tại xã Văn Tảo, huyện Thường Tín (Giai đoạn 2)	ONT	7,50		7,50	Huyện Thường Tín	2021
1218	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đầu giá QSD đất khu đất tam giác thôn Hà Vĩ, xã Lê Lợi	ONT	0,41		0,41	Huyện Thường Tín	2021
1219	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đầu giá QSD đất khu Cửa Đình thôn Từ Vân, xã Lê Lợi	ONT	1,40		1,40	Huyện Thường Tín	2021
1220	GPMB tạo quỹ đất sạch để đầu giá QSD đất khu đô thị số 4 tại thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín TP. Hà Nội	ONT	1,28		1,28	Huyện Thường Tín	2021
1221	Đầu giá QSD đất khu biệt thự, liền kề Hồng Vân 1, khu trung tâm xã Hồng Vân	ONT	6,58		6,58	Huyện Thường Tín	2021
1222	Khu đô thị số 1 Nhị Khê thuộc khu C3-6	ONT	41,80		41,80	Huyện Thường Tín	2021
1223	Khu đô thị số 3 Nhị Khê thuộc khu C3-4	ONT	24,80		24,80	Huyện Thường Tín	2021

1224	Khu văn phòng, dịch vụ thương mại và nhà ở xã Minh Cường	ONT	7,98		7,98	Huyện Thường Tín	2021
1225	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn, ao xen kẹt trong khu dân cư sang đất ở	ONT	1,00	1,00		Huyện Thường Tín	2022-2025
1226	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Vân Tảo, huyện Thường Tín (Giai đoạn 1)	ONT	7,50		7,50	Huyện Thường Tín	2022
1227	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất Khu biệt thự liền kề Hồng Vân I, khu trung tâm xã Hồng Vân	ONT	6,58		6,58	Huyện Thường Tín	2022
1228	Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch để đấu giá quyền sử dụng đất khu đô thị Khu đô thị 1A xã Nhị Khê	ONT	13,64		13,64	Huyện Thường Tín	2022
1229	Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch để đấu giá quyền sử dụng đất khu đô thị Khu đô thị 3A xã Nhị Khê	ONT	8,74		8,74	Huyện Thường Tín	2022
1230	Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch để đấu giá quyền sử dụng đất khu đô thị Khu đô thị 3B xã Nhị Khê	ONT	11,08		11,08	Huyện Thường Tín	2022
1231	Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch để đấu giá quyền sử dụng đất một phần của ô quy hoạch ký hiệu C3-4 và C3-6 thuộc quy hoạch phân khu đô thị s5 tại xã Nhị Khê	ONT	17,50		17,50	Huyện Thường Tín	2022
1232	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất ở vị trí Goong Đông thôn Vạn Diêm, xã Vạn Diêm, huyện Thường Tín	ONT	9,00		9,00	Huyện Thường Tín	2022
1233	Xây dựng HTKT khu đấu giá Khu Đỗ Kiễn, xã Văn Bình	ONT	2,62		2,62	Huyện Thường Tín	2022
1234	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất ở Khu đấu giá QSD đất xã Minh Cường	ONT	13,00		13,00	Huyện Thường Tín	2022
1235	Đấu giá QSD đất tại Xã Văn Tự (PX03-04)	ONT	9,00		9,00	Huyện Thường Tín	2022
1236	Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch để đấu giá quyền sử dụng đất một phần của ô quy hoạch ký hiệu C3-6 thuộc quy hoạch phân khu đô thị s5 tại xã Nhị Khê	ONT	8,50		8,50	Huyện Thường Tín	2022
1237	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất ở xã Khánh Hà	ONT	2,70		2,70	Huyện Thường Tín	2022
1238	Đấu giá QSD đất ở tại thôn Hoàng Xá, xã Khánh Hà huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	ONT	0,47		0,47	Huyện Thường Tín	2022

1239	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất ở Khu Đông Ken, thôn An Lăng	ONT	0,69		0,69	Huyện Thường Tín	2022
1240	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất ở Vị trí 2, thôn Khoái Nội, xã Thắng Lợi	ONT	1,70		1,70	Huyện Thường Tín	2022
1241	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất ở Khu Trại cá, thôn Ba Lăng, xã Dũng Tiến	ONT	1,32		1,32	Huyện Thường Tín	2022
1242	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất ở Khu đất đầu giá Khu sau đình, thôn Ba Lăng, xã Dũng Tiến	ONT	0,90		0,90	Huyện Thường Tín	2022
1243	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất ở thôn Hà Vỹ xã Lê Lợi	ONT	0,52		0,52	Huyện Thường Tín	2022
1244	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất ở tại khu Ma Tràng, thôn Duyên Trường, xã Duyên Thái	ONT	1,38		1,38	Huyện Thường Tín	2022
1245	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất ở tại khu tập thể trại chăn nuôi thôn Kiều Thị, xã Thắng Lợi	ONT	0,15		0,15	Huyện Thường Tín	2022
1246	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất ở vị trí 1 thôn Khoái Nội, xã Thắng Lợi	ONT	0,22		0,22	Huyện Thường Tín	2022
1247	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất ở Khu sau làng - Kiều Thị, xã Thắng Lợi	ONT	0,22	0,02	0,20	Huyện Thường Tín	2022
1248	Xây dựng HTKT khu đầu GQSD đất thôn Cổ Chát, xã Dũng Tiến	ONT	0,25		0,25	Huyện Thường Tín	2022
1249	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất ở Khu cửa diêm, thôn Duyên Trường, xã Duyên Thái	ONT	0,49		0,49	Huyện Thường Tín	2022
1250	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất ở Khu Ma chan, xã Duyên Thái	ONT	0,15		0,15	Huyện Thường Tín	2022
1251	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất ở Khu Nguyễn Văn Xóm 1 thôn Bạch Liên, xã Liên Phương	ONT	0,34		0,34	Huyện Thường Tín	2022
1252	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất ở Khu Tiền đồng xã Liên Phương	ONT	0,25		0,25	Huyện Thường Tín	2022
1253	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất ở Khu Ao trạm xã mở rộng, thôn Bạch Liên, xã Liên Phương	ONT	0,06		0,06	Huyện Thường Tín	2022
1254	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đầu giá quyền sử dụng đất Khu biệt thự liền kề Hồng Vân I, khu trung tâm xã Hồng Vân	ONT	6,58		6,58	Huyện Thường Tín	2022-2025

1255	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất Khu liên kết Duyên Thái I, xã Duyên Thái	ONT	2,55		2,55	Huyện Thường Tín	2022-2025
1256	Đấu giá quyền sử dụng đất lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án xây dựng cửa hàng kinh doanh và phát hành sách trên địa bàn huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	ONT	0,03		0,03	Huyện Thường Tín	2023- 2025
1257	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá quyền sử dụng đất vị trí 1 thôn Nghiêm Xá xã Nghiêm Xuyên. Huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	ONT	2,00		2,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
1258	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá quyền sử dụng đất vị trí 2 thôn Nghiêm Xá xã Nghiêm Xuyên. Huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	ONT	2,00		2,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
1259	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá quyền sử dụng đất thôn Cống Xuyên xã Nghiêm Xuyên. Huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	ONT	2,00		2,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
1260	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá quyền sử dụng đất thôn Vĩnh Lộc, xã Thư Phú. Huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	ONT	1,90		1,90	Huyện Thường Tín	2022-2025
1261	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất khu Trung tâm thương mại, dịch vụ Đa Tân xã Hà Hồi huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	ONT	0,41		0,41	Huyện Thường Tín	2023- 2025
1262	Xây dựng HTK.T để đấu giá QSD đất khu Trung tâm thương mại, dịch vụ Chiến Thắng Kỷ Dậu năm 1789, xã Hà Hồi, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	ONT	0,48		0,48	Huyện Thường Tín	2023- 2025
1263	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất khu đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu Thụy Hoà 1, xã Hà Hồi, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	ONT	0,21		0,21	Huyện Thường Tín	2023- 2025
1264	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất khu đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu Thụy Hoà 2, xã Hà Hồi, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	ONT	1,97		1,97	Huyện Thường Tín	2023- 2025
1265	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất khu đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu Thụy Hoà 3, xã Hà Hồi, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	ONT	1,90		1,90	Huyện Thường Tín	2023- 2025

1266	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đầu giá QSD đất ở tại khu Mầu Miếu, thôn Hương Xá, xã Quất Động, huyện Thường Tín, TP. Hà Nội	ONT	1,00		1,00	Huyện Thường Tín	2023- 2025
1267	Xây dựng hạ tầng 05 khu tái định cư phục vụ GPMB đường quốc lộ 1A đoạn từ Km189-Km193+300	ONT	30,00		30,00	Huyện Thường Tín	2022
1268	Xây dựng HTKT khu dân cư mới - Khu 1 thôn Vĩnh Thượng xã Sơn Công huyện Ứng Hòa	ONT	1,65		1,65	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1269	Xây dựng HTKT khu đầu giá khu Rau Xanh Vườn Kẹ, thôn Nội Xá, xã Vạn Thái	ONT	3,35		3,35	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1270	Đầu giá đất thôn Miêng Thượng, xã Hoa Sơn	ONT	0,03		0,03	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1271	Đầu tư xây dựng HTKT khu đầu giá khu Sông Mới, xã Hòa Xá, huyện Ứng Hòa	ONT	1,85		1,85	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1272	Xây dựng HTKT đầu giá quyền sử dụng đất khu xứ Đồng Độc Đình, thôn Vũ Ngoại, xã Liên Bạt	ONT	1,90		1,90	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1273	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đầu giá QSD đất khu Đồng Chi Tây, thôn Xuân Tinh, xã Đồng Tân	ONT	1,57		1,57	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1274	Xây dựng HTKT khu đầu giá Ao sau làng thôn Mạnh Tân, xã Đông Lỗ, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.	ONT	0,29		0,29	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1275	Đầu tư xây dựng HTKT Đầu giá QSD đất ở khu Cống Ao thôn Tử Dương	ONT	1,20		1,20	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1276	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật đất đầu giá thôn Quảng Nguyên giai đoạn	ONT	0,67		0,67	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1277	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật đất đầu giá thôn Đạo Tú giai đoạn 2	ONT	0,61		0,61	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1278	Xây dựng HTKT khu dân cư mới khu 1 thôn Tử Dương, xã Cao Thành, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ONT	1,40		1,40	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1279	Xây dựng HTKT khu dân cư mới khu 2 thôn Tử Dương, xã Cao Thành, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ONT	1,30		1,30	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1280	Xây dựng HTKT khu đất đầu giá khu Rọc Bạ, thôn Phú Lương Thượng, xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ONT	1,37		1,37	Huyện Ứng Hòa	2022-2025

1281	Xây dựng HTKT khu dân cư mới tại khu đồng Trước Dưới, thôn Đông Đình, xã Đại Cường, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ONT	1,68		1,68	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1282	Xây dựng HTKT khu dân cư mới khu đồng Trước Trên, thôn Đông Đình, xã Đại Cường, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ONT	1,47		1,47	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1283	Xây dựng HTKT khu tái định cư và đất ở mới khu A thôn Trạch Xá, xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ONT	4,65		4,65	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1284	Xây dựng HTKT khu tái định cư và đất ở mới khu B thôn Trạch Xá, xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ONT	4,45		4,45	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1285	Xây dựng HTKT khu dân cư mới khu đồng Hội Cao, thôn Giang Làng, xã Đồng Tiến, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ONT	1,50		1,50	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1286	Xây dựng HTKT khu dân cư mới thôn Đoàn Xá, xã Đồng Tiến, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ONT	2,50		2,50	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1287	Xây dựng HTKT khu dân cư mới thôn Phù Yên, xã Viên An, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ONT	1,60		1,60	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1288	Xây dựng HTKT khu dân cư mới thôn Viên Ngoại, xã Viên An, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ONT	1,30		1,30	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1289	Xây dựng HTKT đất đấu giá quyền sử dụng đất ở khu ao ông Sy thôn Quan Tự, xã Đại Hùng, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ONT	0,18		0,18	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1290	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá khu ao xóm 1, thôn Xà Cầu, xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ONT	0,39		0,39	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1291	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá khu sau làng thôn Nam Dương, xã Hòa Nam, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ONT	0,90		0,90	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1292	Xây dựng HTKT khu dân cư mới khu Dộc Văn Chỉ, thôn Đặng Giang, xã Hòa Phú, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ONT	0,90		0,90	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1293	Xây dựng HTKT đất ở mới khu C thôn Trạch Xá, xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ONT	3,63		3,63	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1294	Xây dựng HTKT đất ở mới khu D thôn Trạch Xá, xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ONT	3,59		3,59	Huyện Ứng Hòa	2022-2025

1295	Xây dựng HTKT khu đất giá khu Rau Xanh Vườn Kẹ, thôn Nội Xá, xã Vạn Thái, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	ONT	3,35		3,35	Huyện Ứng Hòa	2022
1296	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật đất quyền sử dụng đất ở khu ao ông Sy, thôn Quan Tự, xã Đại Hùng, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà	ONT	0,18	0,18		Huyện Ứng Hòa	2022
1297	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật đất ở khu Đồng Độc Đình, thôn Vũ Ngoại, xã Liên Bạt	ONT	1,97		1,97	Huyện Ứng Hòa	2022
1298	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất giá khu Sông Mới xã Hòa Xá	ONT	1,85	1,83	0,02	Huyện Ứng Hòa	2022
1299	Xây dựng HTKT khu đất giá Khu sau làng thôn Nam Dương, xã Hòa Nam, huyện Ứng Hòa	ONT	0,92		0,92	Huyện Ứng Hòa	2022
1300	Xây dựng HTKT khu đất giá đất LK01 thị trấn Vân Đình	ONT	1,51		1,51	Huyện Ứng Hòa	2022
1301	Xây dựng HTKT khu đất giá đất BT02 thị trấn Vân Đình	ONT	2,06		2,06	Huyện Ứng Hòa	2022
1302	Dự án xây dựng HTKT khu đất ở mới và tái định cư thị trấn Vân Đình (Khu Lò gốm)	ONT	1,27		1,27	Huyện Ứng Hòa	2022
1303	Xây dựng HTKT khu tái định cư và đất ở mới - khu A, thôn Trạch Xá, xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ONT	4,81		4,81	Huyện Ứng Hòa	2025
1304	Xây dựng HTKT khu tái định cư và đất ở mới - khu B, thôn Trạch Xá, xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ONT	4,59		4,59	Huyện Ứng Hòa	2025
1305	Xây dựng HTKT khu đất ở mới - khu C, thôn Trạch Xá, xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ONT	3,68		3,68	Huyện Ứng Hòa	2025
1306	Xây dựng HTKT khu đất ở mới - khu D, thôn Trạch Xá, xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ONT	3,59		3,59	Huyện Ứng Hòa	2025
1307	Xây dựng HTKT khu dân cư mới thôn Thu Nội xã Trầm Lộng huyện Ứng Hòa	ONT	1,00		1,00	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1308	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất giá đất LK01 thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	ONT	1,51		1,51	Huyện Ứng Hòa	2023-2025
1309	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất giá đất BT02 thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	ONT	2,00		2,00	Huyện Ứng Hòa	2023-2025
1310	Chuyển mục đích sử dụng đất trồng cây hàng năm khác, vườn, ao xen kẹt sang đất ở	ONT	3,00		3,00	Huyện Ứng Hòa	2023-2025

1311	Xây dựng HTKT khu đất ở mới và tái định cư thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ONT	1,27		1,27	Huyện Ứng Hòa	2023-2025
1312	Xây dựng HTKT khu dân cư mới và Tái định cư xã Trầm Lộng huyện Ứng Hòa	ONT	1,50		1,50	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
1313	Dự án xây dựng HTKT khu tái định cư phục vụ GPMB dự án xây dựng cầu Vĩnh Thịnh và một số dự án có thu hồi đất trên địa bàn xã Đường Lâm (Khu Tái định cư Độc Áp, xã Đường Lâm)	ONT	0,73		0,73	Thị xã Sơn Tây	2022
1314	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ thu hồi đất một số dự án trên địa bàn thị xã Sơn Tây	ONT	3,00	1,00	2,00	Thị xã Sơn Tây	2022
1315	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá quyền sử dụng đất khu Làng Cũ xã Kim Sơn	ONT	7,50		7,50	Thị xã Sơn Tây	2022
1316	Chuyển đổi đất quốc phòng sang đất ở khu học viện PKKQ, xã Kim Sơn	ONT	3,48		3,48	Thị xã Sơn Tây	2021-2025
1317	Chuyển đổi đất quốc phòng sang đất ở khu kho K312, xã Kim Sơn	ONT	3,50		3,50	Thị xã Sơn Tây	2021-2025
1318	Đất đấu giá thôn Xuân Khanh, xã Xuân Sơn	ONT	5,00		5,00	Thị xã Sơn Tây	2021-2025
1319	Khu đất xen kẹt trường mẫu giáo Thanh Mỹ	ONT	0,06		0,06	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
1320	Khu đất xen kẹt trường tiểu học Thanh Mỹ	ONT	0,06		0,06	Thị xã Sơn Tây	2022
1321	Xây dựng HTKT khu đất ĐGQSDĐ khu Đồng Cù xã Sơn Đông	ONT	3,64	2,08	1,56	Thị xã Sơn Tây	2022
1322	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá xen kẹt Trạm y tế thôn Đồng Trạng, xã Cổ Đông	ONT	0,30		0,30	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
1323	Đấu giá đất khu đồi Mỏ Nhanh, xã Kim Sơn	ONT	1,30		1,30	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
1324	Đấu giá đất khu Ca Cà, xã Sơn Đông	ONT	0,30		0,30	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
1325	Đất chuyển đổi đất vườn ao liền kề trong cùng một thửa đất ở đã được cấp giấy quyền sử dụng đất sang đất ở nông thôn	ONT	58,50		58,50	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
1326	Đất chuyển đổi đất nông nghiệp xen kẹt trong khu dân cư sang đất ở nông thôn	ONT	22,26		22,26	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
1327	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ thu hồi đất một số dự án trên địa bàn thị xã Sơn	ONT	2,27	1,87	0,40	Thị xã Sơn Tây	2022
1328	Khu đất xen kẹt Ca Cà, xã Sơn Đông	ONT	0,31		0,31	Thị xã Sơn Tây	2023

1329	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá quyền sử dụng đất Đồng Cù, xã Sơn Đông	ONT	3,64		3,64	Thị xã Sơn Tây	2022
1330	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá quyền sử dụng đất khu Độc Vang, xã Đường Lâm	ONT	4,98		4,98	Thị xã Sơn Tây	2022
1331	Khu 1 Trường tiểu học, xã Thanh Mỹ	ONT	0,06		0,06	Thị xã Sơn Tây	2023
1332	01 thửa đất khu Trần Ấp thôn Tây Vĩ, xã Thanh Mỹ	ONT	0,01		0,01	Thị xã Sơn Tây	2023
1333	Khu đồi Cúm thôn Yên Mỹ, xã Thanh Mỹ	ONT	0,06		0,06	Thị xã Sơn Tây	2023
1334	Khu Bãi Sỏi thôn Thanh Tiến, xã Thanh Mỹ	ONT	0,17		0,17	Thị xã Sơn Tây	2023
1335	Khu Công trình thôn Tây Vĩ, xã Thanh Mỹ	ONT	0,29		0,29	Thị xã Sơn Tây	2023
1336	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá QSD đất khu Đồi Trường học, thôn Lòng Hồ, xã Kim Sơn	ONT	0,79		0,79	Thị xã Sơn Tây	2023
1337	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất khu nhà ở Đàm Hương (trước đây là Khu Mỏ Nhanh, xã Kim Sơn)	ONT	0,90		0,90	Thị xã Sơn Tây	2023
1338	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá QSD đất khu ven Quốc lộ 2C, xã Đường Lâm	ONT	4,00		4,00	Thị xã Sơn Tây	2023
1339	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất Khu nhà ở Đồng Mô Lakeside (trước đây là khu Đồng Sào, xã Cổ Đông)	ONT	4,98		4,98	Thị xã Sơn Tây	2023
1340	Xây dựng HTKT khu TĐC An Sơn, xã Xuân Sơn (15 lô đất còn lại)	ONT	0,15		0,15	Thị xã Sơn Tây	2023
1341	Xây dựng HTKT khu Đồi Tròn, xã Xuân Sơn (38 lô đất còn lại)	ONT	0,38		0,38	Thị xã Sơn Tây	2023
1342	Xây dựng HTKT khu Đồi Thuyền, xã Xuân Sơn (22 lô đất còn lại)	ONT	0,22		0,22	Thị xã Sơn Tây	2023
1343	Xây dựng HTKT khu đất thôn Xuân Khanh, xã Xuân Sơn (08 lô đất còn lại)	ONT	0,10		0,10	Thị xã Sơn Tây	2023
B.24	Đất ở tại đô thị	ODT					
1	Xây dựng nhà ở liên kề (Công ty HUDS)	ODT	6,59		6,59	Huyện Ba Vì	2021
2	Khu nhà ở ven chợ TT.Tây Đằng	ODT	9,20		9,20	Huyện Ba Vì	2021
3	Đấu giá đất khu Tắc Giang (đất ở khoảng 1,3 ha)	ODT	2,20		2,20	Huyện Chương Mỹ	2022
4	Đấu giá QSD đất để xây dựng khu dân cư đô thị Đông Sơn – An Phú, thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ	ODT	39,80		39,80	Huyện Chương Mỹ	2022

5	Đấu giá QSD đất để xây dựng khu dân cư đô thị Tắc Giang, thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ	ODT	7,60		7,60	Huyện Chương Mỹ	2022
6	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn, liền kề sang đất ở	ODT	0,30		0,30	Huyện Chương Mỹ	2022
7	Đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu đất dịch vụ tại thị trấn Chúc Sơn	ODT	0,25		0,25	Huyện Chương Mỹ	2022
8	Dự án tái định cư đường Hồ Chí Minh, Khu Đồng Vai, thị trấn Xuân Mai	ODT	1,50		1,50	Huyện Chương Mỹ	2022
9	Dự án xây dựng khu Tái định cư tại Khu Đồng Tía, thị trấn Chúc Sơn	ODT	0,05		0,05	Huyện Chương Mỹ	2022
10	Giao đất cho 03 hộ gia đình, cá nhân khi thực hiện dự án xây dựng trụ sở Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện và nhà văn hóa Khu Yên Sơn thị trấn Chúc Sơn	ODT	0,01		0,01	Huyện Chương Mỹ	2022
11	Khu đấu giá QSD đất ở tại khu ao Sen xóm Chùa, xóm Nội; Khu ao Mẫu xóm Chùa; Khu nhà trẻ xóm Nội; Khu đồng Sen xóm Nội, thị trấn Chúc Sơn	ODT	1,85		1,85	Huyện Chương Mỹ	2022
12	Khu đấu giá QSD đất ở tại khu Đồng Tía xóm Xá 1, khu Đồng Tía xóm Xá 2, thị trấn Chúc Sơn	ODT	1,00		1,00	Huyện Chương Mỹ	2022
13	Khu đấu giá QSD đất ở tại khu Đồng Tía xóm Xá 1, khu Đồng Tía xóm Xá 2, thị trấn Chúc Sơn	ODT	0,99		0,99	Huyện Chương Mỹ	2022
14	Khu đấu giá QSD đất ở tại khu vườn Chùa xóm Xá, thị trấn Chúc Sơn	ODT	0,10		0,10	Huyện Chương Mỹ	2022
15	Khu đấu giá QSD đất tại khu đất xen kẹt (Vị trí 1) khu Tân Xuân, thị trấn Xuân Mai	ODT	0,09		0,09	Huyện Chương Mỹ	2022
16	Khu đấu giá QSD đất tại khu đất xen kẹt (Vị trí 2) khu Tân Xuân, thị trấn Xuân Mai	ODT	0,18		0,18	Huyện Chương Mỹ	2022
17	Khu đấu giá QSD đất tại khu đất xen kẹt (Vị trí 3) khu Tân Xuân, thị trấn Xuân Mai	ODT	0,40		0,40	Huyện Chương Mỹ	2022
18	Khu đấu giá QSD đất tại khu đất xen kẹt khu Tân Bình, thị trấn Xuân Mai	ODT	0,12		0,12	Huyện Chương Mỹ	2022
19	Khu đấu giá QSD đất tại khu đất xen kẹt khu Tiên Trượng, thị trấn Xuân Mai	ODT	0,01		0,01	Huyện Chương Mỹ	2022
20	Khu đấu giá QSD đất tại khu đất xen kẹt khu Xuân Mai, thị trấn Xuân Mai	ODT	0,01		0,01	Huyện Chương Mỹ	2022

21	Khu đầu giá QSD đất tại khu đất xen kẹt xóm Nội, thị trấn Chúc Sơn	ODT	0,02		0,02	Huyện Chương Mỹ	2022
22	Khu đầu giá QSD đất tại khu đất xen kẹt xóm Quán, thôn Giáp Ngõ, thị trấn Chúc Sơn	ODT	0,01		0,01	Huyện Chương Mỹ	2022
23	Khu đầu giá quyền sử dụng đất ở tại khu Đồng Khoang Bèo Tiên Trượng, thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội	ODT	1,90		1,90	Huyện Chương Mỹ	2022
24	Khu đầu giá quyền sử dụng đất ở tại khu Đồng Khoang Bèo Tiên Trượng, thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội	ODT	1,90		1,90	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
25	Nâng cấp, cải tạo, mở rộng khu TĐC thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ (phục vụ GPMB dự án đường HCM)	ODT	0,35		0,35	Huyện Chương Mỹ	2022
26	Nâng cấp, cải tạo, mở rộng khu TĐC thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ (phục vụ GPMB dự án đường HCM)	ODT	0,10		0,10	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
27	Nâng cấp, cải tạo, mở rộng khu TĐC thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ (phục vụ GPMB dự án đường HCM)	ODT	0,35		0,35	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
28	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đầu giá QSD đất ở tại khu đồng Tía, xóm Xá, thị trấn Chúc Sơn	ODT	0,49		0,49	Huyện Chương Mỹ	2022
29	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đầu giá QSD đất ở tại khu đồng Tía, xóm Xá, thị trấn Chúc Sơn	ODT	0,40		0,40	Huyện Chương Mỹ	2022
30	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đầu giá QSD đất ở tại khu đồng Tía, xóm Xá, thị trấn Chúc Sơn	ODT	0,49		0,49	Huyện Chương Mỹ	2022
31	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất tại khu sau nhà văn hóa, thôn Giáp Ngõ, thị trấn Chúc Sơn	ODT	0,14		0,14	Huyện Chương Mỹ	2022
32	Xây dựng HTKT khu đầu giá quyền sử dụng đất ở tại khu Tắc Giang, thị trấn Chúc Sơn	ODT	0,18		0,18	Huyện Chương Mỹ	2022
33	Xây dựng khu TĐC trên địa bàn khu Đồng Chằm, Đồng Vai, thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ (Phục vụ công tác GPMB Quốc lộ 6 đoạn Ba La- Xuân Mai)	ODT	27,42		27,42	Huyện Chương Mỹ	2022
34	Chuyển mục đích sử dụng đất phi nông nghiệp sang đất ở	ODT	7,50		7,50	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
35	Xây dựng HTKT đầu giá quyền sử dụng đất ở khu X10 Thị trấn Phùng	ODT	1,23		1,23	Huyện Đan Phượng	2022

36	Khu đất SXKD dịch vụ, đất ở xã Tân Lập (khu pheo) (Đất cơ chế 10% và đất ở theo Quyết định 18 của UBND thành phố)	ODT	4,27		4,27	Huyện Đan Phượng	2022
37	Khu đô thị mới Tân Lập, huyện Đan Phượng	ODT	45,02		45,02	Huyện Đan Phượng	2022
38	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất ở khu Đồng Súc, thị trấn Phùng	ODT	0,14		0,14	Huyện Đan Phượng	2023-2024
39	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất ở khu X10 thị trấn	ODT	1,20		1,20	Huyện Đan Phượng	2024-2025
40	Xây dựng khu đấu giá QSD đất BH1 xã Bắc Hồng, huyện Đông Anh	ODT	13,10		13,10	Huyện Đông Anh	2021-2025
41	Xây dựng khu đấu giá QSD đất X1 Bắc Hồng (mở rộng), xã Bắc Hồng, huyện Đông Anh	ODT	3,50		3,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
42	Xây dựng khu đấu giá QSD đất X2 Bắc Hồng (mở rộng), xã Bắc Hồng, huyện Đông Anh	ODT	1,40		1,40	Huyện Đông Anh	2021-2025
43	Xây dựng khu đấu giá QSD đất X3 Bắc Hồng (mở rộng), xã Bắc Hồng, huyện Đông Anh	ODT	1,30		1,30	Huyện Đông Anh	2021-2025
44	Xây dựng khu đấu giá QSD đất BH2 xã Bắc Hồng, huyện Đông Anh	ODT	13,00		13,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
45	Xây dựng khu đấu giá QSD đất BH3 xã Bắc Hồng, huyện Đông Anh	ODT	9,00		9,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
46	Xây dựng khu đấu giá QSD đất thôn Mai Châu, xã Đại Mạch, huyện Đông Anh	ODT	1,00		1,00	Huyện Đông Anh	2021-2023
47	Xây dựng khu đấu giá QSD đất thôn Hội Phụ, xã Đông Hội, huyện Đông Anh	ODT	7,50		7,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
48	Xây dựng HTKT khu đất nhỏ lẻ xen kẹt phục vụ đấu giá QSD đất tại thôn Ngọc Lôi, xã Dục Tú, huyện Đông Anh	ODT	0,37		0,37	Huyện Đông Anh	2021-2025
49	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất tại thôn Dục Tú 1, xã Dục Tú, huyện Đông Anh.	ODT	2,30		2,30	Huyện Đông Anh	2021-2025
50	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất xã Dục Tú	ODT	14,77		14,77	Huyện Đông Anh	2021-2025
51	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất nhỏ lẻ, xen kẹt tại X1 thôn Cổ Diền, xã Hải Bối, huyện Đông Anh để đấu giá QSD đất.	ODT	0,98		0,98	Huyện Đông Anh	2021-2025
52	Xây dựng HTKT khu đất tại xư đồng Sậy, đồng Xăng thôn Hải Bối, xã Hải Bối, huyện Đông Anh để phục vụ đấu giá QSD đất.	ODT	3,80		3,80	Huyện Đông Anh	2021-2025

53	Xây dựng HTKT khu tái định cư phục vụ công tác GPMB dự án: Xây dựng, nâng cấp trạm bơm Phương Trạch, huyện Đông Anh, Hà Nội.	ODT	0,70		0,70	Huyện Đông Anh	2021-2023
54	Xây dựng HTKT khu đất X1 tại thôn Cổ Diễn, xã Hải Bối, huyện Đông Anh để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất.	ODT	0,73		0,73	Huyện Đông Anh	2021-2025
55	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất X2 thôn Đồng Nhân xã Hải Bối huyện Đông Anh để đấu giá quyền sử dụng đất	ODT	0,50		0,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
56	Đầu tư xây dựng HTKT ngoài hàng rào 02 dự án thí điểm xây dựng nhà ở cho công nhân KCN Bắc Thăng Long	ODT	4,12		4,12	Huyện Đông Anh	2021
57	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất Đông Nam thôn Bầu, xã Kim Chung, huyện Đông Anh	ODT	11,66		11,66	Huyện Đông Anh	2021-2025
58	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất phía Đông Bắc thôn Bầu, xã Kim Chung (ô QH IV.5.3)	ODT	14,30		14,30	Huyện Đông Anh	2021-2025
59	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất phía Bắc thôn Bầu, xã Kim Chung (ô QH IV.5.3)	ODT	15,90		15,90	Huyện Đông Anh	2021-2025
60	Xây dựng hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật giao thông, thoát nước xã Kim Chung	ODT	4,60		4,60	Huyện Đông Anh	2021-2025
61	Xây dựng khu đấu giá QSD đất Đông thôn Nhuế, xã Kim Chung, huyện Đông Anh	ODT	4,28		4,28	Huyện Đông Anh	2021-2023
62	Xây dựng khu đấu giá QSD đất Tây thôn Hậu Dương, xã Kim Chung, huyện Đông Anh	ODT	1,60		1,60	Huyện Đông Anh	2021-2023
63	Xây dựng khu đấu giá QSD đất Nam thôn Nhuế, xã Kim Chung, huyện Đông Anh	ODT	2,50		2,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
64	Hoàn thiện hạ tầng khu giãn dân và khu tái định cư xã Kim Chung, huyện Đông Anh	ODT	0,80		0,80	Huyện Đông Anh	2021-2025
65	Khu đất công cộng hỗn hợp khu vực CC-01 thuộc khu nhà ở công nhân khu công nghiệp Bắc Thăng Long tại xã Kim Chung, huyện Đông Anh	ODT	1,17		1,17	Huyện Đông Anh	2021-2025
66	Xây dựng HTKT khu đất xen kẹt X4 thôn Đoài, xã Kim Nỗ phục vụ đấu giá QSD đất	ODT	0,46		0,46	Huyện Đông Anh	2021-2025
67	Xây dựng HT khu đất xen kẹt X2 Thôn Bắc xã Kim Nỗ phục vụ đấu giá QSD đất	ODT	0,48		0,48	Huyện Đông Anh	2021-2025

68	Dự án ĐTXD khu nhà ở tại xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh	ODT	9,80		9,80	Huyện Đông Anh	2021
69	Xây dựng HTKT tại điểm X1, thôn Thọ Đa, xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh để đấu giá QSD đất	ODT	1,70		1,70	Huyện Đông Anh	2021-2025
70	Xây dựng HTKT tại điểm X10, xóm Trại, xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh để đấu giá QSD đất.	ODT	4,10		4,10	Huyện Đông Anh	2021-2025
71	Xây dựng HTKT tại điểm X2, thôn Thọ Đa, xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh để đấu giá QSD đất	ODT	4,20		4,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
72	Xây dựng HTKT tại điểm X3, thôn Thọ Đa, xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh để đấu giá QSD đất.	ODT	1,50		1,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
73	Xây dựng HTKT tại điểm X4, thôn Thọ Đa, xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh để đấu giá QSD đất	ODT	3,20		3,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
74	Xây dựng HTKT tại điểm X5, thôn Bắc, xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh để đấu giá QSD đất.	ODT	2,40		2,40	Huyện Đông Anh	2021-2025
75	Xây dựng HTKT tại điểm X7, thôn Đông, xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh để đấu giá QSD đất.	ODT	2,35		2,35	Huyện Đông Anh	2021-2025
76	Xây dựng HT khu đất xen kẹt X1 Thôn Thọ Đa xã Kim Nỗ phục vụ đấu giá QSD đất	ODT	0,47		0,47	Huyện Đông Anh	2021
77	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất xã Liên Hà	ODT	27,00		27,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
78	Khu nhà ở thấp tầng tại các ô đất ký hiệu OM-02 và OM-03	ODT	6,06		6,06	Huyện Đông Anh	2021
79	Xây dựng HTKT khu đấu X2 thôn Giao Tác, xã Liên Hà, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội để đấu giá QSD đất.	ODT	0,95		0,95	Huyện Đông Anh	2021-2025
80	Xây dựng HTKT khu đấu X5 thôn Châu Phong, xã Liên Hà, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội để đấu giá QSD đất;	ODT	2,80		2,80	Huyện Đông Anh	2021-2025
81	Xây dựng HTKT khu đấu X6 thôn Hà Lỗ, xã Liên hà, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội để đấu giá QSD đất;	ODT	2,50		2,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
82	Xây dựng HTKT khu đấu X7 thôn Lỗ Khê, xã Liên Hà, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội để đấu giá QSD đất;	ODT	3,70		3,70	Huyện Đông Anh	2021-2025
83	Xây dựng HTKT khu đấu X8 thôn Hà Phong, xã Liên hà, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội để đấu giá QSD đất;	ODT	1,30		1,30	Huyện Đông Anh	2021-2025
84	Xây dựng khu đấu giá QSD đất thôn Hà Hương, xã Liên Hà, huyện Đông Anh	ODT	2,80		2,80	Huyện Đông Anh	2021-2023

85	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất thôn Mai Hiên, xã Mai Lâm;	ODT	3,10		3,10	Huyện Đông Anh	2021-2025
86	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất phía Đông thôn Lộc Hà, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh	ODT	11,00		11,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
87	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất phía Tây Nam Quốc lộ 3 cũ, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh	ODT	13,60		13,60	Huyện Đông Anh	2021-2025
88	Xây dựng khu đấu giá QSD đất Mai Lâm 6, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh	ODT	0,30		0,30	Huyện Đông Anh	2021-2025
89	Xây dựng khu đấu giá QSD đất Mai Lâm 7, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh	ODT	0,10		0,10	Huyện Đông Anh	2021-2025
90	Xây dựng khu đấu giá QSD đất Mai Lâm 9, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh	ODT	0,31		0,31	Huyện Đông Anh	2021-2025
91	Xây dựng HTKT tại khu đất X1 thôn Lê Xá, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội để đấu giá quyền sử dụng đất nhằm tạo nguồn vốn đầu tư xây dựng nông thôn mới	ODT	1,20		1,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
92	Xây dựng HTKT tại khu đất X2 thôn Thái Bình, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội để đấu giá quyền sử dụng đất nhằm tạo nguồn vốn đầu tư xây dựng nông thôn mới	ODT	1,10		1,10	Huyện Đông Anh	2021-2025
93	Xây dựng khu đấu giá QSD đất Mai Lâm 1, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh	ODT	1,70		1,70	Huyện Đông Anh	2021-2025
94	Xây dựng khu đấu giá QSD đất Mai Lâm 2, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh	ODT	1,10		1,10	Huyện Đông Anh	2021-2025
95	Xây dựng khu đấu giá QSD đất Mai Lâm 3, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh	ODT	0,50		0,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
96	Xây dựng khu đấu giá QSD đất Mai Lâm 4, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh	ODT	4,00		4,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
97	Xây dựng khu đấu giá QSD đất Mai Lâm 5, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh	ODT	1,00		1,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
98	Khu nhà ở thương mại tại xã Nam Hồng	ODT	23,72		23,72	Huyện Đông Anh	2021
99	Xây dựng khu đấu giá QSD đất Thôn Đoài 3, xã Nam Hồng, huyện Đông Anh	ODT	1,00		1,00	Huyện Đông Anh	2021-2025

100	Xây dựng khu đầu giá QSD đất Thôn Đoài 2, xã Nam Hồng, huyện Đông Anh	ODT	2,20		2,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
101	Xây dựng khu đầu giá QSD đất Tây Nam thôn Vệ, xã Nam Hồng, huyện Đông Anh	ODT	1,00		1,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
102	Xây dựng HTKT tại khu đất X1 thôn Đìa, xã Nam Hồng, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội để đầu giá quyền sử dụng đất nhằm tạo nguồn vốn đầu tư xây dựng nông thôn mới	ODT	0,98		0,98	Huyện Đông Anh	2021-2025
103	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất phía Đông thôn Nguyên Khê, huyện Đông Anh	ODT	5,40		5,40	Huyện Đông Anh	2021-2025
104	Xây dựng HTKT khu đất X9 Cán Khê, xã Nguyên Khê để đầu giá QSD đất.	ODT	0,48		0,48	Huyện Đông Anh	2021-2025
105	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất Nguyên Khê 1 (khu vực xóm 6, thôn Nguyên Khê)	ODT	2,73		2,73	Huyện Đông Anh	2021-2025
106	Xây dựng HTKT khu đầu giá quyền sử dụng đất Nguyên Khê 2 (Khu vực xóm 6 thôn Nguyên Khê)	ODT	10,80		10,80	Huyện Đông Anh	2021-2025
107	Xây dựng khu đầu giá QSD đất thôn Khê Nữ, xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh	ODT	6,00		6,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
108	Xây dựng khu đầu giá QSD đất thôn Lâm Tiên, xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh	ODT	5,00		5,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
109	Tái định cư phục vụ GPMB cụm CN vừa và nhỏ Nguyên Khê-Nam thôn Cán Khê	ODT	3,50		3,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
110	Xây dựng HTKT khu đất tại thôn Đông, xã Tàm Xá, huyện Đông Anh để đầu giá QSD đất	ODT	0,40		0,40	Huyện Đông Anh	2021-2025
111	Xây dựng khu đầu giá QSD đất Ô đất 109m2 trục UB xã Tàm Xá, huyện Đông Anh	ODT	0,01		0,01	Huyện Đông Anh	2021-2025
112	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đầu giá đất tại nền trạm y tế xã Tàm Xá cũ	ODT	0,09		0,09	Huyện Đông Anh	2021-2025
113	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất tại xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh	ODT	8,10		8,10	Huyện Đông Anh	2021-2025
114	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất xã Thụy Lâm 1	ODT	10,50		10,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
115	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất xã Thụy Lâm 2	ODT	11,50		11,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
116	Xây dựng khu đầu giá QSD đất thôn Hương Trầm, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh	ODT	4,20		4,20	Huyện Đông Anh	2021-2025

117	Xây dựng khu đầu giá QSD đất thôn Biều Khê, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh	ODT	6,00		6,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
118	Xây dựng khu đầu giá QSD đất thôn Thụy Lôi, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh	ODT	10,00		10,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
119	Xây dựng khu đầu giá QSD đất phía Bắc thôn Đào Thục, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh	ODT	4,50		4,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
120	Xây dựng HTKT khu đất X7 Thôn Hà Lâm 2 xã Thụy Lâm phục vụ đầu giá QSD đất	ODT	0,23		0,23	Huyện Đông Anh	2021-2025
121	Đầu tư xây dựng HTKT Khu dịch vụ-Đầu giá thôn Cổ miếu , xã Thụy Lâm	ODT	1,50		1,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
122	Đầu tư xây dựng GPMB và san nền sơ bộ khu đất xây dựng nhà ở để đầu giá quyền sử dụng đất phía Bắc đường 23B huyện Đông Anh	ODT	25,33		25,33	Huyện Đông Anh	2021-2025
123	Lô đất I-A1 thuộc dự án Xây dựng HTKT khu đất xây dựng nhà ở để đầu giá quyền sử dụng đất phía Bắc đường 23B tại xã Tiên Dương, huyện Đông Anh	ODT	0,53		0,53	Huyện Đông Anh	2021-2022
124	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất B1, phía Nam thôn Trung Oai, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh	ODT	4,97		4,97	Huyện Đông Anh	2021-2025
125	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đầu giá quyền sử dụng đất phía Đông Nam thôn Cổ Dương xã Tiên Dương huyện Đông Anh	ODT	4,92		4,92	Huyện Đông Anh	2021-2025
126	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đầu giá quyền sử dụng đất phía Tây Bắc thôn Lễ Pháp xã Tiên Dương huyện Đông Anh	ODT	4,97		4,97	Huyện Đông Anh	2021-2025
127	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất thôn Tuân Lễ, xã Tiên Dương	ODT	3,00		3,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
128	Thí điểm Khu nhà ở Xã hội tập trung tại xã Tiên Dương	ODT	42,62		42,62	Huyện Đông Anh	2021
129	XD HTKT khu đầu giá QSD đất A1, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh	ODT	22,00		22,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
130	XD HTKT khu đầu giá QSD đất A2, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh	ODT	10,80		10,80	Huyện Đông Anh	2021-2025
131	XD HTKT khu đầu giá QSD đất B3, phía Đông Nam thôn Tiên Kha, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh	ODT	16,80		16,80	Huyện Đông Anh	2021-2025

132	XD HTKT khu đấu giá QSD đất B4, phía Tây Bắc thôn Tuân Lễ, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh	ODT	18,70		18,70	Huyện Đông Anh	2021-2025
133	XD HTKT khu đấu giá QSD đất phía Đông Nam thôn Trung Oai, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh	ODT	9,99		9,99	Huyện Đông Anh	2021-2025
134	XD HTKT khu đấu giá QSD đất A3, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh	ODT	7,00		7,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
135	XD HTKT khu đấu giá QSD đất A4, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh	ODT	16,50		16,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
136	Xây dựng Nhà ở cao tầng tại lô đất I-A2	ODT	1,45		1,45	Huyện Đông Anh	2021-2025
137	Xây dựng HTKT khu đất X3 thôn Lương Nỗ xã Tiên Dương phục vụ đấu giá QSD đất	ODT	0,19		0,19	Huyện Đông Anh	2021-2025
138	Xây dựng HTKT khu đất X5 thôn Trung Oai xã Tiên Dương phục vụ đấu giá QSD đất	ODT	0,38		0,38	Huyện Đông Anh	2021-2025
139	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá QSD đất phía Tây đường Cổ Loa, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh	ODT	16,35		16,35	Huyện Đông Anh	2021-2025
140	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá QSD đất phía Tây đường Đản Di, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh	ODT	15,75		15,75	Huyện Đông Anh	2021-2025
141	XD HTKT khu đấu giá QSD đất A5, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh	ODT	4,90		4,90	Huyện Đông Anh	2021-2025
142	XD HTKT khu đấu giá QSD đất A7, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh	ODT	9,07		9,07	Huyện Đông Anh	2021-2025
143	Hoàn thiện HTKT khu đất X4, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh	ODT	4,03		4,03	Huyện Đông Anh	2021-2025
144	Hoàn thiện HTKT khu đất X6, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh	ODT	1,95		1,95	Huyện Đông Anh	2021-2025
145	Khu nhà ở - Dịch vụ thương mại	ODT	9,20		9,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
146	Trụ sở công ty và nhà ở Uy Nỗ	ODT	2,37		2,37	Huyện Đông Anh	2021-2025
147	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất nhỏ lẻ xen kẹt để đấu giá Quyền sử dụng đất X2 thôn Đài Bi	ODT	0,37		0,37	Huyện Đông Anh	2021-2025
148	Xây dựng HTKT khu đất nhỏ lẻ xen kẹt để đấu giá QSD đất tại X4 thôn Hậu Oai, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh	ODT	0,49		0,49	Huyện Đông Anh	2021
149	XD HTKT khu đấu giá QSD đất A8, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh	ODT	14,69		14,69	Huyện Đông Anh	2021-2025
150	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất X1, X3 xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh	ODT	0,25		0,25	Huyện Đông Anh	2021-2022
151	Xây dựng HTKT khu đất nhỏ lẻ, xen kẹt để đấu giá QSD đất (Khu số 1) tại xóm Thượng, xã Uy Nỗ	ODT	0,04		0,04	Huyện Đông Anh	2021-2025

152	Xây dựng HTKT khu đất nhỏ lẻ, xen kẹt để đầu giá QSD đất (Khu số 2) tại xóm Thượng, xã Uy Nỗ	ODT	0,13		0,13	Huyện Đông Anh	2021-2025
153	Xây dựng HTKT khu đất nhỏ lẻ, xen kẹt để đầu giá QSD đất (Khu số 3) tại xóm Thượng, xã Uy Nỗ	ODT	0,42		0,42	Huyện Đông Anh	2021-2025
154	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất xã Vân Hà 1	ODT	16,80		16,80	Huyện Đông Anh	2021-2025
155	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất xã Vân Hà 2	ODT	12,70		12,70	Huyện Đông Anh	2021-2025
156	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất đầu giá quyền sử dụng đất tại xã Vân Hà, huyện Đông Anh	ODT	7,64		7,64	Huyện Đông Anh	2021-2025
157	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất Vân Diêm, xã Vân Hà	ODT	12,00		12,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
158	Xây dựng khu đầu giá QSD đất NO-15 xã Vân Hà, huyện Đông Anh	ODT	2,90		2,90	Huyện Đông Anh	2021-2023
159	Xây dựng khu đầu giá QSD đất NO-16 xã Vân Hà, huyện Đông Anh	ODT	3,00		3,00	Huyện Đông Anh	2021-2023
160	Xây dựng khu đầu giá QSD đất NO-17 NO-19 xã Vân Hà, huyện Đông Anh	ODT	4,20		4,20	Huyện Đông Anh	2021-2023
161	Xây dựng khu đầu giá QSD đất NO-20 và NO-21 xã Vân Hà, huyện Đông Anh	ODT	3,10		3,10	Huyện Đông Anh	2021-2023
162	Xây dựng khu đầu giá QSD đất NO-22 xã Vân Hà, huyện Đông Anh	ODT	2,00		2,00	Huyện Đông Anh	2021-2023
163	Xây dựng khu đầu giá QSD đất NO-23 xã Vân Hà, huyện Đông Anh	ODT	4,70		4,70	Huyện Đông Anh	2021-2023
164	Xây dựng khu đầu giá QSD đất thôn Thiết Bình, xã Vân Hà, huyện Đông Anh	ODT	12,00		12,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
165	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ đầu giá quyền sử dụng đất tại điểm X7 thôn Đàm xã Vân Nội huyện Đông Anh	ODT	0,50		0,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
166	Tên đề xuất phê duyệt chủ trương đầu tư: Xây dựng HTKT khu đầu giá quyền sử dụng đất phía Tây xóm Đàm, xã Vân Nội Tên giao nhiệm vụ CBĐT: Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất phía Tây Nam xóm Đàm, xã Vân Nội, huyện Đông Anh	ODT	13,60		13,60	Huyện Đông Anh	2021-2025
167	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất phía Tây thôn Thổ Bảo, xã Vân Nội, huyện Đông Anh	ODT	14,89		14,89	Huyện Đông Anh	2021-2025

168	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất phía Tây xóm Ba, xã Vân Nội, huyện Đông Anh	ODT	8,50		8,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
169	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất phía Tây xóm Đông, xã Vân Nội, huyện Đông Anh	ODT	10,00		10,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
170	Xây dựng HTKT phục vụ đầu giá quyền sử dụng đất tại điểm X3 thôn Đầm, xã Vân Nội	ODT	0,35		0,35	Huyện Đông Anh	2021-2025
171	Đất ở nông thôn có thu tiền sử dụng đất	ODT	1,19		1,19	Huyện Đông Anh	2021-2025
172	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất xã Việt Hùng 1	ODT	11,50		11,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
173	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất xã Việt Hùng 2	ODT	4,95		4,95	Huyện Đông Anh	2021-2025
174	Xây dựng khu đầu giá QSD đất thôn Trung, xã Việt Hùng, huyện Đông Anh	ODT	1,20		1,20	Huyện Đông Anh	2021-2023
175	Xây dựng khu đầu giá QSD đất thôn Đông, xã Việt Hùng, huyện Đông Anh	ODT	5,00		5,00	Huyện Đông Anh	2021-2023
176	Xây dựng khu đầu giá QSD đất VH1 xã Việt Hùng, huyện Đông Anh	ODT	11,00		11,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
177	Xây dựng HTKT khu đất X4 khu Ma Lê thôn Trung Việt Hùng phục vụ đầu giá quyền sử dụng đất	ODT	0,49		0,49	Huyện Đông Anh	2021-2025
178	Xây dựng công trình có chức năng nhà ở tại kho A, thôn Dục Nội, xã Việt Hùng	ODT	10,70		10,70	Huyện Đông Anh	2021-2025
179	Đất giãn dân (tồn tại cũ toàn xã)	ODT	0,40		0,40	Huyện Đông Anh	2021-2025
180	Xây dựng khu đầu giá QSD đất Vống La 2, xã Vống La, huyện Đông Anh.	ODT	5,00		5,00	Huyện Đông Anh	2021-2023
181	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ đầu giá quyền sử dụng đất tại điểm X2 thôn Sáp Mai, xã Vống La, huyện Đông Anh	ODT	0,46		0,46	Huyện Đông Anh	2021-2025
182	Dự án xin đầu giá QSD đất để làm nhà ở thôn Xuân Trạch (điểm X3)	ODT	0,50		0,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
183	Khu nhà ở tại 2 ô đất ký hiệu E2 thuộc ô quy hoạch VIII.2.4 và E5 thuộc ô quy hoạch VIII.2.7 phân khu N8	ODT	3,66		3,66	Huyện Đông Anh	2021-2025
184	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư Xuân Canh	ODT	0,10		0,10	Huyện Đông Anh	2021
185	Xây dựng khu đầu giá QSD đất thôn Vạn Lộc 1, xã Xuân Canh, huyện Đông Anh	ODT	5,00		5,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
186	Xây dựng khu đầu giá QSD đất Vạn Lộc 2, xã Xuân Canh, huyện Đông Anh	ODT	2,00		2,00	Huyện Đông Anh	2021-2025

187	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá QSD đất xen kẹt điểm X10 thôn Xuân Canh, xã Xuân Canh	ODT	0,49		0,49	Huyện Đông Anh	2021-2025
188	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá QSD đất xen kẹt điểm X11 thôn Xuân Trạch, xã Xuân Canh	ODT	0,49		0,49	Huyện Đông Anh	2021-2025
189	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá xen kẹt X10 thôn Xuân Canh	ODT	0,47		0,47	Huyện Đông Anh	2021-2025
190	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá xen kẹt X11 thôn Xuân Trạch	ODT	0,49		0,49	Huyện Đông Anh	2021-2025
191	Xây dựng HTKT kỹ thuật khu đất đấu giá đất xen kẹt ĐG1 tại thôn Vạn Lộc	ODT	1,40		1,40	Huyện Đông Anh	2021-2025
192	Xây dựng HTKT kỹ thuật khu đất đấu giá đất xen kẹt ĐG2 tại thôn Vạn Lộc	ODT	2,20		2,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
193	Xây dựng HTKT kỹ thuật khu đất đấu giá đất xen kẹt ĐG3 tại thôn Văn Thượng	ODT	1,08		1,08	Huyện Đông Anh	2021-2025
194	Xây dựng HTKT kỹ thuật khu đất đấu giá đất xen kẹt ĐG4 tại thôn Văn Thượng	ODT	0,30		0,30	Huyện Đông Anh	2021-2025
195	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá đất xen kẹt tại ĐG5 thôn Văn Tinh, xã Xuân Canh	ODT	2,60		2,60	Huyện Đông Anh	2021-2025
196	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá đất xen kẹt tại ĐG6 thôn Xuân Trạch, xã Xuân Canh	ODT	0,98		0,98	Huyện Đông Anh	2021-2025
197	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá đất xen kẹt tại ĐG7 thôn Xuân Trạch, xã Xuân Canh	ODT	0,95		0,95	Huyện Đông Anh	2021-2025
198	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá đất xen kẹt tại ĐG8 thôn Xuân Trạch, xã Xuân Canh	ODT	3,80		3,80	Huyện Đông Anh	2021-2025
199	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá đất xen kẹt tại ĐG9 thôn Xuân Trạch, xã Xuân Canh	ODT	1,05		1,05	Huyện Đông Anh	2021-2025
200	Xây dựng khu đất đấu giá QSD đất XN3 xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh	ODT	6,00		6,00	Huyện Đông Anh	2021-2023
201	Xây dựng khu đất đấu giá QSD đất X2 thôn Lương Quy, xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh	ODT	1,00		1,00	Huyện Đông Anh	2021-2023
202	Xây dựng khu đất đấu giá QSD đất XN1 xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh	ODT	6,00		6,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
203	Xây dựng khu đất đấu giá QSD đất XN2 xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh	ODT	6,00		6,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
204	Xây dựng khu đất đấu giá QSD đất XN4 xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh	ODT	2,00		2,00	Huyện Đông Anh	2021-2025

205	Xây dựng khu đấu giá QSD đất XN5 xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh	ODT	7,00		7,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
206	Xây dựng khu đấu giá QSD đất XN6 xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh	ODT	4,00		4,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
207	Xây dựng khu đấu giá QSD đất XN8 xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh	ODT	2,50		2,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
208	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất X2 Kim Chung, huyện Đông Anh	ODT	20,15		20,15	Huyện Đông Anh	2021-2025
209	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất xen kẹt tại khu đất X2 tại thôn Phù Liễn; X3 tại thôn Quan Âm xã Bắc Hồng; X1 thôn Lê Xá, X2 thôn Lê Xá, X2 thôn Thái Bình xã Mai Lâm; (điểm X3) tại thôn Đàm, xã Vân Nội; thôn Đường Yên, xã Xuân Nộn (điểm X4); thôn Đường Yên, xã Xuân Nộn (điểm X5); thôn Đình Trung, xã Xuân Nộn (điểm X7); thôn Xuân Nộn, xã Xuân Nộn (điểm X8); thôn Lương Quy, xã Xuân Nộn (điểm X3); điểm X2, thôn Mai Châu	ODT	8,01		8,01	Huyện Đông Anh	2021

210	Các dự án đã có Quyết định giao đất, đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2021 để phục vụ đấu giá QSD đất: 1. Xây dựng HTKT khu đất X1 thôn Nguyên Khê, xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh để trả nợ đất dịch vụ cho các hộ dân theo chính sách GPMB; 2. Xây dựng HTKT khu đất X2 thôn Nguyên Khê, xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh để trả nợ đất dịch vụ cho các hộ dân theo chính sách GPMB; 3. Xây dựng HTKT khu đất X2 thôn Sơn Du, xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh để trả nợ đất dịch vụ cho các hộ dân theo chính sách GPMB; 4. Xây dựng HTKT khu đất X3 thôn Khê Nữ, xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh để trả nợ đất dịch vụ cho các hộ dân theo chính sách GPMB; 5. Xây dựng HTKT khu đất X2 tại thôn Đồng Nhân, xã Hải Bối để	ODT	0,61		0,61	Huyện Đông Anh	2021
211	Xây dựng cơ sở HTKT phục vụ đấu giá QSD đất nhỏ lẻ xen kẹt tại các xã	ODT	18,55		18,55	Huyện Đông Anh	2021
212	Xây dựng cơ sở HTKT phục vụ đấu giá QSDĐ nhỏ lẻ xen kẹt tại 32 khu đất tại các xã	ODT	11,00		11,00	Huyện Đông Anh	2021
213	Dự án: Xây dựng HTKT khu đất X1 xã Đông Hội và xã Mai Lâm huyện Đông Anh để trả nợ đất dịch vụ cho các hộ dân theo chính sách GPMB	ODT	4,90		4,90	Huyện Đông Anh	2021-2025
214	Xây dựng HTKT khu đất T3 tại xã Dục Tú và xã Mai Lâm, huyện Đông Anh để đấu giá QSD đất	ODT	18,00		18,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
215	Xây dựng khu nhà ở xã hội, nhà thu nhập thấp (5 dự án).	ODT	56,31		56,31	Huyện Đông Anh	2021-2025
216	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất xen kẹt tại xã Nguyên Khê, Vân Nội, Thụy Lâm; Xuân Canh	ODT	5,48		5,48	Huyện Đông Anh	2021
217	Xây dựng 2 tòa nhà cao tầng để xây dựng tổ hợp thương mại dịch vụ, văn phòng cho thuê tại ngã tư Biên thể thị trấn Đông Anh	ODT	0,07		0,07	Huyện Đông Anh	2021

218	Đất chuyển mục đích vườn ao liền kề, đất nông nghiệp xen kẹt sang đất ở tại các xã, thị trấn	ODT	22,00		22,00	Huyện Đông Anh	2021
219	Xây dựng cơ sở HTKT phục vụ đấu giá QSD đất nhỏ lẻ xen kẹt tại các xã	ODT	2,81		2,81	Huyện Đông Anh	2021-2025
220	Khu nhà ở thấp tầng tại xã Dục Tú và xã Việt Hùng, huyện Đông Anh	ODT	8,10		8,10	Huyện Đông Anh	2021-2025
221	Xây dựng khu đô thị mới từ G1 - 19	ODT	590,81		590,81	Huyện Đông Anh	2021-2025
222	Khu chức năng đô thị tại xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh	ODT	28,90		28,90	Huyện Đông Anh	2021
223	Khu đô thị chức năng xã Nam Hồng	ODT	2,35		2,35	Huyện Đông Anh	2021
224	Khu đô thị tại xã Nam Hồng	ODT	4,06		4,06	Huyện Đông Anh	2021-2025
225	Khu đô thị H 1,2,3,4,5,6,7,8,9	ODT	449,28	#####	337,41	Huyện Đông Anh	2021-2025
226	Khu đô thị tại xã Tiên Dương	ODT	1,15		1,15	Huyện Đông Anh	2021-2025
227	Khu đô thị tại xã Tiên Dương	ODT	0,56		0,56	Huyện Đông Anh	2021-2025
228	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất X7, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh	ODT	2,55		2,55	Huyện Đông Anh	2021-2025
229	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất X5, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh	ODT	3,80		3,80	Huyện Đông Anh	2021-2025
230	Đất ở phát triển Thị tứ xã Vân Hà	ODT	19,37		19,37	Huyện Đông Anh	2021-2025
231	Khu đô thị biệt thự sinh thái và bãi đỗ xe	ODT	1,48		1,48	Huyện Đông Anh	2021-2025
232	Khu đô thị mới các xã Xuân Canh, Đông Hội, Mai Lâm	ODT	265,32		265,32	Huyện Đông Anh	2021
233	Khu đô thị Uy Nỗ-TT Đông Anh	ODT	15,93		15,93	Huyện Đông Anh	2021-2025
234	Thành phố Thông Minh (Khu A)	ODT	271,50		271,50	Huyện Đông Anh	2021
235	Xây dựng khu đô thị Vân Nội - Tiên Dương (phía Đông đầm Vân Trì)	ODT	86,40		86,40	Huyện Đông Anh	2021-2025
236	Xây dựng khu đô thị Tiên Dương - Vân Nội	ODT	150,80		150,80	Huyện Đông Anh	2021-2025
237	Xây dựng khu chức năng đô thị Bắc Hồng-Nguyên Khê	ODT	111,90		111,90	Huyện Đông Anh	2021-2025
238	Xây dựng khu đô thị Xuân Canh - Vĩnh Ngọc	ODT	118,90		118,90	Huyện Đông Anh	2021-2025
239	Xây dựng HTKT Khu đất X2 Xóm Ngõ, thôn Khê Nữ, xã Nguyên Khê để đấu giá QSD đất.	ODT	0,47		0,47	Huyện Đông Anh	2021-2025
240	Xây dựng HTKT Khu đất X4 thôn Nguyên Khê, xã Nguyên Khê để đấu giá QSD đất.	ODT	0,20		0,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
241	Xây dựng HTKT Khu đất X5 thôn Nguyên Khê, xã Nguyên Khê để đấu giá QSD đất.	ODT	0,44		0,44	Huyện Đông Anh	2021-2025
242	Xây dựng HTKT Khu đất X6 thôn Nguyên Khê, xã Nguyên Khê để đấu giá QSD đất.	ODT	0,37		0,37	Huyện Đông Anh	2021-2025

243	Dự án xây dựng HTKT khu đất xen kẹt tại X1 thôn Nhuế, xã Kim Chung để đấu giá QSD đất	ODT	0,48		0,48	Huyện Đông Anh	2021-2025
244	Xây dựng HTKT khu đất nhỏ lẻ xen kẹt để đấu giá QSD đất tại X1 thôn Phan Xá, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh	ODT	0,45		0,45	Huyện Đông Anh	2021-2025
245	Giải phóng mặt bằng phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất để xây dựng khu đô thị mới, chỉnh trang đô thị tại xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm	ODT	13,80	13,80		Huyện Gia Lâm	2022
246	GPMB khu đấu giá quyền sử dụng đất X1 thôn Trùng Quán, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm	ODT	7,70	7,70		Huyện Gia Lâm	2022
247	GPMB khu đấu giá quyền sử dụng đất X2 xã Đình Xuyên và xã Yên Thường, huyện Gia Lâm	ODT	2,90	2,90		Huyện Gia Lâm	2022
248	GPMB khu đấu giá quyền sử dụng đất X5 thôn Quy Mông và thôn Trùng Quán, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm	ODT	4,09	4,09		Huyện Gia Lâm	2022
249	Giải phóng mặt bằng phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất để xây dựng, chỉnh trang khu dân cư đô thị tại khu đất PD1, PD2, PD3, xã Phù Đổng, huyện Gia Lâm	ODT	4,02	4,02		Huyện Gia Lâm	2022
250	Giải phóng mặt bằng phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất để xây dựng, chỉnh trang khu dân cư đô thị tại khu đất PD4, xã Phù Đổng, huyện Gia Lâm	ODT	4,40	4,40		Huyện Gia Lâm	2022
251	Giải phóng mặt bằng phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất để xây dựng khu dân cư đô thị mới và chỉnh trang đô thị tại khu đất KK1, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm	ODT	3,30	3,30		Huyện Gia Lâm	2022
252	Giải phóng mặt bằng phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất để xây dựng khu dân cư đô thị mới và chỉnh trang đô thị tại khu đất DT3, xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm	ODT	1,49	1,49		Huyện Gia Lâm	2022
253	Giải phóng mặt bằng phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất để xây dựng khu dân cư đô thị mới và chỉnh trang đô thị tại khu đất KK. xã Kiêu Kỵ. huyện Gia Lâm	ODT	3,32	3,32		Huyện Gia Lâm	2022
254	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị Gia Lâm (đợt 4)	ODT	3,00	3,00		Huyện Gia Lâm	2022

255	GPMB phục vụ đấu giá QSD đất để XD khu đô thị mới và chỉnh trang đô thị tại khu đất DH1, xã Yên Viên, xã Dương Hà, huyện Gia Lâm	ODT	8,20	8,20		Huyện Gia Lâm	2022
256	Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất tại vị trí X2B xã Dương Hà, huyện Gia Lâm	ODT	8,54	8,54		Huyện Gia Lâm	2022
257	Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất theo quy hoạch khu đất DH2 xã Dương Hà, huyện Gia Lâm	ODT	19,60	19,60		Huyện Gia Lâm	2022
258	Xây dựng HTKT phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất tại vị trí N-DX1 xã Dương Xá, huyện Gia Lâm	ODT	1,26	1,26		Huyện Gia Lâm	2022
259	Tạo mặt bằng phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất để xây dựng khu dân cư đô thị mới và chỉnh trang đô thị tại các khu đất hai bên đường 24,5m từ đê sông Đuống đến Dốc Lã - Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm	ODT	2,00		2,00	Huyện Gia Lâm	2023-2025
260	Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất theo quy hoạch khu đất DUX1 xã Dương Xá, huyện Gia Lâm	ODT	23,78		23,78	Huyện Gia Lâm	2023-2025
261	Tạo mặt bằng, san nền sơ bộ để chỉnh trang, xây dựng khu dân cư, công trình công cộng, HTKT phục vụ cộng đồng dân cư tại khu đất DX6, xã Đặng Xá, huyện Gia	ODT	3,15		3,15	Huyện Gia Lâm	2023-2025
262	Tạo mặt bằng, san nền sơ bộ để chỉnh trang, xây dựng khu dân cư, công trình công cộng, HTKT phục vụ cộng đồng dân cư tại khu đất DX7, xã Đặng Xá, huyện Gia	ODT	7,96		7,96	Huyện Gia Lâm	2023-2025
263	Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất theo quy hoạch khu đất DX1, DX2, DX3 xã Đặng Xá, huyện Gia Lâm	ODT	6,58		6,58	Huyện Gia Lâm	2023-2025
264	Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất theo quy hoạch khu đất DX4, DX5 xã Đặng Xá, huyện Gia Lâm	ODT	4,65		4,65	Huyện Gia Lâm	2023-2025
265	Tạo mặt bằng, san nền sơ bộ để chỉnh trang, xây dựng khu dân cư, công trình công cộng, HTKT phục vụ cộng đồng dân cư tại khu đất DX8, xã Đặng Xá, huyện Gia	ODT	8,13		8,13	Huyện Gia Lâm	2023-2025
266	Tạo mặt bằng, san nền sơ bộ để chỉnh trang, xây dựng khu dân cư, công trình công cộng, HTKT phục vụ cộng đồng dân cư tại khu đất DX9, xã Đặng Xá, huyện Gia	ODT	6,30		6,30	Huyện Gia Lâm	2023-2025

267	Tạo mặt bằng, xây dựng hạ tầng kỹ thuật để chỉnh trang, xây dựng khu dân cư tại khu đất VD1, xã Văn Đức, huyện Gia Lâm	ODT	1,40		1,40	Huyện Gia Lâm	2023-2025
268	Giải phóng mặt bằng ô đất theo quy hoạch khu đất YV xã Yên Viên, huyện Gia Lâm	ODT	50,80		50,80	Huyện Gia Lâm	2023-2025
269	Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất theo quy hoạch khu đất DIX, thôn Tế Xuyên, xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm	ODT	35,64		35,64	Huyện Gia Lâm	2023-2025
270	Xây dựng HTKT, tạo mặt bằng theo quy hoạch để xây dựng khu dân cư đô thị mới, công trình phục vụ cộng đồng dân cư và chỉnh trang đô thị tại khu đất YT10, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm	ODT	1,14		1,14	Huyện Gia Lâm	2023-2025
271	Tạo mặt bằng, xây dựng HTKT phục vụ đấu giá đất nhỏ, kệt tại các xã Yên Thường, Phù Đồng, Dương Hà, Yên Viên, huyện Gia Lâm	ODT	1,60		1,60	Huyện Gia Lâm	2023-2025
272	Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất theo quy hoạch khu đất TQ, thị trấn Trâu Quỳ và xã Dương Xá, huyện Gia Lâm	ODT	19,55		19,55	Huyện Gia Lâm	2023-2025
273	Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất theo quy hoạch khu đất PD5 xã Phù Đồng, huyện Gia Lâm	ODT	4,47		4,47	Huyện Gia Lâm	2023-2025
274	Đấu giá quyền sử dụng đất Trụ sở HĐND-UBND huyện Gia Lâm, số 10 đường Ngô Xuân Quảng, TT Trâu Quỳ	ODT	1,20		1,20	Huyện Gia Lâm	2023-2025
275	Khu đô thị An Khánh - An	ODT	30,28		30,28	Huyện Hoài Đức	2022
276	Khu đô thị mới Kim Chung - Di Trạch	ODT	138,17		138,17	Huyện Hoài Đức	2022
277	Khu ĐTM An Lạc Green Symphony (tên cũ Khu ĐTM thuộc khu đô thị Đại học Văn Cảnh)	ODT	57,05		57,05	Huyện Hoài Đức	2022
278	Khu đô thị mới CEO Mê Linh	ODT	20,31		20,31	Huyện Mê Linh	2022
279	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất dịch vụ kết hợp đấu giá quyền sử dụng đất tại thị trấn Chi Đông, huyện Mê Linh	ODT	12,00	12,00		Huyện Mê Linh	2022
280	Khu đô thị Vinalines	ODT	106,69	#####		Huyện Mê Linh	2022
281	Hạ tầng đất dịch vụ thôn Giai Lạc (Nay là tổ dân phố 1,2,3), TT. Quang Minh, huyện Mê Linh.	ODT	10,01		10,01	Huyện Mê Linh	2022
282	Hạ tầng đất dịch vụ thôn Gia Trung, TT Quang Minh, huyện Mê Linh	ODT	7,20		7,20	Huyện Mê Linh	2022

283	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá quyền sử dụng đất tại điểm X4 TDP số 8, thị trấn Quang Minh	ODT	0,29	0,19	0,10	Huyện Mê Linh	2022
284	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá quyền sử dụng đất khu đất nhỏ lẻ, xen kẹt tại điểm X3 TDP số 7, thị trấn Quang Minh	ODT	0,36		0,36	Huyện Mê Linh	2022
285	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá quyền sử dụng đất tại tổ dân phố số 7, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh (khu vực xung quanh trường mầm non Quang Minh B)	ODT	2,27	1,77	0,50	Huyện Mê Linh	2022
286	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn Chu Trần, xã Tiến Thịnh, huyện Mê Linh	ODT	6,20		6,20	Huyện Mê Linh	2022
287	Hạ tầng đất dịch vụ thôn Gia Tân (Nay là tổ dân phố số 11) TT.Quang Minh, huyện Mê Linh	ODT	2,21		2,21	Huyện Mê Linh	2022
288	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để giao đất tái định cư và kết hợp đấu giá quyền sử dụng đất tại tổ dân phố số 11 (điểm QM-03, QM-05, QM-06) thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh	ODT	0,31		0,31	Huyện Mê Linh	2022
289	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá quyền sử dụng đất tại điểm X2, tổ dân phố số 4, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh	ODT	1,00		1,00	Huyện Mê Linh	2022
290	Khu đô thị mới An Thịnh	ODT	77,25	68,21	9,04	Huyện Mê Linh	2022
291	Khu nhà ở ven sông Long Việt - Long Viet Riverside	ODT	4,33	4,33		Huyện Mê Linh	2022
292	Khu đô thị Cienco 5	ODT	49,95	49,95		Huyện Mê Linh	2022
293	Mở rộng khu đô thị Cienco 5	ODT	17,76	17,76		Huyện Mê Linh	2022
294	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất phục vụ giao đất cho 15 hộ đổi đất lấy công trình và 02 hộ khu ao Trạm y tế Quang Minh (Công trình dân sinh bức xúc)	ODT	0,51	0,51		Huyện Mê Linh	2022
295	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất khu đất nhỏ lẻ, xen kẹt tại điểm X4 TDP số 8, thị trấn Quang Minh	ODT	0,29		0,29	Huyện Mê Linh	2021-2025
296	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất khu đất nhỏ lẻ, xen kẹt tại điểm X3 TDP số 7, thị trấn Quang Minh	ODT	0,36	0,15	0,21	Huyện Mê Linh	2021-2025
297	Đất chuyển đổi nông nghiệp xen kẹt, đất vườn ao liền kề trong khu dân cư sang đất ở của hộ gia đình cá nhân trên địa bàn huyện	ODT	0,34		0,34	Huyện Mê Linh	2021-2025

298	Hạ tầng đất dịch vụ thôn Gia Tân (Nay là tổ dân phố số 11) xã Quang Minh, huyện Mê Linh	ODT	1,80		1,80	Huyện Mê Linh	2021-2025
299	XD HTKT để ĐGQSDĐ nhỏ lẻ, xen kẹt tại tổ dân phố số 2, TT.Chi Đông.	ODT	0,45	0,00	0,45	Huyện Mê Linh	2021-2025
300	Xây dựng HTKT để giao đất dịch vụ và kết hợp đấu giá QSD đất tại TDP số 3 (điểm QM-04) TT Quang Minh huyện Mê Linh	ODT	0,35		0,35	Huyện Mê Linh	2021-2025
301	Xây dựng HTKT để giao đất TĐC và kết hợp đấu giá QSD đất tại TDP số 11 (điểm QM-03, QM-05, QM-06) TT Quang Minh	ODT	0,31		0,31	Huyện Mê Linh	2021-2025
302	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất tại điểm X2, TDP số 4, thị trấn Quang Minh	ODT	1,10		1,10	Huyện Mê Linh	2021-2025
303	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá QSD đất tại tổ dân phố số 7, thị trấn Quang Minh (khu vực xung quanh trường mầm non Quang Minh)	ODT	2,60		2,60	Huyện Mê Linh	2021-2025
304	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất tại điểm QM-01 tổ dân phố 4,5,6, thị trấn Quang Minh	ODT	3,44		3,44	Huyện Mê Linh	2021-2025
305	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất tại điểm QM-02 (TDP số 8, Ấp Tre) thị trấn Quang Minh	ODT	0,50		0,50	Huyện Mê Linh	2021-2025
306	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất tại điểm QM-01 (TDP số 8, Ấp Tre) thị trấn Quang Minh	ODT	7,80		7,80	Huyện Mê Linh	2021-2025
307	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để giao đất tái định cư và kết hợp đấu giá QSD đất tại tổ dân phố số 4,5 (điểm QM-02) thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh	ODT	0,14		0,14	Huyện Mê Linh	2021-2025
308	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để giao đất dịch vụ và kết hợp đấu giá QSD đất tại tổ dân phố số 3 (điểm QM-04) thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh	ODT	0,35		0,35	Huyện Mê Linh	2021-2025
309	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá QSD đất tại tổ dân phố số 7, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh (khu vực xung quanh trường mầm non Quang Minh B)	ODT	2,27	1,77	0,50	Huyện Mê Linh	2021-2025
310	XD HTKT để ĐGQSDĐ tại tổ dân phố số 3, TT.Chi Đông	ODT	1,69	1,69		Huyện Mê Linh	2021-2025
311	Dự án khu nhà ở Minh Đức tại xã Tiên Phong	ODT	17,22	17,22		Huyện Mê Linh	2021-2025
312	Đấu giá quyền SDD ở xứ đồng Mạ Cú	ODT	2,30	2,30		Huyện Mỹ Đức	2022

313	Đấu giá quyền SDD khu đồng Bãi Vạc, đường Ngang trên, TDP Văn Giang	ODT	4,80	4,80		Huyện Mỹ Đức	2022
314	Khu Xứ đồng Đường Ngang trên TDP Văn Giang	ODT	2,96	2,96		Huyện Mỹ Đức	2021
315	Khu Xứ đồng Góc Nam	ODT	1,90	1,90		Huyện Mỹ Đức	2021
316	Khu Ao Đình, tổ dân phố Tế Tiêu	ODT	2,96	2,96		Huyện Mỹ Đức	2021
317	Khu mặt đường 424 (giáp nghĩa trang cũ Tế Tiêu) Cống đê TDP Tế Tiêu	ODT	0,05	0,05		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
318	Khu đồng cửa kho, mại cửa cầu - Tổ dân phố Thọ Sơn	ODT	3,80	3,80		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
319	Khu đồng Cửa Chợ - Tổ dân phố Tế Tiêu	ODT	4,00	4,00		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
320	Khu Đồng bãi cả (TDP Văn Giang)	ODT	0,68	0,68		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
321	Khu nhà ở An Phú Mỹ	ODT	9,32	9,32		Huyện Mỹ Đức	2021
322	Khu tổ dân phố Văn Giang	ODT	10,65	10,65		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
323	Khu tổ dân phố Thọ Sơn	ODT	30,00	30,00		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
324	Khu tổ dân phố Tế Tiêu	ODT	30,00	30,00		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
325	Khu tái định cư phục vụ xây dựng tuyến đường giáp Sông Đáy từ cầu Tế Tiêu đến xã Đại Hưng	ODT	0,68	0,68		Huyện Mỹ Đức	2022
326	Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án Khu chức năng nhà ở đô thị tại TT Đại Nghĩa	ODT	30,00	30,00		Huyện Mỹ Đức	2022
327	Khu giáp nhà máy nước - Tổ dân phố Tế Tiêu	ODT	0,48	0,48		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
328	Khu nhà văn hóa Văn Giang	ODT	0,13	0,13		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
329	Khu trường tiểu học Văn Giang	ODT	0,43	0,43		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
330	Khu Ngõ 31 Đường Đại Nghĩa (Thọ Sơn)	ODT	0,07	0,07		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
331	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn, ao đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang đất	ODT	1,50		1,50	Huyện Phú Xuyên	2022
332	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất Khu Đầm cụ Chánh Hậu, tiểu khu Phú Mỹ	ODT	0,03		0,03	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
333	Đấu giá quyền sử dụng đất khu sau UBND huyện Phú Xuyên, Tiểu khu Thao Chính, thị trấn Phú Xuyên	ODT	3,30		3,30	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
334	Đấu giá quyền sử dụng đất khu Nam Chính, Tiểu khu Thao Chính, thị trấn Phú Xuyên	ODT	11,70		11,70	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
335	Đấu giá quyền sử dụng đất tại khu Đồng Quan, Tiểu khu Mỹ Lâm	ODT	9,60		9,60	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
336	Đấu giá quyền sử dụng đất tại khu Tế Nông - Đồng Gừng Tiểu khu Mỹ Lâm	ODT	9,67		9,67	Huyện Phú Xuyên	2021-2025

337	Vị trí đất ở cho hộ gia đình tại thị trấn Phú Xuyên (ông Lại Văn Chín) phục vụ việc bố trí đường vào công trình giáo dục tại thị trấn Phú Xuyên	ODT	0,01		0,01	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
338	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất Ruộng Bà trường TK Đại Nam	ODT	0,50		0,50	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
339	Khu Đồng Thuyền, TK Phú Gia	ODT	7,68		7,68	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
340	Đấu giá quyền sử dụng đất ở tại Khu Trại ông Ổn, TK Phú Gia giai đoạn 1	ODT	1,00		1,00	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
341	Đấu giá quyền sử dụng đất ở tại Khu giáp trường Cơ Điện, TK Phú Thịnh	ODT	1,80		1,80	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
342	Khu đô thị mới và thương mại dịch vụ hỗn hợp	ODT	40,00		40,00	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
343	Khu đô thị Gia Hòa	ODT	26,00		26,00	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
344	Khu đô thị thị trấn Phúc Thọ	ODT	40,00		40,00	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
345	Khu du lịch, nghỉ dưỡng, thể thao, giải trí kết hợp đô thị sinh thái	ODT	150,00		150,00	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
346	Khu đô thị mới Phụng Thượng	ODT	130,00		130,00	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
347	Khu đô thị mới Phúc Thọ	ODT	35,00		35,00	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
348	Khu đô thị mới Tam Hiệp	ODT	66,00		66,00	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
349	Khu đô thị mới và thương mại dịch vụ hỗn hợp	ODT	66,00		66,00	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
350	Khu đô thị sinh thái Phúc Thọ	ODT	60,00		60,00	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
351	Khu đô thị mới	ODT	427,00		427,00	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
352	Khu đô thị sinh thái ven Cẩm Đình - Hiệp Thuận	ODT	301,00		301,00	Huyện Phúc Thọ	2021-2025
353	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật đấu giá khu Núi Chiêng, thị trấn Phúc Thọ	ODT	1,10		1,10	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
354	Xây dựng HTKT đấu giá khu trung tâm thị trấn Phúc Thọ	ODT	5,87		5,87	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
355	Dự án xây dựng HTKT đấu giá Quyền sử dụng đất xen kẹt tại điểm X10 thị trấn Phúc Thọ	ODT	0,49		0,49	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
356	Chuyển mục đích đất ở xen kẹt	ODT	0,50		0,50	Huyện Phúc Thọ	2021-2022
357	Đất ở đô thị mới TT Phúc Thọ	ODT	20,00		20,00	Huyện Phúc Thọ	2021-2025
358	Đấu giá khu chợ Trâu bò, Đồng Mạ	ODT	3,90		3,90	Huyện Phúc Thọ	2021-2025
359	Dự án giao đất ở (cho các hộ gia đình theo Quyết định 1098)	ODT	0,63		0,63	Huyện Phúc Thọ	2021-2025
360	Đấu giá đất ở xen kẹt	ODT	0,60		0,60	Huyện Phúc Thọ	2021-2025
361	Khu đô thị sinh thái và trung tâm thương mại Quốc Oai	ODT	26,80	26,80		Huyện Quốc Oai	2021-2025
362	Khu dân cư đô thị mới ĐG05.1 thị trấn Quốc Oai	ODT	0,48		0,48	Huyện Quốc Oai	2021-2025
363	Khu dân cư đô thị mới ĐG05.2 Thị trấn	ODT	0,70		0,70	Huyện Quốc Oai	2021-2025
364	Khu dân cư đô thị mới ĐG03 thị trấn Quốc Oai	ODT	3,40	3,40		Huyện Quốc Oai	2021-2025

365	Khu dân cư đô thị mới ĐG06 - Thị trấn Quốc Oai	ODT	4,54	3,10	1,44	Huyện Quốc Oai	2021-2025
366	Khu dân cư mới đất ở xen kẹt thị trấn Quốc Oai	ODT	0,09		0,09	Huyện Quốc Oai	2021-2025
367	Khu dân cư đô thị mới ĐG02 Thị trấn Quốc Oai, huyện Quốc Oai	ODT	4,30	4,30		Huyện Quốc Oai	2021-2025
368	Xây dựng hạ tầng khu đất dịch vụ thị trấn Quốc Oai, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	ODT	1,20	1,20		Huyện Quốc Oai	2021-2025
369	Khu dân cư đô thị mới khu đất Tái định cư thị trấn Quốc Oai	ODT	8,96		8,96	Huyện Quốc Oai	2021-2025
370	Dự án khu đô thị Monaco Garden	ODT	125,92		125,92	Huyện Quốc Oai	2021-2025
371	Khu đô thị và dịch vụ phía Tây Quốc Oai (Khu đô thị Hà Nội Westgate)	ODT	45,25	44,40	0,85	Huyện Quốc Oai	2021-2025
372	Khu biệt thự cao cấp, trung tâm thương mại tổng hợp Metropole	ODT	33,00		33,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
373	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá QSD đất tại tổ 1, thị trấn Sóc Sơn	ODT	2,60	2,23	0,37	Huyện Sóc Sơn	2022-2023
374	Xây dựng HTKT khu đất xen kẹt để đấu giá QSD đất tại khu sau Làng, tổ 2, thị trấn Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn	ODT	1,44	1,44		Huyện Sóc Sơn	2022
375	Xây dựng HTKT khu đất xen kẹt để đấu giá QSD đất tại khu sau Làng, tổ 2, thị trấn Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn	ODT	1,50		1,50	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
376	Xây dựng khu đô thị mới tại xã Phù Linh (X1)	ODT	20,50		20,50	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
377	Xây dựng khu đô thị mới tại các xã Tiên Dược, Phù Linh và thị trấn Sóc Sơn (X2)	ODT	25,90		25,90	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
378	Xây dựng khu đô thị mới tại các xã Mai Đình - Tiên Dược (X3)	ODT	27,10		27,10	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
379	Xây dựng khu đô thị mới tại các xã Mai Đình - Tiên Dược (X4)	ODT	26,00		26,00	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
380	Xây dựng khu đô thị mới tại xã Quang Tiến (X5)	ODT	28,50		28,50	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
381	Xây dựng HTKT khu đất để đấu giá QSD đất ở tại khu Đồng Cam Thị trấn Liên Quan (gồm 3 điểm, trước mặt trường PTTHTT, khu sau sân vận động, khu cầu Đồng Mô đối diện chợ Săn)	ODT	3,98		3,98	Huyện Thạch Thất	2022
382	Xây dựng HTKT khu đất để đấu giá đất ở tại khu Trung tâm hành chính huyện	ODT	5,77		5,77	Huyện Thạch Thất	2021-2025
383	Xây dựng HTKT đấu giá QSD đất tại khu trung tâm thị trấn Liên Quan	ODT	4,00		4,00	Huyện Thạch Thất	2025
384	Xây dựng khu tái định cư thị trấn Liên Quan	ODT	3,82		3,82	Huyện Thạch Thất	2022

385	Giải phóng mặt bằng khu đấu giá QSD đất trực Hành chính thị trấn Liên Quan	ODT	2,50		2,50	Huyện Thạch Thất	2021-2025
386	Đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện đầu tư nhà ở thấp tầng Khu K3, thị trấn Kim Bài (giai đoạn 2)	ODT	5,40		5,40	Huyện Thanh Oai	2021-2022
387	Đấu giá QSD đất khu K3 Thị trấn Kim bài giai đoạn 1, huyện Thanh Oai	ODT	6,30	6,30		Huyện Thanh Oai	2021-2022
388	Đầu tư xây dựng khu đô thị mới Mỹ Hưng - Cienco 5	ODT	182,04	#####		Huyện Thanh Oai	2021-2022
389	Khu nhà ở gia đình quân đội và tuyến đường nối phố Linh Đường với đường Tựu Liệt	ODT	3,60		3,60	Huyện Thanh Trì	2022
390	Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở xã hội để bán và cho thuê tại ô đất N03A khu đô thị Tứ Hiệp	ODT	1,56		1,56	Huyện Thanh Trì	2022
391	Khu nhà ở gia đình quân đội và tuyến đường nối phố Linh Đường với đường Tựu Liệt	ODT	3,60		3,60	Huyện Thanh Trì	2022
392	Tòa nhà hỗn hợp dịch vụ, thương mại, văn phòng và nhà ở chung cư - Đồng Phát Phan Trọng Tuệ	ODT	1,17		1,17	Huyện Thanh Trì	2022
393	Đầu tư xây dựng khu đô thị mới Cầu Bươu	ODT	0,99		0,99	Huyện Thanh Trì	2022
394	Khu đô thị Nam đường vành đai 3	ODT	2,98		2,98	Huyện Thanh Trì	2021-2025
395	Khu nhà ở xã hội	ODT	7,00		7,00	Huyện Thanh Trì	2021-2025
396	Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở tại số 486 đường Ngọc Hồi (lô C và D)	ODT	0,51		0,51	Huyện Thanh Trì	2021-2025
397	Dự án nhà ở xã hội tại ô đất NO1 khu đô thị mới Hạ Đình	ODT	0,94		0,94	Huyện Thanh Trì	2021-2025
398	Dự án xây dựng khu chung cư thương mại để bán	ODT	4,20		4,20	Huyện Thanh Trì	2021-2025
399	Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở xã hội IEC tại ô đất B3-2 thuộc QH phần KĐT S5	ODT	2,10		2,10	Huyện Thanh Trì	2021-2025
400	Xây dựng HTKT khu đấu giá quyền sử dụng đất xen kẹt nhỏ lẻ tại xã Vĩnh Quỳnh (thôn Vĩnh Ninh)	ODT	0,19		0,19	Huyện Thanh Trì	2021-2025
401	Xây dựng HTKT khu đấu giá quyền sử dụng đất xen kẹt nhỏ lẻ tại xã Thanh Liệt (thôn Thượng)	ODT	0,29		0,29	Huyện Thanh Trì	2021-2025
402	Khu đấu giá quyền sử dụng đất số 1, thôn Siêu Quần, Tả Thanh Oai	ODT	1,40		1,40	Huyện Thanh Trì	2021-2025
403	Khu đấu giá quyền sử dụng đất số 2, thôn Siêu Quần, Tả Thanh Oai	ODT	3,78		3,78	Huyện Thanh Trì	2021-2025
404	Khu đấu giá quyền sử dụng đất số 3, thôn Siêu Quần, Tả Thanh Oai	ODT	3,64		3,64	Huyện Thanh Trì	2021-2025
405	Khu đấu giá quyền sử dụng đất số 4, thôn Siêu Quần, Tả Thanh Oai	ODT	1,20		1,20	Huyện Thanh Trì	2021-2025

406	Khu đấu giá quyền sử dụng đất số 5, thôn Siêu Quần, Tả Thanh Oai	ODT	1,08		1,08	Huyện Thanh Trì	2021-2025
407	Khu đấu giá quyền sử dụng đất số 6, thôn Siêu Quần, Tả Thanh Oai	ODT	2,00		2,00	Huyện Thanh Trì	2021-2025
408	05 Khu tái định cư kết hợp đấu giá quyền sử dụng đất dọc Quốc 1A đoạn qua địa bàn huyện Thường Tín	ODT	5,80		5,80	Huyện Thường Tín	2022-2025
409	Đô thị số 2: Dự án đấu giá QSD đất cả lô: OM01, OM02, OM03, OM11, OM 15, CX 08, CCDDT07 và các tuyến đường liên quan tại khu K2 thị trấn Thường Tín	ODT	2,15		2,15	Huyện Thường Tín	2022-2025
410	Đô thị số 3: Dự án đấu giá QSD đất cả lô: OM 04, OM 05, OM 06, và OM16 đến OM 20, CX06 và các tuyến đường liên quan tại khu K2 thị trấn Thường Tín	ODT	3,80		3,80	Huyện Thường Tín	2022-2025
411	Đô thị số 4: Dự án đấu giá QSD đất cả lô OM 22, TH 02, MN01, MN 02. P và các tuyến đường liên quan tại khu K2 thị trấn Thường Tín	ODT	2,10		2,10	Huyện Thường Tín	2022-2025
412	Đô thị số 5: Dự án đấu giá QSD đất cả lô OM 01, OM 02, OM04, OM05, OM06, OM 07, OM10, CX 01, CX 04, CX05, MN và các tuyến đường liên quan tại khu K1, K2 thị trấn Thường Tín	ODT	4,90		4,90	Huyện Thường Tín	2022-2025
413	Đô thị số 6: Dự án đấu giá QSD đất cả lô OM 09, đến OM 18, CX 06 đến CX 11 và các tuyến đường liên quan tại khu K1 thị trấn Thường Tín	ODT	4,90		4,90	Huyện Thường Tín	2022-2025
414	Đô thị số 7: Dự án đấu giá QSD đất cả lô OM 19, OM 21, OM 22, OM 23, OM31 và các tuyến đường liên quan tại khu K3 thị trấn Thường Tín	ODT	1,80		1,80	Huyện Thường Tín	2022-2025
415	Khu chung cư cho người có thu nhập thấp	ODT	2,50		2,50	Huyện Thường Tín	2022-2025
416	Đấu giá quyền sử dụng đất cả lô tại khu đất ký hiệu L.27 thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, TP. Hà Nội	ODT	3,26	3,26		Huyện Thường Tín	2022-2025
417	Đấu giá đất ở khu Đỗ Kiền	ODT	2,60	2,14	0,46	Huyện Thường Tín	2022-2025
418	Đấu giá quyền sử dụng đất ở tại vị trí Ngã Kéo thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	ODT	0,55		0,55	Huyện Thường Tín	2022-2025
419	Khu đô thị 1a Nhị Khê	ODT	13,64		13,64	Huyện Thường Tín	2022-2025
420	Khu đô thị 3a Nhị Khê	ODT	8,74		8,74	Huyện Thường Tín	2022-2025

421	Khu đô thị 3b Nhị Khê	ODT	11,08		11,08	Huyện Thường Tín	2022-2025
422	Khu đấu giá QSD đất ở số 01: Tại xã Nhị Khê thuộc một phần ô quy hoạch có ký hiệu C3-6 của Khu đô thị S5.	ODT	8,50		8,50	Huyện Thường Tín	2022-2025
423	Khu đấu giá QSD đất ở số 02: Tại xã Nhị Khê thuộc ô quy hoạch có ký hiệu C3 - 4 và C3-6 của Khu đô thị S5.	ODT	17,50		17,50	Huyện Thường Tín	2022-2025
424	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất Khu liên kề Duyên Thái I, xã Duyên Thái	ODT	2,55		2,55	Huyện Thường Tín	2022-2025
425	Dự án đấu giá QSD đất tại xã Văn Tự - PX-03	ODT	13,20		13,20	Huyện Thường Tín	2022-2025
426	Dự án đấu giá QSD đất tại xã Văn Tự - PX-04	ODT	16,40		16,40	Huyện Thường Tín	2022-2025
427	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá xã Vạn Điểm, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	ODT	6,58		6,58	Huyện Thường Tín	2022-2025
428	Dự án đấu giá QSD đất tại xã Minh Cường - PX -01	ODT	9,86		9,86	Huyện Thường Tín	2022-2025
429	Dự án đấu giá QSD đất tại xã Minh Cường - PX -02	ODT	4,60		4,60	Huyện Thường Tín	2022-2025
430	Khu Văn phòng - Dịch vụ - Thương mại và nhà ở số 01 Vạn Điểm	ODT	11,00		11,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
431	Khu Văn phòng - Dịch vụ - Thương mại và nhà ở số 02 Vạn Điểm	ODT	16,20		16,20	Huyện Thường Tín	2022-2025
432	Khu Văn phòng - Dịch vụ - Thương mại và nhà ở số 03 Vạn Điểm	ODT	9,00		9,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
433	Khu Văn phòng - Dịch vụ - Thương mại và nhà ở số 01 Minh Cường	ODT	7,98		7,98	Huyện Thường Tín	2022-2025
434	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá đất CC03 thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	ODT	1,58		1,58	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
435	Xây dựng HTKT khu 1 - TTTM DV đất ở mới thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ODT	1,96		1,96	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
436	Xây dựng HTKT khu 2 - TTTM DV đất ở mới thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ODT	2,03		2,03	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
437	Xây dựng HTKT khu 3 - TTTM DV đất ở mới thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ODT	2,16		2,16	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
438	Chuyển mục đích đất vườn ao liên kề trong khu dân cư sang đất ở	ODT	10,00		10,00	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
439	Đất ở mới (các điểm nhỏ lẻ xen kẹt trong khu dân cư)	ODT	3,71		3,71	Huyện Ứng Hòa	2022-2025

440	Đất ở đô thị (Quy hoạch chung thị trấn Vân Đình; QH mở rộng thị trấn)	ODT	44,85		44,85	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
441	Thu hồi địa điểm nhà đất của Tổng công ty Thương mại Hà Nội để tổ chức bán đấu giá	ODT	0,01		0,01	Quận Ba Đình	2021-2025
442	Thu hồi cơ sở nhà đất của Công ty TNHH MTV Điện ảnh Hà Nội giao TT Phát triển quỹ đất Hà Nội - Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận. tổ chức bán đấu giá	ODT	0,07	0,06	0,01	Quận Ba Đình	2021-2025
443	Cải tạo, xây dựng lại khu tập thể Viện tư liệu phim Việt Nam-The Boulevard	ODT	0,13	0,13		Quận Ba Đình	2021-2025
444	Dự án xây dựng văn phòng, căn hộ và biệt thự tại 16 Láng Hạ, phường Thành Công	ODT	0,82	0,82		Quận Ba Đình	2021-2025
445	Chuyển đổi mục đích sử dụng đất các ô đất nhỏ lẻ xen kẹt trên địa bàn quận sang đất ở đô thị	ODT	1,50	1,50		Quận Ba Đình	2021-2025
446	Di chuyển các hộ dân nằm trong khu vực 1 di tích Đình Công Vị; Đình Giảng Võ; chùa Bát Tháp	ODT	0,35	0,35		Quận Ba Đình	2021-2025
447	Cải tạo chung cư nguy hiểm tại biến số nhà 148-150 Sơn Tây	ODT	0,07		0,07	Quận Ba Đình	2022
448	Tổ hợp văn phòng làm việc và nhà ở cho thuê tại số 5 Thành Công	ODT	0,76	0,76		Quận Ba Đình	2021-2025
449	Dự án Cải tạo, xây dựng lại khu tập thể Viện tư liệu phim Việt Nam - The Boulevard	ODT	0,14	0,14		Quận Ba Đình	2021-2025
450	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở thấp tầng ngõ 5 Lỗng Hạ	ODT	0,41	0,41		Quận Ba Đình	2021-2025
451	Dự án cao ốc thanh niên Plaza tại số 125 phố Văn Cao, quận Ba Đình	ODT	0,14	0,14		Quận Ba Đình	2021-2025
452	Dự án tòa nhà hỗn hợp ARTHOME	ODT	0,41	0,41		Quận Ba Đình	2021-2025
453	Xây dựng HTKT đấu giá QSD các khu đất xen kẹt nhỏ lẻ phường Đông Ngạc	ODT	0,14		0,14	Quận Bắc Từ Liêm	2022
454	Xây dựng HTKT khu đất 3ha để đấu giá QSDĐ tại phường Phú Diễn	ODT	3,00		3,00	Quận Bắc Từ Liêm	2022
455	Xây dựng HTKT để đấu giá QSDĐ khu 4,35ha phường Liên Mạc	ODT	4,35		4,35	Quận Bắc Từ Liêm	2022
456	Xây dựng HTKT để đấu giá quyền sử dụng đất các khu đất xen kẹt nhỏ lẻ tại phường Thụy Phương	ODT	0,32		0,32	Quận Bắc Từ Liêm	2022

457	Xây dựng HTKT để đấu giá QSDĐ khu đất 2,55ha tại phường Phúc Diễn	ODT	2,55		2,55	Quận Bắc Từ Liêm	2022
458	Xây dựng HTKT để đấu giá QSDĐ khu đất 1,5ha tại phường Minh Khai	ODT	1,50		1,50	Quận Bắc Từ Liêm	2022
459	Xây dựng HTKT để đấu giá quyền sử dụng đất khu đất giáp trung tâm hành chính quận Bắc	ODT	2,01		2,01	Quận Bắc Từ Liêm	2022
460	Xây dựng HTKT để đấu giá QSDĐ khu 2,1ha phường Thượng Cát	ODT	2,10		2,10	Quận Bắc Từ Liêm	2022
461	Nhà ở thương mại phục vụ tái định cư theo cơ chế đặt hàng tại các ô đất ký hiệu CT1, CT2, CT3, CT4 khu tái định cư phục vụ xây dựng khu đô thị mới Hà Nội thuộc phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm	ODT	2,35		2,35	Quận Bắc Từ Liêm	2022
462	Khu nhà ở thấp tầng tại lô TT 06-X1	ODT	0,07		0,07	Quận Bắc Từ Liêm	2022
463	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất lô CT1, CT2, CT3 khu tái định cư tập trung Kiều Mai, Phường Phúc Diễn	ODT	1,58		1,58	Quận Bắc Từ Liêm	2022
464	GPMB, xây dựng HTKT tại các ô đất quy hoạch DV01, DV02, DV03, DV05, DV06 tại phường Tây Tựu quận Bắc Từ Liêm	ODT	8,60		8,60	Quận Bắc Từ Liêm	2022
465	Đầu tư xây dựng nhà ở để bán tại ô đất G8-CT3 và G5-CT2 thuộc khu vực Bắc Cổ Nhuế-Chèm	ODT	2,17		2,17	Quận Bắc Từ Liêm	2022
466	Dự án xây dựng nhà ở cao tầng	ODT	1,42		1,42	Quận Bắc Từ Liêm	2022
467	Khu nhà ở và dịch vụ thương mại	ODT	2,20		2,20	Quận Bắc Từ Liêm	2022
468	Xây dựng nhà ở để bán cho cán bộ trường du lịch	ODT	0,79		0,79	Quận Bắc Từ Liêm	2022
469	Khu đô thị Nam Thăng Long	ODT	301,89		301,89	Quận Bắc Từ Liêm	2022
470	Xây dựng HTKT khu đất dịch vụ tại các ô đất quy hoạch DV09, DV11 tại phường Tây Tựu quận Bắc Từ Liêm	ODT	8,90		8,90	Quận Bắc Từ Liêm	2022
471	Xây dựng HTKT khu đất dịch vụ tại các ô đất quy hoạch DV04, DV08 tại phường Tây Tựu quận Bắc Từ Liêm	ODT	9,70		9,70	Quận Bắc Từ Liêm	2022
472	Xây dựng HTKT để đấu giá QSDĐ khu đất tại ô đất CT trong khu 8,5ha phường Phú Diễn	ODT	1,50		1,50	Quận Bắc Từ Liêm	2022
473	Khu đô thị mới Cổ Nhuế	ODT	0,32		0,32	Quận Bắc Từ Liêm	2022
474	Đất ở chuyển mục đích từ đất Ao, vườn liền kề và đất ao, vườn xen kẹt trong khu dân cư	ODT	1,00		1,00	Quận Bắc Từ Liêm	2022

475	Dự án Khu nhà ở cán bộ công chức Nhà xuất bản chính trị Quốc gia – Sự thật	ODT	2,00		2,00	Quận Bắc Từ Liêm	2022
476	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tập trung quận Bắc Từ Liêm	ODT	10,20		10,20	Quận Bắc Từ Liêm	2022
477	Xây dựng HTKT để đấu giá quyền sử dụng đất khu đất 2.5ha tại phường Tây Tựu	ODT	2,50		2,50	Quận Bắc Từ Liêm	2022
478	Xây dựng HTKT để đấu giá quyền sử dụng đất khu đất 2.55ha tại phường Liên Mạc	ODT	2,55		2,55	Quận Bắc Từ Liêm	2022
479	Xây dựng HTKT để đấu giá quyền sử dụng đất khu đất 3.18ha tại phường Liên Mạc	ODT	3,18		3,18	Quận Bắc Từ Liêm	2022
480	Xây dựng HTKT để đấu giá quyền sử dụng đất khu đất 0.38ha tại phường Phú Diễn	ODT	0,38		0,38	Quận Bắc Từ Liêm	2022
481	Xây dựng HTKT để đấu giá quyền sử dụng đất khu đất 3.1ha tại phường Tây Tựu	ODT	3,10		3,10	Quận Bắc Từ Liêm	2022
482	Dự án khu nhà ở cho cán bộ cao cấp Tổng cục An ninh - Bộ công an	ODT	0,99		0,99	Quận Bắc Từ Liêm	2022
483	Xây dựng HTKT khu đất dịch vụ và các mục tiêu khác tại các ô đất quy hoạch DV07, DV10, DV12 tại phường Tây Tựu quận Bắc Từ Liêm	ODT	7,66		7,66	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
484	Cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuê đất theo quy định	ODT	100,00		100,00	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
485	Xây dựng HTKT đấu giá QSDĐ khu đất kẹt phường Liên Mạc	ODT	0,61		0,61	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
486	Khu nhà ở thấp tầng	ODT	2,49		2,49	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
487	Khu nhà ở thấp tầng	ODT	0,90		0,90	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
488	Khu nhà ở cao cấp và thương mại dịch vụ Tây Tựu	ODT	3,24		3,24	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
489	Khu nhà ở cao cấp kết hợp Dịch vụ thương mại Tây Tựu	ODT	3,71		3,71	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
490	Đầu tư xây dựng khu nhà ở thương mại Tây Tựu - Thăng	ODT	5,09		5,09	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
491	Tổ hợp nhà ở cao cấp và thương mại dịch vụ Thượng Cát	ODT	6,00		6,00	Quận Bắc Từ Liêm	2022
492	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất 0,4ha phường Thượng cát quận bắc từ liêm (vị trí 7)	ODT	0,40		0,40	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
493	Dự án xây dựng nhà ở trong ô quy hoạch G8-4 thuộc phân khu GS quy mô 7,8ha	ODT	7,80		7,80	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
494	Dự án xây dựng nhà ở trong ô quy hoạch B-1 thuộc phân khu S2 quy mô 4,6ha	ODT	4,60		4,60	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025

495	Dự án xây dựng nhà ở trong ô quy hoạch GS1-1 thuộc phân khu GS quy mô 13,3ha	ODT	13,30		13,30	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
496	GPMB tại lô A (thửa A1, A2) ô đất D2* Khu đô thị mới Cầu Giấy (Phục vụ Đấu giá quyền sử dụng đất)	ODT	0,02		0,02	Quận Cầu Giấy	2021
497	Dự án GPMB và san nền sơ bộ ô đất D27 khu đô thị mới Cầu Giấy	ODT	1,38		1,38	Quận Cầu Giấy	2021
498	Khu nhà ở thấp tầng tại các ô đất TT-01-II, TT-02-III, TT-04-V	ODT	0,75		0,75	Quận Cầu Giấy	2021
499	Xây dựng khu đô thị mới Dịch Vọng: (Tuyến đường 17,5m; ô đất HH; NO11; NO5; CC2-CX; DDX5: phần hạ tầng còn lại)	ODT	22,49	16,57	5,92	Quận Cầu Giấy	2021
500	Đấu giá quyền sử dụng đất tại ô D23 (28 thửa =4583m2); Ô đất D18 (lô B10, DT 153m2 và lô B19, DT 159m2) Khu đô thị mới Cầu Giấy	ODT	0,49		0,49	Quận Cầu Giấy	2021
501	Đấu giá quyền sử dụng đất lô đất E thuộc ô đất D2* Khu đô thị mới Cầu Giấy	ODT	0,06		0,06	Quận Cầu Giấy	2021
502	Hỗn hợp văn phòng, khách sạn, trung tâm thương mại dịch vụ và nhà ở (Tổng diện tích 0,86 ha, trong đó Quận Tây Hồ 0,78 ha, Quận Cầu giấy 0,08 ha)	ODT	0,08		0,08	Quận Cầu Giấy	2021
503	Nhà ở TM bán cho các hộ xã viên Hợp tác xã Mai Dịch.	ODT	0,63		0,63	Quận Cầu Giấy	2021
504	Tòa nhà hỗn hợp Constrexim Complex (Lô đất ký hiệu A1-2 phần còn lại Khu đô thị Cầu Giấy)	ODT	2,55		2,55	Quận Cầu Giấy	2021
505	Khu nhà ở phục vụ tái định cư theo cơ chế đặt hàng và nhà ở thương mại	ODT	0,61		0,61	Quận Cầu Giấy	2021
506	Dự án nhà chung cư để bán cho CBVC trường ĐH Ngoại ngữ-ĐHQGHN và các đối tượng khác	ODT	0,29		0,29	Quận Cầu Giấy	2021
507	Dự án cải tạo , xây dựng nhà ở cao tầng A&B khu tập thể Nghĩa Đô	ODT	0,78		0,78	Quận Cầu Giấy	2021
508	Toà nhà hỗn hợp và khu nhà ở thấp tầng tại 02 lô đất có ký hiệu TT-03-IV và TT-01-IV	ODT	0,08		0,08	Quận Cầu Giấy	2021
509	Đấu giá quyền sử dụng đất đối với 33 thửa đất tại khu đất X3, X4 phường Mai Dịch	ODT	0,20		0,20	Quận Cầu Giấy	2021

510	Giao đất ở cho hộ ông Nguyễn Anh Tuấn - con liệt sỹ Nguyễn Văn Hướng tại Khu nhà ở Chính sách và người có công quận Cầu Giấy	ODT	0,01		0,01	Quận Cầu Giấy	2021
511	Chuyển mục đích đất vườn ao liền kề, đất nông nghiệp xen kẹt trong khu dân cư sang đất ở	ODT	0,40		0,40	Quận Cầu Giấy	2021
512	Dự án Khu phức hợp Trung tâm thương mại, văn phòng dịch vụ hội nghị và nhà ở để bán (diện tích còn lại)	ODT	0,19		0,19	Quận Cầu Giấy	2023-2025
513	Dự án: Xây dựng Tổ hợp nhà ở, trung tâm thương mại, siêu thị và văn phòng.	ODT	1,26		1,26	Quận Cầu Giấy	2023-2025
514	Dự án: đầu tư xây dựng nhà ở thương mại phục vụ tái định cư	ODT	1,09		1,09	Quận Cầu Giấy	2023-2025
515	Dự án: Xây dựng Tòa nhà hỗn hợp thẳng long Royal plaza. CĐT: Công ty CP tòa nhà công nghệ thông tin - truyền thông Hà Nội.	ODT	0,39		0,39	Quận Cầu Giấy	2023-2025
516	Dự án: Xây dựng nhà ở thấp tầng (TT-05-VI).	ODT	0,05		0,05	Quận Cầu Giấy	2023-2025
517	Dự án: đầu tư xây dựng công trình hỗn hợp thương mại và nhà ở tái định cư tại chỗ cho các hộ dân, nhà ở thương mại.	ODT	0,38		0,38	Quận Cầu Giấy	2023-2025
518	Dự án: Xây dựng Khu đô thị Thành phố giao lưu.	ODT	16,42	1,30	15,12	Quận Cầu Giấy	2023-2025
519	Quy hoạch phân khu đô thị H2-2 tại phường Mai Dịch	ODT	9,69		9,69	Quận Cầu Giấy	2023-2025
520	Dự án: Xây dựng nhà ở thấp tầng.	ODT	0,61		0,61	Quận Cầu Giấy	2023-2025
521	Dự án: Đầu tư xây dựng Tòa nhà dịch vụ, văn phòng đào tạo chuyển giao CNTT viễn thông, nhà ở.	ODT	0,54		0,54	Quận Cầu Giấy	2023-2025
522	Dự án: Đầu tư xây dựng công trình hỗn hợp dịch vụ công cộng và nhà ở tại lô đất ký hiệu N14 và N15 (trước đây ký hiệu là 5.1 NO và 5.5 NO) đường Lê Văn Lương	ODT	0,96		0,96	Quận Cầu Giấy	2023-2025
523	Xây dựng tòa nhà văn phòng và chung cư tại số 48 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa	ODT	0,29		0,29	Quận Cầu Giấy	2023-2025
524	XD Nhà ở cao tầng phục vụ TĐC tại ô đất 6.7-NO và 6.8- NO đường Lê Văn Lương	ODT	0,98		0,98	Quận Cầu Giấy	2023-2025
525	Xây dựng khu đô thị Nghĩa Đô - Dịch Vọng	ODT	4,86		4,86	Quận Cầu Giấy	2023-2025
526	Di dời trụ sở Công ty In Tài chính	ODT	0,52		0,52	Quận Cầu Giấy	2023-2025

527	Trả lại diện tích trường Mầm non Quan Hoa tại số 1 ngõ 59 phố Quan Hoa	ODT	0,02		0,02	Quận Cầu Giấy	2023-2025
528	Trả lại diện tích trường Mầm non Quan Hoa tại số 8 ngõ 92 đường Nguyễn Khánh Toàn	ODT	0,03		0,03	Quận Cầu Giấy	2023-2025
529	Trả lại diện tích Trụ sở UBND quận Cầu Giấy tại số 108 đường Cầu Giấy	ODT	0,06		0,06	Quận Cầu Giấy	2023-2025
530	Trả lại diện tích Trụ sở UBND quận Cầu Giấy tại số 8 Phạm Hùng	ODT	0,03		0,03	Quận Cầu Giấy	2023-2025
531	Trả lại diện tích Trụ sở UBND quận Cầu Giấy tại số 10 Phạm Hùng	ODT	0,06		0,06	Quận Cầu Giấy	2023-2025
532	Các trường hợp đất nhỏ lẻ, xen kẹt, vườn ao liền kề trong khu dân cư	ODT	0,10	0,10		Quận Đống Đa	2021-2025
533	Khu nhà ở cao tầng kết hợp với dịch vụ thương mại	ODT	0,98		0,98	Quận Đống Đa	2021-2025
534	Cải tạo chung cư LI, L2 khu Nam Thành Công tại 93 Láng Hạ	ODT	0,05	0,05		Quận Đống Đa	2021-2025
535	Dự án đầu tư xây dựng Văn phòng giao dịch và chung cư cao cấp	ODT	0,91	0,91		Quận Đống Đa	2021-2025
536	Cải tạo xây dựng lại chung cư 51 Huỳnh Thúc Kháng	ODT	0,12	0,12		Quận Đống Đa	2021-2025
537	Quỹ đẩy phát triển đất ở	ODT	3,00		3,00	Quận Đống Đa	2021-2025
538	Đấu giá cơ sở nhà đất tại 23 Thái Thịnh (đất thuộc sở hữu nhà	ODT	0,18	0,18		Quận Đống Đa	2021-2025
539	Khu dân cư mới phường Vạn	ODT	18,81	18,77	0,04	Quận Hà Đông	2021-2022
540	Đấu giá khu đất Đồng Đan, Đồng Cộc, Nhân Trạch, Phú Lương, quận Hà Đông.	ODT	5,74	5,63	0,11	Quận Hà Đông	2021-2023
541	Khu đấu giá QSDĐ khu Hà Trì 1(Ký hiệu X10) phường Hà Cầu, quận Hà Đông.	ODT	0,03		0,03	Quận Hà Đông	2021-2023
542	Đấu giá quyền sử dụng đất khu đất X1, X2, X3 TDP 16, phường Mộ Lao, quận Hà Đông.	ODT	0,19		0,19	Quận Hà Đông	2022
543	Giải phóng mặt bằng, hoàn thiện HTKT để đấu giá QSDĐ khu đất TDP 4 phường Phúc La	ODT	0,01		0,01	Quận Hà Đông	2023
544	Giải phóng mặt bằng, hoàn thiện HTKT để đấu giá QSDĐ khu đất TDP 10 phường Phúc La	ODT	0,01		0,01	Quận Hà Đông	2023
545	Giải phóng mặt bằng, hoàn thiện HTKT để đấu giá QSDĐ khu đất Lô N05 khu TTHC mới (còn lại 01 thửa)	ODT	0,01		0,01	Quận Hà Đông	2023

546	Khu đấu giá QSDĐ khu xứ đồng khu Dục(ký hiệu X7), phường Dương Nội (đã thu hồi xong 0,297 ha, trình đấu giá 0,006 ha còn lại)	ODT	0,05		0,05	Quận Hà Đông	2022
547	Giải phóng mặt bằng, hoàn thiện HTKT để đấu giá QSDĐ khu đất xen kẹt (tập thể 18/4), phường Mộ Lao.	ODT	0,01		0,01	Quận Hà Đông	2023
548	Dự án khu dân cư Ngô Thị Nhậm (giai đoạn 2)	ODT	0,08		0,08	Quận Hà Đông	2022
549	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá quyền sử dụng đất Phú Lương 2	ODT	3,89	3,76	0,14	Quận Hà Đông	2023
550	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất dịch vụ thôn Mậu Lương (xứ đồng Ma Tre, Bò Đa, Hàng Bè). Phản thu hồi bổ sung	ODT	7,28	7,05	0,23	Quận Hà Đông	2021
551	Đấu giá đất khu đất thuộc xứ Đồng Bo. Đồng Chúc, Cửa Cầu, Đồng Men thôn Trinh Lương, phường Phú Lương. (Khu B)	ODT	4,74		4,74	Quận Hà Đông	2021
552	Khu đấu giá khu tô dân phố 11(ký hiệu X9), phường Yên Nghĩa (Thời gian Thực hiện Từ năm 2014. Năm 2020 đã đấu xong khu X8 còn lại khu X9 153 m2)	ODT	0,02		0,02	Quận Hà Đông	2021
553	Đấu giá khu đất xứ đồng Hạ Khâu, thôn Động Lãm	ODT	5,07		5,07	Quận Hà Đông	2021
554	Khu đấu giá xứ đồng Sen - Đã thu hồi đất xong	ODT	0,24		0,24	Quận Hà Đông	2021
555	Khu đấu giá QSDĐ khu xứ Đồng Sau Chùa (ký hiệu X8), khu tô dân phố 11(ký hiệu X9), phường Yên Nghĩa (đã thu hồi 0,42 ha, trình xin đấu giá 8 lô DT: 0,057 ha còn lại)	ODT	0,06		0,06	Quận Hà Đông	2021
556	Khu đô thị mới Văn Phú (ô HT01, P1, P2, X13, TT39, TT40)	ODT	0,74		0,74	Quận Hà Đông	2021
557	Khu đô thị mới Bắc Lãm	ODT	41,79		41,79	Quận Hà Đông	2021-2025
558	Khu nhà ở sinh thái Đồng Mai	ODT	226,70		226,70	Quận Hà Đông	2021-2025
559	Khu đô thị mới An Hưng (Khu Nhà Cao Tầng)	ODT	1,79		1,79	Quận Hà Đông	2021-2025
560	Đất ở thực hiện theo Điều 22 và Điều 23 Nghị định 43	ODT	54,68	8,77	45,91	Quận Hà Đông	2021-2025
561	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn ao liền kề đất ở; đất vườn ao xen kẹt trong khu dân cư;	ODT	15,00	9,42	5,58	Quận Hà Đông	2021-2025
562	Chuyển mục đích đất thương mại dịch vụ sang đất ở	ODT	108,34		108,34	Quận Hà Đông	2021-2025
563	Dự án Khu nhà ở Văn La	ODT	0,44		0,44	Quận Hà Đông	2021-2025

564	Khu đầu giá QSDĐ khu xứ Đồng Sau Chùa (ký hiệu X8), khu tổ dân phố 11(ký hiệu X9), phường Yên Nghĩa	ODT	0,03	0,03		Quận Hà Đông	2023-2025
565	Đầu giá khu đất Đông Đan, Đồng Cốc, Nhân Trạch, Phú Lương	ODT	0,02	0,02		Quận Hà Đông	2023-2025
566	Đầu giá đất khu đất Xứ đồng Hạ Khâu, thôn Động Lãm	ODT	0,11	0,11		Quận Hà Đông	2023-2025
567	Khu đầu giá cạnh trường THCS Yên Nghĩa, tổ 10	ODT	0,06		0,06	Quận Hà Đông	2022-2025
568	Khu đất ở Tái định cư cho dự án Mở rộng Nhà tang lễ Bệnh viện Trung Ương Quân đội 108	ODT	0,10		0,10	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
569	Dự án tại khu đất Công ty cổ phần XD và XNK	ODT	0,26		0,26	Quận Hai Bà Trưng	2021-2025
570	Dự án GPMB tại nhà gỗ số 7 Chương Dương	ODT	0,07	0,07		Quận Hoàn Kiếm	2021
571	Dự án GPMB tại nhà gỗ số 9 Chương Dương	ODT	0,05	0,05		Quận Hoàn Kiếm	2021
572	Dự án GPMB tại nhà gỗ số 10 Chương Dương	ODT	0,06	0,06		Quận Hoàn Kiếm	2021
573	Dự án GPMB tại nhà gỗ số 11 Chương Dương	ODT	0,07	0,07		Quận Hoàn Kiếm	2021
574	Dự án GPMB tại nhà gỗ số 14 Chương Dương	ODT	0,06	0,06		Quận Hoàn Kiếm	2021
575	Dự án GPMB tại nhà gỗ số 16 Chương Dương	ODT	0,09	0,09		Quận Hoàn Kiếm	2021
576	Dự án GPMB tại nhà gỗ số 17 Chương Dương	ODT	0,04	0,04		Quận Hoàn Kiếm	2021
577	Dự án tại nhà gỗ số 1A phường Chương Dương	ODT	0,13		0,13	Quận Hoàn Kiếm	2022
578	Chuyển mục đích sử dụng đất của Hợp tác xã Phúc Tân (đất kinh doanh dịch vụ) sang đất ở cho 5 hộ dân tại ngõ 2 Cầu Đất	ODT	0,01	0,01		Quận Hoàn Kiếm	2022
579	Dự án GPMB tại nhà gỗ số 1A phường Chương Dương	ODT	0,12	0,12		Quận Hoàn Kiếm	2021
580	GPMB nhà gỗ số 13 (phần diện tích xung quanh)	ODT	0,01	0,01		Quận Hoàn Kiếm	2021-2025
581	GPMB phần diện tích lân chiêm còn lại xung quanh 07 nhà gỗ nguy hiểm thuộc chỉ giới GPMB theo Quyết định số 300/QĐ-UB ngày 17/01/2006 của UBND	ODT	0,79	0,79		Quận Hoàn Kiếm	2021-2025
582	Trung tâm bán, giới thiệu sản phẩm, văn phòng làm việc và nhà ở tại ô đất A8/ODK1 thuộc khu đô thị mới Nam hồ Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai	ODT	3,45		3,45	Quận Hoàng Mai	2022
583	Khu nhà ở gia đình quân đội	ODT	0,89		0,89	Quận Hoàng Mai	2022
584	Khu đô thị mới Đại Kim	ODT	2,27		2,27	Quận Hoàng Mai	2022
585	Khu đô thị mới Thịnh Liệt	ODT	35,16		35,16	Quận Hoàng Mai	2022

586	Dự án đầu tư xây dựng công trình tại ô đất ký hiệu 32 (A12)	ODT	2,24		2,24	Quận Hoàng Mai	2022
587	Dự án Khu chức năng hỗn hợp Trung tâm thương mại, văn phòng, dịch vụ công cộng kết hợp nhà ở, chợ và cây xanh	ODT	0,94		0,94	Quận Hoàng Mai	2022
588	Khu nhà ở kinh doanh tại ô đất ký hiệu C11/ODK6 thuộc khu Đàm Liễn, phường Yên Sở, quận Hoàng Mai	ODT	1,23		1,23	Quận Hoàng Mai	2022
589	GPMB và xây dựng hạ tầng kỹ thuật các ô đất để đấu giá quyền sử dụng đất trong Khu đô thị mới Nam hồ Linh Đàm (giai đoạn I)	ODT	4,30		4,30	Quận Hoàng Mai	2021
590	Bồi thường hỗ trợ và TĐC để GPMB, xây dựng HTKT khu đất XD nhà ở để đấu giá QSDĐ tại phường Yên Sở	ODT	4,30		4,30	Quận Hoàng Mai	2021
591	GPMB theo quy hoạch tạo quỹ đất sạch và san nền xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất xây dựng nhà ở tái định cư, nhà ở thu nhập thấp và đấu giá quyền sử dụng đất trong Khu chức năng đô thị Vĩnh Hưng - Thanh Trì	ODT	7,05		7,05	Quận Hoàng Mai	2021
592	Khu tái định cư và nhà ở thấp tầng tại ô đất ký hiệu B10/ODK3 (nay là B5/ODK1) thuộc phường Yên Sở, quận Hoàng Mai	ODT	0,73		0,73	Quận Hoàng Mai	2021
593	Dự án đầu tư GPMB và san nền sơ bộ khu đô thị Tây Nam Kim Giang I phục vụ xây dựng quỹ nhà tái định cư.	ODT	12,73	12,53	0,20	Quận Hoàng Mai	2021
594	Xây dựng công trình HTKT khu nhà ở giãn dân Đàm Đào tại phường Thanh Trì	ODT	0,83		0,83	Quận Hoàng Mai	2021
595	Dự án GPMB, xây dựng HTKT và đấu giá QSDĐ ô đất C3/ODK3 và C3/ODK4 phường Yên Sở theo quy hoạch H2-4	ODT	3,03		3,03	Quận Hoàng Mai	2021
596	Dự án GPMB và xây dựng HTKT các ô đất để đấu giá QSD đất trong khu đô thị Nam hồ Linh Đàm giai đoạn II	ODT	6,08		6,08	Quận Hoàng Mai	2021
597	Đấu giá tại ô G1/ODK2 phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai	ODT	1,06		1,06	Quận Hoàng Mai	2022
598	Dự án xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở giãn dân (102 suất giãn dân)	ODT	1,41		1,41	Quận Hoàng Mai	2021
599	Khu đô thị mới Hoàng Văn Thụ	ODT	22,30	20,35	1,95	Quận Hoàng Mai	2021

600	Dự án Cải tạo xây dựng lại khu tập thể Dịch vụ vận tải đường sắt tại số 01 phố Định Công, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	ODT	0,15	0,00	0,15	Quận Hoàng Mai	2021
601	Tổ hợp nhà ở thương mại Hoàng Dương tại ô đất A7/DD1 và A7/DD2 thuộc thôn Bằng A, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai	ODT	1,68	1,68		Quận Hoàng Mai	2021
602	Khu hỗn hợp thương mại - nhà ở cao tầng tại ô đất C11/CCKV1 và C11/ODK1, phường Yên Sở, quận Hoàng Mai	ODT	1,69	1,69		Quận Hoàng Mai	2021
603	Dự án theo QH tại khu Đồng Quan, phường Thanh Trì (tại ô đất F1/CC2, F1/HH9, F1/TH4)	ODT	2,92	2,92		Quận Hoàng Mai	2022
604	Lập phương án đối với các ô đất xen kẹt còn lại chưa giao TĐC thuộc dự án vành đai 3 và cầu Thanh Trì	ODT	1,57	1,57		Quận Hoàng Mai	2021
605	GPMB và xây dựng hạ tầng ô đất đấu giá F1/ODK5, phường Vĩnh Hưng	ODT	0,24	0,24		Quận Hoàng Mai	2021
606	Dự án xây dựng Khu chung cư và dịch vụ công cộng TDC	ODT	2,69	2,69		Quận Hoàng Mai	2021
607	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất khu X2 phường Đại Kim	ODT	0,90	0,90		Quận Hoàng Mai	2021
608	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới Bắc Đại Kim mở rộng (11ha)	ODT	2,97	2,97		Quận Hoàng Mai	2022
609	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu đô thị mới Đại Kim – Định Công trên địa bàn phường Đại Kim, Định Công (24 ha)	ODT	0,04	0,04		Quận Hoàng Mai	2022
610	Dự án xây dựng nhà ở bán cho cán bộ, chiến sỹ công an quận Hoàng Mai	ODT	0,17	0,17		Quận Hoàng Mai	2022
611	Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu xây dựng tập trung Định Công (Khu đô thị mới Đại Kim)	ODT	0,07	0,07		Quận Hoàng Mai	2022
612	Dự án đầu tư mở rộng khu ao Lò Ngói Ngà Kéo tạo quỹ nhà di dân GPMB và các nhu cầu khác của thành phố, các công trình công cộng và dịch vụ theo quy hoạch (Khu đô thị Vĩnh Hoàng)	ODT	0,29	0,29		Quận Hoàng Mai	2022
613	Đầu tư xây dựng Khu đô thị Tây Nam hồ Linh Đàm	ODT	1,82	1,82		Quận Hoàng Mai	2022
614	Xây dựng khu đô thị mới Kim Văn - Kim Lũ	ODT	1,42	1,42		Quận Hoàng Mai	2022

615	Dự án xây dựng nhà ở cho Văn phòng Bộ công an	ODT	0,02	0,02		Quận Hoàng Mai	2022
616	Đấu giá tại ô G1/ODK3 phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai	ODT	0,23	0,23		Quận Hoàng Mai	2022
617	Đấu giá tại ô G1/ODK4 phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai	ODT	0,65	0,65		Quận Hoàng Mai	2022
618	Đấu giá tại ô G1/ODK5 phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai	ODT	0,33	0,33		Quận Hoàng Mai	2022
619	Tổ hợp thương mại, siêu thị, văn phòng, khách sạn, nhà ở bán tại số 411 Tam Trinh	ODT	1,41	1,41		Quận Hoàng Mai	2022
620	39 trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất từ đất vườn, ao liền kề đất ở và đất vườn, ao và đất nông nghiệp xen kẹt trong khu dân cư sang đất ở	ODT	0,71	0,71		Quận Hoàng Mai	2022
621	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật các ô đất B.3/NO1, B.3/NO4, B.5/NO1 và các tuyến đường phụ cận có mặt cắt ngang B=13,5m; B=11,5m phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất tại phường Thượng Thanh, quận Long Biên	ODT	9,00		9,00	Quận Long Biên	2022
622	Chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật ô đất thuộc ô quy hoạch C.7/LX, D.5/LX5 tại phường Phúc Lợi, quận Long Biên	ODT	0,03		0,03	Quận Long Biên	2022
623	Chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật ô đất thuộc ô quy hoạch G.6/LX4, G.6/LX7 tại phường Thạch Bàn, quận Long Biên	ODT	0,07		0,07	Quận Long Biên	2022
624	Chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật ô đất thuộc ô quy hoạch C.15/CX1, C.15/LX1 tại phường Phúc Đồng, quận Long Biên	ODT	0,12		0,12	Quận Long Biên	2022
625	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật các ô đất thuộc khu quy hoạch C14 (gồm C14/NO1, C14/NO2, C14/NO3, C14/CX1, C14/CX2, C14/NT1, C14/NT2) và các tuyến đường phụ cận phục vụ công tác đấu giá quyền sử dụng đất tại phường Phúc Đồng	ODT	13,50		13,50	Quận Long Biên	2022
626	Chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật ô quy hoạch G.6-NO6, G.6-LX4, G.6-LX5 phường Thạch Bàn	ODT	0,05		0,05	Quận Long Biên	2022
627	Xây dựng HTKT khu tái định cư tại ô quy hoạch A4-NO1 phường Ngọc Thụy, Thượng Thanh, quận Long Biên	ODT	5,00		5,00	Quận Long Biên	2022

628	Hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật, GPMB các ô quy hoạch B4/CL4, B4/CL3 và B4/NO1 phụ cận tuyến đường 40m, 17,5m, 13,5m phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất phường Thượng Thanh	ODT	2,50		2,50	Quận Long Biên	2022
629	Chỉnh trang và hoàn chỉnh hạ tầng đô thị các ô đất thuộc ô quy hoạch B.2/CCKO, B.2/NO4 , B.2/LX9 phụ cận đoạn đường quy hoạch 25m, 30m phường Thượng Thanh, quận Long Biên	ODT	2,31		2,31	Quận Long Biên	2022
630	Hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật ô đất ký hiệu E.6/HT theo Quy hoạch chi tiết cải tạo và xây dựng mới khu nhà ở tỷ lệ 1/500 tại phường Long Biên	ODT	3,00		3,00	Quận Long Biên	2022
631	Xây dựng HTKT các ô quy hoạch A4-NO5, A4/HH1, A4/HH5 quận Long Biên (bao gồm các tuyến đường liên kề) phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất	ODT	13,52		13,52	Quận Long Biên	2022
632	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD phường Long Biên	ODT	8,40		8,40	Quận Long Biên	2022
633	Chỉnh trang HTKT ô đất thuộc ô quy hoạch ký hiệu A.2/CC1, phường Thượng Thanh, quận Long Biên	ODT	0,44		0,44	Quận Long Biên	2022
634	Xây dựng HTKT các ô quy hoạch A.4/NO4. A8/NO1. A8/NO2. A4/P3. A4/P4. A4/HH2. A4/HH3 phường Ngọc Thụy	ODT	4,26		4,26	Quận Long Biên	2022
635	Chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật các ô quy hoạch C.9/LX9. C.10/LX10. C.13/LX6. C.10/LX4. C.9/LX7 (vị trí 1). C.11/P1. C.9/LX7 (vị trí 2) phường Việt Hưng. quận Long Biên. Hà Nội	ODT	0,31		0,31	Quận Long Biên	2022
636	Ô đất LKS5-04 tổ 21 phường Thượng Thanh	ODT	0,02		0,02	Quận Long Biên	2022
637	Hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật ô đất A.8/CC phường Ngọc Thụy. quận Long Biên	ODT	0,89		0,89	Quận Long Biên	2022
638	Khu nhà ở xã hội Thượng Thanh và đấu nối HTKT khu vực phường Thượng Thanh, quận Long Biên	ODT	6,04		6,04	Quận Long Biên	2022
639	Dự án khu đô thị hỗ trợ Khu công nghiệp Sài Đồng B	ODT	21,06		21,06	Quận Long Biên	2022
640	Khu đô thị Vinhomes Riverside 2	ODT	94,00		94,00	Quận Long Biên	2022
641	Khu nhà ở xã hội cao tầng Bảo Ngọc thuộc ô NO2, khu G3	ODT	0,66		0,66	Quận Long Biên	2022

642	Dự án khu chức năng đô thị hai bên tuyến đường từ đê Ngọc Thụy đi khu đô thị mới Thượng Thanh, quận Long Biên	ODT	22,92		22,92	Quận Long Biên	2022
643	Dự án khu nhà ở Gia Quất phường Thượng Thanh	ODT	1,00		1,00	Quận Long Biên	2022
644	Xây dựng HTKT các ô quy hoạch A4-NO4, A8-NO1, A8-NO2, A4/HH2, A4/HH3 và các tuyến đường phụ cận phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất	ODT	4,26		4,26	Quận Long Biên	2022
645	Giải phóng mặt bằng, chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật tại ô quy hoạch B.5/NO3, A.5/LX4, phường Thượng Thanh	ODT	0,25		0,25	Quận Long Biên	2022
646	Chỉnh trang HTKT các ô đất thuộc ô quy hoạch H.2/LX2, G.7/LX7, H.2/LX4, G.7/LX1 phụ cận tuyến đường quy hoạch 25m và đường hành lang chân đê Long Biên - Xuân Quan	ODT	0,10		0,10	Quận Long Biên	2022
647	Chỉnh trang HTKT ô đất thuộc ô quy hoạch A.5/CCKO1 và ô A.5/NO1 phụ cận tuyến đường quy hoạch 30m, 15,5m, phường Thượng Thanh	ODT	1,02		1,02	Quận Long Biên	2022
648	Nhà ở xã hội ở CT8 và CT9 Thạch Bàn tại lô đất CT8, CT9 phường Thạch Bàn	ODT	1,95		1,95	Quận Long Biên	2022
649	Đấu giá quyền sử dụng đất các ô TT1; TT2; BT2 (thuộc khu nhà ở Thạch Bàn Lakeside)	ODT	0,08		0,08	Quận Long Biên	2022
650	Dự án khu đô thị mới Long Biên	ODT	199,66		199,66	Quận Long Biên	2021-2025
651	Giải phóng mặt bằng, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật các ô đất có kí hiệu E.2/N011, E.2/NT5 và E.2/CL2	ODT	3,40		3,40	Quận Long Biên	2023-2025
652	Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất ở thuộc ô quy hoạch A1-4/LX2 phường Ngọc Thụy: (Thửa 66, 7)	ODT	0,01	0,00	0,01	Quận Long Biên	2023-2025
653	Khu nhà ở Thạch Bàn Lakeside	ODT	7,70		7,70	Quận Long Biên	2021-2025
654	Khu đô thị mới Việt Hưng	ODT	198,02		198,02	Quận Long Biên	2021-2025
655	Nhóm nhà ở Đông Nam đường Tố Hữu	ODT	5,30	5,20	0,10	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
656	Xây dựng công trình Khu nhà ở để bán khu vực Ngõ Cầu Trại tại phường Trung Văn quận Nam Từ Liêm	ODT	12,65		12,65	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
657	Công viên giải trí, trường học và Tổ hợp nhà ở, thương mại, dịch vụ Golden Palace A	ODT	0,74		0,74	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025

658	Khu nhà ở Mỹ Đình tại TDP số 15, phường Cầu Diễn	ODT	2,18	1,98	0,20	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
659	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD tại khu đất xen kẹt ĐG 1 tại phường Đại Mỗ	ODT	0,90		0,90	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
660	Xây dựng HTKT để đấu giá quyền sử dụng đất ĐM3, phường Đại Mỗ	ODT	0,90		0,90	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
661	Dự án xây dựng công trình HTKT và nhà ở trên diện tích 14,5 ha tại Khu chức năng đô thị Tây Nam đường 70, phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	ODT	14,50		14,50	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
662	Xây dựng trung tâm chỉ huy tác chiến và nhà ở cho lãnh đạo chỉ huy, cán bộ chiến sỹ cục B32 (Tổng cục V - Bộ công an)	ODT	5,00		5,00	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
663	Dự án khu nhà ở tại khu đất xen kẹt phường Đại Mỗ	ODT	1,10		1,10	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
664	Dự án Nhà ở cho cán bộ cao cấp các cơ quan Đảng ở Trung ương	ODT	2,46		2,46	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
665	Xây dựng khu nhà hỗn hợp Việt Hiên	ODT	0,77		0,77	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
666	Dự án khu nhà ở xã hội Đại Mỗ	ODT	2,36		2,36	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
667	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD tại khu đất xen kẹt ĐG 2 tại phường Đại Mỗ	ODT	0,97		0,97	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
668	Khu nhà ở tại khu đất xen kẹt phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm theo hình thức chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp	ODT	2,47		2,47	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
669	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD tại khu đất xen kẹt ĐM 2 tại phường Đại Mỗ	ODT	8,70		8,70	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
670	Xây dựng nhà ở để bán tại phường Mỹ Trì (7,5 ha)	ODT	7,58	7,48	0,10	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
671	Dự án nhà ở thương mại Mỹ Trì	ODT	0,12		0,12	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
672	Tòa nhà hỗn hợp văn phòng và căn hộ Diamond Tower tại ô đất 6-E7, đường Phạm Hùng, phường	ODT	0,65		0,65	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
673	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất theo quy hoạch tại các ô A3/NO; A4/NO; A5/NO2 thuộc khu đô thị Nam Trung Yên	ODT	0,45	0,45		Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
674	Khu tái định cư Đồng Me phường Mỹ Trì	ODT	0,02		0,02	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
675	Đầu tư xây dựng khu nhà ở cán bộ chiến sỹ cục A63 Tổng cục An ninh (Giai đoạn 1 + giai đoạn 2)	ODT	2,55	2,50	0,05	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
676	Khu nhà ở xã hội Tô Hữu (Rice City Tô Hữu)	ODT	1,59		1,59	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
677	Khu tái định cư 1,9 ha	ODT	0,06		0,06	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025

678	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD xen kẹt ĐG1, phường Mỹ Đình 2	ODT	0,32		0,32	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
679	Khu nhà ở để bán cho cán bộ công nhân viên Báo Kinh tế và Đô thị	ODT	0,33	0,33		Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
680	Khu đấu giá quyền sử dụng đất 7.3&8.1	ODT	0,46		0,46	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
681	Khu nhà ở để bán cho cán bộ, chiến sĩ viện kỹ thuật điện tử và cơ khí nghiệp vụ thuộc Tổng cục hậu cần - kỹ thuật, Bộ Công an	ODT	1,63		1,63	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
682	Xây dựng HTKT khu di dân Tái định cư cho các hộ gia đình do phải di chuyển để xây dựng mở rộng đường Láng Hòa Lạc (X1)	ODT	1,06	0,73	0,33	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
683	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD xen kẹt ĐG 1 tại phường Phương Canh	ODT	2,18	2,00	0,18	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
684	Xây dựng HTKT để đấu giá quyền sử dụng đất ĐG3, phường Phương Canh	ODT	1,30		1,30	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
685	Khu đất ở Xuân phương tại Phương Canh (Đất giãn dân)	ODT	1,39		1,39	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
686	Khu văn phòng, nhà ở dịch vụ công cộng Xuân Phương Garden	ODT	0,31		0,31	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
687	Dự án khu nhà ở và dịch vụ tại Hòe thị phường Phương Canh quận Nam Từ Liêm	ODT	1,70		1,70	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
688	Đầu tư XD Nhà ở cho cán bộ chiến sỹ Tổng cục cảnh sát - Bộ công an	ODT	0,17		0,17	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
689	Khu tái định cư 3.6ha, phường Phương Canh, quận Nam Từ	ODT	3,60	3,48	0,12	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
690	khu tái định cư mở rộng Xuân Phương, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm	ODT	2,00	1,90	0,10	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
691	Dự án khu đô thị Eurowindow Tây Mỗ theo quy hoạch tại phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm	ODT	2,16		2,16	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
692	Dự án xây dựng công trình có chức năng hỗn hợp văn phòng, dịch vụ và nhà ở	ODT	2,45		2,45	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
693	Đầu tư xây dựng khu nhà ở cho cán bộ chiến sỹ Cục Cơ Yếu Bộ Công An kết hợp nghiệp vụ an ninh tại Tây Mỗ. (Khu nhà ở Tây Mỗ)	ODT	3,12		3,12	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
694	Dự án: Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá quyền sử dụng đất tại khu vực Miêu Nha, phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm	ODT	37,70		37,70	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025

695	Khu đô thị mới Tây Mỗ - Đại Mỗ - Vinhomes Park	ODT	209,32	95,76	113,56	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
696	Xây dựng HTKT để đấu giá quyền sử dụng đất tại khu đất thuộc phường Tây Mỗ - Đại Mỗ	ODT	4,30		4,30	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
697	Làng giáo dục quốc tế	ODT	31,50	31,41	0,09	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
698	Khu chung cư quốc tế Hoàng Thành Thăng Long	ODT	0,14		0,14	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
699	Xây dựng khu đô thị mới Phùng Khoang.	ODT	27,10	26,30	0,80	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
700	Đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Trung Văn	ODT	11,60	11,50	0,10	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
701	Tòa nhà chung cư cao tầng F361 Phùng Khoang	ODT	0,43		0,43	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
702	Khu tái định cư TT1B+TT2B	ODT	0,20		0,20	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
703	Khu đô thị Trung Văn mở rộng, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm	ODT	2,35		2,35	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
704	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất tại khu đất ĐG 4 tại phường Xuân Phương	ODT	1,50		1,50	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
705	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD tại khu đất xen kẹt ĐG2 tại phường Xuân Phương	ODT	0,90		0,90	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
706	Xây dựng HTKT để đấu giá quyền sử dụng đất ĐG3, phường Xuân Phương	ODT	0,21		0,21	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
707	Giải phóng mặt bằng, san nền sơ bộ khu đất 49,1 ha để chuẩn bị đấu giá quyền sử dụng đất tại khu đô thị mới Xuân Phương	ODT	41,60	25,72	15,88	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
708	Khu nhà ở sinh thái Xuân Phương	ODT	38,20	37,04	1,16	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
709	Khu tái định cư DD1 Xuân Phương	ODT	0,80		0,80	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
710	Xây dựng khu nhà ở thương mại hỗn hợp (dành một phần để bán cho cán bộ chiến sỹ thuộc Cục cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu C03 - Bộ Công an)	ODT	3,02	2,62	0,40	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
711	Dự án tổ hợp trung tâm thương mại, văn phòng và nhà ở - MIC TOWER	ODT	2,53	0,00	2,53	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
712	Khu nhà ở tại khu đất xen kẹt phường Đại Mỗ	ODT	1,09	0,00	1,09	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
713	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn ao trong khu dân cư trên địa bàn quận Nam Từ Liêm	ODT	6,12		6,12	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
714	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất tại phường Xuân Phương, quận Nam Từ Liêm (10,6ha)	ODT	10,60	10,58	0,02	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025

715	Khu Chức năng đô thị Nam Đại Lộ Thăng Long	ODT	74,23		74,23	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
716	Nhóm nhà ở Tây Nam	ODT	5,01		5,01	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
717	Khu đấu giá quyền sử dụng đất Đồng Sứ	ODT	1,80		1,80	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
718	Xây dựng HTKT, chỉnh trang đô thị và đấu giá quyền sử dụng đất tại phố Phú Gia, phường Phú Thượng	ODT	0,30		0,30	Quận Tây Hồ	2021
719	Xây dựng HTKT, chỉnh trang đô thị và đấu giá ô quy hoạch 20/LX12, phường Quảng An, quận Tây Hồ	ODT	0,66		0,66	Quận Tây Hồ	2021
720	Xây dựng HTKT, chỉnh trang đô thị và đấu giá quyền sử dụng đất tại điểm đất đường Võ Chí Công, phường Xuân La	ODT	0,50		0,50	Quận Tây Hồ	2021
721	Dự án XD khu TĐC Xuân La phục vụ xây dựng khu đô thị mới Hồ Tây	ODT	2,50		2,50	Quận Tây Hồ	2021
722	Xây dựng HTKT khu đấu giá đất tại điểm đất đường Võ Chí Công, phường Xuân La	ODT	0,50		0,50	Quận Tây Hồ	2021
723	Dự án nhà ở, đất ở cán bộ cao cấp của Đảng và Nhà nước tại 1C-106, Đặng Thai Mai, quận Tây Hồ	ODT	1,60		1,60	Quận Tây Hồ	2021
724	Dự án Trung tâm khu đô thị mới Tây Hồ Tây (giai đoạn 2)	ODT	186,38	#####	37,79	Quận Tây Hồ	2021
725	Nhà ở thương mại phục vụ tái định cư theo cơ chế đặt hàng tại các ô đất ký hiệu CT4 khu đất tái định cư Xuân La, phường Xuân La, quận Tây Hồ, Hà Nội	ODT	0,45		0,45	Quận Tây Hồ	2021
726	Dự án Xây dựng Khu đô thị Nam Thăng Long (một phần chưa GPMB của các giai đoạn)	ODT	301,85	#####	52,00	Quận Tây Hồ	2021
727	Xây dựng HTKT khu đấu giá đất tại điểm đất khu đất công giáp đường dạo Hồ Tây (tổ 24, 25 cũ) tổ 8 phường Quảng An	ODT	0,02		0,02	Quận Tây Hồ	2021
728	Dự án khu nhà ở chung cư cao tầng - Westlake Residential - tại ô đất CHC1 khu D6, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ	ODT	0,39		0,39	Quận Tây Hồ	2021
729	Khu nhà ở phường Phú Thượng, quận Tây Hồ	ODT	1,13		1,13	Quận Tây Hồ	2021
730	Dự án xây dựng HTKT đấu giá ô quy hoạch 20/LX12, phường Quảng An, quận Tây Hồ	ODT	0,72		0,72	Quận Tây Hồ	2021
731	Xây dựng HTKT khu đấu giá đất tại điểm đất nông nghiệp tại phố Phú Gia đối diện nhà văn hoá và công an phường Phú Thượng	ODT	0,30		0,30	Quận Tây Hồ	2021

732	Dự án Khu phức hợp Capitaland - Hiền Đức Tây Hồ tại ô đất D7 Khu đấu giá (18,6ha)	ODT	0,90		0,90	Quận Tây Hồ	2021
733	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất tại phường Yên Phụ, phường	ODT	0,01		0,01	Quận Tây Hồ	2021
734	Chuyển mục đích sử dụng đất tại phường Quảng An	ODT	0,01		0,01	Quận Tây Hồ	2021
735	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất vườn ao liền kề đất ở và đất vườn, ao, đất nông nghiệp xen kẹt trong khu dân cư.	ODT	0,20		0,20	Quận Tây Hồ	2021
736	Xây dựng HTKT khu đấu giá đất tại điểm đất khu đất công giáp đường đạo Hồ Tây (tổ 24, 25 cũ) tổ 8 phường Quảng An	ODT	0,02		0,02	Quận Tây Hồ	2022
737	Đấu giá Quyền sử dụng đất ở đối với 09 điểm đất công	ODT	0,07		0,07	Quận Tây Hồ	2022
738	Khu nhà ở phường Phú Thượng, quận Tây Hồ.	ODT	1,13		1,13	Quận Tây Hồ	2022
739	Xây dựng nhà TĐC X1 Phú Thượng	ODT	2,31		2,31	Quận Tây Hồ	2022
740	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật, chỉnh trang đô thị và đấu giá quyền sử dụng đất tại điểm đất đường Võ Chí Công, phường Xuân La	ODT	0,50		0,50	Quận Tây Hồ	2021-2025
741	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật, chỉnh trang đô thị và đấu giá quyền sử dụng đất điểm đất Khu dân cư số 4, phường Yên Phụ	ODT	0,20		0,20	Quận Tây Hồ	2021-2025
742	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật, chỉnh trang đô thị và đấu giá quyền sử dụng đất điểm đất tại ngõ 29 Vọng Thị, phường Bưởi	ODT	0,20		0,20	Quận Tây Hồ	2021-2025
743	Khu đô thị Tây Hồ Tây	ODT	207,00	#####	10,00	Quận Tây Hồ	2021-2025
744	Khu TĐC Xuân La phục vụ XDKĐTM Tây Hồ Tây (TĐC 2)	ODT	3,45		3,45	Quận Tây Hồ	2021-2025
745	Đấu giá đất Tổ 35 Cụm Quảng Bá	ODT	0,14		0,14	Quận Tây Hồ	2021-2025
746	CT hỗn hợp DV công cộng, thương mại, nhà trẻ và căn hộ chung cư	ODT	0,92		0,92	Quận Tây Hồ	2021-2025
747	Dự án nhà ở. đất ở cán bộ cao cấp của Đảng và Nhà nước tại 1C-106. Đặng Thai Mai, quận Tây Hồ	ODT	1,60		1,60	Quận Tây Hồ	2021-2025
748	Xây dựng HTKT để đấu giá QSDĐ tại đất T30, địa chỉ tổ 55, cụm 9 (nay là tổ 55 địa bàn dân cư số 13) phường Phú Thượng, quận Tây Hồ.	ODT	0,15		0,15	Quận Tây Hồ	2021-2025
749	Xây dựng khu TĐC Xuân La phục vụ xây dựng khu đô thị mới Tây Hồ Tây (phần diện tích còn lại)	ODT	2,45		2,45	Quận Tây Hồ	2021-2025

750	Tòa nhà CT3, CT4 thuộc khu tái định cư Xuân La	ODT	0,98		0,98	Quận Tây Hồ	2021-2025
751	XD Khu phức hợp khách sạn, căn hộ du lịch và dịch vụ tại ô đất có ký hiệu 19/CCĐT thuộc QH phân khu đô thị khu vực Hồ Tây và Phụ cận (A6) P. Quảng An, quận Tây Hồ	ODT	1,83		1,83	Quận Tây Hồ	2021-2025
752	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất vườn ao liền kề đất ở và đất vườn, ao xen kẹt trong khu dân	ODT	2,00		2,00	Quận Tây Hồ	2021-2025
753	Đầu giá QSDĐ tại khu đất xen kẹt số 2 ngách 130/1 Thụy Khuê.	ODT	0,00		0,00	Quận Tây Hồ	2021-2025
754	GPMB và san nền sơ bộ Khu đô thị Tây Nam Kim Giang	ODT	1,20		1,20	Quận Thanh Xuân	2022
755	Xây dựng Khu đô thị mới Phùng Khoang trên địa bàn phường Nhân Chính	ODT	0,58		0,58	Quận Thanh Xuân	2022
756	Trung tâm thương mại, dịch vụ, văn phòng và nhà ở	ODT	1,12	1,08	0,04	Quận Thanh Xuân	2022
757	Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, công trình quân sự của Quân chủng PK-KQ theo hình thức hợp đồng BT	ODT	3,29		3,29	Quận Thanh Xuân	2022
758	Đầu tư xây dựng công trình thuộc ô đất A12 - Nguyễn Xiển	ODT	1,50	1,50		Quận Thanh Xuân	2022
759	Tòa nhà hỗn hợp Vinaconex 1	ODT	0,25	0,25		Quận Thanh Xuân	2022
760	Tòa nhà Dịch vụ thương mại, nhà trẻ và nhà ở cao tầng - VNT Hạ Đình	ODT	0,47	0,47		Quận Thanh Xuân	2022
761	Nhà ở kết hợp DVTM, VP cho thuê và khu nhà ở thấp tầng	ODT	0,22	0,22		Quận Thanh Xuân	2022
762	Trung tâm TM, VP làm việc và nhà ở để bán	ODT	0,32	0,32		Quận Thanh Xuân	2022
763	Khu đô thị mới Hạ Đình	ODT	1,30	0,56	0,74	Quận Thanh Xuân	2022
764	Xây dựng tòa nhà HH và VP cho thuê DV công cộng và nhà ở	ODT	0,16	0,13	0,03	Quận Thanh Xuân	2022
765	Nhà Chung cư cao tầng phục vụ GPMB tại X1 Hạ Đình	ODT	0,35	0,32	0,03	Quận Thanh Xuân	2022
766	Dự án DLC-Complex Nguyễn Tuấn	ODT	0,20	0,20		Quận Thanh Xuân	2021-2025
767	Dự án tòa nhà hợp tác xã Thành Công	ODT	0,19	0,19		Quận Thanh Xuân	2021-2025
768	Dự án khu hỗn hợp văn phòng cho thuê- nhà ở tại ô đất 3.10-NO Lê Văn Lương	ODT	0,32	0,32		Quận Thanh Xuân	2021-2025
769	Dự án tổ hợp công trình hỗn hợp pandora	ODT	4,40	4,40		Quận Thanh Xuân	2021-2025
770	Khu nhà ở hỗn hợp 107 Nguyễn Tuấn VIHACOMPLEX	ODT	0,73	0,73		Quận Thanh Xuân	2021-2025
771	Khu chức năng đô thị tại 233, 233B và 235 Nguyễn Trãi	ODT	9,30	9,30		Quận Thanh Xuân	2021-2025

772	Dự án đầu tư Tòa nhà hỗn hợp văn phòng cho thuê, dịch vụ công cộng và nhà ở	ODT	0,26	0,26		Quận Thanh Xuân	2021-2025
773	Khu tổ hợp văn phòng, dịch vụ thương mại và nhà ở cao cấp Emico Tower	ODT	1,13	1,13		Quận Thanh Xuân	2021-2025
774	Dự án Tổ hợp chung cư, văn phòng kết hợp căn hộ cho thuê VIWASEEN	ODT	1,26	1,26		Quận Thanh Xuân	2021-2025
775	Đấu giá nhà văn hóa tổ dân phố số 2, ngõ 24 Chùa Thông	ODT	0,01		0,01	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
776	Đấu giá đất xen kẹt ngõ 6, phố Chùa Thông	ODT	0,02		0,02	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
777	Khu Đô thị HUD-Sơn Tây	ODT	23,40	23,08	0,32	Thị xã Sơn Tây	2022
778	Nhu cầu đất đô thị phường Viên Sơn phường Viên Sơn	ODT	76,02		76,02	Thị xã Sơn Tây	2021-2025
779	Đất xây dựng khu nhà ở Phú Thịnh (giai đoạn 2)	ODT	10,60		10,60	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
780	Dự án khu dân cư mới Pidenza Mỹ Hưng	ODT	19,76		19,76	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
781	Đấu giá khu đất Vườn Bông - Dộc Nửa phường Viên Sơn	ODT	4,98	1,43	3,55	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
782	Khu TĐC di dân 2 thôn sạt lở sông Hồng	ODT	5,22		5,22	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
783	Khu TĐC di dân 2 thôn sạt lở sông Hồng	ODT	2,22		2,22	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
784	Xây dựng khu TĐC Phường Viên Sơn	ODT	4,50	4,50		Thị xã Sơn Tây	2023-2025
785	Xây dựng khu tái định cư DA sông Tích	ODT	10,00		10,00	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
786	Đấu giá đất xen kẹt số 75 Lê Lợi, phường Lê Lợi	ODT	0,01		0,01	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
787	Đấu giá đất trường mẫu giáo Lê Lợi cũ (142-Lê Lợi)	ODT	0,05		0,05	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
788	Đấu giá quyền sử dụng đất tại khu Ngõ 3 phố Hậu Ninh, phường Lê Lợi	ODT	0,06		0,06	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
789	Xây dựng HTKT khu đấu giá xen kẹt Ngõ Lò Da, P.Ngô Quyền	ODT	0,10		0,10	Thị xã Sơn Tây	2022
790	Xây dựng HTKT khu đất ĐGQSDĐ khu đất xen kẹt TDP 2, phường Ngô Quyền.	ODT	0,06		0,06	Thị xã Sơn Tây	2022
791	Đấu giá đất ao ngõ Phó Đức Chính, phường Ngô Quyền	ODT	0,05		0,05	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
792	Đấu giá đất khu ao ngõ Cẩm An, phường Ngô Quyền	ODT	0,05		0,05	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
793	Đấu giá đất ao ngõ vườn hoa, phường Ngô Quyền	ODT	0,05		0,05	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
794	Đấu giá đất ao tổ 2 sau tòa án, phường Ngô Quyền	ODT	0,04		0,04	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
795	Đấu giá quyền sử dụng đất Khu Ao phường Ngô Quyền (thửa 153, tờ bản đồ số 03), tổ dân phố 3	ODT	0,06		0,06	Thị xã Sơn Tây	2023-2025

796	Đấu giá đất xen kẹt số 36 Phùng Hưng, phường Ngô Quyền	ODT	0,01		0,01	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
797	Đấu giá quyền sử dụng đất tổ dân phố 2, phường Trung Hưng	ODT	7,00		7,00	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
798	Đấu giá xen kẹt trường tiểu học Trung Hưng	ODT	0,35		0,35	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
799	Xây dựng HTKT khu đất ĐGQSDĐ Khoang Nội - Gò Miếu, phường Trung Hưng, thị xã Sơn Tây	ODT	4,29		4,29	Thị xã Sơn Tây	2023
800	Các khu đất TĐC-DV thuộc dự án khu đô thị HUD - Sơn Tây (để tổ chức đấu giá QSD đất)	ODT	1,20	1,20		Thị xã Sơn Tây	2023-2025
801	Đấu giá quyền sử dụng đất 6 lô tại khu Đồng Chương, phường Trung Sơn Trầm	ODT	0,05	0,05		Thị xã Sơn Tây	2023-2025
802	Đấu giá quyền sử dụng đất tại tổ 5 cũ, phường Trung Sơn Trầm	ODT	0,01		0,01	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
803	Đấu giá quyền sử dụng đất tại tổ 1 cũ, phường Trung Sơn Trầm	ODT	0,02		0,02	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
804	Đấu giá đất Trụ sở cũ của UBND phường Phú Thịnh	ODT	0,06		0,06	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
805	Đấu giá đất xen kẹt gần khu đô thị Phú Thịnh	ODT	0,02		0,02	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
806	Đấu giá xen kẹt Phú Nhi, phường Phú Thịnh	ODT	0,01		0,01	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
807	Đấu giá QSDĐ tại khu đất xen kẹt Ngõ Đình 2, đường Phú Nhi, TDP Phú Nhi 1, Phường Phú Thịnh (Thửa 32, tờ số 5).	ODT	0,16		0,16	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
808	Đấu giá QSDĐ tại khu đất xen kẹt Ngách 161, đường Phú Nhi, TDP Phú Nhi 1, Phường Phú Thịnh (Thửa 198, tờ số 4).	ODT	0,04		0,04	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
809	Đấu giá quyền sử dụng đất cạnh đường quốc lộ 32, tại phường Phú Thịnh	ODT	1,90		1,90	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
810	Đấu giá đất xen kẹt khu ao bà Chèm	ODT	0,01	0,01		Thị xã Sơn Tây	2023-2025
811	Xây dựng HTKT khu đất ĐGQSDĐ khu Vàn Gợi, Đồng Quân, phường Viên Sơn	ODT	4,37	4,37		Thị xã Sơn Tây	2022
812	Đấu giá Đất xen kẹt Số 49-Phạm Hồng Thái, phường Quang Trung	ODT	0,01		0,01	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
813	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật một số khu đất xen kẹt để đấu giá quyền sử dụng đất tại phường Trung Hưng, Lê Lợi và xã Thanh Mỹ	ODT	0,09	0,09		Thị xã Sơn Tây	2022
814	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá QSDĐ khu đất khu Đồng Cửa Hàng, phường Xuân Khanh.	ODT	0,50		0,50	Thị xã Sơn Tây	2022

815	Đầu giá đất khu cửa hàng lương thực Sơn Lộc (gần CT TNHH TM Dung Vượng)	ODT	0,01	0,01		Thị xã Sơn Tây	2023-2025
816	Đất chuyển đổi đất vườn, ao liền kề trong cùng một thửa đất được cấp giấy quyền sử dụng đất sang đất ở đô thị	ODT	16,20	2,50	13,70	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
817	Đất chuyển đổi đất nông nghiệp được giao nằm xen kẹt trong khu dân cư sang đất ở	ODT	9,01	1,50	7,51	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
818	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất đầu giá quyền sử dụng đất tại phường Viên Sơn	ODT	4,80		4,80	Thị xã Sơn Tây	2023
819	Khu đất xen kẹt Tiền Huân, phường Viên Sơn	ODT	0,02		0,02	Thị xã Sơn Tây	2022
820	Khu đất xen kẹt TDP2, phường Ngô Quyền	ODT	0,05		0,05	Thị xã Sơn Tây	2023
821	Đất xen kẹt TDP1, TDP5 phường Trung Sơn Trầm	ODT	0,02		0,02	Thị xã Sơn Tây	2023
822	Khu Đồng Cửa Hàng, phường Xuân Khanh	ODT	0,37		0,37	Thị xã Sơn Tây	2023
823	Điêm đất đầu giá QSD đất đổi diện vườn hoa (góc Đa ao Sãi) TDP Phú Nhi 1 và ngách 161, đường Phú Nhi, phường Phú	ODT	0,22		0,22	Thị xã Sơn Tây	2023
824	Điêm đất xen kẹt ngõ Lò Da, phường Ngô Quyền	ODT	0,20		0,20	Thị xã Sơn Tây	2023
825	Xây dựng HTKT khu đất đầu giá quyền sử dụng đất khu Vàn Gợi - Đồng Quân, phường Viên Sơn	ODT	4,37		4,37	Thị xã Sơn Tây	2022
826	07 ô đất TĐC-DV để đầu giá QSD đất thuộc dự án Khu đô thị HUD - Sơn Tây	ODT	1,22		1,22	Thị xã Sơn Tây	2023
827	22 thửa đất tại khu nhà ở Thuận Nghệ, phường Quang Trung	ODT	0,23		0,23	Thị xã Sơn Tây	2023
828	Xây dựng HTKT khu đất đầu giá QSD đất khu Gò Gợi, phường Viên Sơn	ODT	4,99		4,99	Thị xã Sơn Tây	2023
829	Khu đất giáp trường cấp II Sơn Tây, phường Trung Hưng	ODT	0,03		0,03	Thị xã Sơn Tây	2023
830	Khu đất xen kẹt TDP3, phường Ngô Quyền	ODT	0,06		0,06	Thị xã Sơn Tây	2023
831	Các khu đất thuộc Sở hữu nhà nước theo phương án sắp xếp được cấp có thẩm quyền phê	ODT	0,08		0,08	Thị xã Sơn Tây	2023
835	Các khu đất dự kiến thực hiện dự án thí điểm trên địa bàn thành phố Hà Nội theo Nghị quyết số 171/2024/QH15 ngày 30/11/2024 của Quốc hội	ODT	800,00		800,00	các quận, huyện, thị xã	2025
B.25	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC					
1	Tòa án nhân dân huyện Ba Vì	TSC	0,50		0,50	Huyện Ba Vì	2022

2	Xây dựng trụ sở phòng kinh tế và văn phòng ban chỉ huy phòng chống thiên tai và kho vật tư phục vụ công tác PCTT& TKCN huyện Ba Vì	TSC	1,54		1,54	Huyện Ba Vì	2021
3	Dự án xây dựng trụ sở làm việc đội QLTT số 18 trực thuộc Chi cục Quản lý thị trường Hà Nội	TSC	0,16		0,16	Huyện Ba Vì	2021
4	Xây dựng trụ sở Đảng Ủy - HĐND - UBND xã Văn Hòa	TSC	0,80		0,80	Huyện Ba Vì	2021
5	Xây dựng trụ sở Đảng Ủy - HĐND - UBND xã Khánh Thượng	TSC	0,80		0,80	Huyện Ba Vì	2021
6	Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ	TSC	0,60		0,60	Huyện Chương Mỹ	2022
7	Trụ sở cơ quan tại đô thị mới Xuân Mai	TSC	3,43		3,43	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
8	Trụ sở cơ quan tại đô thị mới Xuân Mai	TSC	1,22		1,22	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
9	Trụ sở cơ quan tại đô thị mới Xuân Mai	TSC	2,22		2,22	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
10	Trụ sở làm việc Đảng ủy HĐND - UBND xã Tiên Phương	TSC	0,50		0,50	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
11	Xây dựng mới trụ sở UBND xã Nam Phương Tiến	TSC	0,72		0,72	Huyện Chương Mỹ	2022
12	Xây dựng trụ sở HĐND - UBND thị trấn Xuân Mai	TSC	1,80		1,80	Huyện Chương Mỹ	2022
13	Xây dựng trụ sở Viện kiểm soát nhân dân huyện Chương Mỹ	TSC	0,72		0,72	Huyện Chương Mỹ	2022
14	Cải tạo nâng cấp trụ sở Đảng ủy - HĐND-UBND xã Phú Nghĩa	TSC	0,75		0,75	Huyện Chương Mỹ	2021-2025
15	Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã Thọ An	TSC	1,00		1,00	Huyện Đan Phượng	2022
16	Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã Tân Lập	TSC	1,00		1,00	Huyện Đan Phượng	2022
17	Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã Đan Phượng	TSC	0,70		0,70	Huyện Đan Phượng	2022
18	Trụ sở ban chỉ huy quân sự xã Đan Phượng	TSC	0,20		0,20	Huyện Đan Phượng	2024-2025
19	Trụ sở ban chỉ huy quân sự TT Phùng	TSC	0,14		0,14	Huyện Đan Phượng	2024-2025
20	Trụ sở ban chỉ huy quân sự xã Đồng Tháp	TSC	0,20		0,20	Huyện Đan Phượng	2024-2025
21	Trụ sở ban chỉ huy quân sự xã Hạ Mỗ	TSC	0,37		0,37	Huyện Đan Phượng	2024-2025
22	Trụ sở ban chỉ huy quân sự xã Hồng Hà	TSC	0,10		0,10	Huyện Đan Phượng	2024-2025
23	Trụ sở ban chỉ huy quân sự xã Liên Hà	TSC	0,10		0,10	Huyện Đan Phượng	2024-2025
24	Trụ sở ban chỉ huy quân sự xã Liên Hồng	TSC	0,15		0,15	Huyện Đan Phượng	2024-2025
25	Trụ sở ban chỉ huy quân sự xã Liên Trung	TSC	0,10		0,10	Huyện Đan Phượng	2024-2025

26	Trụ sở ban chỉ huy quân sự xã Phương Đình	TSC	0,15		0,15	Huyện Đan Phượng	2024-2025
27	Trụ sở ban chỉ huy quân sự xã Song Phượng	TSC	0,30		0,30	Huyện Đan Phượng	2024-2025
28	Trụ sở ban chỉ huy quân sự xã Tân Hội	TSC	0,15		0,15	Huyện Đan Phượng	2024-2025
29	Trụ sở ban chỉ huy quân sự xã Tân Lập	TSC	0,15		0,15	Huyện Đan Phượng	2024-2025
30	Trụ sở ban chỉ huy quân sự xã Thọ An	TSC	0,15		0,15	Huyện Đan Phượng	2024-2025
31	Trụ sở ban chỉ huy quân sự xã Thọ Xuân	TSC	0,11		0,11	Huyện Đan Phượng	2024-2025
32	Trụ sở ban chỉ huy quân sự xã Thượng Mỗ	TSC	0,13		0,13	Huyện Đan Phượng	2024-2025
33	Trụ sở ban chỉ huy quân sự xã Trung Châu	TSC	0,15		0,15	Huyện Đan Phượng	2024-2025
34	Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã Hạ Mỗ	TSC	0,65		0,65	Huyện Đan Phượng	2023-2024
35	Xây dựng trụ sở làm việc Ban chỉ huy quân sự xã Bắc Hồng	TSC	0,17		0,17	Huyện Đông Anh	2021-2025
36	Xây dựng ban chỉ huy quân sự xã Dục Tú	TSC	0,20		0,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
37	Xây dựng trụ sở Quân sự xã Hải Bối	TSC	0,20		0,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
38	Xây dựng trụ sở Quân sự xã Mai Lâm	TSC	0,12		0,12	Huyện Đông Anh	2021-2025
39	Xây dựng ban chỉ huy quân sự xã Thụy Lâm	TSC	0,50		0,50	Huyện Đông Anh	2021-2025
40	Xây dựng trụ sở quân sự xã Uy	TSC	0,10		0,10	Huyện Đông Anh	2021-2025
41	Xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Xuân Canh	TSC	0,15		0,15	Huyện Đông Anh	2021-2025
42	Cải tạo, xây dựng nhà hội trường, nhà làm việc, hạ tầng UBND xã Đông Hội	TSC	0,91	0,63	0,28	Huyện Đông Anh	2021-2025
43	Cải tạo, nâng cấp trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã Dục Tú	TSC	0,76		0,76	Huyện Đông Anh	2021-2025
44	Xây dựng trụ sở Đảng ủy-HĐND-UBND xã Tàm Xá	TSC	0,45		0,45	Huyện Đông Anh	2021-2025
45	Xây dựng trụ sở Đảng ủy-HĐND-UBND xã Tiên Dương	TSC	1,37		1,37	Huyện Đông Anh	2021-2025
46	Xây dựng trụ sở làm việc Kho bạc nhà nước Đông Anh, Hà Nội	TSC	0,66		0,66	Huyện Đông Anh	2021-2025
47	Cải tạo, mở rộng trụ sở Đảng ủy-HĐND-UBND xã Uy Nỗ và hoàn thiện hạ tầng khu trung tâm xã Uy Nỗ	TSC	3,00		3,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
48	Xây dựng trung tâm hành chính huyện Đông Anh	TSC	4,97	3,20	1,77	Huyện Đông Anh	2021-2025
49	Xây dựng trụ sở Đảng ủy-HĐND-UBND xã Vân Hà, huyện Đông Anh	TSC	1,20		1,20	Huyện Đông Anh	2021-2025

50	Hoàn thiện hạ tầng, xây dựng hội trường và nhà làm việc UBND xã Võng La	TSC	0,53		0,53	Huyện Đông Anh	2021-2025
51	Xây dựng trụ sở UBND xã Xuân Canh	TSC	0,20		0,20	Huyện Đông Anh	2021-2025
52	Mở rộng trụ sở làm việc Chi cục thuế huyện Đông Anh	TSC	0,49		0,49	Huyện Đông Anh	2021-2025
53	Mở rộng Trung tâm bảo trợ Xã hội 1	TSC	1,30		1,30	Huyện Đông Anh	2021-2025
54	Xây mới trụ sở UBND xã Đại Mạch	TSC	1,00		1,00	Huyện Đông Anh	2021-2025
55	Xây dựng trụ sở huyện ủy, HĐND-UBND huyện Gia Lâm	TSC	4,38	4,38		Huyện Gia Lâm	2022
56	Xây dựng Trung tâm chính trị huyện Gia Lâm	TSC	1,00		1,00	Huyện Gia Lâm	2023-2024
57	Xây dựng trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm	TSC	1,20		1,20	Huyện Gia Lâm	2023-2024
58	Xây dựng bãi đỗ xe trong khu vực khuôn viên Huyện ủy, UBND huyện Hoài Đức	TSC	0,50		0,50	Huyện Hoài Đức	2022
59	Trụ sở làm việc Ban quân sự xã Tiền Yên	TSC	0,10		0,10	Huyện Hoài Đức	2023-2024
60	Xây dựng ban chỉ huy quân sự xã Kim Chung	TSC	0,10		0,10	Huyện Hoài Đức	2023-2024
61	Xây dựng ban chỉ huy quân sự xã Đức Giang	TSC	0,10		0,10	Huyện Hoài Đức	2023-2024
62	Xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Thanh Lâm	TSC	0,20		0,20	Huyện Mê Linh	2022-2025
63	Xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Tiến Thắng	TSC	0,10		0,10	Huyện Mê Linh	2022-2025
64	Xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Vạn Yên	TSC	0,10		0,10	Huyện Mê Linh	2022-2025
65	Xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Hoàng Kim	TSC	0,10		0,10	Huyện Mê Linh	2022-2025
66	Xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Tráng Việt	TSC	0,25		0,25	Huyện Mê Linh	2022-2025
67	Xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Văn Khê	TSC	0,10		0,10	Huyện Mê Linh	2022-2025
68	Xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Tự Lập	TSC	0,10		0,10	Huyện Mê Linh	2022-2025
69	Trụ sở Đảng ủy - HĐND và UBND xã Tam Đồng. huyện Mê Linh	TSC	1,41	0,45	0,96	Huyện Mê Linh	2022
70	Trụ sở mới hội trường Đảng ủy - HĐND – UBND và nhà truyền thống xã Tiên Phong. huyện Mê Linh	TSC	1,37		1,37	Huyện Mê Linh	2022
71	Xây dựng trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Đại Thịnh	TSC	0,85		0,85	Huyện Mê Linh	2022
72	Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Tự Lập, huyện Mê Linh	TSC	1,31		1,31	Huyện Mê Linh	2022
73	Mở rộng trụ sở UBND thị trấn Quang Minh	TSC	1,10		1,10	Huyện Mê Linh	2022

74	Xây dựng trụ sở mới, hội trường Đảng ủy - HĐND - UBND và nhà truyền thống xã Tiên Phong	TSC	1,37		1,37	Huyện Mê Linh	2021-2025
75	Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Tam Đồng, huyện Mê Linh	TSC	1,41		1,41	Huyện Mê Linh	2021-2025
76	Trụ sở mới UBND thị trấn Đại Nghĩa	TSC	0,76	0,76		Huyện Mỹ Đức	2021
77	QH chuyển sang đất trụ sở	TSC	0,36	0,36		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
78	Ban chỉ huy quân sự TT Đại	TSC	0,10	0,10		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
79	Đất trụ sở cơ quan mới	TSC	3,00	3,00		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
80	Xây mới trụ sở Quân sự	TSC	0,09	0,09		Huyện Mỹ Đức	2021
81	Mở rộng Trụ sở UBND	TSC	0,50	0,50		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
82	Xây mới Trụ sở quân sự	TSC	0,15	0,15		Huyện Mỹ Đức	2022
83	Xây mới Trụ sở HTX NN	TSC	0,29	0,29		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
84	Đất BCH quân sự xã	TSC	0,05	0,05		Huyện Mỹ Đức	2022
85	Hợp tác xã nông nghiệp	TSC	0,15	0,15		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
86	Trụ sở quân sự xã	TSC	0,10	0,10		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
87	Mở rộng UBND xã	TSC	0,19	0,19		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
88	Trụ sở HTX NN	TSC	0,05	0,05		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
89	Đất xây dựng trụ sở quân sự	TSC	0,07	0,07		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
90	Xây dựng trụ sở Đảng Ủy - HĐND - UBND xã Bột Xuyên	TSC	0,94	0,94		Huyện Mỹ Đức	2022
91	QH mới trụ sở HTX NN	TSC	0,05	0,05		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
92	Xây mới Trụ sở quân sự	TSC	0,10	0,10		Huyện Mỹ Đức	2022
93	Mở rộng Trụ sở UBND xã	TSC	0,25	0,25		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
94	Trụ sở Quân sự xã	TSC	0,10	0,10		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
95	Xây dựng trụ sở Đảng Ủy - HĐND - UBND xã Hồng Sơn	TSC	1,13	1,13		Huyện Mỹ Đức	2022
96	Trụ sở BCH quân sự xã	TSC	0,15	0,15		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
97	Trụ sở Quân sự xã	TSC	0,10	0,10		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
98	Khu Kho HTX NN	TSC	0,12	0,12		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
99	Trụ sở quân sự xã	TSC	0,10	0,10		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
100	Mở rộng trụ sở UBND xã	TSC	0,32	0,32		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
101	Xây dựng trụ sở Quân sự xã	TSC	0,10	0,10		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
102	Trụ sở HTX nông nghiệp	TSC	0,29	0,29		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
103	Xây dựng trụ sở Đảng ủy - HĐND-UBND xã Phù Lưu Tế	TSC	0,68	0,68		Huyện Mỹ Đức	2023
104	Trụ sở UBND huyện, Huyện ủy	TSC	4,27	4,27		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
105	Đất trụ sở BCH QS xã	TSC	0,05	0,05		Huyện Mỹ Đức	2022
106	Trụ sở HTX NN	TSC	0,05	0,05		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
107	Xây dựng trụ sở UBND xã	TSC	1,30	1,30		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
108	Ban chỉ huy quân sự	TSC	0,10	0,10		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
109	Trụ sở quân sự xã Vạn Kim 0,1 ha; Đốc Tín 0,05 ha	TSC	0,15	0,15		Huyện Mỹ Đức	2022
110	Mở rộng thêm trụ sở HĐND-UBND xã	TSC	0,55	0,55		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
111	Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Đốc Tín	TSC	0,80	0,80		Huyện Mỹ Đức	2022
112	Trụ sở Quân sự xã	TSC	0,05	0,05		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
113	Trụ sở HTX nông nghiệp	TSC	0,05	0,05		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
114	Đất trụ sở Quân sự	TSC	0,10	0,10		Huyện Mỹ Đức	2022
115	Chuyển trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã	TSC	2,00	2,00		Huyện Mỹ Đức	2022-2025

116	Xây dựng trụ sở HTX NN	TSC	0,10	0,10		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
117	Đất xây dựng trụ sở quân sự	TSC	0,10	0,10		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
118	Mở rộng trụ sở UBND xã	TSC	0,03	0,03		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
119	Trụ sở HTX NN	TSC	0,12	0,12		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
120	Trụ sở BCH Quân Sự xã An Tiến	TSC	0,10	0,10		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
121	Trụ sở Quân sự xã Hợp Tiến	TSC	0,20	0,20		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
122	Trụ sở Quân Sự xã Hợp Thanh	TSC	0,20	0,20		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
123	Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Hợp Thanh	TSC	1,00	1,00		Huyện Mỹ Đức	2022
124	Đất trụ sở quân sự xã	TSC	0,10	0,10		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
125	Xây dựng trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND và UBND thị trấn Đại Nghĩa	TSC	0,76	0,76		Huyện Mỹ Đức	2022
126	QH trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Hoàng Long	TSC	0,25		0,25	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
127	QH trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Hồng Minh	TSC	0,25		0,25	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
128	QH trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Hồng Thái	TSC	0,37		0,37	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
129	QH trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Khai Thái	TSC	0,25		0,25	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
130	QH trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Tân Dân	TSC	0,25		0,25	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
131	QH trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Tri Trung	TSC	0,25		0,25	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
132	QH trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Văn Hoàng	TSC	0,25		0,25	Huyện Phú Xuyên	2024
133	QH trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Quang Trung	TSC	0,25		0,25	Huyện Phú Xuyên	2024
134	QH trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Minh Tân	TSC	0,25		0,25	Huyện Phú Xuyên	2023
135	QH trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Phú Túc	TSC	0,25		0,25	Huyện Phú Xuyên	2025
136	QH trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Đại Xuyên	TSC	0,25		0,25	Huyện Phú Xuyên	2023
137	QH trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Châu Can	TSC	0,50	0,25	0,25	Huyện Phú Xuyên	2023
138	QH trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Đại Thắng	TSC	0,25		0,25	Huyện Phú Xuyên	2023
139	Mở rộng khuôn viên trụ sở UB thị trấn Phú Xuyên	TSC	0,16		0,16	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
140	Đất trụ sở các cơ quan	TSC	3,70		3,70	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
141	Xây dựng trụ sở Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Phúc Thọ	TSC	0,23		0,23	Huyện Phúc Thọ	2021-2023
142	Mở rộng cải tạo trụ sở ĐU - HĐND - UBND xã Phúc Hòa	TSC	0,35		0,35	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
143	Hội trường và khối Đoàn thể, công trình phụ trợ trụ sở ĐU - HĐND-UBND xã Vĩng Xuyên	TSC	1,52		1,52	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
144	Mở rộng nâng cấp trụ sở ĐU - HĐND - UBND xã Sen Phương	TSC	0,83		0,83	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
145	Trụ sở ĐU- HĐND - UBND xã Tích Giang	TSC	0,70		0,70	Huyện Phúc Thọ	2023-2025

146	Xây dựng Trụ sở ban chỉ huy quân sự xã Hát Môn	TSC	0,10		0,10	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
147	Xây dựng Trụ sở ban chỉ huy quân sự xã Trạch Mỹ Lộc	TSC	0,12		0,12	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
148	Xây dựng Trụ sở ban chỉ huy quân sự xã Vân Phúc	TSC	0,10		0,10	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
149	Xây dựng Trụ sở ban chỉ huy quân sự xã Vồng Xuyên	TSC	0,22		0,22	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
150	Xây dựng Trụ sở ban chỉ huy quân sự xã Thọ Lộc	TSC	0,13		0,13	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
151	Mở rộng kho bạc nhà nước huyện Phúc Thọ	TSC	0,06		0,06	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
152	Trụ sở UBND xã Liên Hiệp	TSC	0,90		0,90	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
153	Trụ sở UBND Tam Hiệp	TSC	1,50		1,50	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
154	Trụ sở UBND xã Thượng Cốc	TSC	0,30		0,30	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
155	Mở rộng UBND xã Thanh Đa	TSC	0,60		0,60	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
156	Trụ sở ban chỉ huy quân sự thị trấn Phúc Thọ	TSC	0,10		0,10	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
157	Trụ sở ban chỉ huy quân sự xã Hiệp Thuận	TSC	0,10		0,10	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
158	Trụ sở ban chỉ huy quân sự xã Liên Hiệp	TSC	0,10		0,10	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
159	Trụ sở ban chỉ huy quân sự xã Long Xuyên	TSC	0,10		0,10	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
160	Trụ sở ban chỉ huy quân sự xã Ngọc Tảo	TSC	0,10		0,10	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
161	Trụ sở ban chỉ huy quân sự xã Phúc Hòa	TSC	0,10		0,10	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
162	Trụ sở ban chỉ huy quân sự xã Phụng Thượng	TSC	0,15		0,15	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
163	Trụ sở ban chỉ huy quân sự xã Sen Phương	TSC	0,10		0,10	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
164	Trụ sở ban chỉ huy quân sự xã Tam Hiệp	TSC	0,10		0,10	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
165	Trụ sở ban chỉ huy quân sự xã Tam Thuấn	TSC	0,10		0,10	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
166	Trụ sở ban chỉ huy quân sự xã Thanh Đa	TSC	0,10		0,10	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
167	Trụ sở ban chỉ huy quân sự xã Thượng Cốc	TSC	0,10		0,10	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
168	Trụ sở ban chỉ huy quân sự xã Tích Giang	TSC	0,10		0,10	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
169	Trụ sở ban chỉ huy quân sự xã Vân Hà	TSC	0,10		0,10	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
170	Trụ sở ban chỉ huy quân sự xã Xuân Đình	TSC	0,25		0,25	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
171	Xây dựng mới trụ sở UBND xã Hòa Thạch	TSC	1,50		1,50	Huyện Quốc Oai	2021-2025
172	Xây dựng công trình hoàn trả Hội trường UBND xã Hoà Thạch	TSC	0,32		0,32	Huyện Quốc Oai	2021-2025
173	Mở rộng trụ sở UBND xã Cấn Hữu	TSC	0,66	0,57	0,09	Huyện Quốc Oai	2021-2025
174	Mở rộng UBND xã Cộng Hòa	TSC	0,35		0,35	Huyện Quốc Oai	2021-2025

175	Mở rộng UBND xã Tân Phú	TSC	0,27		0,27	Huyện Quốc Oai	2021-2025
176	Mở rộng UBND xã Đại Thành	TSC	1,90		1,90	Huyện Quốc Oai	2021-2025
177	Trụ sở UBND xã Thạch Thán	TSC	0,70		0,70	Huyện Quốc Oai	2021-2025
178	Trụ sở Bảo hiểm xã hội huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	TSC	0,21		0,21	Huyện Quốc Oai	2021-2025
179	Xây dựng trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND thị trấn Quốc Oai	TSC	0,54		0,54	Huyện Quốc Oai	2021-2025
180	Dự án xây dựng trụ sở làm việc đội QLTT số 22 trực thuộc Chi cục Quản lý thị trường Hà Nội	TSC	0,12		0,12	Huyện Quốc Oai	2021-2025
181	DTXD trụ sở làm việc Kho bạc nhà nước Quốc Oai tại thị trấn Quốc Oai	TSC	0,14		0,14	Huyện Quốc Oai	2021-2025
182	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu Trung tâm chính trị hành chính và thể thao huyện Quốc Oai	TSC	10,61		10,61	Huyện Quốc Oai	2021-2025
183	Xây dựng trụ cơ quan Trung tâm chính trị hành chính và thể thao huyện Quốc Oai	TSC	10,00		10,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
184	Mở rộng trụ sở UBND xã Yên Sơn	TSC	0,50	0,34	0,16	Huyện Quốc Oai	2021-2025
185	Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã Sài Sơn	TSC	0,70		0,70	Huyện Quốc Oai	2021-2025
186	Quy hoạch khu trung tâm hành chính xã Phú Mãn	TSC	9,00		9,00	Huyện Quốc Oai	2021-2025
187	XD trụ sở quân sự xã Đông Yên	TSC	0,15		0,15	Huyện Quốc Oai	2021-2025
188	XD trụ sở quân sự xã Đông Xuân	TSC	0,15		0,15	Huyện Quốc Oai	2021-2025
189	XD trụ sở quân sự xã Hòa Thạch	TSC	0,12		0,12	Huyện Quốc Oai	2021-2025
190	Trụ sở quân sự xã Cấn Hữu	TSC	0,15		0,15	Huyện Quốc Oai	2021-2025
191	XD trụ sở quân sự xã Nghĩa Hương	TSC	0,14		0,14	Huyện Quốc Oai	2021-2025
192	Trụ sở nhà làm việc quốc phòng xã Cộng Hòa	TSC	0,25		0,25	Huyện Quốc Oai	2021-2025
193	XD trụ sở quân sự xã Tân Phú	TSC	0,09		0,09	Huyện Quốc Oai	2021-2025
194	Xây dựng trụ sở quân sự xã Đại Thành	TSC	0,15		0,15	Huyện Quốc Oai	2021-2025
195	Xây dựng trụ sở quân sự xã Đồng Quang	TSC	0,10		0,10	Huyện Quốc Oai	2021-2025
196	Xây mới trụ sở quân sự Liệp Tuyết	TSC	0,15		0,15	Huyện Quốc Oai	2021-2025
197	Xây mới trụ sở quân sự xã Ngọc Liệp	TSC	0,12		0,12	Huyện Quốc Oai	2021-2025
198	Xây dựng trụ sở quân sự xã Ngọc Mỹ	TSC	0,20		0,20	Huyện Quốc Oai	2021-2025
199	Xây mới trụ sở quân sự xã Thạch Thán	TSC	0,10		0,10	Huyện Quốc Oai	2021-2025
200	Trụ sở, nhà làm việc quân sự thị trấn	TSC	0,15		0,15	Huyện Quốc Oai	2021-2025
201	Xây mới trụ sở quân sự xã Yên Sơn	TSC	0,13		0,13	Huyện Quốc Oai	2021-2025
202	Xây mới trụ sở quân sự xã Sài	TSC	0,14		0,14	Huyện Quốc Oai	2021-2025
203	Xây mới trụ sở quân sự xã Phú	TSC	0,12		0,12	Huyện Quốc Oai	2021-2025

204	Xây mới trụ sở quân sự xã Tân Hòa	TSC	0,20		0,20	Huyện Quốc Oai	2021-2025
205	Xây mới trụ sở quân sự xã Phú Mãn	TSC	0,15		0,15	Huyện Quốc Oai	2021-2025
206	Xây mới trụ sở quân sự xã Tuyết Nghĩa	TSC	0,10		0,10	Huyện Quốc Oai	2021-2025
207	Xây mới trụ sở quân sự xã Phụng Cách	TSC	0,22		0,22	Huyện Quốc Oai	2021-2025
208	Xây dựng trụ sở chi cục THSDS huyện Quốc Oai	TSC	0,58		0,58	Huyện Quốc Oai	2021-2025
209	Xây dựng trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai	TSC	0,92		0,92	Huyện Quốc Oai	2021-2025
210	Xây dựng trụ sở Viện kiểm sát huyện Quốc Oai	TSC	0,80		0,80	Huyện Quốc Oai	2021-2025
211	Cải tạo, nâng cấp trụ sở UBND xã Phù Linh	TSC	0,30		0,30	Huyện Sóc Sơn	2022
212	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở UBND xã Hồng Kỳ	TSC	0,04		0,04	Huyện Sóc Sơn	2022-2025
213	Mở rộng trụ sở UBND xã Bắc	TSC	0,35	0,05	0,30	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
214	Xây dựng trụ sở UBND xã Kim Lũ	TSC	2,00		2,00	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
215	Trụ sở Ban CHQS xã Bắc Phú	TSC	2,00		2,00	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
216	Trụ sở Ban CHQS xã Bắc Sơn	TSC	2,00		2,00	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
217	Trụ sở Ban CHQS xã Đông Xuân	TSC	2,00		2,00	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
218	Trụ sở Ban CHQS xã Đức Hòa	TSC	2,00		2,00	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
219	Trụ sở Ban CHQS xã Hiền Ninh	TSC	2,00		2,00	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
220	Trụ sở Ban CHQS xã Hồng Kỳ	TSC	2,00		2,00	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
221	Trụ sở Ban CHQS xã Kim Lũ	TSC	2,00		2,00	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
222	Trụ sở Ban CHQS xã Mai Đình	TSC	2,00		2,00	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
223	Trụ sở Ban CHQS xã Minh Phú	TSC	2,00		2,00	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
224	Trụ sở Ban CHQS xã Minh Trí	TSC	2,00		2,00	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
225	Trụ sở Ban CHQS xã Nam Sơn	TSC	2,00		2,00	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
226	Trụ sở Ban CHQS xã Phú Cường	TSC	2,00		2,00	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
227	Trụ sở Ban CHQS xã Phù Linh	TSC	2,00		2,00	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
228	Trụ sở Ban CHQS xã Phù Lỗ	TSC	2,00		2,00	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
229	Trụ sở Ban CHQS xã Phú Minh	TSC	2,00		2,00	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
230	Trụ sở Ban CHQS xã Quang Tiến	TSC	2,00		2,00	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
231	Trụ sở Ban CHQS xã Tân Dân	TSC	2,00		2,00	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
232	Trụ sở Ban CHQS xã Tân Hưng	TSC	2,00		2,00	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
233	Trụ sở Ban CHQS xã Tân Minh	TSC	2,00		2,00	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
234	Trụ sở Ban CHQS xã Thanh Xuân	TSC	2,00		2,00	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
235	Trụ sở Ban CHQS xã Tiên Dược	TSC	2,00		2,00	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
236	Trụ sở Ban CHQS xã Trung Giã	TSC	2,00		2,00	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
237	Trụ sở Ban CHQS xã Việt Long	TSC	2,00		2,00	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
238	Trụ sở Ban CHQS xã Xuân Giang	TSC	2,00		2,00	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
239	Trụ sở Ban CHQS xã Xuân Thu	TSC	2,00		2,00	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
240	Trụ sở Ban CHQS thị trấn Sóc	TSC	2,00		2,00	Huyện Sóc Sơn	2021-2025
241	Nhà làm việc quân sự xã Cẩm	TSC	0,09		0,09	Huyện Thạch Thất	2021-2025
242	Xây dựng trụ sở UBND thị trấn Liên Quan	TSC	0,50		0,50	Huyện Thạch Thất	2024-2025
243	Xây dựng mới trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Đại Đồng	TSC	1,32		1,32	Huyện Thạch Thất	2022

244	Xây dựng mới trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Đồng Trúc	TSC	1,50		1,50	Huyện Thạch Thất	2022
245	Xây dựng trụ sở UBND xã Lại Thượng	TSC	1,00		1,00	Huyện Thạch Thất	2021-2025
246	Xây dựng mới trụ sở UBND xã Kim Quan	TSC	1,68		1,68	Huyện Thạch Thất	2021-2025
247	Quy hoạch trụ sở Tòa Án, Viện kiểm sát, Chi cục thi hành án	TSC	4,10		4,10	Huyện Thạch Thất	2021-2025
248	Mở rộng khuôn viên, xây dựng hội trường, cải tạo trụ sở UBND xã Hương Ngải	TSC	0,72	0,16	0,56	Huyện Thạch Thất	2023-2024
249	Mở rộng, cải tạo trụ sở UBND xã Cấn Kiềm	TSC	0,55	0,23	0,32	Huyện Thạch Thất	2025
250	Xây dựng trụ sở UBND xã Tân	TSC	1,10		1,10	Huyện Thạch Thất	2021-2025
251	Đầu tư xây dựng trụ sở Đảng ủy-HĐND-UBND xã Tiến Xuân	TSC	1,15	0,25	0,90	Huyện Thạch Thất	2022
252	Mở rộng, xây dựng, cải tạo, sửa chữa trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Yên Bình	TSC	1,40		1,40	Huyện Thạch Thất	2022
253	Mở rộng trụ sở UBND xã Thạch Xá	TSC	0,62	0,43	0,19	Huyện Thạch Thất	2021-2025
254	Xây mới trụ sở HĐND - UBND xã Phú Kim	TSC	1,25		1,25	Huyện Thạch Thất	2021-2025
255	Xây mới trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Yên Trung	TSC	1,50		1,50	Huyện Thạch Thất	2021-2025
256	Trụ sở quân sự xã Chàng Sơn	TSC	0,07		0,07	Huyện Thạch Thất	2025
257	Trụ sở quân sự xã Bình Yên	TSC	0,15		0,15	Huyện Thạch Thất	2021-2025
258	Xây dựng trụ sở quân sự xã Hạ Bằng	TSC	0,05		0,05	Huyện Thạch Thất	2022
259	Xây dựng trụ sở quân sự xã Yên Bình	TSC	0,22		0,22	Huyện Thạch Thất	2023-2025
260	Trụ sở quân sự xã Đồng Trúc	TSC	0,16		0,16	Huyện Thạch Thất	2021-2025
261	Trụ sở quân sự xã Tiến Xuân	TSC	0,10		0,10	Huyện Thạch Thất	2021-2025
262	Trụ sở quân sự xã Thạch Xá	TSC	0,10		0,10	Huyện Thạch Thất	2021-2025
263	Trụ sở quân sự xã Tân Xã	TSC	0,10		0,10	Huyện Thạch Thất	2021-2025
264	Trụ sở quân sự xã Yên Trung	TSC	0,15		0,15	Huyện Thạch Thất	2021-2025
265	Trụ sở quân sự xã Phú Kim	TSC	0,10		0,10	Huyện Thạch Thất	2021-2025
266	Mở rộng trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã Thanh Cao	TSC	0,40	0,20	0,20	Huyện Thanh Oai	2023
267	Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã Cao Viên	TSC	0,60		0,60	Huyện Thanh Oai	2023
268	Xây mới Trụ sở làm việc Đảng ủy-HĐND- UBND xã Bích Hòa	TSC	0,70		0,70	Huyện Thanh Oai	2023
269	Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND thị trấn Kim Bài (nằm trong khu K3)	TSC	2,00		2,00	Huyện Thanh Oai	2023
270	Xây dựng công trình trụ sở làm việc Kho bạc Nhà nước Thanh	TSC	0,35		0,35	Huyện Thanh Oai	2021-2022
271	Xây mới trụ sở UBND xã Liên Ninh huyện Thanh Trì	TSC	0,42		0,42	Huyện Thanh Trì	2022
272	Nâng cấp, mở rộng Trụ sở UBND xã Tả Thanh Oai	TSC	0,40		0,40	Huyện Thanh Trì	2022
273	Trụ sở UBND xã Tam Hiệp	TSC	0,50		0,50	Huyện Thanh Trì	2021-2025

274	Xây dựng trụ sở UBND thị trấn Văn Điền	TSC	0,46		0,46	Huyện Thanh Trì	2021-2025
275	Trụ sở UBND xã Hữu Hòa	TSC	0,76		0,76	Huyện Thanh Trì	2021-2025
276	Trụ sở làm việc Ban CHQS TT Văn Điền	TSC	0,12		0,12	Huyện Thanh Trì	2021-2025
277	Trụ sở làm việc Ban CHQS xã Tân Triều	TSC	0,03		0,03	Huyện Thanh Trì	2021-2025
278	Trụ sở làm việc Ban CHQS xã Tam Hiệp	TSC	0,07		0,07	Huyện Thanh Trì	2021-2025
279	Trụ sở làm việc Ban CHQS xã Liên Ninh	TSC	0,13		0,13	Huyện Thanh Trì	2021-2025
280	Trụ sở làm việc Ban CHQS xã Ngọc Hồi	TSC	0,10		0,10	Huyện Thanh Trì	2021-2025
281	Trụ sở làm việc Ban CHQS xã Ngũ Hiệp	TSC	0,12		0,12	Huyện Thanh Trì	2021-2025
282	Trụ sở làm việc Ban CHQS xã Thanh Liệt	TSC	0,15		0,15	Huyện Thanh Trì	2021-2025
283	Trụ sở làm việc Ban CHQS xã Duyên Hà	TSC	0,20		0,20	Huyện Thanh Trì	2021-2025
284	Trụ sở làm việc Ban CHQS xã Hữu Hoà	TSC	0,10		0,10	Huyện Thanh Trì	2021-2025
285	Trụ sở làm việc Ban CHQS xã Tứ Hiệp	TSC	0,15		0,15	Huyện Thanh Trì	2021-2025
286	Trụ sở làm việc Ban CHQS xã Yên Mỹ	TSC	0,07		0,07	Huyện Thanh Trì	2021-2025
287	Trụ sở làm việc Ban CHQS xã Vĩnh Quỳnh	TSC	0,10		0,10	Huyện Thanh Trì	2021-2025
288	Trụ sở làm việc Ban CHQS xã Vạn Phúc	TSC	0,15		0,15	Huyện Thanh Trì	2021-2025
289	Trụ sở làm việc Ban CHQS xã Đông Mỹ	TSC	0,15		0,15	Huyện Thanh Trì	2021-2025
290	Trụ sở làm việc Ban CHQS xã Tả Thanh Oai	TSC	0,10		0,10	Huyện Thanh Trì	2021-2025
291	Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín	TSC	0,50		0,50	Huyện Thường Tín	2022-2025
292	Tòa án nhân dân huyện Thường Tín	TSC	0,50		0,50	Huyện Thường Tín	2022-2025
293	Trụ sở Chi cục thi hành án	TSC	0,30		0,30	Huyện Thường Tín	2022-2025
294	Trụ sở Chi cục thuế	TSC	0,36		0,36	Huyện Thường Tín	2022-2025
295	Trụ sở phòng Tài chính Kế hoạch	TSC	0,16		0,16	Huyện Thường Tín	2022-2025
296	Trụ sở Trung tâm phát triển Quỹ đất huyện Thường Tín	TSC	0,10		0,10	Huyện Thường Tín	2022-2025
297	Trụ sở Đảng ủy HĐND - UBND thị trấn Thường Tín	TSC	0,40		0,40	Huyện Thường Tín	2022-2025
298	Trụ sở ĐU-HĐND-UBND xã Nguyễn Trãi	TSC	0,95	0,35	0,60	Huyện Thường Tín	2022-2025
299	Trụ sở ĐU-HĐND-UBND xã Chương Dương	TSC	0,60		0,60	Huyện Thường Tín	2022-2025
300	Trụ sở UBND xã Hòa Bình (giai đoạn 1 cải tạo nâng cấp; Giai đoạn 2 mở rộng)	TSC	0,91	0,29	0,62	Huyện Thường Tín	2022-2025
301	Mở rộng trụ sở UBND xã Văn Bình	TSC	1,35	0,56	0,79	Huyện Thường Tín	2022-2025

302	Mở rộng trụ sở UBND xã Văn Tự	TSC	0,31		0,31	Huyện Thường Tín	2022-2025
303	Trụ sở đội Thanh tra giao thông	TSC	0,28		0,28	Huyện Thường Tín	2022-2025
304	Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Hồng Vân, huyện Thường Tín	TSC	0,75		0,75	Huyện Thường Tín	2021
305	Nhà làm việc UBND xã Hòa Bình	TSC	0,02		0,02	Huyện Thường Tín	2021
306	Cải tạo nâng cấp trụ sở Đảng ủy-HĐND- UBND xã Hòa Bình	TSC	0,37		0,37	Huyện Thường Tín	2021
307	Xây dựng trụ sở Đội thanh tra giao thông huyện Thường Tín	TSC	0,28		0,28	Huyện Thường Tín	2021
308	Cải tạo, nâng cấp trụ sở UBND xã Khánh Hà, huyện Thường Tín; Hạng mục: Nhà làm việc kết hợp hội trường và các công trình phụ trợ.	TSC	0,20		0,20	Huyện Thường Tín	2023- 2025
309	Trụ sở Trung tâm phát triển Quỹ đất huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	TSC	0,10		0,10	Huyện Thường Tín	2022
310	Xây mới trụ sở UBND xã Đồng Tân	TSC	0,72		0,72	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
311	Xây dựng Trụ sở ĐU-HĐND-UBND phường Đội Cấn và Trạm y tế phường Đội Cấn	TSC	0,16		0,16	Quận Ba Đình	2021-2025
312	Xây dựng Trụ sở ĐU-HĐND-UBND phường Ngọc Hà và mở rộng ngõ vào theo quy hoạch	TSC	0,20		0,20	Quận Ba Đình	2021-2025
313	Dự án xây dựng Bãi đỗ xe của Văn phòng Chính phủ (Bãi ngầm)	TSC	0,43	0,43		Quận Ba Đình	2021-2025
314	Xây dựng trụ sở hành chính phường Đức Thắng	TSC	2,82		2,82	Quận Bắc Từ Liêm	2022
315	Xây dựng trụ sở Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm	TSC	0,31		0,31	Quận Bắc Từ Liêm	2021-2022
316	Trụ sở hành chính phường Xuân Tảo	TSC	0,40		0,40	Quận Bắc Từ Liêm	2022
317	Trụ sở hành chính phường Phú Diễn	TSC	0,25		0,25	Quận Bắc Từ Liêm	2022
318	Trụ sở hành chính phường Cổ Nhuế 2	TSC	0,43		0,43	Quận Bắc Từ Liêm	2022
319	Tổ hợp công trình căn hộ, văn phòng và công cộng	TSC	6,78		6,78	Quận Bắc Từ Liêm	2022
320	Trụ sở làm việc Công ty Điện lực Bắc Từ Liêm	TSC	0,30		0,30	Quận Bắc Từ Liêm	2022
321	Xây dựng Trụ sở Quận ủy, HĐND, UBND quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	TSC	2,00		2,00	Quận Bắc Từ Liêm	2022
322	Xây dựng bổ sung phòng làm việc, phòng chức năng một cửa, phòng tiếp công dân trụ sở UBND phường Thụy Phương	TSC	0,30		0,30	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
323	Cải tạo, mở rộng trụ sở phường Minh Khai	TSC	0,68		0,68	Quận Bắc Từ Liêm	2022-2025
324	Mở rộng nhà máy in tiền (Kho nguyên liệu đặc biệt và khối nhà phụ trợ)	TSC	0,26		0,26	Quận Cầu Giấy	2021

325	Xây dựng trụ sở Quận ủy, HĐND và UBND quận Cầu Giấy tại ô đất D22 Khu đô thị mới Cầu Giấy	TSC	2,10		2,10	Quận Cầu Giấy	2021
326	Xây dựng trụ sở tuân tra đăng ký tạm trú tại phố Trần Quốc Hoàn	TSC	0,01		0,01	Quận Cầu Giấy	2023-2025
327	Xây dựng trụ sở tuân tra đăng ký tạm trú ngõ 87 đường Nguyễn Phong Sắc	TSC	0,00		0,00	Quận Cầu Giấy	2023-2025
328	Xây dựng Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND phường Yên Hòa	TSC	0,18		0,18	Quận Cầu Giấy	2023-2025
329	Đất trụ sở cơ quan, viện nghiên cứu, trường đào tạo	TSC	3,48		3,48	Quận Cầu Giấy	2023-2025
330	Dự án Giải phóng mặt bằng khu đất tại 138 ngõ Văn Chương và xây dựng trụ sở Đảng ủy. HĐND & UBND phường Văn Chương	TSC	0,12	0,12		Quận Đống Đa	2021
331	Xây dựng Trụ sở Đảng ủy, HDND - UBND phường Láng Thượng	TSC	0,08		0,08	Quận Đống Đa	2021
332	Dự án Cải tạo, mở rộng tại sở Cục thuế TP Hà Nội	TSC	0,31	0,31		Quận Đống Đa	2021
333	Trụ sở kho bạc nhà nước (mở rộng)	TSC	0,11		0,11	Quận Đống Đa	2021
334	Trụ sở làm việc ban chỉ huy quân sự phường Quang Trung	TSC	0,03		0,03	Quận Hà Đông	2021-2025
335	Xây dựng trụ sở tòa án nhân dân Hà Đông	TSC	0,58		0,58	Quận Hà Đông	2021-2025
336	Khu liên cơ quan Vân Hồ	TSC	0,74	0,74	0,01	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
337	Trụ sở UBND phường Lê Đại Hành	TSC	0,02		0,02	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
338	Trụ sở UBND phường Minh Khai	TSC	0,04		0,04	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
339	Trụ sở Đảng ủy - HĐND và các đoàn thể	TSC	0,01		0,01	Quận Hai Bà Trưng	2021-2025
340	Khu liên cơ quan Vân Hồ	TSC	0,74	0,74	0,01	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
341	Trụ sở UBND phường Lê Đại Hành	TSC	0,02		0,02	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
342	Trụ sở UBND phường Minh Khai	TSC	0,04		0,04	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
343	Trụ sở Đảng ủy - HĐND và các đoàn thể	TSC	0,01		0,01	Quận Hai Bà Trưng	2021-2025
344	Xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân quận	TSC	0,03	0,03		Quận Hoàn Kiếm	2021-2025
345	Xây dựng trụ sở cơ quan Thành ủy Hà Nội	TSC	0,52		0,52	Quận Hoàn Kiếm	2021
346	Xây dựng trụ sở Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm	TSC	0,01		0,01	Quận Hoàn Kiếm	2021-2025
347	Trùng tu, tôn tạo trụ sở Tòa án nhân dân tối cao số 48-48A Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội (GĐ2)	TSC	0,97		0,97	Quận Hoàn Kiếm	2022
348	Dự án xây dựng trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm	TSC	0,01		0,01	Quận Hoàn Kiếm	2022

349	Xây dựng trụ sở Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm	TSC	0,01		0,01	Quận Hoàn Kiếm	2022
350	Xây dựng trụ sở dân quân thường trực kết hợp nhà sinh hoạt cộng đồng khu dân cư tại địa điểm 20/823 Hồng Hà, Chương Dương	TSC	0,01	0,01		Quận Hoàn Kiếm	2022
351	Trùng tu, tôn tạo trụ sở làm việc Tòa án nhân dân tối cao số 48-48A Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội (GD2)	TSC	0,97	0,97		Quận Hoàn Kiếm	2021
352	Xây dựng trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND phường Cửa	TSC	0,02		0,02	Quận Hoàn Kiếm	2021
353	Xây dựng trụ sở Đảng ủy phường Hàng Trống	TSC	0,00		0,00	Quận Hoàn Kiếm	2021-2025
354	Hoán đổi địa điểm xây dựng trụ sở phường Hàng Trống	TSC	0,01		0,01	Quận Hoàn Kiếm	2021-2025
355	Dự án xây dựng trụ sở Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội và cụm kho vật chứng THADS thành phố Hà Nội và chi cục THADS quận Cầu Giấy	TSC	0,80		0,80	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
356	Xây dựng trụ sở UBND phường Phú Đô	TSC	0,62		0,62	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
357	XD trụ sở các bộ, ban ngành tại thủ đô Hà Nội	TSC	55,00		55,00	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
358	Trung tâm giao dịch công nghệ thường xuyên Hà Nội - Khu liên cơ Võ Chí Công	TSC	0,73		0,73	Quận Tây Hồ	2021-2025
359	Xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân sự phường Nhật Tân	TSC	0,00		0,00	Quận Tây Hồ	2022
360	XD trụ sở BCHQS các phường	TSC	0,40		0,40	Quận Tây Hồ	2021-2025
361	Cải tạo, nâng cấp trụ sở UBND phường Thụy Khuê	TSC	0,30		0,30	Quận Tây Hồ	2021-2025
362	Trụ sở Ban CHQS xã Xuân Sơn	TSC	0,10		0,10	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
363	Trụ sở Ban CHQS xã Thanh Mỹ	TSC	0,04	0,04		Thị xã Sơn Tây	2023-2025
364	Trụ sở Ban CHQS xã Kim Sơn	TSC	0,05	0,05		Thị xã Sơn Tây	2023-2025
365	Trụ sở Ban CHQS xã Sơn Đông	TSC	0,20		0,20	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
366	Trụ sở Ban CHQS xã Cổ Đông	TSC	0,07		0,07	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
367	Trụ sở Ban CHQS phường Phú Thịnh	TSC	0,20		0,20	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
368	Trụ sở Ban CHQS phường Quang Trung	TSC	0,03		0,03	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
369	Trụ sở Ban CHQS phường Xuân Khanh	TSC	0,06	0,06		Thị xã Sơn Tây	2023-2025
370	Trụ sở Ban CHQS phường Viên Sơn	TSC	0,20		0,20	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
371	Trụ sở Ban CHQS phường Trung Hưng	TSC	0,20		0,20	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
372	Trụ sở Ban CHQS xã Đường Lâm	TSC	0,20		0,20	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
373	Xây trụ sở quân sự phường tại nhà văn hóa tổ 1 cũ, phường Ngõ Quyền	TSC	0,01		0,01	Thị xã Sơn Tây	2023-2025

374	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND xã Đường Lâm	TSC	1,26		1,26	Thị xã Sơn Tây	2022
375	Mở rộng UBND xã Cổ Đông	TSC	0,07		0,07	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
376	Đất xây dựng trụ sở một số cơ quan của Thị xã	TSC	0,70		0,70	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
377	Xây dựng trụ sở thanh tra giao thông , phường Quang Trung	TSC	0,34		0,34	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
378	Mở rộng trụ sở UBND phường Viên Sơn	TSC	0,10		0,10	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
379	Mở rộng UBND phường Trung Hưng	TSC	0,30		0,30	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
380	Trụ sở văn phòng đăng ký đất đai, tại phường Trung Hưng	TSC	0,30		0,30	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
381	Xây dựng trụ sở UBND phường Xuân Khanh	TSC	0,70		0,70	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
382	Xây dựng trụ sở UBND phường Trung Sơn Trầm	TSC	0,33		0,33	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
383	Xây dựng hội trường UBND phường Lê Lợi tại trường mầm non Hòa My cơ sở 2	TSC	0,08		0,08	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
384	Trung tâm hành chính Thị xã Sơn Tây	TSC	30,00		30,00	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
B.26	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS					
1	Hợp tác xã nông nghiệp	DTS	0,05		0,05	Huyện Ba Vì	2021
2	Hợp tác xã nông nghiệp	DTS	0,03		0,03	Huyện Ba Vì	2021
3	Hợp tác xã nông nghiệp (2 điểm)	DTS	0,08		0,08	Huyện Ba Vì	2021
4	Hợp tác xã	DTS	0,05		0,05	Huyện Ba Vì	2021
5	Hợp tác xã nông nghiệp	DTS	0,02		0,02	Huyện Ba Vì	2021
6	Hợp tác xã nông nghiệp (3 điểm)	DTS	0,15		0,15	Huyện Ba Vì	2021
7	Trung tâm Công nghệ sinh học và Công nghệ thực phẩm	DTS	2,80		2,80	Huyện Đông Anh	2021-2025
8	Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới đường bộ Hamatra ST	DTS	0,82	0,82		Huyện Mê Linh	2022
9	Xây dựng trụ sở Ban QLDA đầu tư xây dựng và Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Mê Linh	DTS	0,20		0,20	Huyện Mê Linh	2022-2025
10	Nhà khách UBND huyện	DTS	0,36	0,36		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
11	Dự án xây dựng mới kho bạc nhà nước huyện Phú Xuyên	DTS	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2022
12	Dự án xây dựng quỹ tín dụng nhân TT Phú Xuyên	DTS	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2022
13	Trung tâm nuôi dưỡng trẻ khuyết tật Hoàng Nguyên	DTS	0,15		0,15	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
14	Xây mới trụ sở Thi hành án huyện Phú Xuyên	DTS	0,30		0,30	Huyện Phú Xuyên	2023
15	Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên	DTS	0,15		0,15	Huyện Phú Xuyên	2023
16	Dự án đầu tư XD Trụ sở Bảo hiểm xã hội huyện Sóc Sơn	DTS	0,18		0,18	Huyện Sóc Sơn	2022
17	Dự án xây dựng trụ sở làm việc Kho bạc Nhà nước Sóc Sơn	DTS	0,21		0,21	Huyện Sóc Sơn	2022
18	Quỹ tín dụng xã Chàng Sơn	DTS	0,05		0,05	Huyện Thạch Thất	2021-2025

19	Trụ sở Báo Đời sống và Pháp luật	DTS	0,46	0,46		Huyện Thanh Trì	2022
20	Trụ sở Khuyến nông huyện	DTS	0,42		0,42	Huyện Thường Tín	2022-2025
21	Dự án đầu tư trụ sở cấp Đội của Quản lý thị trường Thành phố Hà Nội	DTS	0,29		0,29	Huyện Thường Tín	2022-2025
22	Dự án đầu tư trụ sở cấp Đội của Quản lý thị trường Thành phố Hà Nội	DTS	0,29		0,29	Huyện Thường Tín	2022
23	Ban chỉ huy quân sự các xã	DTS	1,20		1,20	Huyện Ứng Hòa	2023
24	Xây dựng trụ sở quỹ tín dụng nhân dân xã Trung Tú	DTS	0,03		0,03	Huyện Ứng Hòa	2023-2025
25	Trụ sở Hội và các hiệp hội	DTS	0,34		0,34	Quận Cầu Giấy	2023-2025
26	Xây dựng trụ sở Hội liên hiệp phụ nữ quận	DTS	0,02		0,02	Quận Hoàn Kiếm	2021-2025
27	Xây dựng trụ sở dân quân thường trực kết hợp nhà sinh hoạt cộng đồng khu dân cư phường Chương Dương	DTS	0,01		0,01	Quận Hoàn Kiếm	2021-2025
28	Xây dựng trụ sở Chi cục thuế quận Long Biên	DTS	0,36		0,36	Quận Long Biên	2022
29	Xây dựng cơ sở 2 đài phát thanh và truyền hình Hà Nội	DTS	8,20	5,14	3,06	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
30	Dự án Trung tâm sản xuất phim truyền hình	DTS	2,40		2,40	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
31	Kho lưu trữ bảo hiểm của trung ương Đảng	DTS	3,30	3,30		Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
32	Phần còn lại ô đất 7A Khu liên hợp thể thao quốc gia	DTS	1,70		1,70	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
33	Đầu tư xây dựng mới nhà khách UBND Thành phố	DTS	0,72		0,72	Quận Tây Hồ	2021-2025
34	Thành phố thông minh (hạng mục Tháp Tài chính hỗn hợp Đa Năng)	DTS	13,33		13,33	Huyện Đông Anh	2022-2025
B.27	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG					
1	Xây dựng Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Hà Nội	DNG	2,34		2,34	Quận Cầu Giấy	2021
B.28	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN					
1	Trùng tu, tôn tạo, chống xuống cấp Khu vực Miệng ốc và Miếu thờ Loa Khẩu (cạnh sông Hoàng Giang cổ - khu vực chợ Sa), xã Cổ Loa	TIN	0,07		0,07	Huyện Đông Anh	2021-2025
2	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Dục Tú, xã Dục Tú	TIN	0,34		0,34	Huyện Đông Anh	2021-2025
3	Tu bổ, tôn tạo di tích đền (nghe) Ngọc Lôi, xã Dục Tú	TIN	0,26		0,26	Huyện Đông Anh	2021-2025
4	Tu bổ, tôn tạo đình thôn Đình Tràng, xã Dục Tú	TIN	0,43		0,43	Huyện Đông Anh	2021-2025
5	Tu bổ, tôn tạo đình thôn Nghĩa Vũ, xã Dục Tú	TIN	0,10		0,10	Huyện Đông Anh	2021-2025
6	Tu bổ, tôn tạo đình Lê Xá	TIN	0,30		0,30	Huyện Đông Anh	2021-2025
7	Tu bổ, tôn tạo đình Lộc Hà	TIN	0,30		0,30	Huyện Đông Anh	2021-2025
8	Quy hoạch đền thờ TS Lê Tuấn Mậu	TIN	1,00		1,00	Huyện Đông Anh	2021-2025

9	Tu bổ, tôn tạo quận công Nguyễn Đăng Doanh, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm	TIN	0,04		0,04	Huyện Gia Lâm	2023-2025
10	Phục dựng đình thôn Do Hạ, xã Tiền Phong, huyện Mê Linh	TIN	0,27		0,27	Huyện Mê Linh	2022
11	Đình trung TDP Tế Tiêu	TIN	0,20	0,20		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
12	Đình hạ TDP Tế Tiêu	TIN	0,35	0,35		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
13	Đình Thượng TDP Văn Giang	TIN	0,33	0,33		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
14	Đình thôn Nông Khê	TIN	0,11	0,11		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
15	Đền Mẫu thôn An Đà	TIN	0,13	0,13		Huyện Mỹ Đức	2021
16	Mở rộng Đền Vua Đình	TIN	0,11	0,11		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
17	Mở rộng đền thôn Vải Mới	TIN	0,05	0,05		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
18	Đình Bè	TIN	0,05		0,05	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
19	Mở rộng đền thờ Tổ nghề Khảm	TIN	0,10		0,10	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
20	Đình thôn Nam Phú	TIN	0,06		0,06	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
21	Quy hoạch đình Gia phú	TIN	0,12		0,12	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
22	Xây dựng lại đình Phú Mỹ	TIN	0,20		0,20	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
23	Xây dựng đình Mỹ Lâm	TIN	0,50		0,50	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
24	Trùng tu, tôn tạo Đình Văn Khê, xã Nghĩa Hương	TIN	0,26	0,24	0,02	Huyện Quốc Oai	2021-2025
25	Dự án Tu bổ. tôn tạo di tích Đền Cát Triệu	TIN	0,06	0,05	0,01	Quận Ba Đình	2022
26	Tu bổ tôn tạo Đình An Trí	TIN	0,07		0,07	Quận Ba Đình	2022
27	Tu bổ. tôn tạo di tích Đình Xuân Biều	TIN	0,06		0,06	Quận Ba Đình	2021-2025
28	Tu bổ. tôn tạo di tích Chùa Châu Long	TIN	0,12	0,09	0,03	Quận Ba Đình	2021-2025
29	Tu bổ. tôn tạo di tích Đình Hữu Tiệp	TIN	0,04	0,02	0,02	Quận Ba Đình	2022
30	Tu bổ. tôn tạo di tích Đình Kim Mã Thượng	TIN	0,01		0,01	Quận Ba Đình	2021-2025
31	Tu bổ, tôn tạo nhà Tả Mạc, Hữu mạc đình Liên Ngạc, phường Đông Ngạc	TIN	0,01		0,01	Quận Bắc Từ Liêm	2022
32	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Mai Dịch	TIN	0,07		0,07	Quận Cầu Giấy	2021
33	Dự án đầu tư bồi thường hỗ trợ tái định cư theo quy hoạch (GPMB phục vụ đầu tư, tu bổ, tôn tạo đình Hà Vĩ)	TIN	0,08	0,02	0,05	Quận Hoàn Kiếm	2021
34	GPMB đình, đền, chùa Vũ Thạch	TIN	0,21		0,21	Quận Hoàn Kiếm	2021
35	GPMB đình Trung Yên	TIN	0,01		0,01	Quận Hoàn Kiếm	2021
36	GPMB đình Thanh Hà	TIN	0,04		0,04	Quận Hoàn Kiếm	2021
37	GPMB đền Hỏa Thân	TIN	0,05		0,05	Quận Hoàn Kiếm	2021
38	GPMB đền Phù Ủng	TIN	0,04		0,04	Quận Hoàn Kiếm	2021
39	Tu bổ, tôn tạo đền Sơn Hải	TIN	0,05		0,05	Quận Hoàn Kiếm	2021-2025
40	Tu bổ, tôn tạo đình Tiên Hạ	TIN	0,02		0,02	Quận Hoàn Kiếm	2021-2025
41	Tu bổ tôn tạo đình Trương Thị	TIN	0,09		0,09	Quận Hoàn Kiếm	2021-2025
42	Tu bổ, tôn tạo đình, đền Nghĩa Lập	TIN	0,04		0,04	Quận Hoàn Kiếm	2021-2025
43	GPMB Đình - Đền Thiên Tiên	TIN	0,02		0,02	Quận Hoàn Kiếm	2021-2025
44	Tu bổ, tôn tạo Đền Khánh Thụy	TIN	0,01		0,01	Quận Hoàn Kiếm	2021-2025

45	GPMB, tu bổ, tôn tạo di tích Đình Hoàng Mai	TIN	0,27	0,23	0,04	Quận Hoàng Mai	2022
46	Phục dựng Đình Tăng Phúc Thượng Cát phường Thượng Thanh, quận Long Biên, Hà Nội	TIN	0,50		0,50	Quận Long Biên	2021-2025
47	Tu bổ tôn tạo di tích đình Đại Mỗ	TIN	0,87	0,84	0,03	Quận Nam Từ Liêm	2021-2025
48	Tu bổ, tôn tạo Đền Cổ Lê	TIN	0,03		0,03	Quận Tây Hồ	2021
49	Tu bổ, tôn tạo Đền Cổ Lê	TIN	0,03	0,03	0,00	Quận Tây Hồ	2022
50	Dự án GPMB di chuyển hộ dân ra khỏi vùng bảo vệ di tích Đền Đồng Cổ (gđ2 của 9 hộ dân)	TIN	0,03		0,03	Quận Tây Hồ	2021-2025
51	Mở rộng đình Phú Nhi, phường Phú Thịnh	TIN	1,00		1,00	Thị xã Sơn Tây	2021-2025
52	Mở rộng đình Hồng Hậu	TIN	0,10		0,10	Thị xã Sơn Tây	2021-2025
53	Mở rộng, tu bổ tôn tạo Đình Phùng Hưng, xã Đường Lâm	TIN	1,10		1,10	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
54	Mở rộng khuôn viên đền thờ lãng Ngô Quyền	TIN	1,36		1,36	Thị xã Sơn Tây	2023
55	Mở rộng, tu bổ tôn tạo đình, đền Phùng Hưng	TIN	1,10		1,10	Thị xã Sơn Tây	2025
B.29	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON					
1	Dự án đầu tư Tiếp nước, cải tạo khôi phục sông Tích	SON	154,05		154,05	Huyện Ba Vì	2021
2	Tiếp nước cải tạo khôi phục sông Tích từ Lương Phú xã Thuần Mỹ, huyện Ba Vì (Tưới 16.000 ha, Khôi phục 27 km lòng sông Tích; mở đường giao thông 2 bên và nạo vét)	SON	64,68	26,66	38,02	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
3	Cải tạo, nâng cấp và phát huy hiệu quả sông Hang (đoạn từ Cầu Kim Sơn đến Cầu Quan và nâng cấp đập Vị Thủy)	SON	5,50		5,50	Thị xã Sơn Tây	2023
B.30	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC					
1	Cải tạo khuôn viên giếng thôn Cổ Ngõa, xã Phương Đình	MNC	0,01		0,01	Huyện Đan Phượng	2022
2	Cải tạo, chỉnh trang ao hồ tại thôn Chi Đông, thôn Cổ Giang, xã Lệ Chi, huyện Gia Lâm	MNC	3,25		3,25	Huyện Gia Lâm	2023-2025
3	Cải tạo, chỉnh trang ao Giếng và ao Đình thôn Hội, xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm	MNC	1,07		1,07	Huyện Gia Lâm	2023-2025
4	Cải tạo chỉnh trang, kè ao Mạch thôn Kim Âu và một số tuyến đường giao thông kết nối trên địa bàn xã Đặng Xá, huyện Gia Lâm	MNC	0,70		0,70	Huyện Gia Lâm	2023-2025
5	Hồ Khánh Hà 1, 2	MNC	2,20		2,20	Huyện Thường Tín	2022-2025
6	Hồ điều hòa phía Đông Bắc Vân Đình	MNC	9,70		9,70	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
7	Hồ điều hòa phía Đông Nam Vân Đình	MNC	5,90		5,90	Huyện Ứng Hòa	2022-2025

8	Hồ điều hòa phía Tây Nam Vân Đình	MNC	16,50		16,50	Huyện Ứng Hòa	2022-2025
9	Dự án cải tạo nâng cấp hồ Chùa chợ, tổ dân phố 7, phường Đồng Mai	MNC	0,25	0,23	0,02	Quận Hà Đông	2021
10	Xây dựng hồ quy hoạch tại ô quy hoạch C.12/CXKO phường Việt Hưng (hồ con ngựa)	MNC	12,00		12,00	Quận Long Biên	2022-2025
11	Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật tuyến mương và bãi đỗ xe tại ô quy hoạch C.11/P5, phường Việt Hưng, quận Long Biên	MNC	1,15		1,15	Quận Long Biên	2022
12	Đầu tư cải tạo môi trường Hồ Đầu Bông theo phương thức xã hội hóa	MNC	5,00		5,00	Quận Long Biên	2022
13	Dự án cải tạo và xây dựng hệ thống cống nối thông hồ Vực, hồ Đầu Bông và hồ Tư Đình theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển Giao	MNC	3,10		3,10	Quận Long Biên	2022
B.31	Đất phi nông nghiệp khác	PNK					
1	Xây dựng vườn hoa, sân chơi trên địa bàn xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm	PNK	0,27		0,27	Huyện Gia Lâm	2023-2025
B.32	Đất công trình công cộng khác	DCK					
1	Vườn hoa cây xanh (A11; K7-1, PK H2-2)	DCK	0,74		0,74	Quận Cầu Giấy	2021
2	Làm thảm cỏ cây xanh tạo cảnh quan cho BV quốc tế Hoa Kỳ	DCK	0,24		0,24	Quận Cầu Giấy	2023-2025
3	Đất cây xanh khu đô thị	DCK	0,27		0,27	Quận Cầu Giấy	2023-2025
4	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ mục đích công cộng tại các điểm đất không đủ điều kiện về mặt bằng xây dựng sau GPMB dự án xây dựng tuyến đường vành đai II (phần dưới đất) đoạn từ cầu Mai Động đến Ngã Tư Vọng	DCK	0,05		0,05	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
5	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ mục đích công cộng tại các điểm đất không đủ điều kiện về mặt bằng xây dựng sau GPMB dự án xây dựng tuyến đường vành đai II (phần dưới đất) đoạn từ cầu Mai Động đến Ngã Tư Vọng	DCK	0,05		0,05	Quận Hai Bà Trưng	2021-2022
6	Dự án GPMB và xây dựng tường rào chống lấn chiếm tại điểm đất đường Nguyễn Văn Huyền kéo dài trên địa bàn phường Xuân La	DCK	1,20		1,20	Quận Tây Hồ	2022
B.33	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC					
1	Giao đất nông nghiệp cho 06 hộ gia đình hoàn thành trả nợ sản phẩm tại xã Tiên Phong	LUC	0,50	0,50		Huyện Mê Linh	2022

2	Công nhận QSD đất, cấp GCNQSD đất nông nghiệp bổ sung cho 6.483 khẩu theo ND 64/CP và cho các trường hợp là học sinh, sinh viên sinh từ 02/10/1992 đến 15/10/1993 chưa được giao theo ND 64/CP	LUC	30,14		30,14	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
3	Đấu giá cho thuê đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích. (Phương Trung 6,59 ha; Mỹ Hưng 3,45 ha; Đỗ Động 4,83 ha; Liên Châu 1,5 ha; Tân Ước 6,55 ha; Hồng Dương 33,02 ha)	LUC	55,94	55,94		Huyện Thanh Oai	2023
4	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi tại xã Thư Phú	LUC	1,00	1,00		Huyện Thường Tín	2021
B.34	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK					
1	Đấu giá quỹ đất công ích, đất bãi bồi ven sông	HNK	200,00		200,00	Huyện Đan Phượng	2022
2	Khu vườn ươm, sinh vật cảnh và cửa hàng giới thiệu sản phẩm nông nghiệp	HNK	1,16		1,16	Huyện Đông Anh	2021
3	Diện tích trồng cây xanh, làm vườn ươm	HNK	1,05		1,05	Huyện Đông Anh	2021-2025
4	Công nhận QSD đất, cấp GCNQSD đất nông nghiệp cho các trường hợp được UBND thị trấn Phú Xuyên giao bổ sung trong quá trình thực hiện công tác dồn điền, đổi thửa năm 2012-2013	HNK	3,22		3,22	Huyện Phú Xuyên	2021-2025
5	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	207,50	#####		Huyện Sóc Sơn	2021-2025
6	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi tại xã Văn Bình	HNK	2,94	2,94		Huyện Thường Tín	2022
7	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi tại xã Tân Minh	HNK	4,50	4,50		Huyện Thường Tín	2022
8	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi tại xã Quất Động	HNK	3,00	3,00		Huyện Thường Tín	2022
9	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi tại xã Vân Tảo	HNK	88,00	88,00		Huyện Thường Tín	2022
10	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi tại xã Hồng Vân	HNK	1,15	1,15		Huyện Thường Tín	2022
11	Chuyển đổi đất lúa sang trồng rau sạch (Đồng Vừng, Đồng Sơn, Đồng Vều)	HNK	11,30		11,30	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
12	Chuyển từ đất 1 lúa 1 màu sang chuyên sản xuất rau an toàn, tổ dân phố 8	HNK	1,90		1,90	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
B.35	Đất trồng cây lâu năm	CLN					
1	Chuyển sang đất cây lâu năm	CLN	193,23	#####		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	346,50	#####		Huyện Sóc Sơn	2021-2025
3	Chuyển rừng trồng sản xuất sang trồng cây ăn quả khu Đồi Thuyền	CLN	1,50	1,50		Thị xã Sơn Tây	2023-2025
4	Chuyển rừng trồng sản xuất sang trồng cây ăn quả khu Đồi Tròn	CLN	2,30	2,30		Thị xã Sơn Tây	2023-2025

5	Chuyển rừng trồng sản xuất sang trồng cây ăn quả khu Đồi Nứa	CLN	2,00	2,00		Thị xã Sơn Tây	2023-2025
6	Chuyển rừng trồng sản xuất sang trồng cây ăn quả khu Đồi Cỗ	CLN	3,00	3,00		Thị xã Sơn Tây	2023-2025
7	Chuyển từ đất lâm nghiệp sang trồng cây ăn quả tại khu đồi Búi Sơn, Vai Đá	CLN	5,50		5,50	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
8	Quy hoạch đất 1 lúa sang đất trồng cây lâu năm	CLN	5,00		5,00	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
9	Chuyển đất trồng cây hàng năm kém hiệu quả sang trồng cây ăn quả khu Đồng Sắt	CLN	5,00		5,00	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
10	Chuyển đất trồng cây hàng năm kém hiệu quả sang trồng cây ăn quả khu Gót Dâu	CLN	3,00		3,00	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
11	Chuyển đất trồng cây hàng năm kém hiệu quả sang trồng cây ăn quả khu Đồng Rác	CLN	3,00		3,00	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
12	Chuyển đất trồng cây hàng năm kém hiệu quả sang trồng cây ăn quả khu Chỉ Đen, Chùa Đào, Sắc Khóm,	CLN	8,00		8,00	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
13	Chuyển đất trồng cây hàng năm kém hiệu quả sang trồng cây ăn quả	CLN	1,35		1,35	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
14	Chuyển đất trồng cây hàng năm kém hiệu quả sang trồng cây ăn quả khu Đen Đét	CLN	2,00		2,00	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
15	Chuyển đổi đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây ăn quả	CLN	3,00		3,00	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
16	Chuyển đổi đất trồng cây hàng năm kém hiệu quả sang trồng cây ăn quả	CLN	7,00		7,00	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
17	Chuyển đất cây hàng năm kém hiệu quả sang trồng cây ăn quả, xã Thanh Mỹ	CLN	35,00		35,00	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
18	Chuyển từ đất rừng sản xuất khu Đồi Ai sang trồng cây ăn quả	CLN	2,67		2,67	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
19	Chuyển từ đất rừng sản xuất khu Chùa Cao sang trồng cây ăn quả	CLN	3,20		3,20	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
20	Chuyển từ đất rừng sản xuất khu Đồi Lưn sang trồng cây ăn quả	CLN	2,50		2,50	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
21	Chuyển từ đất rừng sản xuất khu Mả Đá sang trồng cây ăn quả	CLN	2,00		2,00	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
22	Chuyển từ đất rừng sản xuất khu Đồi Chóng sang trồng cây ăn quả	CLN	5,14		5,14	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
23	Chuyển từ đất rừng sản xuất khu Đồi Đu Đu sang trồng cây ăn quả	CLN	1,10		1,10	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
24	Chuyển từ đất rừng sản xuất khu Lò Gạch sang trồng cây ăn quả	CLN	0,30		0,30	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
25	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, cây cảnh tại khu Đồi Bái, gò Lốc, phường Trung Sơn Trầm	CLN	7,87		7,87	Thị xã Sơn Tây	2023-2025

26	Chuyển đổi khu Lâm Lang, Cây Tỏi sang phát triển cây cảnh, cây cảnh giống, phường Trung Sơn Trầm	CLN	21,97	21,97		Thị xã Sơn Tây	2023-2025
27	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi khu Gò Mạ, Đồng Chương, phường Trung Sơn Trầm	CLN	1,35		1,35	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
28	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi Đồi Mít, phường Trung Sơn Trầm	CLN	1,99		1,99	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
29	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi Đồng Gừa trên, phường Trung Sơn Trầm	CLN	5,51		5,51	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
B.36	Đất rừng sản xuất	RSX					
1	Chuyển đất của mỏ đá (hết hợp đồng vào 2014) sang đất trồng rừng sản xuất	RSX	76,17	76,17		Huyện Quốc Oai	2021-2025
B.37	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS					
1	Chuyển đổi sang NTTS	NTS	66,28	66,28		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
2	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	170,20	#####		Huyện Sóc Sơn	2021-2025
3	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi tại xã Tô Hiệu	NTS	17,00	17,00		Huyện Thường Tín	2022
B.38	Đất nông nghiệp khác	NKH					
1	Đất sản xuất nông nghiệp CNC	NKH	314,56	#####		Huyện Mỹ Đức	2022
2	Khu chăn nuôi tập trung	NKH	14,25	14,25		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
3	Khu chăn nuôi tập trung	NKH	9,80	9,80		Huyện Mỹ Đức	2021-2025
4	Khu chăn nuôi tập trung (04 khu)	NKH	5,00	5,00		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
5	Quy hoạch VAC, trồng sen	NKH	12,00	12,00		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
6	Quy hoạch VAC khu Chuông Giành	NKH	0,82	0,82		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
7	Khu chăn nuôi tập trung (02 khu)	NKH	10,36	10,36		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
8	Khu chăn nuôi tập trung	NKH	12,00	12,00		Huyện Mỹ Đức	2021-2025
9	QH Khu chăn nuôi tập trung	NKH	7,63	7,63		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
10	QH Khu chăn nuôi tập trung	NKH	1,90	1,90		Huyện Mỹ Đức	2021-2025
11	QH Khu chăn nuôi tập trung (05 khu)	NKH	52,79	52,79		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
12	QH Khu chăn nuôi tập trung (05 khu)	NKH	32,30	32,30		Huyện Mỹ Đức	2022-2025
13	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	NKH	201,00		201,00	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
14	Chăn nuôi tập trung xứ đồng Dộc Trai	NKH	2,52		2,52	Huyện Phúc Thọ	2023-2025
15	Mô hình trang trại tổng hợp	NKH	1,67	1,67		Huyện Thanh Oai	2021-2022
16	Dự án nông nghiệp công nghệ cao (trang trại chăn nuôi gia cầm liên kết theo chuỗi)	NKH	25,43	25,43		Huyện Thường Tín	2022
17	Chuyển mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước sang đất nông nghiệp khác	NKH	2,00		2,00	Huyện Ứng Hòa	2023-2025
18	Khu chăn nuôi tập trung tại xã Thanh Mỹ	NKH	3,00		3,00	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
19	Khu chăn nuôi tập trung tại xã Kim Sơn	NKH	3,60		3,60	Thị xã Sơn Tây	2023-2025

20	Xây dựng trạm giống vật nuôi Sơn Tây	NKH	1,87		1,87	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
21	Khu chuyển đổi giống cây trồng vật nuôi	NKH	2,02		2,02	Thị xã Sơn Tây	2023-2025
B.39	Các dự án khác xác định	NNP					
1	Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch phục vụ đấu giá quyền thuê đất để sản xuất nông nghiệp tại khu Đồng Bã, xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm	NNP	6,75	6,75		Huyện Gia Lâm	2022
2	Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch phục vụ đấu giá quyền thuê đất để sản xuất nông nghiệp tại khu Chăn Nuôi, xã Kim Lan, huyện Gia Lâm	NNP	2,15	2,15		Huyện Gia Lâm	2022
3	Đấu giá quyền thuê đất để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp trên địa bàn 22 xã, thị trấn	NNP	220,00	#####		Huyện Gia Lâm	2022
4	Đấu giá cho thuê quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích	NNP	100,00		100,00	Huyện Hoài Đức	2022
5	Đấu giá quyền thuê đất để sản xuất nông nghiệp theo Quyết định số 27/2020/QĐ - UBND ngày 18/11/2020 của UBND thành phố Hà Nội	NNP	44,54	44,54		Huyện Mê Linh	2022
6	Cho hộ gia đình, cá nhân thuê đất nông nghiệp công ích, đất nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền của UBND huyện, UBND xã (đã bao gồm phần diện tích năm 2021 chuyển sang)	NNP	0,92	0,92		Huyện Sóc Sơn	2022
7	Cho các hộ gia đình, cá nhân thuê đất nông nghiệp công ích. nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền của UBND huyện, UBND xã	NNP	59,33	59,33		Huyện Sóc Sơn	2022
8	Đất xây dựng đô thị trung tâm huyện	KDT	#####	#####	397,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
9	Điểm du lịch sinh thái tại bãi ven sông Hồng, xã Hồng Vân	KDL	50,00		50,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
10	Điểm du lịch sinh thái ven sông Hồng, xã Ninh Sở	KDL	50,00		50,00	Huyện Thường Tín	2022-2025
11	Xây dựng HTKT và dải cây xanh cách ly giữa trường THPT Thường Tín với hệ thống đường giao thông huyện Thường Tín	DHT	0,50		0,50	Huyện Thường Tín	2021
12	Chỉnh trang đường dạo phía Bắc kênh T4 (đoạn từ đường Nguyễn Toàn đến đường Nguyễn Vĩnh Tích) huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	DHT	0,31		0,31	Huyện Thường Tín	2022

13	Cho thuê đất nông nghiệp do UBND các xã thị trấn quản lý và sử dụng (đất công ích) trên địa bàn huyện Ứng Hòa	NNP	20,00	20,00		Huyện Ứng Hòa	2022-2025
14	Đấu giá quyền sử dụng đất nông nghiệp công ích, đất bãi bồi, đất công khác để sử dụng vào mục đích nông nghiệp tại 9 phường trên địa bàn quận Long Biên	NNP	200,00		200,00	Quận Long Biên	2022
15	Xây dựng HTKT xung quanh Hồ Tây	DHT	25,49		25,49	Quận Tây Hồ	2021
16	Đấu giá quyền thuê đất sản xuất nông nghiệp	NNP	21,67		21,67	Quận Tây Hồ	2022
17	Dự án đấu giá cho thuê đất sản xuất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích do UBND phường quản lý	NNP	7,25		7,25	Quận Tây Hồ	2021-2025
18	Đấu giá cho thuê đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, thuộc quỹ đất nông nghiệp công ích UBND phường Nhật Tân quản lý	NNP	1,07		1,07	Quận Tây Hồ	2021-2025
19	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi trên địa bàn xã Cổ Đông	NNP	6,05	6,05		Thị xã Sơn Tây	2023-2025
20	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi trên địa bàn xã Thanh Mỹ	NNP	2,79	2,79		Thị xã Sơn Tây	2023-2025
21	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi xã Xuân Sơn	NNP	3,00	3,00		Thị xã Sơn Tây	2023-2025
22	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi phường Phú Thịnh	NNP	10,00	10,00		Thị xã Sơn Tây	2023-2025
23	Xây dựng vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao tại thị xã Sơn Tây	NNP	840,00	#####		Thị xã Sơn Tây	2023-2025
24	Đấu giá quyền thuê đất để sản xuất nông nghiệp xã Thanh Mỹ	NNP	25,00	25,00		Thị xã Sơn Tây	2023-2025
25	Đấu giá quyền thuê đất để sản xuất nông nghiệp xã Cổ Đông	NNP	15,00	15,00		Thị xã Sơn Tây	2023-2025
26	Đấu giá quyền thuê đất để sản xuất nông nghiệp xã Kim Sơn	NNP	16,20	16,20		Thị xã Sơn Tây	2023-2025
27	Đấu giá quyền thuê đất để sản xuất nông nghiệp Phường Xuân Khanh	NNP	4,50	4,50		Thị xã Sơn Tây	2023-2025
28	Đấu giá quyền thuê đất để sản xuất nông nghiệp xã Sơn Đông	NNP	10,00	10,00		Thị xã Sơn Tây	2023-2025
29	Đấu giá quyền thuê đất để sản xuất nông nghiệp xã Đường Lâm	NNP	10,00	10,00		Thị xã Sơn Tây	2023-2025
30	Đấu giá quyền thuê đất để sản xuất nông nghiệp phường Trung Sơn Trầm	NNP	13,70	13,70		Thị xã Sơn Tây	2023-2025
31	Đấu giá quyền thuê đất để sản xuất nông nghiệp xã Xuân Sơn	NNP	11,00	11,00		Thị xã Sơn Tây	2023-2025
2	Các công trình, dự án khác						

2.1	Nhu cầu phát sinh cho đất quốc phòng (119 dự án)	CQP	1.825,1	597,9	1.227,1	Hà Nội	2021-2025
2.2	Nhu cầu phát sinh cho đất an ninh (70 dự án)	CAN	33,77	1,99	31,78	Hà Nội	2021-2025
2.3	Nhu cầu phát sinh cho đất khu công nghiệp (2 dự án)	SKK	410,00		410,00	Hà Nội	2021-2025
2.4	Nhu cầu phát sinh cho đất cụm công nghiệp (29 dự án)	SKN	909,59		909,59	Hà Nội	2021-2025
2.5	Nhu cầu phát sinh cho đất thương mại, dịch vụ (445 dự án)	TMD	4.148	1.073	3.075	Hà Nội	2021-2025
2.6	Nhu cầu phát sinh cho đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (113 dự án)	SKC	422,28	53,18	369,10	Hà Nội	2021-2025
2.7	Nhu cầu phát sinh cho đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản (7 dự án)	SKS	282,86		282,86	Hà Nội	2021-2025
2.8	Nhu cầu phát sinh cho đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm (69 dự án)	SKX	142,39	55,83	86,56	Hà Nội	2021-2025
2.9	Nhu cầu phát sinh cho đất giao thông (1038 dự án)	DGT	5.379,6	664,7	4.714,9	Hà Nội	2021-2025
2.10	Nhu cầu phát sinh cho đất thủy lợi (99 dự án)	DTL	429,58	#####	312,05	Hà Nội	2021-2025
2.11	Nhu cầu phát sinh cho đất cơ sở văn hóa (363 dự án)	DVH	640,39	43,32	597,07	Hà Nội	2021-2025
2.12	Nhu cầu phát sinh cho đất cơ sở y tế (95 dự án)	DYT	265,53	12,69	252,84	Hà Nội	2021-2025
2.13	Nhu cầu phát sinh cho đất cơ sở giáo dục - đào tạo (517 dự án)	DGD	1.407,1	124,7	1.282,3	Hà Nội	2021-2025
2.14	Nhu cầu phát sinh cho đất cơ sở thể dục - thể thao (294 dự án)	DTT	856,91	16,96	839,95	Hà Nội	2021-2025
2.15	Nhu cầu phát sinh cho đất công trình năng lượng (97 dự án)	DNL	163,97	8,14	155,83	Hà Nội	2021-2025
2.16	Nhu cầu phát sinh cho đất công trình bưu chính viễn thông (44 dự án)	DBV	2,55	0,07	2,48	Hà Nội	2021-2025
2.17	Nhu cầu phát sinh cho đất cơ sở tôn giáo (58 dự án)	TON	36,01	6,94	29,07	Hà Nội	2021-2025
2.18	Nhu cầu phát sinh cho đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng (102 dự án)	NTD	218,35	38,00	180,35	Hà Nội	2021-2025
2.19	Nhu cầu phát sinh cho đất có di tích lịch sử - văn hóa (26 dự án)	DDT	27,94	9,70	18,24	Hà Nội	2021-2025
2.20	Nhu cầu phát sinh cho đất bãi thải, xử lý chất thải (137 dự án)	DRA	63,33	9,17	54,16	Hà Nội	2021-2025
2.21	Nhu cầu phát sinh cho đất cơ sở nghiên cứu khoa học (1 dự án)	DKH	4,37		4,37	Hà Nội	2021-2025
2.22	Nhu cầu phát sinh cho đất cơ sở dịch vụ về xã hội (4 dự án)	DXH	46,62		46,62	Hà Nội	2021-2025
2.23	Nhu cầu phát sinh cho đất chợ (116 dự án)	DCH	170,44	3,06	167,38	Hà Nội	2021-2025
2.24	Nhu cầu phát sinh cho đất danh lam thắng cảnh (5 dự án)	DDL	9.192	9.192		Hà Nội	2021-2025

2.25	Nhu cầu phát sinh cho đất sinh hoạt cộng đồng (74 dự án)	DSH	7,04	0,51	6,53	Hà Nội	2021-2025
2.26	Nhu cầu phát sinh cho đất khu vui chơi, giải trí công cộng (187 dự án)	DKV	1.223,4	21,4	1.202,0	Hà Nội	2021-2025
2.27	Nhu cầu phát sinh cho đất ở tại nông thôn (958 dự án)	ONT	7.343	1.137	6.207	Hà Nội	2021-2025
2.28	Nhu cầu phát sinh cho đất ở tại đô thị (415 dự án)	ODT	8.403	180	8.223	Hà Nội	2021-2025
2.29	Nhu cầu phát sinh cho đất xây dựng trụ sở cơ quan (182 dự án)	TSC	118,33	11,34	106,99	Hà Nội	2021-2025
2.30	Nhu cầu phát sinh cho đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp (27 dự án)	DTS	19,71	0,65	19,06	Hà Nội	2021-2025
2.31	Nhu cầu phát sinh cho đất cơ sở tín ngưỡng (49 dự án)	TIN	21,10	3,88	17,22	Hà Nội	2021-2025
2.32	Nhu cầu phát sinh cho đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối (1 dự án)	SON	37,53		37,53	Hà Nội	2021-2025
2.33	Nhu cầu phát sinh cho đất có mặt nước chuyên dùng (9 dự án)	MNC	117,67	3,77	113,90	Hà Nội	2021-2025
2.34	Nhu cầu phát sinh cho đất phi nông nghiệp khác (2 dự án)	PNK	342,0	340,0	2,0	Hà Nội	2021-2025
2.35	Trong đó: Nhu cầu phát sinh cho đất chuyên trồng lúa nước (1 dự án)	LUC	0,37		0,37	Hà Nội	2021-2025
2.36	Nhu cầu phát sinh cho đất trồng cây hàng năm khác (28 dự án)	HNK	787,6	120,3	667,4	Hà Nội	2021-2025
2.37	Nhu cầu phát sinh cho đất trồng cây lâu năm (47 dự án)	CLN	1.309,5	3,2	1.306,3	Hà Nội	2021-2025